

NGUYỄN MINH CHÂU

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRUYỆN NGẮN

.....

NGUYỄN MINH CHÂU



NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

62 Nguyễn Chí Thanh

Tel & Fax: (04) 7733041

Email: sach32bt@hn.vnn.vn

Website: www.nhasachdongtay.com.vn

NGUYỄN MINH CHÂU

**TRUYỆN
NGẮN**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NGUỒN SUỐI

Trưa ngày ba mươi tháng chạp, ba người chúng tôi mới lên gần tới vùng bản Pa-khen, một bản ở ngay sát biên giới.

Chúng tôi đi theo hàng dọc. Tôi và đồng chí chiến sĩ liên lạc tên là Vang đi sau. Huyện đội trưởng Ngạn vác khẩu súng Mèo trên vai, đi trước, anh đội chiếc mũ vải có lưỡi trai cứng, kiểu mũ của chiến sĩ Pa-thét Lào. Suốt dọc đường, Ngạn kể cho chúng tôi nghe những ngày đầu kháng chiến anh hoạt động du kích trên đất Pa-khen.

Chúng tôi chưa tới Pa-khen mà núi đã cao lắm. Mới quá trưa mà sương sa trắng rừng núi. Ban ngày, nhiệt độ xuống dưới không. Ban đêm càng buốt. Nhiệt độ xuống rất thấp nhưng con suối bên đường vẫn cứ chảy rì rầm. Thật là lạ! Ban đêm chúng tôi ngủ lại giữa rừng, mức bát nước suối để trước mặt, chỉ mấy tiếng sau nước đã đóng băng. Thế mà nước dưới suối vẫn không đóng lại thành băng. Đêm nằm nghe cái tiếng nước suối chảy róc rách, thầm thì, nho nhỏ thôi nhưng tôi thấy con suối sao mà gan góc và đáng kiêu hãnh! Anh Ngạn giải thích cho tôi biết sở dĩ nước suối vẫn không chịu đông lại vì nó chảy trong lòng đất. Mà lòng đất ở đây bao giờ cũng ấm. Tôi nghe, tin ngay lời anh Ngạn và cảm thấy thêm yêu quý cái mảnh đất xa xôi nhất của Tổ quốc. Sáng ngày, chúng tôi lên đường, vẫn đi theo suối ngược theo hướng Tây Bắc. Sau một đêm chơi với thời tiết, con suối lại càng chảy mạnh hơn, tiếng reo to hơn, từ mặt

suối bốc lên một làn hơi giống như khói.

- Con suối này tên là gì, anh Ngạn nhỉ? - Tôi ngắt câu chuyện kháng chiến anh đang kể, hỏi.

- Nó không có tên.

Anh Ngạn xóc khẩu súng Mèo dài ngoẵng trên vai, nhắc lại rằng con suối này không có tên. Và, theo anh cho biết thêm, nó bắt nguồn từ bên Lào, rồi đổ vào dốc bản Pa-khen mà chúng tôi sắp đi đến, là nhánh suối chính sẽ hợp cùng các nhánh khác chảy ra sông Nậm Mộ. Nậm Mộ và Nậm Na là hai con sông từ rừng miền Tây đổ về gặp nhau ở ngã ba Cửa Rào, làm thành con sông Lam rất lớn chảy ra biển. Nghe anh Ngạn giới thiệu đến đây, tôi chợt mừng rỡ như vừa được giáp mặt một người thân. Con sông Lam thì tôi đã biết từ lâu! Tôi đã quen thuộc nhiều vùng hạ lưu con sông màu mỡ, có nhiều cảnh đẹp, và từng sinh ra bao nhiêu người anh hùng và nhà thơ nổi tiếng đã được chép vào sử sách.

Con sông lớn nào mà chả có nguồn suối nhỏ đầu tiên? Có lẽ, một phần vì cái ý nghĩ tò mò ấy mà tôi nghe anh Ngạn rủ, theo anh lên ăn Tết trên cái bản cao sát biên giới. Còn Ngạn, năm nào cũng thế, cứ đến giáp Tết anh lại tìm đường lên Pa-khen.

*

* *

Ngạn thuộc loại người quen với rừng. Lần đầu mới gặp anh ta khó làm quen ngay. Anh hơi lạnh lùng. Anh không thích bắt tay, càng không thích mời mọc, xã giao, cả với khách lạ. Những khách lạ tới huyện đội, hãy cứ đi theo anh xuống bản một chuyến, dù không ưa anh thì cũng phải nhận thấy ở cuộc đời anh có nhiều điều đáng tìm tòi để biết.

Ngạn đã ngoài bốn mươi, quê vùng xuôi, đâu tặn giáp biển,

nhưng từ ngày mới vào bộ đội, anh đã lăn lộn trên vùng rừng núi biên giới. Anh ở bộ đội gần hai mươi năm thì gần hai mươi năm lăn lộn trên mảnh đất này. Công tác của anh thôi thì đủ: đánh Pháp, đánh Phi, nắm dân, tìm đất... Chúng ta hãy giữ tấm bản đồ của nước Việt Nam ta. Trên địa giới miền Tây, một quãng có một cái chấm bằng hạt đất hơi lồi ra. Đó là mảnh rừng âm u có con suối mà ba chúng tôi đang đi giữa lòng nó. Chôn này, như đã nói, tôi mới đặt chân tới lần đầu. Đồng chí Vang, liên lạc của Ngạn, mới mười bảy tuổi, là người dân bản Pa-khen. Còn Ngạn? Khi Vang chưa đẻ thì Ngạn đã chiến đấu ở đây, anh và người ông ngoại của Vang là hai người đã có công đưa mảnh đất Pa-khen trở về bản đồ của Tổ quốc.

Năm 1945, chính quyền cách mạng huyện biên giới đã có, nhưng riêng đất Pa-khen, quân Pháp vẫn còn chiếm đóng. Bọn Pháp giữ đồn ải biên phòng rất xảo quyệt, đem Pa-khen nhập vào đất chúng chiếm giữ bên phía nước Lào. Tất cả mọi di tích, giấy tờ địa chính cũ, chúng đem huỷ hết. Khoảng đầu kháng chiến - 46, ở gần bản Pa-khen có một người chiến sĩ Vệ quốc đoàn của ta chiến đấu bị thương lạc đơn vị. Đang nằm gục trên phiến đá bên bờ suối, người chiến sĩ được một người con gái công về nhà. Chính người chiến sĩ ấy là Ngạn. Sau khi vết thương khỏi, Ngạn ở lại gây cơ sở kháng chiến đầu tiên trong bản, tổ chức các đoàn thể và tiểu tổ du kích bí mật. Sau gần nửa năm, vùng Pa-khen liên tiếp nổ ra những trận đánh phục kích, tập kích nhỏ, làm rung chuyển hệ thống đồn ải của quân Pháp và bọn thổ phi theo Pháp. Ngạn lãnh đạo đội du kích thoát ly ở ngoài rừng và lấy nhân dân bản Pa-khen làm chỗ dựa. Cơ sở vững chắc nhất của Ngạn vẫn là gia đình bố con người con gái đã cứu anh. Bố người con gái là một ông già Lào trung thực và bất khuất. Ông cụ từ bên Lào sang ở đất Pa-khen đã mấy chục năm, cũng đã chịu nhiều cảnh khổ dưới thời Pháp. Ông cụ hết sức cảm phục Ngạn, coi Ngạn như một con người tài trí và anh

hùng. Một đêm ba mươi tháng chạp rét buốt, ông cụ cho người con gái ra rừng mời Ngạn vào bản. Hai người ngồi trên giàn gác, trong buồng cô con gái. Trên mâm cỗ buổi tối cuối năm ấy có bày hai chiếc bánh chưng và những đĩa thịt nai nướng. Ông già rót rượu trong bầu ra mời Ngạn và chúc Tết anh. Ông cụ nói, giọng hoan hỉ:

- Đêm nay là đêm đầu năm của người Việt Nam, nhân ngày Tết tôi chúc anh đánh thắng Pháp chết nhiều hơn năm ngoái - Ông cụ dừng một lát rồi nói tiếp - Chắc anh bận nhiều việc kháng chiến nên không thể biết, con Y Khiêu, đứa con gái tôi, nó muốn làm vợ anh. Đây là tôi nói để anh biết, còn tùy ý anh.

Ngạn ngồi nghe lời ông cụ, mặt cứ nóng bừng, trong lòng dấy lên một niềm vui sướng tràn ngập và bối rối. Từ lâu, anh và Y Khiêu đã nói với nhau điều ấy. Và anh còn biết có một người con trai trong bản cũng yêu Y Khiêu, một người con trai đánh giặc và làm rẫy rất giỏi, là chiến sĩ trong trung đội du kích của anh. Ông già Lào hình như không quan tâm nhiều đến cái việc riêng tư ấy. Ông với tay lên nóc nhà lấy một ông tre, lôi từ trong cái ông tre đầy bồ hóng ra những tờ giấy bản viết bằng chữ nhỏ và chữ nôm, có tờ đóng dấu son và đã vàng úa. Đây là những giấy tờ mà theo cáo thị của đồn Pháp, nhà ai còn thu giấu sẽ bị đem xử bắn. Đây là tất cả bằng chứng xác thực chứng tỏ đất Pa-khen là đất Việt Nam. Ông già Lào trao tất cả cho Ngạn, với một lời dặn: "Mảnh đất này là đất Việt Nam. Anh là người chiến sĩ bộ đội Việt Nam, anh hãy giữ lấy".

Đêm ấy là đêm ba mươi tháng chạp năm 1947. Trong lúc hai người đang nói chuyện, bọn lính từ trên đồi do một tên phi người trong bản dẫn đường đã luồn rừng bí mật kéo xuống vây kín bản. Ông cụ bảo Ngạn chạy đi, Ngạn chạy thoát, còn ông cụ vẫn ngồi điềm nhiên uống rượu trong nhà, bị chúng bắn chết ngay tại chỗ.

Ba chúng tôi lội qua con suối nhỏ không tên, người bạn đường của chúng tôi trong suốt những ngày đi đường. Bản Pa-khen hiện ra, từ dưới nhìn lên như có ai đem phơi một tấm da bò giữa dốc rừng, trên đó xếp những hình nhà nhỏ nhỏ, xinh xắn như thứ đồ chơi.

Chúng tôi trèo lên cái dốc cuối cùng và vào nhà ông trưởng bản. Nhà ông Hùng, trưởng bản ở đầu dốc. Ngay trước sân, gần tàu ngựa, một cây đào nở hoa đỏ rực rỡ. Cuối sân là một ngôi nhà sàn lớn mới dựng, vết riu đèo trên những cây cột còn nguyên thớ gỗ mới.

- Vợ chồng ông Hùng mới làm cái nhà to quá nhỉ! - Ngạn vẫn vác khẩu súng trên vai, ngược mắt nhìn ngôi nhà, khen.

Ông Hùng đỡ lấy khẩu súng trên vai Ngạn, mời Ngạn và tôi lên nhà. Ông Hùng là đội viên du kích cũ, bây giờ làm trưởng bản, lại giữ chức xã đội trưởng. Trông ông Hùng cao lớn, hơi dữ tướng, nhưng thấy chúng tôi lên, ông cứ cuống quýt mừng rỡ đến là buồn cười. Ông hỏi thăm chúng tôi đi đường, rồi gọi vang cả sân:

- Y Khiêu, anh Ngạn lên rồi mà!

Từ trong nhà, một người đàn bà mặc váy đen xô ra. Người đàn bà ấy là Y Khiêu, vợ ông Hùng. Vừa thoát trông thấy Y Khiêu, tôi đã đoán ngay được cái dáng của thời con gái, cái thời mà Y Khiêu nuôi nấng, chăm nom vết thương cho Ngạn ở ngay trong nhà mình. Tuy đến nay Y Khiêu đã ngót bốn mươi nhưng dáng người còn gọn gàng; khuôn mặt đẹp hiền hậu và đôi con mắt ấy, làm sao gần hai chục năm Ngạn có thể quên được? Y Khiêu trông thấy Ngạn, bỗng kêu lên một tiếng nửa mừng rỡ nửa kinh ngạc. Chị chạy xuống, nếp váy đen cứ quăn lấy bậc cầu

thang. Nhưng khi bước xuống đến sân, chợt trông thấy Vang, chị không đi về phía Ngạn mà chạy đến với đứa con trai. Vang trở về nhà bất ngờ, khoác sau lưng khẩu tiểu liên đang đứng bên cạnh tàu ngựa.

Chúng tôi xuống suối rửa mặt rồi vào mâm cỗ. Bữa ăn rất thịnh soạn. Tết của đồng bào địa phương trên này đã qua hơn một tháng rồi, nhưng nhà ông Hùng vẫn còn thịt nai sấy, thịt gà, ngỗng và hai ba bầu rượu bày xung quanh mâm. Tôi biết tất cả các món ăn trong bữa tiệc chiều nay đã được Y Khiêu sửa soạn từ lâu rất chu tất, và qua câu chuyện, cũng biết chị đang ngong ngóng đợi chúng tôi chiều nay lên.

Bố con ông Hùng ăn khoẻ như hổ. Vang đang đói, cứ cầm cùi ăn. Mới mười bảy tuổi, Vang đã có tấm lưng to bè và rắn chắc như bố. Ông Hùng luôn miệng mời chúng tôi gấp thức ăn và uống rượu luôn miệng khoe tài nấu nướng của vợ: "Thịt nai đây, bà ấy giữ từ cũ Tết tháng trước, cứ bảo để chờ anh Ngạn lên!". Ông Hùng cười ồm ồm, khoe khoang cái tính rộng rãi và hiếu khách của vợ, giọng hết sức thoải mái và tự nhiên. Y Khiêu ngồi sau lưng chồng. Chị ngồi trên hai bắp chân thu về phía sau, dáng điệu khép nép, những nếp váy đen trùm đến mắt cá. Chị đang bóc bánh chưng. Chiếc bánh gói bằng một thứ lá dong rừng rất dài bản, trông khá vuông vức. Y Khiêu xắt chiếc bánh, gạt vào bát ông Hùng một góc, giục chồng ăn và khuyên:

- Ông uống ít thôi, chốc nữa còn phải ra mít tinh, ông không nhớ sao?

Trong lúc Ngạn ăn bánh, Y Khiêu luôn nhìn Ngạn, như chờ một lời khen của anh. Tôi cảm miếng bánh lớp nhân bên trong vàng nhuyển, thành thực khen Y Khiêu biết gói bánh chưng khéo như đàn bà vùng xuôi, chị đỏ bừng mặt, và im lặng. Mà thật, Y Khiêu tập gói bánh chưng gần hai chục năm nay. Năm nào Tết đến, chị cũng gói, để đón Ngạn lên ăn Tết. Y Khiêu đứng đây, thấp thêm một que hương trên bàn thờ bố rồi cúi xuống rót

rượu vào bát của Ngạn: "Hôm nay là ngày Tết, anh Ngạn phải uống cho thật say nhé!"

Chị rót thêm cho ông Hùng và con trai. Ông Hùng gật gù bảo vợ:

- Tháng sau, thằng Vang đi chiến đấu xa đó.

Y Khiêu tròn mắt nhìn chồng:

- Đi bao giờ đuổi hết thằng Mỹ mới về ư? Ai bảo nó?

- Anh Ngạn đã chấm tên nó vào tờ giấy danh sách rồi. Nó đi chiến đấu xa là vinh dự cho gia đình ta.

Y Khiêu quay về phía con, hỏi:

- Thật không, Vang?

- Thật mà, con xung phong đi.

Y Khiêu khẽ thở dài, rồi nói quả quyết:

- Thôi, mình cứ giao thằng Vang cho anh Ngạn, đi đến đâu thì đi.

Lát sau hai người đàn ông nói chuyện với nhau, dường như không chú ý đến Y Khiêu. Ông Hùng đang trình bày với Ngạn khả năng chiến đấu của các trung đội du kích xã, việc xin huyện đội trang bị thêm súng đại liên, và âm mưu mới của bọn phi đang lén lút ở bên đất Lào. Những việc ấy, đáng lý ngày mai ông Hùng phải báo cáo với Ngạn cụ thể hơn ở ngoài trụ sở xã chứ không phải chuyện đem bàn trong bữa cơm. Tuy vậy, Ngạn cũng buông đũa, rút cuốn sổ trong cái xác cốt bằng da ra hí hoáy ghi chép.

Chúng tôi ăn cơm xong thì trời vừa tối. Ngạn và ông Hùng lại kéo nhau ra sân thượng nói chuyện tiếp. Ngạn cho ông Hùng biết thằng Gà Vừ sắp tung nhiều toán biệt kích vào vùng biên giới Pa-khen. Thằng Gà Vừ là tên phi đã dẫn đường cho toán lính đồn Pháp bao vây bắn giết bố Y Khiêu. Hiện nay nó chạy sang Lào làm tay sai cho Mỹ, đã đóng đến chức thiếu tướng.

Đêm ấy, các đơn vị dân quân của mười hai bản trong xã biên giới có cuộc mít tinh khai mạc tuần lễ huấn luyện quân sự đầu

năm. Tôi theo ông Hùng và Ngạn ra ngoài sườn núi sau bản. Bên cạnh cánh rừng lim đốt một đồng lửa lớn. Những khúc củ lim chồng kiểu củi lộn cao ngất, lửa bốc lên thành ngọn rất cao, cả một góc rừng sáng trưng. Từ các ngã, các trung đội dân quân của các bản súng ống nai nịt gọn ghẽ, hùng dũng tiến vào đứng thành đội ngũ xung quanh đồng lửa. Đồng bào cũng kéo về. Đồng bào bản nào đứng sau lưng trung đội dân quân của bản nấy. Trong hàng ngũ các đội nữ dân quân, thỉnh thoảng đưa ra tiếng cười khúc khích vui vẻ, ánh lửa soi màu khăn áo sặc sỡ và những chiếc vòng bạc lấp lánh.

Sau lễ chào cờ, ông Hùng thay mặt uỷ ban xã vừa bước ra giới thiệu huyện đội trưởng Ngạn, lập tức từ giữa khối người đang đứng nghiêm chỉnh bật lên những tiếng reo kéo dài. Bà con đi dự mít tinh, rất hồn nhiên, liền bỏ hàng ngũ chạy tới; hàng chục bó đóm tẩm nhựa huơ lên soi tìm "huyện đội trưởng Ngạn". Lúc ấy Ngạn đang đứng giữa các cán bộ xã. Người thì hỏi thăm. Người thì nắm tay, nắm áo anh. Các cụ già bản Pa-khen lúi Ngạn về chỗ bà con bản mình. Hình như xung quanh đây, mỗi con người, mỗi gốc cây, bờ suối đều gắn bó với Ngạn, đều đã từng che chở cho anh. Tôi ngắm mãi những nét mặt nhân hậu và khảng khái của những người già đứng vây chung quanh, cổ hình dung nét mặt của một ông già người Lào đáng kính đã mất từ lâu. "Mảnh đất này là đất Việt Nam. Anh là người chiến sĩ bộ đội Việt Nam. Anh hãy giữ lấy!". Đây là lời bố Y Khiêu, ông già Lào trung thực và dũng cảm đã dặn Ngạn, chỉ mấy phút trước khi bị giặc giết hại, cũng trong một đêm cuối năm như đêm nay.

Ngạn phải chặt vật mới rút lui khỏi câu chuyện của những ông già để trở về bên đồng lửa. Anh thay mặt huyện khai mạc tuần lễ huấn luyện quân sự của dân quân toàn xã biên giới.

Giữa lúc Ngạn nói, tôi nhác trông về phía cuối bãi, thấy Y Khiêu đứng lẫn trong đám đàn bà. Chị cầm tay ba đứa con nhỏ, đang nhón chân để cố nhìn cho được rõ cái chòm mũ lưỡi trai

màu đen. Bóng Ngạn đứng trước ngọn lửa như được phóng to lên. Trong đêm rừng, đôi mắt thăm thẳm của Y Khiêu đọng một ánh lửa phản chiếu sáng rực không bao giờ tắt. Y Khiêu không nghe rõ tiếng Ngạn, chỉ nghe được tiếng dội trả lời của vách núi.

Sau khu rừng lim già là vách núi đá Pa-khen trần trụi và hùng vĩ. Sương khuya phủ kín thung lũng. Từ trên đầu dốc núi Lào cao chát ngất và thanh vắng, nguồn suối Pa-khen đổ trắng xoá, ngọn suối xói vào lòng đất mang cả mối tình đầu mãnh liệt chột rẻo như thác.

NHÀNH MAI

Năm ấy, mùa đông đến muộn nên càng về cuối năm cái rét càng tê giá. Cánh rừng chầu xung quanh chỗ trú quân của đơn vị pháo chúng tôi đỏ rực lên rồi trụi hết lá. Mặc cho trời giá rét, ở đầu những cành cây khô đen đã nảy những chiếc lộc xanh biếc.

Những ngày chờ lệnh đi chiến đấu, các chiến sĩ pháo thủ chúng tôi mắc những chiếc võng bằng vải bạt lên cành cây, nằm ngược nhìn lên khung trời quang đãng và nhắm đọc cho nhau nghe những bức thư Tết sắp gửi đi. Giữa phút hiếm hoi ấy, người chiến sĩ bỗng cảm thấy một niềm vui băng khuâng, y như có một nụ hồi xanh vừa nảy ra trong lòng mình. Tâm sự những người chiến sĩ trong những ngày ấy chỉ muốn nhờ trại, cuộn những chiếc võng cột vào ba lô, lại vác pháo lên đường.

Bên một gốc cây măng già mà lá đã rụng xuống thành một lớp dày, đồng chí Vũ trung đội trưởng trao nhiệm vụ cho tôi xong liền vỗ vai tôi, bảo thêm:

- Lần này, trên giao công tác trinh sát cho cậu là có cân nhắc kỹ. Trong đại đội, không có người nào thuộc đường sá xuống dưới ấy bằng cậu. Chỉ có cậu mới làm được việc này.

Anh Vũ xoay người để che gió rồi chêm một mũi thuốc rõ lớn. Anh tự tay bật lửa cho tôi. Tôi rít một hơi đến bật nỏ điều, hình như không khí lạnh trong khu rừng tiêu tan hết. Tôi tựa lưng

vào gốc măng, ngừng lên trời phun từng lọn khói.

- Việc đại đội giao công tác cho cậu là do mình đề nghị - Anh Vũ nói tiếp - Mình nghe nói ở dưới làng Đăng, cậu có quen một cô nào đó... đã hẹn với người ta từ ngày đầu kháng chiến, nhưng mà bị đứt liên lạc phải không?

Tôi tỳ hai khuỷu tay áo bông lên lớp vỏ cây măng sần sùi, khẽ cười và lắc đầu.

Anh Vũ phát mạnh vào vai tôi:

- Đừng có giả đồ nữa bố ạ! Hồi ở bên "Đê" 74, cậu đóng quân và đánh nhau trận đầu tiên ở làng Đăng. Rồi cậu bị thương. Cậu tưởng cậu không ghi vào lý lịch thì tớ không biết, hử? Cái cô du kích làng ấy, tớ còn biết cả tên nữa kia! - Anh Vũ khép bàn tay rập như một cái bàn kẹp bằng sắt, một bên vai tôi chột đau nhói. Trong chiếc áo "va rơi" bằng ka ki xám, anh Vũ bước về phía lán trung đội bộ. Tôi không quay lại, chỉ nghe tiếng lá măng cầu kêu xào xạc, xa dần. Và một loạt tiếng reo "ơ...à..." ở phía trái rừng, cái tiếng reo trầm hùng của lính nhà pháo chúng tôi vừa đẩy pháo ra khỏi công sự vừa reo hò.

*

* *

Buổi chiều cuối mùa đông càng rét dữ. Trời vừa sẩm tối, tôi cùng một cậu chiến sĩ lên đường, mỗi người chất lên vai một khẩu tiểu liên và các thứ: dây đo, thước ngắm, cọc chuẩn sơn trắng. Chúng tôi rời rừng chầu theo con đường eo núi đi tắt qua một rừng cỏ gianh. Chúng tôi đi hai ngày đêm. Trước mặt chúng tôi là đồng bằng.

Con đường quốc lộ như một tấm khăn trắng vắt ngang cánh đồng. Vì quá gấp, chúng tôi không kịp liên lạc với các đồng chí "đường dây" để bám đường. Đêm đổ xuống rất nhanh. Chúng tôi

vượt qua những bãi ô rô nước ngọt lá sắc như dao, khía vào bắp chân. Tôi và Khai đã tới bên đường cái. Bên đường, cách dặm thước, một cái miếu đồ nát đứng trơ trọi. Bốn bề vắng vẻ quá, chỉ có gió rét lồng lộng. Tôi bò lên trước sục sạo kỹ rồi huýt sáo miệng gọi Khai lên sau. Khai đưa mắt tò mò nhìn những chiếc đèn pha của xe địch chạy trên đường. Thấy Khai cứ nhìn chăm chăm vào ánh đèn pha, tôi vội bảo Khai đừng nhìn dễ quáng mắt chốc nữa khó đi.

Khai ít đi công tác lẻ, con đường này anh chưa qua bao giờ. Anh chỉ tay về phía bên kia đường, khẽ hỏi tôi:

- Đây là đâu?

- Bên kia là làng Nguyệt, rồi đến làng Thông. Chỗ xa tí có ánh đèn lù mù, hơi cao là bột Đàng.

- Đêm nay chúng mình phải tới làng Đàng ư?

- Phải.

Từ hôm nghe anh Vũ giao nhiệm vụ, nghe anh nhắc đến tên làng Đàng, rồi bây giờ đã trông thấy lờ mờ cái vệt đen phía xa ruột tôi cứ nao lên. Trong đời lính, tôi đã qua nhiều nơi, đâu cũng có nhiều kỷ niệm, nhưng mảnh đất làng Đàng vẫn gắn bó với tôi hơn cả. Làng Đàng thật là nghèo, đất cày lên đầy sỏi. Đàn ông lưng lúc nào cũng mốc thềch, đàn bà mặc quần thì chọn thứ vải đen to sợi, cắt cao đến nửa bụng chân. Nơi ấy đất cằn nhưng người tốt cảnh đẹp. Cái tôi thích là những rặng mai trong vườn, và dáng hiên lành thùy mị của những người con gái, mỗi năm tết đến, mặc chiếc quần đen cắt dài hơn, trùm qua vai một chiếc khăn nâu gấp chéo, quấy hai đầu đòn gánh hai cành mai ra chợ. Nhà làng Đàng, nhà nào cũng có một vài cây mai trước ngõ. Mỗi năm, mùa đông đến, hoa mai rụng đầy quanh vại nước.

Chúng tôi về đóng quân ở đây trong những ngày đầu kháng chiến. Ngày ấy, địch lồng lộn, hung hãn, ồ ạt tiến đánh ra các vùng hậu phương của ta. Chúng tôi ăn bữa cơm liên hoan với

dân làng ở sân đình. Các cô gái thường gặp bán hoa trong những phiên chợ, đeo mã tấu sáng quắc bên lưng, tất tả chạy đi bày ra giữa sân đình những mâm cỗ lót lá chuối. Tất nhiên, trong số những người con gái ấy có Thận, cô gái trong gia đình tiểu đội ở. Tôi còn nhớ hôm đơn vị chúng tôi hành quân đến, tôi được cử đi mượn nhà. Tôi bước vào một cái ngõ trống. Hai vai tôi bỗng nhiên mát lạnh như có một bàn tay dịu dàng đặt lên: Trên đầu tôi một cành mai đang trở hoa, một vài cánh hoa trắng muốt rơi xuống mũ. Tôi đứng bên gốc cây ghé nhìn vào nhà, hỏi:

- Bà mẹ có nhà không?

Nghe tiếng đáp trong nhà, rin rít giọng mũi: "Nhà mẹ chật lắm!" tiếp liền tiếng cười khúc khích, tôi biết ngay là đã bị mắc lợm. Tôi bước vào trông thấy hai cô gái: một cô hơi rõ hoa, mắt sắc như dao nhìn tôi cười rất to, và một cô khác, mặt đỏ như gấc, cô này cổ cao, răng trắng, nom dịu dàng và thuỳ mị hơn. Cô đỏ mặt nhìn tôi và đưa tay thụi ngằm vào lưng cô bạn đang cười lăn lóc trên giường. Hôm sau tôi biết cô thứ hai, về thuỳ mị là cô gái ở trong gia đình tên là Thận. Gia đình tiểu đội chúng tôi ở chỉ có hai người: Thận và bà mẹ. Bà cụ rất yêu mến bộ đội, xem chúng tôi như con.

Chúng tôi đóng quân trong làng, cấu trúc trập địa phòng ngự xong thì giặc tràn tới. Chúng từ các làng mạn trên thị xã tiến xuống. Tiếng súng cối nổ từ sáng sớm. Trên mé đường cái, xe cộ, súng ống, lính Tây, lính nguy bắt đầu dàn đội hình chuẩn bị tiến vào làng. Trong bữa cơm liên hoan quân dân ở sân đình, các cụ phụ lão cùng ban chỉ huy bộ đội đã chỉ tay về hướng địch mà thề sống chết có nhau. Đơn vị chúng tôi hôm đó phòng ngự cố thủ. Gần hai trăm đồng bào không chịu tản cư, cương quyết ở lại cùng bộ đội đánh giặc. Đội du kích xã bám sát bên từng hố chiến đấu của chúng tôi. Gần chiều, các làng xung quanh trông thấy lửa bốc lên từ lũy tre làng Đằng. Địch đã chiếm được nửa làng. Tôi bị thương nặng. Địch xung phong vào lối ngõ nhà Thận,

nhà tôi ở. Lúc trông thấy những bóng áo trắng của lính Tây lấp ló sau cái ngõ trống, tôi bảo Thận: "Cô quay lại phía sau xem đồng bào còn ai thì dắt xuống hầm, mau!". Thận không nghe. Cô chỉ có một thanh mã tấu, liền vút thanh mã tấu xuống, nhặt lấy cây tiểu liên của tôi bắn chết một tên địch rồi công tôi lùi về phía sau. Đêm ấy đơn vị chúng tôi phá vòng vây thoát ra ngoài. Trừ một số du kích ở lại bám sát địch, nhân dân lại gồng gánh ra đi theo bộ đội. Một hàng cáng thương binh từ sân đình theo con ngõ sau làng lặng lẽ tiến ra bờ sông Thong. Tôi nằm trên chiếc vòng bà mẹ Thận thường hay nằm. Người cáng tôi đêm ấy chẳng phải ai khác lại chính là Thận. Năm năm rồi, lúc nào tôi cũng như trông thấy một mép khăn mỏ quạ bay lất phất trên cái cổ cao rám nắng, và thanh mã tấu in hằn xuống một bên vai áo nâu cứ đánh lách cách bên thanh đòn khiêng.

Trong thời gian năm năm qua, tôi có trở về làng Đằng một lần. Nhà Thận bị giặc đốt vào dịp chúng càn lần thứ hai, chưa kịp dựng lại. Hai mẹ con đã đi ở nơi khác. Tôi vào đứng trong vườn. Bên lối ngõ, gốc mai già trùn kín nửa mảnh sân đất đã bị chặt. Lốp tro đen còn nóng bỏng vương trên nền cũ. Tôi đứng đó một lát rồi kê súng lên đầu gối, viết mấy chữ vào một mẩu báo cũ. Chẳng biết gửi ai, tôi đem gài mẩu giấy vào bên gốc mai rồi xốc súng lên vai, ra đi. Tôi hy vọng ít hôm, mẹ con Thận trở về dựng lại nhà thế nào cũng xem lại gốc cây. Như vậy mấy chữ tôi để lại Thận sẽ nhận được.

*
* *

Sương xuống lạnh buốt trên vai tôi và Khai. Tôi đặt tay lên vai Khai, lay khẽ. Hai đứa chúng tôi cầm ngang súng tiểu liên, băng qua mặt đường nhựa còn khét mùi xăng. Gió thổi đến lộng

óc, như chân trời phía nào đó bị thủng. Sao lung linh. Những vì sao cũng trắng và hoang dại như cánh đồng khu trắng hai bên con đường vận chuyển của địch. Cánh đồng này, khi chúng tôi rút lui đi qua, lúa đang trổ, có vạt đã hoe vàng, thế mà bây giờ đã thành một cánh đồng hoang. Từ phía bờ tre ở xa nổi lên mấy tiếng mõ lóc cóc, một phát súng trường nổ đơn độc rồi lại im lặng, lại nghe gió rít trên bụi ô rô. Tôi dừng lại lắng tai nghe thật kỹ, không thấy gì lại ra hiệu cho Khai, chúng tôi tiếp tục đi sâu vào vùng địch. Ánh đèn dầu hoả lù mù trên nóc tháp canh bất Dăng đã nom rõ. Chúng tôi đã vượt qua làng Nguyệt, làng Thong an toàn, và trước mặt là một dải trắng nom xa như sương tụ lại.

 Ồi, sông Thong đây rồi!

Tôi đứng lặng nhìn con sông Thong bé bỏng trước khi cùng Khai bơi qua. Tôi tự hỏi: có phải tình yêu là như thế không? Đêm ấy, trời chưa lạnh lắm. Không có sóng nhưng tôi vẫn nghe tiếng róc rách dưới lưng. Bầu trời đỏ lửa, nhưng vãi đầy sao. Mỗi vì sao như những con mắt nhấp nháy nhìn chúng tôi. Thận đỡ tôi nằm trên tấm ván lát mạn đò. Giữa trời sao khuya, một đôi mắt đen và to khẽ chớp. Tim tôi đập rộn lên trong cái chớp mắt ấy. Thận cẩn thận gài lại mép chần cho tôi rồi cúi xuống, sát hơn: "Anh chóng lành để trở về giết thật nhiều giặc nhé - Anh đừng quên em!" Tôi thò tay ra ngoài mép chần nắm chặt lấy bàn tay ram ráp bụi cát và ẩm áp. Thận nhẹ nhàng xô đò ra. Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng sông Thong vỗ nhẹ nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trổ. Tôi phỏng đoán sáng ngày mai địch lại tiếp tục càn lớn.

Tôi lội xuống trước. Khai kêu với tôi, ngại nước giá nhưng tôi lại thấy nước sông Thong về mùa đông càng ấm. Chúng tôi đã lên bờ và mặc quần áo xong. Tôi dẫn Khai đi theo lối đường tắt, lối tiểu đoàn 74 chúng tôi mấy năm trước đã hành quân vào. Nửa đêm, chúng tôi đến gần con ngòi sau làng. Tôi quay lại bảo Khai:

- Cậu bố trí ngoài này, mình vào trước...

Khai níu tay tôi lại:

- Biết thế nào mà vào?

- Nhà cơ sở cũ!

Nhà Thận trông ra con ngòi phủ đầy bèo tây. Tôi đi vòng sang mé trái vườn. Thực ra, tôi cũng không mong nhà mẹ Thận và Thận còn ở đây. Tôi đứng lặng nhìn một căn lều lợp cỏ nằm phục trên nền đất cũ, vài gốc rau cải, một chiếc lọ đựng nước sứt mẻ. Tôi rón rén bước qua cái sân, mỗi khi đặt bàn chân xuống lại nghe tiếng văng rêu khô vỡ lép bép. Không khí làng xóm vắng lặng và hoang vu quá khiến tôi hồi hộp nghĩ đến những điều chẳng lành. Phía ngõ bây giờ đã rào kín. Bên lối cũ gốc cây mai cổ thụ bị địch chặt ngày nào đã đâm chồi mới, rất mập mạp và rùm rồa, những cành hoa mới nở làm ấm một góc sân. Nhìn cây mai, không hiểu sao tôi thấy vững tâm vô cùng. Lòng tôi chợt lắng lại yên tĩnh. Tôi đứng nép bên một tấm liếp, nghe ngóng. Tôi biết mình đột nhiên tới đây thật là liêu lĩnh, nhưng tôi vẫn không sao cưỡng lại được cái ý nghĩ định ninh rằng hai mẹ con Thận vẫn ở đây, và hai người vẫn như xưa, hồi chúng tôi đến ở nhà.

Tôi đặt tay lên ngực, kéo mũi súng về phía trước rồi đưa tay cạy tấm liếp. Tôi vừa động tay vào tấm liếp chày loang lổ dựng trước cái túp thì nghe trong nhà có tiếng trở mình loạt soạt trên ổ rơm, rồi lại im bật như cũ. Tôi lại khẽ động cánh liếp.

- Thận, mày về đây ư?

Tôi nghe rõ ràng tiếng nói khàn khàn, hơi run rẩy của bà mẹ. Tôi không cảm lòng được:

- Mẹ ơi, con về đây...

- Ai đấy hả?

- Con, Lương đây!

- Tôi chẳng biết anh Lương nào cả.

- Lương "bụt" đây!

Trong nhà lại im ắng, cũng không nghe tiếng trở mình loạt soạt nữa. Thế là sao? Tôi đứng khúi trong chỗ tối đợi một lúc, chợt thấy sau gáy mình có cái gì nhoi nhói. Tôi quay lại. Không biết đứng đấy từ bao giờ, sau lưng tôi, một người đàn bà đang nhìn tôi. Suýt nữa thì tôi bật kêu lên! Tôi vội nhảy lùi lại mấy bước, tay nắm chặt báng súng. Tôi kịp nhận ra người đàn bà mặc chiếc quần cụt đến gối, mái tóc xén sát ót lồm chồm như bị cháy, khẩu súng cầm lăm lăm trong tay.

- Anh Lương!

Tiếng người đàn bà gọi rất khê và dằm ám. Tôi ngạc nhiên hết sức nhận ra tiếng Thận, nhưng không sao tin được. Trông nét người, sao lại già thế?

"Nhất định là người mình rồi!" Tôi nghĩ và rụt rè bước đến gần. Vẫn khuôn mặt ấy, cái cổ ấy, có điều gầy và già đi nhiều. Tôi vội mừng quýnh và nắm lấy bàn tay giá buốt, tôi nắm thật là chặt:

- Thận!

- Anh Lương!

Chúng tôi gặp nhau quá đột ngột. Cổ tôi như bị nghẹn. Dưới ánh sao mờ mờ, tôi khao khát ngấm khuôn mặt Thận và để cho tình yêu giấu kín bấy lâu tự nó trào lên trong lòng mình. Chúng tôi đều mừng và xúc động không nói lên lời.

Thận đưa tôi và Khai về cuối làng, vào một nhà bỏ không ở rìa bờ tre. Thận cho biết chính cô và mấy đồng chí du kích đi tuần trong xóm đã nhận ra chúng tôi từ lúc chúng tôi ở ngoài bờ sông vào. Tôi thấy yên tâm. Như thế là tôi đã gặp Thận, Thận còn sống, vẫn hoạt động và chính là đầu mối để chúng tôi bắt liên lạc với cơ sở trong làng.

Thận châm một ngọn đèn nhỏ. Bên ánh đèn, tôi thấy khuôn ngực Thận phập phồng. Tôi biết Thận đang xúc động. Tôi thương Thận quá. Mới mấy năm mà trông Thận gầy và già đi

nhieu. Đôi mắt ngày xưa trong sáng bây giờ đã thâm quầng, hằn lên những nét lo nghĩ. Gương mặt trái xoan hiền hậu cũng trở nên răn rỏi và cương nghị.

Tôi không biết hỏi chuyện gì trước với Thận. Thời gian chúng tôi xa nhau có bao nhiêu chuyện xảy ra!

- Bây giờ nhà ta ở đâu, em? - Tôi buột miệng hỏi.

- Em ở nhiều nơi, thỉnh thoảng mới tạt về nhà.

- Vậy mẹ ở đâu?

- Mẹ mất rồi!

- Sao?

- Chúng nó giết mẹ rồi, anh ạ!

Tôi ôm khẩu súng vào lòng, đầu óc choáng váng. Tôi hỏi thêm:

- Bây giờ em làm gì?

Thận ngồi sát tôi hơn:

- Em hoạt động cho đoàn thể.

- Em được kết nạp vào Đảng rồi ư?

- Vâng.

Tôi đặt bàn tay lên bên vai gầy gò của Thận - một người đồng chí - và nhìn ra ngoài. Bên ngoài, bóng đêm vẫn dày đặc. Từ phía bót Đảng dội xuống làng mấy tiếng mõ lốc cốc. Cái vị trí giặc in bật lên nền trời. Ngoài rặng tre, hai bóng người đi lướt qua: đây là Khai và một đồng chí du kích làng Đảng. Đồng chí du kích đứng gác ngoài vườn, còn Khai vừa đi xem các con đường trong làng về. Khai hút thuốc rồi vui vẻ bảo tôi:

- Tưởng làng Đảng đen tối thế nào, hoá ra du kích đứng gác nhan nhản.

Thận bảo với Khai, giọng bí mật:

- Thế mà làng tè đây đồng chí ạ. Đồng chí du kích có tuổi vừa đi với đồng chí là phó bảo an. Khéo không ông ấy đem đồng

chí nộp cho bột đấy.

Chúng tôi đang cần bắt liên lạc với đồng chí bí thư xã ngay đêm nay. Tôi đưa giấy tờ giới thiệu công tác rồi hỏi Thận:

- Cơ sở chi bộ xã ta bây giờ ra sao?

- Chúng nó cần đi quét lại bao nhiêu bận. Nhưng bây giờ đồng chí nào cũng có kinh nghiệm và dày dạn, không như ngày đầu. Các đồng chí cũ hỏi các anh ở, đã mất đi nhiều...

- Ai đứng bí thư chi bộ bây giờ?

Thận cười:

- Em không biết...

Khai nói:

- Chị còn phải giấu chúng tôi nữa kia ư?

Thận bỗng dưng rất nghiêm trang. Thận ngừng lên nhìn tôi và Khai:

- Các anh cần việc gì cứ bảo với em cũng được!

Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt đen láy và kiên nghị của Thận lúc ấy. Khai cũng rất thông minh. Anh hiểu mình đang ngồi trước mặt một người con gái như thế nào.

- Chị là bí thư ở đây? - Khai hỏi.

- Đồng chí bí thư đi dự hội nghị trên Việt Bắc - Thận nói - Trong ban chỉ uỷ chỉ có hai đồng chí nên em được chỉ định làm thay một thời gian cho đến khi đồng chí bí thư đi họp về.

Thận cho chúng tôi biết quy luật hoạt động của bột Đảng, phác qua cách bố trí các ụ súng, lô cốt. Thận dẫn chúng tôi đi xem địa hình. Sau khi thảo luận với Thận vấn đề bố trí du kích canh gác cho bộ đội vào chiếm lĩnh trận địa, tôi dẫn Thận một lần nữa:

- Tất cả kế hoạch này, chỉ một mình em được biết thôi.

- Vâng.

- Em không được phổ biến cho anh em du kích biết trước khi

bộ đội đến, kể cả đồng chí xã đội trưởng.

- Vâng.

- Anh dặn điều này nữa: Sau khi cho họ biết sẽ có bộ đội vào, tất cả phải ngủ tập trung. Không ai về nhà cả.

Thận ngồi nghe tôi dặn một cách ngoan ngoãn, như một cô em gái. Bỗng cô đưa tay lên che miệng cười. Nghe giọng cười mới đáng yêu làm sao, nhưng tôi chợt hiểu Thận đang cười cái gì. Trước mặt tôi đâu phải là cô du kích bờ ngõ ngày xưa nữa!

Thận nói:

- Anh cứ yên tâm. Em đã đi theo các anh chỉ huy bộ đội về chuẩn bị chiến trường ở đây vài bận.

Sợ tôi phật ý, Thận hỏi thêm:

- Anh cần dặn điều gì nữa, anh cứ cho em biết... Vậy em hỏi, đường hành quân của các anh có phải qua sông Thông không?

- Có.

- Các anh có cần lấy thuyền qua sông ở đây để em chuẩn bị trước...

Thật không ngờ, Thận hỏi đúng vấn đề đang gay go nhất của chúng tôi. Tôi hỏi:

- Ở đây làm gì có thuyền?

- Được. Em sẽ sang thảo luận với các đồng chí bên Thông cho anh. Có thể được vài chục chiếc thuyền nan, đi một chuyến đảm bảo bí mật và khi bộ đội rút được gọn hơn - Thận hỏi tôi - Anh đã gặp các đồng chí trạm đường dây bên ấy, báo cho họ bám đường số một chưa?

Thận đã giải quyết cho chúng tôi không biết bao khó khăn. Thận còn nhắc cho tôi những điều cần thiết trong một cuộc hành quân vào vùng địch tạm chiếm mà tôi chưa biết.

Đêm ấy, chúng tôi trình sát xong liền phân công với nhau: Khai trở về dẫn bộ đội, tôi ở lại tiếp tục nắm địch và chuẩn bị thuyền.

Hai chúng tôi sau khi bàn bạc công tác lại ngồi bên nhau rất lâu. Bấy giờ tôi mới biết vì sao bà mẹ Thận bị địch giết. Sau khi làng bị chiếm, ngày nào cũng vậy, một thằng làm phòng Nhì trên bột, mặt xám như chàm đổ thường tới nhà Thận. Nó gọi bà cụ bằng mẹ và khuyên nên gọi Thận về: "Mẹ ạ, con có được biết cô Thận. Cô ấy thật là đẹp và ngoan ngoãn. Thật là tiếc, cô ấy vẫn còn đi theo Việt Minh ư?". Nó nói thẳng rằng nó yêu Thận, nó không phải là lính mà chỉ là một người làm việc hành chính. Một đêm, có một đồng chí chiến sĩ tiểu đoàn 74 trở về. Bà cụ chạy ra cái gò ngoài cánh đồng, bảo với con gái: "Tao xem binh tình này, mày cứ ở nhà thì khó thoát khỏi tay cái thằng ấy. Thế nào nó cũng bắt được mày. Hay là con theo anh bộ đội mà đi đi. Hỏi xem thằng Lương ở đâu thì cứ xin nhập vào đơn vị nó. Mày không cầm súng được thì thổi cơm cho anh em ăn cũng được. Tao cho phép chúng mày cưới nhau. Bao giờ đánh hết thằng Tây thì hãy về!". Mặc mẹ bàn, mẹ thúc, Thận vẫn cương quyết ở lại. Thận mới được kết nạp. Trong chi bộ mất đi nhiều đồng chí quá, người bị giết, người bỏ chạy lấy thân. Thận bỏ làng đi sao được?

Thằng phòng Nhì vẫn dọa dẫm đòi bà cụ gọi con gái về. Cuối cùng, nhân một đêm Thận bố trí giết nó nhưng giết hụt để nó chạy được, nó liền bắt bà cụ lên bột. Đánh đập chán, nó lại dẫn về nhà. Nó giết bà cụ ngay trước ngõ, bên gốc cây mai. Những người ngồi dưới hầm cũng nghe rõ tiếng bà cụ quát: "Tao già rồi. Mày muốn giết tao thì giết chứ con gái tao sinh ra mày đừng hòng động đến sợi tóc nó!"

- Lần ấy, anh trở về, em có biết không? - Tôi hỏi.

- Có. Em nhận được mẩu giấy anh cài lại bên gốc mai trước ngõ.

Thận gục bên vai tôi kể rằng lần ấy, Thận đã đuổi theo tôi đến tận bên kia sông Thong. Thận cứ đứng giữa cánh đồng mà nhìn lên phía rừng đến mỏi mắt rồi trở về. Hôm ấy, giá tôi nán lại một lát là gặp được Thận và được biết cái tin đau lòng. Bà mẹ

Thận cũng vừa bị địch giết cách đây mấy hôm.

Thận kể những ngày khó khăn tiếp theo, những kỳ bỏ đất lưu vong, những ngày quay về bám đất. Rồi Thận rủ tôi về thăm nhà. Nhà Thận bây giờ bà cô ở. Hai chúng tôi vào lối ngõ, cùng bước trên mảnh sân đất đầy rêu phong. Bên vại nước, gốc mai cổ thụ đứng im lặng, đan cành trên đầu hai chúng tôi, những nụ hoa mai trắng ngần đang đơm đầy cành. Tôi kéo mái tóc Thận sát ngực, cùng đứng bên nhau trước mảnh sân hồi lâu trước khi chia tay.

Trận tập kích pháo vào hệ thống bốt Đảng hoàn toàn thắng lợi. Trung đội chúng tôi rút về đến khu rừng trú quân lúc trời đã gần sáng. Trên cành chấu, những búp lá non sắp nở đang phồng lên như những chiếc bút lông thấm đẫm mực. Cảnh rừng đẹp và hùng vĩ. Tôi cầm một cành mai đi cuối hàng quân. Tôi quay lại nhìn về hướng đồng bằng. Sau lưng tôi là con đường nhựa, và dòng sông Thong ẩn mình trong sương. Cách một đoạn nữa là làng Đảng, một cái vệt xanh lơ mờ của lũy tre và mái nhà.

LÁ THU VUI

Tặng anh Thanh Tịnh

Từ ngày vườn trê theo Quân y viện rời thành phố về làng thì lũ trẻ con chột thay đổi tính nết. Có lúc chúng la hét om sòm ôm nhau vật ngoài bãi thả trâu; có lúc chúng ngồi vón lại, túm tụm trước hiên nhà trê, cùng đưa mắt ngắm cánh đồng lúa chín rực hồi lâu, những cặp mắt cũng lim dim mơ màng nhìn ra cõi chân trời xa.

Trông nom bọn trẻ con có ba bà già và một cô giáo. Cô giáo trê là một con người nhỏ nhắn và thấu hiểu được tâm lý trẻ con. Nhưng dù tinh ý và yêu trẻ đến đâu cô mẫu giáo cũng chẳng có thì giờ mà ngồi quan sát chúng nó, để đoán lũ trẻ đang cảm xúc những gì trước cảnh thiên nhiên mới lạ.

Cô bận nhiều việc, ngoài việc dạy dỗ và trông nom các cháu, như hồi còn ở trong thành phố, cô còn phải làm nhiều việc khác, do hoàn cảnh mới mà có. Ví dụ một việc rất nhỏ: Khu vườn trê ở cạnh con đường cái. Mỗi chiều, từng đoàn xe quân sự mang những giàn lá héo quắt đầy bụi không biết từ đâu về đổ chạt hai bên lề đường và bốp còi inh ỏi. Thỉnh thoảng, có đoàn xe thổi nhờ một bữa cơm ở bếp vườn trê. Chuyện ấy có hề gì? Nhưng đến một với lũ trẻ, chúng nghe tiếng còi ô tô pin pin là mặc cho cô gọi, đến những đứa con gái hiền lành nhất cũng lũn cùn vén váy chạy ra đường. Những anh bộ đội bao giờ cũng sẵn sàng ăn cánh

với bọn chúng. Loáng một cái, từng cặp, từng cặp, chú nào cháu nấy đã công nhau đi chơi tận ngoài cửa hàng mua bán, hoặc ngoài bãi thả trâu. Thế là cái kỷ luật nhà trẻ bị phá vỡ, cô giáo lại phải chạy khắp nơi để gọi lũ chúng nó về.

Khi các cháu đã trở về đông đủ, cô giáo trẻ chưa đầy hai mươi tuổi, khề rướn đôi lông mày thanh thanh như hai nét chì vẽ lên, nghiêm nét mặt giảng giải một thôi rồi vui vẻ cầm một tập bìa cát hình đồ chơi giờ cao:

- Những cháu nào ngoan giờ tay cô xem nào?

Ồi chao, đến những ông "tướng" nghịch nhất cũng trở thành ngoan ngoan! Mạnh sên cổ trước mái hiên xao động lên vì những tiếng nói trẻ thơ bị bô, cả cái đám quần chúng lít nhít mặc quần hở đũng lập tức bị kích động bởi những tấm bìa cát hình con gà, con vịt, chúng xô đẩy và chen lấn nhau, ai cũng tìm cách đứng gần cô, càng gần càng hay. Cô giáo thật sáng suốt. Cô thường đồ chơi cho những cháu nào thật là sạch và ngoan ngoãn hơn hết. Khi cô cầm lấy một con chim đẹp nhất và gọi tên một cô bé ngoan thì tiếc thay, em bé vắng mặt. Em bé còn mãi đi chơi với các chú bộ đội ở tận đâu đâu làm các bạn phải kêu:

- Thật tiếc cho cái Thơm!

Lần này cái Thơm đi chơi xa, ra tận ngoài cửa hàng mua bán. Nó đang chìa bàn tay nhỏ nhắn và rất sạch cho một bác bộ đội già cầm. Nó đi bên cạnh bác và thỉnh thoảng lại ngược cặp mắt to, đen lầy nhìn bác; Đây là một bác bộ đội rất đặc biệt: tóc bác đã bạc trắng! Bác không có súng mà có những ba cái bút. Lần nào gặp bác, nó cũng thấy sau cái nắp túi áo có găm đủ ba cái bút. Đúng thế!

Hai bác cháu cầm tay nhau đi thông dong trên đường, lề đường bên kia đậu từng hàng ô tô. Chiếc xe nào cũng nguy trang kín và các chú bộ đội ôm súng ngồi chặt nệm bên trong. Không biết các chú ấy có những chuyện vui gì mà cười rất to. Có một

vài chú ngồi trên xe, đang cười, trông thấy cái Thơm liền cầm mũ vẫy gọi rồi rít. Các chú gọi tên nó ra hần hoi. Đây, cái Thơm rất hãnh diện, nó có biết bao nhiêu là chú bộ đội quen.

Bác bộ đội già mỗi lần hỏi chuyện cái Thơm lại phải cúi xuống sát cái chòm tóc buộc túm lại:

- Cháu Thơm còn nhớ bác không?

- Nhớ ạ!

Bác chỉ tay về phía cánh đồng sau lưng:

- Nhà cháu ở nơi kia, cháu nhớ không?

Cô bé lại gật đầu và mở thật to cặp mắt vốn đã to để nhìn xem thử có trông thấy những bức tường và cột tàu thủy không. Bác bộ đội già hiểu ý, liền bế cái Thơm lên và chỉ cho nó xem bao nhiêu là cảnh đẹp trên cánh đồng. Rồi bác kể chuyện huyền thoại cho nó vui.

Cái Thơm vòng hai cánh tay mềm mại quanh cái cổ rám nắng của bác, áp má vào má bác. Nó yêu bác bộ đội tóc bạc biết bao nhiêu, bởi lẽ bác rất yêu nó và bác có rất nhiều chuyện kể. Ngày nào, nó còn ở gia đình với bố mẹ trong một khu nhà tập thể của Quân y viện kề bên tàu thủy. Hồi ấy thỉnh thoảng bác bộ đội đến thăm bố mẹ nó. Lần nào đến, bác cũng hát cho nó nghe, rồi kể chuyện cổ tích, rồi dắt nó đi chơi ngoài con đường rải nhựa có rất nhiều gió. Cái Thơm còn nhớ hết sức rõ ràng nếu bác không đến thì nó chỉ được chơi quanh trong sân. U nó bảo trẻ con ra ngoài bên tàu về sẽ ho. Con đường dốc bên tàu bên kia dãy hàng rào nhà nó ngày xưa mới vui làm sao. Đi chơi với bác ra ngoài đó thì được biết bao nhiêu chuyện, thật là thú! Nó đã được nhìn chán mắt một chiếc tàu trắng toát, to gấp nhiều lần chiếc tàu của nó, cũng có những dây cờ treo trên ống khói. Còn hàng hà vô số những chiếc tàu khác, chiếc nào cũng to, sơn đủ các màu, xung quanh những cột ống khói, những con chim trắng cánh dài và mềm mại bay lượn suốt ngày tháng như đang bận một công việc

gì rất hệ trọng. Cái Thom trông thấy cái gì cũng lạ, cũng muốn hỏi. Nó thích đàn chim biển và chiếc tàu trắng nhất. Một hôm, nó đang mãi ngắm đàn chim thì bỗng đâu một dòng nước chảy ồ ồ từ trên cao, trên mạn chiếc tàu trắng rót thẳng xuống biển.

- Cái gì đấy hả bác - Nó vội vàng hỏi.

Bác bộ đội cười đáp:

- À, cái tàu nó đang tè!

- Cái tàu cũng giống em cháu, nó cũng đái tè?

- Cũng thế cả!

- Còn những con chim kia? - Nó lại hỏi bác.

- Chim đưa thư đấy!

- Nó đưa thư cho ai?

- Nó đưa thư cho những chiếc tàu trắng còn chạy ngoài biển.

Bây giờ thì cái Thom phải tạm xa những chiếc tàu thủy trắng và những con chim biển. Nó đi "sơ tán" cùng các bạn về nông thôn. U nó phục vụ các chú thương binh ở Quân y viện, cũng ở gần. Còn bố nó đã đi xa hẳn. Bố nó là bộ đội hải quân ở tận ngoài biển. Biển thì xa lắm, rất xa!

Bác bộ đội già dắt cô bé tới ngồi bên gốc cây đề trước cửa hàng mua bán, ngay bên đường. Buổi sáng đầu mùa đông, ánh nắng chiếu xuống gốc cây cổ thụ xung quanh chỗ hai bác cháu ngồi, chỉ thấy một màu vàng âm âm, không cảm thấy nóng. Gió đi lang thang trên ngọn lúa và thổi ào ào trên những cành cây đề, bứt xuống một vài chiếc lá. Cái Thom nhặt một chiếc lá đề đỏ rực, cắm lên mũ bác bộ đội rồi cười hãnh diện:

- Cháu cài lá cho bác, cho thằng Mỹ không nom thấy!

Ngừng một lát, tay sửa chiếc lá nguy trang, cô bé lại hỏi:

- Chóc nữa bác cũng lên xe với các chú, để đi đánh Mỹ hẳn?

Bác ôm cô bé vào lòng, trả lời một cách quả quyết:

- Phải, bác cũng đi đánh Mỹ!

- Vậy khẩu súng của bác đâu? - Cái Thơm lại hỏi vặn.

Bác bộ đội già vốn là một nhà thơ; nhưng làm sao giải thích công việc ấy cho cô bé hiểu, bác đưa cho cô bé nâng thử cái túi đựng toàn là giấy đeo bên mình và cố giảng giải:

- Bác không giữ súng. Cháu ạ, bác chỉ làm việc đưa những bức thư vui đến cho các chú bộ đội đang đánh Mỹ.

- Bác giống như những con chim à?

- Chim nào?

- Chim đưa thư ấy!

Bác bộ đội già sức khỏe, bác cười rung cả mái tóc bạc. Bác cười rất to và rất thích thú, rồi bác khen cái Thơm thông minh quá! Hai bác cháu ngồi bên gốc cây đề rất lâu, nói chuyện thư từ, vẫn những câu chuyện trẻ con như vậy. Bác bộ đội già ngắm những chiếc lá đề đỏ rụng quanh gốc cây rồi đưa mắt ra xa nhìn dãy núi tím biếc. Bác hỏi cái Thơm:

- Cháu có nhiều bạn là chú bộ đội trẻ lắm phải không?

- Cháu có rất nhiều chú, bác ạ. Những chú cầm súng cơ!

Cô bé hãnh diện ra mặt. Nó kể tên không biết bao nhiêu những chú bộ đội lái xe, chú bộ đội giữ súng to và súng bé, cả tên những chú thương binh bên Quân y viện thỉnh thoảng vẫn hay sang rủ nó đi chơi.

Bác bộ đội già vẫn nhìn dãy núi tím rồi đột nhiên quay lại nói:

- Sắp sang mùa xuân rồi, nghĩa là sắp đến tết rồi đấy, cháu ạ. Ở đây, bao giờ cháu được cùng các bạn ăn tết vui vẻ, cháu nhớ gửi thư cho các chú bộ đội ngoài mặt trận nhé!

- Nhưng mà cháu không biết chữ - Cô bé miễn cưỡng đáp, rồi úp mái tóc vào ngực bác, lấy làm xấu hổ.

Bác bộ đội già không đời nào chịu để cho cô bé của mình phải thất vọng vì một việc còn con cháu!

- Không hề gì - Bác vuốt tóc cô bé và nói hết sức vui vẻ -

Cháu cần gì phải biết chữ!

- Làm thế nào hả bác?

- Cháu chẳng cần viết, cháu vẽ cái gì vào thư cũng được. Mà thôi, cháu cũng chẳng cần vẽ! Cháu kiếm một mảnh giấy, hay một chiếc lá đề cũng được, cháu cầm như thế này và muốn nhắn gì cho các chú thì cháu cứ nói vào đấy. Ví dụ cháu nói, cháu là cháu Thơm đây, cháu rất yêu các chú...

- Cháu yêu các chú lắm cơ!

- Phải rồi, cháu cứ nói đi...

- Các chú bắn thật nhiều thằng Mỹ, và phải giữ tay cho sạch.

Bác bộ đội già vẫn nhìn cô bé bằng con mắt khích lệ.

- Các chú phải quần cổ cho ấm, kéo ho đấy!

Cái Thơm hết sức thích thú với cái lối viết thư như thế.

Thật là dễ dàng và thoải mái, làm sao nó lại không viết được?

Nhưng nó vẫn chưa tin chắc chắn.

- Các chú có đọc được không? - Cái Thơm hỏi.

- Các chú có đọc được hết - Bác bộ đội nói rất quả quyết.

- Bố cháu cũng đọc được?

- Bố cháu lại càng đọc giỏi!

Bác bộ đội già bảo rằng chính bác sẽ đem những bức thư ấy đến tận tay họ, rồi bác đọc to những lời cô bé vừa nói, không sót một chữ. Bây giờ thì cô bé tin chắc mọi người sẽ đọc được. Bác bộ đội mãi nói chuyện nên quên cả giờ giấc. Đoàn xe đã nổ máy sắp chạy ra mặt trận. Bác vội vàng ôm chiếc túi đứng dậy và đưa cô bé về tận vườn tre. Sau khi hôn nó nhiều lần, bác nhảy lên chiếc xe cuối cùng ngồi giữa những người chiến sĩ. Những chiếc xe bóp còi để từ biệt lũ trẻ rồi từng chiếc một bắt đầu chạy, đuôi những cành lá nguy trang xoè ra như đuôi một con gà trống quệt rào rào vào thân cây đề.

Cây đề bên đường đã trút hết những chiếc lá đỏ tía. Chưa qua hẳn mùa đông, nhưng mùa xuân đã dọn đường sang. Nắng mỗi ngày một mỏng và nhẹ, vàng rực lên chen giữa những trận mưa bụi. Những chiếc lá đề vàng hoặc đỏ tía rơi khắp mặt đất.

Trong số người ở trong ba gian nhà ngói nằm bên cạnh đường cái, gồm ba bà già nấu ăn, một cô giáo và gần ba chục cháu bé, mỗi người cảm thấy niềm vui trước cảnh mùa xuân đến một cách khác nhau. Tự trung, ai nấy đều nhớ đến những người thân yêu ở xa, tận nơi tiền tuyến. Suốt cả mùa đông, cô giáo nhỏ nhắn ngày một gầy đi, đôi vòm mắt hơi thâm, phải đến ý kỷ mới thấy. Cô không hề nói ra, cô vẫn vui vẻ, cô còn vui vẻ hơn những ngày ở trong thành phố, nhưng chúng ta đều biết, trông nom các cháu về mùa đông thật tốn sức hơn mùa hè. Đêm nào, cô cũng ngồi thức thâu trông cho các cháu ngủ, tuy không ai yêu cầu cô phải làm thế. Cô ngồi bên các cháu, rình xem có đứa nào đập tung chăn ra thì đắp lại. Cô ngồi lắng tai nghe có cháu nào ho về đêm? Cô để ý xem ở ngách cửa nào có gió lọt vào được? Trong những đêm đông dài, gió bên ngoài thổi qua cánh đồng, cô ngồi bên các cháu đang ngủ say và mỗi đêm viết một lá thư. Cô cũng chẳng đi đến những đâu để biết những chuyện xa xôi, cô chỉ kể công việc làm của mình, những công việc chẳng có gì đáng kể ra quanh cái vườn trê. Cô giáo ngồi lắng nghe hơi thở của gần ba chục cháu, nhưng những bức thư nắn nót cô viết trong suốt mùa rét, chỉ gửi cho một người đọc.

Đạo này lũ trẻ thường thức dậy muộn. Từ lúc còn tối đất, ba bà già nấu ăn đã dậy thổi lửa, bắc nồi cháo sáng cho các cháu ở dưới gian bếp trống trải. Trăng cuối tháng chạp giống như chiếc lưới liềm vàng lạnh cóng, bị bỏ quên ngoài cánh đồng từ vụ gặt.

Trong làng, các bà mẹ, các chị í ới gọi nhau đi cấy lúc trăng còn đầu nóc cây đề. Về sáng, cánh đồng càng nhiều sương giá. Những người đàn bà đi cấy trông thấy ánh lửa bập bùng trong bếp liền chạy vào hơ tay một lát cho đỡ rét rồi lại trở ra tiếp tục làm việc. Bóng những người đàn bà cứ chập chờn trong ánh trăng bạc.

Lũ trẻ đã thức dậy. Giấc ngủ mùa đông làm cho những đôi má trẻ con căng lên, chín mọng. Ba gian nhà trẻ ồn ào như một cái tổ ong. Cô giáo tất tưởi mặc ấm cho từng cháu, dạy chúng cách gấp chăn và đánh răng. Cái Thơm được cô mặc cho chiếc áo bông đẹp nhất, nó bá vai mấy đứa bạn gái ra ngoài hiên ngồi. Cũng giống như những người đàn bà hay khéo chuyện, lũ con gái trông thấy cái gì ngoài cánh đồng cũng đổ lẩn nhau:

- Ai đấy nhỉ? - Một đứa chỉ tay ra ngoài đường, tò mò hỏi.

- Cô đấy! - Đứa khác nhìn kỹ rồi trả lời.

Cái Thơm ngậm chiếc cặp tóc giữa kẽ răng, nó nghiêng đầu về một bên, mười ngón tay bé tẹo lạnh lện má trên đường chân tóc vuốt về sau, bàn tay cầm chiếc cặp tóc trên miệng đem gài chặt lấy cái đuôi tóc chưa đủ dài để đổ xuống chấm gáy. Trong lúc chải đầu buổi sáng, cái Thơm vẫn lé mắt chăm chú nhìn ra ngoài. Nó vuốt nốt mấy sợi tóc loà xoà trước trán rồi nói:

- Cô đấy, cô đi gửi thư cho chú bộ đội có khẩu súng to đấy.

Giữa thân cây đề to đến ba người cầm tay nhau mà ôm không xuể, treo lủng lẳng một cái hộp bằng gỗ, chiếc mái che xuôi xuôi cũng đeo bằng gỗ. Dưới gốc cây có một cái hốc đã cháy đen sạm như một góc bếp. Người ta kể rằng hồi địch cấm đốt trong làng thì nơi hốc ấy là chỗ để giấu cơm nước tiếp tế cho cán bộ.

Còn lâu người nhân viên bưu điện trên huyện mới về lấy thư, tuy vậy cô mẩu giáo vẫn đi vội vàng, và hăm hở. Từ khi ngồi viết lá thư, nghe những luồng gió đánh chiếc hộp thư va lóc cộc vào thân cây đề, cô đã mong cho trời chóng sáng. Trong cái buổi

sớm giá rét, cô giáo bỏ lá thư vào hộp và đứng đợi. Ngay lúc ấy, như để đáp lại, chiếc loa phóng thanh treo bên chái cửa hàng kêu mấy tiếng rền rẹt rồi bắt đầu truyền đi bản tin chiến sự, những tin tức chiến thắng, những chiếc máy bay bị bắn rơi ngày hôm qua. Tiếng loa vang xa. Trên cành đề cao và thưa, những búp lá nhú ra nhọn hoắt đâm thẳng vào màn sương giá buốt. Gió buổi sớm vẫn thổi ù ù trên cánh đồng.

Trong hiên nhà trẻ, lúc bảy giờ lũ con gái tán chuyện gẫu với nhau đã chán, chúng lại bắt đầu bày lại cái trò chơi đã cũ rích. Cái Thơm cặp xong mái tóc giống y hệt cô giáo, nó cầm một tập lá đề rất đỏ và đẹp, đem phân phát cho từng bạn gái một, mỗi đứa một chiếc lá. Đoạn, nó đứng lên, xòe hai vạt áo bông hoa ra phía trước và bắt chước giọng người lớn trịnh trọng nói:

- Các đồng chí ạ, đây là thư của các cháu vườn trẻ gửi. Các đồng chí đọc đi, nào!

Chúng nó bậm miệng lại, cầm chiếc lá đỏ thắm che lấy miệng, cố giấu nụ cười. Chúng nó liếc nhìn nhau rồi cố nín cười để bắt đầu đọc.

Chúng nó đọc say sưa, chúc các chú mọi điều thật tốt đẹp và cũng khoe khoang ghê lắm! Khi cô giáo trở về, cô hỏi đùa: "Chào các cô, các cô làm gì đấy?" thì cả năm cô gái bé bỏng vẫn còn để những chiếc lá đề trên môi và lấy làm xấu hổ, chúng rúc đầu vào nhau mà cười khúc khích.

Cái Thơm nhoèn nụ cười hết sức xinh và bá lấy vai cô, nói thầm thì:

- Chúng cháu bắt chước cô đấy! Chúng cháu chơi gửi thư cho các chú...

Cô giáo đỏ bừng mặt, như đột ngột bị người ta chế giễu!

Chỉ vài ngày hôm sau là tết đã đến. Bây giờ không phải chỉ là cái mùa xuân hết sức rõ nét mà cũng hết sức mơ hồ trong không khí, cây cỏ và trong lòng cô mẫu giáo. Ngày tết tung

bình của trẻ con đã đến.

Cái Thơm được mẹ sắm cho một chiếc khăn quàng len và chiếc trâm cài tóc thật là đẹp. Ngoài cửa hàng cũng đã bán tranh gà lợn, những chiếc pháo xiết. Cờ giấy, hoa giấy chằng khắp nhà làm cho lũ trẻ con cứ mê mẩn, còn cô giáo và ba bà suốt ngày tíu tít ở dưới bếp. Cô giáo hai má đỏ hây hây, đang làm các thứ bánh và mứt, ngày nào lũ trẻ cũng được cô cho ăn bánh và mứt.

Rồi buổi trưa có thư từ ngoài mặt trận gửi về.

Cô giáo chạy từ dưới bếp lên, không kịp rửa hai bàn tay đầy bột nhào, đôi má càng đỏ. Cô gọi riu cả lũ.

- Các cháu ơi, lại đây, lại đây!

Các cháu vây xung quanh cô giáo. Vẫn bằng nét mặt hớn hờ, cô giáo lần lượt cầm từng phong thư lên:

- Đây là thư của các chú thương binh dạo trước ở đây. Bây giờ các chú lại đang ở ngoài mặt trận.

- Đây là thư của bố cháu Thơm! Và đây là thư của bác bộ đội tóc bạc!...

Cô nói xong một câu, lũ trẻ lại vỗ tay hoan hô. Cô bóc từng chiếc một và bắt đầu đọc.

Cái Thơm đang nghe cô đọc thư của bố. Giữa những ngày cùng hạm tàu đi lòng địch giữa biển khơi, người bố vẫn không quên đứa con. Làm sao mà quên được? Bố vẽ cho cái Thơm một chiếc tàu trắng. Bố quên không vẽ những dây cờ xanh đỏ, chỉ có một cổ súng rất lớn đặt trên mũi tàu.

Lá thư cuối cùng cô đọc cho cả lũ trẻ nghe là lá thư của bác bộ đội già. Chao ôi! - Cái Thơm cầm những chiếc lá đề trong tay và nghĩ - từ ngày bác về thăm mình, chắc bác đã đi không biết bao nhiêu mặt trận, chắc là mỏi chân lắm!

Trong bức thư, bác nói, - Thơm đã gửi thư cho bố cháu và tất cả các chú chưa? - Sắp, cháu sắp gửi đi đây! Bác lại hỏi: - Trong thư, cháu nói những gì? - Chúng cháu nói nhiều lắm,

chúng cháu hôn các chú nữa!

Thật là chậm trễ, nhưng bây giờ mà gửi vẫn còn kịp, cô bé của chúng ta lại nghĩ, phải nhanh lên mới được. Đây là một buổi tối cuối năm, trời tối mịt mùng nhưng chẳng có gì đáng sợ. Cái Thom tụt từ trên giường xuống, rón rén bước ra khỏi vườn tre. Đất dưới chân lạnh buốt, lúc ấy nó mới sợ vì vội quá, nó quên đi guốc. Nhưng không hề gì? Phải cố chịu lạnh như bố và các chú ngoài mặt trận. Nhưng mà ngoài trời tối quá, trời khoác chiếc áo đen to quá! Lại còn gió. Gió thổi u u bên tai. Cô bé của chúng ta có tính sợ ma đấy! Giữa bầu trời tối đen hiện ra một người đứng giong thẳng hai tay lên trời, cô bé nhắm nghiền mắt lại và phải cắn răng, lấy hết sức can đảm để khỏi kêu. Nhưng có gì đâu? Cái Thom mở mắt và trông thấy cây đề quen thuộc đứng sừng sững trước mặt đang rì rào gọi nó lại. Trời cũng vén tấm áo đen lên. Cái Thom đã trông thấy cái hộp gỗ đang bị gió đánh lách cách. Tay nó bỗng run run, nó lùa bàn tay vào trong lần áo bông và rút "tập thư" đã ghim cẩn thận bằng chiếc trâm cài tóc.

Giữa lúc ấy, bác bộ đội già từ sau gốc cây bước ra. Mái tóc bác càng bạc phơ. Bác đưa tay bế nó. Làm sao thế này nhỉ? Trời đất bỗng nhiên sáng bảnh, ánh nắng lại chiếu rực rỡ trên cánh đồng. Xung quanh gốc cây chỗ hai bác cháu ngồi đỏ rực những chiếc lá đề rụng. Cái Thom lại chọn một chiếc lá đẹp nhất cắm lên mũ bác rồi vỗ tay: "Cháu cài lá cho bác, cho thằng Mỹ không nom thấy!". Bác liền cất chiếc lá vào trong túi, nói với nó:

- Cũng là một lá thư đấy cháu ạ? Bác sẽ đem đến cho các chú.

Dãy núi ngoài chân trời trở màu tím biếc. Bác bộ đội già nhìn ra ngoài dãy núi, lại kể chuyện cổ tích và hát cho nó nghe. Tiếng hát của bác vẫn như ngày xưa, thật to và khỏe, ngân dài qua cánh đồng, vang tới một cái bờ biển xa. Cái Thom ngược cặp mắt đen láy dưới vòm chiếc mũ bọc lưới của bác, nó đã trông thấy đằng sau dãy núi tím có một chiếc tàu trắng và vô số những con chim trắng đang bay lượn. Và kìa! Nó đã nhận ra

bố và các chú bộ đội trên tàu.

Nó mừng quá liền đưa tay vẫy và cất tiếng gọi:

- ... Thơm, cháu gọi ai đấy?

Cô giáo vẫn ngồi thức bên các cháu, cô chạy tới nhẹ nhàng ôm lấy cái Thơm, tay vỗ vỗ tám chắn:

- Cháu ngủ đi!

- Vừa rồi cháu không ngủ đâu, cô ạ!

Nó tung chăn ngồi dậy và đưa tay lên dụi mắt.

Bên ngoài, trời vẫn tối nhưng khắp các ngõ đã rộn lên tiếng pháo, ban đầu còn thưa thớt rồi nổ liên tiếp. Chẳng nghe tiếng pháo đón giao thừa cô giáo trông trẻ cũng nhận ra cái khoảnh khắc mùa xuân đang đến. Trong không gian có cái gì rất nồng nàn và ấm. Mưa xuân như làn bụi phấn ẩm áp rơi ngoài cánh đồng, thấm vào từng gốc mạ non xanh mơn mẫm. Trọn gần nửa đêm, đến bây giờ cô giáo mới đọc xong bức thư từ mặt trận gửi về.

Cái Thơm ngồi trong lòng cô, lắng tai nghe tiếng mưa êm nhẹ. Nó luồn tay vào trong lần áo bông: không còn những chiếc lá đề cộm trước ngực nữa. Dưới gót chân cô bé vẫn còn dính vài ngọn cỏ - Ban nãy mình đã chẳng trao những lá thư cho bác bộ đội rồi đấy ư? - Cô bé nghĩ.

Bên ngoài cứ mưa hoài.

Cô bé sốt ruột và không muốn trời mưa chút nào. Trời mưa thì nhất định ướt áo và đi dễ ngã. Cái Thơm nghĩ mà thương bác bộ đội già! Chắc là lúc này bác đang khoác chiếc túi trên lưng để kịp đem những lá thư - những chiếc lá đề đỏ thắm - ra ngoài mặt trận.

Cô bé ngồi trong lòng cô giáo bỗng chốc lại hỏi:

- Vẫn còn mưa hả cô?

Cô đáp:

- Mưa xuân đấy, Thơm ạ...

NHỮNG VÙNG TRỜI KHÁC NHAU

Giá không có đợt báo động lúc bốn giờ sáng thì Lê còn ngủ. Trong giấc ngủ "truy lĩnh" đêm qua, có lẽ bom có nổ ngay bên lán cũng không biết, Lê nằm mơ thấy mình đang ngồi trên xe hành quân. Đoàn xe đại đội cao pháo chạy qua một đoạn đường phố lát gạch của thủ đô Hà Nội. Lê ngồi trên cái thùng xe chất đầy ván nằm, bạt làm tăng, xoong chảo, thùng xách nước. Qua một ngôi nhà có cái núm cửa sơn đen, bậc thềm gạch xây sát đường phố, Lê thấy Sơn đang đứng bên bậc thềm. Sơn vẫn mặc chiếc sơ mi chít hông bằng vải bạt - thứ "áo giáp" bốn mùa của con nhà lính. Mà sao cái thằng Sơn lại trắng nõn ra thế, như một người chưa hề bao giờ biết thế nào là cái nắng ở trận địa cao xạ. Sơn giơ tay vẫy và Lê nhảy từ trên xe xuống. Hai người ôm lấy nhau, cứ nhè vai nhau mà đắm mãi. Khi buông bạn ra thì Lê đã không thấy cái núm cửa cùng bậc thềm xây bằng gạch trước nhà Sơn đâu cả. Sau lưng Sơn, một cô gái mặc áo choàng trắng bước ra, hai tay bưng chiếc khay đựng đầy chai lọ và những gói thuốc con con... Phải rồi, Sơn có ra ngoài này đâu. Sơn đang chiến đấu trong khu Bốn. Ngày nào Lê mới từ biệt Sơn trên trận địa pháo, bên kia sông là làng Lê. Hôm đó, Sơn mới ở Quân y viện về được hai ngày. Chao ôi, chẳng phải là lần đầu tiên Lê biết thế nào là nỗi buồn phải xa một người bạn chiến đấu và vùng trời quen thuộc, nhưng khi từ biệt Sơn để đưa đơn vị ra ngoài này, vội quá. Lê chẳng biết nói gì với Sơn mà trong bụng có rất nhiều điều muốn nói.

...Từ ngày đầu cuộc chiến tranh phá hoại của địch, Lê gặp Sơn ở một khẩu đội cao xạ bảo vệ một thị trấn miền Tây Quảng Bình. Đó là những ngày đánh nhau chưa có gì ác liệt nhưng mà lắm chuyện buồn cười. Hồi đó, các chiến sĩ trông thấy máy bay địch xì khói trắng cứ nhảy lên mà reo, và cán bộ thấy pháo thủ trèo lên mâm pháo thì kêu trời ầm ĩ, cứ sợ năm người cùng đứng một lúc sẽ đánh vỡ mất mâm pháo.

Cứ vài hôm, một tốp chiến sĩ bộ binh lại được điều động về đơn vị pháo mới thành lập. Lê không quên một buổi sớm khẩu đội anh đang làm nhiệm vụ trực ban thì có một tốp chiến sĩ khoác ba lô từ phía nhà ga bỏ hoang đi lên đồi. Lê ngồi ghế số 2. Qua ông kính, Lê chú ý ngay cậu chiến sĩ đi cuối cùng. Cậu ta dong dỏng cao, trắng trẻo, dáng đi mềm mại như con gái, cái ba lô khoác sau lưng đã to nhưng chiếc túi da kiểu du lịch rất sang trọng khoác bên hông còn to hơn, chẳng biết đựng những gì nặng đến nỗi kéo lệch một bên vai xuống. Nửa giờ sau, cậu chiến sĩ "công tử" ấy trong đám bảy pháo thủ mới tới đã đứng trước mặt khẩu đội của Lê. Phải nói rằng cậu ta đẹp trai thật, khuôn mặt trái xoan, đôi mắt thông minh, tận trong lòng mắt ẩn náu một ánh lòng đen vừa ngây thơ vừa kiêu kỳ. "Các đồng chí, đây là đồng chí Sơn mới bổ sung về. Từ nay đồng chí Sơn phụ trách số 1". Trung đội trưởng giới thiệu Sơn như thế rồi nhìn Lê, pháo thủ số 2, cái nhìn như ngụ ý hỏi: "Cậu thấy cậu Sơn thế nào?"

Khẩu đội trưởng sắp xếp hai người ở với nhau. Lê dẫn Sơn về lán. Sơn phải cúi gập cái lưng thon và dài mới chui lọt mái lán thấp lè tè, lợp bằng những cánh lá khuynh diệp. Lê hỏi Sơn bằng giọng lạnh nhạt:

- Cậu quê ở thành phố hử?
- Mình ở Hà Nội, còn cậu?
- Mình ở Nghệ An - Ở đây các cậu ấy gọi mình là số hai "cá gỏi"!

Trong chiếc túi da sang trọng của người pháo thủ mới nhét gọn một bộ đồ vẽ. Ngoài ra còn những vật kỷ niệm đúng là của một anh học sinh Hà Nội vừa từ già gia đình: an bom, sách học, sách truyện, thư từ rất nhiều và những chiếc mùi soa có mùi nước hoa. Sơn tỏ ra hiểu biết rộng nhưng "tán" cũng khiếp. Sơn hay cười, hay hát, cười hát chán lại kêu ầm lên rằng nhớ nhà, nhớ Hà Nội đến không chịu được. Những lúc ấy, bất kỳ ngồi trong lán hay ngoài trận địa, khoé mắt đen ánh của Sơn phớt chốc như mờ đi bởi nỗi nhớ thành phố.

Lê để ý xét nét từng cử chỉ của người pháo thủ mới tới bằng cặp mắt lạnh lẽo và nghiêm khắc hết sức, như một vị quan toà. Sơn cũng cảm thấy như thế. Những lúc ngồi bên nhau trên pháo, Sơn thường bắt gặp con mắt người pháo thủ số 2 nhìn mình không lấy gì làm ưa thích cho lắm. Sao thế nhỉ? Sơn tự hỏi mình có làm điều gì sai không, nhưng anh không giải thích được, anh vẫn đối xử với Lê vui vẻ như mọi người. Thật ra, Sơn không hiểu cái điều bí ẩn trong tính cách người pháo thủ đồng đội ấy: Trong những năm đăng đẳng Sơn cấp sách đi học trên những đường phố Hà Nội mát mẻ thì Lê đã dắt trâu đi những đường cày thẳng tắp và sâu hoắm trên cánh bãi sông Lam. Từ nhỏ Lê là đứa bé vất vả từng đi ở vì bố mẹ anh mất sớm, đã phải làm ruộng đi củi từ năm lên mười. Đôi gò má Lê sớm sạm nắng và dô cao như một nhát đất cày. Tính tình Lê cũng thế, anh không quen thói viễn vông, lãng mạn. Cái nhìn của Lê bao giờ cũng nghiêm khắc như một cơn gió Lào - "Cái thằng Sơn ấy - những ngày đầu Lê nghĩ về Sơn như vậy - cái thằng Sơn ấy mới gặp thì chẳng ưa được, không biết sau này sống với nhau ra sao? Hắn đi bộ đội để con gái viết thư chắc? Sao có nhiều người viết thư cho hắn thế? Chả trách lúc nào hắn cũng kêu nhớ nhà, nhớ Hà nội. Dễ thường mình không có gia đình, làng xóm ư? Hắn là một cậu học trò ba hoa, hắn không phải là mình, là kẻ cầm súng!".

Đã ba năm, từ ngày đó, hai người sống với nhau cùng một

đơn vị pháo nổi tiếng từng đánh hàng trăm trận.

Trên hai chiếc ghế sắt ngồi tướng dít đã thành chai, Lê và Sơn đã cùng nhau đi khắp gầm trời miền Trung đầy sắt thép và khói lửa: Từ giới tuyến ra Quảng Bình, từ Quảng Bình lộn vào giới tuyến; từ bờ biển Đèo Ngang kéo pháo lên Bãi Hà, lại từ Bãi Hà kéo pháo xuống đồng bằng bảo vệ đường số 1. Gia tài của họ: Hai người chung tám giát nằm bằng sậy và cái ba lô đựng vài ba bộ quần áo đồ quạch màu đất đồi Vinh Linh, vạt còn vạt cháy nham nhở.

Sau gần ba năm, bây giờ ngắm Sơn, trung đội trưởng, người ta thấy anh khác đi nhiều. Bom đạn, bùn đất và gió Lào đã nặn khuôn mặt anh sắt lại, hai gò má sạm nắng, tướng anh đã già đi trước tuổi. Anh đã mất cái vẻ trắng trẻo và non nớt. Anh cũng đánh mất những vật kỷ niệm Hà Nội, cả bộ đồ vẽ linh kinh và chiếc túi da kiểu du lịch sang trọng, thứ bị bom cháy, thứ đánh rơi dọc đường trong mỗi kỳ di chuyển trận địa.

Lê đã trở thành một cán bộ đại đội. Có lẽ trong những năm sống bên cạnh Sơn, Lê cũng đánh mất đi của mình một cái gì đó, một cái gì trong tính cách riêng của anh. Trong đơn vị Lê gần bó bằng tình ruột thịt với mọi đồng chí nhưng vẫn có một người anh yêu mến nhất. Người đó lại chính là Sơn. Sơn ở với Lê từ lâu, cùng dự những trận ác liệt nhất, từng đứng sát bên nhau trong những giây phút lịch sử trong đời lính, những giây phút trong đời người ta sẽ mãi mãi trở thành kỷ niệm. Có lúc Lê chợt nhớ những ý nghĩ hẹp hòi đối với Sơn, ngày Sơn mới về. Những ý nghĩ ấy như ánh pháo sáng chiếu rọi qua mắt Lê, chỉ có riêng anh biết và tắt đi rất chóng. Ngày hôm sau, hai người đã ngồi song song trước hai chiếc ống kính của một khẩu pháo. Họ ở với nhau một tuần, cùng dự vài trận đánh và một hôm Lê thốt lên: "Thằng này đánh nhau được!". Thế là bắt đầu mối tình bạn. Lê nhìn Sơn đã khác hẳn. Đôi mắt Lê, từ đó, nhìn mọi vật cũng khác hẳn: Đôi lúc ngồi bên Sơn, anh thường nghĩ một cách say

mê rằng nếu không có vùng trời thiêng liêng là của chung của hai người trên đầu đang bị kẻ thù rạch nát, nếu không có hai chiếc ống kính lắp song song bên nhau trên một khẩu pháo bắn máy bay thì có lẽ không có hoàn cảnh nào anh và Sơn có thể gặp nhau, cùng chung tấm giát nằm, mặc chung nhau vài chiếc áo khét let mùi thuốc đạn và mùi mồ hôi pha tạp. Bây giờ anh mới chợt hiểu đó là tình đồng đội, là hàng ngũ những người lính chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Vào một đêm mùa hạ, gió Lào miền Trung thổi hừng hực, nóng bỏng, người không quen cái gió ấy cứ ngỡ bầu trời trên đầu sắp bốc thành lửa. Vào một đêm đơn vị cao pháo của Lê nhận lệnh cấp tốc hành quân từ Quảng Bình ra Nghệ An. Những chuyến đi dài và hồi hải như thế một hồi đối với lính nhà pháo là chuyện thường. Hồi đó chiến tranh phá hoại của bọn Mỹ đang mở rộng nhanh chóng. Đi đến đâu, những người lính pháo cũng có sẵn một cái mặt trận mới mẻ là bầu trời xanh ngắt trên đầu, và hậu phương mặt trận bắt đầu từ ngay bên càng pháo. Trên đường hành quân, các pháo thủ chính ngồi trên các mâm pháo lắc lư, thỉnh thoảng kéo vạt khăn vắt ngang cổ lên lau bầu má nóng bỏng. Họ đang đưa mắt ngắm những đám rừng cháy kéo dài thành vệt đỏ bỏng ngạc nhiên nhận thấy không khí tự nhiên dịu xuống, một giọng hò và nhịp mái chèo nổi lên len giữa tiếng xích sắt của đoàn xe kéo pháo chạy rầm rập. Đoạn đường trước mặt nhô cao lên như một đoạn đê lớn. Trên thùng xe của chiếc xe đi đầu, thuộc trung đội một, đại đội phó Lê ngồi bên cạnh Sơn, trung đội trưởng. Sau lưng hai người chỉ huy, các pháo thủ phụ tán chuyện và cười nói ầm ỹ, họ ngồi thượng trên chông lát giường, vải bạt, nôi niêu, gà chó và hàng trăm thứ tạp nhạp gọi là "doanh cụ" chất cao lênh khênh, mỗi lần xe chạy qua một lùm cây, mọi người lại vội vàng nằm rạp xuống cả một lượt.

Từ lúc đoàn xe hành quân bắt sang con đường đê, Lê không nghe tiếng cười của các chiến sĩ ở phía sau nữa. Giọng hò và

nhip mái chèo đầu đây vương vẩn trong lòng anh. Cái âm thanh rất khẽ vọng lên từ sông nước không tắt mà nổi lên mỗi lúc một rõ, vòm trời trên đầu Lê hình như đã biến thành một con sông lớn dạt dào tiếng mái chèo. Lê tự trách mình: "Mày đã quen cách thẳng Sơn, đã ăn phải bả mơ mộng của nó rồi!". Nhưng chỉ lát sau, nhận ra đúng phương hướng Lê liền nắm lấy vai Sơn và kêu to:

- Làng tau đây rồi, Sơn ơi!

Sơn ngược nhìn bốn phía chân trời tối như mực:

- Đầu hả?

- Bên tê... Bên tê sông. Chỗ tiếng mái chèo hướng thẳng sang.

Sơn cố lắng tai nhưng anh kêu chỉ nghe được tiếng xích và thỉnh thoảng con chó sủa gâu gâu dưới gầm. "Cái thằng đến là nặng tai và thô lỗ!", Lê đã trở thành một người mơ mộng thực sự. Anh nghe rất rõ tiếng mái chèo đặc biệt của con sông quê anh. Tiếng mái chèo đồ dọc chậm rãi và uể oải xuôi sông Lam thuở lọt lòng Lê đã nghe rồi nhớ không dứt ra được, thường đêm nào cũng qua bên ngõ nhà Lê quăng một hai giờ sáng. Tầm ấy, từ hồi còn bé anh đã thức dậy thổi cơm ăn để đi chặt củi. Tiếng mái chèo chạm nhẹ vào mặt sông kia như có hồn, như chiếc khoá cửa chỉ khẽ đánh tách một tiếng nhỏ nhưng đủ cho hai cánh cửa gian nhà mở ra. Gian nhà ấy lâu nay vẫn đóng im ỉm. Dù cuộc sống có nhiều vất vả, Lê cũng có một cái gia đình. Gần ba năm ở bộ đội, bàn chân đã đạp khắp mọi nơi nhưng chưa bao giờ anh về qua nhà, cũng không có thì giờ nghĩ đến điều đó.

Đại đội cao pháo dừng trên đê, tháo pháo kéo vào trận địa làm sẵn trên dải gò đất cao. Đó là chỗ nhân dân các vùng xung quanh thường dồn tới trong những vụ lụt. Đại đội Lê nhận lệnh đứng ở đấy, bảo vệ cái đập nước và con đê. Nghiên cứu địa hình, hướng bay của địch và làm phương án tác chiến mất một ngày.

Ngày hôm sau, ban chỉ huy cử Lê và Sơn sang bên kia sông bàn với địa phương một vài việc, nhân tiện Lê sẽ tạt qua nhà.

Hạnh phúc người ta trên đời chẳng biết đâu là cùng. Hồi hoà bình ở nhà, Lê mới đi đến cái thị trấn huyện lỵ, đó là chuyến anh phải rời nhà đi ở sau khi mẹ mất. Thế mà bây giờ anh khoác bộ quân phục, sau bao nhiêu ngày đánh giặc khắp nơi nay trở về trông thấy mái nhà ba gian lợp lá mía do chính tay mình dựng trước khi đi bộ đội, thấy mái tóc bạc và cái bóng xiêu xiêu của bà dì chống gậy đứng bên vại nước, anh cứ tưởng mình là người hạnh phúc nhất đời! Vợ Lê, đang cắt cỏ trâu ngoài bãi thoảng trông thấy bóng chồng đã vợ quàng dây hai sọt cỏ rồi cứ băng giữa bãi mía để người làng khỏi trông thấy, gánh gánh cỏ về nhà. Vợ anh trước đen đui nay đẹp hẳn ra. Lúc anh đứng bên vợ, giữa hai gánh cỏ ướt dẫm, bên chái nhà, trông thấy khuôn mặt vợ đỏ ửng lên vì thẹn và sung sướng thì lúc đó, anh cảm thấy niềm hạnh phúc quá lớn đến nỗi sợ không dám giáp mặt quá gần với nó!

Hôm đó, Sơn nằm dài trên chiếc chiếu trải giữa nền nhà cho bà dì của Lê quạt. Chiếc áo vải bạt lấm đất vo tròn làm gối, Sơn nằm nhai từng cái nhân lạc bụi ngậy của đất bãi sông Lam, rồi Sơn lại kêu ầm lên rằng nhớ Hà Nội không thể nào chịu được.

- Này Lê - Sơn nói - đến bây giờ mình còn nhớ, trong tờ giấy ghi sổ ghé rạp chiếu bóng cạnh nhà mình, mình chỉ cho lão bán vé chắm vào ô nào trên dãy ghế hai hào thì đúng "tủ" chỗ ấy ngay trên đầu có quạt máy!

- Tớ chịu cậu! - Lê đáp, giữa lúc anh vừa trông thấy khẩu súng trường và chiếc bao đạn của vợ dựng bên góc nhà.

- Cả Hà Nội chỉ có phố nhà mình từ dưới lòng đường lên vỉa hè, cả trong các nhà đều lát toàn bằng một thứ gạch vuông, thứ gạch cổ bản to nung rất chín. Giờ mình có thể nhắm mắt tả hình dáng từng viên gạch ở các ngõ, các bậc cửa...

- Tớ chịu cậu! - Lê lại đáp và chợt nhận thấy đã lâu lắm, Sơn mới nổi lên một "con" nhớ Hà Nội da diết và bộc lộ như thế!

- Lê, cậu còn nhớ cô gái Hà Nội chúng mình gặp ở Bãi Hà đạo nào không? Hôm chúng mình hành quân qua cái "cua" có bom nổ chậm ấy!... Đạo ở nhà đi học, mình có gặp cô ta luôn, nhưng chẳng bao giờ hỏi han một câu. Nhà cô ta ở xế cửa nhà mình, chỉ cách vài nhà. Cô ta không đẹp, không xấu, giữa Hà Nội là một người con gái chẳng có gì đáng để ý. Thế mà hôm mình gặp, bất chợt trông thấy cô ta hiện ra trong bộ quần áo thanh niên xung phong ở một nơi cuối trời cuối đất, bom đạn như cơm bữa, mình thấy cô ta đẹp quá đi mất! Trông thấy mình, cô ta vứt cả cuộc, chạy bổ tới rồi rít: "Anh Sơn, anh Sơn!". Còn mình thì khi quá, mình chẳng biết tên người ta để mà gọi! Nhưng ngay lúc ấy mình lại trông thấy dưới hai bắp chân trắng nõn lấm ngáp bùn Bãi Hà một cái bậc cửa bằng gạch. Cả Hà Nội đồ sộ hình như thu lại trong cái bậc cửa nhà cô ta, cũng giống như cái bậc cửa nhà mình, cả hàng gạch lát thêm xen vào một viên gạch đỏ chót... Không hiểu sao có những viên gạch như thế?...

Hai người mãi chuyện thì vợ Lê từ dưới bếp chạy lên thất bao đạn, khoác súng lên vai và nói hấp tấp:

- Hình như bên trận địa đang khua keng báo động, hai anh ạ!

Lê vợ áo bật dậy như một chiếc lò xo. Hai người mặc áo đội mũ và chạy ra bãi, mang theo cả cái hơi mát của nền nhà. Bên mép Sơn còn dính một vệt trắng nhân lạc. "Mình chạy vội quá, chưa kịp bảo với vợ mình đi" - Lê chợt nghĩ thoáng qua trước mắt Lê khuôn mặt đỏ ửng của vợ lúc hai người đứng bên chái nhà. Cái hình ảnh ấy chỉ vụt qua, loé lên như một chiếc lá mía xanh biếc. Không có đồ, hai người nhảy xuống sông bơi trở về trận địa. Thế là kết thúc một chuyến về phép của Lê sau ba năm xa nhà, từ đó về sau anh cũng không có dịp tạt qua nhà lần nào nữa.

Sơn bị thương cuối trận đánh hôm ấy.

Suốt cuộc chiến đấu, Lê đứng bên hầm chỉ huy lúc nào cũng thấy cái dáng cao cao, chiếc mũ sắt đội hất ngược về phía trước để lộ khuôn mặt xương xương, đen bóng. Như nhiều trận đánh máy bay ác liệt nhất, hôm đó, bao giờ trên môi Sơn cũng có một mẩu thuốc lá cháy phì phèo. Sợi khói thuốc lẫn giữa khói đạn mù mịt, sặc sụa. Sau màn khói đen đặc những lúc bom địch vãi gần, Lê vẫn nghe giọng người chỉ huy hết sức bình tĩnh vang lên từ góc trận địa trung đội một. Cho đến lúc trông thấy hai cậu chiến sĩ khiêng một cái cáng tre chạy vụt qua, Lê hỏi: "Ai?", chỉ nghe cậu khiêng cuối đáp: "Đồng chí Sơn trung đội trưởng". - "Còn sống không?" Lê hỏi tiếp như gắt nhưng chiếc cáng đã khuất dưới đoạn hào mé bãi lác. Cái mà Lê trông thấy khi ấy, và đi sâu vào óc anh là đôi bàn chân đất của Sơn, rất dài, thò ra ngoài đoạn phen tre, lớp bùn vàng vàng của phù sa sông Lam bọc lấy hai bàn chân đến tận mắt cá!

Lê đứng giữa trận địa, vẫn sáng suốt theo dõi địch nhưng lòng đau như cắt. Sơn mất rồi ư? Chẳng lẽ hai người cùng nhau qua hàng trăm trận dưới đủ các vùng trời, chẳng lẽ mới vừa qua Sơn còn nằm trên chiếc chiếu trải giữa nền nhà Lê ăn lác và say sưa nhắc chuyện Hà Nội, thế mà Sơn đã ngã xuống rồi sao?

Sơn chỉ bị thương vào bụng.

Anh nằm Quân y viện hơn hai tháng, vết thương vẫn chưa lành hẳn. Trong thời gian ấy, cả trung đoàn pháo đang trải qua rất nhiều biến đổi. Đêm đêm tiếng xe pháo lại âm ỉ mặt đê. Những đại đội 37 mới về tăng cường hi hục đưa pháo vào chiếm lĩnh trận địa. Vài đại đội cũ chuyển sang trung đoàn mới. Các đại đội cao pháo tự nhiên phình ra. Tân binh Nghệ An mới bổ

sung về quá nhiều, không đủ lán nằm đành tạm giải bạt ngũ quanh các lán đạn. Đại đội Lê cấp tốc tổ chức thành hai đại đội: Một đại đội chưa rõ ai sẽ chỉ huy, vẫn đứng ở đây bảo vệ đập nước. Đại đội thứ hai do Lê phụ trách, sẽ hành quân ra miền ngoài. Các cán bộ đại đội trưởng cũ đều lên chỉ huy tiểu đoàn cả.

Một buổi sớm, Lê báo cáo công việc tổ chức lại đơn vị với chính uỷ trung đoàn tại trận địa. Hai người ngồi dưới một chiếc lán lợp lá mía. Chính uỷ trung đoàn neho đôi mắt đầy vết chân chim nhìn khối nước bạc trắng như đàn ngựa sông cương từ ngàn sâu đổ về ngoài mặt sông Lam. Mùa hè đã qua. Ở đây, mùa lũ và mùa mưa bão muộn đã đến. Bên này và bên kia đê, phía làng Lê, thỉnh thoảng lại nổi lên một hồi trống thùm thùm, nghe bùng bùng như dội xuống từ vòm trời đầy những đám mây xám mọng nước. Nghe tiếng trống hộ đê, chính uỷ gõ gõ ngón tay xuống mặt chiếc hòm đạn trước mặt, vùng trán khê nhú lại, đồng chí hỏi Lê:

- Làng cậu đâu ở quanh vùng này phải không?

- Vâng.

- Cậu đã về làng chưa?

- Rồi ạ!

- Mình hỏi thực cậu: Nhân dân có tin chắc rằng chúng ta sẽ bảo vệ được cái đập nước không?

- Bà con bên làng tôi đặt tin tưởng vào bộ đội cao xạ đấy, thủ trưởng ạ!

- Thế còn cậu, cậu có tin không? - Chính uỷ đột ngột hỏi tiếp.

Lê suy nghĩ và đáp thành thực:

- Các anh em đại đội 1 ở lại đây toàn những tay đánh nhau cừ cả, nhưng người chỉ huy cũng quan trọng. Không rõ trên sẽ cho ai xuống làm đại đội trưởng của họ?

- Một tay khá đấy - Chính uỷ gật gù trầm ngâm. Cuối buổi

nói chuyện, chính uỷ bỗng ngừng lên nhìn ra ngoài xa rất chăm chú - Kia, đại đội trưởng đại đội bảo vệ đập nước đã về đây rồi!

Lê nhìn theo ngón tay chính uỷ trở ra ngoài đê. Anh đứng bật dậy, cụng cả đầu vào mái lán và gọi như reo lên:

- Sơn!

Sơn chống một đoạn gậy tre, từ ngoài đường đê đi băng qua những đám ruộng lác trên trận địa. Sau hai tháng ở Quân y trông Sơn có trắng trẻo ra một ít, nhưng da vẫn còn xanh. Vẫn chiếc mũ sắt đen bóng đội hất về phía trước và một mẩu thuốc lá "Sông Lam" nặng đến khé cổ cháy phì phèo bên mép. Chiếc chăn và bộ quần áo độc nhất còn lại, Sơn đem bó lại và khoác bên hông, bó quần áo cứ lủng lẳng, từ xa Lê trông thấy Sơn không hiểu sao liền nghĩ ngay đến một cậu học sinh thành phố khoác chiếc túi da sang trọng, đó là hồi Sơn đến gia nhập khẩu đội của Lê làm pháo thủ số 1...

Lê chạy ra đón Sơn từ trên dốc. Trước mặt Lê vẫn là người thanh niên Hà Nội - Cậu chiến sĩ "công tử" ba năm về trước có khoẻ mắt vừa ngây thơ và kiêu kỳ.

Lê hỏi thăm sức khoẻ của Sơn rồi nói nhỏ: "Cậu về mà nhận chức mới. Chính uỷ đang đợi cậu trong lán chỉ huy đấy!"

Sơn kéo vạt khăn đen nhem vắt ngang cổ lên lau má như một pháo thủ, hỏi Lê:

- Mình lại về trung đội một chứ?

- Không! Không còn cái trung đội một cũ của chúng mình nữa đâu, phen này hai đứa đi hai ngả rồi!

Tuy chưa được phổ biến chính thức nhưng chính uỷ cũng để lộ cho biết đại đội của Lê đi ra miền ngoài kỳ này sẽ được giao nhiệm vụ bảo vệ Hà Nội. Hai hôm sau, trong một buổi họp ở ban tham mưu, nhiệm vụ của Lê đã rõ ràng: Anh có trách nhiệm chuẩn bị cuộc hành quân cho đơn vị kéo thẳng ra Hà Nội, sẽ sát nhập đơn vị mình trong lực lượng pháo bảo vệ Hà Nội.

Một đêm, Lê và Sơn đứng bên nhau rất lâu trên cái gò đất xung quanh ì ầm tiếng sấm và tiếng nước lũ đổ về. Trước mặt hai người chỉ huy, những pháo thủ của đại đội pháo cũ gặp nhau trên mảnh đất miền Tây Quảng Bình đang từ biệt nhau. Đại đội pháo của họ như một gốc cây đã lớn, nhựa cây ứ đầy toả ra thành hai nhánh.

Đại đội của Lê đã dàn xe pháo sẵn sàng trên mặt đê theo đội hình hành quân.

Lê ngừng lên ngắm một lần cuối vùng trời quê hương mình, nói với Sơn:

- Mấy hôm nay ngày nào chúng cũng cho máy bay trinh sát...

- Cậu cứ yên tâm. Chúng mình sẽ bảo vệ cái đập nước và vùng trời quê hương của cậu bằng mọi giá...

- Tớ rất tin... Tớ rất tin cậu!

Sau ba năm sống với nhau từ ngày hai người còn ngồi trên hai chiếc ghế sắt của một khẩu 37 cũ kỹ, lần này Lê và Sơn mỗi người nhận một nhiệm vụ. Họ chia nhau tám giát nằm, vài tấm áo sặc mùi thuốc đạn và chia nhau bầu trời Tổ quốc trên đầu. Tận trong những ý nghĩ sâu kín nhất của Lê, anh đã coi Sơn như một đồng chí thân thiết nhất trong đời lính - "Đi nhá!". Họ bắt tay nhau, từ biệt nhau chỉ có hai tiếng ấy.

Lê bắt đầu một cuộc hành quân dài. Những thùng xe chất đầy đồ đạc. Bên những nòng pháo chênh chếch chìa lên trời lại bày ra trước mắt thiên hạ cả cuộc sống bình thường của con nhà lính. Hãy nhìn những người chiến sĩ cao xạ ngồi ngất ngưỡng hai bên thành xe; có một trăm người lính thì có một trăm cuộc đời và vùng trời quê khác nhau. Họ đi qua cầu Bùng, cầu Hồ, Hàm Rồng và Nam Định, Phủ Lý, để lại phía sau rất xa những đèo Ngang, Quán Hàu, Bãi Hà... những vùng trời họ đã để lại một nửa tâm hồn ở đấy.

Đại đội Lê kéo vào thành phố Hà Nội giữa một buổi trưa nắng rất gắt. Từ dưới đường phố nhìn lên cao, bầu trời Hà Nội cũng chia thành từng đường phố, từng cửa ô và lấp lánh như lồng kính. Những pháo thủ từ miền Trung ra, anh nào cũng đen cháy và mặt mũi quần áo dính đầy bụi đường, đang lắng nghe tiếng bước chân của chính mình vang trên đường phố lớn. Đoàn xe xích kéo pháo ầm ầm rẽ vào một dãy phố hẹp: những mảnh tường đứng tựa vào nhau, những mái nhà mỏng mảnh cao thấp lô nhô, vỉa hè và lòng đường không rải nhựa mà lát toàn bằng một thứ gạch cổ. Đến ngang ngôi nhà một tầng, núm cửa sơn đen và bậc thềm gạch xây chìa ra đường, Lê nhảy xuống. Đây là nhà Sơn. Cửa khóa chặt. Lê cầm phong thư của Sơn gửi về nhà, chưa biết gửi vào đâu thì từ trên nóc ngôi nhà đối diện nhô ra một khuôn mặt trẻ măng và đen nháy, vẫn khuôn mặt pháo thủ cao xạ cười tít chỉ thấy hai hàm răng là trắng. Cậu pháo thủ lạ mặt chào Lê:

- Chào người anh em, các cậu ở xa mới dọn về hử?

Một cậu khác từ một nóc nhà bằng bên này đường mách xuống:

- Thư của chàng trai đi đánh Mỹ gửi về hử, cứ đút dưới khe cửa. Nếu là đồ đạc thì đem lên đây gửi chúng tớ.

Thế là hôm nay Lê đã đứng dưới bầu trời Hà Nội, cạnh những người đồng đội mới và cũ. Trời gần sáng. Sau lưng Lê, Thủ đô đầy tiếng động như một cái tổ ong vừa thức giấc. Lê tựa lưng vào vách ụ pháo và nhớ lại giấc mơ vừa qua: Phái rồi, Sơn có ra ngoài này đâu? Sơn đang chiến đấu trong vùng trời quê hương của Lê. Ngày nào hai người mới từ biệt nhau trên gò đất trện địa của đại đội Sơn, những ụ pháo ở đây đắp bằng phù sa sông Lam vàng tươi như nghệ, giữa một bãi sông trông toàn lạc.

Đất phù sa sông Hồng chuyển sang người Lê một cảm giác mát lạnh - "Như thế là mình đã đứng ở đây - Lê chợt nghĩ một

cách thú vị - bên cạnh Hà Nội, cái thành phố Thủ đô mà Sơn từng thân thuộc từng gốc cây, từng mảnh tường và cả từng sắc mây trên nóc phố”.

Trời sáng hẳn, Lê thấy trên đầu nòng pháo chiếu thẳng hướng ngấm cơ bản, bầu trời rực lên một vệt đỏ như một đoạn hè phố lát toàn bằng gạch, trên mỗi bậc cửa đột nhiên hiện lên một viên gạch đỏ.

CHUYỆN ĐẠI ĐỘI

Đại đội trở về đóng gần thành phố đã mấy năm mà doanh trại vẫn chưa xây, tạm ở trong một cái nhà chứa xe cũ.

Cả ba trung đội và ban chỉ huy đại đội ở chung cái mái nhà tôn, xà vĩ đều bằng sắt, cao lều đều và rất rộng. Các trung đội chỉ ngăn cách với nhau bằng hai chiếc tủ để súng. Đêm, một cậu ở đầu nhà ngủ mê nói câu gì, cậu nằm cuối nhà cũng nghe rõ. Ban chỉ huy đại đội ở một gian con, ngăn ra bằng những tấm phen liếp treo la liệt biểu đồ huấn luyện, khẩu hiệu, tranh vẽ anh bộ đội đứng gác... Một cánh màn gió bằng vải đỏ treo ở cửa ra vào. Bàn giấy đại đội gồm hai chiếc bàn kê liền nhau, bộ ấm chén, phích nước và một chiếc đồng hồ cũ kỹ đặt giữa bàn. Bình thường, ban ngày chiếc đồng hồ đặt ở đây, nhưng ban đêm, các tiểu đội gác mượn tha đi khắp nơi. Tối hôm ấy, một chiến sĩ khoác khẩu súng, vạch lá màn đỏ đến mượn chiếc đồng hồ, chính trị viên Thoa vội chối đây đẩy:

- Bữa nay các cậu mượn chiếc đồng hồ tay của cậu nào đấy mà dùng!

Đi ngủ, Thoa xách theo chiếc đồng hồ vào trong màn, để bên gối. Cậu Yên là y tá đại đội, ngủ cạnh chính trị viên, ngẫm đoán là sắp có "sự biến" liền chạy xuống trung đội tìm thằng em họ. Yên dắt thằng em "nghĩa vụ" ra sân, rì vào tai:

- Tối nay báo động đấy... Cầm nói hờ ra nghe không?

Quả đúng như vậy.

Sau khi anh đại đội trưởng đã ra nhà chiêu đãi với vợ, Thoa cầm chiếc đèn pin làm bằng một tảng pin khối kẹp vào chiếc que nứa đi kiểm tra từng giường ngủ của các chiến sĩ, xoi mói hơn mọi hôm; rồi lại ra vườn thăm con trâu sắp đến ngày đẻ. Thoa kêu àm lên vì có cậu trực nhật đại đội đã không chịu cắt cỏ đủ cho trâu ăn cả đêm, rồi lên giường nằm. Y tá Yên nghe tiếng lên giầy chuông đồng hồ ở trong màn.

Thượng úy Thoa là một đảng uỷ viên trung đoàn, đã ngoài bốn chục tuổi. Loại cán bộ đã "xế" tuổi như Thoa, bây giờ ở đơn vị không có là bao. Phần lớn cán bộ cấp trung đội, đại đội đều ở trường đào tạo sĩ quan ra: trẻ, hăng, khoẻ, "quần" lính hàng buổi không dính một hạt mồ hôi trên áo. Có đạo, trên đã đưa Thoa về làm một chân chủ nhiệm trên ban hậu cần trung đoàn. Anh ngồi cái ghế ấy được một dạo trên lại đưa trở về đại đội. Một buổi tối thứ bảy, quần vén lên sát đầu gối, Thoa kẹp chiếc điều cày vào giữa hai bắp chân đen và mập, vui vẻ kể với đại đội trưởng An vừa mới ở nhà trường về: "Đồng chí tính, mười năm kháng chiến, chín năm hoà bình, vợ con đều ở xa. Hồi còn trai trẻ không nói làm gì, bây giờ đã có hai thứ tóc trên đầu, nhưng ai rời bộ đội cũng mặc, tôi cứ sống chết ở đây. Hồi tôi ở trên ban hậu cần, một hôm gặp đồng chí chính uỷ, tôi gửi cho đồng chí ấy xem nào là bản thống kê, biểu đồ. Đồng chí ấy chê chữ tôi viết to như con gà mái mà vẫn khó đọc. Đồng chí ấy hỏi: Bây giờ đã có tuổi, vợ con ở xa, những ngày nghỉ đồng chí làm gì? Tôi báo cáo: thừa chút thì giờ nào, tôi chỉ chạy về dưới đại đội. Tôi nói với đồng chí ấy tôi ở cơ quan không hợp. Sống với anh em chiến sĩ đã quen. Cho tôi lãnh đạo một đại đội thì được chứ bắt tôi ngồi vẽ một cái bản thống kê thì vẽ đi vẽ lại vẫn cứ sai. Chiến sĩ thì không kể mới hay cũ tình nguyện hay nghĩa vụ, mình là người chính trị viên hề biết yêu thương đùm bọc lấy anh em, khác anh em họ biết nghe lời mình..."

Thế là Thoa lại được trở về đại đội, cái đơn vị mà anh đã ở

từ ngày làm một chiến sĩ cấp dưỡng. Những năm làm cấp dưỡng đã tạo cho Thoa tính cần mẫn. Vụ mưa vừa rồi, người ta thấy anh mặc áo quân phục, đánh chiếc quần đùi và úp chiếc nón lên đầu. Thoa xóc chiếc cày lên vai nhẹ nhõm và cầm chiếc chảo quắt vào bên hông con trâu, miệng giục:

- Vắt, đi, hã vắt, vắt!

Đại đội trưởng An đứng trên thềm nhà đại đội, âu yếm nhìn người chính trị viên vác cày dong trâu ra ngoài cổng doanh trại và nói đùa:

- Này đồng chí Thoa, trông đồng chí cứ ngỡ là đã phục viên về nhà ít nhất vài ba năm rồi!

Ở ngoài đồng Thoa hướng dẫn cho mấy chiến sĩ tăng gia cày vỡ đất. Họ đều là những tay giỏi ở nhà, thế mà anh vẫn cứ kêu:

- Mấy cậu này, rời ra là cày đây cày lập thế này ư? Ở nhà các cậu làm ăn cho hợp tác xã ra sao mà đến đây dắt con trâu đi như vậy?

Mấy cậu chiến sĩ được ngày chủ nhật cũng muốn đi chơi. Đại đội trưởng An cũng muốn cho chiến sĩ nghỉ ngơi nên đề nghị với Thoa:

- Chiều nay, anh cho các cậu ấy nghỉ một buổi...

- Nghỉ ư? Không đi dạo phố một chủ nhật cũng chẳng chết được nhưng không cày theo nước, tuần sau đất nó chai lại, lại vác cả đại đội ra mà cuốc ư? Cái nghề làm ruộng, chỉ rất lưng nhất lúc cày lúc cấy thôi.

Có lúc Thoa hơi độc đoán như thế nhưng có khi anh lại phục tùng ý kiến của An rất dễ dàng.

Đêm hôm ấy, Thoa vào màn ngủ một mạch cho đến lúc chiếc đồng hồ báo thức đặt bên gối réo chuông inh ỏi. Anh vội đưa những ngón tay cứng và rám đặt trên cái núm chuông khiến chiếc đồng hồ chỉ phát ra những tiếng lạch cạch. Lúc ấy mới hai giờ rưỡi sáng. Thoa nhảy xuống giường, mặc quần áo, xỏ đôi giày

vải. Chỉ loáng sau, tất cả đồ đạc đều được gói gọn trong chiếc ba lô. Chiếc giường chỉ còn trơ mặt ván gỗ. Ánh sao lọt qua cửa sổ dội vào mờ mờ. Bên ngoài, đêm vẫn còn sâu hun hút; anh gài chặt khẩu súng ngắn ngang hông, lẹ làng đi sang phòng các trung đội. Dáng bậm bạp của Thoa khuất giữa những hàng giường hai tầng. Từ bên trong những lá màn trắng buông thành hai dãy, hơi thở của các chiến sĩ trong giấc ngủ mang theo mùi cỏ ngái thao trường, mùi bùn đất và nắng cháy. Cuối dãy giường áp cửa sổ, một cậu ngủ quên buông màn, Thoa rủ lá màn xuống, chèn mép cẩn thận, miệng lẩm bẩm: "Cứ ngủ yên, được phút nào hay phút ấy!". Ở góc trung đội hai, dãy giường tầng trên, một cậu ngáy như sấm, cứ cục cục trong cổ rồi rít lên the thé. Anh nghĩ: Những "thằng cha" khoẻ mới ngáy to được như thế! Cũng như mình hồi trẻ. Trong giấc ngủ say sưa của những người lính anh vẫn cảm thấy có một cái gì rất tỉnh táo. Chỉ cần một tiếng còi, lập tức họ sẽ đứng thẳng dậy cầm lấy khẩu súng.

Thoa bước ra bên ngoài hiên mới biết là trời đang mưa lâm thâm. Mưa này rồi có phát cờ lên thi với lúa đây.

Thoa lục túi lấy chiếc còi, cái ý nghĩa đêm qua lại quẩn về trong óc: "Báo động vào tầm này có sớm quá không?" Anh đưa bàn tay ra trước mặt không trông rõ bàn tay, những giọt mưa li ti như ngọn cỏ chích vào da mát lạnh. Đêm qua, Thoa bàn với An để gần giờ báo thức buổi sớm hãy báo động, để cho anh em đỡ mất ngủ, nhưng An gạt đi: "Đại đội mình báo động vào giờ ấy nhiều lần rồi. Phải tập cho chiến sĩ "động" trong mọi lúc". Thoa vui vẻ làm theo ý kiến của An và ngầm buộc tội mình lác hậu, và thiếu ý thức sẵn sàng chiến đấu. Thoa sắp phát hiệu lệnh báo động toàn đại đội thì thấy một bóng người từ phía vườn sấn chạy đến trước mặt, tiếng cậu chiến sĩ hơi run:

- Báo cáo thủ trưởng, báo động hành quân chiến đấu phải không ạ?

Thoa hơi giật mình:

- Chi đây à? Cậu còn ở đây hả?

- Vâng.

- Sao chưa đi? Sao tiểu đội trưởng của đồng chí đã báo cáo với tôi là đồng chí đã ra bến xe từ đêm qua rồi?

- Sáng tôi đi cũng kịp ạ. Báo cáo thủ trưởng...

- Việc gì? Đã tạm đủ tiền mang về nhà chưa?

- Báo cáo... có rồi... Báo cáo thủ trưởng... Con trâu nhà ta đẻ rồi ạ! Trong bóng tối, hình như Thoa vẫn nhận ra khuôn mặt bầu bĩnh, hơi ngây thơ của cậu chiến sĩ đang đỏ ửng lên vì mừng rỡ. Thoa cũng kêu lên một tiếng nhỏ trong cổ, chẳng biết vì sung sướng hay cảm động. Bây giờ Thoa mới để ý thấy một ngọn đèn dầu tù mù ở cuối bãi sắn, bên cửa chuồng trâu sát hàng rào doanh trại. Ở đây, cái chuyện cả đại đội chờ đợi suốt một năm đã đến: con trâu của họ đã đẻ!

Thoa chạy vào nhà đập cậu y tá dậy, trao vào tay chiếc đèn pin:

- Yên, dậy ra nhà chiêu đãi đánh thức anh An dậy. Nhớ buồng số hai mươi lăm nhé. Cầm lấy đèn pin. Soi cho đúng. Đừng gõ cửa lung tung làm động giấc ngủ vợ chồng người khác. Rõ chưa? Yên, tỉnh hẳn chưa?

Cậu y tá láu lỉnh đã thức giấc từ lúc Thoa trở mình lần đầu tiên. Yên mỉm cười trong bóng tối, thõng hai bàn chân khua đôi dép:

- Báo cáo tôi đã rõ ạ!

Yên và Thoa chạy ra cửa cùng một lúc. Bóng Thoa lẩn trong vườn sắn. Thoa đã đứng trước cửa chuồng trâu. Bên ngọn đèn, Thịnh, hạ sĩ quản lý đại đội và Chi đang buộc rôn cho con nghé mới sinh. Trong giàn, con trâu mẹ đang nằm thở rất mạnh. Chợt trông thấy cái bóng gù gù, hơi thấp của Thoa hiện ra trước cửa, con trâu mẹ vội vàng chống hai chân trước đứng dậy. Những chiếc móng đập xuống mặt đất ầm lộp lộp. Chi chạy đi nhóm

bếp. Anh đặt chiếc xoong trên những hòn gạch và gây lửa. Ánh lửa bùng lên soi vào đôi mắt con trâu mẹ ươn ướt. Chẳng mấy chốc, xoong cháo nấu cho con nghé đã sôi. Thoa đặt bàn tay lên lưng trâu mẹ thấy mồ hôi ướt dơm dớp. Thoa vuốt ve sống mũi nó. Con vật ngược đôi mắt ướt hiền lành nhìn Thoa. Trong đại đội, quản lý Thịnh và Thoa là hai người biết con trâu này từ lâu. Nó đã sống qua hai khoá chiến sĩ nghĩa vụ. Một mình nó, phá hoang rồi cày ải, cày dầm, bừa cỏ bẫy mấu đất đồi và ba sào nương sắn của đại đội.

Chi cầm đũa ngoáy cháo, mắt vẫn không rời trâu mẹ, Chi nói với Thoa bằng giọng lo lắng:

- Báo cáo thủ trưởng, nó đẻ từ lúc mười một giờ ba mươi phút, đến bây giờ vẫn chưa ra hết rau.

Thoa gật với Chi:

- Sao đồng chí không đánh thức tôi dậy? Lúc nó chuyển bụng thì có cậu nào ở đây không?

- Có tôi, đồng chí Thịnh. Tôi bàn đánh thức thủ trưởng nhưng đồng chí Thịnh bảo để thủ trưởng ngủ kéo mệt. Thủ trưởng à, con trâu mẹ chẳng có chút sữa nào cả?

- Ngày mai mới xuống sữa - Thoa giải thích - Người mới đẻ ban đầu cũng đã có sữa ngay đâu. Tôi đã dặn các đồng chí trực nhật đêm nào cũng vắt đủ cỏ cho nó ăn. Thế mà đêm nào nó cũng chỉ được một chét không đủ dính miệng...

Thoa chợt nhớ công việc chính của mình lúc này. Thoa về nhà. Những hồi còi ngắn và gắt, ba tiếng một nổi lên. Lệnh báo động! Những tiếng lịch kịch bỗng nổi lên suốt năm gian nhà xe. Thoa đứng ngoài sân nghe ngóng những tiếng động trong bóng tối.

Cả Chi và Thịnh chạy tới.

- Thịnh về nắm tổ anh nuôi ngay - Thoa hạ lệnh.

Quản lý Thịnh đề nghị được ở lại trông con trâu, Thoa gật đi:

- Nhiệm vụ chính trên hết đã! Đồng chí về tiểu đội. Chỉ cần

một mình đồng chí Chi ở lại với hai mẹ con trâu là đủ - Thoa dặn kỹ Chi - Con nghe chẳng cần cho ăn ngay. Khi cháo dừ, cậu đổ vào cái chai, đổ dần cho con trâu mẹ ăn tất. Rau không ra được là vì nó đói không đủ sức mà rặn. Rặn được con nghe ra là nó đã đói lả, thử hỏi còn sức đâu nữa. Cậu chẳng thấy mồ hôi ra đầm cả lưng nó đấy ư?

Chi bàn:

- Tôi thấy nhà ở, các ông bác tôi cũng có con bò đẻ sót rau, ông ấy cho uống nước cau khô sắc đặc.

- Không cần thiết. Cậu cho con trâu mẹ ăn cháo xong rồi về chuẩn bị đồ đạc, ra bến ngay mới kịp chuyển xe năm giờ sáng; Về nhà, nếu tình hình còn khó khăn nhiều thì cũng cứ lên. Đại đội sẽ giải quyết sau.

Mưa mỗi lúc một mau hạt. Những giọt mưa mỏng nhẹ từ trên cái màn tối đen rây xuống bám vào khối người và vũ khí cồng kềnh xếp thành hai hàng dọc. Nền đất sân doanh trại đã bắt đầu ướt lép nhép. Trên đầu hàng quân, An khoác ba lô đứng im lặng không động đậy, không lên tiếng, chỉ đưa cặp mắt lạnh lẽo nhìn suốt ba trung đội. Thứ bảy tuần trước, An đã hướng dẫn các chiến sĩ gấp ba lô, buộc chiếu và chắn màn. Lần này bộ đội tập hợp nhanh, gọn và bí mật hơn. Trông thấy An đã về, đang đứng trên đầu hàng quân, Thoa hết sức an tâm. Trong ý nghĩ của Thoa, An là hình ảnh đầy đủ nhất của sĩ quan chính quy: trẻ, khỏe, linh lợi và cũng có kinh nghiệm chiến đấu. Ở trường bổ túc sĩ quan ra, An được đề bạt thăng từ chức trung đội lên đại đội trưởng. Cái tác phong quân sự mới mẻ của An hấp thu được ở nhà trường cứ thấm dần vào từng chiến sĩ, giống như những giọt máu đỏ thấm vào từng vi ti huyết quản để tạo nên sức mạnh của cả cơ thể.

An ra lệnh bằng những tiếng hô sắc và nhỏ. Đội hình đại đội sít chặt hơn. Mưa càng dày. Không khí trở lạnh đột ngột. Một

tiếng kêu "nghe ọ" của con trâu mẹ từ cửa giàn vang rền trong nếp đồi. Tiếng kêu của con trâu mẹ dội mạnh vào lòng Thoa. Thoa đứng cạnh một chiến sĩ ở trung đội cuối, đang kiểm tra cách gài chiếu. Thoa vừa đưa tay kéo nhẹ một cái, chiếc chiếu tuột khỏi mép ba lô. An đi qua trông thấy liền thốt lên giọng hơi gắt: "Tôi đã bảo đồng chí thế nào?" Người chiến sĩ đặt ba lô xuống, vẻ sợ sệt. Thoa lặng lẽ buộc lại chiếc chiếu giúp cậu chiến sĩ.

Anh giục các trung đội trưởng nắm quân thật nhanh rồi đột ngột hỏi Thoa:

- Bây giờ là hai giờ bốn mươi hai phút rưỡi. Đồng chí phát lệnh báo động lúc mấy giờ?

Thoa đứng ngây người, cái lưng già gù gù đeo ba lô nặng càng chúc về trước. Thoa ấp úng đáp:

- Tôi quên xem giờ... khoảng già hai giờ rưỡi.

Thoa bực mình. Tại sao mình cứ cuống lên, lúnh quính với con trâu đẽ? Tại sao lúc phát hiệu lệnh, mình không nhìn đồng hồ?

An hạ lệnh xuất phát. Toàn đại đội bước đi lặng lẽ và bí mật, kéo dài theo hàng dọc như một con rắn đen bò ra khỏi doanh trại, quẫy mình trên dãy đồi đã ướt đầm đìa sương đêm và trận mưa dầm về sáng.

Trong phút chốc, cái nhà chứa xe trống không. Đứng trên cái mòm đồi mà An vừa dẫn bộ đội lên, Thoa lại tự phàn nàn với mình: "Mình lại quên khuấy theo dõi giờ giấc. Tệ vậy? Đầu óc mình đã bắt đầu quẩn đi rồi hay sao?"

*

* *

Bộ đội đi tập đêm xong đã trở về. Cái nhà chứa xe âm ỉ một lúc rồi đầu đầy lại yên lặng. Chỉ trong phút chốc, những dãy màn

trắng buồng kín các giường. Một cậu nào đó đã cắt tiếng ngáy.

Bên kia bức rèm cửa, ngọn đèn bão vẫn cháy sáng.

Trước hai chiếc bàn kê liền nhau rộng thênh thang, An bắt đầu làm việc. Anh mở xà cọt, trải giữa mặt bàn tám bản đồ "bài tập chiến thuật" chỉ chít những mũi tên xanh đỏ, những ổ đề kháng, những con đường tiến quân vẽ bằng những nét gạch. An đứng tựa vào bàn, hai bàn tay xoè rộng đặt trùm lên một vùng đất đai đang diễn ra cuộc chiến đấu ác liệt, thỉnh thoảng chiếc bút chì gõ lên đầu một cánh quân.

Trong góc nhà, Thoa đang nấu nước để pha trà. Chiếc bếp còn kêu xèo xèo như chảo rán mỡ. Chợt Thoa ngừng lên hỏi:

- Đêm qua chị ấy có đau nhiều không?

Đại đội trưởng An không ngừng lên, anh kẻ một nét bút chì đưa cánh quân của mình tiếp tục tiến lên rồi mới đáp:

- Cô ấy đau suốt đêm anh ạ, cứ ôm lấy dạ giường mà kêu, không dám kêu to sợ tôi sốt ruột nhưng xem ra thì đau lắm.

Thoa ngắm cái mũi thẳng, và món tóc uốn một cách tự nhiên trên vùng trán đang suy nghĩ của An, trong bụng vừa kính phục vừa thương hại người cán bộ đồng cấp trẻ hơn mình gần hai chục tuổi. Hồi chưa đi học ở trường, An cũng ở đại đội này, làm trung đội trưởng. Hồi đó Thoa đã làm chính trị viên, là cấp trên của An. Ngày An chưa có vợ, chính Thoa đến tận nhà bố mẹ vợ An "đặt vấn đề" cho hai người. Rồi đám cưới An, Thoa ngồi ghế chủ toạ. Vợ An tên là Vi, người trong huyện này. Vợ chồng mới cưới nhau được hơn vài năm, chưa có con. Vợ An mắc chứng đau bụng, y tế huyện chữa mãi không khỏi, Thoa bàn với An đưa vợ lên nhà chiêu đãi ở để nhờ Quân y trung đoàn chữa. Gần một tuần lễ, An cứ ngày huấn luyện bộ đội, đêm lại ra nhà chiêu đãi rang cá chườm bụng cho vợ. Đầu hôm, An đã toan ngủ trong doanh trại nhưng Thoa nhất định bắt An ra ngoài đó trông nom Vi. "Anh cứ đi đi, định đến đây tôi có nắm đại đội đánh nhau

được không nào?"

- Anh ạ, ngày kia tôi định cho cô ấy về - An nói, sau khi hoàn thành "bài tập chiến thuật", những cánh quân đỏ của anh đã đè bẹp kẻ địch.

- Sao lại về? - Thoa đặt một chén trà đang bốc khói trước mặt An - Đã cất công đến đây thì cứ nán lại chữa cho khỏi đã chứ?

- Nhưng mà cô ấy đang sốt ruột vì công việc ở nhà.

Thoa nói đột ngột:

- Phải động viên cô ấy. Cả anh nữa, gần một tuần này, từ ngày cô ấy lên chữa bệnh, anh có vẻ ngượng nghịu thế nào ấy. Anh sợ chăm nom sẵn sóc vợ ốm đau thì mất tác phong chính quy hiện đại đi hay sao?

Chợt có tiếng cười nói ngoài cửa. Lá màn đỏ vén lên, ba đồng chí trung đội trưởng bước vào, cả ba đều ăn mặc chỉnh tề, mỗi người cấp một chiếc xà cọt bên nách. Thoa cười hể hả, mắt liếc từng người một:

- Gớm, các cậu thánh mũi đã ngửi thấy mùi trà hương rồi chẳng?

Thoa dốc chiếc ấm, rót cho mỗi người một chén. Một ông trung đội trưởng phả khói thuốc缭绕 mù mịt làm loà cả ánh đèn bão:

- Chà, thủ trưởng Thoa mua được ở đâu thứ thuốc缭绕 đậm gớm?

- Của cô Vi mang tận nhà quê lên cho tôi, thuốc nhà trồng đấy!

Vẫn ông trung đội trưởng ấy, nháy mắt về phía An:

- Đại đội trưởng nhà ta sướng thật. Chị ấy mang thuốc缭绕 đến tận nơi. Dù rang cá suốt đêm cũng thoải!

Anh trung đội trưởng vui tính tên là Hào. Hào nói xong,

cười tít mắt. Mọi người đều cười theo. Nhưng Hào trông thấy nét mặt Thoa vẫn nghiêm nghị đang nhìn mình, anh vội tắt ngay tiếng cười trên miệng.

Thoa hỏi Hào, sang một việc khác:

- Cậu Chi ở trung đội anh, tôi cho phép tranh thủ ba ngày. Tôi đã dặn thế nào? Sao anh không thu xếp cho cậu ấy đi từ đêm qua?

Hào lúng túng:

- Báo cáo... tôi cũng chưa rõ tại sao...

Câu chuyện xoay sang hướng công tác. Không ai dám đùa nữa. Thoa vừa tạo ra không khí nghiêm trang, rồi chính Thoa lại xoá ngay cái không khí ấy. Anh nói với những người mà mình chỉ huy, nửa như tâm sự, nửa như nhận xét công việc của họ:

- Tôi thấy các cậu nắm bộ đội thế nào ấy? Anh em chiến sĩ người ta không phải là những cái máy, tốt dùng, xấu bỏ. Mình là những người cán bộ biết chỉ huy, nhưng cũng phải biết lãnh đạo. Này, các cậu uống nước đi. Chúng mình bận túi bụi, chẳng mấy lúc được ngồi với nhau thế này. Ví dụ, lại nói chuyện cậu Chi. Nó tốt, thành phần bản nông, học tập công tác đều chăm chỉ. Tháng trước đồng chí Hào nói trong hội nghị chỉ bộ rằng cậu Chi phạm khuyết điểm thỉnh thoảng lại nhịn ăn để lấy tiền tiêu pha. Đồng chí Hào đem cậu ấy ra phê bình trước trung đội. Cậu ấy khóc. Tôi xuống đi sát hòi ti tê thì mới biết cậu ấy nhịn ăn không phải để tiêu mà lấy tiền gửi về nhà. Mùa qua vùng ấy bị bão, rồi úng, mất hết. Nhà có mẹ và năm đứa em nhỏ. Chẳng may bà mẹ bị ngã què chân không đi làm được. Cậu ấy nói với tôi: "Tôi ở bộ đội ăn ngày ba bữa, ngày nào cũng đủ rau, đủ thịt, ăn ba bốn bát cơm, nghĩ đến mẹ và lũ em ở nhà không yên lòng. Tôi nhịn nhưng vẫn theo đủ các buổi tập, không dám lơ là!" Tôi đã bàn với đồng chí An giải quyết cho cậu ấy về, trích tiền quỹ tặng gia đưa tạm mấy chục, và viết thư đề nghị y tế huyện cho bà mẹ nằm

chữ cái chân không phải thanh toán tiền thuốc. Với chiến sĩ, tôi đề nghị các đồng chí phải rèn kỷ luật thật nghiêm, nhưng mặt khác phải hiểu thấu tâm tư người ta. Chúng ta phải biết quý con người. Bây giờ ta ngồi với nhau ở đây nhưng nay mai sẽ ngồi với nhau ngoài chiến trường. Tôi đã hai thứ tóc trên đầu, tôi nghiệm thấy cán bộ chiến sĩ không thương yêu nhau thì chiến lược chiến thuật đến đâu cũng đổ mà đánh giặc được.

Ám trà của Thoa, mỗi người uống lưng chén đã cảm thấy vị thơm, vừa đắng vừa ngọt, cứ đọng trên cổ.

Ngoài giàn, con trâu mẹ ra được hết rau, đã nằm im. Chú nghé con đang rúc bên bụng mẹ bỗng nhảy choàng dậy. Con vật bé bỏng và xinh xắn, chân cao như một chú hươu sao đang cong đuôi, dỏng tai nghe ngóng. Nó nghênh cái đầu sang bên này, lại nghênh cái đầu sang bên kia. Một thứ âm thanh lanh lảnh, thông thả rồi dồn dập dập vào đôi màng tai bờ ngõ của nó.

Đó là hiệu kèn đánh thức bộ đội dậy.

Chân trời ngả xanh thẫm như màu nước biển. Khấp doanh trại chỗ nào cũng xộn rộn người đi lại. Khách kéo đến thăm đứng chật trước cửa giàn trâu. Bầu trời trắng dần. Trời ngập sương. Quang cảnh doanh trại hiện ra lơ mơ với những nóc nhà mái tôn dài dằng dặc, bãi chào cờ, những tấm bia tập bắn cự ly một trăm thước cắm rải rác quanh hàng rào. Tất cả đều nổi lênh bênh trên bầu sương đặc đọng sát mặt đất.

Sáng nay, An cùng các trung đội trưởng đi tập chiến thuật ở trung đoàn. Thoa huấn luyện cho bộ đội ở nhà. Sau bữa ăn lót dạ buổi sáng, Thoa dẫn bộ đội ra thao trường. Hai bên con đường nhựa rộng và phẳng (đường băng sân bay nằm kề doanh trại) những rêu lúa xanh mướt nằm gối đầu nhau, kéo dài lẫn khuất trong sương. Trước mặt, nghe tiếng kêu óc ách, đi gần mới trông rõ một cái giá kéo bia bằng gỗ giống như cái guồng nước, hai tấm bia hình người sơn xanh chạy đi chạy lại trong một đoạn hào đào

bên ruộng lúa. Một tốp chiến sĩ đứng túm tụm ở cuối đoạn hào. Thoá dừng lại dặn dò mấy chiến sĩ điều khiển bia rồi rảo bước theo sát đơn vị. Sương sa thành hạt nặng thấm ướt vành mũ và hai gò má rậm đen của anh. Thoá hít mạnh cho hơi sương mát thấm vào lồng ngực. Sương cũng có mùi, một thứ mùi vị nhàn nhạt, hít nhiều lại hơi cay như khói bếp. Mùi sương gợi Thoá nhớ những buổi cày đồng chiêm tháng ba rét mướt, gợi nhớ những trận đánh phục kích hồi kháng chiến, chỉ trông thấy sương giăng trước mặt, và chỉ nghe rõ tiếng lính Tây hô "A-lát-xô" ngoài cánh đồng. Anh nhìn lên đội hình hành quân của đại đội: một hàng dây lưng to đánh đai lấy những bộ quân phục đã ngả sang màu đất. Những chiếc bia hình người sơn xanh lấp lánh chuyển động, ẩn hiện trong sương và lúa.

Đến nơi tập, Thoá xem đồng hồ. Đơn vị hành quân ra thao trường mất bảy phút. Đại đội dàn thành đội hình chữ U. Một ngày của những người lính bắt đầu.

Thoá xách khẩu súng bước ra trước hàng quân, trực tiếp làm động tác chiến đấu mẫu mực cho chiến sĩ xem. Động tác của Thoá chậm, nhưng gọn và chính xác. Rõ ràng Thoá hãy còn dồi dào sức lực, cái sức lực dẻo dai của người nông dân quen xốc vác từ tấm bé. Thoá co chân nhảy qua một đoạn hào rồi nâng súng trên hai tay chạy thẳng về hướng địch. Các chiến sĩ theo dõi từng cử chỉ nhỏ của chính trị viên. Lúc anh chạy qua trước mặt, họ chỉ trông thấy một mảng lưng né nghiêng, ánh đầu mũi lê hơi loáng lên, và tiếng hô "xung phong" của Thoá chọt xé màn sương thét lên dữ dội trên cánh đồng, tiếng thét quả cảm, lẫm liệt khiến cho vài cậu chiến sĩ phải giật mình.

*

* *

Mấy ngày sau, vào một buổi sáng chủ nhật.

Chính trị viên Thoa ngồi trên chiếc giường kê giáp cửa sổ trong phòng đại đội. Hai ống quần xoắn lên quá gối, chiếc điều cày kẹp giữa hai bắp chân, Thoa châm que đóm nhưng vẫn chưa chịu hút mồi thuốc. Anh đang mãi nghe cậu Chi báo cáo về chuyến đi phép tranh thủ. Bên giường chính trị viên, ngoài Chi còn có một đám đông chiến sĩ của các trung đội cũng kéo tới hóng chuyện. Trên giường đầy những que đóm, sáp thuốc, ẩm chén...

Chi vừa ở nhà tới đêm qua. Cậu ta đang vui vẻ:

- Báo cáo thủ trưởng, tôi về nhà phấn khởi lắm.

- Thật không? - Thoa hỏi.

- Phấn khởi thực sự ạ! Tôi về thì u tôi được đội y tế lưu động chữa cái chân đã sắp khỏi, sắp đi làm được. Lũ em, cũng được bà con xung quanh giúp đỡ. mấy ngày u tôi nằm trên đội y tế, ở nhà thằng bé em hơn bốn tháng được ăn sữa bò của trạm xá cho. Thấy tôi về, người béo tốt, u tôi mừng lắm. U tôi dặn từ giờ thôi đừng nhìn com nữa. U tôi dặn phải chăm chỉ luyện tập, và gửi lời lên thăm thủ trưởng...

Chi nói đến đây, liền quờ tay ra sau lưng lôi trong chiếc mũ ra một nải chuối tiêu. Nhưng nải chuối tiêu chỉ còn có ba quả dính lắt lẻo vào cái cuộng chuối rất to. Nải chuối ấy, Chi mang từ nhà lên. Bà mẹ nghe con trai kể được đồng chí chính trị viên ở đơn vị săn sóc bà không quên cái ơn ấy. Hôm qua, khi Chi sắp ra đi, bà chọn một nải chuối đầu buồng đã chín vàng, bà buộc cẩn thận sau ba lô của Chi: "Con đưa lên biểu bác chính trị viên, gọi là chút quà của u!" Vì bà mẹ mãi chẳng nải chuối quá lâu mà Chi trật mất chuyến xe hàng cuối cùng hai giờ chiều. Thế là Chi phải cuộc bộ gần bốn chục cây số tới đơn vị. Lúc đầu Chi còn đi, về sau thấy đã gần giờ điểm danh, Chi liền vắt giò lên cổ chạy. Chi chạy về đến cổng gác, nghe rơi tòm một cái liền quờ tay ra sau thì thấy nải chuối đã rụng gần hết ở dọc đường.

Chi đặt nải chuối lên giường, nói thật thà:

- U tôi bảo tôi đưa lên biểu thủ trưởng...

Lá màn đỏ bông giặt mạnh như có cậu nào dùng ngoài đang giờ trò tình nghịch. Rồi hiện ra một cặp mắt tròn xoe ngơ ngác đến buồn cười. Chú ghé con co chân nhảy vào đứng giữa phòng đại đội, lá màn đỏ bị nó giật tung vương quanh cổ. Giữa tiếng reo cười ồn ào của cả đại đội đang xúm lại, con vật giương cặp mắt nhìn mọi người rồi gân cổ kêu "be" một tiếng cụt ngắn và nũng nịu. Con trâu mẹ cũng đang đi tìm con, con vật già nua bước từng bước chậm chạp trên những luống đất do chính nó vỡ ra. Con trâu mẹ nghe tiếng ghé liền dừng lại, cất tiếng đáp. Tiếng kêu "nghe ọ" của con trâu mẹ gọi ghé nghe thăm thẳm, vang rền trong nếp đồi.

1964

NGƯỜI MẸ XÓM NHÀ THỜ

Ngày chưa xảy ra chiến tranh, những chuyến đi công tác vào các tỉnh miền Trung bằng xe hoả hay ô-tô, trên dọc đường người ta khó lòng có thể để ý đến cái xóm nhỏ và khuất nẻo này.

Chiều hôm đó, chúng tôi gò lưng đạp xe qua một ngôi hàng nước với niềm thất vọng của khách đi đường trường trông thấy cái quán vắng tanh. Có lẽ bà cụ bán hàng đã dọn hàng về trong xóm, hai cánh liếp che cửa mở toang. Trước cái quầy bằng tre bỏ không chỉ có một chú bé mặt mũi kháu khỉnh đang làm nhiệm vụ gác máy bay, lá cờ đỏ báo hiệu yên tĩnh lắm trên cây gáo treo trụi bên đường.

Cách cái quán chưa đầy nửa cây số có một cái xóm nhỏ nằm sâu hun hút, chệch trong khe núi. Chừng mười nóc nhà tranh hoặc lợp ngói đã đen sạm núp trong những lùm cây mọc theo sườn núi. Xóm nằm quay mặt ra quốc lộ số Một. Mặt xóm là một nếp nhà thờ lợp ngói cũng giản dị và bé nhỏ như ngôi nhà ở. Người ta nhận ra nó từ xa bởi hai thanh gỗ hình chữ thập màu trắng cắm trên đầu đốc tường. Từ mờ sáng đến chập tối, chim sẽ bay lượn và đánh nhau chí choé trên cây thánh giá, trong lúc những chú sẻ con mới nở há mỏ kêu chiêm chiêm trong ô cửa sổ tò vò có hàng chữ "Vì lòng tin, vì Đức Chúa".

Máy bay Mỹ đang ném bom và bắn phá các tỉnh phía trong. Thỉnh thoảng từ mạn bờ biển bỗng rộ lên tiếng xèn xẹt của động cơ phản lực rồi lại vụt biến mất. Ở đây người ta trông thấy cuộc

chiến tranh rõ hơn ở những đoàn xe quân sự vấy bùn lấm láp, lá nguy trang xù ra chạy suốt đêm trên đường, những người cán bộ đi công tác vào vùng chiến sự trên những chiếc xe đạp chắc chắn và ngủ đỗ lại một đêm ở một nhà nào đó trong cái xóm nhỏ khuất nẻo từ xưa chẳng bao giờ có khách lai vãng. Những người cán bộ thường khi công tác xong quay trở ra lại tìm vào nhà cũ, chủ nhà trở nên sẵn đón hơn trước, còn người khách trọ quen đã gầy xòm và da đen cháy. Trong câu chuyện hai bên chủ khách không ngớt lời ca tụng, khâm phục tinh thần dũng cảm hy sinh của đồng đội và bộ đội cao xạ ở trong các vùng "tuyên lửa".

Hôm ấy, một buổi chiều của những ngày đầu cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, trên đường đi công tác vào khu Bốn chúng tôi đã qua được khúc sông hiểm trở đầu tiên. Tôi và một người bạn đường tình cờ mà gặp đang cần nghỉ lại để thổi cơm ăn, tiện thể hong khô quần áo ướt và nghỉ ngơi cho lại sức. Trên cung đường này, khách đi đường không vào xóm nhà thờ thì chỉ còn có cách nằm nhờ cái quán nước. Từ đây xuôi về dưới hoặc ngược lên trên đều phải đi sáu bảy cây số nữa mới có chỗ nghỉ. Chúng tôi theo em Nết, chú thiếu niên gác phòng không, vào trong xóm. Chú bé đánh diêm châm ngọn đèn dầu trong cái hộp gỗ như một cái hòm thư đặt trên cành gáo. Chú cuộn hai lá cờ lại. Sau khi cẩn thận trao nhiệm vụ gác ban đêm cho mấy cô dân quân mới ra, chú bé liền đưa chúng tôi đi.

Nét đội mũ cối, quần áo cụt gọn ghê và thắt khăn quàng đỏ, cách ăn mặc như một chú thiếu niên sắp đi cắm trại. Trông chú bé đĩnh đạc một cách dễ yêu quá, tôi liền hỏi làm thân:

- Em học lớp mấy?
- Cháu học lớp bảy ạ.
- Ở đây mà học cấp hai thì phải đi xa lắm nhỉ?
- Đi về cả thầy mười hai cây số chú ạ. Nét cười ngượng nghịu như tự cảm thấy mình vừa khoe khoang với chúng tôi. Rồi

chú huyết sáo, lá cờ đỏ cắm bên nách, bước chân vừa đi vừa nhảy. Lúc về gần đến xóm, anh bạn tôi chợt hỏi:

- Bố mẹ cháu có nhà không?

Hai nét lông mày dài của chú bé chau lại, mãi em mới đáp:

- Cháu không còn... cháu ở với bà!

Chúng tôi không hỏi thêm. Bên đường, xé trước sân nhà thờ một cái lô cốt bằng gạch bị phá chỉ còn một nửa, một lùm dừa to phủ lấy cái lỗ châu mai đầy rêu xanh.

Nét đưa chúng tôi tới nhà đồng chí đội trưởng sản xuất kiêm công an xóm nhưng đồng chí nào đi vắng. Chúng tôi liền theo chú bé đi men dây hàng rào có trồng những cây mồng tơi leo đến một cái ngõ uốn bằng lá bông bụi rất đẹp. Trước mặt chúng tôi hiện ra một ngôi nhà tranh hai gian, mảnh sân gạch mới lát trông xuống bờ sông.

- Hai chú cứ vào đây nghỉ - Nét dẫn chúng tôi vào nhà, rồi xuống bếp rót nước. Tôi nhìn bức tượng Thánh trên bàn thờ, hỏi:

- Nhà ai đây hả cháu?

- Nhà bà cháu. Bác Tuất vẫn thường đưa các chú vào nghỉ nhà bà cháu. Không đêm nào nhà cháu không có các chú tới nghỉ đâu.

Ban đầu anh bạn tôi và cả tôi hơi dè dặt. Nhưng về sau chúng tôi mới hiểu rằng giá Nét tìm được đồng chí công an thì cuối cùng người đại diện chính quyền cũng bố trí cho chúng tôi nghỉ ở ngôi nhà ấy.

Từ bận ấy đến nay đã hai tháng. Trong những hình ảnh bề bộn tôi đã ghi lại trong một chuyến đi có hình ảnh mẹ Lân một người đàn bà có đạo, cũng giống như tất cả những người đàn bà Việt Nam nghèo, cần cù và rất yêu quý cán bộ, luôn đưa dải áo lên chùi mắt mỗi khi ngược nhìn bức ảnh Bác Hồ treo giữa nhà. Đêm ấy, sau khi ăn bữa cơm mẹ tắt đèn chạy đi thối theo thói quen mỗi khi có cán bộ đi qua xóm nghỉ lại - những bữa ăn đạm

bạc nhưng bao giờ cũng có một bát canh mồng toi. Tôi ngồi trong màn ghi những chuyện lật vạt góp lại trong một ngày đi đường. Bên nhà hàng xóm, cách một rẻo vườn, đội thiếu niên đang tập bài hát "Không cho chúng nó vào, không chớ chúng nó ra" bằng nhịp điệu vui và khoẻ. Ngoài quốc lộ, từng đoàn ô tô kéo pháo cao xạ chạy rậm rịch vào vùng trong.

Mẹ Lân mượn chiếc áo mưa bộ đội của chúng tôi chạy từng nhà gọi bà con đi dự một cuộc họp gì đó.

Cuộc họp ở ngay dưới hiên nhà thờ, quá khuya mới tan, mẹ trở về nhà lại thức ngồi đả mớ khoai lang của đội thái gắp mưa từ mấy hôm trước. Mẹ lụi hụi đem hong từng rá khoai lên bếp. Tôi ngồi trong màn, cũng vừa làm việc vừa nói chuyện.

- Có phải bố mẹ em Nét đã mất từ hồi kháng chiến không?
- Tôi hỏi.

- Cũng coi như chúng nó đã bỏ bà cháu tôi rồi! - Mẹ đáp như một tiếng thở dài. Vừa lúc ấy em Nét xô liếp bước vào, cầm tích nước rót uống mấy ca liền. Em vừa đi tập hát cho đội thiếu niên trong xóm. Em cầm con dao díp và một khúc gỗ dẽ, tươi cười đến ngồi bên tôi.

Tôi quàng tay qua vai chú bé, hỏi:

- Em làm gì vậy?

- Em tạc tượng anh Nguyễn Văn Trỗi.

Mẹ Lân sung sướng nhìn cháu, mẹ cười khiến những nếp răn trên khuôn mặt già nua bỗng biến đi:

- Cháu nó được cái sáng dạ, trông ai làm gì chỉ một bận là biết. Nó biết tạc cả hình Đức Mẹ kia.

Tôi nhìn lên bàn thờ. Bên dưới chân dung Hồ Chủ tịch lồng kính bày bức tượng Đức Mẹ đồng trinh. Khuôn mặt Đức Mẹ hơi già, hao hao giống khuôn mặt một người mẹ nhà quê hiền lành nào đó mà ta thường gặp. Đôi mắt Đức Mẹ không phải màu xanh mà đen, đang nhìn xuống, vẻ như đang suy nghĩ một điều

gì trong cuộc đời.

Ngoài bức vách, mưa vẫn rơi lộp độp trên tàu chuối. Tôi cất sổ sách, ôm em Nết nằm trên chiếc chõng tre nghe mẹ kể chuyện nhà cửa bằng cái giọng đều đều và khó nhọc. Trước mắt tôi dần hiện ra một cặp vợ chồng nghèo đi chẻ củi thuê tìm đến ngụ cư ở cái trại này từ ngày chưa có nhà thờ. Hai người sinh đứa con trai đầu lòng thì người chồng có sức khoẻ hạ nổi cánh rừng bỗng đổ ra chết. Năm ấy mẹ Lân mới ngoài hai mươi tuổi. Mẹ nuôi con và ở vậy. Sau khi xóm Núi có nhà thờ, mẹ bế con tìm đến nấu bên Chúa, chỉ cốt tìm lấy sự thanh thân phần hồn.

Người đàn bà ngoan đạo như một đứa trẻ, nhưng phải mất hàng chục năm, tóc đã bạc mới nhận ra những tên giết người lại núp sau những lời răn của Chúa. Năm Pháp kéo quân về càn quét và cấm cái lô cốt đầu xóm thì đêm đêm, tầm gà gáy đầu, mẹ Lân trở mình trên chiếc chõng tre lại nghe tiếng người thét rú lên ngoài sông. Bọn lính "Vệ sĩ" bắt được cán bộ trong núi và đem dìm ngoài đó.

Vợ chồng anh Lân, con trai mẹ, những năm đen tối vẫn chọn được con đường sáng mà đi thì đến ngày hoà bình đã lầm lạc. Tiếng súng ngừng được mấy hôm thì cha đạo theo sau có một tên lạ mặt, đến từng nhà thu hết tượng Chúa. Chúng dựng lên một cuộc sống ghê rợn chỉ nghĩ cũng đủ rợn tóc gáy. Thế là người ta vội vã đi theo Chúa. Cái gì bán được thì bán đi. Những chiếc thuyền gỗ chở từng gia đình chèo hốt hoảng theo sông xuống Phát Diệm. Gia đình mẹ Lân cũng đi. Mưa nắng, đói rét, bệnh tật, bọn "Vệ sĩ" canh trại mò hiếp đàn bà, sông cờ bạc tha hồ mở... tất cả mọi cái điều ấy đều do ý Chúa muốn thử thách, ai đạp qua nổi trở lực ấy thì mới bước được lên chiếc tàu sáng láng của Chúa. Giữa cảnh địa ngục trên cái bãi hoang kề bờ biển, em bé Nết không chịu được mưa nắng nên bị ốm. Gia đình mẹ Lân gặt nước mắt chia tay nhau. Vợ chồng anh Lân và hai đứa con ở lại đợi tàu đi Nam, bà mẹ cũng đưa cháu che chiếc áo tơi lá quay

về làng. Mẹ quay về mà lòng lo lắng vô cùng. Ai ngờ cái cơn sốt ác tính kẻ chết của thằng cháu đã cứu được hai người.

Năm 60, giữa hôm bà con tổ đổi công đang xúm lại chuyển cái nhà cũ xuống nền dưới làm nhà bếp và cất dùm bà cháu ngôi nhà mới thì Nết đi học về, nước mắt rung rung, trao cho bác Tuất một lá thư. Một người di cư ở làng trên gửi về báo tin một nghị giáo dân di cư trong huyện nổi lên phá trại đòi trở về miền Bắc. Bọn địch đem lính đến đàn áp và bắt mấy người cầm đầu, trong đó có anh Lân. Chị Lân và hai đứa con đã phiêu bạt đi đâu chẳng biết. Chúng nó giải tán trại và đưa mỗi gia đình một ngà.

Kể đến đây, tiếng mẹ Lân trầm xuống, như đang kể một đoạn kinh sám hối:

- Tôi thật là mê muội, anh ạ. Sao tôi lại mê muội không trông thấy cái địa ngục đã bày ra... Anh nhỉ, sao hôm đó tôi lại không nhất quyết bắt chúng trở về...

Rồi mẹ giục tôi đi nghỉ. Nết đã ngủ say. Tôi ôm chú bé nằm khoanh tròn trong lòng mình, và nghĩ đến những nỗi vất vả trong suốt cuộc đời một người đàn bà. Tôi ngủ thiếp đi, khi choàng thức dậy bởi tiếng kêu xèn xẹt của một tốp máy bay phản lực từ mé biển bay vào, tôi vẫn thấy mẹ Lân còn ngồi bên ngọn đèn dầu vụn nhỏ, đang cặm cụi làm việc gì đó.

Sáng hôm sau chúng tôi buộc ba lô và bao gạo lên xe thì thấy bao gạo đã được hong khô, chiếc bao gạo của tôi rách lỗ chỗ đã được vá bằng mấy mụn vải nâu cũ. Chúng tôi xuống bếp chào mẹ. Hai bà cháu nhất định bắt chúng tôi ở lại ăn cơm rồi mới được đi. Mẹ hỏi hà ghế nồi cơm bằng những tờ giấy rất trắng đã bị xé vụn. Tôi cầm một mẩu, mẹ cười mĩa mai:

- Chúng nó rải truyền đơn xuống nhà thờ để gọi giáo dân đi theo chúng nó đấy, anh ạ. Cháu Nết nó đi quét vệ cho tôi đun hai bữa nay chưa hết.

Mẹ ngồi trông chúng tôi ăn, bảo cháu buộc gói cơm nắm vào

xe cẩn thận cho chúng tôi rời dận: "Các anh đánh Mỹ cho giỏi, khi nào về lại ghé vào với mẹ!"

Hai chúng tôi dắt xe ra ngoài hàng rào mòng tơ thì chú bé Nết cũng cấp sách đi học, vẫn chiếc mũ cối, khuôn mặt kháu khỉnh và dải khăn quàng đỏ thắm thắt trên cổ. Mẹ Lân cùng mấy người đàn bà đội những nông khoai ra phơi ngoài bậc thềm nhà thờ. Sáng nay, trời hửng nắng, chim sẻ lại bay về từng đàn riu rít trên cây thánh giá.

*

* *

Câu chuyện về một người mẹ ở xóm nhà thờ hiu quạnh ấy, chính tôi cũng ngỡ chỉ có vậy. Sau một dạo công tác ở một tỉnh vùng trong, tôi quay trở ra thì những cuộc ném bom và bắn phá của địch đang mở rộng rất nhanh.

Cái xóm nhà thờ còn con, máy bay địch cũng đã giội xuống ba quả bom cỡ lớn. Xóm nhà mẹ Lân bị ném bom, điều ấy không hiểu sao vẫn nằm ngoài những điều dự đoán của tôi. Tôi vừa dắt xe đạp vào lối rẽ đã trông thấy nửa mái nhà thờ sập xuống, cây thánh giá và lũ chim chóc không còn nữa. Tôi dựng xe bên tường, hồi hộp bước sang lối ngõ có bụi rau mòng tơ. Nhà mẹ Lân đã cháy sạch! Tôi tìm thấy ở cuối vườn một cái túp trông vó bè mới dựng, chiếc cần vó đang từ từ cất lên khỏi mặt nước. Tôi nhìn sang bên kia sông. Một trận địa pháo mới đắp nằm giữa lưng chừng sườn núi. Tiếng bác Tuất - người cán bộ xóm - từ trong núi hồi vọng xuống:

- Có được nhiều chếp không hả mẹ?
- Ồi ra. Hôm nay được anh ạ!

Tôi mừng quỳnh vì nhận ra đúng tiếng mẹ Lân trả lời. Tôi khom lưng chui vào trong túp. Mẹ trông thấy người bước vào,

đưa ngọn đèn dầu đã vụn nhỏ soi ngang mặt. Tôi chào mẹ. Mẹ vẫn bé nhỏ, trầm tĩnh và hiền hậu. Không đợi tôi hỏi thăm, mẹ Lân khi nhận ra tôi liền kêu:

- Anh đã trở ra đấy ư? Cha thằng Mỹ, nó đốt mất nhà, anh ngủ ở đâu được bây giờ?

Tôi đặt ba lô xuống chiếc chõng đã cháy mất một góc, kê bằng mấy viên gạch và nhìn quanh, hỏi:

- Em Nét chạy đâu rồi mẹ?

Tôi vừa sực nhớ đến món quà tôi cố lòng cho Nét, một mảnh thép lấy ở xác máy bay Mỹ để rèn một con dao trổ rất tốt. Ngọn đèn trên tay mẹ bỗng rung rung, ánh lửa trắng bệch ra trên cặp môi mấp máy. Một nỗi đau đớn ghê gớm cố nén chặt đang hiện trên khuôn mặt mẹ rồi từ từ, hai giọt nước mắt ứa ra, nặng trĩu, lặn xuống đôi gò má răn reo.

Giặc Mỹ đã giết mất em Nét, chú học sinh gác phòng không của tôi rồi!

Lát lâu sau khi báo cái tin ấy cho tôi biết bằng một tiếng kêu xé ruột, mẹ Lân ngồi tựa chiếc cần vó, không động đậy. Chỉ có đôi mắt già nua phản chiếu ánh lửa nhìn qua vai tôi, vào cái khoảng tối mênh mông, phía ngôi nhà cũ. Tôi cắn chặt môi. Bất cứ chỗ nào quanh đây, tôi cũng tìm thấy hình dáng em, chú học sinh thông minh và đáng yêu, chiếc mũ cối rộng vành, dải khăn quàng đỏ bay phất phơ trước ngực và những mảnh gỗ dẽ căng phòng hai túi quần.

Tôi ngồi lặng đi, lòng căm thù giặc mỗi lúc một nhen thêm, cho đến khi tôi sinh ra ngạc nhiên về thái độ quá bình thản của mẹ. Em Nét mất, kẻ thù đã dứt đi một phần da thịt, vậy mà mẹ vẫn đủ bình tâm làm việc, còn lo tôi không có chỗ ngủ.

Mẹ trao chiếc đèn vào tay tôi, đứng thẳng người ghé vai tỳ lên chiếc cần vó làm bằng hai cây luồng rất dài. Chiếc cần vó nặng trĩu thốt lên tiếng kêu ken két. Cử chỉ của mẹ vẫn chính xác

và mạnh mẽ. Từ từ cho mặt nước khởi động, mẹ nhấc bổng những chiếc gong vó lên. Cá chép vảy trắng đánh loang loáng trong đáy lưới. Tôi cầm đèn soi cho mẹ bắt cá. Sau mỗi mẻ lưới buông xuống, mẹ lại ngồi tựa cần vó, kể rành rọt từng chi tiết trận bom. Hôm ấy nhân dân ra đồng gần hết, em Nét đang gác phòng không ngoài quán vôi chạy trở về xóm bé những em nhỏ xuống hầm. Em công hết các cháu vào chỗ ẩn nấp xong, lúc quay trở lên thì trúng đạn rốc két ngay trên miệng hầm.

Mẹ Lân kéo mẻ cá cuối cùng rồi đem hong lưới, Mẹ tắt tá cấp rỏ cá, chống dò sang bên kia sông. Tôi cùng sang với mẹ, bấy giờ tôi mới biết mẹ đưa cá sang cho anh em bộ đội cao xạ bên trận địa.

Tôi leo từng bậc dốc lên trận địa pháo. Dưới một thứ ánh trắng rải mờ mờ như màu đất sét, các pháo thủ đang cù cồ công sự. Tôi đã ở nhiều trận địa pháo, ở đâu trên vùng trời trên đầu những người lính cũng rập rình cái bóng đen của những tên Mỹ sẵn sàng đâm bổ xuống mà gieo rắc tội ác. Nhưng đứng ở đây, tôi càng trông thấy rõ bộ mặt của chúng. Tôi nán lại cái trận địa xóm nhà thờ gần một tuần lễ. Những chiến sĩ ngồi trên mâm pháo, bên cái sườn vát của ngọn núi trọc đang sống qua những ngày giống bão cuối mùa hạ. Trong vùng núi có những ngày nắng loá mắt, chiến sĩ nhìn lên trời phải dè xèn từng cái chớp mắt. Rồi bỗng dưng dưng cơn giông núi kéo đến. Mắt họ càng phải căng lên lật từng lớp mây, từng kẽ trời để quan sát. Trong những ngày gian khổ ấy, mẹ Lân trưa nào cũng sang với anh em. Có hôm mẹ vừa đến thì từng đàn máy bay lao tới. Mẹ đặt nồi cháo đậu xuống, lấy chiếc khăn vắt trên vai lau từng chiếc bát rồi mới múc cháo đưa tận tay từng anh một.

Hôm ấy, vào quãng gần chiều một cơn giông từ bên kia dốc đổ sang, từng đợt gió xoáy bị nghẹt trong hẻm núi lửa ra rất mạnh. Nhiều tốp máy bay địch bất ngờ lao vút tới. Trận đánh xảy ra rất nhanh. Giữa khung cảnh mù mịt khói đạn cùng cơn

giông bão đang nổi lên âm ầm, người ta thấy một người đàn bà, tay cầm chiếc đòn gánh, đang lao qua những đám cháy ngoài bờ sông chạy lên trận địa. Bên kia sông, từ xóm nhà thờ vẳng lên tiếng thét, tiếng la khóc, và lửa đỏ cháy bùng bùng; một cụm khói đen như cái nấm đã trùm kín cái xóm nhỏ.

Người đàn bà quần áo cháy sém, tả tơi chạy thẳng tới bên một ụ súng, đôi mắt đỏ ngầu ngược nhìn những chiếc máy bay như một đàn thú vờn lượn trên đầu. Một tiếng thét bật lên:

- Các con hãy bắn đi, giết đi! Giết hết chúng nó đi!

Chiến sĩ cắn chặt môi đập cò. Mọi người đều nghe rõ. Đó là tiếng thét của mẹ Lân! Cả vùng trời giông bão rạch ngang dọc những tia chớp. Người mẹ đau khổ đứng sừng sững trên mặt đất, bàn tay cầm chiếc đòn gánh chìa thẳng lên trời: "Giết đi! Giết hết chúng nó!". Trông mẹ chả khác nào một khối căm giận đang bốc thành ngọn lửa. Quả thật, lần đầu tiên tôi được trông thấy một người mẹ trong tư thế dữ dội như vậy.

Đêm nay, một đêm của giai đoạn đầu cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, tôi soi lên trước ánh đèn dầu tù mù một trang sổ tay đi đường mới ghi thêm những mẩu chuyện ở cái xóm nhà thờ khuất nẻo.

7-1969

MẢNH TRĂNG CUỐI RỪNG

Ngon bắc cháy đã gần lụi, chọt bùng lên nổ lép bép trong chiếc ống bơ sữa bò đựng dầu cặn. Ngoài rừng sâu tĩnh mịch vọng lại tiếng suối chảy và tiếng kêu khắc khoải, tha thiết của đôi chim trống mái.

Đã khuya rồi mà hơn mười anh em lái xe vẫn còn kẻ nằm người ngồi ngổn ngang trong chiếc lán nửa xiêu vẹo của tổ xăng dầu, chưa ai chịu đi ngủ cả. Sau tấm bìa che bớt ánh sáng, ngọn đèn dầu cặn toả một cụm khói lớn, soi tỏ hơn chục khuôn mặt dầu dãi, chiếu hắt ra ngoài đoạn đường mấp mô hố bom và vệt bánh xe tải sâu ngập gối.

Đêm nay mưa dầm, trung đội lái xe được dịp trở về gần đông đủ. Cái lán nửa rất ồn ào, thỉnh thoảng một dịp cười vang lên chuyển cả rừng. Không biết ở trên đời còn có cảnh gì vui và náo nhiệt hơn đêm như đêm nay, những chiến sĩ lái xe sau nhiều chuyến rong ruổi trên các ngã đường nay trở về gặp mặt nhau. Sau hàng chục đêm thức chong bên tay lái, tưởng như họ cứ nằm xuống là con mắt sẽ díp lại, vậy mà chẳng ai buồn ngủ cả - Xong chưa nào, đến lượt tớ kể nhé? - Người này chưa nói hết, người khác đã dọn trước như thế bằng giọng hết sức háo hức. Hình như trong đầu từng người đang xôn xao vô vàn hình ảnh trên dọc đường, và chính lúc này, những hình ảnh ấy đang chen lấn nhau đòi sống lại...

- Xong chưa nào, đến lượt tôi kể nhé - Một anh nằm trong

góc tối nói - Một đêm đầu tháng ba năm nay, chuyến xe chở hàng của tôi xuất phát từ kho K3. Lần ấy, đồng chí lái phụ của tôi đánh xe đi nhận hàng thay tôi, vì tôi đang bận dự cuộc họp các lái xe lâu năm ở tiểu đoàn bộ. Ở tiểu đoàn ra, tôi sẽ đón xe của mình dọc đường và đi hàng luôn. Hãy nói về câu lái phụ của tôi một chút. Đây là một đồng chí tân binh vui vẻ, làm việc xốc vác nhưng tính tình hơi trai lơ một tý. Câu chuyện tôi kể đây xảy ra hồi tôi chạy mấy chuyến đột xuất bên đường miền Tây X. Con đường miền Tây dạo ấy đang mùa mưa lũ, nhưng địch cũng đánh rất lắm những quãng qua khe qua ngầm, nhất là quãng cầu Đá Xanh, anh chị em giao thông đang vật nhau với địch để quyết giữ con đường lên biên giới.

Hôm đó, trời vừa tối, mưa lác đác, tôi ở tiểu đoàn bộ ra đường đứng đợi xe bên đầu dốc bản Vang cháy. Một mảnh ny lông gói chiếc võng dù cấp bên nách, chiếc đèn pin khoác lưng lẳng trước ngực, tôi đứng hút thuốc lá phì phèo với cái vẻ ung dung thư thái. Phải nói, làm anh lính lái xe suốt mùa khô sang mùa mưa, con người như đã gắn vào buồng lái, được một đôi chút nhàn rồi như thế thật hiếm và quý hoá. Tôi đứng chéo chân tựa bên gốc cây cạnh đường, thở khói thuốc vòng tròn và ngắm vùng trăng khuyết mỏng mảnh bằng con mắt mơ mộng. Nhưng rồi chẳng được lâu. Tôi bắt đầu sốt ruột thấy xe cộ cứ lao qua vun vút trước mặt như ngựa đua, thế mà chẳng thấy đồng chí lái phụ đánh xe lên. Trời tối càng lâu, nỗi sốt ruột của tôi càng tăng. Tôi hết sức lắng tai vẫn chẳng nghe tiếng máy chiếc "Gát" quen thuộc. Tôi bực quá đôi! Giữa thời chiến, xe mình chỉ cần vượt lên thiên hạ nửa vành bánh, khi qua phà qua ngầm đã đủ nhàn. Hơn nữa, chuyến này, tôi đã dự định sẽ chạy sớm, giao hàng sớm để kịp quay về giấu xe ở rừng vắng vẻ. Giấu xe ở đó thật chắc chắn, lại gần nơi người chị ruột của tôi công tác. Tôi đã xin phép cấp trên, trong chuyến đi hàng này sẽ ghé thăm chị tôi. Chị tôi biên thư cứ phàn nàn: "Đã hơn ba năm chưa được gặp

cậu Lâm đấy!". Nhưng dầu sao đó cũng chỉ là một việc riêng.

Tôi đang bức và lo xe không lấy được hàng hay gặp trở ngại gì thì đồng chí lái phụ đánh xe lên, từ dưới chân dốc đã bóp còi inh ỏi như xe chữa cháy. Mặc tôi gắt, đồng chí lẳng lẳng trao phiếu hàng cho tôi, vui vẻ đặt vào trong cốp gói xôi lạc và một bi đông nước đường. "Chúc anh đi may mắn nhé!". Anh chàng vui tính nháy mắt ranh mãnh, rồi phát mạnh vào vai tôi một cái đau điếng. Xong, anh chàng co chân nhảy xuống đường. Chuyến này, theo phân công của trung đội, chỉ có mình tôi đi. Tôi vẫn thường nhận một mình một đầu xe. Đồng chí lái phụ làm việc ở nhà. Từ biệt tôi xong, đồng chí lái phụ vừa đi qua mấy bước đã quay lại nắm tay nện vào cánh cửa xe sầm sầm:

- Anh Lâm này, theo phiếu giao hàng, tôi kiểm lại thấy thiếu một chiếc lốp. Tôi đã bắt anh kho ký nhận vào trong phiếu rồi đấy nhé!

- Được - Tôi trả lời và rất bằng lòng về công việc ấy.

- Còn một cái nữa, cái này có nhưng mà không có ghi trong phiếu...

- Còn gì nữa?

- Phía sau, có một người ngồi nhờ lên cầu Đá Xanh đấy.

Tôi ngạc nhiên hết sức, hỏi vặn:

- Sao cậu tự động vô nguyên tắc thế hử?

- Nguyên do thế này anh ạ... thế này.

Mặc dầu những lý do cho đi nhờ xe đồng chí lái phụ trình bày đều hợp lý, tôi vẫn giận đồng chí ấy. Tôi đoán ngay con người đang ngồi sau kia nhất định là một cô gái. Và, trước mắt tôi liền hiện ra cảnh tượng hết sức quen mắt: Một bên là cái vế nững nịu của một cô nàng ôm chiếc nón trắng đứng sát cửa xe, một bên là những câu hỏi ồm ồm của "anh tài phụ" của tôi đang ngồi vắt vẻo trong buồng lái, một nụ cười và một dóm thuốc lá ló ra ngoài. Thế là đủ tai hại cho tôi rồi! Tàn cho được câu chuyện ấy thì xe

lên sớm làm sao được?

Đồng chí lái phụ đã quay về phía sau từ lúc nào. Tôi vẫn còn ngồi phân vân mấy giây. Xe chạy qua bao nhiêu chặng nguy hiểm mà trong xe lại có người đi nhờ? Nhưng chẳng lẽ bây giờ bảo người ta xuống đi bộ? Thôi được. Tôi quyết định đi. Trước lúc mở máy, tôi quay lại nhìn qua tấm lưới sắt gắn sau lưng, chỉ thấy tối mờ mờ như hũ nút và mùi cao su mới xông sang. Chẳng hiểu người khách đi nhờ ngồi ở góc nào.

- Ai ngồi trong đó? - Tôi lên tiếng, giọng hỏi han chẳng lấy gì làm ôn tồn lắm.

Không có tiếng đáp chỉ có tiếng động lịch kịch giữa các chồng lốp ô tô ở phía sau. Rồi lại nghe tiếng kêu cục cục khe khe như gà con cựa trong ổ. Tôi đoán câu chuyện trao đổi giữa tôi và đồng chí lái phụ, người khách đã nghe rõ hết, và bây giờ thấy tôi lên tiếng hỏi, người ấy sợ. Chắc người ấy đang phấp phồng sợ tôi không cho đi nhờ. Nhưng người đó là ai?

- Có ai ngồi sau đó? - Tôi nhắc lại câu hỏi, lần này giọng đỡ gay gắt hơn.

- Tôi đây... Tôi nhờ đồng chí lên cầu Đá Xanh một tẹo.

Quả tôi đoán chẳng sai. Rõ ràng tiếng trả lời của một người đàn bà, một cô gái, tiếng nói trong trầm và rất bình tĩnh, cứng cỏi nửa là khác.

Mặc, tôi vẫn hỏi gặng:

- Đàn ông hay đàn bà?

- Đàn ông!

- Thôi đi cô, đáng lý tôi đã mời cô xuống. Đây là xe chở hàng quân sự. Cô lên cầu Đá Xanh có việc gì?

- Em là công nhân giao thông. Anh gì ban nãy đã xem chứng minh thư rồi. Em về trên đơn vị có chút việc.

Tôi hỏi bừa một câu cho vui:

- Việc gì? Hay là cô đi thăm chồng hay người yêu.

- Em đi thăm người yêu đây!

Tôi vội nổ máy và trong bụng cũng đã phát hoảng lên vì cái cách con gái ăn nói đối đáp bạo dạn nhường ấy. Nhưng nghe giọng nói, chẳng phải giọng một câu nói đùa. Biết đâu đấy, biết đâu cô ta nói thật?

*
* *

- Các cậu ơi, hãy chịu khó đợi một chút! - Đồng chí lái xe đang kể chuyện nằm khuất trong bóng tối lên tiếng kêu gọi. Mọi người đang nóng lòng muốn biết lý lịch cô gái đi nhờ xe. Họ cứ làm ồn ào giục đòi kể tiếp.

Ngoài rừng vọng tiếng suối chảy tràn trên đá và tiếng đôi chim kêu rụt rè ở hai góc rừng. Người kể chuyện khom lưng qua góc ngoài tầm sập nửa, đôi mắt nheo tít lại vì khói, thổi tắt ngọn lửa xanh cháy loang trong lòng chiếc ống sữa bò. Căn lán xăng dầu phút chốc chìm trong bóng tối đầy tiếng động kỳ lạ của đêm rừng. Câu chuyện lại được kể tiếp:

- Các đồng chí đừng sốt ruột vì cô gái. Hãy để cô ta ngồi đây giữa hàng chông lấp ô tô... Bây giờ tôi kể xen vào một câu chuyện nhỏ, chuyện riêng của tôi. Tôi có một người chị ruột làm cán bộ ở một hạt giao thông quãng cầu Đá Xanh. Cách đây bốn năm năm, trong chúng ta có đồng chí nào hay chạy con đường miền Tây X, chắc còn nhớ cảnh tấp nập, đông vui của công trường xây dựng cầu Đá Xanh.

Từ ngày đầu mới mở công trường, chị Tính, chị tôi đã có mặt. Chị tôi ở tổ đá. Những người con gái làm đá đông lắm, có hàng trăm cô. Trong tổ đá của chị tôi có một cô tên là Nguyệt. Phải, Nguyệt là trắng. Cái tên khá đẹp? Đây là một cô học sinh miền xuôi mới rời ghế nhà trường đi kiến thiết miền Tây. Chị tôi

coi Nguyệt như em gái, rất mến Nguyệt, bởi lẽ cô ta rất ngoan ngoãn và tích cực. Bức thư nào gửi về cho tôi, chị Tính cũng nhắc đến tên người con gái ấy, kể lể đủ các đức tính tốt đẹp. Rồi trong một bức thư, chị tôi bảo: "Chị đã tính toán, đã nhắm cô Nguyệt trên này cho cậu. Trên đời khó tìm được một người con gái như thế!". Bức thư sau, chị tôi giục tôi lên "xem mặt", và nói: "Chị đã nói thẳng ý định của chị với cô ấy. Nó cứ đỏ bừng mặt lên, không nói gì. Nhưng khi chị kể chuyện cậu, về cái chuyện cậu trốn nhà đi bộ đội, cô ta ngồi nghe rất chăm chú. Cậu tranh thủ lên ngay nhé. Nguyệt nó cũng đang muốn gặp cậu. Chỉ cần hai người gặp nhau một lần là xong thôi!". Hồi đó, sau khi đi bộ đội, tôi làm chiến sĩ lái xe phụ thường chạy các tuyến đường ngoài Bắc. Tôi cũng đi vài chuyến miền Tây, có ghé vào công trường thăm chị Tính và cô Nguyệt, nhưng không lần nào gặp hai người. Trong những bức thư gửi cho chị tôi, theo yêu cầu của chị, tôi thường viết thêm đôi câu hỏi thăm Nguyệt và ngụ ý hứa hẹn gặp Nguyệt. Chắc chắn Nguyệt phải được xem tất cả những lá thư của tôi gửi cho chị Tính nên đã hiểu về tôi ít nhiều. Các đồng chí cũng biết, giữa chốn rừng núi heo hút, một bức thư đến với một người nào đó đều xem như của chung của mọi người.

Bằng đi mấy năm, chị tôi về Hà Nội đi học. Rồi xảy ra cuộc kháng chiến chống Mỹ; tôi xuất ngũ rồi tái ngũ. Bao nhiêu đường sá miền Tây và miền Trung, địch bắn phá dữ dội. Tôi chưa kịp lấy vợ nhưng câu chuyện cô Nguyệt và những bức thư của chị Tính, tôi đã quên từ lâu.

Chị Tính đi học gần hai năm lại quay về tuyến đường miền Tây. Từ nơi rừng núi quen thuộc, chị lại biên thư cho tôi, lần này kể chuyện địch bắn phá cầu Đá Xanh, chuyện các đơn vị giao thông quyết bảo vệ đường cho xe chạy. Những chuyện ấy với tôi chẳng có gì lạ. Nhưng lạ lòng và đột ngột đối với tôi, chị tôi nói quá quyết Nguyệt vẫn nhớ và đang chờ tôi. Qua mấy năm, có bao nhiêu người hỏi nhưng cô ta đều trả lời đã trót hẹn với một

người rồi. Chị tôi cho biết Nguyệt đang làm ở ngăm, một nơi rất ác liệt, vẫn ở gần chị. Cô ta giờ đã lớn, càng ngoan ngoãn, dịu cảm và lại xinh đẹp hơn trước nữa kia.

Thú thật, lần này cầm lá thư của chị Tính, tôi rất sung sướng và cảm động. Và cũng thật lạ! Qua bấy nhiêu năm sống giữa bom đạn và tàn phá, mà một người con gái vẫn giữ bên lòng hình ảnh một người con trai chưa hề gặp và chưa hứa hẹn một điều gì ư? Trong lòng cô ta, cái sợi chỉ xanh nhỏ bé và óng ánh, qua thời gian và bom đạn vẫn không phai nhạt, không hề đứt ư? Hạnh phúc người con gái ấy đem đến cho tôi quá nhiều. Cho nên tôi cảm thấy mình như một kẻ chịu ơn. Tôi phải gặp Nguyệt. Tôi quyết định biên thư cho chị tôi, hẹn ngày gặp Nguyệt. Đây là cái ngày mà tôi đã được đại đội cho phép nghỉ. Sau chuyển xe chở lớp ô tô lên kho Tiền tiêu, tôi sẽ quay về cánh rừng sáng lẽ giấu xe, rồi ghé vào chỗ chị Tính làm việc. Ở đó, chị Tính sẽ dẫn tôi xuống dưới đội của Nguyệt. Tôi sẽ ở lại chơi một hôm, với tư cách là... khách của đội nữ công nhân giao thông bên ngăm.

Chiếc "Gát" lăn bánh rất êm trên đường. Đêm rừng thật vắng vẻ và yên tĩnh. Tôi đặt mấy ngón tay trên vòng lái, mắt nhìn phóng về phía trước, và hình dung trước lúc tôi đến giữa đám các cô gái nghịch như quỷ sứ. Gặp tôi, Nguyệt sẽ nói rất ít, còn các cô bạn thì sẽ làm loạn lên. Nhưng chẳng hề gì cả, họ đều là những người bạn của anh em lái xe, đều là những con người dịu cảm, chân thực và mến khách.

Tôi đi được mười cây số thì gặp một đoàn xe xích kéo pháo kền kền càng xuôi xuống, đành phải đỗ bên đường để tránh. Tôi tranh thủ chui xuống gầm, soi đèn pin xem lại chiếc bóng đèn. Tôi đang loay hoay vặn chiếc bóng thì nghe tiếng hỏi bên cạnh:

- Anh đi bóng "quả táo" hay "quả dưa" đấy?
- Ai kia?
- Em đây mà!

A, cô gái đi nhờ xe. Trong ánh đèn gầm hắt xuống mặt đường hiện ra ngay trước mũi xe một đôi gót chân hồng hồng, sạch sẽ, đôi dép cao su cũng sạch sẽ, gấu quần lụa đen chấm mắt cá. "Ra về cô này không phải con người lao động rồi. Tôi nghĩ - Hay là người ta đi thăm chồng hay thăm người yêu thực? ".

Tôi chui từ gầm ra, đưa hai tay dụi mắt:

- Chào cô, lần sau nếu xe dừng, cô đừng có nhảy xuống như thế này nhé!

- Nhưng mà ngồi trong ấy mùi cao su khét quá, anh cho em đứng ngoài này thở một tý.

Qua làn ánh đèn tù mù của đoàn xe xích lao đi ầm ầm bên cạnh, tôi kịp nhận thấy vẻ xinh đẹp của cô gái, một vẻ đẹp giản dị và mát mẻ như sương núi toả ra từ nét mặt, lời nói và tấm thân mảnh dẻ, khác hẳn với nhiều cô gái công trường thường cô nào cũng thấp và đầy đà. Cô ta mặc áo xanh chít hông vừa khít, mái tóc dài tết thành hai dải. Chiếc làn và chiếc nón mới trắng loá khoác ở cánh tay một cách nhẹ nhàng.

Tôi hỏi:

- Cô làm ở Ngầm Đá Xanh hay chỉ về đây thăm ai?

Trên khuôn mặt sáng sủa thoáng một nét e thẹn:

- Em làm ở Ngầm...

- À quên, tôi chưa kịp hỏi tên cô đấy nhé.

- Em là... Nguyệt!

- À thế!...

Tôi vờ như không, vội đưa mắt ngắm cô gái một lần nữa thật kỹ lưỡng. Rồi, tay mở rộng cánh cửa buồng lái, tôi vồn vã mời:

- Sau ấy mùi cao su khét lắm đấy, mời cô lên... Bên cạnh còn chỗ ngồi...

Đoàn xe xích kéo pháo 57 mới khoẻ làm sao. Đường sá, núi non cứ rung chuyển ầm ầm. Trái tim tôi cũng muốn nảy lên trong lồng ngực.

Cô gái cố ý ngồi sát mé cửa, chiếc làn cối ôm gọn trong lòng, giữa hai chúng tôi để một quãng cách rộng. Thú thật, trong đời lái xe của tôi chưa bao giờ tôi mời một cô gái lên ngồi trong buồng lái. Đây là một trường hợp đặc biệt. Tôi với tay bật ngọn đèn nhỏ trước mặt. Cô gái ngấm "cái nhà" còn con của tôi bằng cặp mắt tò mò và hơi rụt rè.

Tôi bắt đầu hỏi dò khéo léo:

- Ở đội ngầm của cô, có nhiều cô tên là Nguyệt lắm thì phải?

- Sao anh biết?... Đội em có ba Nguyệt. Nhưng một người đã hy sinh rồi. Chỉ còn em và một chị nữa là hai thôi.

- Cô Nguyệt hy sinh bao giờ? - Tôi vội hỏi, rõ ràng nghe tiếng nói của mình mà như của người khác.

- Cách đây đã ba, bốn tháng. Trong trận dịch ném bom đánh sập hẳn cầu Đá Xanh. Chị ấy chiến đấu dũng cảm lắm, mà ngày thường lại hiền lành, ai cũng tiếc!

- Cô ấy có chồng chưa?

- Chưa. Hình như mới có người yêu.

Tôi nắm vòng lái thật chặt. Mặt đất dưới bánh xe như đang nghiêng ngả, đảo lộn. Tôi cho xe đi chậm chậm và lại hỏi:

- Còn cô Nguyệt thứ hai?

- Chị ấy đã có bốn con rồi! Chúng em thường gọi đùa là chị "Nguyệt lão". Sao anh hỏi tỉ mỉ vậy?

Tôi thờ phào và nói đùa một câu nhạt thếch!

Lòng tôi rối như tơ vò. Chẳng lẽ lại đi hỏi thăm cô ta có biết chị Tính hay không? Chỉ cần hỏi thế, mọi sự sẽ vỡ lẽ ngay nhưng tôi vẫn không muốn hoặc không dám hỏi. Tôi không muốn đi sâu vào câu chuyện riêng giữa chuyến công tác. Thế nhưng tôi vẫn cứ phải phân vân: Trong hai người con gái, một trẻ và xinh đẹp ngồi bên cạnh, và một người đã chết anh dũng, ai là người đã từng mang canh cánh trong trái tim tuổi trẻ mới tình đầu với tôi suốt mấy năm, mà tôi lại tỏ ra hờ hững? Một trong hai người, ai

là người tôi sắp tìm đến. Ai? Người sắp tìm đến là ai? Câu hỏi ấy cứ xoáy trong óc tôi, như một cái dùi nung đỏ bỏng rát. Nếu Nguyệt đã hy sinh thực thì tôi sẽ mang mối hận mãi mãi.

Xe đang lao qua quãng dốc, từng mảng rừng, lèn đá, những bãi tranh ngổn ngang hồ bom từ trên cao rơi ập xuống tấm kính buồng lái. Tôi đang đi bỗng như có linh tính, vội đạp phanh cho xe đi chậm lại. Qua tấm kính trước mặt, hiện ra một ngọn đèn pháo sáng xanh lét run rẩy soi loè nhoè ở trên đầu.

- Không nghe tiếng máy bay sao lại có pháo sáng hử - Tôi nghe ngóng và thốt lên.

Từ đầu, cô gái vẫn ngồi chống khuỷu tay lên thành cửa nhìn ra ngoài. Cô quay vào nói:

- Không phải đâu. Trăng đó anh ạ!

Trăng thật. Hôm nay đầu tháng. Từ đầu hôm, tôi đi giữa đêm trăng mà không biết. Cô gái vẫn bình thản ngồi nhìn ra ngoài trời. Tôi quẹt diêm châm một điếu thuốc rồi tăng số cho xe phóng nhanh hơn, trong lòng vẫn không hết ngượng. Già đời trong nghề lái xe, bom đạn nguy hiểm gặp đã nhiều, tôi vẫn không phải anh nhút nhát, vậy mà không hiểu sao đêm nay nhìn trăng ra pháo sáng? Qua tấm kính ướt hơi sương, mảnh trăng nằm giữa những tầng mây hiện ra tái ngắt, ánh sáng loè nhoè, mỗi lúc xe nảy lên hay vòng qua chỗ lượn, mảnh trăng lại chập chờn lay động, có lúc thấy rơi tòm xuống khoảng tối mịt mù của cánh rừng già như một trò chơi ú tím.

Khoảng gần khuya, trên các mỏm rừng, gió tây nam cuốn mây xám về một góc rồi thổi giạt đi. Gió thổi vào cành lá nguy trang trên nóc xe ràn rạt. Trên đầu chúng tôi, khoảng trời đêm trên cao trở nên trong vắt, cao lồng lộng, trong khoảng sâu thẳm nổi lên một tiếng chim mơ hồ. Nhưng ở lưng các cánh rừng, sương trắng không biết từ đâu cứ đùn ra mãi. Dòng sông bên trái đường phụt chốc biến mất, chỉ còn là sương trắng phủ kín,

thẳng hoặc mới thấy một chòm rừng, một ngọn núi đá bên kia sông nhô lên, đen đũi và cô độc giữa một màu trắng xoá.

Xe tôi chạy trên lớp sương bành bồng. Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như một mảnh bạc. Khung cửa xe phía cô gái ngồi lồng đầy bóng trắng. Không hiểu sao, lúc ấy, như có một niềm tin vô cơ nhưng chắc chắn từ trong không gian ủa tới tràn ngập cả lòng tôi. Tôi tin chắc người con gái đang ngồi cạnh chính là Nguyệt, chính người mà chị tôi thường nhắc đến. Chốc chốc tôi lại đưa mắt liếc về phía Nguyệt, thấy từng sợi tóc của Nguyệt đều sáng lên. Mái tóc thơm ngát, dày và trẻ trung làm sao! Bất ngờ Nguyệt quay về phía tôi hỏi một câu gì đó. Tôi không kịp nghe rõ vì đôi mắt tôi đã choáng ngợp như vừa trông vào ảo ảnh. Trăng sáng soi thẳng vào khuôn mặt Nguyệt, làm cho khuôn mặt tươi mát ngời lên đẹp lạ thường!

Tôi vội nhìn thẳng vào đoạn đường đầy ổ gà, không dám nhìn Nguyệt lâu. Từng khúc đường trước mặt cũng thếp từng mảng ánh trắng.

- Anh nhĩ? Có phải không nhĩ.

- Cô hỏi gì?

- Em hỏi, có phải các anh lái xe đi nhiều nơi, chắc hẳn quen biết nhiều người lắm?

Tôi hiểu cái dụng ý trong câu hỏi. Câu ấy có quan hệ đến tôi nhiều lắm.

- Đời lái xe chúng tôi như con vạc ấy, cô ạ! Nay đỗ rừng này, mai qua suối kia nhưng tháng này sang tháng khác vẫn làm bạn với đường, với trăng thôi.

Chẳng biết lúc ấy, ai mới móc miệng cho tôi mà tôi bỗng trở nên ăn nói văn vẻ đến thế!

Quá nửa đêm, chúng tôi đến gần cầu Đá Xanh thì trăng lặn. Chúng tôi không nói chuyện nữa. Mảnh trăng đã khuất hẳn xuống khu rừng ở sau lưng. Tôi bật chiếc bóng đèn "quả dưa" cho

sáng hơn và bảo Nguyệt: "Cô chú ý nghe hộ, từ đây thường có máy bay". Nguyệt vẫn thản nhiên ngồi nhìn ra ngoài: "Anh cứ yên tâm, đoạn đường này em quen lắm!".

Nguyệt hướng dẫn tôi đánh xe rẽ sang con đường xé về phía ngầm. Con đường thấp hẳn xuống, quanh co, sục lên một thứ bùn quánh nhão nhoét quanh những hố bom cũ và mới. Tôi dán mắt vào mặt kính, thận trọng lái hai bánh trước tránh hai vệt bánh xe như hai cái rãnh thoát nước ở giữa đường. Có đoạn bánh trước sục xuống rãnh sâu quá, Nguyệt phải xuống "xi nhan" cho tôi kéo lên. Có đoạn không nhích lên được. Tôi phải cài số phụ, rồi tăng ga mãi. Không khí trong buồng lái nóng sực. Lốp xe quay tròn, xiết trên đá toé lửa khét lẹt.

Nguyệt nhìn đoạn đường khó đi, nói như thanh minh:

- Chúng nó ném bom luôn, chúng em đã rải bao nhiêu đá mà đường sá còn ra thế!

Tôi vò chiếc mũ vải trong bàn tay, lau mồ hôi tính đến lúc sắp phải từ biệt Nguyệt:

- Cô sắp xuống rồi chứ? Bao giờ xuống cô bảo để tôi dừng xe.

Đáng lẽ Nguyệt xuống ngang quãng trạm gác bên ngầm ở ngã ba, nhưng cô muốn đưa tôi đi tiếp sang bên kia sông. Cô cười, nói đùa:

- Anh đã cho em đi nhờ xe, lúc khó khăn lại bỏ anh ư?

Tôi nói rất nghiêm trang:

- Thế nào chúng ta cũng còn gặp nhau. Mà dù cô xuống từ dưới kia, tôi cũng không bao giờ nghĩ cô là một người khi khó khăn thì bỏ người khác.

- Sao vậy, anh?

- Trông cô, tôi biết...

Một làn nước hiện ra trước mặt. Đoạn ngầm Đá Xanh ngắn thôi, nhưng mấy hôm trước mưa lũ, nước dâng cao trên mặt đá đến hơn một thước. Vừa đánh xe xuống, đã nghe nước tràn vào

ổng xả hơi ừng ục. Chiếc xe lắc điên đảo, lúc ngoi lên lúc sụp xuống, ánh đèn chiếu sáng mặt nước loang loáng. Ra đến quá nửa ngầm thì nước sâu quá, xe không đi được nữa.

Nguyệt đứng bám bên cánh cửa hướng dẫn cho tôi đi đúng giữa hai hàng cọc tiêu. Cô vội nhảy ùm xuống nước, bảo tôi tắt đèn đi.

- Có máy bay à?

- Để em nghe kỹ xem đã. Anh cứ tắt đèn đi. Loáng đèn dưới nước trông xa lắm đấy!

Đèn tắt. Chưa bao giờ trời tối đến thế, chỉ nghe tiếng nước vỗ ì oạp vào tai xe. Tôi cố tiến, lùi nhưng xe chỉ lắc lư, vòng lái nặng như cối đá. Giữa đêm lạnh mà quần áo tôi ướt đầm. Nguyệt để cả quần áo thế, nhanh nhẹn lội phăng sang bên kia bờ giúp tôi cột dây tời vào một gốc cây. Tôi xoay xở như đánh vật một lúc, cuối cùng cũng đưa chiếc xe leo lên được tới quãng đường rải đá khắp khênh.

Chúng tôi thở không ra hơi, đang mò mẫm cuốn dây tời thì máy bay đến. Từ sau rặng núi đá dựng đứng bên trái, bọn chúng ập đến như tiếng sét. Tiếng máy bay ầm ầm. Tôi vút vòng dây sắt nặng trĩu trên tay, chạy nhào về phía xe. Vừa chạy được hai bước, tôi đã bị Nguyệt túm lấy kéo tôi trở lại. Nhanh và khoẻ hết sức, Nguyệt đẩy tôi ngã vào giữa một vật gì rất cứng và sâu. Nghe hơi thở và tiếng nói của Nguyệt rất bình tĩnh: "Chúng đánh toạ độ đấy!".

Một ánh chớp giật mắt lạnh, đất rừng lên một hồi. Lặng đi mấy giây tưởng có thể nghe được tiếng vỗ cánh của một con dế rất nhỏ, bỗng đâu đất, đá và cành cây bé cành cây lớn rơi ầm ầm, rào rào. Tôi vừa kịp nhận ra mình đang đứng giữa một cái khe chỉ vừa một người, hai bên là hai gốc cây to. Nguyệt đang nấp ở mé ngoài. Hai thằng địch khác lại sắp lao xuống, lại sắp một đợt khác! Tôi nắm tay kéo Nguyệt vào nhưng Nguyệt nhất định

không chịu. Nguyệt thét lên: "Anh bị thương thì xe cũng mất, anh cứ nấp đó!" Không ngần ngại, tôi bế xốc Nguyệt đặt giữa cái khe giữa hai gốc cây rồi chạy về phía xe đổ.

Địch bắn hai mươi ly đồ lừ, nghe rất cả mặt. Xe tôi vẫn đứng đó, lửa đã bén vào lốp. Tôi dập lửa, trèo lên xe, nổ máy. Nguyệt cũng vừa chạy đến bên cánh cửa:

- Cho xe chạy đi anh, nó còn tiếp tục đánh ngầm đấy!

- Chạy chứ!

Một loạt bom rất gần, sức hơi bom xô Nguyệt ngã dúi. Tôi kéo Nguyệt vào trong, đóng cửa buồng lái rồi chẳng đèn dóm gì hết, cứ theo lời Nguyệt chỉ đường, tôi cho xe phóng. Địch quây tròn trên đầu như xay lúa, rất thấp, thả pháo sáng và bắn hai mươi ly. Mặc, tôi cứ chạy, và Nguyệt cứ nói rành rọt như người đếm bên cạnh:

- Anh ngoặt sang trái... Trước mặt anh có hố bom đấy... Chuẩn bị sắp lên một cái dốc có "cua"...

Qua một quãng khó đi và tối quá, Nguyệt nhảy xuống đi dò trước. Tôi cứ nhắm cái bóng trắng nhờ nhờ của Nguyệt trước mặt mà lái theo.

Lên quá độ hai cây số tôi dừng xe nép vào bên một ta luy cao có cây rậm. Tôi bật đèn buồng lái. Cái tôi trông thấy đầu tiên là có vết máu bên vai Nguyệt, vết máu chảy loang đỏ cả cánh tay áo xanh. Chết thật, cô ta bị thương rồi! Không biết Nguyệt bị thương loạt bom đầu tiên, lúc tôi nấp dưới khe hay khi cô vùng chạy theo tôi trở về xe? Thú thực, lúc ấy trong lòng tôi dậy lên một tình yêu Nguyệt gần như mê muội lẫn cảm phục.

Nguyệt nhìn vết thương, cười. Khuôn mặt hơi tái nhưng vẫn tươi tỉnh và xinh đẹp. Từ đầu đến chân, cô ta ướt như một con công vừa tắm. Tôi rút chiếc mùi xoa đầy vết dầu mỡ trong túi, buộc ngoài ~~lên~~ áo xanh để cầm máu. Tôi đề nghị đưa Nguyệt sang ~~bên kia gầm~~ về đơn vị, nhưng Nguyệt gạt đi:

- Đây là giang sơn của em rồi. Anh đi đi, không trời sáng mất!

Rồi Nguyệt lại cười: "Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sưng da thôi. Từ giờ đến sáng, em có thể đi lên đến tận trời được!"

Gà rừng đã eo óc gáy thưa thớt.

Tôi không thể bỏ xe được. Tôi đành từ biệt Nguyệt, nắm bàn tay thấm ướt máu rất lâu và tôi nói một lời hứa đinh ninh: "Ngày mai, tôi quay về, nhất định tôi vào... thăm Nguyệt!"

Tôi lên xe, phóng như bay về phía tiền tiêu, với một tâm trạng vui sướng rộn ràng rất lạ và cũng rất lo lắng cho Nguyệt, lúc nào cũng thấy trước mặt một bóng người con gái mặc áo xanh, bên cánh tay buộc chiếc mùi xoa của tôi. Với chiếc làn và chiếc nón trắng mới, cô ta đang đi trở lại về phía ngẫm. Có lúc tôi lại thấy cô ta quay lại, khuôn mặt đẹp lộng lẫy đầy ánh trăng.

*
* *

- Thế nào, kể tiếp đi! Ngày hôm sau sống chết cậu cũng phải mò tới cái đội nữ công nhân ấy chứ? - Những người nghe vẫn tỉnh như sáo. Có lẽ đã hai ba giờ sáng.

- Đêm ấy, tôi chạy nhanh đến như vậy, nhưng lên đến tiền tiêu giao hàng cho kho xong thì trời đã gần sáng. Thế là không kịp quay về rừng vắng lẻ giấu xe nữa, đành đánh đi giấu ngay ở đây. Và lại hí húi đi kiếm lá ngụy trang, tháo xăng, nấu cơm ăn. Thật chán hết sức! Thế là bay đi một ngày phép.

Đại đội trưởng lại bố trí cho tôi đi một chuyến nữa lên tiền tiêu, vào ngay đêm sau. Lần này, tôi đã kịp ghé vào hạt giao thông của chị tôi, cũng đóng không xa đội nữ công nhân phụ trách ngẫm.

Lán đội nữ công nhân giữa khu rừng vắng lẻ, rất đẹp. Con

gái bao giờ họ cũng chu đáo và chăm chỉ chứ không tuềnh toàng như chúng mình. Lán họ ở sạch sẽ, ngăn nắp, có nhà ăn, nhà cầu lạc bộ. Thấy tôi đến, chẳng phải chỉ một mình chị Tính mà các chị em khác đều đón đả mừng rỡ, toàn là những tay ăn nói khiếp cả. Nhưng tôi còn lòng dạ nào mà đối đáp với họ? Việc đầu tiên tôi quan sát thần sắc của chị Tính: Hai ngày qua tôi đã tin chắc chắn, không thể nào sai được rằng người con gái mình đang tìm gặp thì đã gặp, nhưng đến đây tôi lại nghĩ Nguyệt có thể là người con gái đã anh dũng hy sinh từ cách đây ba, bốn tháng.

Chị Tính dẫn tôi vào nhà, và trách:

- Hôm kia sao cậu không về? Nguyệt nó chỉ tranh thủ lên được có một hôm, đợi cậu suốt ngày không thấy, cô ấy lại phải về dưới ty rồi!

Thế là trống ngực tôi không đánh nữa. Tôi tò mò hỏi:

- Cô ấy về dưới ty làm gì?

- Cô ấy đang dở học lớp đảng viên mới ở dưới đó.

Hai chị em chúng tôi đang nói chuyện thì một chị to béo ước trạc gần bốn mươi, hai tay cấp hai cái bẻ đựng đầy măng xồng xộc đi vào:

- Đâu? Cậu Lãm em trai chị Tính tới mà sao không đến trình diện với tôi hử? - Chị ta túm lấy tôi trong hai bàn tay hộ pháp. - Mặt mũi sáng sủa đấy chứ, lái xe à? Tôi hỏi thế này nhé, anh đã biết tội của anh chưa?

Chị Tính cứ ôm miệng cười. Còn tôi thì chẳng hiểu gì cả. Lát sau, mới biết chị làm tổ trưởng nấu ăn của đội, đây chính là chị "Nguyệt lão", cũng là một người bạn thân thiết của chị tôi.

Chị Nguyệt lão vui vẻ "mắng" tôi một hồi nữa, đầy những "cớ sao", cớ sao mấy năm trời để cho "cái Nguyệt" nó đợi đờ mắt, có muốn tìm hiểu người ta hay không thì cũng phải báo một câu chứ? Rồi chị kể: Hôm nọ "nó" trở lên đây, đi nhờ xe vận tải của một anh bộ đội, xe bị bom dọc đường, may mà chỉ bị

thương rất nhẹ thôi!

Chị hỏi: "Anh vẫn chưa biết mặt nó hử?" rồi lại nắm áo tôi kéo tuột đến một hàng ảnh nhỏ xíu dán chi chít trên tờ giấy bao xi măng giữa nhà cầu lạc bộ.

Chị "Nguyệt lão" chưa kịp trở, tôi đã nhận ra tấm ảnh của Nguyệt. Trước đây mấy năm, trông cô như một con chim non đang tập bay. Nguyệt đang đứng cheo leo giữa vách núi, trên vai vác một chiếc máy khoan, đôi mắt đen láy ngáy thơ nhìn ra xa. Nhìn bức ảnh ấy, tôi không khỏi nhớ những ngày hoà bình rộn ràng chúng ta đi xây dựng những chiếc cầu trên các tuyến đường. Ngọn núi Nguyệt đang đứng chính là một ngọn trong dãy núi đá xanh cao sừng sững nằm bên trái bến ngầm. Ngày khởi công xây dựng chiếc cầu ở đây, đội phá đá của công trường đều toàn là nữ. Tháng này sang tháng khác, với một sợi dây da bảo hiểm buộc ngang lưng, họ dũng cảm treo lên từng mỏm núi cao, chọn những vĩa đá xanh đẹp nhất về xây cầu. Chiếc cầu làm trong gần hai năm mới xong, xanh biếc và đẹp như một giấc mộng, nhưng vừa khánh thành được mấy tháng thì máy bay Mỹ đã đem bom tới phá sập!

Buổi chiều hôm đó, chị Tính và chị Nguyệt lão tiễn tôi ra đến bờ sông. Chị Nguyệt lão giơ nắm tay to lớn ra trước mặt tôi: "Khỏi anh cán bộ khá hẳn hoi đang muốn yêu nó. Nó chỉ chờ gặp anh đó thôi. Coi chừng cứ phóng xe chạy biến đi, tôi không có dây tơ hồng nhưng đã có dây trời lợn trời anh lại!". Tôi vội vàng nhét vào trong chiếc túi cấp dưỡng nhỏ nhem của chị một chiếc phong bì niêm rất cẩn thận. Suốt buổi trưa, tôi đã mượn giấy bút biên cho Nguyệt lá thư đầu tiên.

Ra đến rừng vắng lẻ, tôi chưa về chỗ giấu xe vội mà men ra bờ sông ngoài cầu. Con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thẳm, hai bên bờ cỏ lau chen với hồ bom. Chiếc cầu bị cắt làm đôi như một nhát rìu phang rất ngọt. Ba nhịp phía bên này đổ sập xuống, những phiến đá xanh lớn rơi ngổn ngang dưới lòng

sông, chỉ còn hai hàng trụ đứng trơ vơ giữa trời. Tôi đứng bên bờ sông, giữa cảnh một chiếc cầu đổ và lại tự hỏi: Qua bấy nhiêu năm tháng sống giữa bom đạn và cảnh tàn phá những cái quý giá do chính bàn tay mình xây dựng nên, vậy mà Nguyệt vẫn không quên tôi sao? Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn giội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?

... Người kể chuyện tự nhiên ngừng bật, như đang lắng nghe tiếng trả lời đâu từ trong lòng mình. Những người bạn cũng không hỏi, không đòi kể tiếp và nói chuyện ồn ào như những lần trước.

Hắn đã gần sáng. Ngoài rừng sâu, đôi chim gọi nhau đã im tiếng, có lẽ chúng đã tìm thấy nhau.

Chân trời phía rừng tây bỗng ửng sáng. Rồi trăng đội chòm cây từ từ nhô lên. Từng chiếc lá đung đỉnh trên nóc lán loé sáng như những mảnh bạc. Ánh trăng khuya lặng lẽ soi đầy trên mái, và đoạn đường đầy vết xe trước cửa. Người kể chuyện ngừng lên ngắm mảnh trăng vừa lên rồi nằm xuống giữa những người bạn lái xe. Anh giục:

- Ngủ thôi các cậu! Mai còn chạy.

BÊN ĐƯỜNG CHIẾN TRANH

Hưng vo chiếc khăn mặt trong tay xăm xăm chạy xuống bến. Ngang qua trước mặt Thuy, Hưng nhe răng cười:

- Tranh thủ rửa ráy cho nó sáng sủa ra một chút đi thủ trưởng! Thuy chưa kịp đáp thì Nhĩ đã toang toác vừa nói vừa cười âm ỉ:

- Chúng tao già rồi! Càng trang điểm thì càng lộ cái già ra, còn cậu có mang cả cái mặt lấm đầy bụi về thì chốc nữa con Hường nó cũng cứ mừng rú lên.

Thuy nhìn theo tấm lưng rất săn, thon dài đầy sức vóc của Hưng, chợt mỉm cười rồi cũng nói vui với Nhĩ:

- Có mình chứ ông làm gì đã già!

Nhĩ cười tít cả hai mắt:

-Anh không thấy mấy bữa trước bà mẹ con Hường toàn gọi tôi bằng bác đấy ư, già quá đi chứ anh!

Đám công nhân kéo phà lục tục ra bến. Sau khi rửa ráy qua loa, ngồi trên con phà bằng gỗ đang lừ đừ trôi qua khúc sông hẹp thất lại, Thuy thấy trong người thật thoải mái, dễ chịu. Mấy cán bộ trong đoàn trình sát chiến trường cùng đi với anh người nào người nấy lúc này đã trở nên sáng sủa, sạch sẽ. Đèo Be-le, đèo Gió... những đèo dốc mà chiếc xe con của họ vừa bỏ lại sau lưng chả có gì đáng gọi là hiểm trở. Nhưng bụi mù. Sau một ngày đi đường, đến đây, cũng y như ngày xưa con đường miền tây Trường Sơn vào mùa hanh khô, bụi đóng trắng xóa từ đầu tóc

đến sợi lông mày. Thuy nhớ hồi chiến tranh chống Mỹ có một cậu chiến sĩ đã gọi những con sông dọc đường Trường Sơn là những cái ga nước. Sau nhiều ngày đi ròng rã trên tuyến đường xe toàn những đèo và dốc, có quãng như xuyên giữa vùng mây bụi, đến trạm nghỉ nào đó bỗng gặp một con sông trong xanh, thật không gì thoải mái, sung sướng cho bằng. Thuy chợt mỉm cười một mình. Con sông này cũng là một cái ga nước?

Chiều sậm dần xuống. Đồng chí lái xe đánh xe từ trên con phà lên một cái bến khúc khuỷu, dốc đứng. Rừng cây ép sát vào bên cánh cửa xe. Một vài cành lá xum xuê như những bàn tay của rừng thò vào tận chỗ những người ngồi tít phía trong. Lên hết cái dốc ướt lướt thướt cứ xối ào lên từng đợt sóng nước, Thuy quay về sau đặt một cánh tay rám nắng lên thành ghế, trao đổi với Nhĩ - trợ lý tác chiến - ngồi phía sau một vài công việc rồi lại trở lại tư thế cũ, khoanh hai cánh tay trên ngực. Chỉ mười phút nữa thôi, Thuy nghỉ và không khỏi giật mình, mình lại được gặp lại người đàn bà đó.

Việc chiếc xe con của Thuy không trở về theo lối đường số Một qua Lạng Sơn như đã dự tính từ trước mà vẫn theo con đường số Ba này, cũng như có một sự tình cờ sắp đặt. Cho đến sáng nay cả đoàn của Thuy mới được biết những cái tuy-nen trên chặng đường Cao Bằng đi Đông Khê, Thất Khê do bọn giặc bành trướng phá sập vẫn còn tắc chưa thông được, và rõ ràng cả đoàn khi ấy vẫn còn phân vân thì Hưng, anh chàng trợ lý trình sát đi theo đoàn đã reo lên như mở cờ trong bụng. Hấn không thềm giấu niềm vui mừng rỡ riêng tây đi một chút nào hết. Thái độ vui vẻ của Hưng khi đó khiến cho Thuy hơi khó chịu, nhưng đến lúc này Thuy lại thấy rằng chính mình cũng có một tâm trạng như vậy.

Chỉ lát sau chiếc xe com-măng-ca dật tròn phủ đầy bụi đỏ như son đã tiến vào thị xã Bắc Cạn sau khi vất vả như một con thoi lách mình giữa hàng dãy dài xe vận tải quân sự và dân sự

chở đủ thứ mặt hàng lên tuyến phòng thủ phía Bắc đang đợi đến lượt qua phà. Đường phố thừa người và rộng thênh thang, những ngôi nhà ẩn mình trong vườn đào và vườn mận và những vũng sương trắng mờ mờ đã bắt đầu dấy lên từ khi mặt trời chưa kịp tắt hẳn. Nhìn ra bốn phía thị xã vẫn chỉ thấy một màu xanh hắt hiu của rừng núi. Một con chó với dáng lười biếng nằm ghéch mõm lên bậc cửa của một ngôi nhà thấp treo tấm biển "nhà trẻ", đưa cặp mắt dịu dàng nhìn chiếc xe con vừa đỗ lại dưới tán một cây du. Ánh sáng xanh biếc từ khắp mọi vườn cây hai bên phố như đang ứa vào tâm hồn Thụy. Anh khoác chiếc ba lô cóc bằng một bên vai, đi qua đường để theo Nhĩ sang ngôi nhà quen lần trước đã nghỉ lại. Đó là một ngôi nhà rộng và cao ráo, lợp lá gồi, nghe trong phố đồn rằng chủ nhân sắp bán, để dọn về ở dưới Thái Nguyên. Thụy đi qua những chõng vi phoi các thứ lá thuốc xếp trước vỉa hè bằng đất bó gạch. Những cánh cửa gỗ mở toang. Bên trong nhà có vẻ na ná như một cái quán trọ tươm tất và ấm cúng, kê bốn năm chiếc giường la liệt khắp mọi chỗ mà vẫn còn đầy khoảng trống. Trong nhà chẳng có ai cả. Hai người khách bộ đội bước vào đứng giữa nhà. Hơi mát từ nền nhà xông lên lập tức vây bọc lấy Thụy trong một cảm giác lâng lâng vừa quen vừa lạ. Anh và Nhĩ đứng đợi một lát mới trông thấy dáng một người đàn bà cao cao và mềm mại hiện ra từ khoảng vườn cây um tùm sâu hun hút phía sau nhà.

Trước khi bước vào đây, Thụy đã sắp sẵn ý định để ý xem thử lần trước người đàn bà chủ nhà này có nhận ra mình hay không? Lần trước, Hưng và Nhĩ vốn quen với gia đình từ trước, đưa anh vào nghỉ ở đây vào một đêm đã khuya. Trong buổi mờ sáng vẫn còn mù mịt sương giá khi đoàn anh lên xe ra đi, đến lúc bấy giờ Thụy mới trông thấy người đàn bà chủ nhà niềm nở ra chào tiễn và cứ nhìn Thụy bằng cặp mắt đầy vẻ dò hỏi, đầy sự ngạc nhiên. Cho đến lúc chiếc xe con nổ máy kêu rừ rì và trong làn ánh sáng kì lạ của ngọn đèn vàng soi vào một vùng sương

mù dày đặc như bánh đúc khi lao qua đèo Be-le, Thụy vẫn còn bị ám ảnh bởi cặp mắt dò hỏi ấy...

Và suốt trong quãng thời gian làm việc trên biên giới, Thụy - tham mưu trưởng của một quân đoàn mới cấp tốc chuyển quân bằng đường hàng không từ Tây Nam ra - tuy đang bận túi bụi nhưng được phút nào rồi rảnh lại bị xâm chiếm bởi một đoạn kí ức riêng có quan hệ đến người đàn bà tự nhiên sống lại, thế mà bây giờ về tới đây anh lại như đang hững đi vì thất vọng: lần này người đàn bà tỏ ra là một người hoàn toàn xa lạ, thậm chí cũng không hề để ý đến Thụy. Bằng một vẻ thần nhiên và thoải mái, thậm chí hơi phóng khoáng, người đàn bà rất mến khách và hết sức nhiệt tình với bộ đội đó đang đi từ ngoài vườn sau nhà vào, vội vã giơ tay sửa lại chiếc khăn xanh trùm đầu rồi đưa mắt nhìn hai người, cặp mắt rất đẹp như vẫn còn ẩn náu cái ánh xanh của tuổi hai mươi chỉ nhìn lướt qua rất nhanh trên khuôn mặt Thụy, rồi liền quay về phía Nhĩ:

- Bác Nhĩ, tôi biết thế nào đoàn của bác cũng quay trở về bằng con đường số Ba này... còn chú Hưng đâu ạ?

- Cậu ấy vừa ghé vào chợ - Nhĩ đáp - Cô Hường ở ngoài cửa hàng vẫn chưa về ư thưa bà?

- Cháu nó cũng vừa tạt ra chợ. Nào, nào... chắc các bác đã đói rồi! Tôi đi bắc nồi thổi cơm nhé? Hôm nay có trám đen, đã đến mùa trám đen rồi đây bác Nhĩ ạ!

Trong khi Nhĩ và nữ chủ nhân nói chuyện vồn vã thì Thụy đứng chôn chân phía sau lưng Nhĩ, bên vai vẫn khoác chiếc ba lô. Nhĩ quay lại giới thiệu:

- Đây là đồng chí Thụy, thủ trưởng của chúng tôi, lần trước đồng chí Thụy cũng đã nghỉ lại ở đây, bà còn nhớ chứ?

- Chào bà!... - Đến lúc bấy giờ Thụy mới áp úng cất tiếng.

- Dạ, không dám, tôi vẫn nhớ và đã có lời chào... đồng chí thủ trưởng mấy hôm lên trên đó vẫn được mạnh giỏi chứ ạ?

- Vâng. Cảm ơn bà ạ!

Thuy gần như không thể nào chịu được cái sự thăm hỏi và lời đáp xã giao đầy xa cách ấy, thậm chí còn lấy làm bực bội bởi lâu lắm anh mới bắt gặp ở mình, một con người cứng rắn và đầy hoạt bát, cái thái độ lúng túng, nhặt nhéo và cứng nhắc, từ điệu bộ đến lời ăn tiếng nói đều ngược lại với những ý nghĩ và tình cảm trong lòng anh.

*

* *

Ngay lúc bấy giờ Thuy có biết đâu rằng người đàn bà chủ nhà, từ sau cái buổi mờ sáng ấy, từng giờ từng phút vẫn hồi hộp, phấp phồng chờ anh trở lại, cũng như hơn ba mươi năm nay, tuy không gặp lại nhưng vẫn đi tìm anh. Cả ngôi nhà, vườn cây, giếng nước nằm giữa cái thị xã miền ngược lâu nay lúc nào cũng rầm rập tiếng bước chân bộ đội hành quân qua, sở dĩ người đàn bà chưa chịu bán đi để về ở với chồng dưới Thái Nguyên, cũng vì một sự chờ đợi, tìm kiếm...

Ngoài ba mươi năm về trước, cũng trên con đường nối liền hậu phương với mặt trận như hôm nay nhưng thuộc về một vùng địa phương khác, đó là một vùng đồng bằng khu Ba cũ giữa cuộc kháng chiến chống Pháp, Hạnh - tên người đàn bà chủ nhà - lúc bấy giờ còn là một cô gái mười bốn, mười lăm, tóc đuôi gà cột vênh về phía sau, trên vai nặng trĩu đôi quang gánh chất đầy quần áo, xoong nồi, chần chiếu... cùng với mẹ và một lũ em lếch thếch tản cư từ trong Phủ Lý ra vùng tự do bên kia sông Đáy. Do cuộc sống giặc giã khó khăn, gieo neo, ra khỏi thị xã, Hạnh phải bỏ học để giúp mẹ nuôi đàn em. Hai mẹ con cứ nay đây mai đó, hết mở ngôi hàng xén bán từ cái bắc đèn, thè hương đến cái tấy, cái thức cho học trò lại xoay sang nghề hàng xay hàng xáo, rồi

lại đòn gánh đè vai buồn bán từ mớ rau, mớ tép, củ khoai sọ, củ lạc. Máy bay, máy bò lại ném bom, bắn phá luôn. Đêm đêm, cái gia đình tản cư nhưng vẫn chưa định cư lại một chỗ nào ấy, dù ở gần hay ở xa đường cái, vẫn thường có thói quen thức rất khuya. Mọi người trong gia đình lắng nghe một cách chăm chú tiếng bước chân lúc rầm rập lúc thưa thớt của những đoàn bộ đội và dân công hoả tuyến đi ngoài đường cái.

Người đàn ông chủ gia đình ấy, ông Việt, là một tiểu đoàn trưởng nổi tiếng khắp một vùng đồng bằng hữu ngạn sông Hồng. Cùng với tiểu đoàn của mình có thời gian luyện tập, củng cố ngoài hậu phương, lúc bí mật luồn sâu vào sau lưng địch, nhưng ông Việt đi đâu hoặc làm gì, bao giờ cũng mang theo bên cạnh một cán bộ cấp dưới về mọi mặt trái ngược với ông: một anh chàng bạch diện thư sinh vừa ít tuổi vừa dút dất, vừa tốt nghiệp trường sĩ quan Trần Quốc Tuấn ra, một chàng hồi ấy tất cả mọi người trong gia đình Hạnh đều thân mật gọi bằng chú An.

Ông Việt nhìn thấy khả năng của An cho nên đã xin về làm cán sự tác chiến của tiểu đoàn, ông lại coi như con. Đẹp trai thông minh nhưng hiền lành đến mức không dám đi đến đâu, chỉ vì sợ con gái trêu chọc. Mỗi lần ngồi vào mâm cơm, mẹ Hạnh phải thỉnh thoảng gấp thức ăn vào bát cho. Ở cái tuổi mười lăm lại sớm phải chèo chống với cuộc sống, Hạnh thỉnh thoảng vẫn thách thức tất cả những thằng em trai chui vào trong chăn đánh nhau với mình, nhưng có lúc chống tay vào hông, gọi từng đứa lại mà dạy bảo còn nghiêm khắc hơn cả mẹ. Cũng như muôn thuở, tình yêu giống như tên biệt kích đến ẩn núp giữa trái tim cô gái ấy từ lúc nào không thể thấy, không thể biết được. Có lẽ từ cái hôm ấy, một buổi chiều nắng nhuộm vàng rực dãy núi đá Vô Hốt, chung quanh giếng nước cứ kín đen những tấm lưng trâu. An bị vây bọc và tấn công bởi một đám đông các cô gái của các xóm lân cận. Họ đi kín nước hoặc vừa đánh trâu trong núi ra. Hạnh cũng quấy đôi thùng ra kín nước. Lúc đầu nghe mọi

người hết nình bợ lại trêu chọc An, Hạnh cứ giả điên làm thính. Nhưng đến khi có một chị xinh đẹp lại lẳng nhát trong đám bắt đầu mở cuộc tấn công thì Hạnh cứ vừa kéo nước vừa khua chiếc gàu sắt tây vào thành giếng choang choang - "Em giặt áo cho anh An nhé!" vừa thốt ra câu ấy, cô gái đã bất ngờ nhận lấy một gàu nước hắt thẳng vào mặt. Mọi con mắt ngơ ngác đổ dồn về phía Hạnh - hoá ra một con bé nhóc tán cư! Sao mà nó đành hanh, láo xược, táo tợn vậy! Hạ xong kẻ địch thủ, Hạnh ôm chiếc gàu múc nước chạy vào giữa bầy trâu đứng thủ thế. Rồi cô bỗng khóc oà lên trên con đường hạnh phúc tình yêu mảnh nhỏ như sợi chỉ, lổn nhổn sỏi gan gà, An đang dẫn cô về.

Bất chước người lớn, Hạnh dành dụm tiền giấu mẹ mua sắm cho An từ lọ dầu con hổ đến chiếc tay nải bằng vải nâu. Hầu như năm nào vào mùa mưa, đơn vị ông Việt cũng rút ra vùng tự do một vài tháng để chinh huấn đến mùa đông xuân, mùa khô, những người lính lại áo nâu túi vải, với khẩu tiểu liên tuyn giấu dưới áo, từng tốp phân tán như dân buôn tề, đêm đêm vượt sông Đáy. Những trận đánh, những chiến dịch lại mở. Ở bên này đêm đêm nghe tiếng súng Hạnh lại hồi hộp chờ đợi, Hạnh vừa thương bố, vừa lo lắng cho bố, lại vừa lo cho An.

Rồi một tối gần Tết trung thu, An cùng một đoàn dân công cáng thương binh từ trong vùng địch ra, đi qua một dãy phố của dân tản cư trên đường 12, nhà cửa toàn bằng tre nửa mới dựng lên. An nhận ra hai đứa em của Hạnh đang chơi múa lân dọc đường. Nhưng An không dám gọi. Lòng An quặn đau như thắt khi anh nằm trên một chiếc võng gai giòn già và mảnh trắng non sáng như một thỏi bạc treo trên sườn núi đá Vô Hốt phía sau lưng dãy phố. Ngày hôm sau, dân buôn thuốc tây từ trong tề ra ngồi ở các quán "cà phê - trứng đường" nỉ non tiếng đàn ghi-ta ha-viên loan tin rằng ở "trong ấy" "tiểu đoàn ông Việt" vừa nện cho Tây một trận nhớ đời, rằng trận đánh thật là "xuất quỷ nhập thần", từng công-voa xe nhà binh bịt mui chạy suốt ngày

vẫn chưa chở hết xác lính Tây lính nguy về nằm chật nghĩa địa các thành phố.

Ít ngày sau, "Tiểu đoàn ông Việt" rút ra nhưng thiếu mặt người chỉ huy nổi tiếng. Người cha của cái gia đình tản cư ấy đã ngã xuống ngay bên ngoài thị xã Phủ Lý tạm chiếm. Trong làn khói đạn, An chứng kiến cái chết của người chỉ huy đầu tiên và ngay lúc bấy giờ, chính anh cũng bị thương. Một quả 105 ly rơi trúng cái mô đất bên đường cái phía sau đó ông Việt và An đứng quan sát. Lúc ấy, trận đánh thắng lợi giòn giã đã gần kết thúc.

Một tháng rưỡi sau, khi vết thương đã gần khỏi, An khoác chiếc tay nải đi lần xuống một con dốc toàn cát. Qua bên kia sông, An chống gậy tập tễnh đi bộ suốt cả ngày giữa nắng chang chang, tìm trở về cái phố tre nứa của những người dân tứ chiếng từ các thị xã và thành phố trong vùng địch tạm chiếm tản cư ra. Vào đến ngã ba đầu phố thì nghe kèng báo động máy bay. Dây phố đang tấp nập bỗng chốc vắng tanh vắng ngắt, chỉ thấy dưới những hồ cá nhân hai bên đường thập thò mấy cái đầu ngược lên nhìn trời. Trên con đường nhựa bấy giờ trở nên rộng thênh thang và cứ dài hun hút, một người đàn bà hai mái tóc buông xoã trùm kín mặt, tay cầm cành lá ngoắt ngoắt, lúc cười lúc khóc rồi lại cất lên những tiếng "hê hê...", đến lúc người đàn bà giơ tay hất ngược mái tóc về sau với dáng điệu như nữ tướng trên sân khấu thì An mới chợt nhận ra đó là bà vợ ông Việt.

Bắt đầu từ đó về sau, An tự coi mình thực sự là thành viên trong cái gia đình bất hạnh ấy. Suốt trong thời gian kéo dài hơn một năm bà mẹ phát điên rồi ốm dai dẳng, Hạnh phải cáng đáng hết mọi việc trong gia đình. Cô phải chăm sóc mẹ, nuôi nấng chăm lo cả một bầy em, trong hoàn cảnh phải kiếm sống từng ngày. Ngày đó nếu không có anh em đơn vị ra sức giúp đỡ thì không biết Hạnh sẽ xoay xở làm ăn ra sao, nhưng không ai có thể thay An làm chỗ dựa tinh thần để cho Hạnh có đủ can đảm và nghị lực cáng đáng lấy gia đình, làm một người chủ gia đình.

Với tất cả tấm lòng tận tụy lặng lẽ, An tự coi mình như một người anh cả. Mỗi lần cùng đơn vị rút ra vùng tự do, thường xuyên An có mặt bên cạnh Hạnh, cùng với cô chèo chống cái gia đình ấy vượt qua những ngày khó khăn gian truân nhất.

Cho đến cuối năm 1953 thì An được gọi đi bổ sung cho một chiến trường khác. Lúc khoác ba lô đặt chân đến một vùng chiến trường mới bốn bề rừng núi, trong lòng An bất ngờ bỗng nổi lên một nỗi nhớ cồn cào và da diết. Mỗi lá cây ngọn cỏ đều gợi nhớ hình dáng Hạnh mà bấy lâu An vẫn coi như một đứa em gái nhỏ, bây giờ vụt hiện ra lớn vồng lên, trở thành một thiếu nữ xinh đẹp và xiết bao thân thiết ở dưới đồng bằng.

Chẳng biết từ bao giờ, có lẽ từ trong vất vả kiếm sống và cả trong những nỗi đau buồn mà Hạnh lớn lên nhanh hơn các cô gái cùng lứa. Những mảng lang ben hai bên má biến dần đi lúc nào không biết, mái tóc như một cái chổi cùn hồi nhỏ xanh ra, từng sợi tóc óng ánh như đang phát sáng, mắt môi cũng vậy, bầu không khí bao bọc xung quanh cũng thay đổi, tiếng nói cũng thay đổi. Tuổi mười bảy đang làm Hạnh nảy nở tươi tốt, cả tình yêu đối với anh cũng vậy, ngày một sâu sắc bền chặt.

Từ một miền rừng biên giới Tây Bắc, An không hề nản viết gửi về cho Hạnh hàng chục lá thư nhưng tình không nhận được một dòng chữ trả lời nào cả. Chiến dịch Điện Biên Phủ, An bị thương. Cũng như lần trước, sau khi ở quân y viện ra, An nhắm hướng đồng bằng khu Ba lại chống gậy đi bộ hàng chục ngày đường, tìm trở lại cái phố của dân tản cư ngày xưa, nhưng chỉ thấy một quang cảnh điêu tàn. Nhà cửa phổ xá sau mấy trận máy bay oanh tạc, đã cháy trụi từ lâu. An dừng lại nghỉ chân trên mảnh đất nền nhà tre nửa cũ. Hồi bấy giờ, sau chiến dịch Điện Biên, ta đang chuẩn bị giải phóng đồng bằng. Những cơn lốc mùa hạ lồng lộng thổi tung đám tàn tro dưới gót chân những đoàn bộ đội và dân công đang cuốn đi ào ào như nước đổ về phía bờ sông Đáy giữa ban ngày. Anh ghé vào một ngôi nhà còn sót lại

hỏi thăm, mới biết cả gia đình Hạnh vẫn bình yên nhưng không biết Hạnh đã đưa mẹ và các em đi đâu?

Ngày hoà bình lập lại, bảy giờ An đã là một tiểu đoàn trưởng, trước khi nhận quyết định đi học bảy năm ở một trường quân sự nước ngoài, suốt một tháng trời, An đi dọc các bến đò ngang trên tuyến sông Đáy để đón dân các thị xã hồi cư, rồi anh vào thị xã Phú Lý tìm khắp nội ngoại ô nhưng vẫn không gặp Hạnh. Hỏi ngôi nhà cũ ngày xưa thì người khác đã ở từ lâu...

*

* *

Chiếc khăn mặt ướt vắt ngang cổ, Nhĩ đi từ ngoài vườn vào, vẫn bằng cái giọng oang oang như đang ở doanh trại với lính:

- Bác Phái ạ, nếu ông bà vợ chồng nhà bác để lại cho người khác cái dinh cơ này thì bác có biết tôi tiếc nhất cái gì không?

Ông Phái chưa kịp đáp thì người đàn ông mặc chiếc áo bông xanh đang ngồi nói chuyện rì rầm với ông Phái đã giương đôi mục kính hướng về phía Nhĩ, tươi cười:

- Vườn rộng?

- Không. Cái giếng, - Nhĩ đáp, - Tôi đã rửa ráy ngoài sông, nhưng về đây trông thấy nước của cái giếng này cũng tiếc, lại phải tắm một cái, chứ không thể dùng được. Y như nước giếng tiên vậy!

- Đã bao giờ anh được tắm nước giếng tiên chưa?

Người đàn ông lạ mặt lại giương cặp mắt kính về phía Nhĩ, nói xong cười ha hả.

- Chưa, - Nhĩ đáp và cũng cười ha hả, - nhưng dám chúng tôi suốt cả tuần vừa rồi sống với anh em trên các "chốt" có được tắm rửa gì đâu, về đến đây cũng xem như đã được tắm nước

giếng tiên đi! Mát quá, trong quá, lại ngọt nữa!

Ông Phái đứng dậy tiễn ông khách ra thêm, lúc quay trở vào, Nhị mới biết đó là người trong phố đang muốn mua cái nhà.

- Nhà tôi đã định dọn về ở dưới Thái từ ngày mới hợp nhất tỉnh cơ, - ông Phái giảng giải - Dưới ấy cũng có một ngôi nhà của công, một mảnh vườn, hẹp thôi nhưng cũng đủ cây trái, trước đây nhà tôi cũng thích về ở dưới ấy. Nhưng mới đây, từ ngày bọn bành trướng tràn quân sang, nhà tôi lại thay đổi ý kiến muốn ở lại trên này, con cháu Hường cũng vậy, cứ một mực đòi ở lại công tác phục vụ chiến trường, thành thử cái nhà đã định bán nay lại thôi. Tôi vừa phải trả lời lại với người ta xong.

Nhị và người đàn ông chủ nhà đang loay hoay chữa chiếc mô kích, con ngựa sang trọng mà chủ nhà vừa cưỡi từ dưới Thái lên thì nghe tiếng cười nói ríu rít như chim sẻ ngoài cửa. Hường và Hưng, cả hai mặt mũi đỏ gay gắt, mỗi người một tay xách chung một chiếc làn nhựa rất nặng, bên trong chất đầy măng, đậu phụ, thịt lợn và trám đen, bên trên còn mấy cuốn sách truyện. Bước chân vào nhà, Hường trông thấy ông Phái từ dưới uỷ ban tỉnh vừa lên, vội vã reo lên một tiếng "bố" thật to, ý như muốn xoá đi cái tiếng cười đầy tung bừng của mình với Hưng, rồi một mình xách chiếc làn chạy vào bếp. Như để làm dịu bớt cái tiếng đập thình thịch của trái tim trong lồng ngực, Hường cất tiếng gọi toáng lên: "mẹ, mẹ ơi!"

Tính nết Hường là như thế, thật khác mẹ. Là một người đàn ông có nhiều uy quyền và cũng có học thức, ông Phái thường đôi lúc hay nảy ra cái ý nghĩ thầm kín và hết sức vô lý rằng: trong nhà này giá được đánh đổi tính nết giữa bà vợ và cô con gái thì sự xử sự của ông với cương vị một người chồng trong gia đình sẽ tiện lợi, đơn giản đi biết nhường nào?

Hường là một cô gái bông bột và chóng quên. Mới dạo cuối tháng hai, khi bọn lính bành trướng trên biên giới đang sửa soạn

rút, lắm khi cả cái phố Bắc Cạn này đến ù tai vì tiếng cánh quạt trực thăng xé không khí trên mái nhà ông Phái: Bên ngoài thị xã có một bãi hàng của quân khu do trực thăng đưa lên. Trong số những chiến sĩ lái trực thăng thỉnh thoảng vào trong cửa hàng mậu dịch thị xã mua bán, có một anh chàng chuẩn uý hay đứng chống khuỷu tay lên mặt quầy bằng kính, cặp mắt nhìn dán xuống cái quầy mà hàng trưng bày đã được dọn đi sạch, thỉnh thoảng mới dám rút rè ngược lên ngắm cô cửa hàng người Kinh có khuôn mặt trái xoan và hàm răng trắng như men sứ. Một con người khi bay trên trời thì như giồng bão, sấm sét, vậy mà lúc đứng trước mặt mình lại như một chú thỏ vậy ư? Có lẽ Hường đã tự hỏi như vậy và lấy làm cảm kích, cho nên đến một hôm cánh thanh niên của thị xã đi đào phòng tuyến kéo nhau tạt vào cửa hàng thì đã thấy anh chàng phi công trực thăng hai ống tay áo xắn lên, đang hí hục giúp Hường đóng gói hàng hoá để chuẩn bị sơ tán về phía sau. Còn cô cửa hàng thì trở nên rạng rỡ, linh hoạt, cứ luôn miệng kêu: "Nhẹ tay chứ anh. Cái này có thể vỡ!" Rồi Hường lại còn dẫn anh ta về nhà chơi và thết đãi cơm nước, đem ra khoe cả một cái ngăn tủ chứa đầy sách truyện, khiến anh chàng mừng rú lên như bắt được của.

Thế rồi cuộc chiến tranh bắt ngờ qua đi cũng như nó đã bắt ngờ đến. Nhưng trên đường số Ba chạy qua trước nhà, hết sư đoàn này lại đến trung đoàn khác, các đơn vị bộ binh vẫn nối nhau hành quân ùn ùn lên các phòng tuyến biên giới phía Bắc. Ngôi nhà thật rộng rãi, lòng người lại càng rộng rãi. Từ mấy tháng nay, bà Hạnh mượn thêm giường trong kho bệnh viện thị xã đem về kê la liệt như một cái quán trọ, lại để ngổ cửa suốt ngày đêm như cửa nhà chùa, để cho các đoàn bộ đội đi công tác lè vào nghỉ. Hường nhận thấy ngôi nhà mình thật giống như ngôi nhà trong một cái truyện viết về chiến tranh mà cô đã đọc. Rồi cô lại còn nhận thấy chiến tranh cũng chẳng có gì ghê gớm cả. Lại còn vui vẻ dễ chịu. Chiến tranh đã giải thoát cho cái thị

xã miền ngược hẻo lánh của cô khỏi sự điều hù, vắng lặng. Cũng nhờ có chiến tranh mà cô đã trở thành một cô gái được nhiều người con trai biết đến. Cô cũng không ngờ mình lại có thể chóng quên anh chàng phi công lái máy bay trực thăng đến thế, sau khi Hưng, người lính trinh sát, chỉ dừng chân vài lần trong nhà cô.

Thế rồi một hôm thật khó xử, cô nằm mơ thấy cả hai chàng trai cùng một lúc đến tìm cô trước quầy hàng. Có lẽ ban ngày cô đã tưởng tượng ra chuyện ấy. Cô tỉnh dậy và lấy làm sung sướng thấy mình vẫn nằm bên cạnh mẹ. Đó là một đêm mưa dầm, trời tối. Cũng như mọi đêm khác, bà Hạnh lúc bấy giờ đang nằm im thít lắng tai nghe những tiếng lách cách của súng đạn, xẻng cuốc va vào nhau lẫn tiếng bước chân của những đoàn quân lúc rầm rập lúc thưa thớt trải đi ngoài đường, lại xen tiếng cười, tiếng trò chuyện lao xao, lao xao: tất cả dệt nên một màn lưới âm thanh vừa cách biệt như từ lòng đất dấy lên, lại vừa quen thuộc, gần gũi đến mức tuy còn rất xa như trong cõi mơ hồ, vậy mà nó đã khuấy động lên trong lòng bà biết bao nhiêu kỉ niệm về cuộc đời của mình không thể nào quên được.

Ngay lúc bấy giờ những ngôi nhà trong phố đang rung chuyển bởi tiếng bước đi của một đơn vị hành quân bằng cơ giới. Những vườn cây và hiên nhà chợt sáng trắng dưới ánh đèn pha. Mãi đến lúc đoàn xe chở quân đã rầm rộ đi khuất, trả lại cho quang cảnh ban đêm của thị xã sự im lặng thăm thẳm thì bà Hạnh mới chợt nhận ra rằng tất cả mọi âm thanh của cuộc hành quân bộ trước đây chỉ là tiếng thì thầm của nội tâm, tiếng vọng trở về của quá khứ.

- Mẹ ơi, sao mẹ lại khóc?

Hường đưa bàn tay sờ lên má mẹ và hỏi, sau khi có một chiếc xe rất lớn chạy tách ra sau cùng quét đèn pha sáng quắc vào tận bức màn hai mẹ con nằm.

- Cứ đi, cứ đi mãi thôi, - Hướng lẩm bẩm trong hơi ấm của

khuôn ngực bà Hạnh. - Người cứ đi suốt đêm như nước chảy thế này ư? Như thế này trong các sách vở người ta gọi là cả nước hành quân đấy ư? Có lẽ ở trên ấy bây giờ ngọn núi nào cũng kín những người. Mẹ ạ, sáng hôm nay ở ngoài cửa hàng con lại còn trông thấy một đơn vị toàn là các bác bộ đội đến là già, có một bác cứ nhìn trời nhìn đất, rồi lại nhìn mọi người chung quanh mà kêu lên: "Chà, chà... hơn ba mươi năm, từ chiến dịch thu đông Việt Bắc đến bây giờ tôi mới trở lại đây!" rồi bác ấy lại chỉ vào con mà bảo: "nghĩa là từ hồi cô còn chưa đẻ cơ!"

- Ngủ đi, - người mẹ nói rất khẽ, - quá nửa đêm rồi đấy, Hường ạ!

- Nhưng mà khó ngủ quá! Mà mẹ đang nghĩ gì đấy? Sao mẹ cứ im lặng vậy? Sao hồi này mẹ ít ngủ vậy?

*
* *

Đúng như Nhĩ đã từng hết lời ca tụng, trong khu vườn rộng thênh thang sau ngôi nhà này, nằm ẩn sâu tận trong góc vườn, có một cái giếng nông chèo nhúng nước trong vắt và mát lạnh. Lần trước Thụy lên đến đây thì đã chín mươi giờ đêm. Khi Hường soi đèn cho Thụy múc nước rửa mặt, Thụy đã tỏ ra hết sức thích thú cái giếng trên vùng ngược này, nửa như một cái giếng, nửa như một cái khe nước bao đời nay vẫn chảy róc rách từ những mạch đất sâu kín tận trong rừng ra, tuy vậy người ta vẫn xây lên mấy hàng gạch be thành một cái bờ giếng hình chữ nhật nhưng đã lâu ngày đến mức vết dây gầu ăn lõm vào như một vết khía và phủ đầy rêu. Lúc bấy giờ sau một châu tắm tấp thoả mái, Nhĩ vắt chiếc khăn ngang cổ lưng thưng đi vào nhà. Trong khu vườn vắng chỉ còn hai người tình cũ. Ánh hoàng hôn như một cái lưới màu xám nhờ nhờ, lần lượt liếm lên mặt từng

lá cây. Cuộc sống như trên người họ. Y như hồi đang còn trẻ con ở Vô Hốt, bây giờ họ lại gặp nhau bên một bờ giếng. Trong khoảnh khắc ánh hoàng hôn trong khu vườn cháy lên in hình lơ lửng một rừng núi đá vàng rực trong ráng chiều, từ giữa thình không dội về tiếng va nhau lắc rắc của những cặp sừng trâu cùng tiếng cười ré lên của các cô gái. Cái cô bé đánh ghen một cách táo tợn ngày nào ôm khư khư chiếc gầu sắt tây đứng thủ thế giữa bầy trâu vừa đi qua một chặng đường ba mươi năm, để hôm nay được thả chiếc gầu xuống lòng giếng tiên. Nhìn xuống mặt nước, Thuy không thấy bóng mình mà chỉ thấy một mái tóc đàn bà xoã trên thành gạch. Trong bóng hoàng hôn chạng vạng, Thuy chợt trông thấy một sợi tóc bạc trên mái tóc ấy, sợi tóc bạc cứ sáng lên trước mắt Thuy như một nét vẽ của thời gian.

Đổ oà gầu nước trong mát vào giữa lòng chiếc chậu thau đồng, người đàn bà như đã kiệt sức, buông thông hai tay, đứng nhìn Thuy bằng cặp mắt đau đáu vẫn đầy vẻ dò hỏi, y như lần trước trong buổi mờ sáng khi Thuy từ đây ra đi lên biên giới.

- Trời ơi, không biết tôi có nhầm không? - Người đàn bà chủ nhà bỗng thốt kêu lên bằng một giọng đầy khắc khoải.

- Hạnh! Tôi là An đây!

- Anh! Em đi tìm anh suốt bao nhiêu năm trời, anh có biết không?

Thuy gật đầu:

- Anh cũng đã từng đi tìm Hạnh.

Người đàn bà chủ nhà trong một phút cứ để mặc cho tất cả nổi xao động về mối tình đầu từ thuở còn xa lắc trong quá khứ và không bao giờ quên được tự do chiếm đoạt lấy tâm hồn mình, phủ lên người đàn ông đã già mặc bộ quân phục dã chiến đứng im lặng trước mặt trong một cái nhìn đầy âu yếm rồi vội vã đưa bàn tay gạt một giọt nước mắt tự nhiên cứ ứa ra, đoạn lấy lại cái dáng thong thả, bình thản quay trở vào nhà.

Bữa ăn tối hôm ấy, theo đề nghị của người đàn bà chủ nhà, Thuy cùng đoàn trinh sát chiến trường của mình dọn cơm ăn chung với gia đình. Mọi người bắc ghế ngồi vây quanh một chiếc bàn vuông kiểu cổ kê giữa nhà. Ông Phái nhận thấy trong điệu bộ duyên dáng thường ngày của vợ tối nay có một vẻ nghiêm nghị và trang trọng khác thường. Thuy lấy làm ngạc nhiên khi thấy ông chồng của Hạnh chính là người mà anh đã gặp mới đây trong một cuộc họp bên uỷ ban tỉnh. Đó là một người trạc tuổi Thuy, bề ngoài thoạt trông có vẻ bệ vệ nhưng nói chuyện một lát lại thấy là một người cũng hoà nhã cởi mở. Bữa ăn rất muộn. Hai mẹ con lúi húi nấu nướng mãi dưới bếp, trong khi Hưng và Nhĩ đã bày lên bàn một bát ô tô măng xào với thịt hộp và liễn canh rau muống, những món ăn cổ điển của bộ đội. Đã lâu lắm bà Hạnh lại mới giở ra nấu món khâu nhục, một món ăn truyền thống trong các đám cưới sang trọng của dòng bào Nùng, làm rất công phu, có hàng chục thứ gia vị. Ông Phái vốn là người sành ăn. Trong khi ngồi nói chuyện chờ cơm, ông Phái thỉnh thoảng lại liếc xuống bếp, hai cánh mũi cứ phập phồng. Hường thu thu hai tay sau lưng, nháy Hưng vào sau một cái khung cửa, vẻ bí mật: "Anh há ra!" Hưng ngoan ngoãn nghe lời. Một cảm giác nóng rộp lưỡi sau đó là sự hỗn hợp của những vị bùi, béo, mặn, ngọt.

"Thắp đèn lên, anh thắp hộ em cái đèn lên! Lấy chiếc đèn ba dây ấy! Nhà còn những thứ rượu gì nhỉ. Cái thứ gì hôm nọ người ta biếu anh ấy!". Bà Hạnh bưng hết liễn này đến đĩa khác bày trên bàn miệng giục già chồng. Cũng giống tâm lý những người chồng sang trọng khác, ông Phái lấy làm hãnh diện được vợ sai bảo lu bù trước mặt khách. Trong khi ông Phái chạy xăng xơ đi làm các công việc ấy thì bà Hạnh lui vào trong phòng, lúc quay ra thì như đã trở thành một con người khác. Trong tấm áo dài màu thiên thanh từ ngày may chưa bao giờ xò tay, bà trẻ đẹp đến nỗi chính ông Phái cũng phải lấy làm ngạc nhiên, như đứng

bên cạnh một người đàn bà xa lạ. Bà ấy hôm nay có điều gì khác thường? Một câu hỏi ngờ vực dấy lên nhưng liền bị niềm hạnh diện về bà vợ mà ông vẫn hằng có lẩn át đi. Vẫn là một con người tốt bụng và rộng lượng, vẫn biết rằng từ ngày lấy nhau, bà Hạnh chỉ dành cho ông một nửa trái tim nhưng để bù lại, bà sẵn sàng trông nom ông nhiều hơn, và ông luôn luôn cảm kích trước điều đó. Hai cánh mũi nở rộng luôn luôn phập phồng, ông Phái khẽ giật giật bàn tay vào sau lưng Thụy:

- Anh giới thiệu với em đây là đồng chí Thụy... vừa ở trong chiến trường Tây Nam ra, trong bộ tư lệnh...

- Hoá ra các anh đã quen nhau rồi ư? - Hạnh hỏi.

- Tháng trước tôi sang bên tỉnh hợp đã gặp anh Phái, - Thụy đáp. - Phải nói là anh Phái đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều đấy chị ạ!

- Nào, vậy thì mời các anh uống rượu đi, - Hạnh quay sang bao bọc lấy người yêu cũ trong một ánh mắt nồng nàn. - Mời anh Thụy!

Thụy cũng nâng chiếc cốc lên ngang mày:

- Mời chị!

Suốt bữa ăn Hưng và Hường thỉnh thoảng mới nói một câu, ăn uống nhanh nhẹn nhưng lại làm ra vẻ nhỏ nhẻ, có nói câu nào cũng để trả lời các bậc bề trên, mặc dầu trong bụng cả hai đều muốn mời mọc nhau thật nhiều, trò chuyện với nhau thật nhiều. Trong tất cả mọi người chỉ có Nhĩ và ông Phái là ăn uống ngon miệng và hết sức thoải mái. Bà Hạnh thỉnh thoảng lấy thức ăn vào bát cho Thụy, lại lấy cho chồng. Ông Phái vừa thưởng thức món khau nhục bằng tất cả cái tài sành ăn của mình vừa khoe khoang không tiếc lời về cái tài nội trợ của bà vợ:

- Bà ấy tuy là người dưới xuôi lên, nhưng tiếp thu cái "nền văn hoá dân tộc lâu đời" này rất nhanh. Ô hay, các món ăn lại không nằm trong vốn liếng văn hoá của chúng ta hay sao? Bây

giờ thì hễ khi nào trong bản có đám cưới là người ta cho người ra rước bà nhà tôi vào, không phải mó tay mà chỉ làm chuyên gia thôi.

Ra về một người sành sỏi, ông nhón tay gấp một miếng khâu nhục đen láng như thực trên đầu đĩa:

- Làm cái anh này là phải kén thịt lắm, nhất thiết phải thịt ba chỉ. Hai lần luộc, một lần rán, ba lần ướp bóp dấm, tỏi, hành, hạt tiêu, ma-di -nhưng khó nhất là làm sao trong khi thịt ba chìm bảy nổi thấm thía hết các mùi vị trước khi đặt lên đĩa.

Trong khi ông Phái say sưa luận giải về lý thuyết nấu ăn y như một người nội trợ lành nghề thì bà vợ ông; người đàn bà mặc áo dài màu thiên thanh ấy đang bay lượn trong một vùng tưởng tượng huyền ảo: "Hôm nay là cuộc vui gặp mặt của chúng ta, anh có hiểu không, là đêm đám cưới của hai ta khi còn đầu xanh tuổi trẻ để rồi sau đó đưa nhau về sống chung dưới một mái nhà. Điều đó đã không đến và chỉ là một mộng tưởng. Anh hãy cùng em sống đôi phút trong những điều mộng tưởng rồi lại trở về cõi thực. Anh có biết trong lúc này em đau đớn vì sự mất mát tình yêu của chúng ta đến nhường nào không? Em chỉ muốn gục đầu vào lòng anh mà khóc lên thật to cho hả dạ. Nhưng mà em làm thế nào được? Thực là em sung sướng biết bao khi biết rằng anh vẫn còn sống. Ngọn đèn ba dây hãy thấp sáng lên, trong ngôi nhà này em đã cất giữ một nửa trái tim cho anh, cả cuộc đời em từ thuở còn xanh tóc cho đến nay khi tóc đã bạc, có bao giờ thôi nghĩ đến anh, khắc khoải trông chờ anh mặc dầu em vẫn biết vì trăm công nghìn việc, có lẽ anh đã quên em, anh đã quên em từ lâu..."

*

* *

Ngôi nhà bên đường ấy vẫn như xưa. Giếng nước vườn cây, những chiếc giường kê la liệt khắp mọi chỗ, những cánh cửa gỗ suốt ngày mở rộng, chỉ thấy trên tấm ván cửa mới treo lên một tấm biển gỗ đề mấy chữ "trạm 81" bằng sơn đỏ.

Suốt ngày đêm trên con đường nhựa có những cây du cao lớn toả bóng rợp xuống cả một vùng lề cỏ chạy qua giữa thị trấn ra tận đến bến đò, thỉnh thoảng lại tập nập những đoàn bộ đội lẫn xe pháo. Đó là các đơn vị cuối cùng của quân đoàn X, mới chuyển từ Tây-Nam ra. Những người lính chiến đấu áo quân phục sồn rách và dầu dãi nước da sạm đen, nheo nheo những cặp mắt đen láy và gan góc đã quá quen thuộc với chiến trận nhìn lên các mép núi phía Bắc chìm trong mây mù suốt ngày.

Một buổi trưa, một tốp chiến sĩ đang chơi tú lơ khơ trong trạm 81 bỗng nghe có tiếng động cơ ầm ầm liên vút bài chạy ủa ra ngoài. Mọi người ngược nhìn lên trời. Một chiếc trực thăng bay từ phía Nam lên đang sà xuống ngay trên mái nhà.

Vài tiếng đồng hồ sau khi nó đã mất hút vào trong cái màu xanh lơ, chiếc trực thăng lại xuất hiện trở lại trên bầu trời thị trấn, từ từ hạ cánh xuống bãi cỏ bên đường cái mà ngày xưa đã dùng làm bãi hàng quân sự.

Các cô bán mậu dịch nhận ra được anh chàng chuẩn uỷ lái trực thăng hay chở hàng lên hồi nọ.

- Ông anh đẹp trai ơi, tội nghiệp ông anh, cái Hường nó về dưới Thái rồi! Một cô có mái tóc rất dày báo tin như thế rồi lung liếng cặp mắt ngấm anh chàng phi công vẫn vui vẻ như không có cái gì xảy ra, đòi xem hết thứ này đến thứ khác và tranh thủ tán chuyện lu bù với tất cả các cô.

Sau chuyến bay quan sát lại địa hình từ trên không, Thụy nghỉ ăn trưa ở trạm 81. Những người lính thông tin phụ trách trạm làm sao biết được những ý nghĩ và tâm sự thầm kín của người chỉ huy vào lúc bấy giờ, sau bữa ăn, đang kéo ghế ngồi

trước chiếc bàn vuông kiểu cổ và trải lên mặt bàn một tấm bàn đồ giả định đã được đánh dấu bằng bút chì xanh đỏ chì chì. Một người suốt đời không lúc nào khỏi bận bịu những chuyện giặc giã, đánh đông dẹp bắc như Thụy nhưng vẫn không thoát khỏi cái lưới của đời sống tình cảm thường tình và chính điều đó, phải, chính điều đó giống như một nguồn sức mạnh hết sức thâm trầm tiếp thêm cho anh nghị lực, sức bền bỉ làm việc và chiến đấu.

Buổi tối hôm ấy, Thụy không ngờ thế mà Phái đã phỏng đoán được hết mọi chuyện. Tan cuộc rượu, cũng bên chiếc bàn này, lúc bấy giờ chỉ còn Thụy và Phái, cả hai người đàn ông đã uống rất nhiều nhưng chẳng một người nào say cả. Phái đặt một bàn tay lên vai Thụy:

- "Anh... An, anh đừng hiểu nhầm tôi. Cả hai chúng ta chẳng ai có lỗi cả. Hạnh cũng vậy".

"Tôi đã hội ý với đồng chí lái xe, - Thụy đáp - đến chỗ nữa chúng tôi muốn xin phép anh chị trở về dưới đơn vị".

"Anh ra về bây giờ tức là anh coi thường tôi. Chúng ta đều là những người cán bộ và đã già cả".

"Sau này chúng ta còn làm việc, phối hợp công tác với nhau cơ mà anh Phái!"

"Vẫn biết vậy nhưng ngày mai là chủ nhật, nhất thiết ngày mai anh nên ở lại đây chơi với chúng tôi. Dù sao anh và Hạnh cũng phải tiếp tục trò chuyện với nhau, hàng chục năm nay bà ấy chờ anh, khắc khoải về anh, thực là như vậy. Tôi biết lắm chứ!..."

Thụy đã nhận lời Phái ở lại đến sáng hôm sau. Đêm hôm ấy, Hạnh ngồi nói chuyện với Thụy đến khuya. Anh không ngờ đời Hạnh tiếp sau đó cho đến ngày lấy chồng đã phải lưu lạc khắp nơi và trải qua lắm bận gian truân đến như thế. Bây giờ Hạnh là một bác sĩ và con cái đã lớn cả.

Đêm hôm ấy, vào lúc gần sáng người đàn bà đánh thức chồng dậy. Lần đầu tiên từ ngày lấy ông Phái, Hạnh âu yếm đặt một cái hôn lên môi chồng rồi nói: "Anh Phái ạ, em đã tính toán, nay mai em đã có thể thu xếp về dưới Thái công tác với anh được rồi!"

Ông Phái hết sức mừng rỡ:

- Còn ngôi nhà trên này, anh sẽ lại gọi người ta sang bán đi được rồi chứ?

- Anh Thụy đang cần một chỗ trong thị xã để đặt trạm liên lạc, lại làm chỗ nghỉ cho bộ đội, - Hạnh bàn với chồng, - hay là chúng mình nhường ngôi nhà trên này cho đơn vị anh Thụy?

BỨC TRANH

Tôi là một họa sĩ. Tôi không phải là một người viết văn. Tôi phải tự giới thiệu như vậy ngay từ đầu không hề có ý muốn mong chờ hay cầu khẩn nơi các bạn đọc một thái độ rộng lượng. Ngay từ đầu, tôi phải nói vậy để tự dặn mình, tự ra lệnh cho mình, tôi viết chuyện này ra đây là viết cho tôi, cho một bức tranh tôi vừa vẽ xong. Thứ nữa, tôi viết cho một người thứ hai. Viết cho tôi hoặc cho một người thứ hai, một người thợ cắt tóc, thì những điều tôi sắp viết ra đây cũng chỉ là những lời tự thú.

Không biết đã bao nhiêu tháng nay, từ cái hôm vô tình tôi đến cắt tóc ở cái hiệu đó và phát hiện ra anh thợ cắt tóc đó, tháng nào tôi cũng tự bắt buộc mình đạp xe hai ba cây số đến cắt tóc ở đó. Cũng đã không biết bao nhiêu tháng nay, tôi cặm cụi để hết tâm sức vẽ một bức tranh sơn dầu. Sơn dầu vốn là một chất liệu không phải thuộc sở trường của tôi, nhưng với cái nội dung đó, tôi không muốn dùng thuốc nước hay sơn mài. Thuốc nước, cái nghệ thuật chấm phá của thần bút cũng như không khí lấp lánh hư ảo của sơn mài không thoả mãn tôi, tâm trạng một họa sĩ muốn dùng ngọn bút vẽ để tự tìm hiểu mình, tự phán xét mình. Sáng nay tôi đã vẽ xong, và lúc này, tôi đang ngồi trước bức tranh tự họa của mình, tự đối diện với mình. Các bạn hãy thử tưởng tượng khuôn mặt của một người khách đang ngồi như bị đóng đinh vào chiếc ghế mộc của một cửa hiệu cắt tóc, với một tấm khăn choàng trắng buộc trùm kín ngực. Một cái mặt người

rất lớn chiếm gần trọn bức tranh. Những luồng ánh sáng hàng nghìn nến từ phía trước và trên đầu chiếu thẳng xuống một nửa cái đầu tóc tốt rợp như một khu rừng đen bí ẩn và một nửa mái tóc đã cắt thoát trông như một phần bộ óc màu xám vừa bị mổ phanh ra. Khuôn mặt của người khách: Một cặp mắt mở to nhìn trùng trùng vào luồng ánh sáng, một cái nhìn khắc khoải, bồn chồn, kinh ngạc và đầy nghiêm khắc. Phần bên dưới của khuôn mặt như vẫn đang được giấu kín dưới một cái mặt nạ: Cái cằm, hai bên mép bị phủ kín bởi bọt xà phòng. Không thấy rõ cái miệng, chỉ trông thấy một vệt lờ mờ màu đen nổi bồng bênh trên đám bọt xà phòng phồng to.

Cái khuôn mặt đó thoát nhìn thật xấu xí và lạ lùng nhưng càng nhìn lâu càng giống tôi. Đó là khuôn mặt của mình, khuôn mặt bên trong của chính mình, tôi tự nhủ thầm. Đó là khuôn mặt của tôi lúc ngồi trên chiếc ghế mộc, đầu kê trên thành chiếc ghế được lót bằng một khúc gỗ lồi có lót da và đang ngược nhìn lên, đối mặt với người thợ cắt tóc.

*
* *

Để các bạn dễ theo dõi, tôi phải kể ngay rằng cách đây khoảng tám năm, tôi đang công tác ở một chiến trường cực kỳ xa xôi giáp biên giới miền tây Nam Bộ. Khi nhận được lệnh trở ra miền Bắc để cùng các họa sĩ ngoài Hà Nội chuẩn bị một cái triển lãm ở nước ngoài thì tất cả tranh và ký họa của tôi vẽ trong mấy năm đã chất lên đầy một cái sạp lán giữa rừng căn cứ. Tôi lọc lấy chỉ độ một phần ba, vậy mà trên đường tôi đi ra, các đồng chí phụ trách các trạm giao liên trên từng chặng từng chặng một, phải thay phiên nhau cử một chiến sĩ của trạm đi theo "thò" tranh cho tôi.

Hôm đó, đoàn chúng tôi đi qua một vùng trên đất bạn nổi tiếng nhiều biệt kích, lại rất đói, cũng là cái "rồn" của bệnh sốt rét. Chúng tôi được nghỉ lại một ngày để dưỡng sức, lán của nhóm khách đi đường chúng tôi dựng ngay trên đầu một cái lán khác của các anh em chiến sĩ trong trạm. Buổi trưa, tôi đang ngồi vắn vơ ghi mấy cái dáng hòn đá, thân cây trước lán nghỉ của mình thì trông thấy một người chiến sĩ nước da xam xám và cặp môi thâm sì đang leo mấy cái bậc dốc từ lán dưới đi lên. Người chiến sĩ đi thẳng đến trước mặt tôi và ngồi xuống xem tôi vẽ. Rồi sau mấy câu chuyện làm quen, người chiến sĩ tha thiết thỉnh cầu tôi vẽ cho anh một bức chân dung.

Tôi bỗng thấy tự ái. Tôi là một họa sĩ chứ đâu phải một anh thợ vẽ truyền thần (!). Tôi từ chối khéo bằng cái mặt lạnh lùng. Người chiến sĩ tỏ vẻ phật ý, anh nhìn vào cái mặt lạnh lùng của tôi một thoáng rồi lảng lảng quay lưng lại tôi, chậm rãi đi xuống dưới những cái bậc dốc.

Sáng hôm sau, chúng tôi lại lên đường. Thật một điều không ngờ, chẳng biết ai xui khiến thế nào mà chính người chiến sĩ trưa hôm qua lại đến "thờ" tranh cho tôi, chính lại là anh chứ không phải là một người nào khác.

Thật là phiền cho tôi quá!

Vừa ra khỏi trạm, người dẫn đường đã báo cho khách biết trên dọc đường phải vượt thật nhanh khi leo một con dốc sau đó là một cái suối rất trống trải, đã có một vài đoàn bị bọn biệt kích bắn lên hoặc máy bay thám thính phát hiện. Cái nghề đi đường rừng nó là như vậy, nói một chữ chung chung là đèo, dốc, suối... nhưng ở thực địa mặt mũi chúng chẳng chỗ nào giống chỗ nào cả. Đi đến quá trưa, chúng tôi gập lưng lại leo qua một quả núi đất không dốc lắm, mọc đầy cỏ tranh đang trổ bông rất đẹp và lác đác có những hòn đá tai mèo. Những vĩa đá tai mèo mọc lờm chớm giữa cỏ tranh mỗi lúc một dày và khi quả núi đổ sang sườn dốc bên kia thì chỉ có rặt đá tai mèo cứ đen kịt, chúng tôi vừa thờ

dốc ra cả bằng mũi, bằng tai, năm ngón tay búa chặt lấy chỏm đầu từng hòn đá một mà đi lần xuống.

Ác thay cái bãi đá tai mèo nằm giữa khúc suối dưới chân núi. Có lẽ nó rộng đến năm trăm thước. Con suối chảy đến đây thì phình rộng ra chảy lênh láng và réo lên ầm ầm trên một cái nền đá lởm chởm. Tuy đã được nghỉ một ngày nhưng sau khi leo qua được quả núi thì tôi đã thấm mệt. Tôi dò dẫm đi giữa khúc suối một cách vất vả quá, cứ dần dần bị tụt lại sau. Rồi chân tôi tự nhiên bị sìa xuống một hẻm đá ngầm dưới nước. Tôi giờ hai tay lên trời chới với...

Người chiến sĩ "thò" tranh cho tôi đang đi phía trước, cách một quãng khá xa, vội vã quay lộn lại. Nếu anh không đến kịp có lẽ tôi đã bị dòng suối cuốn đi. Anh cởi chiếc ba lô sau lưng tôi, khoác vào trước ngực mình. Anh đỡ lấy tôi, giúp tôi rút cái chân lên. Rồi dìu tôi đi. Tôi thở dốc. Mồ hôi vã ra như tắm. Hai mắt nổ đom đóm. "Đồng chí cố gắng lên - Người chiến sĩ vừa đi vừa động viên tôi - Tôi dìu đồng chí đi nhanh qua bên kia suối sẽ nghỉ. Nếu thẳng L.19 đến, chúng mình cứ ngồi xuống. Nó chẳng thấy gì cả đâu!".

Tôi không đủ sức theo kịp đoàn được nữa. Qua bên kia suối, người chiến sĩ lấy dầu con hổ bóp chân cho tôi, lúc ngồi nghỉ. Rồi bắt đầu từ đó, chỉ có hai người, anh và tôi, đi trong rừng. Tôi chỉ có thể đi người không. Người chiến sĩ vừa phải "thò" đồng tranh của tôi sau lưng (to và nặng gấp đôi một cái ba lô bình thường của khách đi đường) lại vừa phải mang thêm chiếc ba lô riêng của tôi trước ngực. Có lẽ tất cả đến sáu bảy chục cân. Mà người chiến sĩ có khoẻ mạnh gì cho cam!

Tôi không nói thì chắc các bạn cũng biết ngay từ lúc người chiến sĩ đến gặp tôi để nhận mang cái bó tranh, tôi đã khó xử đến thế nào? Thế mà bây giờ, trên dọc đường, không những riêng cái đồng tài sản của tôi mà cả chính tôi cũng đã trở thành một gánh nặng cho anh. Xưa nay tôi vẫn cho mình là một kẻ cũng biết tự

trọng, và cũng biết suy nghĩ. Giá người chiến sĩ tỏ thái độ lạnh nhạt hoặc mặc xác tôi nằm lại một mình, tập tễnh đi một mình giữa rừng, thì tôi cũng thấy là cái lẽ phải. Xưa nay tôi vẫn quan niệm rằng: sống ở đời, cho thế nào thì nhận thế ấy. Cái cách cư xử của người chiến sĩ đối với tôi chỉ có thể giải thích bằng lòng độ lượng. Độ lượng? Thế nhưng tôi nhiều tuổi hơn? Tôi lại là một họa sĩ có tên tuổi? Xưa nay tôi chỉ mới thấy lòng độ lượng của kẻ trên đối với người dưới. Bây giờ đây thì chính tôi, một kẻ bề trên, đang được một người dưới tỏ ra độ lượng với mình.

Tối ngày hôm ấy, hai chúng tôi phải ngủ lại nửa đêm giữa rừng. Người chiến sĩ mắc võng cho tôi nằm rồi ôm súng ngồi gác bên cạnh. Nhưng làm sao mà ngủ được? Tôi đến ngồi bên anh, trên một phiến đá. Rừng đêm tối mò và đầy hăm dọa. "Tôi xin lỗi đồng chí về cái việc hôm qua... - tôi nói khê bên tai anh - Đến mai, thế nào tôi cũng phải vẽ đồng chí. Một bức, thật đẹp!"

"Giá có một chỗ nào có thể chụp ảnh thì tôi không dám phiền đồng chí nhiều vậy đâu! - Anh nói chậm rãi - ác một cái, ở trong rừng, chẳng có hiệu ảnh".

Ngừng một hồi rất lâu, anh lại mới tiếp:

"Vừa rồi tôi gặp một cậu tân binh ở ngoài mới bổ sung vào. Mới biết, không hiểu sao gia đình tôi ngoài Bắc lại nghe tin tôi hy sinh. Thư từ ở đây gửi về ngoài ấy mất một năm. Mấy năm nay tôi định gửi về nhà một cái ảnh theo cái điều ao ước của mẹ tôi từ lâu, mà không chụp ở đâu được!"

Tôi ngắt lời anh:

"Vậy thì tôi sẽ vẽ đồng chí một bức thật giống. Tôi sẽ trực tiếp mang theo ra. Đồng chí hãy viết một lá thư nữa và ghi địa chỉ gia đình cho tôi. Tôi sẽ trực tiếp mang thư và "ảnh" đồng chí tới tận nhà..."

Tôi sốt sắng bàn với anh kiếm củi nhen lửa để tôi vẽ ngay, nhưng anh ngăn lại.

"Đừng đốt lửa!" - Anh nói.

Sáng sớm hôm sau, anh đưa tôi đến trạm mới.

Tôi hoàn thành bức chân dung người chiến sĩ "thò" tranh chỉ trong khoảng nửa tiếng đồng hồ. Tôi không thể có hoàn cảnh vẽ chậm chạp, rên rỉ được. Bởi vì ngay sau đó tôi lại phải theo đoàn lên đường đi chặng tiếp theo, và người chiến sĩ cũng đang có nhiệm vụ mang đồ đạc cho một đồng chí cán bộ cao cấp trong một đoàn khách đi vào trạm của anh. Cả hai chúng tôi đều vội, đến nỗi anh cũng chẳng kịp viết thư mà chỉ kịp ghi cho tôi cái địa chỉ. Rồi hai chúng tôi chia tay nhau.

Thành công của nghệ thuật có đôi lúc là một cái gì rất cầu σ, điều này có lẽ chỉ có anh em chúng tôi trong nghề với nhau mới thấu hiểu hết được. Chắc các bạn sẽ lấy làm lạ - cũng có thể chẳng lấy làm lạ - nếu được biết rằng cái "bức ảnh truyền thần" người chiến sĩ mà tôi đã vẽ vội vàng trong cái buổi mờ sáng ở trong rừng đó, về sau, hoàn toàn ngoài cả dự định của tôi, đã nghiêm nhiên trở thành một tác phẩm hội họa nổi tiếng của tôi, không những ở trong nước, mà cả ở nước ngoài nữa. Thật thế, chính bản thân tôi cũng không thể nào lường hết được quy luật đào thải của thời gian: Một điều thật đáng buồn là tất cả số tranh và ký họa mà tôi đã tốn biết bao công phu mang từ trong chiến trường ra chuyển đó, chẳng có một bức nào còn lại được, mặc dầu một số lớn đã được bày triển lãm, đã được in rải rác trên báo. Trong khi đó, "bức ảnh truyền thần của người thợ vẽ" thì lại còn lại mãi mãi như một cái "đỉnh" của sự nghiệp sáng tác của tôi, trong những năm chiến tranh...

*

* *

Đáng lý ra tôi không bao giờ đến cắt tóc ở cái hiệu ấy. Nhà

tôi cũng như cơ quan tôi làm việc đều ở phía cuối thành phố. Vậy mà cái hiệu cắt tóc chẳng có gì đáng phải chú ý đó ở tận đầu phía Tây Bắc thành phố, lại nằm trên một phố nhỏ khuất nẻo có lẽ là lần đầu tiên tôi đặt chân đến. Sáng hôm đó, một buổi sáng mùa hè, tôi có công việc đến một cơ quan nhưng người tôi định tìm gặp chẳng may lại đi vắng. Tôi dắt xe ra, lượn vòng vèo quanh mấy khu phố cổ phía bắc để ngắm nhìn những mái ngói, những mảng tường. Tôi lang thang với con mắt nghề nghiệp khoảng một vài tiếng đồng hồ. Buổi sáng đó nếu trong túi tôi có một mẫu bút chì và cuốn sổ ký họa thì sau đó không bao giờ tôi nảy ra cái ý định đi cắt tóc. Tôi bước vào một cửa hiệu có hai ghế nhưng cả hai đều đã có khách. Tôi liền quay ra, dắt xe đi men theo một bức tường rất dài. Cuối bức tường, có một cái quán bán nước mở ngay bên một cái ngõ, một đám đông thanh niên đang ngồi nhẩn nha uống nước chè chén và hút thuốc. Bên cạnh quán nước lại thấy một cái hiệu cắt tóc khác. Chẳng có gì đáng có thể được gọi là "cửa hiệu" cả: Kề sát trên mái lá quán nước, một mảnh vải ni lông tăng bộ đội che lấy một khoảng đất bằng bốn chiếc chiếu nằm hơi thụt sâu xuống vương vãi đầy những lọn tóc. Một chiếc ghế mộc cũ kỹ, có lẽ do người thợ cắt tóc tự đóng lấy, trên thành ghế vắt một chiếc khăn choàng trắng khá sạch sẽ. Quán cắt tóc vắng thợ. Chỉ thấy một bà cụ già đang cầm chổi quét những lọn tóc vun vào một góc. Tôi dựng xe đạp vào bức tường phía ngoài vỉa hè, bước vào. Cái quán cắt tóc thoạt trông vẻ ngoài chẳng có gì hấp dẫn nhưng điều khiến cho tôi có cảm tình ngay là trên bức tường phía trên tấm gương soi, có dán bức tranh nổi tiếng của tôi. Đó chính là bức ký họa chân dung người chiến sĩ đã "thò" tranh cho tôi tám năm về trước.

Lúc bà cụ già ngẩng lên, tôi mới biết đó là một người lạ. Nghe tiếng chân của tôi bước vào, bà cụ cầm chiếc chổi ngẩng lên, từ từ hướng cặp mắt trắng đục về phía tôi. Tôi nhận thấy một nét rạng rỡ, hoan hỉ đang từ từ lan ra trên khuôn mặt bà:

- "Mời ông ngồi chờ một lát. Cháu nó uống chén nước xong là bắt tay làm cho ông ngay! Thưa, ông chỉ đợi cho mấy phút thôi ạ!". Tôi đáp "vâng" và đến ngồi vào chiếc ghế. Bà cụ lại tiếp tục quét nhưng có lẽ vẫn còn áy náy sợ khách bỏ đi mất nên lại ngẩng lên: "Có báo mới cháu nó để trên bàn. Ông coi đi!". Tôi giờ tay cầm tờ báo trên hàng chai lọ và giờ ngay trang tư có đăng nhiều tin tức thể giới.

*
* *

Tờ báo hàng ngày có một số tin mới. Tôi không phải loại người say mê môn bóng đá đến mức quá khích như một số người khác, nhưng cái bài tường thuật trận đấu bóng trên sân cỏ ở một thủ đô bên châu Mỹ La-tinh khéo quá, đã hấp dẫn tôi đến mức người thợ cắt tóc đã trở về lúc nào tôi không biết, tôi cứ để mặc cho người thợ cắt tóc quần vào ngực chiếc khăn choàng, rồi dùng lược chải qua mái tóc, rồi bấm thử tông đơ tanh tách bên tai, rồi hình như anh ta kêu tôi để tóc tốt quá lâu không chịu cắt. Cho đến lúc anh ta dùng hai bàn tay xoay xoay cái mặt tôi cho thẳng và hất cái mặt tôi ngẩng cao lên hơn một chút, thì tôi mới chịu buông tờ báo.

- Bác cắt như cũ chứ?

- Vâng.

Trước mặt tôi, kẻ ngay sát, lúc bấy giờ là một anh thanh niên trạc đã ngoài ba mươi. Anh ta có khuôn mặt mà hình như tôi đã từng gặp, nước da mai mái của người đã từng ở rừng. Một chiếc sơ mi bằng vải phin trắng đã ngả màu cháo lòng và chiếc quần bộ đội cũ đã vá một miếng đang bốc lên một thứ mùi sin sin, mùi quần áo của những người thợ cắt tóc.

Tôi có thói quen không sửa được, thích trò chuyện:

- Anh làm ở tận trong cái ngõ này chắc ít khách?
- Cũng đủ làm. Phần nhiều khách quen. Nhưng hồi này cái nghề chúng tôi làm ăn cũng khó khăn.

Tôi cãi:

- Khó khăn là những thứ nghề khác, những công việc khác, ví như những người mua gian bán lận, chứ như cái nghề của anh, thời nào mà sợi tóc chẳng mọc dài ra, người ta bao giờ mà chẳng phải cắt tóc?

- Nhưng bác tính, khi người ta làm ăn dư dả, có đồng tiền, thì mới năng trang điểm, tô vẽ cái răng, cái tóc chứ?

- Vậy thì tôi chịu anh. Anh làm nghề này lâu chưa?

- Đã gần mười lăm năm. Từ lúc tôi còn đi học và chưa đi bộ đội kia.

Tôi có tính hay lãng quên những việc không đáng nên quên một chút nào, nhưng ông trời vốn dĩ phú bẩm cho tôi một trí nhớ đôi lúc chớp loé lên có thể nhìn thấy rõ một ngày trong đời của tôi hồi sáu bảy tuổi, như nhìn vào một bức ảnh cũ. Thế là tôi đã nhận ra được người thanh niên làm nghề cắt tóc đó. Đúng, chính là người chiến sĩ đã "thò" tranh cho tôi, tám năm về trước. Ôi chao, lúc ấy, tôi chỉ muốn có một cái mặt nạ, hoặc bé xíu lại như một hạt đậu, trên cái ghế cắt tóc. Tôi biết nói thế nào để các bạn có thể cảm thụ được cái cảm giác phạm tội của tôi lúc ấy nhỉ? Có bao giờ bạn dọn nhà không? Khi người ta phải thay đổi chỗ ở, có những thứ đồ đạc tưởng mất biến đi từ lâu, lục lọi, tìm kiếm khắp vẫn không thấy, thì tự nhiên lòng mặt ra tận trong góc tủ, dưới gầm giường. Có những thứ đồ vật vô nghĩa. Có những thứ nhắc tới một chút kỷ niệm đẹp đẽ. Có những thứ gợi lên một câu chuyện chẳng hay ho gì, tưởng đã quên hẳn cái chuyện đó thì bây giờ cái đồ vật lại từ xó xỉnh, bụi bặm, từ xó tối từ từ bò ra, cái vật vô tri lại thủ thủ nói chuyện với anh, khiển trách anh, lên án anh.

Tại sao ngày ấy tôi đã không đưa "tấm ảnh" đến cho gia đình anh? Tại sao tôi không giữ lời hứa? Mà tôi vẫn còn nhớ, tôi đã hứa với anh và cả với tôi nữa, đình ninh và hùng hồn lắm, và cũng thực tâm lắm chứ? Trong cái đêm ấy, khi tôi ngồi bên anh trên phiến đá giữa khu rừng bên nước bạn, giá có phải chạy qua làn đạn của địch, hay băng qua ngọn lửa, thì tôi cũng quyết định sẽ vượt qua, để đưa tấm hình về trao tận tay những người trong gia đình anh, để đền đáp chút ít tấm lòng độ lượng quá lớn lao nhưng lạnh lẽ mà anh đã đối xử với tôi. Lúc ấy, mắt tôi đã rung rung khi nghe anh kể chuyện ở ngoài này, bà mẹ anh đang nằm tưởng anh đã hy sinh. Và buổi sáng hôm sau, lúc chia tay nhau, tôi lại còn hứa đi hứa lại, để cho anh trở về thật yên tâm, và tôi lại còn nhớ, tôi đã nắm tay nhiều lần không nỡ rời, tôi ôm anh, rồi thật là giả dối chưa, tôi lại còn hôn anh nữa, trước khi lên đường đi chặng tiếp. Từ bữa đó, tôi đi bộ rờn rã gần ba tháng thì ra đến Hà Nội. Ngày đó, khi đặt chân về đến Hà Nội, tôi vẫn còn mang cái ý định đến thăm nhà anh ngay, và mang theo bức vẽ đến. Nhưng chỉ sau một tuần lễ, tôi đã thiết lập được với cái xã hội hậu phương chung quanh những mối quan hệ mới, cái không khí chiến trường tự nhiên nhạt nhòa đi, cái mối nhiệt tâm của lúc còn ở trong đó vơi bớt đi - Không, đừng đổ lỗi cho hoàn cảnh! Tôi phải nhận rằng: Chỉ sau một tuần lễ, được các bè bạn sành sỏi nhất trong nghề đánh giá bức ký họa thật cao, tôi liền lơ quên người mẹ đang ôm ấp mối đau khổ vì ngộ nhận con trai đã hy sinh đang ở ngay trong thành phố, tôi liền đóng gói bức ký họa chung với những bức tranh đem đi dự triển lãm Việt Nam ở nước ngoài. Ý vào ngày giờ đi quá cấp bách, tôi cũng không kịp nghĩ đến việc tới thăm bà mẹ anh nữa!

Có những lúc con người ta không còn chỗ trú nấp. Đó là cái lúc ngồi ngựa mặt trên chiếc ghế, tôi nhận ra anh một cách chắc chắn, biết không thể nào nhầm được nữa! Tôi chỉ còn mong anh không nhận ra tôi - Không, nhất định anh phải nhận ra chứ,

khuôn mặt tôi gần mười năm nay chụp ảnh thấy ít thay đổi lắm. Mà cái mặt mình chỉ cách mặt anh có mấy tấc. Cặp mắt anh lại đang nhìn xói vào cái mặt tôi đang được bàn tay anh dần ngửa ra. Da mặt tôi cứ dày lên. Tôi nhắm mắt, rồi mở mắt. Mỗi lúc mở mắt, tôi không thể nhìn đi đâu khác cặp mắt anh. Trời ơi, có lẽ tôi ngồi trên ghế cắt tóc ở cái quán này đã một nửa thế kỷ? Chốc nữa, sắp tới, anh sẽ làm gì tôi đây?

*
* *

- Đồ dối trá, mày hãy nhìn coi, bà mẹ tao khóc đã loà cả hai mắt kia! Bây giờ thì tấm hình tao đã được trưng trên các tạp chí hội hoạ của khắp các nước. Người ta đã trân trọng ghi tên mày bên dưới, bên cạnh mấy chữ: "Chân dung chiến sĩ Giải phóng". Thật là danh tiếng quá!

- Tôi là một nghệ sĩ chứ có phải đâu là một anh thợ vẽ truyền thần, công việc, người nghệ sĩ là phục vụ cả một số đông người, chứ không phải chỉ phục vụ một người! Anh chỉ là một cá nhân, với một cái chuyện riêng của anh, anh hãy chịu để cho tôi quên đi, để phục vụ cho cái đích lớn lao hơn. Anh đã thấy đây, bức "Chân dung chiến sĩ Giải phóng" đã đóng góp đôi chút vào công việc làm cho thế giới hiểu cuộc kháng chiến của chúng ta thêm?

"A ha! Vì mục đích phục vụ số đông của người nghệ sĩ cho nên anh quên tôi đi hả... Có quyền lừa dối hả? Thôi, anh bước khỏi mắt tôi đi. Anh cút đi!"

Giá lúc đó, sau khi cắt tóc xong, anh bảo tôi hãy ngồi lại để hỏi cái món nợ tám năm về trước thì có thể sau đó tôi không trở lại cái quán cắt tóc ấy nữa, cũng nên. Thế nhưng anh vẫn làm như không hề bao giờ quen biết tôi. Khi tôi ra về, anh chào tôi

một cách thân mật, nhã nhặn sau khi nhận tiền cắt tóc.

Đã gần một tháng rưỡi, tóc tôi đã dài quá, mà vẫn chưa cắt. Ít hôm tôi lại đạp xe trở lại ngôi quán đó, nhưng vừa chớm đến nơi thì tôi đã cảm cổ đập thật nhanh, cổ gấu mất đi. Mỗi lần đạp vụt qua khỏi cái quán cắt tóc ấy, tôi phóng hăn sang một đoạn phố khác, cứ sợ đôi mắt người thợ cắt tóc nhìn theo, nhưng trong bụng lại cảm thấy thất vọng. Tôi lại mon men đạp trở lại, y như một kẻ đã trở nên lẩn thẩn, tôi đến ngồi ở một cái quán nước trước cổng một cái bệnh viện bên kia đường, cách cái quán cắt tóc một quãng. Ở đây, khách uống nước bao giờ cũng đông. Tôi ngồi lẩn vào. Tôi gọi một chén nước, vừa uống vừa nhìn sang. Lần nào tôi cũng trông thấy anh, nhưng có lần thấy bà mẹ anh, có lần không.

Một bận đến hai ngày liền tôi không thấy anh thợ của tôi làm việc. Cái quán cắt tóc bỏ vắng hai ngày liền. Sang ngày thứ ba vẫn thế. Và lại thấy một người đàn bà ra dọn dẹp chứ không phải bà cụ già lòà như mọi ngày. Tôi chạy sang. Chiếc ghế cắt tóc không còn nữa. Chỉ còn chiếc gương và mấy cái chai lọ. Người đàn bà hỏi tôi:

- Bác đến cắt tóc?

- Vâng.

- Nhà em mấy hôm nay đang dọn cái chỗ làm mới ở phố ngoài kia. Ngày mai xong. Xin mời bác đến.

Vợ anh có lẽ trạc tuổi gần ba mươi. Một khuôn mặt đàn bà hiền lành. Chị vừa nói vừa bóc tấm tranh của tôi ra. Tôi gọi chuyện:

- Bức tranh đẹp đấy chứ, chị nhỉ?

Người đàn bà hơi đỏ mặt, cuộn tấm tranh lại một cách cẩn thận. Lâu sau mới đáp:

- Anh nhà tôi bảo: anh bộ đội trong tờ tranh này chính là người ta vẽ anh ấy. Hồi anh ấy còn ở bộ đội trong B. Cho nên

mới mua về treo.

- Anh ấy nói với chị thế?

- Vâng.

- Hôm trước tôi đến cắt tóc ở đây có thấy một bà cụ...

- Là mẹ anh nhà tôi. Thế ra bác là khách quen?

- Vâng. Bà cụ bị tật lâu chưa?

- Thưa đã lâu. Đã tám chín năm nay.

- Vì sao?

- Bà cụ loà đi cũng vì anh nhà tôi. Ngày đó bỗng nhiên có tin ra anh nhà tôi hy sinh. Bà cụ đâm ốm. Anh ấy là con một. Bà cụ nhớ anh ấy, nửa đêm cũng trở dậy đi lang thang. Cứ khóc hoài...

- Bà cụ loà từ năm nào, chị biết không?

- Từ 69.

- Từ tháng mấy?

- Tôi cũng không còn nhớ thật rõ, có lẽ khoảng giữa năm.

Tôi ra đến Hà Nội vào đầu tháng ba năm ấy. Nếu tôi là một người tử tế ra thì không khéo bà cụ không bị loà, không những thế mà tôi còn có thể làm cho bà cụ khoẻ ra? Chính tôi đã làm cho bà mẹ anh trở thành mù loà?

*

* *

Mấy lần tôi đã bước vào một cửa hiệu cắt tóc sang trọng ngay trong phố nhà tôi mà trước đây tôi vẫn thường cắt, nhưng lại lấy cớ này cớ nọ, quay trở ra. mấy lần tôi đã định "tẩu thoát". Nhưng chính tôi lại bắt giữ tôi lại. Tôi lại kiên nhẫn tự thuyết phục mình một cách xử trí êm nhất: Đừng bao giờ đặt chân đến trước mặt người thợ cắt tóc và bà mẹ anh ta nữa. Người ta đã dời cái quán đến một phố khác. Lần trước anh thợ đã nhận ra

cái mặt của anh rồi. Thì lúc này là cơ hội "tẩu thoát" êm nhất. Cái người săn đuổi mình đã rẽ sang lối khác thì mình lại cũng rẽ vào đây làm gì? Nhưng anh có đuổi theo tôi đâu? Đây là tôi muốn tự nguyện đến nạp mình, cho lương tâm.

Tôi lại tiếp tục dụ dỗ: Sau hàng chục năm ở bộ đội, anh ấy lại trở về làm cái nghề cũ. Chắc hoàn cảnh kinh tế gia đình cũng khó khăn. Tôi nghĩ đến việc hay là vay mượn gom góp một số tiền lớn, cái số tiền mà tôi đã thu được nhờ ký họa chân dung kia, bí mật gửi cho anh. Vẫn không được! Tôi vẫn không cho phép mình lấy đồng tiền để thay cái mặt mình.

Tôi lại đạp xe đến gần cái nơi anh mới dời đến. Chỗ đó là đầu một cái ngõ ăn ra một đường phố nhỉnh hơn phố cũ. Chỗ làm mới cũng xoàng xĩnh như chỗ cũ, chỉ hơn trước có bức màn che. Thình thoảng tôi lại đạp xe qua, đá cái mặt về phía bức màn, nghe tiếng tông đơ rĩa tanh tách và liếc nhìn cái dáng người thanh niên đang đứng cắt tóc phía sau. Rồi lại phóng xe vút qua đi.

- Cái anh thợ cắt tóc ở đây dời chỗ làm rồi, phải không bà? - Tôi vờ hỏi bà chủ quán nước ở cái ngõ cũ trong khi ngồi chen giữa một đám đông khách uống nước, hút thuốc và kháo chuyện vặt.

- Anh ấy dời ra phố ngoài. Cách mấy ngõ thôi. Chắc ông là khách quen?

- Thừa vâng.

- Cái thằng T. cắt tóc, số nó nhờ được con vợ! - Một người khách bình phẩm.

- Thì còn phải nói! - Bà chủ quán cũng nói xen vào- ngày xưa khi anh ấy còn ở bộ đội trong B, tuy chỉ là chỗ lán giềng thôi nhưng cô ấy chăm sóc bà cụ lúc ốm đau chẳng khác con cái trong nhà. Về sau anh ấy trở về cũng vì cảm phục tấm lòng mà lấy.

- Ông trời sinh ra con người cũng lạ. Có người tốt vậy, có đưa đến cẳng lật lọng hết chỗ nói.

Cái đầu tôi tóc đã tốt quá, ngứa không chịu được! Mà tại sao lại cứ muốn gỡ chúng, cứ tự đem mình ra mà hành vậy? Tại sao lại cứ muốn tự dẫn xác đến cái quán ấy cơ chứ? Ngay buổi sáng đó, tôi đạp xe trở về dưới phố nhà tôi, lập tức đến cắt tóc ở cái hiệu quen đã mấy năm nay. Thật là thoải mái, dễ chịu. Trời lại nắng nhạt, cũng thật dễ chịu. Cái hiệu quen sạch sẽ, thơm phức. Bác thợ kêu ầm lên chắc hồi này nhà hoạ sĩ bận lắm, bận lắm, mấy lần đến rồi lại không có thì giờ cắt, để cho cái đầu trở thành một khóm rừng! Bác thợ quen lại còn khuyên tôi nên làm việc có điều độ. Tôi lại vui vẻ "đấu hót" với bác như mọi lần trước kia. Thật là vui. Phải nói đây là người thợ cắt tóc giỏi nhất thành phố, làm rất cẩn thận, lại rất quý tôi. Được cắt tóc cho một nhà ông hoạ sĩ! Bác cẩn thận, cân nhắc từng nhát dao, nhát kéo. Bác nâng niu cái đầu, cái mặt tôi. Những ngón tay sờ đụng vào cái đầu, cái mặt tôi như đang sờ đụng vào một vật rất quý.

Thế nhưng tôi cũng trở lại cắt ở đây chỉ có một lần đó. Tôi quyết định phải trở lại cái quán kia. Tôi quyết định phải chường cái mặt mình ra, chứ không chịu lẩn tránh. Tôi không cho phép tôi chạy trốn. Tôi quyết định phải trở lại đây vào buổi sáng, và đến thật sớm, lúc chỉ có tôi và anh. Để cho anh có hoàn cảnh thuận tiện chỉ vào cái mặt tôi mà hỏi: "Bác là cái nhà ông hoạ sĩ ngày xưa đấy ư? Bác đã làm cho bà mẹ tôi khóc hết nước mắt để trở thành mù loà như thế kia? Được rồi, vậy thì xin mời ngồi vào đây!",

Bên trong bức màn vẫn chỉ thấy bày chường ấy thứ đồ đạc: Chiếc ghế mộc, chiếc khăn choàng sạch sẽ vắt trên thành ghế, chiếc bàn con để bánh xà phòng thơm và mấy thứ chai lọ, tấm gương soi mặt khách, phía trên tấm gương vẫn dán bức chân dung, người thợ cắt tóc tám năm trước. Anh thợ của tôi ngồi quay lưng ra, một chân vắt lên thành ghế, đang ăn một vắt xôi gói trong cái lá bàng. Bà mẹ anh cũng có mặt, ngồi xồm cồm chiếc vò đập những hòn gạch vỡ lên chặt xuống nền đất. Bà cụ lại ngược

mắt lên nhìn tôi như lần trước khuôn mặt đỏ dần và hoan hỉ:

- Thưa ông đến cắt tóc?

- Vâng ạ!

Tôi có cảm giác hồi hộp của một anh bộ đội giữa trận đánh dồn vừa vượt qua lớp lớp hàng rào để bám được vào cái đột phá khẩu: Lúc ban nãy, khi đạp xe vừa chớm đến quãng đường phố ngang với bức màn, chỉ chút xíu nữa là tôi đã nhấn mạnh chân vào bàn đạp cho bánh xe lăn thật nhanh như mọi lần. "Thưa ông đến cắt tóc?", "Vâng ạ!" một lần nữa, nếu tôi gieo thêm một chút xíu yếu đuối trên cái mặt cân tiểu ly vô hình, tôi sẽ không đáp "Vâng ạ!" mà có thể trả lời: "Không ạ" rồi phóng xe đi thẳng như mọi lần.

Anh thợ cắt tóc nghe mẹ lên tiếng mới quay người lại. Tôi vừa kịp nhận ra được từ nơi cặp mắt vẫn còn trẻ của anh chiếu thẳng về phía tôi một cái nhìn ban đầu xoi mói, ngạc nhiên, rồi hơi nghiêm mặt lại. Nhưng những diễn biến phản ứng trên cái mặt người thợ chỉ diễn ra nhanh như một cái chớp mắt. Ngay sau đó anh lại trở lại cái vẻ mặt và cử chỉ từ tốn, điềm đạm, ân cần của một người thợ cắt tóc đứng đắn và yêu nghề.

Da mặt tôi tự nhiên dày cộm lên.

- Mời bác ngồi!

Tôi cố trấn tĩnh để khỏi run lập cập, bước tới ngồi vào cái ghế gỗ như một cái ghế tra điện.

- Bác vẫn cắt như cũ?

- Vâng.

Bàn tay người thợ ấn cái gáy tôi xuống. Tôi trông thấy hai ống quần quân phục đã cũ kỹ và đôi bàn chân xỏ trong dép cao su. Bà mẹ anh vẫn ngồi bên cạnh cái ghế cắt tóc, bàn tay dãn dèo vừa sờ soạng trên mặt đất, vừa cầm chiếc vò nện lên những viên gạch chan chất, nhát trúng nhát trật.

Từng mảng tóc trên đầu tôi rớt xuống. Tôi có cảm giác tôi

đang ngồi cho người thợ giải phẫu não, mà không đánh thuốc mê.

Rồi người thợ cắt tóc một tay nâng ngửa cái mặt tôi lên, một tay cầm lấy con dao nhỏ sáng loáng. Tôi khẽ liếc mắt thấy lưỡi dao sắc lẹm, vậy mà anh vẫn đem mài đi mài lại trên một tấm da. Tôi khắc khoải nằm ngửa mặt chờ. Tôi khẽ thử động dẩy cái gáy, nó như đã bị chốt vào miếng gỗ lồi có lót da. Ngay trước mắt tôi vẫn là cái bộ mặt thật của tôi vừa được lột khỏi ra cái mặt nạ hàng ngày, đang phản chiếu trong tấm gương.

"Hàng ngày anh vẫn nói đùa một cách độc đáo với bạn rằng: Tạo hoá nặn ra muôn loài, mỗi loài bằng một thứ bột nhào riêng khác nhau. Xong rồi mỗi thứ thừa một tý, đem gộp chung tất cả lại, để nặn ra anh?"

"Có lẽ thật thế, trong con người tôi đang sống lẫn lộn người tốt kẻ xấu, rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ?"

"Bây giờ trước mặt tôi, anh nghĩ thế nào về cái luật công bằng ở đời của anh: Cho thế nào thì nhận thế nấy?"

"Tôi xin nhận đã gây thêm đau khổ cho bà mẹ anh. Tôi đã lừa dối anh. Tôi đã thu thêm được tiền của và tiếng tăm trên sự đau đớn của anh. Bây giờ anh cứ trừng phạt tôi. Anh xử tôi thế nào cũng được!"

"Không bao giờ! Nếu tôi xử phạt anh, nếu tôi thực hiện cái quan niệm về luật công bằng ở đời của anh, thì cái hôm đó, tám năm trước đây, khi quay lại đón anh giữa suối, tôi đã xốc ngược anh lên rồi vút tòm vào khúc suối giữa bãi đá tai mèo rồi!"

"Lần này anh lại đối xử với tôi như lần trước đây?"

"Phải."

"Anh cũng không trách mắng, chỉ trán chỉ mặt tôi?"

"Không! Anh cứ yên tâm. Trước sau tôi vẫn coi anh là một nghệ sĩ tài năng, đã có nhiều cống hiến cho xã hội".

"Anh nhận ra tôi từ lúc nào, trong mấy lần tôi đến đây?"

"Tôi vẫn thường gặp mặt anh ở ngoài đường luôn luôn đấy

chứ! Một lần tôi đứng xem anh ký hoạ khu phố cổ. Một lần tôi đến xem phòng trưng bày tranh của anh. Một lần khác, tôi đi theo mấy người bạn làm xưởng vô tuyến truyền hình đến quay chỗ xưởng làm việc và gian phòng riêng của anh. Anh không nhận ra được tôi đấy mà thôi!

"Bây giờ anh nói với tôi một điều gì đi, khuyên tôi một nhời đi!"

"Không".

"Tôi có phải cắt khỏi đây không?"

"Không. Anh cứ đến đây. Tôi cắt cho anh kỹ lắm, anh biết đấy!"

*

* *

Phải, giả thử lần thứ nhất tôi đến, hoặc lần thứ hai trở lại, và các lần sau nữa, mà người thợ ấy nổi giận đuổi tôi ra khỏi ngôi quán, thì chắc chắn tôi không đủ thì giờ nhìn kỹ cái mặt mình đến như thế. Gần nửa năm tôi đã để vào bức tranh sơn dầu tất cả công sức và sự suy nghĩ, và trong suốt thời gian ấy, một đôi lần tôi cũng gọi lại chuyện cũ, nhưng người thợ vẫn một mực cố tỏ ra chưa hề có bao giờ quen biết tôi. Trở về làm một anh thợ cắt tóc cũng như lúc ở bộ đội, anh vẫn lẳng lặng sống như vậy, để cho người chung quanh tự phán xét lấy những công việc đã làm. Lời đề nghị rút rề của anh: Xin mọi người hãy tạm ngừng một phút cái nhịp sống bận bịu, chen lấn, để tự suy nghĩ về chính mình.

Bây giờ thì cái tác phẩm mới của tôi đã hoàn thành. Tôi đang đối mặt với chính mình, để viết những dòng này, như những lời chú giải cho một tác phẩm hội hoạ thể hiện một cái mặt người rất lớn: Những luồng ánh sáng hàng nghìn nền từ

phía trước và trên đầu chiếu thẳng xuống một nửa mái đầu tóc tốt rợp như một khu rừng đen bí ẩn, và một nửa mái tóc đã cắt, thoát trông như một phần bộ óc màu xám vừa bị mổ phanh ra. Phần bên dưới khuôn mặt như vẫn đang được giấu kín dưới một cái mặt nạ: Dưới cằm và hai bên mép phủ kín bọt xà phòng. Không trông rõ miệng, chỉ thấy một vệt màu đen lơ lơ nổi bông bênh trên những đám bọt xà phòng. Và nổi bật trên cái khuôn mặt là đôi mắt mở to, khắc khoải, bồn chồn, đầy nghiêm khắc, đang nhìn vào nội tâm.

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRÊN CHUYẾN TÀU TỐC HÀNH

1

Tôi biết chị Quỳnh từ trước đây nhiều năm, vào một hoàn cảnh hơi đặc biệt.

Một chiếc xe chở tôi vào viện Quân y lúc ba giờ sáng. Tôi nằm ở phòng cấp cứu đến chiều hôm sau thì được chuyển về một vùng có vẻ thôn dã yên tĩnh. Đêm đầu tiên phải ngủ một mình ở phòng chờ đợi, nửa đêm thức giấc tôi bỗng phải hoảng lên vì những đợt tiếng kêu rùng rợn ở phòng bên.

Cho đến lúc ấy tôi mới biết rõ căn phòng mà tôi đang nằm, ngoài cửa ra vào còn có một cửa sổ trở ra bờ sông phía sau nhà, và áp vào những chấn song cửa sổ hình tròn bằng sắt, một khuôn mặt không biết xuất hiện ở đây từ bao giờ, đang nhìn vào phòng tôi.

Đêm có trăng, một thứ ánh trăng sáng rỡ vàng vạc chiếu xuống ngoài bờ sông, nhưng sát bên cửa sổ, những tàu chuối to bản cùng những cành cây ăn quả um tùm che lấp gần hết, chỉ thấy một vài mảng vàng của ánh trăng rớt xuống một mái tóc đàn bà buông xoã ôm trùm lấy một khuôn mặt không thể nào xác định được già hay trẻ, đẹp hay xấu. Và lại căn bệnh bắt buộc

tôi trong khi nằm cứ phải bấu chặt cả mười ngón tay vào thành chiếc giường cá nhân bằng sắt, cái cổ chỉ khê ngúc ngoắc quay sang phải hay sang trái là tức khắc trời đất đã quay lộn nhào. Tôi cũng không còn khả năng nhớ lại được thật chi tiết khi nửa đêm cái khuôn mặt đàn bà với mái tóc xoã nói với tôi những gì, nhưng chỉ nhớ người ấy nói dài lắm, trong đó có một ý chính là bảo tôi hãy yên tâm, cái người đang kêu to ở phòng đợi bên cạnh là một đồng chí bị thương sọ não, sáng sớm ngày mai sẽ được chuyển đi cấp tốc bằng máy bay về viện Quân y 108 ở Hà Nội.

Sáng sớm hôm sau, một cô y tá đến dẫn tôi sang nằm chung với các đồng chí thương binh bên một căn phòng sáng sủa và rộng hơn. Rồi một cô hộ lý mang quần áo, chăn màn, đệm nằm, những trang bị cho các bệnh nhân và thương binh nằm bệnh viện. Rồi lại có hai cô y tá hay hộ lý khác nữa; người bưng ăn điểm tâm sáng, người đến đo nhiệt độ hàng ngày và dặn dò những quy định điều trị.

Ngay trong buổi sáng đầu tiên đó, giữa các nữ nhân viên quân y, tôi nhận ra người đàn bà đã xuất hiện trước cửa sổ lúc nửa đêm. Tôi nhận ra được có lẽ trước hết bằng giọng nói. Tất nhiên, tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra được người đàn bà đó.

Chính thức ra chị chỉ là một y sĩ nhưng trong mấy ngày đầu, tôi vẫn tưởng chị là một bác sĩ. Lúc bấy giờ trong cái buổi sáng đầu tiên đó, khi chị bước vào phòng chúng tôi bằng những bước đi thoăn thoắt nhưng đầy vẻ uyển chuyển, duyên dáng thì tất cả gian phòng bệnh dường như thoát sống dậy. Các thương binh đang nằm đều nhồm cả lên. Những đồng chí đang cạo râu liền lau hết bọt xà phòng trên mặt. Những người đang ăn sáng cũng buông thìa, đũa. Chỗ này chào chị Quý, chỗ kia gọi chị Quý... Và cả tôi, thú thật, cũng cố gượng đau, cố chịu đựng một cơn quay tít mù của cả gian phòng để được chứng kiến một phút cái quyền uy của một người đàn bà.

Chị đến thăm bệnh tôi trước tiên. Chị kéo chiếc ghế con ngồi

bên giường, hỏi cận kề vết thương cũ trên đầu, ghi đầy hết những trang giấy trong bản bệnh án mở rộng đặt trên đùi. Phải kể như một đặc điểm nổi bật, người nữ quân y sĩ ấy có một giọng nói nghe trầm ấm và rất trong, và cũng như thân hình chị, giọng nói cũng uyển chuyển. Khuôn mặt hơi gầy, không đẹp lắm nhưng theo tôi, rất thông minh, và đặc biệt, ngoài trẻ con ra, tôi chưa hề được gặp một khuôn mặt người lớn nào mà lại cứ luôn luôn thay đổi sắc thái như vậy.

Tôi nằm điều trị ở đây cơ chừng được khoảng một tuần lễ thì bỗng xảy đến một chuyện khiến cho tất cả các anh em nằm cùng phòng với tôi hết sức ngạc nhiên là chính chị Quý, đồng chí nữ quân y sĩ rất tận tụy và duyên dáng của họ cũng trở thành một bệnh nhân, ngay trong khoa thần kinh chúng tôi.

Vào một buổi chiều, cũng vẫn bằng cái dáng điệu nhanh nhẹn và đầy tự chủ mọi ngày, nữ quân y sĩ Quý bước vào phòng trưởng khoa thần kinh với một chồng hồ sơ bệnh án cấp bên nách và chiếc ống nghe khoác lưng lửng trước ngực, để bàn giao công việc cho người khác. Thay chị là một người nam, một bác sĩ. Trước mặt chủ nhiệm khoa, chị bàn giao mọi công việc của mình đang làm dở dang rất tỷ mỉ và chu đáo, dặn dò người bác sĩ mới những điều cần chú ý theo dõi đối với từng ca một, xong rồi chị vui vẻ đi thẳng xuống phòng hành chính tự nhận lấy cho mình các thứ trang bị của một bệnh nhân. Chiều hôm đó trên gác có một cô thuộc tiểu đoàn vận tải đường thủy vừa ra viện. Người bác sĩ vừa mới nhận bàn giao liền chỉ định chị Quý nằm vào chỗ cái giường vừa bỏ trống.

Chị Quý vào viện, tuy là một bệnh nhân cũng như chúng tôi nhưng chị làm việc suốt ngày. Hình như người nữ quân y ấy thuộc loại người đàn bà không làm việc là không thể chịu được, hoặc là rất sợ sự rỗi rãi? Chị không được khám bệnh và cho thuốc như các y sĩ và bác sĩ khác, tất nhiên, nhưng vẫn giành cho mình cái quyền được làm các công việc của hộ lý và một vài

công việc lật vạt của y tá. Chị nhận phần việc bưng thức ăn cho tất cả các bệnh nhân và thương binh bất động. Chị giúp các cô hộ lý phân phát quần áo sạch và thu quần áo vừa thay ra chất vào một đôi quang gánh đi giao cho nhà giặt. Chị chạy đi đưa nhiệt kế lần lượt cho các giường và với một chiếc bút chì bi ngày trước dùng ghi bệnh án, ghi nhiệt độ hàng ngày cho từng người vào những tấm bảng treo dưới chân giường. Chị chủ động tự giới hạn công việc của mình chỉ đến đây, còn các công việc đi sâu quá vào chuyên môn như tiêm, hướng dẫn uống thuốc, tuy chỉ là công việc của một y tá, những thứ công việc dưới trình độ của mình nhưng chị cũng không bao giờ làm.

Ở trong bệnh viện người ta thường nhàn rỗi, cho nên chẳng có lý gì câu chuyện người nữ quân y sĩ, một con người luôn luôn chủ động và sống có chừng mực, rất giỏi chuyên môn, thăm bệnh rất chính xác, lại tận tụy, bỗng trở thành một bệnh nhân thần kinh - lại chẳng khiến cho mọi người phải luôn luôn bàn tán, và muốn tìm hiểu để biết đó sao.

Nhưng cũng trong khoảng thời gian đó có những đợt thương bệnh xuất viện ồ ạt, là vì đang giáp Tết, chỉ còn dăm ba hôm nữa là đến Tết âm lịch. Ngoài một số đông đã lành bệnh, nhiều người có gia đình hay có người quen ở gần cũng được phép ra ngoài ăn Tết, ra giêng lại đến tiếp tục điều trị. Cho nên ở trong khoa chúng tôi số bệnh nhân giảm hẳn đi. Càng cận ngày Tết những người còn ở lại trong viện sống với nhau thân tình như cùng trong gia đình.

Một buổi sáng, sau bữa điểm tâm, tôi đang đi men bức tường từ trong nhà ra sân định tìm một chiếc ghế ngồi chơi thì trông thấy chị Quý từ trên gác xuống, chị liền chạy tới dìu tôi.

- Đồng chí muốn đi đâu?

- Tôi muốn ra ngoài trời một lát! - Tôi chỉ chiếc ghế gỗ có lưng tựa đặt bên những vòng hoa mới được trồng đón xuân - nằm

trong nhà từ hôm đến đây tới giờ, thấy bức bối, chồn chân quá!

Người nữ quân y sĩ đưa tôi đến chiếc ghế rồi chị cũng ngồi ghé xuống bên cạnh:

- Đến hôm nay đồng chí có thấy đỡ hơn không?

- Hơn nhiều, chị ạ! Ban ngày thấy đỡ chóng mặt hơn nhiều. Khi nằm gối đầu thật cao như chị dặn, tôi đã có thể ngủ giấc cái đầu mà không việc gì.

- Còn giấc ngủ?

- Mỗi đêm được khoảng bốn, năm tiếng.

- Vậy thì đừng uống mê tro mát nữa. Phải tự luyện lấy giấc ngủ, bằng cách nào đó thì luyện. Giấc ngủ sinh lý tự nhiên bao giờ cũng tốt hơn, chóng bình phục hơn.

Sau một vài câu chuyện, tôi mạnh bạo, thẳng thắn hỏi chị:

- Như đồng chí... xin lỗi, tại sao lại phải nằm viện?

Không thể ngờ câu trả lời rất nhanh nhẹn, thoải mái:

- Các anh ấy bảo rằng tôi mắc bệnh mộng du. Đồng chí chắc không hiểu hả? Tức là, cũng là một dạng của thần kinh. Bất kể ban ngày hay ban đêm, hễ khi nào bệnh phát lên là đi lang thang và sống trong một tâm trạng tưởng tượng gây ra do ảo giác.

Tôi không khỏi bật cười:

- Vậy mà thần kinh với lại tâm thần! Tôi nghĩ... trên đời này khó có ai hiểu rõ mình cận kề như chị.

Người nữ bệnh nhân cười rất duyên dáng và ý tứ khề đặt một bàn tay lên bàn tay tôi:

- Xin lỗi, đồng chí... cũng là một người biết nói chuyện đấy!

Tôi hỏi tiếp:

- Tại sao biết mình không có bệnh tật gì cả mà đồng chí vẫn chấp nhận làm một bệnh nhân? Không phải chỉ có một mình tôi mà các anh em thương binh và bệnh nhân trong khoa ta, ai cũng thắc mắc như vậy?

Người nữ bệnh nhân chột nhìn tôi bằng cặp mắt van lơn:

- Không. Tôi có bệnh.

- Tôi chả tin.

- Cái đêm đầu tiên, đồng chí mới đến đây chả phát hoảng lên vì căn bệnh của tôi đó sao? Người đàn bà đứng ngoài cửa sổ chính là tôi.

- Tôi nhận ra đồng chí ngay buổi sáng hôm sau - Tôi đáp - khi đồng chí đến khám và làm bệnh án cho tôi. Chứ không phải tôi không biết.

Người nữ bệnh nhân lại nhìn tôi như van lơn, cố gắng thuyết phục rằng mình là người mắc bệnh:

- Đây, đồng chí thấy sợ chưa?

Tôi lắc đầu:

- Đến bây giờ tôi vẫn nhớ cái lúc đồng chí đứng ngoài cửa sổ nhưng tôi vẫn không tin đồng chí là một người mắc bệnh thần kinh hay tâm thần. Đến bây giờ tôi vẫn nghĩ rằng ngay trong lúc đứng ngoài cửa sổ, đồng chí vẫn bình thường như lúc này ngồi đây.

Người nữ bệnh nhân cúi xuống, lát lâu sau mái tóc búi cao rất đẹp ngẩng phát lên:

- Thật ra thì cũng không hẳn hoàn toàn như lúc này. Là tôi nói thật đấy.

Ngừng một lát rất lâu, người đàn bà lại mới nói tiếp:

- Tôi đoán đồng chí làm một thứ nghề gì đấy cũng ít nhiều am tường tâm lý con người. Hẳn đồng chí cũng biết rằng ngay một người sống có ý thức thì cũng có một đôi khi, tôi nói là có đôi khi thôi - Quỳ nhấn mạnh - sống ngoài ý thức, không hoàn toàn làm chủ được mình, cũng có lúc cáu giận, cũng có khi làm xong rồi nghĩ lại mới thấy là sai, là không thực sáng suốt như lúc sau này nghĩ lại. Tôi đoán hẳn đồng chí cũng là một người khá từng trải trong cuộc sống, cho nên tôi muốn nói với đồng chí kỹ hơn

về chuyện này - Quỳnh suy nghĩ một lát rồi bỗng lắc đầu - mà thôi, đồng chí chưa khoẻ hẳn. Có lẽ để đến hôm nào khác hơn đã!

- Chị đừng ngại - Tôi vội nói, nóng lòng muốn được nghe kỹ hơn về câu chuyện khá lý thú của người nữ quân y sĩ - sở dĩ tôi lại phải vào "ngồi tù" ở đây là do vết thương cũ trên đầu, và cũng do thời gian vừa qua làm việc quá sức thôi, chứ tôi vẫn là một người bình thường, ngay bây giờ tôi vẫn là một người trí óc bình thường, như đồng chí đã biết rồi đấy!

- Vâng, tôi xác nhận - Quỳnh mỉm cười - với tư cách là một y sĩ đã có lúc theo dõi và chữa bệnh cho đồng chí. Không những trí óc bình thường mà đồng chí còn biết cách nói chuyện rất khéo nữa! Nhưng mà tiện đây, tôi cũng xin nói thêm để đồng chí biết một điều mà tôi đã nhận xét thấy nhưng chưa thể nói với đồng chí: Ngay cái căn bệnh chóng mặt lúc nào cũng thấy trời đất và cuộc đời quay mòng mòng mà đồng chí đang mang trong người, có phải rằng nó lại tái phát, xin lỗi, vì... cũng có một lúc nào đó, đồng chí sống hết mình - Quỳnh như muốn nhấn mạnh chữ "hết mình" - đồng chí đã sống hết mình, trong cái vòng đua chen danh lợi địa vị, cạnh tranh, đổ kỵ kịch liệt với người khác không?

Tôi bỗng giật thót, suy nghĩ, trong bụng đã chịu nhưng vẫn cãi:

- Tôi chẳng hiểu chị định nói chuyện gì cả!

Quỳnh như không để ý, vẫn nói tiếp:

- Bơnh bốt những tham vọng. Sống sao cho lương tâm trong sáng, có sự quân bình, thoải mái trong tâm hồn, cũng là một cách chữa bệnh.

Tôi bật cười chế giễu:

- Tôi chưa thấy một người làm nghề thầy thuốc nào mà lại có những phát minh định dùng đạo đức để chữa bệnh như chị.

- Chẳng có gì kỳ quặc cả - bất ngờ người nữ quân y sĩ như cầm tay tôi lôi tuột ra chỗ ánh sáng - một lần nữa tôi xin phép

được xin lỗi vì phải nói thẳng, chẳng qua là đồng chí vẫn còn quá nhiều ham hố tham vọng trong cuộc sống, cho nên đã cố làm ra vẻ dốt nát, không biết gì đấy thôi! Đồng chí biết thừa ra rằng tất cả những thầy thuốc bệnh thần kinh đều phải nghĩ trước hết đến sự quân bình về đời sống tinh thần - Quý bỗng như vừa sức tỉnh ra, chị cười rất duyên dáng - thật là vô tích sự, tự nhiên tôi lại đâm ra nói chuyện căng thẳng với đồng chí. Thôi, được rồi, đồng chí vẫn còn thắc mắc cơ sao... như thế này mà tôi lại là một bệnh nhân thần kinh phải không?

- Vâng, tôi vẫn chưa hết được thắc mắc...

- Vậy thì, nếu đồng chí không cảm thấy mệt, tôi sẽ kể chuyện này, ngay bây giờ... Tôi lấy chồng cách đây một năm - Quý kể - Anh ấy là một kỹ sư cơ khí, một kỹ sư giỏi, thậm chí rất giỏi, nghĩa là một người đàn ông có học thức và cũng rất thông minh, tất nhiên ở trong lĩnh vực khoa học. Nhưng cả trong cuộc sống chung giữa vợ chồng đồng chí cũng cần biết rằng tôi không thể chê trách anh ấy được một điều gì cả. Thật đúng thế! Chúng tôi sống với nhau rất hoà thuận, quý trọng nhau và có hạnh phúc. Với một người chồng, tôi không mong ước gì hơn. Nếu có điều gì đáng phàn nàn là chúng tôi vẫn còn mỗi đứa một nơi.

Kể đến đây, Quý ngừng lại và cứ ấp úng mãi. Chị ngẩng lên nhìn theo hút những bệnh nhân cuối cùng được về nhà ăn Tết đang lao xao cười nói, bắt tay từ biệt các nhân viên quân y và khuất dần sau rặng cây, rồi thu cặp mắt về, hơi nghiêng mái đầu xuống ngắm mấy bông hoa cúc vàng cứ sáng bừng lên giữa cái vòng đất nâu.

Tôi tỏ ý ân hận:

- Tự nhiên tôi đâm ra thắc mắc hơi tò mò quá. Hay là thôi, chị...

- Không, không nói với đồng chí thì tôi cũng phải nói với một người khác. Bởi vì tôi không thể tự trò chuyện với mình suốt đời

được. Tôi nghĩ đây cũng là một điều đang còn non yếu của tôi. Mà tôi nghĩ đồng chí là một người biết nghe. Không phải ai cũng biết nghe.

Quỳ lại bắt đầu câu chuyện lại từ đầu. Nhưng sau những câu ca ngợi chồng và hạnh phúc riêng của mình lại được lặp lại, Quỳ lại ấp úng, lại ngừng rồi bất ngờ chị nhìn thẳng vào tôi, hỏi:

- Tôi xin hỏi nghiêm túc nhé, đồng chí nghĩ gì về đàn bà?

Tôi suy nghĩ rồi cũng nghiêm trang đáp:

- Tôi không am hiểu đàn bà nhiều lắm và thú thật tôi lại là một anh dốt, tôi chỉ có thể nghĩ rằng... tốt nhất là nên tránh xa họ.

- Còn có điều gì khác mà đồng chí nghĩ về họ nữa không?

- Tôi lại nghĩ có lẽ tôi là một người bảo thủ: Người đàn bà nào cũng phải nên làm đầy đủ công việc của một người vợ và một người mẹ.

Quỳ cúi đầu xuống có vẻ như thấp hơn, nét mặt đầy thông minh trở nên đượm buồn:

- Vậy thì theo đồng chí, có một tính cách gì chung cho tất cả mọi người đàn bà không?

Tôi đáp chị bằng một câu bông đùa:

- Thời ngày xưa thì người ta ví đàn bà với rắn độc, quỷ dữ và sư tử Hà Đông, còn thời bây giờ, người ta ví đàn bà với các giống hoa: Hoa lan, hoa hồng, hoa huệ. Có thứ hoa gì tên là hoa Quỳ không?

- Không - Quỳ đáp khẳng định.

- Tôi nói điều này chắc chắn là không phải với chị...

- Đồng chí không phải nói thêm nữa - Quỳ ngắt lời tôi một cách vội vàng - mà cũng chẳng có gì là không phải. Tôi đã biết đồng chí sắp nói điều gì rồi! Tuy mới hăm bảy tuổi nhưng tôi đã sống trọn cuộc đời của tôi cách đây từ nhiều năm...

Ngừng một lát, người nữ bệnh nhân lại nói tiếp bằng một

giọng rất buồn:

- Tôi hiểu được ý đồng chí muốn nói rằng tôi thuộc loại những người đàn bà nguy hiểm. Có phải thế không?

- Thú thật tôi có nghĩ thế - tôi đáp thành thực - ngay từ cái lần đầu mới gặp chị, ngay trong cái buổi sáng lần đầu tiên trông thấy chị, tôi đã nghĩ thế.

Quý thờ dài rất khê. Chị ngồi im lặng, vẻ cam chịu, những ngón tay thon hình búp măng đan vào nhau đặt úp trên cặp đùi dài, cặp mắt nhìn xuống những bông hoa cúc vàng rực rỡ ngay bên chân. Khuôn mặt mỗi lúc càng trở nên buồn bã.

Thật khó diễn tả cho thật chính xác cái nét buồn trên khuôn mặt Quý lúc bấy giờ. Nó có cái gì giống như khuôn mặt của một kẻ biết mình phạm tội, vừa thật thà, chân thành đến tội nghiệp lại vừa ngấm ngấm kiêu hãnh đến khó hiểu. Những người đàn bà như Quý, tôi nghĩ trộm trong bụng, đối với cái đám đàn ông, chỉ có thể hoặc là cướp đoạt lấy người ta hoặc bị người ta cướp đoạt, hoặc thống trị đàn ông hoặc bị đàn ông thống trị, thì mới tìm được sự yên ổn. Chứ khó có thể tìm đến với nhau bằng một thứ tình yêu thương tình được. Và rồi, tôi thâm phỏng đoán, suốt đời cho đến giờ sẽ là một cuộc săn tìm hư vô, trong con người sẽ luôn luôn có một phần ý thức của ma quỷ nhập vào, và có lẽ, rồi cuối cùng chỉ có ý thức về trách nhiệm và bốn phận mới đánh chết được cái ý thức ma quỷ bất trị đó.

- Trong những lúc đi lang thang một mình - Tôi hỏi Quý - chị hay nghĩ những điều gì?

- Những điều mà suốt đời tôi không có.

Tôi lại đem ra khuyên giải người đàn bà những điều mà chị đã khuyên tôi:

- Có bao giờ chị nghĩ rằng biết sống tự chủ và có chừng mực cũng chưa đủ, mà một người đàn bà thông minh và có quá

nhiều ước vọng như chị còn phải kiểm soát cả những ý nghĩ của mình không?

- Có. Tôi vẫn phải tự chữa lấy bệnh cho mình. Sau mỗi lần bỏ đi lang thang, tôi đã cố gắng nhớ lại rằng mình đã nghĩ gì rồi ghi vào một cuốn nhật ký. Rồi thỉnh thoảng giờ ra đọc lại xem căn bệnh của tôi tiến triển lên hay xuống.

- Tôi nghe nói, xin lỗi, có một thời chị sống tung hoành khác đời lắm?

Người nữ quân y sĩ trở nên ngượng ngịu:

- Ai mà chẳng có một thời trẻ hả đồng chí? Mười hai năm về trước, tôi tốt nghiệp lớp mười. Đã có giấy gửi về gia đình gọi đi học một ngành khoa học tự nhiên ở nước ngoài nhưng hồi đó, cũng như nhiều người con gái khác trong chống Mỹ, tôi đã từ chối không thiết đi học nữa mà khoác ba lô đi vào Trường Sơn, ở đây, tôi đã thử sức với đủ mọi thứ công việc, không còn sót một việc gì: Diễn viên văn công, đánh máy, cấp dưỡng, in ly tô, giao liên dẫn đường, y tá, chụp ảnh, viết báo, vác súng đi lùng biệt kích, gác nghĩa trang liệt sĩ và thậm chí một hồi còn lái xe nữa.

- Tôi muốn hỏi một câu... hơi tò mò. Được không chị?

- Cũng được thôi...

- Chị đã yêu ai và những ai đã yêu chị, hồi trong Trường Sơn?

- Có lẽ hơi nhiều... Từ đồng chí tư lệnh mặt trận đầu bạc đến cậu học sinh mới nhập ngũ má còn bụ sữa. Đây là tất cả những người đã theo đuổi hoặc ngầm yêu tôi. Những chuyện ấy đã qua đi lâu rồi và tôi không còn muốn giấu đồng chí làm gì, mong đồng chí đừng cho tôi là kiêu ngạo hoặc thiếu khiêm tốn(!); bởi phải nói ra cái điều đã thuộc về quá khứ này, tôi cũng thấy nó xấu hổ thế nào ấy. Bây giờ thì tôi đã nghĩ khác, nhưng thực tình hồi bấy giờ ngày nào tôi cũng sống như ở giữa một ngày hội, người tôi lúc nào cũng cứ lâng lâng khác khoải, tôi ăn rất ít mà trong bụng

lúc nào cũng thấy no. Vùng quê tôi, con gái đi vào Trường Sơn đông lắm, thành phố nhỏ của tôi cũng có đến trăm đứa. Chúng tôi, cái lớp con gái ấy có may mắn là được sống cái thời trẻ thật là sôi nổi và cũng thật gian khổ hết mức. Riêng với tôi, trong khi các chị em khác có người bị bệnh sốt rét đến rụng trụi cả tóc thì tôi không hề bị sốt rét quật, tôi cứ trơ ra, da thịt vẫn trắng trẻo, đỏ đẵn, không bao giờ phải bỏ việc nằm một chỗ. Và tôi làm việc gì cũng được, tôi nhanh trí, sáng ý. Tôi lại không dút dất, quá rụt rè cả thẹn như nhiều chị em khác, cũng không ngổ ngáo như một vài chị em khác. Tuy vậy, tôi sống rất tự nhiên, thoải mái, tận tâm với mọi việc và hết lòng đối với mọi người. Thế rồi tự nhiên tôi đi đến đâu cũng có người yêu tôi. Tôi như một nàng công chúa ở trong rừng. Tuy chỉ là một hạ sĩ nhưng uy quyền của tôi lớn lắm, thậm chí một lần, một trung đoàn trưởng đã phải nhờ tôi lên trình bày với tư lệnh mặt trận một đề nghị rất chính đáng của anh, và lần ấy với cái tính thẳng thắn của tuổi trẻ, tôi đã dám cả gan quở trách vị tư lệnh thiếu sự sâu sát tình hình đơn vị trong khi ra những quyết định.

Tôi bưng miệng cười, hỏi Quỳ:

- Có kết quả không?

Quỳ cũng cười nhỏ:

- Có chứ, sau khi gặp nói chuyện với tôi, đồng chí tư lệnh ấy đã thân chinh đi kiểm tra đơn vị, sau đó đã rút lại cái quyết định cũ.

Tôi lại hỏi Quỳ:

- Chị có ý kiến nhận xét gì về những người theo đuổi chị hồi đó?

- Tuy thuộc nhiều lứa tuổi và địa vị, cấp bậc nhưng họ đều là những người đàn ông đứng đắn, dũng cảm có thừa. Họ đều là những người anh hùng cả. Cũng có rất nhiều người tài hoa, thông minh. Tôi quý trọng tất cả những người đã theo đuổi tôi.

Đến hôm nay kẻ còn sống thì đã có vợ con, người hy sinh thì đã nằm lại nơi chiến trường mãi mãi.

- Chẳng lẽ chị chẳng yêu ai cả hay sao?

Quỳ ngồi lặng đi rất lâu:

- Đây là cả một vấn đề có liên quan đến cái bệnh tật khiến tôi phải ngồi đây, mà ngay từ lúc đầu tôi muốn nói với đồng chí. Tôi cũng đã yêu một đôi người, nhưng sau một thời gian gặp gỡ, làm quen, trò chuyện, nghĩa là "tìm hiểu" thì tôi thôi. Tôi không còn cảm thấy yêu người ta nữa. Những năm về sau này, sau khi đã lấy chồng, những khi ngồi một mình và suy nghĩ thật bình tĩnh, tôi mới thấy rằng trong những ngày tháng ấy đã tập hợp lại trong các cánh rừng Trường Sơn những con người thật là đáng quý. Tất cả tinh hoa của nam giới đã dồn về đây. Vậy mà khi đang sống giữa Trường Sơn trong những năm chiến tranh, tôi đã không kịp hiểu ra cái điều đó. Tôi thật ngu dại, với những người đáng quý ấy, tôi đã không coi họ là những con người đang sống giữa cuộc đời, mà lại đòi hỏi nơi họ, một thánh nhân. Tôi đã đi tìm cái tuyệt đối không bao giờ có. Tôi đã rồ dại, bởi chính tôi, một đứa con gái bình thường, được những người đàn ông ở trong rừng cưng chiều quá! Chính họ đã đào luyện nên tôi cùng với cái quan niệm sai lầm của tôi, và họ phải chịu hậu quả. Bởi chính họ không sao làm được như tôi muốn, một thánh nhân. Không tài nào làm được! Thậm chí, một người như anh ấy cũng không tài nào làm được, khi anh ấy đang còn sống.

- Ai?

- Anh ấy, một trung đoàn trưởng mới hăm chín tuổi.

- Có phải là người đã có lần cạy chị...

- Đúng. Anh ấy đấy. Đồng chí ạ!

Tôi kêu lên:

- Chắc phải là một con người tuyệt diệu?

- Nhưng anh ấy đã chẳng còn nữa!...

Mấy ngày cuối năm, sáng nào tôi cũng cố men theo một bức tường ra ngồi ở chiếc ghế gỗ. Chung quanh chân khóm cúc, vào các buổi chiều, Quỳnh thường dùng một chiếc bai đào cỏ đem lát kín hết cái vòng đất nâu. Mấy bông cúc vàng càng khoe vẻ rực rỡ trên vuông cỏ mới trồng. Tôi ngồi một mình nhìn sương lãng đãng bay trên cái bờ cây xanh ngắt ngăn cách khu Quân y viện và cánh đồng.

Tôi ngồi đợi chị Quỳnh từ trên gác xuống. Mặc dầu đã cố làm ra vẻ bình thản không quay lại nhưng tôi cũng có thể hình dung thấy cái dáng uyển chuyển đầy quyến rũ của một thân hình phụ nữ có chiều cao, thanh mảnh và đặc biệt bao giờ cũng đi đứng rất thẳng, đang bước xuống từng bậc trên cái cầu thang xây gạch lộ thiên. Hôm nào Quỳnh cũng xuống trễ. Có buổi sáng tôi phải ngồi hết ngấm hoa lại ngấm sương giăng ngoài cánh đồng hàng giờ đồng hồ. Quỳnh không muốn kể chuyện riêng của mình nữa, tôi biết. Tuy ngày nào cũng trễ, nhưng rồi cũng xuống, ngồi xuống bên tôi sau khi xem xét, sửa lại mấy miếng cỏ bằng sự chăm chút và nâng niu.

Tôi không giục, không hỏi. Mái đầu với búi tóc cao vẫn nghiêng xuống miếng cỏ mới trồng, chị lại tiếp tục câu chuyện:

- Làm một người con gái được những người con trai giỏi giang luôn luôn chú ý đến cũng thú nhưng cũng mệt lắm đấy, đồng chí ạ! - chị nói với tôi bằng một giọng rất nhỏ và tỏ ra hết sức xấu hổ, y như đã làm một điều gì phạm tội.

- Một người đàn bà như chị luôn luôn bị những người đàn ông giỏi giang quấy rầy là phải - tôi đáp - Không những thời trẻ mà cả bây giờ chị cũng chưa hết mệt đâu!

- Nhưng có bao giờ đồng chí hình dung nổi -Quỳnh bỗng nói một mạch - một người con gái như tôi, trong cái hồi đó, đã phải

van xin chạy theo một người đàn ông, một thanh niên mới hăm chín tuổi nhưng đã được giao phó nắm sinh mệnh hàng ngàn chiến sĩ. Hắn đồng chí đã đoán biết cái người ấy là ai rồi chứ? Đừng có nghĩ tôi yêu anh ấy vì cái chức trung đoàn trưởng. Cái chức vụ ấy đối với tôi, chẳng là cái gì cả. Không những lúc ấy, mà bây giờ cũng vậy, nhìn ai, tôi cũng nhìn vào con người. Đó là một người cũng giống như mọi người con trai ưu tú khác mà tôi đã gặp: dũng cảm, đứng đắn, có tài năng, đẹp trai. Điều gì đã khiến tôi chú ý đến anh, chú ý nhiều đến thế, khi tôi làm y tá ở một trạm phẫu thuật và anh ấy được khiêng từ sở chỉ huy tiền phương của trung đoàn về đây đã được một tuần lễ. Điều ấy chỉ xảy đến trong một khoảnh khắc: Hôm đó một loạt B52 trườn lên những dãy thương binh khiến cho sau khi vừa ngoi lên khỏi cửa hầm, tôi tưởng như tất cả đều đã nát ngấu như tương; lúc bom rơi, tôi đang cúi khom lưng thay băng trên vết thương của anh ấy và trong cái khoảnh khắc đầu tiên của loạt bom nổ, tôi ngẩng lên, không ngờ bất gặp một cặp mắt điềm tĩnh đến như thế, một cặp mắt không hề chớp, lạnh lẽo như một ánh thép đang nhìn ra cái khoảng không gian đỏ ối như một miếng tiết ngoài khung cửa hầm.

Những ngày sau, tôi mới chợt khám phá ra: Lâu nay anh ấy cũng nhìn mình bằng cặp mắt ấy, không hề chớp, không hề mảy may xúc động. Tôi mới chợt khám phá ra: cái con người này chẳng coi mình đáng là cái gì cả. Lúc lòng tự ái bất ngờ bị xúc phạm cũng là lúc tôi nhận ra mình đã yêu anh ấy. Tôi không hề để lộ ra, không tâm sự với một ai, vậy mà ai cũng biết. Mọi người chung quanh đều coi rằng: tôi và anh ấy, chúng tôi phải là một cặp, như một điều tiền định. Hôm anh ấy lành vết thương trở về đơn vị, tôi chia tay với anh ấy một cách bình thường như mọi nhân viên khác của trạm phẫu thuật, thậm chí hơi lạnh nhạt. Tôi cũng cố tỏ ra điềm tĩnh và gan dạ. Như một cuộc thi gan với chính mình. Sau đó không bao lâu trung đoàn của anh ấy đánh một

trận thắng lừng lẫy, báo chí, đài phát thanh nói không ngớt về trung đoàn K... Tôi thì lại chỉ mừng thầm vì anh ấy cùng trung đoàn tham dự chiến dịch đã trở về. Thế rồi tôi sinh ra cái tính cầm cái gì trên tay cũng làm đổ, cũng đánh vỡ. Bác sĩ trưởng trạm phẫu thuật tiền phương, một sinh viên y khoa vừa tốt nghiệp, một trong những người đang theo đuổi tôi, gọi tôi tới. Bác sĩ trưởng trạm muốn tỏ ra cho tôi biết mình cũng là một người cao thượng, bịa ra một công việc gì đó và cử tôi đến trung đoàn K. Tôi đi liền. Hai ngày sau, đến trước anh ấy, mặt tôi lúc nóng bừng như vừa được lôi trong lửa ra, lúc tái nhợt như vừa vớt dưới nước lên. Vừa trông thấy tôi "dẫn xác" đến như kẻ mất hồn là anh ấy hiểu được tất cả. Về sau anh ấy mới chịu thú nhận rằng anh ấy đã yêu tôi, bị tôi "đánh đổ" bắt đầu từ khi ấy nhưng lúc ấy ngoài mặt anh ấy vẫn tỉnh khô. Tôi vừa van lạy như một con nô lệ vừa rút súng K54 ra dọa. Anh ấy cười, mắng tôi là đồ trẻ con rồi đuổi tôi đi, bắt buộc tôi phải rời ngay khỏi trung đoàn anh ấy.

Thì hoá ra tôi đến đây, không phải là một vùng rừng trú quân bình thường mà là một khu vực trận địa bố trí sẵn của trung đoàn. Trung đoàn của anh ấy đang cùng một số trung đoàn khác thiết lập một cái "bẫy", bí mật chờ địch dẫn xác đến. Điều đáng lưu ý ở đây là có sự không nhất trí giữa anh ấy và tư lệnh cái mặt trận vừa mới được thành lập. Căn cứ trên bản đồ, đồng chí tư lệnh đã ra lệnh chỉ định trung đoàn anh ấy đứng chân giữa một khu vực địa hình bất lợi, không thể đánh địch thật hay, không hiểm. Anh ấy đã đề nghị sửa lại cách bố trí toàn mặt trận nhưng không được chấp nhận.

- Đồng chí ạ - Quỳ nói tiếp, - người ta nói tình yêu làm cho mù quáng nhưng càng nghe anh ấy nói, tôi thấy mình càng trở nên sáng suốt, minh mẫn và tỉnh táo. Bằng tất cả sự hiểu biết của tôi, tôi tin anh ấy đúng. "Tôi biết đồng chí T., tôi nói với anh ấy, tôi có thể trình bày rõ ý kiến của anh và thuyết phục cụ ấy được".

Ban đầu anh ấy hơi phân vân nhưng rồi về sau cũng ưng thuận dùng tôi như một sĩ quan liên lạc, một người thay mặt mình để trình bày cái phương án bố trí tác chiến của mình với cấp trên một lần chót. Về chuyện này, tôi đã nói với đồng chí rồi, và về sau, - Quỳ nói bằng giọng đầy tự hào, - sau khi cái trận đánh ấy kết thúc, lại thắng lợi giòn giã, mới thấy anh ấy đã góp một phần rất quan trọng, nếu không muốn nói là phần quyết định.

- Một con người tài giỏi tuyệt diệu như thế - tôi vội hỏi Quỳ, - có sao chị lại không thể mãi mãi yêu anh ấy. Chị còn đòi anh ấy cái gì?

- Sau trận đánh mà tôi vừa kể - Quỳ đáp, - anh ấy được điều động về cơ quan bộ tư lệnh và tôi cũng được gọi về làm phóng viên của tờ tin. Chúng tôi được ở gần nhau. Chúng tôi yêu nhau chừng được một năm. Giá anh ấy vẫn ở dưới đơn vị chiến đấu, vẫn ở lại cái trung đoàn K. ấy, và tôi vẫn là một nữ y tá của đội phẫu thuật tiền phương thì có lẽ không sao cả. Chúng tôi phải sống xa nhau nhưng mãi mãi tôi còn được đứng đằng xa để ngưỡng mộ anh ấy, như một con chiến ngỗng mặt ứa lệ chiêm ngưỡng một bức tượng thánh.

Sống gần kề hầu như ngày nào cũng gặp nhau, tôi mới có dịp được thấy anh ấy cũng mừng rỡ hí hửng khi được thăng cấp, mới có dịp được trông thấy anh ấy cũng ăn, ngủ, đi lại, cũng chăn một đàn gà riêng, đánh một cái quần "xà lòn" đi phát rầy, cũng yêu người này, nói xấu sau lưng người kia. Và, anh ấy lại có mồ hôi tay, hai bàn tay lúc nào cũng dấp dính. Mỗi lần tôi phải cầm lấy bàn tay anh ấy là lại thấy trên bàn tay mình một cảm giác dấp dính, và lạnh. Mỗi lần anh ấy đặt bàn tay lên vai, lên mái tóc tôi, tôi phải tự nghĩ thầm trong lòng rằng đó là bàn tay của anh ấy, người mình đang dốc lòng yêu, bàn tay của một người mà mình đã thấy không thể thiếu được trong cuộc đời, tuy vậy, vẫn không thể xua đuổi hết cái cảm giác dấp dính trên bờ vai và mái đầu. Rồi dần dần, dường như tôi phải chịu đựng cái

tật ra mồ hôi tay của anh ấy, biết là anh ấy chẳng có tội vạ gì cả.

Vào những ngày cuối năm ấy, trung đoàn K. luôn về rừng sâu dưới đồng bằng bị lộ đánh một trận thất bại, trung đoàn bị thương vong gần nửa và những anh em còn lại có phần giao động. Bộ tư lệnh quyết định điều anh ấy trở về. Tình thế lúc này đang rất cần sự có mặt của anh ấy, hai bàn tay tài giỏi, kỳ diệu của anh ấy, hai bàn tay lúc nào cũng dập dình mồ hôi của anh ấy đã nhanh chóng sắp đặt lại tổ chức của trung đoàn K. đang xộc xệch, lấy trở lại khí thế, tinh thần truyền thống của trung đoàn. Chỉ cần một thời gian ngắn, khoảng vài tháng sau, người trung đoàn trưởng cũ đích thân mang trung đoàn lại luôn xuống vùng sâu dưới đồng bằng, ngay khu vực "tứ giác sắt" ở một vùng ven thành phố, đánh một trận rất hiếm hoi rửa hận cho trung đoàn K.

Hồi bấy giờ tôi đang làm "tờ tin", cũng được coi như một nhà báo mặt trận, một nhà báo được cưng chiều, cho nên cũng được biết nhiều và có một cái nhìn rộng rãi. Trận đánh lần thứ hai của trung đoàn K., nói thế nào để đồng chí có thể hình dung ra được nhỉ? Nó giống như một mũi tên độc ngấm dần vào lòng tự tin của các nhà quân sự vạch chiến thuật, chiến lược bình định của Mỹ. Sau khi bị cái trận ấy, phải mất nửa năm sau, bọn chỉ huy Mỹ - ngụy mới loay hoay tìm ra cách bố phòng mới, nhưng lòng tự tin đã đánh mất, chẳng còn mảnh đất nào ở dưới đồng bằng khiến chúng còn thấy an toàn nữa.

Về phía ta, cho đến bây giờ, trận đánh ấy vẫn được đem ra giảng ở các học viện và trường quân sự, xem như một mẫu mực về tính táo bạo và động tác chuẩn bị chiến trường của người chỉ huy. Cũng dưới con mắt người chỉ huy, một trận như vậy mà thương vong chưa đầy chục người là ít, rất ít. Nhưng đau đớn biết bao, trong số những người đã ngã xuống có anh ấy. Lúc bấy giờ đã tờ mờ sáng, một bầy "cán gáo" bật đèn đỏ bay âm trời bắn rốc két và thả đạn cối xuống một vùng đồng nước mênh mông, thỉnh thoảng nhô lên một vài đám lau sậy.

Cho đến bây giờ thì mọi người đều biết rằng tôi đã rời bỏ anh ấy, tôi đã "đá" anh ấy, và cũng chẳng biết vì duyên cớ gì. Chung quanh vẫn nghĩ tôi là một đứa con gái khó hiểu, và cũng khó mà chiều được.

Biết nói thế nào được, chẳng lẽ nói với mọi người rằng tôi không thể chịu đựng được cái tật ra mồ hôi tay của anh ấy? Chỉ biết rằng, một lần nữa, tôi đã chạy đến với anh ấy như một con bé quá rò dại, để được nhìn thấy hai bàn tay anh ấy đã dập nát cả.

Vẫn cái trạm phẫu thuật mà tôi đã từng làm một nữ y tá. Bác sĩ trẻ tuổi Thương vừa mổ cho anh ấy xong, một cuộc giải phẫu kéo dài bốn tiếng đồng hồ; người bác sĩ đã từng theo đuổi tôi lúc bấy giờ đang ngồi trên một chiếc ghế băng đặt trước cửa hầm hậu phẫu chẳng mấy múi dù pháo sáng, khuôn mặt thư sinh rất điển trai cúi gục xuống, điều thuốc lá mới đốt kẹp giữa hai ngón tay đã rơi xuống dưới chân ghế từ bao giờ. Bác sĩ Thương ngược lên nhìn tôi, hai con mắt mệt mỏi và trống rỗng, suốt trong thời gian phục vụ ở đây, tôi chưa hề bao giờ thấy sau một ca mổ mà đồng chí ấy mất nhiều sức như thế.

- Nếu đồng chí không bận nhiều việc - bác sĩ Thương nói với tôi bằng một giọng buồn bã, - hãy ở lại giúp chúng tôi chăm sóc anh ấy.

- Tình trạng anh ấy thế nào hả đồng chí?

- Đồng chí và tôi, - bác sĩ đáp, - chúng ta sẽ cố hết sức.

- Nghĩa là thế nào? - Tôi hỏi.

- Nghĩa là, - bác sĩ Thương đáp, - đồng chí sẽ đóng một vai trò rất quan trọng, đồng chí đến đây như thế này là rất tốt.

Anh ấy sống thêm được bốn ngày nữa.

Về sau này, trong những lúc lang thang một mình, tôi cứ tự hỏi trong tình trạng với một cơ thể như như thế mà anh ấy vẫn sống thêm được bốn ngày, là do công tác hậu phẫu tuyệt vời của bác sĩ Thương và tất cả anh chị em của trạm phẫu thuật,

hay là do tôi, sự có mặt của tôi, sự ăn năn hối hận của tôi, sự cầu xin của tôi, tình yêu chân thành tha thiết như tôn giáo của tôi. Hoặc cũng có thể do sức lực đang thì trẻ mà anh ấy có. Hoặc cũng có thể, chỉ vì anh ấy muốn nói với tôi kể cho bằng hết, bằng lời nói và cả bằng ánh mắt, về mặt, tất cả khát vọng và lý tưởng cuộc đời của mình.

Trong những đêm lang thang, dù trời tối hay có trăng như mấy cái đêm cuối cùng tôi được thức thâu để chăm sóc anh ấy, bao giờ trước mắt tôi cũng hiện ra cái ánh mắt trầm tĩnh như một ánh thép ấy, tôi cúi xuống rồi rít hôn khắp khuôn mặt gầy gò, vàng vọt, quần đầy băng trắng, rồi tôi bật khóc khi nhìn thấy một nét xao động của tình cảm như một đợt sóng nhỏ bất ngờ dậy lên từ cặp mắt trầm tĩnh. Tôi biết anh đã tha thứ cho tôi, anh vẫn còn yêu tôi. Cặp mắt anh nhìn tôi rất lâu. Tôi hiểu ý anh. Tôi vội vã cầm lấy bàn tay anh (chỉ thấy một khối bông băng chứ có thấy cái bàn tay đâu), tôi cầm lấy cái bông băng ấy áp lên má lên môi, lên mái tóc, lên khắp khuôn mặt tôi. Tôi lại nghĩ đến những lời nói đứt quãng, khó nhọc, thỉnh thoảng thốt lên từ giữa cặp môi khô luôn luôn run rẩy của anh, mà tôi phải công phu nhặt từng tiếng chấp lại mới hiểu hết.

Đặc biệt riêng ngày thứ ba, anh ấy khoẻ hẳn ra, trí nhớ trở nên sáng lạng và nói chuyện nhiều.

Anh ấy nói với tôi nửa tâm sự nửa như một lời giới giảng, rằng cuộc đời một thanh niên mới hai mươi chín tuổi của anh thế là sắp chấm dứt; trong hai mươi chín năm thì mười hai năm làm lính, mười một năm đi học. Từ những năm còn nằm ép bụng trên sống lưng con trâu dữ nhất đàn mà hợp tác xã giao cho gia đình nhà anh nuôi, anh đã mơ tưởng sau này lớn lên sẽ chế tạo được một chiếc máy cày, anh nói điều ấy bằng giọng thì thầm vào bên tai mẹ anh, khi hai mẹ con ngồi sát bên nhau trên một mảnh chiếu cũ trải giữa cánh đồng làng vào một vụ vừa gặt hái xong, chỉ còn tro gộc rạ mới cắt.

Trong khi mọi người ngược mắt nhìn những lát đất cứ cuộn cuộn được xới lên dưới hàng lưỡi cày - anh nói - thì anh, suốt cả buổi tối chiều phỉm tài liệu, anh chỉ chú ý quan sát để tìm hiểu bằng những nguyên lý cơ học nào mà cái khối máy móc đồ sộ có thể vừa tự vận hành lại vừa kéo theo sau nó một cái khung sắt lấp một hàng lưỡi cày nằm chênh chếch?

Từ khi còn mặc quần với dải rút buộc lên cổ, anh đã biết nói chuyện với cái cuốc, cái cày, đã lon ton chạy theo các nhân viên thủy văn ở trọ trong xóm hàng ngày đi đo lưu lượng dòng sông trước làng, anh đã ngạc nhiên đến bàng hoàng vì sự tài tình của chiếc xe đạp. Như một Niu Tơn, anh đã nằm dưới một gốc cây ngoài vườn sau nhà hàng mấy giờ liền chỉ để rình một chiếc lá, một cái quả rơi xuống đất. Trong xó nhà, anh chất đủ các thứ máy móc, có thứ bằng gỗ, thứ bằng sắt. Hồi học cấp ba, anh đã phát minh ra được một cái máy vừa xay lúa vừa sàng gạo.

Thế rồi anh bước vào trường đại học Cơ điện năm mới mười sáu tuổi. Anh ngốn kiến thức khoa học như một kẻ suốt đời đói khát được người ta cho ăn cỗ. Anh trở thành một sinh viên xuất sắc nhất lớp ngay từ năm thứ nhất. Sang năm thứ hai, mới vào trường được ba tháng thì anh trúng bộ đội. Hôm anh nhận được tờ giấy báo tin đã trúng tuyển vào bộ đội, một cậu học cùng khoa Chế tạo máy với anh, cậu Ph., nắm lấy cánh tay anh kéo ra một ngôi quán tận ngoài đường sắt. Trong số các sinh viên học giỏi trong khoa Chế tạo này, chỉ có Ph. là đáng để cho anh kiêng nể. Cho đến bây giờ anh vẫn nghĩ rằng cái thằng ấy thông minh hơn anh. Cái thằng bạn học cùng lớp ấy thực sự có đáng đáp một nhà phát minh. Điều anh hơn cậu ta là niềm khao khát học hỏi của một sinh viên nông thôn từ tám bé đã phải sống chung đụng với một nền cơ học thô sơ, quá thô sơ. Vùng quê anh là một nơi ở xa đường cái, rất xa xôi hẻo lánh. Từ tám bé cho đến lúc lớn, nhìn vào nhà nào anh cũng chỉ thấy hai thứ máy là cái máy đèn dầu hoả và chiếc xe cút kít bằng gỗ. Anh đã phải nhìn thấy cảnh

những ông già đầu bạc, những em bé giơ cao những chiếc cuộc rất nặng bỏ xuống một cánh đồng đất rắn như gang. Sau một vụ cuộc ải, anh cầm lấy bàn tay mẹ anh, sờ vào lòng bàn tay mẹ anh như sờ vào một tấm da trâu...

Hôm ấy, Ph. rất ngạc nhiên thấy anh, một thằng say mê học hành và học giỏi như thế, đã xếp sách vở lại một cách nhẹ nhõm, vui vẻ. Nhưng đến bây giờ, thú thật với em, cho đến tận bây giờ, anh vẫn còn thấy đau lắm, tiếc lắm, vì đã phải xếp sách vở. Vì anh vẫn đầy lòng tin vào hai bàn tay của anh.

Em ạ, ngày chiến thắng rồi sẽ đến, chiến tranh rồi sẽ qua đi, anh sẽ vui biết mấy, sung sướng biết mấy, nếu được sống, miễn là được sống, miễn là được cùng với mọi người sống ở trên đời và được yêu nhau, và miễn là mỗi đứa chúng ta có hai bàn tay, chỉ cần chúng ta có hai bàn tay thôi, em nhỉ?

Trời ơi, Quỳ nói như kêu lên với tôi, giá đồng chí có thể thấu hiểu được lòng dạ tôi lúc ấy?

Lúc ấy tôi cứ ngồi ôm chặt lấy hai bàn tay quán đầy bông băng của anh ấy trước ngực tôi, với một niềm thương tiếc không cùng.

Dù có phải xông vào lửa đạn, dù có phải dùng hai bàn chân trần dậm lên vách đá tai mèo, dù có phải lặn xuống tận đáy biển khơi hay băng qua sa mạc cháy bỏng, dù có phải đi khắp cùng trời cuối đất, thì tôi cũng không từ nan, tôi cũng xông đi, nếu lấy về được để trả lại cho anh ấy đôi bàn tay luôn luôn dập dính mồ hôi. Và rồi tôi thấy mình thật ngu dại, một điều ngu dại không sao cứu vãn được, vì đã có một lúc xa lánh ruộng rẫy anh ấy, và tôi cứ ngồi ngẩn ngơ thương tiếc hai bàn tay tài giỏi của anh ấy đã bị bom đạn giặc cướp mất, hai bàn tay không những chỉ có ích cho chiến tranh mà cả cho hoà bình mai sau, hai bàn tay của một người đánh giặc và xây dựng đất nước!

Phút lâm chung của con người ấy là cái phút mà lần đầu

tiên trong đời, tôi cảm thấy thật sâu sắc nỗi bất lực của mình. Suốt trong bốn ngày, tôi không hề chớp mắt lấy một phút, chỉ sợ anh chết giữa lúc mình ngủ. Đến nỗi tôi tin rằng nếu tôi vẫn thức, bao giờ cũng ngồi bên anh ấy, thì anh ấy không thể nở bở tôi ra đi được. Có đôi lúc ngồi bên, tôi thấy anh chớp mím cười, một nụ cười đến là khó hiểu. Tôi không tin một người như anh lại có ý nghĩ mẫn nguyện trước khi rời bỏ cuộc đời. Anh đã trao gửi lại cho tôi bao điều tâm sự. Anh đã nói với tôi hết, trừ cái nụ cười bí ẩn.

Lúc bấy giờ chừng khoảng đã gần chiều, tôi đang đứng xây lưng về phía anh trước một chõng thạp gỗ làm chỗ kê một chiếc bếp dầu hoả. Tôi đang cúi húi thái mấy nhát sâm bỏ vào nước sôi chuẩn bị bón cho anh, chợt như có linh tính báo, tôi quay lại. Tôi chợt thấy cặp môi anh ấy tự nhiên bợt trắng và như đang đông cứng lại trong cái nét cười bí ẩn lan khắp khuôn mặt. Khuôn mặt đã gầy vò đi giống như một cái đĩa dầu đang cạn đến giọt cuối cùng. Tôi kêu lên một tiếng, chắc là tiếng kêu của tôi cũng đã lạc giọng đi.

Các anh chị em phục vụ trong trạm phẫu thuật và hầu như tất cả thương binh đều chạy đến, có đồng chí người quân đầy băng cũng cố lết đến. Bác sĩ Thương cạy hàm răng anh ấy cố đồ cho được mấy thìa nước sâm nhưng tôi liền đẩy bác sĩ ra. Tôi biết, chỉ có tôi mới cứu vãn được tình thế này. Như một đứa trẻ hà hơi cho một con chim non, tôi cúi xuống sát mặt anh ấy, gần làn môi mình lên cặp môi của anh đang đông cứng lại. Lúc bấy giờ, trước mặt các anh chị em đứng vây chung quanh, tôi cũng không còn biết xấu hổ nữa, tôi áp khuôn ngực nóng hổi sự sống của mình lên khuôn ngực đang lạnh giá dần của anh ấy.

Tôi áp tai vào ngực anh ấy, cảm thấy lạnh ngắt như khi áp tai vào một chiếc đồng hồ đã chết. Tôi vẫn không nản. Tôi quyết không chịu thua. Tôi quyết đánh thức lại cái sự sống đang thoi thóp trong cơ thể anh ấy. Tôi quyết xua tan làn tử khí đang vây

bọc chung quanh tôi và anh ấy. Tôi quyết tâm dán thân vào giữa côi chết để giành lấy anh ấy trở về, giành lấy tình yêu, trí tuệ và sự sống trở về.

Thế rồi cuối cùng anh ấy cũng không thể nỡ bỏ tôi ra đi cho được. Tôi khóc nức lên khi nghe trong lồng ngực anh ấy, trái tim lại đập trở lại. Thân thể anh ấy lại nóng ấm dần lên. Mọi người đứng chung quanh cũng đều ứa nước mắt, sung sướng và ngạc nhiên quá đỗi, khi trông thấy anh ấy đã lại chớp mắt được, cặp môi mềm trở lại mấp máy. Tôi thì tôi lại thấy được, đôi bàn tay anh ấy đang động đậy như muốn gào lên. Tôi lại cầm lấy cái nắm bông băng, áp lên môi, lên mặt, lên mái tóc tôi. Tôi mãi nguyện khi được nghĩ rằng bàn tay anh đang vuốt ve tôi, cặp môi mấp máy đang gọi tên tôi, và trong cái chớp mắt đầu tiên, khuôn mặt tôi đã hiện ra. Chắc là anh ấy sẽ nghĩ rằng tôi vẫn luôn luôn ở cạnh anh ấy.

Nhưng tôi và bác sĩ Thương dù đã cố gắng hết sức, dù tình yêu thống thiết của tôi từng giây phút níu giữ, anh ấy cũng đã ra đi. Tôi chỉ có thể cầm tay anh ấy trên cuộc đời thêm mười một tiếng đồng hồ nữa. Trong mười một tiếng đồng hồ, nghĩa là gần suốt đêm hôm ấy, tôi không dám rời mắt khỏi khuôn mặt anh ấy, và suốt đêm, tôi lại thấy cái nụ cười bí ẩn luôn luôn trở lại cú phảng phất trên cặp môi anh ấy, cũng giống như cặp mắt luôn luôn trầm tĩnh, vô cùng trầm tĩnh trong mọi hoàn cảnh của anh ấy mà tôi vẫn không bao giờ có thể quên được, khi anh ấy đang chiến đấu và làm việc, như một nét đặc trưng của con người.

Ba giờ sáng hôm sau, anh ấy mất.

Chiến sĩ và cán bộ trung đoàn K. bươn rùng lữ lượt kéo về đứng kín chung quanh hai mái lán che trên chiếc hầm thùng mà anh ấy nằm. Thậm chí có cả một số lính ngự bị bắt hoặc ra hàng trong trận vừa qua đang ở gần đấy cũng xin phép được sang viếng anh ấy, người tổ chức và chỉ huy cái trận đánh khiến họ vẫn chưa hoàn hồn.

Đồng chí tư lệnh mặt trận, có một hồi thành kiến và ghét anh ấy, trong lúc đọc bài điều văn rất thống thiết, mấy lần phải ngừng lại, rút mùi xoa lau cặp mắt đã đỏ hoe.

Mọi người đều rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy tôi không có mặt trong lúc đưa anh ấy đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Như một con chim đã mất bạn, tôi rúc vào một xó nhà, leo lên tấm sạp nằm ken bằng thân cây sậy của một cô y tá, tôi trùm chăn kín. Tôi rúc sâu vào trong tấm chăn, chưa bao giờ sống ở trên đời tôi cảm thấy lẻ loi cô độc như vậy, mặc dầu những anh chị em chung quanh lúc này ai cũng đều thương tôi. Đến bây giờ tôi mới hiểu được thực sự tình yêu nó là cái gì. Tôi nằm im mà tâm hồn tôi vật vã. Hình như đến bây giờ tôi mới bắt đầu thực sự yêu anh ấy. Đến bây giờ tôi mới hiểu được trong tất cả mọi sự mất mát, thì mất một con người là không có gì bù đắp được, không sao lấy lại được. Tôi cần gì những nghi thức nghi lễ, những vòng hoa và bài điều văn? Tôi chỉ cần anh ấy. Tôi chỉ cần có anh ấy bằng xương bằng thịt, bên cạnh tôi. Trong lúc mọi người bàn tán, thương tiếc, kể ra bao nhiêu công đức, thành tích và nét tốt của anh ấy thì tôi, tôi chỉ nghĩ đến những tật xấu của anh ấy. Vì chỉ có nghĩ đến những tật xấu, thì anh ấy lại mới hiện ra và đi về phía tôi, xích lại gần với tôi, như là một con người thật, bằng xương bằng thịt. Nhưng dù sao thì cũng là đánh lừa mình. Anh ấy chết rồi còn đâu?

Tôi đã nằm suốt ba ngày. Người tôi chỉ còn cái xác. Và hai con mắt sâu hoắm, thăm thẳm. Đêm đêm cô y tá mà tôi vẫn coi như một đứa em gái khi tôi đang công tác ở trạm phẫu thuật này, hai tay bưng bát cháo, miệng mắng mỏ, cô ta mắng tôi hết lời, hết mắng lại dỗ dành. Cô ta chỉ sợ tôi chết, hoặc phát điên. Dở tôi ăn không được, cô bé nông thôn chất phác ấy chui vào trong chăn nằm với tôi, ôm lấy ngang lưng tôi, nói rì rầm: "Em lay chị, chị khóc lên một tiếng!". Nhưng tôi vẫn không khóc được. Hai con mắt và cả người tôi như đã bị vắt kiệt hết nước. Rồi có

bé khóc. Đến bây giờ tôi mới sức nghĩ rằng từ ba giờ sáng hôm ấy, bao nhiêu người đã khóc anh ấy, cả đồng chí tư lệnh mặt trận, chỉ riêng có tôi là không.

Chiều ấy tôi tung chăn ngồi dậy. Trùm lên đầu tấm khăn sợi của cô y tá, tôi bước ra sân. Trời đất vừa được sắp đặt lại. Mọi vật vừa chạy lùi ra xa, rất xa tôi. Mọi âm thanh vang đến tai tôi nửa thực nửa hư. Thấp thoáng trước mắt tôi lại hiện ra cái nụ cười bí ẩn của anh ấy.

Đồng chí bác sĩ Thương đang đứng trước sân. Trông thấy tôi, bác sĩ không dám hỏi han một câu nào. Tôi đi qua trước mặt bác sĩ như một người dung, thậm chí cũng chẳng biết là ai nữa. Tôi đi quá mấy bước mới nhận thấy có một bàn tay đàn ông nắm lấy cánh tay tôi diu diu. Đến lúc bấy giờ tôi mới nhận ra là bác sĩ Thương.

Tôi được đưa đi qua vài vạt rừng nhỏ sau lưng trạm phẫu, đến một dòng suối. Qua bên kia suối, trước mắt tôi bỗng hiện ra một bãi cỏ xanh mượt. Ở chỗ này ngày xưa vốn là con đường vào núi kiếm củi, tôi quen lắm, làm gì có cái bãi cỏ xanh tươi bát ngát, y như vừa từ trên trời rơi xuống.

Bác sĩ Thương giải thích cho tôi, đây là tất cả những gì gọi là nơi yên nghỉ cuối cùng của anh ấy: Các chiến sĩ và cán bộ của trung đoàn K. sau khi chôn cất anh ấy xong, mỗi người xén một vuông cỏ đem lát lên nấm mộ và thế là tự nhiên hàng ngàn con người đã lát kín mặt đất rừng bằng cái màu xanh mơn mớn trước mắt tôi. Tôi lột hai chiếc dép cao su ra khỏi chân, trên mười đầu ngón chân của hai bàn chân trần, tôi rón rén dậm lên những ngọn cỏ. Không biết bác sĩ Thương nghĩ thế nào mà tôi thấy anh ấy vội vã đi đến bên ngôi mộ, nhặt hết tất cả những vòng hoa đã héo tàn đem vứt đi. Tôi cũng đi đến bên nấm đất lùm lùm. Tôi đứng giữa tình yêu thương thật lặng lẽ của những người lính trung đoàn K. Nỗi đau khổ trong lòng tôi tự nhiên vội bớt đi, như vừa được chia sẻ. Nhưng cũng ngay trong cái lúc ấy,

mỗi ngọn cỏ như thì thầm với tôi rằng anh ấy đã chết, thực đã chết rồi. Tôi bỗng òa lên khóc nức nở.

*
* *

Những năm về sau, cho đến tận ngày chiến tranh chấm dứt, trung đoàn K. vẫn là một trung đoàn khiến cho các đơn vị bạn phải kính nể và anh em chiến sĩ trung đoàn K. vẫn coi tôi như người nhà, một người lính đặc biệt của trung đoàn.

Với công việc phóng viên tờ tin, mỗi lần trở về đây vào dịp trước hoặc sau một trận đánh, một chiến dịch bao giờ tôi cũng được bắt gặp trở lại với một cái gì rất quen thuộc của anh ấy: Một tân binh bổ sung về trung đoàn K. chỉ sau nửa năm hoặc một năm là đã được cái tập thể ấy nhào nặn theo truyền thống của trung đoàn. Bất kỳ một cán bộ nào của trung đoàn trong chiến đấu hoặc trong sinh hoạt hàng ngày cũng đều mang trong người những nét phong cách riêng của anh ấy: Đó là cặp mắt trầm tĩnh và cách đánh táo bạo, thói quen trình sát chiến trường tỉ mỉ, bám địch rất chắc, không bao giờ hời hợt. Đó là tình yêu thương giữa cán bộ và chiến sĩ, một sự gắn bó hết sức đặc biệt giữa đồng chí, đồng đội, giữa những người lính cách mạng với nhau.

Trong đời tôi, chưa một lần thứ hai nào được thấy một người lại có thể ảnh hưởng đến những người khác nhiều như thế, đem lại cho chung quanh nhiều như thế.

Nhiều năm về sau - khi ấy tôi làm đại đội trưởng một đại đội lái xe toàn là nữ - nhân một chuyến cùng đơn vị ra hậu phương nhận hàng, vô tình trên một chặng dừng chân, tôi ghé vào một ngôi chùa bên đường. Mặc dầu giữa thời buổi chiến tranh suốt đêm ngày máy bay Mỹ gầm rú âm âm và đạn cao xạ

nổ từng chập, ngôi chùa vẫn giữ một vẻ u tịch, lặng lẽ. Tôi từ trong xóm đại đội xe của chúng tôi đang trú quân đi ra, ban đầu cũng tưởng ngồi buồn lững thững dạo chơi bên ngoài rặng vải phía sau chùa, nhưng tự nhiên tôi có cảm tưởng y như có ai đang vẫy gọi tôi đằng sau các cánh cửa nặng nề bằng gỗ mộc đóng liệt bản đã dầu dãi vì mưa nắng. Cổng chùa đã bị bịt lại bằng những phiến gỗ thông tháo ra từ những hòm đồ quân dụng, lại chằng dây thép rất cẩn thận. Tôi hăm hở leo qua bờ tường và nhiều đồng hòm gỗ sơn đen đựng ngòi nổ đạn pháo cao xạ chất phía trong sân, lại khom lưng chui qua nhiều đoạn dây điện thoại và dây phơi quần áo mắc võng xuống, đẩy cánh cửa chùa bước vào.

Người vẫy gọi tôi hiện ra ngay trước mặt tôi, sừng sững một bức tượng ngàn mắt ngàn tay ngồi chễm chệ trên toà sen, được đặt trên một cái giá gỗ cao ngất. Tôi đứng ngẩn ngơ trước bức tượng hồi lâu, rồi như có một thứ tâm linh nào đó mách bảo cho tôi biết, lập tức tôi liền nghĩ ngay đến cái trung đoàn K. và anh ấy đang ở một nơi rất xa xôi, cả hai như vừa hoà chung vào nhau trong hình ảnh một con người có ngàn mắt ngàn tay, trong cái màu vàng son đã long lở trên thớ gỗ. Tôi chạy tới mở toang hai cánh cửa giữa. Tôi lại đứng lặng ngắm bức tượng kỳ lạ đã có từ bao thế kỷ, trong tiếng chim sẻ gọi nhau lầu tầu trên mái ngói đã rêu phong và tiếng mic của ta vừa xuất kích đang bay trên một vùng trời phía Bắc, vùng trời có chiếc cầu như một vệt sáng.

Rồi tôi chợt nghĩ ra, cả con người tôi bỗng run rẩy vì sung sướng bởi cái điều khi đứng một mình đã chợt nghĩ ra, chợt tự nhiên khám phá thấy: Hoá ra cuộc sống từ bao đời đã là như thế, con người là một sự kết tinh của những tinh hoa; hoá ra thời nào cũng có những con người như anh ấy, tập trung trí tuệ và tài năng trác tuyệt của nhân dân, và mang trong lòng tất cả khát vọng cháy bỏng của nhân dân. Tôi ngạc nhiên đến sững sờ trước sức tương tượng kỳ diệu của một người thợ chạm gỗ, bất chợt trong giây phút đã mách bảo cho tôi thấy trí tuệ và niềm mơ ước

của nhân dân là không bao giờ mất được, là bất tử.

Bức tượng gỗ kỳ lạ ngồi trên toà sen chẳng có một nét nào giống anh ấy nhưng vừa ngắm vừa suy nghĩ lại mới thấy chính là anh ấy.

Tôi kính cẩn tiến lại gần: Một ngàn con mắt gỗ toát lên vẻ trầm tĩnh đang rọi nhìn vào cái hỗn độn để tìm ra cái quy luật. Tôi nâng vạt áo quân phục dính đầy dầu mỡ của tôi lên lau sạch những lớp bụi bám trên một ngàn bàn tay nhưng vừa chạm tới, vạt áo tôi đã ướt đầm mồ hôi y như mồ hôi người cứ dấp dính toát ra từ chất gỗ.

Tôi sợ hãi lùi ra xa, ngược nhìn khuôn mặt: Tự nhiên tôi bỗng hoảng hốt khi nhận ra đang phảng phất trên cặp môi bằng gỗ, vẫn cái nụ cười ấy, cái nụ cười bí ẩn mà tôi đã trông thấy rất nhiều lần hiện lên trên cặp môi anh ấy trước khi chết.

Và, cho đến lúc này thì tôi cũng vừa mới sực hiểu. Phải, cho đến tận hôm nay, khi trông thấy cái nét cười đã ngưng đọng trên thớ gỗ thì tôi mới chợt tìm ra được sự bí ẩn của nó.

Hình như suốt thời gian tôi ra công chăm sóc anh ấy, núp giữ anh ấy lại giữa cõi sống một cách bất lực, cũng là lúc diễn ra một cuộc đối thoại quyết liệt và không lời, thâm lặng giữa tôi và anh ấy; một đằng tôi quyết giữ anh ấy làm một con người thực giữa cõi trần thế, một con người sống bằng xương bằng thịt với những nét tốt và thói xấu. Một đằng, anh ấy quyết tâm làm một thánh nhân.

"- Em sẽ không còn đòi hỏi ở anh một con người tuyệt đối hoàn mỹ (dường như lúc nào tôi cũng nói như cầu khẩn) anh hãy cứ mừng vui hí hửng khi được thăng cấp. Hãy sống tự nhiên, anh hãy cứ yêu người này, ghét bỏ người kia, anh hãy cứ mặc bộ quần áo, đội chiếc mũ mà em không thích. Em càng yêu anh gấp ngàn vạn lần đôi bàn tay luôn luôn dấp dính mồ hôi của anh!"

"Không! (dường như anh ấy nhìn tôi âu yếm rồi nở nụ cười

bí ẩn) anh không sống được nữa! Anh sẽ phải rời bỏ cuộc đời! Mọi người sẽ vì thương tiếc mà quên đi mọi thói xấu và khuyết điểm của anh: Anh đã quyết tâm làm kỳ được như em đã đòi hỏi".

Tôi ngược nhìn lên cái nụ cười bí ẩn đầy vẻ đắc thắng, nụ cười bằng gỗ như đang chế nhạo tôi.

Tuy mọi điều không đâu này đều do tôi tưởng tượng ra nhưng nó cứ ám ảnh tôi, bám riết lấy đầu óc tôi. Đồng chí nên biết rằng tuy là đàn bà nhưng tôi vốn là một đứa con gái giàu trí tưởng tượng và cũng hay suy nghĩ...

Kể đến đây, Quỳnh chợt hỏi tôi:

- Đồng chí thấy tôi sống mà cứ luôn luôn nghĩ ra những điều cắc cớ, lạ lùng như thế này thì mệt quá, có phải không?

- Tôi ngồi nghe mà đã thấy mệt - Tôi đáp.

- Đấy, đồng chí phải ngồi nghe mà cũng đã thấy mệt - Quỳnh bỗng hoảng lên - Không chừng chính tôi lại làm cho bệnh của đồng chí nặng lên cũng nên. Thật là hôm nay tôi vô ý vô tứ quá. Có lẽ tôi nên ngừng ở đây...

Tôi cũng đã thấy mệt thật. Nghề của tôi là cứ phải đi hóng chuyện thiên hạ. Có lẽ do biết lắng nghe cho nên thỉnh thoảng có người đem tâm sự đời mình ra thổ lộ với tôi một cách vừa ngại ngùng vừa tin cậy, tuy vậy tôi chưa hề gặp một người nào lại có nhiều ý nghĩ đến lạ lùng, đến là khác đời như người nữ quân y sĩ duyên dáng này. Đến lúc tôi chợt nghĩ, hay là chị có bệnh thật, nhưng không tin được. Nếu bảo chị có bệnh thì những người lành chúng ta không thể nghĩ ra được những điều sâu sắc và nhất là chí tình chí nghĩa đến làm chúng ta cũng phải cảm động như chị. Tuy vậy, tuy không phát biểu thẳng ra với chị, nhưng tôi cũng thấy chị có chút gì đó hơi lệch lạc mà tôi chưa hoàn toàn đồng tình trong cách nghĩ về một con người thực. Ví dụ như chị, một con người thực đang sống, nhưng tôi có thấy chị có gì xấu đâu?

Bệnh của tôi cũng có phần tăng lên trong mấy ngày qua. Đáng lẽ tôi không nên quá ham hồ, đúng như chị nói, sáng nào cũng men bức tường ra ngồi sẵn ở chiếc ghế gỗ ngoài sân. Vì thế cho nên mấy hôm liền tôi cố gắng nằm trong giường mà không đi ra ngoài. Để có thể sớm trở về cơ quan tiếp tục làm việc, tôi cũng phải tự chữa bệnh cho tôi. Tôi hỏi một cô hộ lý mượn thêm mấy chiếc gối, kê đầu thật cao để tránh những cơn chóng mặt, nhưng thỉnh thoảng vẫn phải quay mặt nhìn ra sân, ở ngoài đó, hình như bao giờ cũng thấy một thân hình đàn bà thật gọn ghẽ và nếu nhìn dưới một con mắt khác, tấm thân người đàn bà không những trẻ trung mà còn toát ra một vẻ đẹp cao quý đầy sức quyến rũ.

Người đàn bà đó chính là chị Quỳnh, ít nhất cũng riêng đôi với tôi, chị không thể lẫn với bất cứ một người đàn bà nào khác trong viện. Ngày nào chị cũng để ra mấy tiếng lui húi trồng cỏ ở các vòng hoa ngoài sân. Lác đác trên các luống đất đã được đập tơi phô ra cái sắc đất mùa xuân màu nâu nhạt, các anh chị em nhân viên trong viện Quân y đã trồng các cây cúc, cây đào, cây hồng v.v... tất cả đều đang đơm hoa, và Quỳnh đánh những vòng cỏ tận ngoài cánh đồng giáp con đường sắt đem về lát kín chung quanh chân các gốc hoa. Vẫn với một chiếc bai nhỏ, người bệnh nhân làm công việc ấy một cách lặng lẽ, chăm chút.

Trong những ngày phải nằm một chỗ nhìn ra như vậy, không biết từ bao giờ, con người tôi hình như cũng đã nhiễm phải chứng mộng du của Quỳnh. Thời giờ hàng ngày của tôi thường được đánh dấu bằng mấy chuyến tàu tốc hành ngoài con đường sắt. Chẳng biết có gì thực là khác không nhưng dưới con mắt tôi nằm trong giường ngó ra thì những chuyến tàu tốc hành thường chạy qua ngoài cánh đồng vào những giờ nhất định bao giờ cũng chạy nhanh hơn, hối hả hơn những chuyến tàu thường, và bao giờ nó cũng khuấy lên ở trong tôi những ý nghĩ đến là vẩn vơ không đầu nhưng đều không vượt ra ngoài các mối băn khoăn do

câu chuyện của Quỳnh đã để lại...

Ừ nhỉ, tôi nghĩ, người chồng Quỳnh hiện tại, vào cái ngày sắp năm cùng tháng tận này, dù công tác bận bịu đến thế nào chắc cũng thu xếp vào với chị. Đến với một người vợ như vậy, nhất thiết người ta phải đến bằng một chuyến tàu tốc hành.

Có lúc ý nghĩ của tôi lại như muốn nấn lại con đường sắt chạy đâm thẳng về phía những rừng núi xanh mờ phía tây, và ngồi trên con tàu, giữa cơ man hành khách, không phải người chồng của Quỳnh, mà chính chị. Trong một ngày cuối năm, chị hồi hả quay trở lại rừng, một vùng rừng đẹp đẽ và linh thiêng nhất đời chị, tìm đến bên một dòng suối, bên kia dòng suối là một bãi cỏ tươi tốt. Trên mười đầu ngón chân trần, chị rón rén dậm lên những ngọn cỏ. Trong cái sự vắng lặng của một vùng rừng có một thời thật là chật chội và đông đúc, một vùng rừng như vẫn còn niêm phong lại bao niềm vui, nỗi buồn và những khát vọng sâu xa nhất của con người, mỗi lá cỏ tươi tốt sẽ lặng lẽ vuốt ve bàn chân chị và mách bảo cho chị mọi điều. Chị sẽ nhẹ nhàng lật lên một vương cỏ. Chị sẽ cảm lấy trái tim vẫn còn hồng hào của mình lên ngắm nghía rồi lại để lại như cũ.

Có lúc trí tưởng tượng hoang đường của tôi lại hình dung ra một con tàu chạy lơ lửng không bám vào con đường sắt, và cả đoàn tàu chỉ có một người hành khách duy nhất: Chị đang đáp con tàu mộng du lang thang đi tìm kiếm cái chân trời của những giá trị tuyệt đối hoàn mỹ, những con người tuyệt đối hoàn mỹ, cái điều chẳng bao giờ có, cơn khát cháy lòng của một tâm hồn đàn bà quá ham hố.

Thế rồi vào một buổi trưa, khi chuyến tàu tốc hành 9 giờ 15 phút (nhưng đến trễ gần ba tiếng) chạy qua chiếc cầu sắt sơn xám rồi vừa thở hí hóp vừa từ từ dừng trước một ngôi nhà ga đứng tựa lưng vào bìa rừng thì đứng ở đấy, các bệnh nhân và những nhân viên quân y, dù là những người có gia đình vợ con ngay bên cạnh, cũng đều thấy nao nao trong lòng. Chuyến tàu

cuối năm đông nghẹt hành khách, kẻ lên người xuống tấp nập, ai cũng ăn mặc kha khá hơn ngày thường một chút và ai cũng có vẻ vội vã.

Trong đám khách vừa xuống, người ta thấy một người đàn bà đã già, đi chân đất, mặc áo nâu đối vai, dáng vắt vả và vẻ mặt có vẻ lo lắng, đang chen chúc giữa đám đông. Lúc bấy giờ cửa toa đầu chật như nêm, quang gánh, túi xách, ba lô cứ tắc nghẽn ở ngay giữa bậc lên xuống. Người đàn bà gánh trên vai một đầu một chiếc rọ lợn nhốt một đôi gà và đầu kia, một chiếc túi vải nâu nhỏ để lòi ra một đòn bánh tét. Chiếc đòn gánh bị xô đẩy quá dữ và người đàn bà già nua chợt hốt hoảng khi nhìn thấy bên dưới cái bậc lên xuống mà mình đang đứng rất cheo leo là một khoảng đất sâu hoắm rải đá cuội. Giữa lúc ấy có một anh bộ đội trẻ vừa xuống tàu vội vã chạy tới chìa tay ra cho người đàn bà níu lấy để bước xuống.

Ra khỏi ga, hai người chia tay nhau, sau khi người lính chỉ dẫn tỉ mỉ đường vào viện Quân y. Khuôn mặt người đàn bà già nua biểu lộ một niềm cảm kích. Bà đi lộn trở lại dọc con đường sắt chừng một cây số. Sau khi đi qua chiếc cầu sắt, người đàn bà rẽ xuống một con đường viền cỏ, hai ống quần vải đen đã bạc xấn cao để lộ ra cặp chân đen đúa và nứt nẻ bước lú lú trên con đường đất chạy ngoằn ngoèo giữa cánh đồng gió thổi lồng lộng.

Trưa ấy, trong gian phòng nữ trên gác, Quỳ quần chật trong chiếc chăn bông đang ngồi giữa một đồng sách vở và những tập giấy bồi in ly tô rất dày, thì nghe báo có mẹ đến. Chị xô tấm chăn ra, nhẩy hai bậc một trên cái cầu thang xây gạch lộ thiên. Chị suýt bật khóc khi nhìn thấy giữa những làn gió lạnh như roi quất vào ngôi nhà tranh nhỏ ngoài trạm gác viện Quân y bà mẹ vẫn quấy chiếc đòn gánh trên vai, đang đứng nép vào bên hàng rào dây thép gai để tránh rét. "Cơ khổ. Quỳ kêu lên trong khi ôm chầm lấy mẹ, trời rét mướt thế này, mẹ vào làm gì? Mẹ không nhận được thư con ư? Làm sao mẹ hỏi đường vào đây được?".

Hai ngày sau, sau khi ở ngoài ga trở về, thấy tôi đang ngồi trên chiếc ghế gỗ ngoài sân, Quỳnh lên gác thay quần áo rồi trở xuống, mang xuống cho tôi một chiếc bánh tét.

Chị ngồi hai bàn tay đặt lên nhau, con mắt nhìn rọi xuống một ngọn cỏ vàng ươm giữa những ngọn cỏ xanh tốt mơn mớn, cái búi tóc trên mái đầu lần này quấn thấp hơn và tôi tưởng như thấy bao bọc lấy chị vẫn nguyên vẹn cái tình thương yêu mộc mạc và giản dị của người mẹ.

Tôi hỏi thăm về tình hình của bà mẹ trên đường về bằng tàu hoả, an ủi chị hãy yên tâm chứ không nên quá lo lắng rồi sau đó, thú thực, tôi cũng lúng túng không biết làm cách nào nói lại câu chuyện đang bỏ dở, hơn nữa, tôi lại còn muốn hỏi chị một vài điều đang còn băn khoăn về những chuyện chị đã kể. Tôi bật máy lửa châm một điếu thuốc, ngồi suy nghĩ. Tôi vẫn nghĩ về đồng chí trung đoàn trưởng trẻ tuổi, con người trác việt mà chị vẫn gọi bằng "anh ấy" bằng tất cả tấm lòng yêu mến và trân trọng.

- Tôi lại tò mò... muốn hỏi chị một điều - Tôi nói.

Quỳnh không nói gì, cũng chẳng hề thay đổi cách ngồi đi một tý nào. Tôi đã sinh ngại. Nhưng với lòng can đảm có thừa của một con người quá ham hồ trong nghề nghiệp của mình, tôi quyết định bộc lộ ra mối băn khoăn lâu nay. Tôi hơi nghi ngờ về tình yêu trong lòng chị đã có đối với anh ấy. Thói thường khi con người ta đã thực yêu nhau thì cái xấu cũng trở thành tốt. Có thực chị đã yêu anh ấy? Tôi vẫn chưa trả lời cho tôi được, khi mà anh ấy và chị được thuyền chuyển về sống bên cạnh nhau, chị lại tìm cách xa lánh, ruồng rẫy anh ấy, chỉ vì một cái tật ra mồ hôi tay và một vài tính nết nhỏ nhặt.

Quỳnh vẫn ngồi nguyên như thế, lắng nghe tôi nói. Thế rồi bỗng nhiên sau đó một lát tôi bỗng phát hoảng lên. Nhìn sang đã thấy chị như một con chim bị bắn gãy cánh, gục đầu trên cánh

tay đặt dọc trên thành ghế, giấu khuôn mặt dầm dìa nước mắt trong cái cánh tay áo trắng của bệnh nhân.

Tôi lúng túng trong miệng mấy tiếng gì đó tỏ ý hết sức ăn năn, hồi lỗi rồi ngượng ngập đứng dậy, như một đứa trẻ tấy máy nghịch súng vô tình bắn chết người rồi tìm cách bỏ chạy, vừa chạy vừa khóc.

Nhưng Quỳnh đã nắm tay giữ tôi ngồi lại. Quỳnh không để ý mấy tiếng "xin lỗi" - cái trò lịch sự ngớ ngẩn của tôi, bất ngờ chị hỏi tôi:

- Đồng chí vẫn nghĩ... người mẹ vừa tận ngoài Hà Nam Ninh vào thăm tôi, là mẹ tôi thực sao?

Tôi càng ngạc nhiên. Tôi chợt hiểu. Mấy ngày qua khi người đàn bà đang còn ở đây, tôi đã hơi ngờ ngợ vì thấy hai người chẳng có một nét nào giống nhau cả. Thế rồi tôi bỗng phỏng đoán ra tất cả mọi việc.

- Chắc là bà mẹ anh ấy phải không chị? - Tuy hỏi vậy nhưng trong ý nghĩ tôi đã thấy như một điều chắc chắn.

- Cũng không phải đâu! - Quỳnh lắc đầu, lại hỏi:

- Có phải các anh lâu nay vẫn kiêng dè phải nói với mọi người những điều buồn có phải không?

Tôi chưa kịp đáp thì chị lại hỏi thêm:

- Cả sự hy sinh nữa.

Tôi không cãi chính:

- Tôi biết là tôi đang làm đồng chí phải mệt vì chuyện đời mình - Quỳnh nói chậm rãi, và một nỗi buồn sâu xa lan dần trên khuôn mặt đầy sinh động, lát lâu sau chị lại mới nói tiếp - chính vào giữa cái thời kỳ chúng tôi được sống gần nhau, và về phía tôi, cứ vài ba ngày lại phải đi công tác, không được nhìn thấy anh ấy, xin thú thật, tôi thấy nhớ anh ấy quá, nhớ đến nỗi có khi muốn vứt quách công việc đầy băng rừng chạy về, được nhìn anh ấy chốc lát rồi lại đi. Cũng thú thật, hồi bấy giờ mà thấy ai theo

đuổi hoặc có nhiều cảm tình với mình, tôi chỉ thấy ghét.

- Lại càng thấy mệt - Tôi nói xen vào.

- Vâng, mệt! Cho nên tôi cố tránh cái mệt ấy.

Bằng cách chỉ gần gũi quan hệ với những anh em chiến sĩ chẳng có gì đáng gọi là giỏi giang, nổi bật, những anh em thường lẫn vào cả một đám đông mà người ta chỉ biết tới khi hình dung ra một cái phiên hiệu đại đội, trung đội, hoặc thậm chí những anh chàng xấu trai, những cậu đánh nhau dạt bị chung quanh coi thường, nói tóm lại, những con người chẳng bao giờ được các cô gái để mắt tới và được các đồng chí coi là một nhân vật.

Hồi đó mỗi lần đi công tác hoặc đơn vị chuyển địa điểm, tôi đều tìm cách cùng đi với đồng chí Hậu. Anh cùng tuổi với tôi hoặc hơn một hai tuổi thôi chứ không nhiều. Anh chẳng phải là người xấu, mặt mũi cũng tạm trông được, chỉ phải mỗi một nhược điểm, ít nói. Hồi ở đơn vị mới được gọi lên, anh cũng là một phóng viên của tờ tin như tôi nhưng về sau trong "toà báo" phát hiện ra anh viết lách không được, giao thiệp cũng không được vì vụng nói, trong khi cùng đơn vị đi lãnh gạo, anh có thể công trên ba mươi cân, vào rừng lấy củi, anh biết chặt, biết bó, biết gánh. Trong toà báo, chúng tôi có một viên đá in ly tô, mỗi lần chuyển quân ai cũng ngại mang. Có lẽ anh nghĩ rằng mình không viết bài được thì công đá cho có công việc làm và cũng là công bằng. Thế rồi dần dà từ công việc thường xuyên công viên đá ly tô trong các lần hành quân, anh trở thành một nhân viên chuyên in ấn. Bộ quân phục mặc trên người cũng như bộ xếp trong ba lô, cái nào cũng dính bết đầy dầu mỡ.

Hình như anh là một người không có cá tính riêng, không có nhu cầu và sở thích riêng. Lắm lúc tôi cứ nghĩ giá anh không có những hạt trứng cá trên mặt và một thân hình hơi nhô về phía trước để có thể giữ viên đá bọc trong một cái túi vải gai nằm ngang trên lưng thì anh em chung quanh chẳng còn biết nhớ ra

anh bằng cái đặc điểm gì.

Hậu giống như một cái máy chỉ thu mà không phát. Đi công tác với Hậu tôi có cái thú là chẳng phải nghe những lời tán tỉnh và nhất là thường được Hậu giúp đỡ. "Anh Hậu này, quai dép của tôi tụt rồi". "Anh Hậu này, tôi đói bụng rồi!". "Anh Hậu này, đến chỗ ngã ba "toạ độ" là tôi không thể chạy được đâu nhé!". Thật ra trong số những người con trai sống chung quanh có nhiều người cũng chỉ chờ tôi thốt lên những lời như thế. Nhưng tôi chỉ thốt lên với Hậu. Tôi chỉ thích sống ý lại vào Hậu, bởi với con người này, mình có thể yên tâm nhận sự giúp đỡ mà không phải nghĩ đến sự trả lại, không phải lo lắng sau đó sẽ bị quấy rầy. Một người chẳng đẹp trai, chẳng có gì xuất chúng, ngoài cái tài đeo đá chẳng có chút tài năng gì, quần áo thì dây bẩn đầy mực đen cứ loang lổ, mỗi ngày nói vài tiếng, thử hỏi làm sao có thể mơ tưởng đến một người con gái như tôi? Cho nên tự nhiên tôi thân với Hậu, thân đến mức không còn phải giấu giếm một điều gì.

Lần ấy tôi và Hậu được các đồng chí phụ trách chính sách mặt trận giao nhiệm vụ đi đến kho N. kiểm kê lại một lượt tất cả kho tàng. Đường đi mất gần hai ngày mới thấu. Trên dọc đường, mới sang ngày thứ hai, tôi đã thấy nhớ anh ấy ở nhà. Tôi đã đem tâm sự với Hậu. Hậu ngồi nghe chăm chú. Tôi nhìn anh chỉ thấy hai tai đang lắng nghe, trong một dáng ngồi nghiêng nghiêng, một bàn tay vịn vào viên đá, một bàn tay lơ đãng đưa lên mặt nặn trứng cá, những mụn trứng cá cứ đỏ rưng lên khiến cho khuôn mặt anh hình như trở nên to ra và có một vẻ dờ dẩn đến khó coi.

Rồi tiếp đó, trong khi ngồi nghỉ, tôi đem ra kể hồi mới vào chiến trường đang còn làm cấp dưỡng, có một cậu là trung đội phó trình sát đặc công hần hoi mà tính nết cũng y như Hậu, ít nói lắm, trước khi đi đánh nhau lần nào cũng tình nguyện xuống làm bếp một buổi, đi đánh nhau về lần nào cũng đem cho tôi một

cái gì nhỏ nhỏ tước được của địch. Về sau các anh chị em trong tổ cấp dưỡng chế cho, cậu ta không xung phong xuống làm bếp nữa, cũng không dám cho quà chiến lợi phẩm nữa, đi ra suối tắm trông thấy tôi kín nước cũng lánh mặt. "Thế rồi sau ra sao?". Hậu bồng hỏi tôi "Chỉ có thế, sau không biết ra sao!" tôi đáp. "Quý có biết là cậu ấy yêu Quý không?". "Có". "Quý có nghĩ gì không?". "Không, lúc ấy tôi còn nhỏ dại lắm!". "Giá như bây giờ?". "Bây giờ ư, thì tôi ghét thậm tệ!". Ngay sau đó tôi liền kêu lên với Hậu: "Giá như bao giờ anh cũng mở mồm mở miệng ra nói chuyện như hôm nay có vui hơn không? Đi đường cho nó đỡ mệt!". Rồi tôi nghịch ngợm đặt mặt bàn tay lên ngực Hậu: "Này anh Hậu, đã có bao giờ anh yêu chưa? Chắc chắn chưa hử?".

Xẩm chiều chúng tôi đến một dãy lều đá. Kho N. là kho riêng của phòng chính sách. Trước kia ở đây là khu kho tiền phương, đã từng chứa chật trong các ngách hang hốc đủ mặt hàng quân nhu, quân trang, những kho đạn và vũ khí lớn nhỏ. Từ ngày mặt trận chuyển sâu vào phía trong thì kho tiền phương cũng được chuyển đi theo, ở đây biến thành kho hậu phương. Hai chúng tôi soi đèn pin đi sâu vào một cái hang chật đầy ba lô cũ, mỗi ba lô chứa lỏng lẻo một vài bộ quần phục cũ, vài thứ đồ dùng lặt vặt, phía sau lưng mỗi ba lô đã có gài sẵn một tấm bìa các tông viết mấy hàng chữ. Đó là kho ba lô của các đồng chí tử sĩ của tất cả các đơn vị trong mặt trận gửi về phòng chính sách, để chuẩn bị chuyển ra các tỉnh ngoài hậu phương.

Đồng chí đã có bao giờ trải qua một sự việc mà sau đó tình cảm, ý nghĩ, cách nhìn con người và cả cách sống của mình đổi khác đi không? Không ư? Tôi thì có. Đây, trong cái chuyến đi ấy.

Quả đúng vậy, tôi đã tìm thấy trong những chiếc ba lô sờn cũ ấy cách nhìn cuộc đời và cả quan niệm sống của tôi về sau này, rồi có lẽ cho cả suốt cuộc đời tôi.

Ban đầu cũng chỉ là vô tình, trong lúc cùng Hậu làm công việc kiểm kê đồ đạc, tôi cầm lấy một cuốn nhật ký giấu tận dưới

đáy một chiếc ba lô, giở ra đọc. Tôi đọc thấy tên tôi trong đó. Ban đầu thì tôi vẫn tưởng cái cô Quỳ nào đó, người yêu của người chiến sĩ đã hy sinh - là người ngoài hậu phương, nơi quê hương của anh. Ừ, thì cũng có gì là lạ, trên đời thiếu gì người con gái tên là Quỳ. Tôi vẫn tiếp tục đọc. Chữ viết không đẹp nhưng dễ đọc. Giữa lúc đó, Hậu gọi tôi lại, Hậu trao cho tôi một cuốn nhật ký khác, cuốn này chỉ bé bằng bàn tay, mất bìa, đã nhàu nát, chữ viết nguệch ngoạc rất khó đọc.

Đọc một lượt cả hai cuốn xong, tôi mới biết cả hai đồng chí tử sĩ này, khi sống đã từng gặp tôi, yêu tôi. Tôi vội vã lục tung cả hai chiếc ba lô. Tôi nóng lòng muốn tìm tấm ảnh của hai đồng chí ấy nhưng đều chẳng thấy. Đồng chí thứ nhất - tên là Khôi - viết rằng đồng chí ấy có một lần được ngồi ăn một bữa cơm với tôi ở bên một khúc suối. Đồng chí ấy sưng đến muốn phát khóc lên khi thấy tôi cầm đũa gắp trong hộp thịt ra một miếng thịt ngon nhất bỏ vào bát đồng chí ấy, nhưng lại chung hững, lấy làm buồn phiền bởi đến khi chia tay nhau, đồng chí ấy giơ bàn tay ra thì tôi lại nắm lấy chiếu lẹ, tôi đã nắm bàn tay người tử sĩ ấy một cách hờ hững và lòng lèo.

Đồng chí Hậu và tôi làm cật lực suốt hai ngày mới xong tất cả mọi việc, sau đó mặc Hậu thúc giục, tôi nhất định không chịu ra về. Tôi cũng đã quên anh ấy ở nhà. Hình ảnh anh ấy sao cứ nhật nhoà đi. Tôi giở ra đọc cho kỳ hết tất cả các cuốn nhật ký tìm thấy trong những chiếc ba lô. Gần nửa số các đồng chí tử sĩ đã để lại nhật ký. Lâu lâu tôi lại tìm thấy trên những trang giấy tên tôi. Có cả một bài thơ khá hay viết để ca ngợi tôi khi tôi làm một chiến sĩ giao liên. Nhà thi sĩ đã mất gọi tôi bằng "em".

Đêm đêm, trong cái hang đá lạnh ngắt và tối om, chờ khi Hậu đã ngủ say, tôi len lén trở dậy. Tôi thì thầm gọi tên từng người, từng trái tim đã từng yêu tôi nay đã ngừng đập. Khôi, Hà, Lâm, Hùng, Nhả, Văn... Không một lời đáp. Lòng hang vẫn im ắng và tối mò. Lần đầu tiên trong đời tôi cảm nhận được như

thế nào là sự im lặng. Tôi ngồi thâu đêm trong không khí im lặng thăm thẳm của lòng hang đá. Tôi chợt nghĩ đến những chữ vô cùng trừu tượng và thiêng liêng như Đất nước, Tổ quốc, rồi tôi úp mặt vào cả một dãy những chiếc lưng ba lô, nơi đọng nhiều mồ hôi của những người chiến sĩ ở chiến trường nhất.

Tôi úp khuôn mặt đầm đìa nước mắt của tôi vào giữa mặt vải thô nhám của những bộ quân phục sờn cũ, để tìm lại hơi hướng của những con người chưa hề quen biết, mà tôi đang mắc một món nợ lớn không bao giờ trả được.

Tôi hình dung thấy khuôn mặt từng người liệt sĩ vô danh cũng giống hệt khuôn mặt những người chiến sĩ mà tôi đã vô tình gặp và đùa bỡn, chào hỏi nhau bằng quơ trên dọc đường hàng ngày. Tôi lại còn hình dung thấy làng quê của từng anh với những người thân sống chung dưới một mái nhà, những bờ đề, một khúc sông ngẫu phù sa chảy qua làng, một lối ngõ, tiếng tre kéo kệt và màu hoa xoan tím rắc ly ty trên vạt đất ẩm, và chiếc gàu sắt tây chạm vào thành giếng thơi kêu lanh canh.

Trên đường về, nhìn lên vách đá hay lá cây, tôi đều thấy một khuôn mặt người lính vừa đi khuất phía sau.

Hậu chỉ lo tôi đổ ốm dọc đường.

Chúng tôi về đến ngã ba "toạ độ" vào một buổi chiều. Trời vừa mưa dầm, vừa có mù, một thứ mù dùng đục như sữa đánh đổ xuống đất vừa mức lên, màu vàng vàng bọc kín lấy cả một vùng đất bát ngát lơ lơ đây thân cây đổ và hồ bom. Tôi vẫn được tiếng là một đứa con gái gan chả kém gì con trai nhưng đi qua đây vẫn không khỏi sờ sợ, hơi lạnh xương sống. Nhưng đây là lượt đi, còn lần này trở về, tôi như một kẻ vô tri vô giác. Tôi thần thờ bước đi y như kẻ đã bị ai lấy mất hồn. Hậu giục tôi đi nhanh hơn và chỉ lâu lâu mới dám khê giục tôi một câu. Ra đến giữa bãi toạ độ thì dép của tôi bị tuột quai. Sau khi ngồi lại khâu dép cho tôi, Hậu bảo tôi: "Quý ốm rồi, hay là để tôi công Quý chạy

nhanh qua chỗ này?" Tôi lắc đầu. Một đám đông bộ đội đi lấy gạo từ dưới vùng giáp ranh lên đang chạy vượt lên qua trước mặt chúng tôi, mỗi người công một chiếc gùi đựng đầy gạo rất nặng. Các anh ấy vừa chạy vừa ngoái cổ lại, kêu to: "Muốn tâm sự thì để lúc khác, chạy nhanh lên kẻo nó "cắt hộ khẩu" cho bây giờ!".

Tôi thật ngu dại quá! Chính cái tính đa cảm ngu xuẩn đã khiến tôi mất sáng suốt. Chính tôi đã giết Hậu. Chúng tôi đã vượt ra khỏi bãi toạ độ chùng được nửa cây số chứ không ít. Nhưng nếu đồng chí ở chiến trường lâu hẳn biết rằng trong một loạt bom toạ độ bao giờ cũng có hai quả cắt sau cùng rơi tàn nát rất xa và cũng chẳng biết đâu mà lường trước được.

Mà lúc ấy nào tôi có còn biết gì đâu. Tôi đang đi lưng thưng sau lưng Hậu tay xách đôi dép dính đầy đất nhão, ba lô thì đã đưa cho Hậu khoác giùm, bỗng thấy Hậu bất ngờ quay hẳn người lại giờ tay xô tôi ngã xuống rồi nằm hẳn người lên trên che cho tôi. Tôi chỉ nghe được trong thảng thốt một cái rùng mình của mặt đất rồi cành cây lớn, cành cây bé cũng như những tảng đất to bằng cái cối đá rơi thình thịch xuống chung quanh.

Nếu không có Hậu thì hôm nay tôi chẳng còn ngồi đây nói chuyện với đồng chí nữa. Anh ấy bị một mảnh bom chém trúng đầu. Lúc tỉnh lại, tôi công Hậu đem đặt giữa một bãi đất bằng phẳng. Trong phút hấp hối, Hậu mở mắt nhìn tôi, sao mà cái nhìn cứ đau đau đến là khó hiểu?

Phải mất hàng tuần lễ sau khi đã chôn cất Hậu và tôi đã khóc khô kiệt đến giọt nước mắt cuối cùng trong người tôi, nhân một buổi lặn cái ba lô của anh ấy mà tôi vẫn cất giữ như một thứ của riêng cùng mấy thứ đồ đạc gói chung với cái tảng đá trong tấm vải gai lấm đầy mực, tôi đã tìm ra cuốn nhật ký của anh ấy.

Làm sao tôi biết được, không thể nào ngờ, chính cả Hậu cũng yêu tôi. Hậu yêu tôi suốt trong thời gian chúng tôi sống chung với nhau mà tôi không hề biết. Tôi sững sờ cả người. Sao

lại có người con trai kín đáo và vị tha đến như thế? Tôi đã nhầm lẫn. Đời tôi là một chuỗi những điều nhầm lẫn và đại đột khiến xúc phạm đến chung quanh. Lắm lúc tôi nhận thấy chung quanh vẫn quý mến, vẫn cho tôi là một người tốt, chỉ vì lòng độ lượng của người đời quá lớn, chỉ vì những người sống chung quanh quá rộng lượng đối với tôi. Như Hậu, Hậu vẫn yêu tôi, quý chiều tôi, coi trọng tính mạng của tôi hơn tính mạng của mình, mà vẫn biết chắc chắn tôi không dành một chút tình yêu nào đáp lại Hậu, lại còn chế nhạo Hậu.

Vậy mà suốt một năm ở với Hậu, tôi đâu có biết Hậu đã yêu tôi bằng tình yêu của tất cả những người yêu tôi cộng lại. Tôi đọc thấy trong cuốn nhật ký bọc vải (một vật trước của mảnh áo quân phục, tôi biết vì thấy một hàng khuyết trên tấm vải ka ki Nam Định cũ bọc tấm bì các tông của cuốn nhật ký) có thời kỳ Hậu yêu tôi, rồi vì ghen anh "đá" tôi, rồi không chịu được sự ghét bỏ trong lúc vẫn yêu tôi nồng nàn, tha thiết, anh lại nổi lại, lại yêu tôi gấp nhiều lần hơn trước.

Gần hai năm sau khi Hậu hy sinh, lúc ấy ở ngoài miền Bắc đang ở giai đoạn chiến tranh phá hoại ác liệt tôi dẫn đại đội nữ lái xe ra tận công trường 800 gần Hà Nội lấy hàng. Vào một đêm trong chuyến đi xa nhất ấy, tôi đã phải ghim lòng không ghé về nhà, bởi tôi muốn dành tất cả thời gian cơ động để ghé vào gia đình Hậu.

Bây giờ thì đồng chí đã có thể đoán bà mẹ vừa từ ngoài Hà Nam Ninh vào thăm tôi là ai. Hồi tôi tìm đến lần đầu tiên, tuy gia đình chưa được chính quyền địa phương chính thức báo tử cho Hậu, nhưng bà mẹ đã biết tin con đã hy sinh trong chiến trường rồi. Tôi đã nói với mẹ rằng tôi là người yêu của Hậu. Đồng chí đừng ngạc nhiên. Tôi cũng đã nghĩ hết mọi nhẽ. Thậm chí tôi lại còn tự hỏi mình rằng, nếu có một phép màu nhiệm nào đó khiến tôi có thể làm cho Hậu sống lại thì tôi có yêu Hậu không?

Phải, nếu Hậu sống lại, tôi vẫn chỉ có thể coi Hậu như một

ân nhân, và một người đồng chí, một người bạn tốt nhất ở trên đời, tôi lại càng quý Hậu hơn trước và lại nói với anh, thổ lộ với anh hết mọi điều tâm sự.

Tuy vậy, khi nói với mẹ Hậu rằng tôi là người yêu của Hậu, tôi đã làm theo một cái gì như lời kêu gọi của trái tim tôi, một nhu cầu riêng tôi. Tôi đã nói dối bằng tất cả tấm lòng chân thành của tôi đối với vong linh Hậu. Nếu ở một nơi nào ngoài cõi đời này. Hậu có biết tôi nói dối thì với tấm lòng độ lượng, hẳn Hậu cũng rất thông cảm với tôi.

Từ bây giờ, tôi coi mẹ Hậu như một người mẹ thứ hai của tôi. Khi đã lấy chồng cũng như khi chưa lấy chồng, mỗi năm vài ba lần hoặc khi rỗi rảnh công việc tôi lại đạp tàu hoả trở về ngôi nhà gỗ cũ kỹ ấy, giải chiếu xuống cái nền đất mát rượi gối đầu lên cánh tay nhìn qua ngách cửa, lại thấy những mảnh nắng đuổi nhau trên một cái giải sáng lấp lánh như dát bạc rồi tiếp tục đuổi nhau trên những bãi cỏ, bãi mía xanh rờn bên kia con sông Châu, lại được trông thấy cái dáng người mẹ quê mùa đang cúi húi làm lụng giữa ngôi vườn cây trái um tùm và khi chợt ngẩng lên, lần nào cũng vậy, sau câu chào hỏi vồn vã của tôi, bao giờ mẹ tôi cũng kêu lên một tiếng: "Cha mày, tàu bè khó khăn, chen chúc thế này, về làm gì luôn cho khổ hả con?".

3

Người nữ quân y sĩ kể tiếp:

- Như tôi đã nói với đồng chí, chuyển công tác trở về khu kho hậu phương, khi trở lại đơn vị, tôi đã trở thành một con người khác.

Đối với anh ấy tự nhiên tôi đâm ra hay giận dỗi. Tôi thích xa lánh, ruồng rẫy, ruồng bỏ anh ấy, con người duy nhất được tôi yêu

và tôn thờ. Lúc nào sống gần anh ấy trong không khí ẩm cúng, hạnh phúc hoặc được anh ấy cưng chiều, vuốt ve, tôi đều lặng thinh, tôi ngồi im không đáp lại. Tự nhiên tôi toàn nhìn thấy nhược điểm và khuyết điểm của anh ấy, và tôi thấy mình thật vô tình và ích kỷ, vô tình và ích kỷ cả với những người đã chết.

Tôi cũng biết như thế là vô lý nhưng tôi không thể làm khác được.

Chỉ đến khi anh ấy lại được điều trở về nắm trung đoàn K. sau cuộc thất trận dưới đồng bằng, tôi lại mới thấy hết sức thương anh ấy, đến lúc bấy giờ tình yêu lại mới trở lại với tôi, và một lần thứ hai, tôi lại mới nhận thức ra tình yêu là gì.

- Tình yêu là gì? - Quý chợt ngừng câu chuyện hỏi tôi - Có bao giờ đồng chí nghĩ đến cái định nghĩa muôn đời làm cơ khổ mọi người ấy không?

- Không - tôi đáp - tôi không thích những định nghĩa.

- Vì sao?

- Tôi thích cứ để cho mọi vật muôn vẻ hiện ra như nó đang có tự nhiên ngoài cuộc đời, tôi không thích đem chúng giới hạn trong những định nghĩa.

- Cũng là một quan niệm độc đáo. Vậy đồng chí hãy nghe tôi kể tiếp đây. Vừa ban nãy, đồng chí có ý muốn hỏi về tình yêu của tôi đối với anh ấy...

- Bây giờ thì tôi đã rõ! - tôi vội đáp - tôi lại còn rõ thêm vì sao đến phút cuối cùng, chị vẫn giữ vững quyết tâm cứu sống anh ấy. Quyết tâm ấy là do tác động tâm lý đối với chị sau chuyến đi công tác trở về khu kho hậu phương...

- Như vậy là đồng chí ít nhiều hiểu tôi - Quý nói rất sẽ sàng - Chẳng hiểu sao trong người tôi lúc ấy có một niềm tin đinh ninh rằng tình yêu của tôi có thể cứu sống được hết tất cả mọi người, cứu sống được cả anh ấy. Lại một điều ngu xuẩn!

- Trong thực tế, anh ấy đã sống thêm được mười một tiếng

đồng hồ.- tôi an ủi Quỳ.

Chị lách đầu:

- Nhưng cuối cùng tôi cũng chẳng làm gì được hơn nữa.

Tôi cố lái câu chuyện sang một hướng khác:

- Chị chuyển sang phụ trách đại đội lái xe từ bao giờ?

- Khi tôi đã chán nghề làm "tờ tin". Sau khi anh ấy mất, tôi đâm ra chán công việc viết lách. Công việc viết lách, cũng như tình yêu mà tôi tưởng hết sức nhiệm màu, chẳng cứu sống được một ai cả. Vì thế mà sau đó tôi đã quyết định lao vào hành động, lao vào mọi công việc khó khăn nhất của nam giới. Tôi đã quyết định xin đi học lái xe. Cũng nhân đây tôi phải nói để đồng chí thấy rõ hơn là sau khi anh ấy mất, bác sĩ Thương hình như có một đôi lần muốn ngỏ lời với tôi. Tôi đã viết cho bác sĩ một bức thư rất dài trong đó tôi nói một cách xa xôi để đồng chí bác sĩ trẻ tuổi mà tôi hết sức quý mến ấy biết rằng từ nay trở đi - ít nhất là trong những năm đang còn chiến tranh - tôi không còn có thể yêu một người nào khác nữa. Nơi cái bãi cỏ xanh, tình yêu của tôi đã để lại ở đây cùng với anh ấy.

Thời gian đó, tôi vừa tốt nghiệp một khoá đào tạo lái xe cấp tốc chỉ có bốn tháng. Tuy vậy tôi đã có thể ngồi sau tay lái một cách khá vững vàng trên những chặng đường địch đánh phá. Khoá học vừa kết thúc, đồng chí chính uỷ hậu cần mặt trận đã đích thân xuống tận nơi tìm tôi và gợi ý giao nhiệm vụ cho tôi về phụ trách N.68. Tôi xin một ngày để suy nghĩ. N.68 là một đại đội lái xe nữ (nhưng kỳ thực chỉ có hai trung đội với vài chục đầu xe vừa chạy được vừa hỏng nằm một chỗ). Các chị em đã từng lái xe ở chiến trường lâu năm. Bệnh nghề nghiệp đã làm cho một số tính nết trở nên méo mó. Đừng bao giờ quên rằng đàn bà bao giờ cũng là những cái cực. Rất thủy mị, kín đáo, chừng mực, nhưng hãy cẩn thận, chỉ trong phút chốc đã như kẻ bị ộp đồng. Chơi ngông thế, có chị em nửa đêm một mình một xe bật đèn lên

chạy. Có cô suốt đời sống giữa rừng bom đạn, chỉ diện quần áo trắng. Đã có hai đồng chí nam một trẻ một già về làm đại đội trưởng, đã phải lần lượt cuốn gói bỏ chạy. Đồng chí chính uỷ hậu cần xuống thăm thấy mọi người đang ăn cơm, liền niềm nở hỏi thăm: "Các đồng chí ăn cơm với gì?" lập tức được trả lời: "Ở đây các chị em bữa nào cũng được ăn cơm với thịt", một cô tiếp luôn: "Thịt gì cũng được ăn cả rồi, trừ thịt thú trưởng là chưa".

Tôi đã lập lại trật tự ở cái đơn vị gồm toàn những người lính cùng giới một cách quá vất vả. Nhưng rồi nghĩ cho đến cùng tôi thấy các chị em đều là những người tốt cả, tất cả đều là những người con gái có chung hoàn cảnh như tôi. Qua họ mà tôi cũng hiểu thêm được về tôi.

Vào một buổi tối mưa dầm ướt át, bác sĩ Thương đến tìm tôi. Đầu đội một chiếc mũ tai bèo ướt sũng kéo xuống sát cặp lông mày thanh tú, những ngón tay dài và gầy guộc vuốt những giọt nước nhỏ li ti đọng hai bên hõm má lờm chớm những sợi râu, anh ngồi xuống chiếc ghế làm bằng những đống tre lồ ô ghé vào nhau với cái dáng ủ rũ và đẹp như một chàng sinh viên đang vào giữa lúc đói khát và thất tình. Rồi sau đó anh ngược lên nhìn tôi bằng hai con mắt mệt mỏi. Trời ơi, hình ảnh ấy của anh - của một người thầy thuốc sau một ca mổ quá ít hy vọng - khiến tôi chợt nhớ đến cái lần tôi trông thấy anh ngồi trước tấm vải dù pháo sáng của căn hầm hậu phẫu, sau khi mổ cho anh ấy, một ca mổ chưa lần nào khiến bác sĩ mất nhiều tâm sức như thế.

Tự nhiên tôi hồi hận về bức thư đã gửi. Tôi đã ngộ nhận về chính mình. Rằng trong tất cả mọi người đàn ông trong khu rừng chiến tranh này, không còn ai khiến cho lòng tôi phải xúc động được nữa.

Cho đến bây giờ thì bác sĩ Thương đã lấy vợ và có hai con, hiện đang làm viện trưởng của một viện Quân y trên vùng biên giới phía Bắc. Con người đàn ông đáng yêu mà về sau này đồng chí sẽ rõ, tôi đã thất hứa, (tôi đã thất hứa với cả lòng tôi), không

hề mảy may ghét giận tôi, vẫn coi tôi như một người bạn gái. Mỗi năm một lần vào dịp nghỉ phép, thế nào anh cũng để ra mấy ngày cuối cùng vào thăm tôi, hỏi han sự học hành trong nghề chuyên môn của tôi.

Lần lúc tôi giống như một bà lão ngồi ôn lại quãng đời đầu xanh tuổi trẻ, lại thấy hiện ra cái buổi tối hôm ấy, bên ngọn lửa đèn đỏ quạch nổ lép bép lẩn trong một vùng khói, bên trong một chiếc lon sữa bò đựng dầu cặn khiến cho căn lán cứ sực nức lên một thứ mùi hăng hắc, người bác sĩ ngẩng lên nhìn tôi rồi lại cúi xuống bên này chiếc bàn, tôi trộm ngắm từng cử chỉ và nét mặt của anh, giá như lúc bấy giờ anh quên bức thư của tôi đi, hoặc coi nhẹ những lời tôi đã viết trong thư hơn một chút, anh cứ nói thẳng ra rằng đã từ rất lâu, anh yêu tôi.

Không một lời gạn hỏi, buộc ép hay cầu xin, chỉ với một thái độ kiên nhẫn và đầy lịch sự, anh chờ đợi đến ngày sau chiến tranh.

Vâng, tôi nhớ ra rồi, liền sau đó thấy anh vẫn im lặng, tôi đã vô tình thốt lên một câu gì đó, hình như tỏ ý phàn nàn về việc anh đã làm quá sức khiến cho anh hiểu nhầm là tôi thương hại anh. Tôi thấy anh liền sửa lại tư thế ngồi, cử chỉ trở nên nhanh nhẹn, hoạt bát. Và cho đến lúc bấy giờ tôi mới biết anh đến tìm tôi để bàn với tôi một công việc hệ trọng có liên quan đến số phận của hàng trăm thương binh đang gửi tính mạng vào trong tay anh.

N.68 chúng tôi chưa làm công việc chuyển thương binh ra hậu phương bao giờ. Đó là một thứ công việc đã được đặc trách giao cho một đại đội gồm những đồng chí lái xe nam giới đầy dũng cảm và tinh thần trách nhiệm.

- Thuốc men đã cạn sạch, kể cả các thứ thuốc kháng sinh - bác sĩ Thương nói, không phải tiếng nói mà là một lời rên xiết. Đến lúc bấy giờ tôi mới hiểu cái dáng ủ rũ của anh vừa mới mấy phút trước đây.

Tôi hỏi:

- Z.1 hiện giờ nằm đâu?

- Vẫn bị kẹt ngoài phía bắc ngã ba S. không sao vào được! -
Bác sĩ Thương kêu lên.

Do đã làm y tá ở trạm phẫu thuật cho nên chỉ mới nghe vậy là tôi đã hiểu. Hơn một tháng nay, con đường ra hậu phương gần như tắc hẳn. Dịch tập trung đánh ngã ba S. và gần một chục trọng điểm khác rất ác, đại đội Z1. đặc trách việc chuyển thương binh ra ngoài hậu phương sau chuyển đi chuyển thương vừa qua không quay trở về được, cho nên không những thương binh ở đây ứ đọng lại không đưa ra tuyến ngoài được mà thuốc men cũng không có cách nào chuyển vào. Kháng sinh hết. Thậm chí bông băng cũng hết. Đã từng ở với nhau lâu, tôi còn lạ gì tính nết của bác sĩ Thương. Anh ấy có thể chết để cho thương binh của anh sống. Với tài ba chuyên môn nhưng không một viên thuốc trong tay, thử hỏi nỗi khổ tâm của anh đến đâu?

Tôi tiễn bác sĩ ra khỏi khu vực trú quân rồi trở vào nhà ngói bóp trán suy nghĩ.

Tôi có thể động viên các chị em xung phong chạy một chuyến thay Z.1 chuyển số thương binh đang nằm ứ đọng lại ở đây. Việc ấy không khó, nhất định các chị em sẽ xung phong. Nhưng làm như thế, liệu tôi có làm một công việc phiêu lưu và nhất là cấp trên có để cho chúng tôi làm hay không? Làm sao một đám đàn bà con gái có thể đưa anh em thương binh - hàng trăm sinh mạng thương binh chứ không ít - qua lọt cái cửa tử S. Trong khi chính Z.1 và bao đơn vị khác toàn là các chiến sĩ lái xe nam giới sừng sỏ đang phải ôm nhau nằm lại bên ngoài cái trọng điểm hoặc rải rác trên dọc đường?

Đồng chí cũng không tin là chúng tôi có thể làm được việc ấy phải không? - Quỳ hỏi tôi.

Thế mà chúng tôi đã làm được, cái đám đàn bà con gái

chúng tôi đã làm được, cũng như trong chiến tranh, con người ta đã làm được bao nhiêu việc khác vượt ra ngoài sức mình, đến lúc ngồi nghỉ lại cũng không hiểu sao lúc ấy mình lại thông minh và có dư sức đến như thế.

Trong chuyến ấy, N.68 chúng tôi cũng có những tổn thất. Nhưng thôi, hãy cứ biết rằng sau một chuyến đi như vậy. N.68 của tôi đã như một kẻ vừa lột xác.

Và xin nhớ cho một điều rằng, ngay trong cái đêm bác sĩ Thương đến tìm tôi, sau khi nghe tôi thông báo tình hình đang cần chuyển thương binh ra tuyến ngoài gấp - nếu không sẽ có người chết, thì chính các chị em xưa nay vẫn được liệt vào hàng yếu kém đã là những người đầu tiên đứng lên đòi tôi phải cứu lấy thương binh, và ngày hôm sau, cả đại đội nữ đã rủ nhau sang trạm phẫu thuật. Rồi họ kéo nhau lên trực tiếp gặp chính uỷ hậu cần. Tôi cũng bị cái làn sóng ấy kéo đi và trong một lúc, tôi hiểu được như thế nào là những người đàn bà. Tôi hiểu được chính tôi bấy lâu nay. Tôi đã trông thấy, trong một phút, tất cả cái phần sâu thẳm như một thứ thiên phú riêng của tâm hồn những người đàn bà chúng tôi: Đó là bản năng chăm lo, bảo vệ lấy sự sống của con người - do chính chúng tôi mang nặng đẻ đau sinh ra. Đó là tình thương người bẩm sinh của nữ tính - sợi dây thần kinh đặc biệt nhạy cảm của nữ giới chúng tôi.

*
* *

Cũng bằng con mắt và tâm hồn nữ giới như vậy, chúng tôi xót ruột nhìn những cánh đồng hoang hoá trải ra bát ngát chung quanh các đồn bốt, vị trí địch vừa rút chạy.

Sau hàng chục năm không cày cấy, mặt đất dưới chân rấn như gang, và nứt nẻ - những vết nứt rộng như những con đường

giao thông hào, và hố bom, dây thép gai, và mìn, bàn chân đặt lên mặt đất vừa được giải phóng mà vẫn như đặt vào đất địch, vẫn rón rén đầy thận trọng và thỉnh thoảng ở đâu đó lại khiến cho mình phải giật bắn người lên vì một tiếng nổ, chỉ lát sau đã thấy một chiếc cáng đi qua, trên đòn cáng phủ trùm một chiếc chiếu hay tấm chăn.

Những ngày đầu chấm dứt tiếng súng sau Pa-ri, trời sao mà trong vậy. Tôi đã đi khắp các vùng vừa được giải phóng chật hẹp, ở đâu trời cũng trong xanh, trời cứ xanh ngấn ngắt đến nỗi nhìn lên lá cờ Mặt trận Giải phóng vừa may đem treo lên chỉ thấy một vệt vải đỏ, trong khi ấy, dưới mặt đất cứ xạm đen bởi màu thuốc súng để lại.

Ừ cũng lạ, hồi đang còn chiến tranh, mỗi lúc ra vùng giáp ranh để xuống đồng bằng, phải đi qua những cánh đồng bỏ hoang chung quanh chân các đồn bót, mình vẫn thấy tiếc, vẫn thấy xót ruột, nhưng chỉ đến sau ngày hoà bình mới càng thấy tiếc từng tấc đất bỏ hoang - từng tấc đất mà bao nhiêu người đã phải rỏ máu để giành lấy.

Hồi bấy giờ đại đội N.68 chúng tôi rút ra ngoài vùng giáp ranh, đóng giữa một thôn công giáo dài dằng dặc hơn năm chục nóc nhà mà chỉ có chưa đầy ba chục người toàn bà già, ông già và trẻ con. Đây là những ngày mùa hè năm 1973 ở Quảng Trị. Đến bây giờ ngồi nghĩ lại những ngày ấy, thế nào tôi cũng phải bất giác sờ vào lòng bàn tay mình và trước mắt tôi lại hiện ra cái cảnh những người già và trẻ con nâng những chiếc lười cuốc rất to nặng lên quá đầu, bổ xuống dấu vết những luống cày hơn chục năm về trước.

Vào một buổi sáng, tôi đang đứng cuốc ải với mấy người dân trong xóm thì trông thấy đồng chí sư đoàn trưởng của sư đoàn đã từng tác chiến liên tục suốt cả chiến dịch năm 1972 ở đây và hiện đang giữ tuyến cấm cờ đi đến.

- Ở bên kia - ông giơ tay chỉ một ngôi nhà mái vòm nằm đằng sau tuyến cấm cờ của quân nguy chừng năm trăm thước - đó là ngôi nhà của sở nông lâm súc. Ngày năm ngoái khi chúng chưa phản kích ra, một lần đi trinh sát tôi đã ngủ lại một đêm trong ngôi nhà ấy. Đồng chí Quỳnh có thể đoán có thứ gì bên trong không?

- Vũ khí - tôi đáp - có lẽ chúng đã giấu cả một nhà đầy những hòm đạn pháo lớn?

- Không - đồng chí sư đoàn trưởng cười - máy cày! Đây chính là một kho máy cày. Toàn máy cày Nhật loại nhỏ.

Chẳng ngờ tôi và vị sư đoàn trưởng khét tiếng - một con người của chiến trận - không biết tự bao giờ đã gặp nhau trong một ý nghĩ.

- Vậy thì có cách gì đột nhập sang lôi về được vài chục chiếc mà cày vỡ đất trong dịp vỡ hoang này thì đỡ tốn công sức nhiều lắm! Tôi sốt sắng nêu ý kiến ngay.

- Nhưng tôi hỏi: các đồng chí lái xe chừng có thể sử dụng được máy cày không?

- Được. Mày mò vài buổi rồi cũng cày được - tôi đáp.

Một cuộc tập kích bằng hoả lực cối 82 lần ĐKZ rút sang bắt ngờ sáng trưng cả đêm tối, đẩy lùi tuyến phòng ngự của quân nguy về phía sau ngôi nhà mái vòm.

Đám con gái lái xe chúng tôi nai nịt trang bị gọn gàng, xách súng tiểu liên xung phong lên sát sau lưng những người lính chiến đấu. Chúng tôi đột nhập ngôi nhà của sở nông lâm súc, sau mấy lần dừng lại thanh toán các tổ đề kháng.

Mất tôi hoa lên, có lẽ đứng trước một kho vàng cũng chẳng sung sướng đến thế. Cả một ngôi nhà kho chứa đầy những chiếc máy cày còn mới toanh. Nhưng ôi thôi, chúng tôi đã xem xét hết một lượt, chiếc máy cày nào cũng chỉ còn là một đồng sắt. Ngôi nhà nhìn từ đằng xa tưởng lạnh lặn không ngờ khi đứng bên trong nhìn lên mới thấy cái vòm mái rách nát khắp mọi chỗ y

như bị xé. Những trận bom B.52 của Mỹ dội xuống trong những trận giành đi giật lại tuyến phòng ngự cuối năm ngoái đã làm tiêu ma mọi công cụ sản xuất, làm ăn.

Mấy ông già và trẻ con vùng mới giải phóng, cùng với bạt ngàn bộ đội vẫn khẩu súng khoác sau lưng, lại dàn hàng ngang đứng mố từng nhất cuộc, mỗi nhất cuộc làm toé ra một tia lửa trên mặt ruộng. Lưỡi cuốc bập xuống, cảm thấy hai cánh tay tê dại như muốn văng theo với cán cuốc, còn mặt đất vẫn gan lì chỉ sụt mẻ một tí chút.

Trong khi ấy thì trong các làng xóm vẫn còn tiêu điều và nát như tương (trong chiến dịch phản kích của quân nguy hồi cuối năm 72, Mỹ đã mưu toan dùng B.52 thiêu huỷ hết tất cả các làng xóm) chỗ nào cũng mới mọc lên những chiếc lò rèn. Tiếng búa đập chí chát vang khắp trong các làng xóm có bộ đội trú quân. Sau trận tàn phá của bom đạn Mỹ như nạn hồng thủy vừa tràn qua, cuộc sống của con người y như vừa mới bắt đầu.

Tôi đi lang thang khắp trong vùng đồn bót cũ, nhặt sắt về rèn dao, liềm, cuốc...

Thế rồi trong một lần ngồi trước ngọn lửa vàng rực nóng đến phát ngột lên của cái bếp rèn, tôi chợt nhớ lại cái giấc mơ của một chú bé, vào một đêm ngồi bên người mẹ giữa cánh đồng, chú bé nói thì thầm vào tai mẹ rằng lớn lên chú sẽ chế tạo một chiếc máy cày y như chiếc máy cày trong phim.

Tôi đắm chìm trong cái giấc mơ thuở nhỏ của anh ấy.

Tôi trở về miền Bắc với hai bàn tay đầy chai, khoác ba lô tìm đến một ngôi làng hẻo lánh. Tôi lật bàn tay của người mẹ anh ấy ra nhìn. Chao ôi, đôi bàn tay đầy những vết sẹo từ bao đời, đôi bàn tay đầy những nốt u chai sạn từ bao đời.

Rồi tôi trở lại chiến trường lần cuối cùng làm thủ tục chuyển hẳn ra miền Bắc.

Đó là những ngày cuối năm 1974. Hôm đó cũng là một ngày

cận tết như thế này. Năm đó lập xuân sớm. Cỏ trong rừng cứ xanh mượt. Tôi rút dép ra cầm tay, tôi trở về đây lần cuối để từ biệt anh ấy. Trên đôi bàn chân trần như ngày nào tôi rón rén bước đến bên cái nắm đất lùm lùm và tôi ngồi xuống, chừng như nghe thấy được chung quanh mình tiếng tí tách của những ngọn cỏ non đang nhú lên, hàng triệu ngọn cỏ non đang đội đất ẩm nhú lên.

Tôi đưa bàn tay nhẹ sờ lên những ngọn cỏ trên nắm mộ.

Cả một vùng rừng sao mà im ắng? Lòng rừng như rộng thêm ra. Tiếng con chim nào đó hót trên cành cây nghe sao mà hoang vu. Từ sau những vùng sương trắng mờ ảo giữa những thân cỏ thụ đen sạm đứng chen chúc, một thanh niên mặc sơ mi trắng, trên tay ôm một chiếc mũ cát bên trong giấu một cuốn sách bìa cứng, đi lại phía tôi rồi ngồi xuống bên tôi. Anh ấy đấy! Tôi hình dung ra anh ấy bằng vào một tấm ảnh chụp mà cho đến bây giờ tôi vẫn còn cất giữ. Anh ấy hiện ra trước mắt tôi lúc bấy giờ không phải như khi tôi được sống gần và yêu anh ấy - một người chỉ huy quân sự rất trẻ và hình như đã báo trước một tài năng - mà là một sinh viên năm thứ hai khoa chế tạo máy của trường đại học Cơ điện, thuở mười lăm năm về trước. Bằng vào mấy chữ viết ở mặt sau tấm ảnh, tôi biết anh ấy chụp nó trước khi đi bộ đội. Trong tấm ảnh cũ của thời học sinh, không chỉ có một mình anh ấy mà có những năm khuôn mặt. Tất cả hãy còn trẻ, rất trẻ, quá trẻ, tất cả đều ở cái tuổi chưa đến hai mươi và riêng anh ấy, mới mười bảy. Một hàng những mái đầu xanh. Một hàng những cặp mắt rất sáng và u buồn với một vẻ kiên định khác thường nhất loạt nhìn về phía trước, về phía cái đám cháy đang cuốn xoáy lấy tất cả lòng họ ở phía trước.

Đồng chí hãy lắng nghe tôi hỏi đây, đồng chí cũng có một thời trẻ có phải không? Lớp đồng chí thuở trẻ thường mơ ước những điều gì, thường hay dự định làm những công việc gì, thể hệ của đồng chí thuở ấy hay hát những bài hát gì?

"Đừng đánh thức nó dậy, đừng đánh thức nó dậy!" trong những năm sống trong rừng Trường Sơn có những khi ngồi một mình, tôi lại cứ phải tự chế ngự, tự răn khuyên mình hãy đừng để cho những mơ ước của thời đi học không biết từ xó xỉnh nào trong lòng mình cứ sừng sững hiện về. Tôi sợ nhất những lúc ấy. Và chắc anh ấy cũng vậy. Suốt những năm đánh giặc, chắc chắn chẳng có phút nào anh ấy quên niềm mơ ước trở thành một kỹ sư chế tạo máy tài giỏi, giấc mộng từ khi còn chưa đến tuổi cấp sách tới trường.

Hồi đi học, tôi có được đọc một cuốn tiểu thuyết rất hay của bà Anne Dêgóc. "Những người chết còn trẻ mãi". Nhưng dường như phải đến bây giờ, khi đến ngôi bên nắm mộ của anh ấy, tôi mới hiểu nữ văn sĩ Đức ấy đang nói chuyện với tôi, bà viết cuốn sách ấy cho tôi, cho riêng tôi.

Tôi nhận ra mình phải làm gì, như người vợ của người cộng sản bị bọn phát xít giết hại. Trước khi chết, anh ấy chưa kịp để lại cho tôi giọt máu của anh ấy, nhưng anh ấy đã tâm sự, đã thổ lộ với tôi hết tất cả mọi điều nếu còn sống anh ấy có thể làm, có thể cống hiến cho cuộc đời. Làm sao cho mọi người sống và làm ăn đỡ cực nhọc, vất vả. Cái điều gọi là niềm mơ ước lớn lao cho mai sau của anh ấy, cũng chỉ có vậy.

4

Mùa xuân năm sau khi đã chuyển ra hậu phương, hễ có dịp nghỉ là tôi bỏ hết thì giờ vào việc đi tìm một người - người đó cũng có mặt trong tấm ảnh, đứng ngay sát cạnh anh ấy. Người ấy chính là chồng tôi bây giờ.

Người ấy tên là Ph. người mà trước khi mất, anh ấy đã có nhắc đến với những lời đánh giá rất cao. Tôi đã phải đi tìm khắp mọi nơi suốt gần nửa năm mới thấy.

Vào một buổi sáng đẹp trời, tôi xách một chiếc làn cói bên trong gói rất cẩn thận mấy chiếc bánh mì kẹp thịt và mấy thứ hoa quả, đi lần dọc theo một bức tường đá. Tôi đi rào bước, mặt cúi gằm xuống. Bức tường đá xây rất cao bên này và dãy tường vi thấp có nhiều cành cây bằng lăng đâm tua tủa ra ngoài của ngôi toà án ở bên kia có một khoảng cách là một đoạn đường rải nhựa sứt lổ và vắng tanh, như một cái phố cụt. Ở bên chân bức tường thấp của ngôi toà án bên kia đường có một đám đông người đang ngồi. Họ phần nhiều là đàn bà, người nào cũng để trước mặt một chiếc túi hay một chiếc làn đựng thức ăn. Cũng như không khí xung quanh, mặt mũi người nào cũng buồn tư lự. Tất cả đều ngược những cặp mắt mệt mỏi đầy vẻ chờ đợi nhìn sang một cái cửa lớn trở giữa bức tường đá ở bên kia đường: hai cánh cửa sắt một khép một mở, đằng sau lưng một đồng chí công an mặc áo vàng, đeo súng ngắn đang đi đi lại lại, có thể nhìn thấy những bức tường xây quanh co và những con đường hẹp trải nhựa bên trong khu trại giam.

Lần đầu tiên tôi đi đến trước một nhà tù, như bị lạc đến một thế giới ngoài quả đất. Tôi hơi ngượng với bộ quân phục trên người, rón rén đi đến ngồi sau lưng một nhóm đàn bà đã luống tuổi mà tôi đoán là những bà mẹ của các phạm nhân. Người ta quen nhau đã lâu, ở đây tôi là kẻ mới đến. Mọi người xúm vào hỏi thăm và bảo cho tôi biết phải ngồi đợi hàng tiếng đồng hồ nữa. Qua các câu chuyện trao đổi rì rầm không bao giờ ngớt nổi lên chung quanh và câu chuyện của một người trạc ngoài năm mươi, về phúc hậu, như trút bầu tâm sự với tôi, tôi được biết hầu hết những con người đang ở sau bức tường đá cao vút kia trước đây chỉ mấy năm đều là những thanh thiếu niên ngoan ngoãn và lương thiện.

Hai tiếng đồng hồ sau, khi cơn nắng gắt của một ngày giữa hè đã chiếu xói vào một cái khuôn cửa sắt han gỉ và vạt áo quân phục sau lưng tôi đã nóng rực lên, tôi mới trông thấy một người

đàn ông tiêu tụy mặc một bộ quần áo nhàu nát màu gỉ đồng, từ trong một khoảng tối om y như một cái hang, đi về phía tôi.

Đứng trước mặt tôi là một ông lão già (thực ra năm ấy Ph. mới băm năm) khuôn mặt xương xương, môi mỏng, hai vệt rìa mép được xén cắt rất tỉ mỉ, tia tốt, bộ ria mép "đáng tiền" như nhạo báng cái đầu trọc nhẵn thín ở phía trên. Nhưng điều khiến tôi chú ý nhất trên khuôn mặt Ph. là cặp mắt của một người như đã chết rồi, chết từ lâu rồi, mi mắt vẫn mỏng, cặp lòng đen vẫn đưa đẩy nhưng một nỗi tuyệt vọng ghê gớm đã xâm chiếm trọn vẹn lấy mọi tia nhìn.

Chúng tôi đứng nói chuyện với nhau qua một cái khuôn cửa sắt không có chấn song. Tôi nhìn anh ta. Anh ta nhìn tôi. Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Trước đây chưa ai biết ai cả.

- Xin lỗi - Ph. vừa nói vừa đưa hai con mắt hẳn học nhìn tôi - xin lỗi, chị là ai nhỉ?

- Tôi là một người đàn bà từ chiến trường B ra - tôi đáp, cố gắng đừng để cho câu nói có vẻ trịnh trọng. Câu nói đầu tiên này của tôi với Ph. tôi đã nghĩ trước.

Lúc bấy giờ, dọc theo một cái hiên trắng xi măng quá hẹp chỉ vừa đặt bàn chân, trước mỗi khuôn cửa sắt hẹp không có chấn song lại có một cuộc tiếp xúc giữa tù và thân nhân. Người ta không ai nói to, mặc dầu không có lệnh cấm nói to. Phạm nhân đứng trong cũng như thân nhân đến thăm đứng bên ngoài đều trao đổi, trò chuyện với nhau bằng cái giọng rì rầm. Trong khi đó trên cái mái hiên lợp phi brô xi măng, từng bầy chim sẽ đáp xuống gọi nhau riu rít làm rộn cả một góc khu trại giam.

Tiếng chim sẽ làm cho đầu óc tôi bớt nóng đi một chút, và bớt lạ lẫm, bỡ ngỡ đi một chút. Tôi ngẩng nhìn anh ta. Cũng chưa biết nói gì tiếp, tôi đứng im. Trước đây gần hai tháng, người thủ trưởng cơ quan của Ph. vừa chép miệng vừa cho tôi hay rằng cả khắp miền Bắc này, trong toàn ngành chỉ có năm ba người có

trình độ như Ph.

Vấn đề đồng chí thủ trưởng cơ quan của Ph. cho tôi biết thêm, mọi việc xảy ra đối với Ph. như hiện giờ bắt đầu từ một người đàn bà. Bề ngoài nhu mì, tươi tắn, bề trong là một con rắn độc - đồng chí ấy nói một cách giận dữ, vì cái con vợ đẹp nhưng quá hư hỏng mà anh ta, một trí thức đầy tài năng đã đánh mất mình trở thành một kẻ sống giả dối, xoay xở, hám tiền bạc, trở thành một kẻ biến chất vô liêm sỉ, phạm tội biến lộn quỹ công một số lớn, và suýt nữa thì lại còn phạm tội giết người nữa.

Thú thật lúc này người đàn ông đang đứng trước mặt làm tôi hơi ghê sợ. Và căm ghét. Với chút tài năng và tri thức chuyên môn, anh ta đã làm nên công trạng gì, đã cống hiến được gì chưa thấy đâu, chỉ thấy anh ta phá hoại xã hội, trong lúc ấy thì ở chiến trường bao nhiêu người đang đổ máu, biết bao người đã hy sinh? Cũng chẳng phải nói đâu xa, chung quanh anh ta ở ngay hậu phương miền Bắc đây trong những năm chiến tranh phá hoại, có biết bao người chiến đấu, và làm việc quên mình?

"Tôi là một người đàn bà từ chiến trường B ra" câu nói tôi vừa đáp cứ vang ngân bên tai tôi. Tôi nhận thấy trong lời đáp ấy hình như có cái gì mình vẫn còn nghĩ đến mình. Lòng tôi chợt dịu lại. Với con người đang đứng trước mặt, tôi không còn thấy quá ghê sợ, cũng không còn thấy quá căm ghét nữa. Tôi chỉ còn nghĩ đến mục đích của công việc làm của tôi. Trước mắt tôi, "con người phá hoại xã hội hậu phương" đã biến đi, chỉ còn lại đó một người đàn ông đang tuyệt vọng, một trí tuệ đang cần cấp cứu, đang cần được hồi sinh.

Tôi cũng không còn thấy ghê tởm với cái xã hội vừa bước chân vào, không còn thấy ngạc nhiên, lạ lùng, cũng không còn thấy ngượng nghịu với bộ quân phục mặc trên người.

Đến lúc bấy giờ ở trong tôi chỉ còn nỗi lo về chính mình, không có đủ lòng độ lượng nếu người đàn ông đang nhìn tôi đây

hắn học kia sẽ lên tiếng chửi mắng, lăng nhục mình, hoặc bất ngờ quay ngoắt trở về trong gian phòng giam.

Hình như người đàn ông - vốn thông minh, phần nào đoán được những điều tôi đang nghĩ. Anh ta nhìn tôi suốt từ đầu đến chân, cái màn sương màu xám tro của nỗi tuyệt vọng và hận học bao bọc lấy ánh mắt đã có phần nào mỏng dần.

- Anh còn nhớ anh Hoà không? - Tôi vội vàng hỏi.

- Hoà nào?

- Anh Hoà học với anh cùng một khoa Chế tạo máy ở Đại học Cơ điện.

- Lâu lắm rồi nhưng vẫn nhớ, tôi vẫn nhớ Hoà. Anh ấy học giỏi và trẻ nhất khoa Chế tạo máy. Nghe nói ở trong bộ đội Hoà làm lên đến chức to lắm.

- Anh ấy hy sinh rồi!

Ph. đứng ngẩn ra, mãi lâu mới nói:

- Hoà hy sinh hồi nào vậy hả chị?

- Đã lâu. Trước khi mất, anh ấy có dặn tôi khi nào trở về miền Bắc, đến thăm anh.

Một lần nữa trong lòng tôi lại vẩn lên những cảm giác ghê tởm ban nãy, không biết khi tôi bịa ra cái lời cuối cùng, giọng nói của tôi có cái gì mỉa mai không? Chỉ thấy trên khuôn mặt Ph. lộ ra một vẻ đau đớn. Rồi anh ta thất sắc đi khi cầm lấy trên tay tôi tấm ảnh có khuôn mặt mình chụp hơn mười lăm năm về trước, tấm ảnh tôi tìm thấy trong đáy ba lô của anh ấy sau ngày anh ấy mất.

Ph. tìm mọi cơ khéo léo từ chối không chịu nhận quà tôi đưa vào. Tôi nài ép mãi cuối cùng anh mới chịu nhận một quả na nhỏ nhất còn ương và còn nguyên một chiếc lá trên đầu cuống.

Từ bấy giờ tháng nào tôi cũng đáp tàu hoả hoặc những chuyến xe ca tràn ngập tận óc những dân buôn bán, đến cái thành phố ấy thăm Ph.

Lần thứ hai tôi trở lại Ph. lánh mặt. Tôi hiểu con người ta không ai muốn phơi bày ra mãi cái mặt xấu xa nhất của mình, nhất là phơi bày ra trước một người có lòng tốt, thiện chí. Lần thứ hai trở lại cái ngôi trại giam ấy, về phía mình, tôi cũng phải tự hỏi riêng mình: mình đang làm một việc gì đây? Tôi nhận ra ở trong tôi đang có một cơn khát ghê gớm, cơn khát của sự hồi sinh của mọi tài năng. Nhất quyết tôi phải đưa cái người đàn ông tội lỗi ra khỏi tình trạng chán chường, tuyệt vọng hiện tại, trả anh ta trở về với công việc của anh ta, tôi phải làm sống lại một khả năng và trí tuệ đang chết.

Tôi biết là tôi điên rồ nhưng tôi vốn là đứa con gái điên rồ, khác đời. Ngồi trên toa tàu hoả chen chúc và chạy chậm như dẫn rượu, tôi nhìn ra những cánh đồng bên ngoài và tưởng thấy Ph. phong phanh trong tấm áo màu gi đồng, cặp mắt thông minh chứa đầy hy vọng của một nhà phát minh đang đi bên một chiếc máy cày. Tôi nhớ lại hai bàn tay dập nát của anh ấy.

- A, chào người đàn bà ở "chiến trường B ra" - Ph. vừa thốt lên với tôi bằng giọng chế nhạo, vừa đưa những ngón tay khô và gầy lằn đông một chiếc khuy áo trước ngực. Chỉ còn mấy phút nữa thôi là hết giờ gặp. Tôi đẩy về phía anh ta chiếc làn mà tôi đã mua đủ các thứ bánh trái và hoa quả chất vào, trong bụng không hề thấy giận anh ta về câu nói mỉa mai mình.

- Tôi lại đến thăm anh... vì lời dặn của anh Hoà, - Cục chẳng đã, tôi phải nhắc lại câu ấy. Cả khuôn mặt anh ta dần dუმ lại. Tôi kịp nhận ra anh ta đã có ý ăn mặc cẩn thận trước khi đi gặp tôi. Sau đó tôi nghe anh ta hỏi thăm tôi ở cách đây có xa không. Vẫn như lần trước, anh ta chỉ nhón hai ngón tay nhặt một trái cây nhỏ. Lòng tự trọng. Giá như anh ta nhận tất cả như tôi hằng mong thì chưa chắc tôi đã vui đến thế, trên suốt chặng đường quay trở về. Người đàn ông ấy đã đánh mất hết tất cả, chỉ còn giữ lại một chút lòng tự trọng, để cho tôi còn tin cậy.

Lại một mùa hè nữa đã đến. Những cây bằng lăng bên ngôi

toà án lại nở những bông hoa màu tím nhạt trên các cành đâm tua tua trên đầu tôi, mỗi lần tôi trở về cùng mọi người ngồi đợi bên cái chân tường nhìn thẳng sang hai cánh cổng sắt. Tôi không còn thấy lạ lắm mỗi khi đặt chân vào bên trong hai cánh cổng ấy nữa. Có lẽ tôi đã hiểu thêm cuộc đời, từ một phía khác. Cuộc đời không có thánh nhân, cũng như không có một người nào mà tâm hồn hoàn toàn không thể cứu chữa được nữa.

Lần thứ ba, anh ấy đã chịu nhận quà của tôi đưa vào.

Ph. đã nói với tôi hết, về cái khúc đường đời vừa qua của mình.

Ph. kể rất tỉ mỉ. Mỗi tháng một lần tôi đến, anh kể một ít, không hề giấu giếm cả những ý nghĩ.

Ph. bảo tôi là một đức Thánh, để cho anh ấy xưng tội. Thật ra tôi có làm được gì đâu, ngoài việc tháng tháng đến thăm, mang theo một ít quà, và lắng nghe anh ấy tự dằn vò mình.

Những tháng về sau anh ấy nhờ tôi mượn đem vào cho anh ấy những cuốn sách và mỗi lần tôi đến, anh ấy đem quà của tôi chia đều cho tất cả anh em phạm nhân. Rồi anh ấy xắn tay áo lên chữa điện, chữa máy nước. Anh ấy giúp các đồng chí trợ huấn mở được một lớp học văn hoá, vừa học văn hoá vừa học nghề chữa các thứ máy thông dụng, do chính anh ấy đứng ra giảng dạy.

*

* *

Một năm sau, anh ấy mãn hạn tù.

"Con người ta không một ai nên luyện cho mình thói quen nhá cơm nhà tù". Câu nói vui miệng tự nhiên tôi thốt lên với Ph. vào giữa hôm ấy, vậy mà thiêng quá!

Buổi trưa hôm ấy khi anh ấy ra trại, các anh em phạm nhân

khuôn từng chồng sách tiếng Nga và tiếng Đức ra ngoài giúp, những cuốn sách mà theo yêu cầu của anh ấy, tôi đã ra sức lùng kiếm mang vào, để cho anh ấy đọc. Vậy mà nào có ngờ được hai tháng sau, viện nghiên cứu cũ vẫn ưu ái và trọng tài anh ấy đã cử cán bộ tổ chức đến gọi ra tiếp tục làm việc. Nhưng đi làm chưa được bao lâu, anh ta bỏ việc.

- Tôi chán đời... - anh ta nói bằng giọng bức dọc, căm kính - tôi đã chán cuộc đời này như chán ngấy cơm nếp nát. Thà cứ cho tôi lại vào quách trong trại giam, ăn miếng cơm gạo hầm với rau muống luộc chấm nước muối, có lẽ tôi lại làm việc được nhiều hơn, tôi còn có ích hơn.

Tôi nhìn anh ấy đang thọc sâu hai bàn tay vào túi quần, đứng giữa một cái sàn gạch bẩn thỉu, con mắt nhìn dán xuống hai bàn chân xỏ trong đôi guốc mộc mà quai guốc làm bằng một đoạn sấm xe đạp cắt ra. Vô tình tôi mở ra nhìn vào bên trong một cái hòm gỗ có quai xách nhét dưới gầm giường ngay bên chân tôi, thấy một bộ đồ chữa xe đạp, những móc lốp, những kim, búa, những nhựa vá sấm. Tôi mạnh tay đóng sập cái nắp hòm đồ lại, đẩy sâu vào gầm giường.

- Bước đầu cơ quan người ta bố trí anh làm một nhân viên cấp thấp là phải - tôi cố nén một cơn giận - thậm chí quét nhà, chạy giấy hay thường trực cũng là phải!

- Chị đừng hiểu nhầm tôi! - Anh ta quát lên.

Tôi thò tay vào gầm giường lôi tuột cái hòm đồ chữa xe đạp ra giữa nhà.

- Một kỹ sư cơ chuyên viên chế tạo máy số một của nước ta đấy! Chính anh cũng biết rõ anh có thể làm được gì cơ mà? - tôi không còn kìm được cơn giận nữa - trong khi anh Hoà anh ấy chiến đấu hy sinh trong chiến trường B thì ở ngoài này anh sa ngã, anh phạm tội, anh phá phách xã hội? Trí thức mà thế à? Anh không biết xấu hổ hử?

- Tôi thích làm một thằng chữa xe đạp ngồi đầu phố hơn. Tôi thích làm việc gì thì mặc xác tôi! Đừng có nhảy xổ vào cuộc đời người khác, đừng lãng nhục tôi! Tôi yêu cầu chị bước ngay ra khỏi nhà tôi!

Tôi liền đứng dậy. Hai chúng tôi đứng đối mặt nhau như hai kẻ thù, dưới chân là cái hòm đồ chữa xe đạp. Giữa lúc ấy bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Tôi quay lưng đi thẳng ra. Một người đàn bà ăn vận sang trọng và hơi diêm dúa, vừa nhìn thoáng đã thấy là một người đàn bà trẻ đẹp, đứng ép lưng vào bức tường ngay bên khuôn cửa hẹp, có vẻ như đang muốn nhường lối cho tôi đi ra. Tuy chưa hề được gặp bao giờ nhưng có một cái gì đấy rất nhạy cảm của đàn bà bảo cho tôi biết đấy là người vợ đã ly dị của Ph. Không biết từ nhan sắc hay từ quần áo, vẻ rực rỡ của người đàn bà càng khiến cho tôi chỉ muốn rời khỏi ngay chốn này - Tự nhiên tôi cảm thấy chạnh lòng.

Bằng một vẻ cuồng quít, Ph. đi theo tôi. Khi Ph. đi lướt qua trước mặt, người đàn bà đưa tay ra ngăn lại. Anh ấy xô người đàn bà về một bên, chực nắm lấy bàn tay tôi.

Tôi rẩy bàn tay anh ấy ra, vội vã như người chạy trốn. Tôi lúng túng, hấp tấp mở khoá xe đạp.

Ra đến dãy phố lớn hai bên hè tấp đầy từng đồng than bùn chung quanh chân mấy cây bàng vừa thay lá đang khoe những tán lá xanh non mơn mớn, tôi vẫn thấy Ph. chạy theo phía sau. Vừa muốn đạp thật nhanh, bứt lên thật xa, vừa muốn dừng xe lại. Nhưng tôi đã phóng thật nhanh.

Ra đến ngoài cánh đồng, tôi không quay mặt lại lần nào nhưng cũng thấy một người đàn ông chân đất phong phanh trong tấm áo bông tím đã bợt, đang chạy theo và gọi tôi. Trong tiếng gió đồng thổi lồng lộng, tiếng gọi của Ph. khẩn thiết như một lời kêu cứu.

Tôi đạp xe bảy tiếng đồng hồ liền không nghỉ, không dừng

uống nước, máu dồn lên đầu nóng ran, ngay chập tối trong ngày hôm đó tôi đã trở về cái viện Quân y của tôi.

Gian phòng bằng nứa rất nhỏ tôi ở có ai đã thắp đèn. Một chiếc ba lô cóc lấm đầy đất vứt chổng chơ ngoài hiên, ngay trên đồng củi trong bóng tối. Người khách lạ nào mà kỳ cục thế này nhỉ?

Cánh cửa liếp mở toang, gió thổi đưa đi đưa lại trên cái hòng tre kêu cọt két. Tôi bước vào nhà, trông thấy đang ngồi trên chiếc ghế độc nhất trong nhà một người đàn ông vận quân phục, mái đầu cúi gập xuống ngực, hai con đĩa trên hai bên vai áo quân phục nhô lên sát tai, ánh đèn dầu soi lơ mờ trên nửa khuôn mặt đã gần khuất lấp đen sì những râu.

Tôi vẫn chưa dứt ra được cái tâm trạng rất phức tạp đang ngổn ngang suốt trên chặng đường trở về. Chủ nhà đã về mà ông khách vẫn ngồi gập mái đầu xuống, không hề thấy động dậy.

Tôi tiến đến gần sát. Tự nhiên nước mắt tôi ứa ra. Ký ức đổ về lòng tôi dào dạt như một dòng thác bất ngờ tuôn chảy. Tôi nghe tiếng dao, kéo gieo lách cách vào lòng chiếc đĩa sắt tráng men, mùi ê-te và những vết máu thấm vào bông băng. Những cánh rừng xông lên mùi đất ẩm, mùi lá mục và chớp bom B.52 nháng loáng trên mặt lá.

Mọi điều làm tôi phiền não suốt cả một ngày hôm ấy trở nên vớ vẩn, vô nghĩa. Người ngồi trước mặt tôi đây mới chính là con người khiến tôi thực sự yêu quý, mới thực sự là người thân thiết nhất của đời tôi.

Bác sĩ Thương ngẩng lên. Anh đã tỉnh dậy, đưa cả hai bàn tay lên dụi mắt. Nhìn nét mặt đang còn ngơ ngác và lại còn có phần nào hốc hác hơn xưa của anh, tôi cứ tưởng từ sau cái đêm mưa dầm trong rừng anh đến tìm tôi ở đại đội nữ lái xe, anh trở về xắn tay áo lên và đeo găng vào tay, tiến hành một ca mổ đầy căng thẳng và dài đến tận bây giờ.

- Quỳ đã về đây ư? - Anh chợt trở nên hết sức bối rối - chết thật, tôi ngồi đợi... ngủ quên khuấy đi mất lúc nào chẳng biết.

- Anh Thương!... - Suýt nữa thì tôi đã khóc oà lên vì trong phút chốc như nhìn thấy tất cả những khuôn mặt người sống, kẻ chết. Tôi chỉ muốn chạy lại ôm chầm lấy anh như ôm lấy tất cả.

- Anh ở tận đâu về vậy hử, mà nom cứ y như một tên phi thể này? Tôi cố nói đùa một câu để che giấu sự cảm động.

- Xa lắm, xa lắm, tận Tây Nam - Hình như anh cũng cố nói đùa để che lấp vẻ bối rối - đang đói sắp chết rũ xuống rồi đây bà chủ nhà ạ!

- Khổ, thật tội nghiệp anh!

- Tôi vội vã cởi áo ngoài treo lên mắc, liếc nhanh lên tấm gương treo trên cây cột buồm, sửa lại mái tóc:

- Anh đến từ bao giờ, anh Thương?

- Từ chiều. Một cô ở gian cuối dãy mở cửa cho tôi vào. Hôm nay chị có việc đi đâu xa lắm phải không?

- Vâng...

Tôi vội thật to bắc đèn bếp dầu hoả nấu nước nóng cho anh rửa mặt rồi mới thổi cơm...

Ăn cơm xong, anh ngồi nhấp từng ngụm nước nhỏ, sẽ sàng hỏi tôi:

- Tôi khác trước đi nhiều phải không?

- Không. Anh chỉ có hơi già đi và gầy hơn chứ không khác. Anh chẳng có gì khác.

- Tôi về đây... tìm Quỳ - Anh bắt đầu nói đến cái điều vô cùng hệ trọng mà ngay từ lúc mới nhận ra anh đang ngồi ngủ gật trước ngọn đèn, tôi đã nghĩ ngay đến, và trong lúc ngồi thổi cơm cho anh ở dưới bếp tôi đã phải nghĩ đến muốn vỡ óc - tôi về đây tìm Quỳ... Bao năm nay, tôi vẫn nhớ lời Quỳ hẹn, khi nào hết chiến tranh...

Phải, đây chính thực là cái giây phút quyết định của cuộc đời tôi - cuộc đời hạnh phúc ngày sau của tôi. Mà tự tôi, tôi phải lựa chọn lấy một người đàn ông chứ chẳng có ai buộc ép tôi cả. Tôi phải lựa chọn lấy, giữa tình yêu, hạnh phúc và cái trách nhiệm của tôi đối với Ph., cũng là cái giấc mơ của anh ấy mà tôi mang nặng trong lòng khi trở về hậu phương, như một người mẹ mang thai. Và tôi đã lựa chọn.

Sẽ chẳng bao giờ tôi còn đánh mất đi một cái gì lớn hơn, quý báu hơn; đồng chí ạ, chỉ còn một chút xíu nữa là có lẽ tôi đã kêu thét lên một tiếng vô cùng đau đớn, vì cái con người vô cùng yêu quý đang ngồi trước mặt, tôi sắp đánh mất, tôi sắp phải từ chối anh ấy! Tôi cũng sắp phải từ chối và đánh mất tất cả hạnh phúc tình yêu của tôi!

Thấy tôi gục đầu xuống ngồi im lặng rất lâu, quá lâu bác sĩ Thương chợt thu mình lại:

- Không biết bây giờ ý Quý thế nào?

Từ trong cổ tôi trào ra một tiếng nấc:

- Anh Thương! Em không nói hết với anh ngay bây giờ được đâu... Anh thông cảm cho em, anh tha lỗi cho em...!

Rất lâu sau, tôi mới nghe bác sĩ Thương thốt lên một tiếng thở dài nhỏ:

- Tôi bận quá, có lẽ tại tôi... tôi đã trở về muộn quá!

*

* *

Kể đến đây, Quý lại ngồi yên lặng như những lần trước, còn lâu hơn những lần trước.

- Hôm ngồi nói chuyện với chị lần đầu tiên - tôi phá tan bầu không khí yên lặng một cách rụt rè - quả thực, tôi đã hiểu sai về chị.

- Thực là oan... - Quỳ nói rất nhỏ và như đang lắng nghe một tiếng động gì đó từ rất xa - thực là oan, nếu anh cho tôi là một người đàn bà... nguy hiểm...

Tôi bỗng háng hái lên:

- Nhưng trong tình yêu, chị đã muốn làm một thánh nhân...

Thấy tôi vừa thốt lên đã im bặt, chị quay sang nhìn tôi, khích lệ:

- Anh nói tiếp đi:

Người đàn bà này, từ những năm kháng chiến ở trong rừng, đã tìm ra cái chân lý: trong cõi đời chỉ có những con người chứ không có ai là thần thánh cả, thế vậy mà khi quyết định đem đời mình gắn bó với Ph., chị vẫn muốn làm một thánh nhân. Nhưng chính vì thế mà chị lại càng là một người của cõi đời và khiến cho tôi càng thêm kính trọng chị. Một con người của cõi trần gian chúng ta là thế đấy, bao giờ cũng muốn sống vượt lên mình một chút. Rồi thì vẫn chả ai là thần thánh cả nhưng những con người sẽ mỗi ngày một tốt đẹp hơn, cuộc sống sẽ ngày một tốt đẹp hơn, vì thế! Nhưng đây chỉ là những điều tôi đang nghĩ trong bụng.

- Chị đã cứu vớt được một con người, một trí tuệ - tôi vội vã động viên chị. - Không những thế, tôi lại còn nghe anh chị em ở đây nói, anh Ph. bây giờ là một chuyên viên đầu ngành chế tạo máy của nước ta. Nếu không có chị. .. một người vợ trong gia đình, như một đức thánh...

- Tôi là một con người có nhiều mâu thuẫn. Anh đừng gán cho tôi những điều mà tôi không có! Tôi đâu có phải thần thánh gì, mà vẫn là một con người, một người đàn bà bình thường như mọi người đàn bà. Cũng như một vài người đàn bà, tôi đã yêu một người và lấy một người. Tôi vẫn không thể quên được bác sĩ Thương. Cả với điều đó, sau khi lấy Ph., dần dà trong nhiều năm, tôi cũng mới nhận ra.

- Lại một lần thứ hai, chị nhận ra?

- Phải, nhưng lần này là ở chính mình, và tôi đã phải trả giá bằng cái bệnh mộng du của tôi. Một lần nữa, tôi thú nhận với anh: tôi cũng chỉ là một con người...

- Anh Ph., vào dịp tết này, có vào với chị được không?

- Anh ấy bận lắm. Rất bận. Trong mấy ngày cuối năm nay, tôi phải biên thư động viên anh ấy luôn, để cho anh ấy yên tâm làm việc.

Chuyến tàu tốc hành của một ngày cuối năm mà có lẽ chị đã cảm nhận thấy và hình như đang đón đợi từ lâu với những toa tàu dài dằng dặc đông nghịt hành khách đang xé bầu không khí giá rét, nặng nề lao vút đi ngoài cánh đồng trước mặt khu Quân y viện.

Trong lúc chị Quỳnh ngồi chăm chú nhìn theo đoàn tàu tốc hành với một vẻ thèm khát cháy rục trong ánh mắt, thì vẻ phần tôi, trong trí tưởng tượng, tôi cũng đang chăm chú nhìn dõi theo cái đoàn tàu tâm tưởng cuối năm vừa rúc hồi còn khởi hành, từ một ngôi nhà ga nằm ẩn kín tận trong rừng sâu. Người đàn bà trẻ tuổi vận quân phục ngồi trước mặt tôi đang bước những bước chân thành kính, rón rén trên một vùng cỏ xanh mượt. Mỗi lá cỏ như thềm thì nhắc nhở về một mối tình sâu nặng, đẹp đẽ đã qua, và lần này mặt đất lặng lẽ trao trả lại vào bàn tay chị cái trái tim hồng hào của chị. Chị bước lên con tàu sau khi cúi hôn lên một cái nắm đất một lần cuối cùng, và đoàn tàu đang hỗn hển băng mình lao vun vút đi giữa sông hồ, làng mạc, giữa hơi thở nóng hổi của cuộc đời, đem chị ra khỏi cánh rừng thiêng liêng để trao trả lại cho cuộc đời hiện tại.

*

* *

Buổi sáng ngày đầu năm.

Một dải sương tím sà xuống trên những luống cỏ. Cũng như từ bao giờ ở trong rừng, cỏ mùa xuân xanh biếc một màu trên đó những đoá cúc vàng, những bông hồng nhung đỏ với cánh hoa mỏng manh được đeo gót chạm trở bởi bàn tay kỳ tài của thiên nhiên mùa xuân đang khoe sắc.

Thời gian và không gian như vừa mới được lột ra mới tinh khôi. Sau một đêm, y như được đánh thức dậy bởi một chiếc gậy thần, mọi con người đều trở nên tốt đẹp, tươi mới, với những ý nghĩ đầy tốt lành.

Các bệnh nhân và thương binh xúng xính trong những bộ quần áo trắng sạch sẽ mới thay, tất cả mọi người đều đang đổ ra ngoài hiên bắt tay nhau, ồn ào chúc nhau chóng lành, năm mới khoẻ hơn năm cũ. Nhưng mọi người vẫn cảm thấy thiếu thiếu đi một cái gì đó.

"Chị Quỳnh đâu?" "Chị Quỳnh đâu nhỉ?" Người nào cũng hỏi. Trong ấn tượng mọi người vẫn còn in lại hình ảnh quyến rũ và đầy sức sống của Quỳnh trong buổi liên hoan tất niên đêm qua.

Tôi chạy lên gác. Trên chiếc giường kê áp tường vẫn còn chiếc chăn bông chưa gấp và một ngọn đèn nhỏ soi xuống một đồng sách chuyên môn khổ to in ly tô trên giấy bồi để mở trên chiếu. Một nữ bệnh nhân cho biết Quỳnh đang ở dưới nhà bếp làm bữa cỗ đầu năm với các đồng chí anh nuôi.

Chiều đến hai chúng tôi ra ngồi trên chiếc ghế gỗ ngoài sân.

Người nữ quân y sĩ cột lên mái tóc dày nặng của mình một chiếc khăn xanh nhỏ rồi quay về phía tôi, tuyên bố: - Tôi đã kể hết với đồng chí.

Tôi nhận thấy trên làn má mịn màng của chị ửng lên một chút màu hồng, như phấn mùa xuân vừa thoa lên, nhưng dưới mắt lại hiện ra lơ mờ một chút quầng thâm, không nhìn kỹ không thể trông thấy. Chắc đêm qua chị lại đi lang thang.

- Tốt nhất, sang năm mới chị nên có một đứa con đi! - Cuối cùng tôi nói, như một lời chúc đầu năm.

- Đồng chí khuyên tôi... hơi nhiều quá đấy, nhưng là một lời khuyên tốt lành - Quỳ nghiêm trang đáp - Vâng, tôi sẽ có con, tôi sẽ sinh cả một đàn một đồng như bà Âu Cơ ngày xưa, tôi sẽ mụ mị đi, đàn độn đi vì sinh con, nuôi con nhưng đồng chí ạ, dù lên núi hay xuống biển những đứa con tôi sẽ mang trong mình chúng nó dòng máu của tôi...

CƠN GIÒNG

I

Không còn nhớ được là lần thứ mấy, từ khi cùng tiểu đoàn từ một vùng trung du ngoài miền Bắc hành quân vào làm nhiệm vụ thu dọn chiến trường ở trong này, Thắng lại ra nhà ga vào chiều thứ bảy. Giữa một vùng đồi núi heo hút, cái khô khan cằn cỗi thèm khát một chút màu xanh màu mỡ không phải chỉ thấy bằng mắt trong thiên nhiên mà thôi đâu, hãy cứ nghe các anh em cán bộ và chiến sĩ nói một câu đùa bỡn Thắng, mỗi khi tiểu đoàn trưởng của họ đi ra nhà ga thì biết. Lòng con người có nhiều khoảng trống lắm.

Con đường tàu Thống Nhất từ ngoài phía Bắc vào mới vươn tới cái ngôi nhà ga mới xây, tàu đã lăn bánh chủ yếu chở đá, tà vẹt và cũng đã chở hành khách. Đoàn tàu đi bao giờ cũng thốt lên những tiếng kêu rập rình, loảng xoảng khiến người ta nghĩ đến sự va chạm của những khối sắt thép rất lớn, xen lẫn vào đó là những tiếng kêu ken két, ken két cứ rít lên từng hồi, tưởng như con tàu không phải kéo đi bằng đầu máy hơi nước mà bằng một đoạn cáp sắt to bằng con trăn là ít, đè trĩu lên trên những tấm lưng áo quân phục bạc phéch và đầm đìa mồ hôi của những người chiến sĩ bộ đội đang bắc đường xe lửa.

Đám đông vợ lính và sĩ quan ngay đi thăm chồng thò những

mái đầu ra ngoài cửa toa xe ngó băng quơ một ngôi nhà ga mới xây, quét vôi màu hoàng thổ chưa khô. Ngôi nhà ga cứ lồ lộ ra trong ánh nắng gay gắt, giữa một triền rừng lẫn đồi cỏ tranh, như một bức ảnh cắt dán.

Từ những ô cửa của đoàn tàu nhìn về phía Đông, ở cuối mút dải rừng tranh và dưới bóng mát dè dặt của vài cây cổ thụ đã chết khô là những dãy nhà lợp tôn mới cất lên của bộ đội làm đường tàu, và từ khắp nhiều ngả rừng cỏ tranh bị xéo nát đổ dồn về nhiều vệt đất thẳng tắp bị cày ủi lên đỏ như tiết. Nơi gặp gỡ ở cuối mút các vệt đất là một vạt đồi bằng phẳng như một cái sân bóng đá, người ta thấy trên đó nằm la liệt không biết cơ man nào là xác xe tăng hỏng, vừa mới được tiểu đoàn xe tăng của Thăng kéo từ mọi xó xỉnh khắp các chiến trường chung quanh về.

Thăng đi ra nhà ga theo một vệt đất mà xe tăng đã cày ủi lên. Lần này cũng như các tuần lễ trước, Thăng ra đến nơi khi tấm ván cửa bán vé sắp sập xuống. Sau cái cửa tò vò vẫn còn hăng hăng mùi vôi mới, một bàn tay thò ra kẹp trên hai ngón tay một tấm vé: "Út nán lại đợi thủ trưởng đó... lần sau ra sớm sớm một chút hén?"

Con tàu rú hồi còi cuối cùng làm rung chuyển bầu không khí yên tĩnh của một vùng chiến trường vừa im tiếng súng. Thăng đã kịp gấn bàn chân lên cái bậc lên xuống. Con tàu giật nảy lên một hồi trong những tiếng kêu loảng xoảng đầy gắt gỏng rồi bắt đầu nặng nề chuyển mình.

2

Người đàn ông đứng tuổi mặc bộ quần áo sọc bước ra từ một khu trại cải tạo sĩ quan nguy. Y đi qua nhiều quãng đường đồi dài dằng dặc và khúc khuỷu. Khi sắp ra đến nhà ga, y đi chậm lại và thỉnh thoảng ngược nhìn trời: "Không biết chuyến tàu có thể ra

tới đây trước khi cơn giông ập đến không?" Y lo lắng tự hỏi, đưa cặp mắt lơ đãng nhìn dọc theo con đường sắt chạy hun hút về phía Nam. Trong cõi hiu quạnh mênh mông của một buổi chiều sắp bước vào hoàng hôn, y chú ý nhìn thấy ở chỗ có mấy cánh cò trắng đang bay chập chới, trên một dãy cùn mả bên con đường sắt, nơi có chiếc cống trắng vừa xuất hiện một vệt đất đỏ ối - y như một giọt máu rớt xuống vừa chảy nhều ra trên mặt đất.

Nhìn kĩ thêm một lúc, y nhận ra đó là vệt đất do anh em bộ đội vừa kéo hai chiếc xe tăng từ sau cùn tha ma ra. Dù bây giờ đã sang thời bình hay khi đang còn đánh nhau thì những chiếc xe tăng đứng lẫn giữa nương ruộng và bờ bụi cũng thật khó nhận thấy ngay.

Gã sĩ quan nguy thu hết nhân lực cố tìm hai chiếc xe tăng - mà trong đó có một chiếc y đã từng lái và đã bị bắn cháy.

Gió mạnh lên.

Chiều hướng cơn giông đi dần theo hướng Tây Nam. Mây đen đang chuyển dịch. Trên bầu trời nhà ga dòn về nhiều tầng mây xám. Nhưng trên các bờ mép của chúng phía mặt trời lặn lại đỏ khé.

"Không khéo tàu đến thì cơn giông cũng đến. - Lần này y nghĩ với vẻ lo lắng - Về mùa hè ở đây lắm khi cũng mưa dai lắm!"

Phòng đợi nhà ga mỗi lúc một đông. Gần nửa số hành khách là dân vùng ngoài vào mua sắm. Vẫn chưa đến giờ bán vé. Trong đám người đang nằm hoặc ngồi trên mấy chiếc ghế băng với quang gánh cùng hành lý đặt sát bên cạnh, có nhiều người hình như biết mặt y. Y đứng ở góc nào cũng có người nhìn.

Tự nhiên không biết từ lúc nào y đã nép vào một góc kín đáo để tránh cái nhìn của mọi người. Y tìm thấy một chiếc ghế băng các chân đã gàn long ra, khập khiễng, mặt ghế bám đầy những tảng vôi đã khô. Y liền ngồi xuống đấy, khoanh hai cánh tay vạm vỡ trên ngực. Được một lát như chợt nhớ ra, y móc túi lôi ra một mẩu bánh mì ăn dở. Nhai hết mẩu bánh, y thè lưỡi liếm mép, rồi

thu cả hai chân lên chiếc ghe băng, y khép hai mí mắt dày cộm như người phù thủy, nhưng vừa chột mắt thiu thiu đi, y đã mở chòng măt, trông thấy một người con gái mặc chiếc áo cánh màu xanh vừa đến ngồi với y trên chiếc ghế, ở tận ngoài đầu măt.

Y luống cuống thả hai chân xuống. Tự nhiên y xích dần ra chiếm lĩnh cái đầu ghế đằng kia.

- Nghe nhà ga vừa báo là tàu ra chậm...

- Dạ, dạ thế ạ?

Trong lời nói và điệu bộ của y có một vẻ cuống quýt đến tức cười. Quả thật với bộ quần áo sĩ quan trại cải tạo, y không bao giờ lại dám chờ đợi một câu trao đổi bình thường như vậy. Nó có cái gì quá độ lượng. Nhất là... trông cô gái xinh đẹp và có văn hoá, và lạy Chúa, nói quá vô phép, cái khuôn mặt trắng hồng của người thiếu nữ mới nhìn qua ai cũng đoán biết là mới ở ngoài miền Bắc vào, sào mà giống... vợ y, phải, thật là giống Hân - cái người vợ hiện giờ vẫn đang sống ngoài miền Bắc cùng một đứa con với y.

Ngày mới lấy nhau - y ngồi âm thầm nhớ lại - Hân mới ngoài hai mươi, trước đây đã từng nhiều năm yêu Thăng, nếu không có y nhảy vào thì vợ y đã lấy Thăng. Khi nhảy sang bên này cũng như lúc đang còn ở bên kia, bao giờ y cũng là một người đàn ông có nhiều sức hấp dẫn. Y chơi ghi-ta được và hát hay.

Y chột nhớ cái buổi tối ấy, đoàn văn công không chuyên của sư đoàn biểu diễn ở trung đoàn 2 sang tối thứ hai thì y mới từ trại trồng sản được gọi về. "Cây ghi-ta Quang" đeo cây đàn đuổi theo. Ngôi nhà ngói năm gian mới xây, trụ sở huyện đoàn thanh niên mà nửa đêm trên dọc đường y ghé ngủ nhờ có một cái hiên đến là rộng, và mát, và cũng có một chiếc ghế băng ban đêm vẫn bỏ ngoài. Cô thường trực huyện đoàn từ "co" đến khuôn mặt, nhất là cái cổ, thật "đáng giá nghìn vàng". Nửa đêm về sáng, y đã nẩy ra cái ý định "bắt" cô ta bằng cách dùng mấy ngón tay

gãi gãi vào mặt hộp đàn. Lúc đầu cô ta còn nằm bên trong nhà mà kêu "ùi, ùi". "Con chuột" im được một lúc, lại từ trong xó bò ra cứ nhè cái mặt đàn mà gặm. Ba bốn lần như thế, cực chẳng đã, người nữ bí thư trực huyện đoàn thanh niên đã phải dậy mặc quần áo đi ra hiên để xua chuột. Người con gái nổi tiếng "gan vàng dạ sắt" đêm ấy phải đi ra đi vào hàng chục bận cho nên, than ôi, đã chịu sa cái "bẫy" của hắc, để làm vạ hắc.

Ôi, suốt một đời tài hoa - y tự phong - như một cái ngọn cây dẻo dai uốn theo mọi chiều giông bão, vậy mà đến lúc cuối cùng, lại gãy!

Y như một con cú đậu trong bóng tối đang nhìn một con chim lông màu xanh đang vừa ra ràng tự nhiên bay đến đậu ở đầu kia chiếc ghế băng.

- Thưa cô, - tiếng y trở nên ấm hơn, - cô đáp tàu ra hay tới đây để đón người nhà?

- Tôi đi đón...

- Dạ thưa, tôi cũng đi đón... - hắc cúi hắc phiến lưng vạm vỡ vẫn còn khá mềm mại xuống, hai bàn tay áp vào nhau. - Theo quy định của trại thì chúng tôi không được đi đón người nhà thế này, nhưng vì tôi là... tôi là...

- Chắc là... bác cái tạo tốt?

- Dạ vâng, không những thế, bây giờ tôi còn được liệt vào diện các cộng tác viên, những trại viên tin cậy của trại.

- Chiếc ghế cập kênh quá... Mà thưa cô, cô có nghe nhà ga vừa báo là tàu ra chậm phải không ạ?

Cô gái định ra hiên đứng nhưng rồi phải ngồi nán lại:

- Có, tôi có nghe.

- Vậy thì không khéo mắc mưa mất... cô xem trời kìa, cơn giông to lắm! Cô có mang áo mưa đi theo chứ?

- Không, lúc sắp ra đi bụng đã bảo dạ phải mang theo áo mưa, vậy mà cứ lúnh quýnh với cái nồi cơm vẫn quên cái áo

mưa. - Người con gái mặc áo xanh đến lúc này đã chịu ngồi lại. Nhìn bề nghiêng khuôn mặt hẳn có một nét gì đó thật khó nắm bắt, quy luy nhưng lại tàn ác, nhưng đầy quyến rũ.

- Ở đây buổi chiều đi đâu cô nên mang theo áo mưa, phòng khi thời tiết thất thường. Cô cũng ở gần đây thôi chứ ạ?

- Gần, vâng, gần.

Người con gái mặc áo xanh đã đứng dậy. Cô cầm chiếc nón đi ra ngoài hiên. Trên khắp khung trời đến lúc bảy giờ đã kín đen những đám mây giông. Gió thổi rạp từng vạt sườn đồi cỏ tranh nhấp nhô như sóng hai bên con đường sắt. Không gian sáng bừng lên bởi những tia nắng quái từ mặt đất chiếu hắt lên bụng những đám mây.

3

Thăng phải vấp mồ hôi mới len vào được bên trong một cái toa mà đủ các loại bao đựng sản thái lát phơi khô đã chất thành củi, chẳng còn một lối hờ nào để đi lại nữa.

- Chiều trời này là có giông đây! - Một người đàn ông mặt mũi trông rất hăm tày thốt kêu lên rồi đang nhìn ra ngoài bỗng quay hẳn người lại, đảo cả hai con mắt nhìn Thăng một cái nhìn như muốn chiếm độc quyền khoảng không gian sinh tồn.

Vào chính giữa cái lúc Thăng đang khó chịu và thử kiếm một chỗ đứng khác thì cách đây chừng vài hàng ghế, một người đàn bà ý tứ bế đứa con đang ngồi cạnh đặt lên lòng. Lúc Thăng nhận ra đó là một người đàn bà mà lần nào đi tàu anh cũng gặp, cũng là lúc chị đã soạn xong một cái chỗ trống bên cạnh, trên chiếc ghế đã có ba người kể cả đứa bé.

Thăng rời người đàn ông quàu quạu, nhưng vẫn một cách miễn cưỡng, anh đến bên chiếc ghế. Anh không vội ngồi xuống

mà vẫn đứng:

- Chào chị!

- Dạ...

Người vợ lính hay sĩ quan nguy gì đó có khuôn mặt và dáng dấp như một nữ sinh ngược nhìn Thăng - có ý như muốn mời anh ngồi xuống nhưng không dám nói.

- Mời anh ngồi tạm.

Cuối cùng chị đã dám nói. Anh ngồi ghé xuống trên mép ghế và đưa bàn tay khê thoa lên mái tóc của đứa bé:

- Chị và cháu... vẫn mạnh giỏi.

- Dạ... - người đàn bà trở nên mạnh dạn hơn, - có lẽ anh cũng chỉ đi đến ga đó như mọi ngày?

- Vâng, - tự nhiên Thăng thoáng thấy hơi khó chịu, như bị nhìn vào đời riêng. Phải, lần này Thăng vẫn chỉ đi đến cái ga đó rồi xuống. Và đến đó, người đàn bà và đứa bé cũng xuống tàu. Thăng biết rõ như vậy.

- Anh chị có mấy cháu ạ? - Thăng hỏi thăm người đàn bà.

- Chúng em mới lấy nhau vài năm trước ngày bên cách mạng ta vào, cho nên cũng mới được một cháu thôi ạ.

Có vẻ chị chờ Thăng hỏi thêm điều gì nữa, nhưng Thăng chỉ tỏ ra sợ ngồi bên nhau im lặng mãi bất tiện cho nên phải trò chuyện vì xã giao thôi. Trên cái miếng đất đã trải qua chiến tranh và đối địch nhau trong nhiều năm, mối quan hệ giữa những con người không phải trong một phút chốc lấy lại sự cởi mở và hồ hởi, thậm chí con người ta đôi khi phải bày tỏ sự bao dung với nhau bằng một khoảng cách của im lặng đầy tế nhị. Thăng ngồi nhích thêm ra sát mép ghế, đặt chiếc túi lưới bên trong có gói bánh, mấy cuốn sách truyện và hai chiếc đèn pin lên lòng rồi cố quên hết mọi chuyện, ngồi hơi quay đi để khỏi phải trông thấy cái người đàn bà vợ sĩ quan nguy bên cạnh cùng cái cặp mắt đang như nhìn vào đời riêng của mình.

Thật ra người tiểu đoàn trưởng xe tăng phải quay lưng về phía người đàn bà để chị không thể trông thấy cặp mắt anh.

Vốn là người quen sống dè sẻn trong việc bộc lộ tình cảm và cứng rắn nhưng mỗi lần ngồi trên con tàu đang chạy qua con đường sắt vừa bắc, mỗi thước đất trước mặt lại gợi nhớ một trận đánh, Thăng không thể kìm nén xúc động. Chỉ cần nghĩ, có biết bao anh em một thời cùng sống với nhau, đã ngã xuống trên từng đoạn đường sắt con tàu đang băng băng chạy qua là Thăng đã thấy nước mắt tự nhiên dâng lên.

Phải, có được một con tàu hoả đang nhả làn khói xám và lăn bánh qua vùng đất này, Thăng cùng bao nhiêu đồng chí đã phải bèn gan đi qua những ngày cùng kiệt của khó khăn. Chỉ có Thăng mới hiểu hết như thế nào là chiến trường nơi này. Đời Thăng đã từng phải sống những lúc đạn hết, gạo hết, đất dưới chân thậm chí chỉ còn một vạt rừng dốc đứng đủ để người lính đặt chiếc gùi xuống giữa hai bàn chân. Đêm đêm cùng nhau đốt một ngọn lửa nhìn xuống những quảng điện sáng xanh nhấp nháy suốt đêm, nhìn xuống những dải cồn cát trắng phau hoặc vàng rực trong nắng, nhìn xuống những khúc đường tàu đã chốt chặt bởi xe tăng địch, tưởng như một xứ sở chỉ còn vĩnh viễn nằm lại đầy những anh em đã hi sinh và trên lớp xương cốt của những người đồng đội của mình tưởng như địch đã làm xong công việc, tưởng như chúng đã tiêu diệt cách mạng đến gốc rễ.

Thăng đã đọc thấy trong các cuốn sách người ta mô tả lòng dũng cảm nhưng anh chưa thấy ai vẽ lên tấm chân dung những người lính dũng cảm như vậy, những người lính của trung đội ấy - cái trung đội 1 mà Thăng được điều sang để nắm lấy, sau khi thắng Quang chạy sang hàng ngũ địch. Một trung đội chiến đấu

mà quân số chỉ bằng một tiểu đội. Những cái mặt tái mét vì sốt rét. Những con mắt lơ đãng. Những câu nói dăm dăng. Nhưng đó là những người lính kiên định, thực sự kiên định. Lúc bấy giờ, đường xuống đồng bằng không khai thông được, giáp ranh địch đã chiếm, lối thông ra đường tuyến cũng bị địch chiếm. Thò mặt ra khỏi rừng là chạm địch. Đi đánh nhau về ngồi nhìn thương binh cứ xui đi dần vì đói, giữa lúc trên trời, chúng nó, những thằng chiêu hồi ra rả gọi tên từng người một ra đầu hàng.

Cách mạng có những lúc vui vẻ và có những lúc như vậy. Người lính cách mạng có những lúc người ta ào đến để công kênh lên vai, ném hoa tới tấp lên người và có những lúc như vậy. Có được những lúc vui vẻ là nhờ bền gan vượt qua được những lúc như vậy.

*

* *

Thăng như bừng tỉnh từ những mẩu ký ức đầy nặng nề. Anh lại sực nhớ những câu đùa bỡn rất sát của mấy cậu thuộc tổ 3 - cái tổ kéo kích được trang bị máy móc đầy đủ nhất - vừa đi lôi chiếc T.34 của ta bị trúng mìn ở khu gò mả về. Chắc là trong suốt thời gian gần một tuần lễ cấm lều bên đường sắt để chữa hai chiếc xe tăng, thế nào cánh lính sửa chữa chẳng lang thang vào xóm, không khéo chúng nó gặp Phận? Nếu không, mấy cái thằng lính của anh làm sao biết kỹ về "cô giáo Phận" như vậy?

Hắn lúc này Phận đã dạy xong những tiết buổi chiều, theo một con đường mòn chạy ngoằn ngoèo giữa những trập đồi hoang mọc đầy thanh hao để ra ga đón anh.

Mới cách đây vài năm, hồi Phận đang còn là một cô học sinh nhút nhát của trường sư phạm "mười cộng ba" của tỉnh, thỉnh

thoảng Thăng cũng có gặp nhưng hồi ấy Thăng chẳng hề bao giờ nghĩ có lúc anh sẽ yêu Phận, cũng như chẳng ai ngờ, học xong, có thể coi như một điều rủi ro, Phận bị điều một mạch vào tận trong này.

Ở ngoài miền Bắc, Thăng nghĩ, chắc là gia đình Phận đã biết Phận đã gặp Thăng, và yêu Thăng?

Và có lẽ, trước tin này, người vui nhất trong gia đình là Hân. Phải, Hân sẽ rất mừng cho cả hai người. Đối với Hân, không phải bây giờ mà ngay từ lá thư đầu của Phận gửi về nhà ở ngoài ấy, cuộc gặp gỡ vô tình giữa đứa em gái mình và Thăng tận trong này như đã báo trước, như đã hứa hẹn trước một điều: Rồi đây Phận sẽ thay thế Hân. Tất cả những lỗi lầm không thể cứu chuộc mà Hân gây nên đối với Thăng sẽ được Phận bù đắp. Bằng tình yêu đầy trong trắng của Phận. Và, như thế là tất cả mọi điều mong mỏi tốt đẹp nhưng đầy sâu muộn của Hân đối với Thăng, đã đến.

*
* *

Thăng biết, ngày ấy, sau khi hỏi han khắp nơi và đã biết đích xác ở trong chiến trường Quang đã chạy sang hàng địch, đã là tên phản bội, Hân gần như ngất đi, thậm chí sau đó Hân đau đớn và xấu hổ đã phải ôm con bò làng mà đi. Hân cũng xin từ chức, xin thôi cái chân uỷ viên thường trực của đoàn thanh niên huyện.

Từ cái hồi đó, Hân chỉ gặp mặt Thăng có một lần - do Hân chủ động tìm đến gặp Thăng - khi nghe tin anh về phép. Hân phải đi bộ suốt hai ngày từ vùng khai hoang tận trên miền Tây về và không mang con theo. Hai người gặp nhau ngoài cánh đồng.

Thăng không ngờ Hân già và xấu đi đến mức thế. Mới hăm tám tuổi mà như đã bắt đầu bước sang tuổi già. Thật khó diễn

tả hết những tình cảm trái ngược diễn ra trong lòng Thăng lúc ấy. Căm giận, khinh bỉ, thương xót, và một điều thật trở trêu, hình như Thăng vẫn còn yêu Hân, một thứ tình yêu dai dẳng qua ngày tháng như một vết thương không bao giờ lành. Mặc một chiếc áo cánh nâu đã sờn cũ, Hân ngồi trên cái bờ ruộng, những ngón cổ tròn và rất cao ngày xưa giờ gục xuống, như một cái cuống hoa bị gãy.

*
* *

Hôm thằng Quang chạy, trời cũng đổ xuống một cơn giông như hôm nay.

Giữa những tia chớp nhằng nhịt rạch nát một dải chân trời thấp, đầy mây đen, Thăng trông thấy hấn chạy đâm bỏ về phía mấy đám ruộng mạ đằng xa, nằm trước chân tre của một ngôi làng mà bọn địch từ bên kia sông mới nổi sảng.

Sao mà trong lúc ấy, tấm lưng áo quân phục màu nước dưa của hấn hàng ngày trông cứ như một tấm áo bằng giấy, và cả toàn thân hấn, cái tên phẫn bội, cứ vụn vẹo như một cái vỏ đồ.

Trong một phút hốt hoảng, bọn địch đóng trong làng tưởng ta lợi dụng cơn giông đánh dốc sang, cho nên chúng cứ nhè thằng Quang mà bắn. Hấn vội vàng nằm bẹp xuống và khi nhòm dậy trong đám ruộng mạ, hấn gờ một chiếc mũ xoa trắng khoát khoát về phía địch. Đột nhiên sau đó hấn quay nhìn về phía sau.

Chao trời đất, sao mà cả cái mặt hấn vàng như trát nghệ, và tròng con mắt cũng vàng rực và trở nên long lanh như mắt một con mèo hoang, chẳng biết vì những ánh chớp trong cơn giông lúc ấy hay vì nỗi khiếp đảm của chính hấn khi nằm giữa hai làn đạn: vì hấn đã nhìn thấy không những kẻ địch phía trước mà phía sau, Thăng cũng đang giương khẩu súng lên, cho nên

hắn mới khiếp sợ đến mức như thế.

Thăng chạy trốn thì khiếp sợ mà kẻ nhăm bấn ở phía bên này thì cứ sững sờ! Chao kìa, mới trước mấy phút hắn còn ngồi giữa anh em đồng chí bên mình, trước một chiếc điều cày, một đám lính giả vờ đỡ dẫn hai mắt, giả vờ say ngất ngư, làm gì có thuốc lào, một dúm tinh nứa sao tẩm với vi-ta-min C, và mới sáng ngày mọi người còn xúm vào nhạo hắn đã nói mê sảng suốt đêm qua; và ngày hôm qua, ngày hôm kia, hắn mới cùng mọi người đánh một chiếc quần xà lỏn và chiếc áo cổ vuông đi gùi gạo, đi lấy củi; và cả chiếc áo hắn đang mặc trên người, bây giờ như một chiếc áo bằng giấy, chiều hôm qua còn giặt phơi dưới bóng cây, bên những chiếc áo của các đồng chí khác? Nhiều năm về sau, những khi ngồi nghĩ ngợi một mình, Thăng cứ tự hỏi mình, như hỏi một điều bí ẩn tại sao trong lúc ấy, khuôn mặt màu vàng của tên phản bội đã nằm gọn trong vòng ngắm của khẩu tiểu liên AK báng gập của Thăng, mà Thăng không bóp cò?

Thì hoá ra là như thế: cái nhận thức của Thăng về hắn - từ một đồng đội sang một tên kẻ thù - tiến triển chậm chạp hơn cái động tác chạy sang hàng ngũ địch của hắn.

*

* *

Con tàu vẫn lao đi.

Thăng nhào người về phía bên kia để nhìn ra một vùng cánh đồng lẫn gò bụi về phía Đông của con đường sắt. Đến đây mới Đụn, sắp tới Liêu, vượt qua ga Liêu chừng nửa cây số mới tới cổng trắng thứ nhất. Từ đấy ra tới dải còn tha ma đã xảy ra trận đụng độ xe tăng còn hai ga nữa, và ba chiếc cổng trắng nữa - đã từng được đánh số trong bản đồ chiến sự của hồi đó theo thứ tự 1, 2, 3, theo hướng đoàn tàu hiện giờ đang chạy.

Có lẽ tại vì chiến trường quá hẹp. Thắng nghĩ, cho nên cuộc đời của hắn và Thắng y như hai thanh sắt đường tàu lúc nào cũng chạy song song bên nhau: khi hắn đang còn bên mình thì anh và hắn cùng sống trong một đại đội, khi hắn chạy sang địch thì anh và hắn vẫn cứ quần quanh trên mấy điểm cao đã được đánh dấu nhoe nhoét trên bản đồ, anh và hắn lại vẫn cùng giẫm lên một cành lá, một con đường mòn, anh và hắn cùng lắng nghe một tiếng nổ, thở chung một bầu không khí nóng như lửa của vùng gió Lào.

4

Từ lúc cô gái mặc áo xanh bỏ đi ra ngoài hiên, gã đàn ông mặc bộ quần áo sọc vẫn một mình ngồi nguyên ở một đầu ghế băng. Đó là chiếc ghế mà những người thợ nề đã dùng trong những ngày xây ngôi nhà ga.

Vừa ban nãy, đám đông hành khách đi chuyển tàu ra còn tản ra khắp nơi trong phòng, đến giờ họ đã đứng sắp hàng đôi trước cửa bán vé.

Cơn giông mỗi lúc một vùn vụt. Không khí trở nên oi bức gieo vào lòng hành khách một cảm giác chờ đợi đầy bức rứt. Người đàn ông mặc quần áo sọc từ trong góc tối ban đầu còn thỉnh thoảng nhìn ra hiên có ý tìm cô gái đi đón người nhà, nhưng về sau chính sự hiện diện của cô lại khiến y càng trở nên bức rứt và bối rối, sợ sệt...

Y ngồi thu mình lại, không biết làm gì cho qua hết thì giờ, y ngồi bẻ từng đốt ngón tay. Bẻ hết các đốt của hai bàn tay, y lại bẻ lại một lượt nữa, chẳng còn nghe được một tiếng kêu "khục" khô khan nào nữa, nhưng từ mỗi đốt ngón tay, người đàn ông thấy chột hiện lên một năm của đời y.

Y ngồi đếm ngón tay, trong khi chờ chuyển tàu ra.

Người vợ sỹ quan nguy có khuôn mặt giống như một nữ sinh đang ôm con ngồi bên Thăng kể:

- Anh ạ, ba em là một người rất ghét những cái gì lộn xộn, thiếu trật tự. Ba em bao giờ cũng ưa chuộng sạch sẽ và trật tự, và sự hợp lý. Gia đình em ở trong thành nội. Sống giữa thời buổi chiến tranh mà ông cụ vẫn không rời bỏ thói quen, hay đúng hơn, là một cái thú chơi: cứ mỗi năm vào cận Tết, lại kê lại đồ đạc trong nhà một lần. Vẫn chỉ mấy thứ ấy thôi, anh ạ! Vẫn là mấy chiếc ghế, cái bàn, cái đôn sứ, mà cũng chỉ xê đi xích lại trong một vài phân thôi mà ba em phải tính toán, ngắm nghía, xê xích mãi. Để cho cái sự trật tự giữa các đồ đạc đi đến chỗ hài hoà. Nhưng như thế cũng chưa hết kỳ cục đâu. Mỗi lần bên cách mạng ta đánh vào, gia đình em thường chạy vào Đà Nẵng. Trên dọc đường cũng như khi đến nơi, thường là một ngôi trường tiểu học hoặc một căn cứ Mỹ, hàng chục gia đình phải nhốt như đóng hộp vào vài chục mét vuông nền xi măng, vậy mà ba em vẫn cứ lấy làm phật ý nếu chúng em đặt cái va ly, chiếc chiếu xê dịch khỏi chỗ đã quy định.

Đoàn tàu đi qua một khu đồn bốt, cỏ lau mọc trùm lên chen chúc giữa một triền dây thép gai đã sét gỉ. Cỏ lau đồi hoang xanh biếc mơn mớn với những bông hoa như giát bạc vào nền trời mây giông.

Một giọt mưa to bằng hạt ngô vỡ tan trên gò má rám đen của Thăng. Ông cụ già thích sự trật tự và hài hoà đã mất trong lần di tản đầy hỗn loạn năm 1975.

Nhà cửa đồ đạc bị lôi ra khỏi nhà và đập phá sạch khi bọn thủy quân lục chiến thất trận tràn qua thành phố. Nhà một đàn con gái đều được học hành tử tế và nguyện vọng suốt đời của người cha là không để gia đình dính líu đến lính tráng, không để

lính nguy lợt vào trong nhà, nhưng cả năm người con gái đều lấy chồng lính nguy. Người con gái cả chồng chết trận, chàng rể thứ ba thành thương phế binh. Còn người con gái út - cô út được người cha cưng chiều nhất - lấy chồng sau cùng... đang ngồi trên chuyến tàu với Thăng.

*
* *

Từ quảng công trắng thứ hai, rừng bò ra sát lề đường sắt. Ngày xưa trên quảng này, đơn vị thiết giáp và xe tăng hỗn hợp của Thăng chỉ cần bố trí một chiếc - một chiếc T.34 giấu mình kín đáo trong một cái hõm đất khoét sâu vào con đường tàu, tháp pháo quay sát ngọn cỏ may, uy lực của nó có thể cản cả một tiểu đoàn, nếu địch dám rời con đường số 1 từ phía Đông đánh thốc lên. Thế mà nhiều lúc chúng cũng liều chết đánh chiếm cho kỳ được một đoạn đường tàu bỏ hoang này.

Con tàu đang hỗn hển lao qua vùng cửa rừng đầy hoang vắng, có một thời chưa lâu mỗi thước đất như cái yết hầu của cả một vùng căn cứ của ta trên xanh⁽¹⁾.

Trong cơn mưa như trút nước, những người lính của đơn vị bảo trì đoạn đường tàu vẫn kê kích ở quảng đường đằng xa, trên phía đoàn tàu hoả đang lao tới. Những tấm áo mưa vải bạt ngấn đã ướt sũng. Những khuôn mặt cháy nắng đang đầm đìa nước mưa. Những gò má vàng nghệ nhọn hoắt. Những dáng hình người lính đang cật lực lao động hiện ra mờ mờ phía trước, chợt biến thành hai dãy người trên vai vác những chõng, cò lê, kích, đứng giăng giăng hai bên thành tàu rồi thoát biến mất ở phía sau.

(1) Rừng

Thăng xách chiếc túi, một lần nữa, nhào người về phía ghế bên kia.

Một nhóm mấy cậu phụ trách chiếc M.41 trong tổ kéo kích đang trèo lên ngòi ngát nghiêng trên nóc tháp pháo.

Người nào người nấy đều cười trần, trên mình chỉ có chiếc quần đùi.

"Mấy tay này đang định tìm cách lôi nốt chiếc M.41 về bãi tập kết ngay đêm nay chẳng?"

Từ sau một cửa sổ toa, Thăng cố ý hét to:

- Để nó nằm đấy, sáng mai mình sẽ ra với các cậu!

Chẳng biết mấy người lính của anh có nghe được hay không, lồ nhô trên tháp pháo ngang tầm với cửa sổ toa tàu một nhóm người cười trần đứng vụt lên và những hàm răng đang nhe ra cười với Thăng. Anh vút qua cửa sổ sang cho họ chiếc túi lưới đựng gói bánh và chiếc đèn pin. Một người trong bọn họ đã giơ tay bắt lấy.

Trên đà con tàu chạy. Thăng ngấm những bánh xích đã rệu rạo của chiếc xe tăng mang nhãn hiệu của địch đứng chênh vênh trên bờ mép ta luy. "Thằng Quang đã từng lái nó..." Thăng tự nhủ và chợt nhớ lại rành rọt cái lúc anh ngồi trong chiếc T.34 nhìn qua khe quan sát hình chữ nhật rất hẹp, trông thấy chiếc M.41 từ hướng cái cổng trắng thứ ba nhô ra.

Nấp sau dãy gò bụi bên trái bãi tha ma, khẩu 57 của anh đã khạc lửa. Anh bắn cháy ngay khi nó y như một con bọ hung lè mè chậm chạp vừa ngúc ngoắc cái đầu kèn càng vừa héch mũi lên trườn qua mặt đường xe lửa. Vừa ngay sau khi đó một vệt lửa xanh đến chói cả mắt chạy loằng ngoằng trên mặt gò nhẹ nhàng hất chiếc T.34 lên không.

Cũng như bây giờ trong cảnh sắc của cơn mưa dầm dìa, dải gò tha ma lúc ấy cũng phủ kín một lớp cỏ trải qua nhiều ngày hè đã khô xác, cứ phơi ra một màu rì đồng. Nhưng đây chỉ là vẻ mặt của nó bề ngoài. Dải mìn điện bố trí sẵn đã được bọn công binh địch ẩn nút cho nổ. Dải gò tha ma chợt sáng xanh. Trong chiếc T.34 bữa đó có ba người ngồi, kể cả Thăng. Một đồng chí hy sinh ngay, một đồng chí bị bỏng một phần ba người. Thăng bị thương cũng khá nặng ở mạn sườn và bắp đùi, nhưng vẫn còn có thể ngồi được.

Một chiếc trực thăng hạ xuống.

Từ trong khoang máy bay cánh quạt ùn ùn đổ xuống ít nhất cũng gần một tá người. Đi đầu là một thằng thiếu tá "tâm lý chiến" đeo kính trắng và tiếng nói ồm ồm như đàn bà, giọng Bắc, mềm hơn người ngoài Bắc nói, hần lùn tịt và béo tới mức Thăng nhìn cứ ngỡ là người lùn, trông mặt mũi phúc hậu, thậm chí hơi đàn đàn. Theo sau, mấy thằng tùy tùng về nho nhã rất Mỹ, ba nhà báo - trong đó có một tên nhà báo Mỹ cao lổng khổng và đeo đầy kính trước ngực đủ các loại máy móc. Có lẽ đáng kể hơn cả là một nữ bác sĩ (qua lời giới thiệu của tên thiếu tá với Thăng) và một đám con gái choai choai, đứa nào cũng trông được, vận váy áo màu xám nhà binh cả.

Thăng nói nhỏ với Hạnh - đồng chí bị bỏng đang nằm phía sau - phải cảnh giác, nhưng cũng phải chờ xem chúng nó định giở trò về gì. Hai anh em thấy một đám lính với điệu bộ đầy kính trọng và nương nhẹ, khiêng đến trước mặt họ một chiếc cáng có bốn chân mạ kền. Chiếc cáng từ chỗ chiếc tăng M.41 đang nằm chống kênh và bốc lửa ngùn ngụt, đi đến.

Thăng Quang từ trong chiếc cáng ngồi dậy. Trên đầu hần quần băng trắng. So với ngày trước khi còn ở bên mình bây giờ trông hần đấy ra, từ nước da đến mái tóc đều mỡ màng. Vừa suýt chết từ trên tháp tăng văng ra mà cặp môi vẫn đỏ mọng, hần lại mới để một hàng ria con kiến trông rất ra dáng một sĩ

quan thiết giáp nguy, so với ngày xưa bây giờ hấn như một khối hồng huyết cầu, đặc biệt những ngón tay và cái cổ béo múp múp. Chà, mới già nửa năm mà hấn đã "lột xác" ra khỏi "con người ở phía bên kia sang" nhanh thế! Hoạ chẳng còn có thể nhận thấy "cái điểm yếu" của hấn - gốc tích là một tên phản bội - ở thái độ lạnh nhạt, khinh khỉnh của đám ký giả vừa trên trời đổ xuống. Nhưng hấn đã tiếp xúc với thái độ ấy chán ra rồi. Ngày mới chạy sang đám ký giả vây lấy hấn đông biết bao nhiêu. Vẫn cái kiểu khinh khỉnh - bọn nhà báo chúa ghét những thằng chiêu hồi, ban đầu hấn cũng cảm thấy buồn và chột dạ, nhưng rồi cuối cùng chính mấy thằng cha nhà báo cũng phải phỏng vấn hấn, cũng phải chụp ảnh hấn, cũng phải gọi hấn là "chiến sĩ" này "chiến sĩ" nọ. Hấn lại còn định ở bên này lâu lâu rồi hấn sẽ chửi cho bọn nhà báo một trận. Ví dụ như hôm nay ở đây hấn đã đổ máu cho ại, chẳng phải cho cái chế độ quốc gia cộng hoà đang nuôi nấng, đang trả lương cho hấn và cả cái lũ nhà báo?

Đám con gái choai choai chạy xô đến trước mặt hấn. Một "em" trông mặt đã cứng nhưng có lẽ là "hoa khôi" nhất đám, da mặt trắng mịn và có vẻ như một ả Tàu lai, chào hấn xong liền được hấn vẫy tay gọi lại. Hấn nói với ả gì đấy, mặt mũi nghiêm nghị và ả kia cũng lắng nghe một cách nghiêm nghị.

- Chúc mừng đại uý Quang, - chờ hấn nói chuyện xong, tên thiếu tá lùn tiến đến, - vừa nhận được điện, đại uý báo cáo về là tôi tổ chức đoàn, đi ngay.

- Nào, nào, thưa ông thiếu tá chính trị... ta bàn thêm một tý nào!... - tên Quang nói với tên người lùn đeo kính trắng.

*
* *

Tất cả mọi chuyện trên đây chỉ là dàn cảnh. Kể cả việc

người nữ bác sĩ làm thuốc và băng bó cho Thăng và Hạnh rất cẩn thận cũng là dân cảnh. Làm thuốc xong, Thăng thấy ở "Tàu lai" đèn ngồi bên cạnh mình. Ở cầm một chiếc khăn bông trắng lau các vết đất trên má và trên hai bàn tay của Thăng. Chiếc khăn đã dùng nước nóng và thoảng mùi nước hoa, đến dễ chịu. Trong khi làm công việc ấy, người con gái thỉnh thoảng lại kín đáo đưa tay kéo gấu váy xuống. Nhưng chiếc váy len màu xám chật căng không làm sao che kín hết khoảng bắp đùi rắn chắc và trắng như một phiến gỗ săng lẻ. Chỉ thoáng nhìn thấy, Thăng đã thấy có cái gì ghèn ghèn trên cổ và anh phải vội vàng quay đi.

Rượu nho, nước ga, bia hộp, thuốc lá thơm, hoa quả và các thứ thịt nhấm bày ra la liệt chung quanh chỗ hai đồng chí thương binh của ta. Thăng ngồi và Hạnh nằm. Họ nhìn. Hạnh nuốt nước miếng khiến Thăng cũng nghe thấy. Nó bị bỏng. Nó đang háo ruột lắm. Thăng đành hoàng giơ tay cầm một lát xoài tượng to bằng nửa cái bát đưa cho Hạnh: "Ăn đi!" Hạnh lắc đầu quầy quậy mà nước miếng sắp rịn ra ở khoé mép. Cuối cùng, Thăng bắt ép anh phải ăn. Miệng ăn mà nước mắt ứa ra, khiến Thăng phải gắt: "Ăn đi cho nó đỡ háo ruột, nó đã làm được gì mình nào?" Thăng ép Hạnh ăn nhưng anh không ăn, anh không đụng một thứ gì.

Thăng thiếu tá với vẻ mặt phúc hậu đến ngồi xuống ngay giữa cỏ, trước mặt hai người. Cả con người hần và nhất là hai con mắt sau mặt kính trắng luôn luôn nhìn xuống toát ra một vẻ dằn dằn nom đến thật thà.

Nhưng hần chỉ vừa thở ra vài câu là Thăng đã hiểu vì lẽ sao có cái "đám rước" quá đông người này. Qua những câu úp mở của hần đến bây giờ Thăng mới vỡ lẽ. Chỉ đến khi thăng Quang chạy sang, chúng mới chịu xác nhận với nhau việc xe tăng của ta xuất hiện trên vùng chiến trường này là có thực. Và chúng đang phải đối phó với cái tư tưởng sợ xe tăng Việt cộng đang ngấm vào trong đám binh lính. Phải có một "cú" đánh vào tư tưởng sợ hãi

trong binh lính. Vì thế mà những điều kiện chúng đặt ra cho Thắng thật đơn giản: Chỉ cần Thắng gạt đầu một cái, thừa nhận chiếc T.34 của anh bị chiếc M.41 bắn cháy là chúng sẽ lập tức thoả mãn tất cả mọi điều anh muốn. Mấy anh nhà báo vẫn đứng chờ bên ngoài một tán dù vừa căng trên chỗ Thắng ngồi.

- Ông chỉ cần nói một lời ngắn thôi, - tên thiếu tá nói tiếp, - nếu ông muốn trở về hàng ngũ để tiếp tục cuộc chiến đấu, chúng tôi cũng có thể thoả mãn ông được.

- Nhưng ông hiểu cho, - Thắng giả vờ khó xử - chúng tôi trở về bên chúng tôi sau khi đã tuyên bố như vậy, các cấp trên chúng tôi sẽ... coi chúng tôi ra sao?

- Kia! Mời các ông dùng thức gì giải khát đi chứ! - Hấn rót những chai nước cam ra cốc. - Chúng tôi đem bày những thứ này ra đây cũng chỉ là chén nước của người Việt Nam với nhau trong khi nói chuyện chứ không hề có ý gì cả đâu, mong các ông hiểu giùm hộ.

Quay sang tên Quang, gã thiếu tá chiến tranh chính trị chấp hai bàn tay đặt lên ngực, nài nỉ:

- Đại úy Quang, đại úy nói với các bạn đồng ngũ cũ của đại úy vài lời đi. Chắc đại úy vẫn còn nhớ thiếu úy Thắng chứ?

Chỉ một chút nữa là Thắng đã lỡ "ra tay" với cái tên người lùn đầy quỷ quyết này. Nhưng anh đã kìm lại. Anh muốn "nói chuyện" với thằng Quang hơn. Đối với cái thằng Quang này, từ lúc vừa trông thấy hấn, máu trong người Thắng đã sôi lên. Anh nhìn hấn, cũng muốn thử chờ xem hấn nói gì?

Hấn ngồi xuống, thuận tay đẩy cái ả Tàu lai tới sát Thắng hơn:

- Các cậu bắn khá lắm, chỉ một phát mà suýt nữa tớ đi toong!

- Một đứa như cậu, không "đi trước" thì "đi sau" thôi.

- Cũng còn số nữa chứ?

- Số đứa phản bội... "hên" lắm đấy!

Cánh nhà báo cười ồ lên. Một tay rút bút ghi lia lịa. Thăng Quang như bị một cái tát đã cáu lắm nhưng phải kìm nén, để cùng với thăng thiếu tá chiến tranh chính trị "mua" cho được một lời của Thăng. Nếu thực hiện được hẳn sẽ được thăng cấp thiếu tá. Dù đã ở bên ta lâu, thăng Quang vẫn lấy mình để đoán mọi người.

- Thăng này, - hẳn hỏi, giọng không đùa một tý nào, - cậu có muốn sống không?

- Có chứ!

- Sống rồi cậu có muốn sướng không?

- Có, có chứ!

- Thăng này, mình lại hỏi cậu: có phải bây giờ cậu đang ở trong tay chúng mình không nào? Có đúng vậy không nào?

- Chẳng bao giờ! - Thăng cười bật lên đến là to. - Cậu tưởng đã nắm được tớ trong tay rồi hử? Muốn làm gì tớ cũng được hử? Đừng hòng!

- Đồ ngu! - hẳn điên tiết quát, - cá đã nằm trên thớt mà còn làm ra vẻ ta đây, cái thứ mày, một thằng trung đội trưởng lái xe tăng quen cũng học đòi giữ vững tinh thần kiên định đến cùng, giữ vững khí tiết đến cùng, như một nhà cách mạng!

Thăng vụt chồm dậy. Cái tát mà anh giáng xuống, ít nhất trong nửa phút, khiến những tay ký giả đứng ngoài có cảm tưởng nửa mặt hẳn như văng đi đâu mất. Hẳn ngã gục xuống nhưng vội vàng ngồi ngay dậy. Trước mắt bọn nhà báo và lũ "đàn em" con gái choai choai, hẳn nở ra một bãi máu. Hẳn uể oải đứng dậy, bước ra ngoài tắm dù.

Thăng đã tính toán hết mọi điều cho mình. Anh muốn sống lắm chứ! Nhưng trước một cuộc họp báo ngay giữa chiến trường như thế này, anh phải cải chính tất cả những cái gì mà trong Quang đã làm - trong tình thế phía bên ta đang lúc cực kỳ khó khăn, bi đát, anh, một người lính cách mạng càng cần

thiết cắt lên tiếng nói.

Theo lệnh hấn, hai thằng lính trối Thăng lại bằng một đoạn dây điện thoại, đẩy anh đến trước một cái lỗ huyết đã cải táng. "Ông phù hộ cho con, ông phù hộ cho con!" hai thằng lính vừa đẩy Thăng đi vừa khấn nhưng anh đã quay lại, nói đùa: "Đứa nào nghèo khổ tở sẽ phù hộ nhưng phải đợi lâu, số tở sống đến trăm tuổi cơ!" Anh nén đau ung dung bước lên đứng trên mấy tấm ván thiên vớt trên cái bờ đất lẫn với bùn đen moi từ cái hố hình chữ nhật lên, dưới nắng trưa cứ lấp lánh.

- Đáng lý mấy đứa lính phải làm việc này, - thằng Quang lên đạn khẩu tiểu liên cực nhanh, nói, - nhưng chúng nó sợ...

- Vậy thì mày cũng đang sợ... bắn đi, đồ phản bội!

- Không phải đóng vai người anh hùng như trong phim đâu! Tao với mày đã xem chán rồi! Không phải thách!

Hấn giương khẩu súng lên, nhắm rất lâu. Sau một hồi khá lâu nữa, hết nâng lên lại hạ xuống, hấn cầm ngang khẩu tiểu liên cực nhanh Mỹ, tiến đến đứng sát bên cạnh Thăng, dùng mũi súng chọc chọc vào bên trái ngực Thăng:

- Vì Hân, mày hiểu không? Không phải trên đời này chỉ có mày mới biết yêu. .. và cao thượng! Tao vừa nghĩ đến Hân, tao không muốn sau này Hân ở ngoài kia biết tin rằng tao giết mày!

- Này Thăng, - hấn trở lại chỗ đứng bắn ban nãy, cười mỉa rồi đồng dục, - chúng tao đã quyết định thả mày, mày được tự do rồi đấy! (hấn cười gằn) Từ đây về đến trên căn cứ tất nhiên đường đất cũng không phải là ngắn. Nào, hãy bò đi, hãy lết đi!

Thăng chột hiểu. Đến lúc này anh mới suy nghĩ về những vết thương rất nặng của mình. Chúng thâm thật. Anh vẫn đứng bên cái huyết, nói giữa hai hàm răng cắn chặt:

- Được, tao sẽ lết đi, tao sẽ chết gục dọc đường như chúng mày muốn! Như chúng mày đã tính toán. Nhưng với một điều kiện...

- Nói gì.

- Chúng mày không được giết thằng Hạnh.

- Được. Tao sẽ bảo ban, khuyên nhủ được thằng Hạnh. Nó bảo được! Tao cũng cho chôn cất thằng Đạt tử tế. Tao không phải đưa xấu xa. Nào, nhà cách mạng, người anh hùng, hãy trở về bên kia tiếp tục ăn rau tàu bay, ăn củ đao, uống nước suối mà duy trì cuộc chiến đấu!

*

* *

Hạnh ôm lấy Thắng. Thằng lính học sinh Hà Nội hay đóng vai con gái trong các đêm kịch đang ôm lấy Thắng. Nửa thân người đầy vết bông của Hạnh ép sát vào người Thắng: "Anh Thắng mặc em ở đây. Dù có phải găm răng vào đất mà bò thì anh cũng phải bò về cho được thầu giáp ranh nhé!"

Anh mới lết ra khỏi được dải gò đất tha ma, ngay trước mặt bọn chúng, vết thương ở sườn và bên bắp đùi trái đã ứa cả máu ứa ra ngoài làn bông băng, để lại trên những ngọn cỏ khô nhàu nát một vệt đỏ đang khô rất mau dưới nắng trưa đầy gay gắt. Người đàn bà bác sĩ vừa băng vết thương cho anh phải quay mặt đi và bật khóc. Người ký giả Mỹ hết bấm máy ảnh lại chia máy quay phim vào anh. Hai nhà báo người Việt đứng lặng đi trước những ngọn cỏ khô xác đã hơi trở màu mà người lính giải phóng vừa trườn mình qua.

Những kẻ đứng nhìn theo đều im lặng. Trừ Hạnh, không một ai nghĩ anh có thể lết đi mãi như thế được. Người lạc quan nhất cũng nghĩ anh chỉ bò ra đến mấy đám ruộng lấm tấm tro những bông hoa dại màu tím đang héo quắt dưới trời nắng kia là kiệt sức phải gục xuống, chắc chắn như thế.

Thằng Quang và thằng thiếu tá lấy làm bằng lòng về cái kế sách của chúng: Trước cánh nhà báo, chúng không cần đến viên đạn cũng giết được Thằng cùng với cái ý chí chiến thắng đầy bướng bỉnh và gàn dở. Chúng cũng để lộ ra trên mặt, lúc này, một vẻ ái ngại và xót thương trong khi chăm chú nhìn theo Thằng.

Sau cơn choáng đầu tiên, Thằng tỉnh lại.

Anh lại trườn đi. Anh cảm thấy các vết thương đau nhói đến tận cuống ruột. Anh nghiêng rặng, mím môi lại. Trước mặt anh là một trà ruộng bỏ hoang từ bao đời. Những hòn đất bỏ lại sau buổi cày ải từ bao năm, những hòn đất thịt không vỡ ra mà trải qua mưa nắng đã rắn lại như đất nung, ở giữa kẽ những hòn đất, gai xấu hổ mọc chìa lên tua tủa lẫn với những nụ hoa tím bằng chiếc cúc áo.

Trong một lúc, anh thấy mạnh hẳn lên. Hình như bao nhiêu đồng chí ở nhà, mà anh đang nghĩ đến, đang chạy tới tiếp sức cho anh.

Từ phía sau, Hạnh và Đạt, cả người sống và người chết đang chạy lên tiếp sức cho anh.

Và cả những người ở phía bên kia, cũng đang hồi hộp đứng nhìn theo anh, âm thầm khích lệ anh.

Anh dướn bụng trườn qua hết tầng đất này đến tầng đất khác, hết búi gai xấu hổ này đến búi gai xấu hổ khác. Thế mà anh cũng đã vượt qua hết hai đám ruộng. Anh đã bò sang đám ruộng thứ ba.

Anh đã vượt xa được chỗ đám người đứng ba trăm thước.

Rồi năm trăm thước.

Anh đã bò được sang bên kia con đường tàu hoả.

Lần thứ hai, anh ngất đi.

Lúc tỉnh dậy anh chỉ thấy cái bờ đất của con đường tàu bỏ hoang kéo dài một vệt sau lưng. Anh chỉ kịp nghĩ: Nếu bây giờ

muốn bắn anh, chúng phải sử dụng hoả lực cầu vòng chứ súng bắn thẳng chẳng làm gì được nữa!

Hình như trong người anh có một cây nến mà anh đang đốt đến cái mẩu cuối cùng. Anh biết mình sắp chết.

Lúc tỉnh dậy lần thứ ba hay thứ tư gì đó mặt trời đã đổ cái bóng anh về phía sau. Và anh thấy hai hàm răng của mình đang cắm chặt xuống một chất đất màu đỏ sậm có vị đắng nghét, lổn nhổn trong mồm đầy những viên sỏi màu đen sẫm. Anh lòi giữa hai hàm răng của mình ra một lá rau tàu bay, chẳng biết ngọn rau anh đã hái bằng răng lúc nào, trên dọc đường. Tiếng chim "khó khăn khắc phục" đang đối đáp, con trong núi, con trong bụi cỏ kề gần anh. Thế là anh biết mình đã bò về đến vùng giáp ranh, mà vẫn còn sống.

Anh ngược lên ngắm một giải khói thân thiết toả giữa những xếp núi xanh biếc. Và ở cuối tầm mắt nhìn của dãy đồi giáp ranh, là một cái cửa rừng.

Hai thằng địch đang chết đứng giữa bãi tha ma. Chúng đứng nhìn theo, cho đến lúc thấy tự nhiên mất hút anh. Phía bên kia con đường tàu, chiếc ống nhòm cũng không còn tìm thấy bóng dáng anh ở đâu nữa, trong cái màu xanh đầy mịt mù. Trước mắt chúng chỉ còn lại những mỏm núi cao màu xanh của dãy Trường Sơn ngút ngàn. Chúng đã thua, trong một cuộc thách đố.

Cầu tiết chúng gọi điện đi tất cả các trận địa pháo.

Hàng chục trận địa pháo đã "cắn" sẵn trên bản đồ toạ độ bắn các cửa rừng tự nhiên nhất loạt gầm lên như trong một trận đánh lớn. Chúng bắn như đổ đạn, như băm vằm một cách tuyệt vọng một cái chấm nhỏ xíu - một người chiến sĩ của ta đang bò trở về hàng ngũ.

Đoàn tàu đến cái ga ấy giữa lúc cơn giông đang trút xuống những trận mưa rất to. Trời đã tối nhưng đêm trắng toát. Hành khách ngồi trên tàu nghe tiếng nước chảy ồ ồ trong một khe núi gần nhà ga lẫn tiếng chim "khó khăn khắc phục" vẫn đóng dả kiên nhẫn đối đáp trong đêm mưa.

Trong toa không có đèn. Dưới nhà ga chỉ có một ngọn đèn bão treo ngay giữa chiếc cửa lớn. Lỗ nhỏ dưới ánh sáng đỏ quạch những đám hành khách trùm áo mưa ni lông trùm hụp, nhiều người gánh, những hạt mưa to rơi xiên xiên, tiếng hỏi và lời đáp giữa những người trên tàu và người dưới sân ga về giá cả một bì sắn khô trong phiên chợ hôm nay, trong phiên chợ trước, tiếng gọi nhau, tiếng la, nửa tiểu đội bộ đội làm đường sắt đi làm ca đêm như những chiếc bóng im lặng đi qua giữa đám hành khách đầy gồng gánh rồi dừng lại trước mặt một nhân viên nhà ga xách chiếc đèn đồ lắc lư. Họ xin nhau lửa hút thuốc lá rồi đưa thuốc mời nhau hút. "Chúng ta xuống đây chị nhỉ?" Thăng từ biệt người vợ sĩ quan nguy đi thăm chồng - "Chào chàng trai nhé!" - Anh lại đưa tay vuốt tóc đứa bé, lần này câu nói với đứa trẻ đã có ý đùa bỡn thân mật hơn.

Ép mình giữa các bờ vai và sống lưng chưa loét mồ hôi, Thăng chợt nghe rõ lên từng hồi tiếng gầm rú trên quãng đường sắt vừa đi qua, anh biết là cánh lính của mình đang vật nhau với chiếc M.41. Họ định kéo về ngay trong đêm thực.

Vừa ló ra đến cửa toa, đã thấy Phận từ đằng xa chạy đến - vẫn chiếc áo xanh giữa một đám người gồng gánh chen chúc. Không hiểu sao, Thăng chợt nhớ những chiếc lá cỏ tranh mọc chen chúc giữa bờ dây thép gai.

Phận hơi ngạc nhiên và có phần nào không bằng lòng thấy Thăng đã nắm lấy tay mình mà mắt vẫn còn đặt trong đám hành

khách vừa xuống như tìm ai. Nhưng với tâm hồn như trẻ thơ, Phận đã quên ngay. Cô đặt chiếc nón của mình lên đầu Thắng vì với chiếc mũ mềm, cô nghĩ anh có thể bị ướt hai vai áo.

Loáng sau họ đã vào đứng trú mưa trong nhà ga. - Chúng mình vào trong này đứng anh! - Phận đưa Thắng vào tận trong góc phòng, bên một chiếc ghế băng nhìn trong bóng tối như quét vôi trắng. "Mình có thể đứng bên Phận thế này mãi!" anh nghĩ, bỗng mỉm cười và Phận quay lại hỏi: "Anh đói chưa?" "Anh có thể đứng bên em thế này mãi!" Phận cười: "Em nghĩ cũng hay thật" "Hay sao?" "Suốt cả tuần em chỉ ngong ngóng chờ đến thứ bảy".

Họ đứng bên nhau đã gần nửa tiếng đồng hồ mà trận mưa đêm vẫn chỉ thấy mỗi lúc một to hơn. Tình yêu đã làm Thắng nảy ra những thích thú của hồi trẻ. Khi Thắng đưa ra ý kiến cùng nhau đi dưới trời mưa, Phận liền hưởng ứng. Mà quả nhiên, thú vị thật. Chung quanh họ, những quả đồi mọc đầy thanh hao cần cỗi bỗng nhuốm một màu huyền bí, và lòng cả hai người trở nên phập phồng trong một không gian cũng đang phập phồng, giữa những trận đuối bắt của những trận nước rơi như có chân cứ lộp độp, rào rào, từ quả đồi này sang quả đồi khác.

Từ xa Thắng đã trông thấy ngôi trường học và đồng thời nơi ở của Phận như một toà lâu đài vừa hiện ra bởi ảo giác, sau mỗi tia chớp loé lên, làm lộng lẫy cả không gian. Đó là một khu nhà làm bằng tôn trắng, các bức tường vây quanh cũng bằng tôn trắng. Nguyên xưa kia là một bệnh viện làm phúc dành cho trẻ con, của đạo Tin lành - một sản phẩm du nhập vào cùng với lính Mỹ và cùng ra đi với lính Mỹ.

Hai người "dung dăng dung dề" mãi, khi về đến cổng trường thì thấy có một người đàn bà bế đứa con nhỏ đang đứng trú mưa. Thắng bấm đèn pin: chính đó là người đàn bà đã ngồi bên anh trên tàu. Đến lúc này cả người đàn bà và đứa trẻ áo quần đều ướt lấm. Anh hơi xích cái luồng sáng trên tay, lại nhìn thấy phía sau có một người đàn ông mặc bộ quần áo sọc.

- Quang hả? - Giọng Thăng gần như tắc lại nửa chừng.

Một người đàn ông bị chói sáng, vội cúi xuống. Hai người đàn ông đứng trước mặt nhau một lát.

- Mời gia đình ta vào đây, - Phận phá tan sự im lặng khó hiểu, - kéo cháu bé bị cảm mất!

- Có lẽ, phải... - Thăng cũng nói.

- Em đã gặp... bác này đi đón... Ở ngoài ga, - Phận giới thiệu người đàn ông mặc quần áo sọc với Thăng.

- Anh chị đừng ngại, anh chị đưa cháu vào nhà đi! - Thăng nói với người đàn bà cùng ngồi tàu.

Hai người đàn bà vội vã thay quần áo và lau mình mấy cho đứa trẻ. Ngay từ đầu, chỉ bằng cảm tính, Phận đã có nhiều cảm tình với người đàn bà.

Đây chủ động và nhiệt tình, Phận thay qua quần áo rồi chạy xuống bếp hâm lại thức ăn. Suất ăn Phận chuẩn bị cho Thăng và mình bây giờ biến thành một bữa cơm khách đột xuất có những năm người ăn.

Nhưng Phận nhận thấy có một điều gì đó. Tại sao Thăng biết cả tên người đàn ông? Từ lúc về đến nhà, Phận thấy Thăng đang vui vẻ bỗng ít nói hẳn đi. Còn người khách, không hề hé răng và Phận chợt cũng thấy khó chịu, nhớ lại những câu nói đầy xun xoe nhưng lại có vẻ đầy ý muốn tán tỉnh mình lại gần, lúc y như cố ý ngồi ở đầu mút chiếc ghế băng. Lúc bấy giờ Phận không nỡ đứng dậy đi ra hiên ngay vì sợ chiếc ghế sẽ mất thăng bằng khiến y ngã.

Ăn cơm xong, trời vẫn chưa dứt mưa. Phận đưa hai mẹ con người đàn bà vào nghỉ tạm trong phòng mình. Ở bên ngoài chỉ còn hai người đàn ông ngồi ở hai góc chiếc bàn vuông đũa-ra, trước một ngọn đèn dầu hoả. Thăng rút một điếu thuốc, châm lửa rồi đặt bao thuốc lá giữa bàn. Thăng nhìn cái dáng ngồi đầy khó khăn của người đối diện trong bộ quần áo sọc. Anh không hề

có ý muốn khơi lại chuyện cũ, nhưng nói chuyện với nhau, dù những mẩu chuyện bình thường, vẫn thấy khó. Như thế là chiến tranh chấm dứt đã được hai năm và chín năm đã trôi qua, kể từ khi hắn đứng trên cái dải gò đất, nhìn theo Thăng...

Cũng phải thấy rằng trong cái năm hắn "nhảy", kháng chiến đang ở trong một bước khó khăn nhất. Nhưng sự phản bội của hắn đã nằm ngay trong tính cách của hắn. Đây là tính cách một con người luôn luôn tìm cách thoả mãn mọi thèm khát. Hắn chẳng yêu một cái gì cả, ngoài nỗi thèm khát được sống sung sướng, được ăn ngon mặc đẹp, được mọi người chung quanh chiều chuộng và tôn kính. Vốn dĩ là một con người tài hoa cho nên hắn nghĩ hắn không thể sống thiếu thốn, không thể làm những công việc nặng nhọc, không thể chịu nổi những hoàn cảnh nghiệt ngã. Đứng ở bên nào cũng được, miễn là ở chỗ hắn đứng có đàn bà lúc nào cũng riu rít, có đầy đủ miếng ăn và tiếng đàn, giọng hát... Hắn cũng có thể là một con người tốt, thậm chí một nhà cách mạng kiên định, nếu cách mạng thoả mãn được những thèm khát của hắn, nếu cách mạng đang trong bước thuận lợi, thuận buồm xuôi gió, nếu cách mạng là một ngày hội.

Trong cái đêm mưa ấy, Thăng đã chỉ ra cho hắn thấy con người của hắn là thế! Nhưng như thế, anh vẫn chưa vẽ hết tất cả cốt lõi của con người hắn. Trước ngày hắn "nhảy", khi đơn vị đang còn ở ngoài miền Bắc, trong số ba trung đội trưởng, chẳng suýt nữa hắn đã được trên tín nhiệm chọn đề bạt lên chính trị viên phó đại đội, khi đại đội anh khuyết cái chân này đó sao? Ừ, mà trong khi có hy vọng đó, hắn tỏ ra cứng rắn, vững vàng mới khiếp chứ, hắn phân tích, phê phán, hắn biểu lộ quan điểm, lập trường khiến Thăng cũng phải ngại sợ hắn chứ đừng nói anh em chiến sĩ. Một kẻ như hắn có thể đồng thời tay sờ gáy miệng nói đạo đức, và cũng biết sống ép mình lại như một con người khắc kỷ, không màng danh lợi, quyền lực, nhưng lúc nào cũng chờ đón bất lấy tình thế để kịp thay áo, đổi cờ. Một người như hắn bắt

cứ lúc nào cách mạng sơ hở cũng có thể bất ngờ lộn sòng đóng vai người tài đức vươn tới nắm quyền chức, để sống cái mục đích sống của hắn.

Con mưa đã dứt.

Người đàn bà cảm ơn Phận và Thăng rồi xin phép cáo từ. Hai người đưa cái gia đình nhỏ ra cổng. Người đàn bà trao con cho chồng, chờ cho người chồng đi một quãng xa rồi mới hỏi Thăng:

- Hình như anh biết rõ anh ấy hơn tôi. Anh nói dùm cho tôi biết, anh ấy là một người như thế nào?

- Chị hãy giúp cho anh ấy thành khẩn cải tạo, - Thăng đáp, - chị hãy tin mọi con người đều có thể thay đổi.

Người đàn bà đi rồi, Phận và Thăng trở vào nhà.

- Hắn là ai đấy, anh? - Phận hỏi Thăng.

- Là người anh rể của em.

Phận choáng váng. Đây là lần đầu tiên Phận gặp người chồng của chị Hân. Bao năm tưởng hắn đã chết vậy mà hắn vẫn còn sống, đã lại sắp trở thành người của bên ta. Bất giác Phận chợt nhớ đến cái lúc hắn cứ ngồi xích ra ở đầu mút chiếc ghế băng trong góc phòng đợi nhà ga.

MẸ CON CHỊ HẰNG

Chị Hằng che bớt ngọn điện khỏi hắt ánh sáng vào giường, rồi ghé lại bên bức vách:

- Chị Thanh ơi!

- Hằng đi đấy hả?

- Phải, nhờ chốc nữa cháu dậy, chị trông hộ em.

- Được rồi, cứ để đấy. Anh Ca đi mạnh khỏe nhé!

Tiếng trả lời từ ngoài sân:

- Vâng. Chị ở lại mạnh khỏe ạ!

Hằng ôm cái ba lô cóc ra ngoài sân thì Ca đã lại men theo cánh cửa phía sau lưng vợ, trở vào nhà. Ngọn đèn mới được che tấm bìa lịch nên ánh sáng trên giường trở nên lờ mờ. Ca nhìn thẳng Hùng lần cuối cùng. Thằng bé vẫn ngủ say. Dưới lằn chăn bông hoa rất dày, chỉ thấy một cái đầu tóc bồm xồm và nửa cái trán bướng bỉnh thò ra ngoài mép chăn.

Ngoài sân gió rét căn cắt nhưng Hằng cứ tưởng không phải mình đang đứng giữa gió rét mà chính là anh Ca. Cho nên chị lại càng trân trọng cái phút này, chị hình dung thấy trong kia anh Ca đang đứng nhìn thẳng Hùng đắm đắm, và tất cả mọi cái gì xảy ra ở đây lúc này sẽ mãi mãi được ghi trong trí nhớ của chồng.

- Chị Thanh ạ, tiếng anh Ca rụt rè, sắp tới khi nào Hằng nó trở dạ, nhờ chị giúp đỡ.

- Anh cứ yên tâm.

- Dạ, với lại khi nào bà cụ nhà tôi trong Thanh ra, chị nhớ giúp đỡ ý kiến với nhà tôi. Tính Hằng nó không biết chiều bà...

- Anh đừng lo. Kỳ này bà ra, thế nào bà cũng ở lâu...

Ra khỏi cổng cái bệnh viện, con đường đá sứt lở và gồ ghề đến nỗi trong đêm, Hằng chỉ dám đi rón rén sợ ảnh hưởng đến cái thai. Ca dắt xe đạp cũng đi thật chậm để cho Hằng tạm đặt chiếc ba lô cóc trên boóc-ba-ga và chị có thể vừa đi bên cạnh vừa đỡ lấy. Nhưng khi ra đến đường nhựa thì hai vợ chồng đã có thể đeo nhau được rồi.

Hằng ôm chiếc ba lô cóc trước cái bụng chứa ngôi trên boóc-ba-ga đang xoay xoà để lựa một tư thế thoải mái thì anh Ca đã lên tiếng, vẫn những điều cũ kỹ không biết anh đã dặn đi dặn lại bao nhiêu lần:

- Khi nào bận bịu công việc, em đừng cáu gắt với thằng Hùng, nhất là đừng bao giờ đánh nó. Em nghe đấy chứ?

- Em nhớ rồi.

- Cuối tháng sau, bà sẽ ra. Trên đường đi, anh sẽ dừng đánh thêm một bức điện nữa. Lần này bà ở với ba mẹ con được ba bốn tháng, ra đến ngoài giêng thì hay lắm.

- Bà ở được vài tháng đã khó lắm.

- Em khéo chiều thì bà ở lâu hơn, chứ như lần trước em sinh thằng Hùng...

- Hồi ấy em cũng rất chiều bà.

- Nhưng em nhớ đừng có bao giờ cáu gắt với bà.

- Anh cứ yên tâm. Lần này em sẽ không cáu gắt...

Chị Hằng tiễn chân anh Ca tới trạm xe giao liên đầu tiên ở tận một vùng ngoại ô phía Nam. Chia tay chồng vội vã, chị đạp xe về đến nhà lúc trời vẫn chưa sáng. Gian phòng vẫn y nguyên: một tấm màn trắng buông rủ thẳng thắn. Chiếc ri đô hoa. Chiếc chạn bát do chính tay anh Ca đóng... Chị vạch lá màn. Thằng Hùng đã đạp hết chân nằm phơi nửa người ra ngoài. Chị đắp lại

cho con rồi chui vào chăn nằm với con. Tội nghiệp bố mày, chắc bây giờ vẫn đang ngồi đợi xe giữa trời rét! Chị lẩm bẩm rồi lắng nghe những tiếng gió lùa hun hút qua kẽ vách nữa. Rồi chị bỗng thấy trong bụng đau quặn lên. Cái thai lại đạp. Cũng chỉ còn hơn một tháng nữa chị đã sinh. Chẳng biết lần này con trai hay con gái. Chị ao ước một đứa con gái. Chợt chị nghĩ đến bà mẹ ở trong Thanh sắp ra ở với mình, bà mẹ hiền lành và cũ kỹ của chị. Chao ôi, đến bây giờ chị Hằng mới sực nhớ ra mình vẫn có một bà mẹ. Hình như trong những lúc quạnh vắng lại sắp sinh nở như thế này, mới sực nghĩ đến mẹ, bà mẹ của chị đang ở trong nhà quê...



Thế là bà cụ Huân đã ra ở với chị Hằng được mười hôm. Chị vẫn đi làm. Trong thời gian chờ con gái sinh nở, bà cụ ở nhà với thằng Hùng, trông nom cháu. Thằng bé lên ba tuổi rưỡi. Cả bố lẫn mẹ nó đều đẹp vậy mà thằng bé lại xấu. Nhưng điều đó không quan trọng bằng cái việc nó đã bị cả dây nhà lá của khu tập thể này liệt vào loại đứa trẻ không ngoan. Tuy không nói ra nhưng mọi người đều nghĩ rằng thằng bé ít ngoan cũng phải, bởi vì bố mẹ nó, nhất là bố nó, anh Ca, nâng niu chiều chuộng nó quá mức. Thật thế, cả bố lẫn mẹ nó là những người thầy thuốc vậy mà hai hàm răng thằng bé đều cẩu đen lại, bị sâu hết chiếc răng này đến chiếc răng khác. Có gì đâu, suốt ngày nó vùi kẹo, lúc vùi bố, lúc vùi mẹ. Bố thương hơn, bố cho ngay. Còn mẹ, cũng có lúc không cho, thì nó nói ngay: "Con đi mẹ!". Mẹ không mắng. Bố cũng bỏ qua. Vợ chồng chị Hằng được cái nét tốt là chẳng bao giờ mắng con, trong lúc những nhà chung quanh, có người mắng chửi con chẳng còn thiếu điều gì nữa, lại còn đánh con như đòn kẻ cướp. Thằng bé Hùng lại càng trở nên hư từ khi anh Ca được

ngủ phép ở nhà một tháng trước khi đi B. Những năm ở chiến trường anh Ca mới chịu học nấu nướng chứ trước kia vợ nấu cho gì ăn nấy. Trong một tháng ngủ phép ở nhà, anh đã đem ra thỏ thố cái tài vật ấy của người đàn ông. Những lúc ngủ giữa giờ làm việc, chị Hằng vẫn mặc chiếc áo trắng tạt về nhà, không thấy anh Ca đi chợ thì lại thấy anh hí húi nấu nướng và chị lấy làm cảm kích đã gọi đùa anh là "bác bếp". Kết quả là, chị Hằng béo đẫy ra. Còn thằng Hùng thì thật là quá thể - Con ăn gì Hùng? - Con ăn xôi! Người bố chạy đi vo nếp nấu xôi đem ra đĩa nhưng ông con bấy giờ lại tuyên bố: - Con không ăn xôi, con ăn phở cơ! Thế là ông bố sắp đi xa nghĩ rằng mình chẳng còn có bao thời gian được ở với con nữa, chiều chuộng con nữa, liền dắt xe đạp ra phố mua phở. Nhưng phở mua về nó cũng không ăn. - Vậy thì con ăn gì Hùng? - Con ăn kẹo cơ.

Từ hôm có bà ra, thì thằng Hùng hành hạ bà nó. Mới ra ở được mười hôm, con gái chưa đẻ, mà bà cụ tưởng đã chết mệt đi vì thằng Hùng. Nó bắt bà nó công. Nó bắt bà nó rượt bắt cho kỳ được con mèo, con chuột. Chiếc kèn bố nó mua cho hồi tết trung thu - chiếc kèn đã làm khổ tai bao nhà hàng xóm - lâu nay vất trong xó gậm giường. Nó bắt bà nó chui vào lấy ra. Rồi nó bắt bà nó thổi kèn cho nó nghe. Bà nó thổi nhiều quá đã phát mệt không thổi được nữa thì nó nói luôn: "Con đi bà!".

- Chao trời, Hằng, tề!

Chị Hằng cũng thấy xấu hổ với mẹ. Chị nói giận đi kiếm cái que định vác đưa con ra nện cho một trận nhưng lại nghĩ từ hôm ra đi, anh Ca đã gửi về hai lá thư, thư nào cũng khẩn khoản dặn chị hãy thay anh mà yêu con gấp đôi, bất cứ lúc nào cũng không nên mắng mỏ đánh đập nó, tội nghiệp!

- Chao trời, Hùng, mày ăn nói với bà thế à?

Chị Hằng chỉ kêu lên một tiếng vậy rồi buông que, nghĩ ngay tới công việc khác.

Đêm nào cụ Huân với chị Hằng, hai mẹ con cũng nằm rủ rì tâm sự với nhau đủ mọi chuyện, hết chuyện gần lại chuyện xa, hết chuyện làng xóm, họ mạc trong quê lại đến chuyện nhà cửa. Có một lần hai mẹ con đang trò chuyện vui vẻ thì chị Hằng bỗng nổi giận:

- Hai chiếc áo len của con để ở nhà làm sao chúng nó dám lấy đem đi là thế nào nhỉ? Mà tại sao mẹ lại để cho chúng nó lấy đem đi?

- Thì tau có biết chi! Bữa đó con Quyền viên lấy đi một chiếc. Chỉ còn một chiếc. Tau đem phơi, đã đem cất kín trong rương. Con Gio viên lục rương lấy đi nốt.

- Cái gì con gửi mẹ thì mẹ phải biết giữ cho con chứ?

- Thì tau có biết chi mô.

- Mẹ không biết chứ, hai chiếc áo len ấy, anh Ca sắm cho con từ hơn chục năm nay. Con Quyền đi lấy chồng mẹ cho nó đủ thứ, con Gio cũng vậy. Còn con, mẹ đã cho con gì đâu? Bản thân anh Ca, hết sắm sanh cho con lại cho thằng Hùng, chứ có bao giờ anh ấy sắm sanh cái gì vào người mình đâu? Người đâu mà có người lắm cẩm thế cơ chứ! Cho đến lần đi B vừa rồi được mua một cái áo len theo giá của quân nhu. Lại còn định để ở nhà. Con phải nói câu lên, bắt phải mặc vào người, thì mới chịu mặc. Con Quyền, con Gio, chúng nó cứ tưởng vợ chồng chị Hằng ở Hà nội giàu sang phú quý lắm cơ đấy, cho nên chúng nó mới dám tự tiện thế? Cả mẹ nữa, mẹ cũng tưởng gia đình vợ chồng con thừa thãi, cho nên mới để cho chúng nó lấy của con mang đi?

- Thì tau có biết chi.

- Thế thì con cho chúng nó biết. Hai đứa nó không sớm mang về đây giả, thì con bữa xác chúng nó ra.

Nữ bác sĩ Thanh đi làm về, áo công tác chưa kịp cởi đã vội vàng chạy sang:

- Nào, cho cô xem mặt cô cháu gái yêu nào?

Chị Hằng đang nằm bên một cái bọc vỏ chăn hoa cũng vội vã nhòe dậy:

- Đố chị Thanh, cháu giống ai?

- Khuôn mặt sữa của trẻ con thay đổi luôn đi ấy mà! Nhưng mà trông nó giống Hằng lắm.

- Không, nó giống anh Ca đấy chị ạ, xấu, con gái lại đi giống bố.

- Nó giống Hằng hơn.

- Không, nó giống anh Ca đấy chị ạ, cả mấy ngón tay cũng giống ngón tay anh Ca. Chị nhìn kỹ mà xem đây này, con mắt, cái trán, cái sống mũi, có phải y như thằng Hùng không nào? Mà thằng Hùng thì giống bố nó y như tạc ấy chứ? Chị thử quay lại ngắm thằng Hùng xem?

- Sao Hằng về sớm thế, mới ba hôm đã về?

- Sốt ruột quá, sốt ruột với cái thằng Hùng ở nhà. Cứ thương nó ở nhà một mình.

- Đã có bà, sợ gì?

- Vẫn biết thế nhưng đêm nào nó cũng ngủ với em, nó đã quen. Bây giờ, hai ba đêm liền, không có mẹ ở nhà... Em cứ lo, mà nhớ nó phát khiếp đi được!

Mọi người trong khu tập thể đến thăm, ai cũng khen vợ chồng chị Hằng khéo "đúc". Một trai, một gái. Có thể "kế hoạch" được rồi!

Chị Hằng cũng lấy làm thoả mãn lắm. Mấy hôm nay, chị đã

nhờ cậu phụ trách máy điện thoại của cơ quan gọi qua đường dây "tải ba" vào tận trong B báo tin mừng cho anh Ca biết. Rồi một hôm, con Lan - đứa bé mới sinh - đang ngủ và chị Hằng nằm nghiêng bên cạnh đang lần lượt sờ mó từng cái ngón tay bé xíu của nó thì cậu phụ trách máy điện thoại xô cửa bước vào.

- Chị Hằng sang nói chuyện với anh Ca ngay bây giờ.

- Gọi được rồi hả em?

- Máy hôm nay anh ấy bị sốt.

- Ai?

- Anh Ca.

- Bây giờ anh ấy đang ở đâu?

- Đang chờ chị ở máy điện thoại.

Chị Hằng gần như rên rỉ:

- Bà ơi, bà trông cháu họ con.

Bà cụ Huân kêu thét lên khi trông thấy con gái đầu không kịp trùm khăn, bước đánh thịch xuống giường, xô cửa chạy ra khỏi nhà.

- Mới sinh mấy hôm mà mi dám cử động mạnh rửa hủ Hằng?

Hằng đặt một bàn tay lên ngực để nén thở, bàn tay kia vỗ lấy cái ống nghe.

- Anh Ca đâu?

- Anh đây - đầu dây bên kia, tận nơi tít mù xa, tiếng anh Ca cất lên.

- Anh đã nhiễm sốt rét rồi hả?

- Không việc gì.

- Chắc ban đêm anh phải làm việc nhiều?

- Nhiều. Tình hình chiến trường khẩn trương lắm.

Sau khi người ta cắt để lấy đường dây làm việc, chị Hằng không nhớ mình đã nói với chồng được những gì, chỉ biết rằng

thời giờ được nói chuyện quá ít ỏi.

Chị trở về gần đến nhà chợt nghe tiếng con Lan khóc ngất ngất. Sao nó lại khóc thế nhỉ?

Chị bước vào thấy mẹ đang bế cháu ngồi khóc.

- Sao thế hả mẹ?

- Thì tau có biết chi mô, hần chạy vô hần gọi em em, rứa là bắt ngờ nó thui cho con bé một cái.

Chị Hằng giận dữ giằng lấy con từ trên tay mẹ: - Lúc nào mẹ cũng "Tau có biết chi mô?" - Miệng nói, tay chị vạch tay chân mình mẩy đứa trẻ sơ sinh xem có gãy xương hay chảy máu ở đâu không.

Bà cụ sau đó lại thấy con gái quay ngoắt lưng lại phía mình thì vội vã len lén bước xuống bếp, miệng lầm nhảm: "Bất thành linh hần chạy vô em em... thì tau có biết chi mô?"

Chị Hằng quát lớn:

- Hùng, mày vào đây để mẹ hỏi tội!

Thằng bé không những không vào mà lại còn đứng doạng chân ra, giơ cái nắm đấm dứ dứ về phía con bé em. Rồi lại còn nhe răng, trợn mắt, để nhát mẹ nó.

Chị Hằng bật cười, lại càng thương thằng Hùng hơn. Từ hôm chị bế con bé Lan về, nó ít được chị vuốt ve, chăm sóc. Cho nên nó ghen với em. Cũng may, con bé chỉ đau, chứ không gãy xương hay chảy máu.

Trông thấy thằng con trái quý dở khôn dở dại vẫn đứng nhát mình ngoài cửa, chị Hằng nói:

- Răng cò của mày hồi này có vẻ lại càng đen đấy, lại đây mẹ xem thử nào?

Thằng bé đi đến. Chị bế nó lên. Một tay bế con Lan. Một tay bế thằng Hùng.

- Từ nay con phải biết thương em, không được thui em.

- Cứ thui.

- Vậy thì con không ngoan rồi. Con có thương mẹ không?

- Không.

- Thằng đầu bò. Con há miệng để mẹ nhìn kỹ răng xem nào?

Thằng bé lấy hai ngón tay vạch hai khoé miệng và đuôi mắt ra.

Chị Hằng âu yếm lấy tay xoa đầu nó và lại cười:

- Trông mày phát khiếp. Y như sắp ăn thịt mẹ ấy.

- Mẹ gãi cho con mau lên.

- Ở đâu?

- Ở đây này. Đây cơ. Không, đây cơ mà!

Trong lúc cong những ngón tay gãi lưng cho con trai. Chị Hằng chợt hồi hận rằng ban nãy vì thương con Lan quá đã trót cáu gắt với mẹ. Trước khi ra đi, anh Ca đã chẳng dặn lại không được cáu gắt mà phải chiều bà đó ư.

Sự hồi hận như cái bong bóng trời mưa, lập tức vỡ tan đi ngay, khi chị Hằng cúi xuống ngắm gương mặt đứa con gái. Con bé mới kháu làm sao chứ! Nó đang nằm trên cánh tay chị, cả thân người đứa bé cùng lẫn tã lót bọc ngoài cũng chỉ vừa đầy nửa cánh tay ôm, cả khuôn mặt sữa lấp sau cái bầu vú của chị, trên nhìn xuống chỉ thấy hai con mắt nhắm như đang ngủ và cái má bé xiu, đỏ hồng, nở ra hóp vào, và cái bầu vú nặng trĩch của chị mỗi lúc một nhẹ đi.

Rồi chị Hằng chợt cười một mình, nghĩ đến cái lúc mình cũng chỉ bé bằng con bé Lan này. Tuy chị Hằng đã một lần nuôi thằng Hùng nhưng mấy bữa nay, mỗi lần bế con Lan trên tay, chị vẫn thấy ngại, y như sắp phải bắt đầu đi một chặng đường dài, rất dài. Chao ôi, bao giờ thì nó mới biết lẫy, đến bao giờ thì nó mới đến thời kỳ sốt mọc răng? Đến bao giờ biết ngồi, biết đi chập chững từng bước, biết gọi bập bẹ "mẹ, mẹ", đến bao giờ biết múa hát, đùa nghịch, làm nũng. Đến bao giờ nó mới biết nhát mẹ, thẹn em và biết nói lếu láo "Con đi mẹ" như cái thằng Hùng

đầu bò đầu bấu kia? Ngày bằng tuổi thằng Hùng bây giờ, chị Hằng nổi tiếng là một đứa bé hay nhõng nhẽo, làm nũng mẹ. Cái tính ấy vừa là nét chung của trẻ con lại vừa là tính riêng của chị, thậm chí đến bây giờ chị Hằng vẫn chưa bỏ được cái tính nhõng nhẽo, thích làm nũng và bắt nạt mẹ.

- Mẹ ơi!

Bà cụ Huân đang cúi húi thối niêu cơm nếp ở dưới bếp thì nghe con gái gọi bằng cái giọng nũng nịu mà bà cụ đã hết sức quen. Tội nghiệp, bà cụ vẫn cứ tưởng đang bị con gái giận, cho nên cứ ngồi dưới bếp, không dám lên nhà trên.

Bà cụ hí hửng luỳnh quỳnh chạy lên.

- Mẹ ơi, con Lan nó chẳng sao cả.

- Thì tau đã coi, có mần răng mô.

- Mà tại sao nó bé xiu như con chuột nhắt thế này mẹ nhỉ?

- Cha mi. - Bà cụ cười móm mém. - Vừa lọt lòng ra mới được có mấy ngày.

- Ngại quá đi mất. Không biết nuôi đến bao giờ cho nó nhớn cơ chứ.

- Khắc nuôi khắc lớn. Con người rứa đó. Ngoảnh đi ngoảnh lại đã chạy đi nhớn khắp xóm, kêu rít cổ không chịu yên bây giờ.

- Mẹ ơi, cơm nếp chín chưa?

- Mi đói rồi hử?

- Chưa. Mẹ lại gần đây. Mẹ ngồi xuống đây với con một tẹo nào.

Bà cụ ngồi xuống bên đứa con gái. Chị Hằng ủ con bé Lan xuống giường rồi ngã hẳn người vào trong lòng bà cụ Huân.

- Mẹ gãi sau lưng cho con. Đây, chỗ ấy. Không, xích lên một tí. Mẹ gãi mạnh vào. Được rồi.

Bà cụ định đứng dậy thì chị Hằng đã lại bảo:

- Mẹ lấy cái lược chải hộ tóc cho con. Đầu con dạo này y như

cái tổ quạ, mà ngựa vô kể.

- Vừa ở cữ dậy. Kiêng chải đầu đó Hằng à.

- Thì mẹ lấy móng tay cào trong da đầu cho con vậy.

Bà cụ lại chiều đưa con gái từ nhỏ đã được bà chiều chuộng nhất trong mấy đứa con gái, lấy móng tay cào trên chỗ chân tóc của mái tóc uốn. Mười ngón tay của bà cụ chạm đến đầu chị Hằng xuýt xoa kêu đỡ ngứa đến đó. Chị làm tình làm tội, bắt mẹ hầu hạ, chiều chuộng mãi, cho đến lúc chị hô lên một tiếng "được rồi!".

- Chao ôi, cơm nếp! - Chị Hằng lại kêu lên như chấy nhà. - Phần sống, phần khô, phần thì nhão. Thật khó. Đến nấu miếng ăn vào miệng mẹ cũng không biết nấu.

- Tau nó biết thổi cơm nếp bằng bếp dầu mô.

- Cái gì mẹ cũng kêu nó biết, nó biết. Đến những người đàn ông người ta còn biết nấu miếng ăn cho ngon lành cơ mà. Từ nay trở đi, mẹ cứ ngồi bế cháu cho con, con nấu nướng, làm lụng lấy.

- Không được mô, Hằng, mi vừa ở cữ xong. Phải kiêng khem, con ạ.

- Con không kiêng khem gì nữa? Ngồi một chỗ mà kiêng khem rồi đến lúc mẹ cho con nhịn. Đến phí hoài mấy lon gạo nếp.

Thời gian đầu khi bà cụ mới trong Thanh ra, chị Hằng còn nói năng nhẹ nhõm, hoà nhã vui vẻ, nhưng lòng độ lượng của chị cũng chỉ có thể có mức độ, dù rằng đối với một người mẹ. Khốn một nỗi là bà cụ vụng quá cơ. Người đầu mà có người vụng đến thế cơ chứ. Mà còn luộm thuộm nữa. Giặt cái áo cho thằng Hùng vẫn còn đầy ghét. Giặt cái tã cho con Lan cũng vậy. Nấu miếng gì cho mình cũng vậy, không sống sít thì khô nắc, ngửi cũng ngấy chứ không nói bỏ vào miệng. Hơn nữa, nhà cửa lúc nào cũng để bừa bộn. Mà lại còn bảo thủ, làm sai bảo cho con không chịu tiếp thu. Bảo ban cái gì cũng "nó biết chi mô" thì làm sao mà bổ khuyết cho lần sau được.

Vậy thì làm sao chị Hằng khỏi cái khổ gát được?

Vậy là, dần dần, y như lần trước bà cụ Huân ra để giúp đỡ chị hồi sinh thằng Hùng, lần này chị Hằng lại sinh ra hay to tiếng, hay cau có với bà cụ. Cái vạch ngăn cách giữa tính nhõng nhẽo, làm nũng và hay bắt nạt mẹ của một đứa con gái và thói quen tỏ ra uy quyền của một người đàn bà chủ nhà thật là mờ hồ, rất khó nhận thấy, đến nỗi người ta thường dễ lẫn lộn, thường dễ tự lừa dối và tự lừa phỉnh mình.

*
* *

Bà cụ Huân ở với gia đình chị Hằng chưa đầy một tháng thì chị Quyền, người con gái thứ hai lấy chồng ngoài Hồng Quảng đã đánh vào cho bà cụ một bức điện khẩn chỉ vắn vện ba chữ: "Mẹ ra gấp!".

Lúc đó chị Hằng đang ngồi quán tã cho con Lan thì nghe tiếng thằng Hùng réo từ ngoài cửa:

- Mẹ ơi, bố đánh điện về!

Ban đầu chị Hằng tưởng anh Ca lại gọi điện thoại theo đường dây tải ba như lần trước cho nên đã vội gọi mẹ lên trông cháu nhưng thằng bé đã chia ra trước mặt chị một mẩu giấy màu xám. Chị vò lấy, bóc ra, hai bàn tay cứ run bắn lên.

Rồi chị thở đánh phào một cái, tuy vậy nét mặt mỗi lúc một trở nên lo lắng. Chị kẹp tờ giấy xám giữa hai ngón tay, nói với bà cụ Huân lúc ấy đang luýnh quýnh bế lấy con bé Lan:

- Mẹ ơi, chẳng biết có việc gì mà con Quyền nó đánh điện vào. Nó có việc gì cần gọi mẹ ra gấp với nó.

Bà cụ Huân vừa thoát nghe đã rụng rời cả chân tay. Tuy là em nhưng con Quyền lấy chồng trước con Hằng. Nó đông con, những năm đứa con, cho nên cũng túng hơn, nhà cửa lại còn chật chội hơn. Bà cụ Huân ngồi ở đây, lấy làm sốt ruột lắm. Nó

ôm? Chồng nó bị tai nạn sập lò? Hay là con cái nó ra sao? Bà cụ hầu như không nghĩ đến những điều vô cùng nhiều khê, khó khăn trên đường đi ra tận ngoài đó. Mà chỉ còn nghĩ đến đứa con, con Quyền, cái núm ruột ở cách xa bà nhất, phải đi qua một cái biển bằng tàu thủy mới thâu. Giá ở nhà ra đi thì thế nào bà cũng bắt ông dỡ mấy gốc khoai sọ hay đong mấy cân gạo nếp, mấy cân đồ đồ mang đi. Bà cụ nhẩm tính số tiền ở nhà mang ra vẫn gói trong bao tọng. Có lẽ chỉ còn ba chục. Nhà con Quyền ngày thường đã thiếu túng, lúc này chắc càng túng. Hay là mình hỏi vay con Hằng mấy chục nữa? Nhưng bà cụ sợ làm phiền con Hằng. Nó vừa mới sinh, cũng cần tiền để bồi dưỡng tiêu pha.

Nhưng chị Hằng đã đưa thêm cho bà mẹ ba chục. Chị gửi mua mấy gói bánh, gói kẹo để bà cụ mang đi làm quà cho mấy đứa cháu ở ngoài đó. Chị cũng đang sốt ruột và lo cho con em ruột mình lắm.

- Chẳng biết đã xảy ra chuyện gì? - Chị vừa sửa soạn cho mẹ đi vừa cần nhần. - Tại sao không thể đánh thêm mấy chữ, cho người ta hiểu với chứ? Tiết kiệm không phải lỗi. Chỉ tốn thêm mấy hào chứ là mấy?

- Hay là cô Quyền lại sinh. Lại cần có bà cụ ra ở ngoài đó? - Chị Thanh, người hàng xóm hỏi qua bức vách.

- Cũng có thể, chị ạ. Lâu lắm nó không vào. Mà cũng không viết thư cho tôi - Chị Hằng trả lời chị hàng xóm xong lại quay sang nói với mẹ - Nhưng mẹ cũng cần phải biết, tính con Quyền cũng hay cá nhân lắm! Mẹ không nhớ rằng mấy năm trước đây, nó vẫn cứ nặng nề đòi mẹ ra ở hẳn ngoài đó trông bầy con cho nó đấy ư? Nó muốn chiếm độc quyền mẹ hử? Con, đứa nào cũng là con. Mẹ là mẹ chung chứ! Mẹ không thể yêu đứa nào hơn mà ở hẳn suốt đời với đứa ấy được!

- Thì tau có biết chi mô. Hồi đó hẳn về hẳn siếc sấm rằng không sao thuê được người trông con để đi làm. Cả nhà hẳn phải

trông vào đồng lương anh chồng hắt.

- Ừ, chuyện này thì mẹ không biết thật. Đây là con nói nó, cái con Quyền. Hồi đó con đã gần. Cho nên đến bây giờ nó vẫn còn giận con. Nếu hồi đó nó về cắt được hộ khẩu và mang mẹ đi hẳn lột được, thì bây giờ mẹ chỉ còn cái xác. Cả nửa tá con nhà nó hành hạ mẹ cũng đủ. Trong cái đám mười anh chị em, đứa ở nhà quê, đứa ở các tỉnh khác, thì chỉ có hoàn cảnh của con là đáng được mẹ ra ở hẳn với, bởi vì chồng con là bộ đội luôn luôn phải ở trong B này, con lại còn nhỏ dại này, nhưng con có dám phiền hà mẹ nhiều đâu! Đối với mẹ, con cũng biết điều lắm đấy chứ. Vậy mà anh Ca vẫn trách con.

- Hằng à, mẹ phải ra gặp với con Quyền, là bởi tại vì nó đang...

- Thì con cũng đang nóng ruột vì nó, chẳng đang vội vã thu xếp cho mẹ đi ra với nó đây là gì? Mẹ ra ngoài đó thì bảo nó hoặc chồng nó đánh ngay về đây cho con một bức điện, nói cho con biết đã xảy ra việc gì? Nếu hoàn cảnh bức bách nó cần tiền thì cũng nói mấy chữ luôn thể. Con sẽ gửi thêm tiền cho nó. Nhưng nếu trường hợp chẳng có việc gì cả, con Quyền chỉ đánh bức điện vào để lôi mẹ ra bòn rút sức lao động của mẹ, để mẹ giúp nó nấu nướng và trông lũ con của nó, thì mẹ nhớ phải về trong này ngay với cháu Lan. Và luôn thể mẹ bảo nó trả cái áo len cho con. Mẹ bảo nó, con nói rất cương quyết như thế. Rồi mẹ gói giấy báo cẩn thận, mang về đây hộ con.

*

* *

- Tui ở trong Vinh viên nhà mới được có mấy ngày - bà cụ Huân nói với nữ bác sĩ Thanh - thì đã phải vội vàng ra đây với con Hằng.

- Chuyển trước cụ vào Vinh với vợ chồng cậu út phải không?

- Vâng. Vợ hấn vừa bị sẩy thai. Trong chỗ thẳng Lam ở trong Vinh viên là tui đã định trong bụng sẽ ở nhà hấn. Thật tội nghiệp ông nhà tui, nấu một bữa ăn hai ba bữa. Năm ni, ông nhà tui ngoài bảy mươi mà phải tự nấu nướng lấy ăn, phải trông nom từ con lợn đến con gà, như đàn bà.

Chị Thanh cười:

- Còn cụ thì làm đại sứ lưu động?

Bà cụ Huân tuy chẳng hiểu "đại sứ lưu động" là gì nhưng cũng gật đầu:

- Vâng. Nhưng tui định tết ni mần rằng cũng phải viên ở nhà để lo liệu tết nhất cho ông nhà tui. Chứ để ông nhà tui tết nhất lộn khộm một mình ở nhà, tui không đang tâm chị ạ!

- Cụ chẳng còn sống được bao lâu nữa đâu! - nữ bác sĩ Thanh nói, cố giấu trong giọng nói vẻ bất bình - cụ cũng phải nghĩ đến việc an hưởng tuổi già nữa chứ? Chẳng lẽ cụ cứ chạy đi chạy lại mãi với con suốt đời hay sao? Con xem như chị Hằng đây, chỉ biết thương quý chồng con thôi!

- Rửa đó chị ạ - bà cụ Huân nói - đời con người ta vay của cha mẹ rồi trả cho con cái. Cho nên tui cũng không hề phàn nàn con cháu Hằng mô! Như chị, ông cụ bà cụ viên cả, chị mới biết thương tui! Thôi, tui sang chào chị. Nhờ chị ở liên vách thỉnh thoảng giúp đỡ cháu Hằng với. Tiếng thế nhưng một mình hấn, hai nách con nhỏ, chồng lại đi vắng, cũng vất vả lắm. Tui phải để mẹ con nhà hấn ở với nhau để đi ra ngoài Hồng Quảng chuyển ni cũng chẳng thật yên tâm.

ĐƯA ĂN CẤP

Một trong những đặc tính của những người đàn bà trong khu tập thể của tôi là hay kêu. Phẫn nộ, sợ hãi hay sung sướng, đều thường thốt lên lời, thậm chí có lúc kêu thét lên.

Chiều hôm đó, trong khu nhà ở tập thể bốn tầng của tôi, người ta vừa đi làm về. Những người đàn bà có người đang tra chìa khoá vào ổ để mở cửa, có người đang sửa soạn làm bếp, có người đang chuẩn bị đến nhà trẻ đón con, thì, trước bao lơn tầng gác hai, có một người đàn bà không biết đi đâu về, vừa kịp dựng chiếc xe đạp, chưa kịp gơ tay cầm chiếc túi treo trên tay lái, đã kêu toáng lên:

- Các chị ơi, con Thoan chết rồi!

- Ai chết? - Những người đàn bà đều hỏi dồn dập.

- Con Thoan.

- Thoan nào?

- Con Thoan của đơn vị nhà mình vừa trở về địa phương chứ Thoan nào?

- Ôi trời đất ơi!

Nửa giờ đồng hồ sau thì trong tất cả các gian phòng của khu nhà tập thể, tận dưới các vòi nước công cộng cũng như trên các thang gác, đi đến đâu cũng nghe rặt những tiếng kêu "ôi trời đất ơi!" bằng những giọng náo nuột đầy thương cảm. Bữa cơm tối hôm đó, chẳng có một ai ăn ngon miệng, có người cho con ăn xong, buồn và thương "con Thoan" quá, đứng dậy dọn mâm bát,

chẳng còn bụng dạ nào mà ăn uống được nữa!

Ôi trời đất ơi, mới ngày nào, mới cách đây hơn một tháng chứ ngày nào, làm như đã lâu lắm ấy, nó còn ở đây, nó còn sống với các chị em trong cơ quan và trong khu nhà tập thể này, cái con Thoan cấp dưỡng, cao lớn, duyên dáng, hay hát và hát rất hay, mồm lúc nào cũng bồm bồm nhai chấy, gặp ai cũng chào hỏi vồn vã, đĩnh đoàng và rất là lười, và lại còn có cái tính xấu hay tắt mắt nữa. Thế mà nó chết. Nó chết thật. Chẳng còn ai tin được nữa. Thế mà nó đã chết thật. Hai mươi bốn tuổi mà đã trở thành người nằm dưới đất rồi. Thật thế.

- Chị ạ, - Một người đàn bà vừa bỏ bữa cơm tối, mặc chiếc áo bông quân phục nói với một người đàn bà khác mặc áo len xanh đang đứng trên bậc cầu thang gác, - nếu nó chịu khó ở rón lại thêm một tháng nữa, để xong mẹ tròn con vuông rồi hãy về, thì đâu đến nỗi!

- Thì ai biết nên nông nổi này hả chị, nó to béo lại khoẻ đến thế, ai nghĩ được rằng nó chết.

Một người đàn bà thứ ba, nước mắt lưng tròng, xách chiếc xô nhựa từ tầng gác trên xuống, cũng dừng lại bên hai người kia:

- Khó thế, nó bị băng huyết hử?

- Băng huyết, chị ạ! - Chị mặc áo bông quân phục đáp.

- Sao mà không cầm được nhỉ?

- Ở nhà quê mà, chị tính, - chị áo len xanh xuyết xoa và đưa ngang cánh tay quạt nước mắt, - vào tay chúng mình ở cái bệnh viện ở đây thì chỉ cần dăm ba phút là xong, máu cầm lại ngay, nhưng mà ở nhà quê nó, tận vùng trên đó, từ nhà tới bệnh viện cũng cáng đi hàng chục cây số, đến trạm xá xã cũng dăm ba cây số, chị tính...

Lại ở một nhóm những người đàn bà khác, bên một cái vò nước công cộng, vẫn những lời ca cẩm, những câu thương tiếc, thương tiếc một người đàn bà còn rất trẻ lần đầu tiên sinh nở đã

phải lìa đời.

- Không biết đứa con thế nào? - Một cô tóc uốn đang giặt một đồng quần áo và tã lót trẻ con, hỏi.

- Đứa con còn sống.

- Khổ đứa bé chưa!

- Bây giờ ai nuôi?

- Mẹ con Thoan đang nuôi.

- Trai hay gái?

- Gái.

- Không biết thằng Khánh đã biết chưa nhỉ?

- Cũng vừa mới biết. Điện mới đưa đến lúc năm giờ chiều nay thôi mà! Đến khổ cho cái thằng Khánh! Vừa đèo hai sọt bí ngô nặng từ ngoài cửa hàng về, mồ hôi mồ kê còn nhễ nhại, nó đứng bên bậc thềm luống cuống xé bức điện ra, đọc xong là lại vớ cái xe đạp thồ nhảy lên đạp ra bến ô tô luôn. Cánh hậu cần sau đó mới kịp đi báo cáo với ban chỉ huy. Lúc tôi về đây, thì ô tô của đơn vị cũng vừa ra khỏi cổng, thấy ông Quân vừa leo lên ngồi trên đệm xe vừa gài khuy áo, bên cạnh thằng Hải lái xe. Có lẽ cả hai vẫn chưa kịp com nước gì.

- Có lẽ cũng phải chín giờ tối mới lên tàu được trên đó.

- Nhưng mà phải có thằng Khánh cùng đi cơ, chứ ông Quân và thằng Hải làm sao biết đường sá trên đó?

Lại những tiếng thở dài, những lời thương xót, những giọt nước mắt, không phải chỉ đối với riêng người xấu số, cái Thoan cấp dưỡng cũ, mà cả đối với đứa trẻ sơ sinh, cả đối với anh chồng, thằng Khánh quản lý. Lòng thương cảm của những người đàn bà mỗi lúc một dào dạt, mỗi lúc một nhân lên mãi mãi, cũng y như ngày xưa, chỉ trước đây hơn một tháng, cũng vẫn những người đàn bà ấy, chị áo bông, chị áo len xanh, chị xách xô nước... đã từng kêu lên những lời cảm phẫn: "Tại sao không tống cổ nó đi ngay! Tại sao ông Quân không giải quyết cho con Thoan về

nhà quê ngay, mà cứ để cho nó nán lại đây thêm một ngày một giờ làm cái gì, hở?" . Mới đây không biết con Thoan sinh cái tính nét hay tất mắt đến mức như thế nào, nhưng rõ ràng có một lần bắt được của rơi, nó đã tìm đến trả cho người bị mất. Cứ chỉ tốt đẹp ấy lập tức bị xoá ngay, khi một người đàn bà trong khu tập thể bị mất hai thước vải hoa và không biết thế nào mà người ta lại tìm thấy cất trong đáy rương của con Thoan. Không biết có cần phải kể tỷ mỹ hơn không? Có lẽ, thôi! Chắc ai cũng hiểu rằng nếu một người đàn bà có hai thước vải hoa rất đẹp đang phơi tận trong nhà, vậy mà đến khi đi làm về thấy tự nhiên mất biến đi thì sự căm giận không biết để đâu cho hết. Một ngày, hai ngày, ba ngày. Tìm khắp xóm xinh, điều tra khắp nơi cũng không thấy. Thế là mất biến hai thước vải hoa đang sửa soạn may áo cho con. Thế là có đứa ăn cắp mất!

Nửa tháng sau "vụ án" mới được phanh phui ra ánh sáng. Trước đó từ lâu, rất lâu, đã có xảy ra mất mát cái này cái khác ở trong khu gia đình tập thể. Vì thế cho nên đến cái lần tìm thấy hai thước vải hoa giấu trong rương con Thoan, tưởng như tất cả mọi người đều đã tìm ra thủ phạm những lần mình đã mất cắp. Tưởng như những người đàn bà trong khu gia đình có thể đem cái đứa ăn cắp đang đứng sờ sờ với cái mặt đực ra kia mà phanh thây thành trăm mảnh. Người ta vừa căm giận vừa hả hê mừng rỡ. Không riêng một người đàn bà mất hai thước vải hoa vừa tìm thấy, mà tất cả mọi người đều làm náo động cả khu nhà lên.

Chết một nỗi là từ đó về sau tưởng chấm dứt những vụ mất cắp vặt, nhưng lâu lâu lại có một người tự nhiên kêu toáng lên vừa bị mất cái này cái khác, mà sau đó vẫn chẳng hiểu ai là thủ phạm, bởi vì thủ phạm có khi chỉ là một hút gió, hoặc là thủ phạm nằm ngay trong cái người bị mất cắp, tức là cái tính hay quên, hay lú lẫm do bận bịu công việc. Người ta hay nói: "Mất mười mươi" nhưng đấy là câu ngạn ngữ trước kia. Từ sau ngày đã tìm thấy dưới đáy rương con Thoan có hai thước vải

hoa của cô A. hay chị B. nào đó thì "Mười mắt và chỉ có một ngờ!". - "Lại chỉ có con Thoan chứ không có ai vào đây?" - "Phơi phóng cái gì thì nhớ cứ phơi trong nhà!" - "Phơi trong nhà mà nó không thấy được à, hai thước vải hoa của chị C. đấy?" - "Con Thoan vừa nhót vào đây hử, nó có công việc gì mà bước chân vào đây, soát lại tất cả các thứ đồ đạc trong nhà xem coi thử có mất mát cái gì không?"

Chết một nỗi nữa là, thủ phạm do đầu óc tưởng tượng của rất nhiều vụ ăn cắp là một con người hồn nhiên và vô tâm, quá đỗi hồn nhiên và vô tâm. Với một dáng vẻ son trẻ và duyên dáng, cái con Thoan, dưới con mắt luôn luôn rình rập, khinh ghét của những người đàn bà, lúc nào cũng cười rất tươi, rất cởi mở, lúc nào cũng hát véo von bằng cái giọng kim hiếm có, mồm lúc nào cũng bồm bẻm nhai chấy, và công việc ăn làm dưới nhà bếp thì vẫn cứ duyên dáng, lười biếng như cũ.

Cuối tháng mười có một đợt biên chế rút gọn người trong cơ quan lại. Tổ chức của đơn vị xét tinh thần công tác của những người đang được tạm tuyển, quyết định đưa trả cô cấp dưỡng về trên nhà quê sản xuất, vì hợp đồng tạm tuyển đã hết. Quản lý Khánh, chồng Thoan, cũng đành phải đồng ý với cách giải quyết như thế, chỉ yêu cầu ban chỉ huy cho vợ ở nán lại trong bệnh viện thêm một thời gian ngắn nữa, chờ cho vợ sinh đẻ xong, lúc ấy sẽ đưa cả vợ con về trên nhà quê luôn một thể.

Đôi lúc con người ta trở nên tàn ác một cách rất hồn nhiên. Những người đàn bà trong khu gia đình lấy làm khổ sở, như phải chịu đựng một thứ tai họa, việc con Thoan vẫn còn được ở lại, vẫn còn nán ná trong khu gia đình. - "Thế này rồi thì chúng mình đi làm hết, nó ở nhà một mình, nó tha hồ lấy bằng thích!" - "Cái ông Quân chẳng sâu sát tình hình chút gì sất cả! Lại còn giữ nó lại làm gì cơ chứ, của báu lắm đấy!". Những người đàn bà lại kêu lên, và, chẳng may cho tất cả mọi người chúng ta, giữa một buổi trưa chủ nhật, lại có hai thước lụa đen của một người

nào đó bị rút mất, giữa ban ngày ban mặt, từ trên chiếc dây phơi chẳng ngay trước hiên nhà gác. (Một tuần lễ sau, tất mọi người đàn bà mới kêu ô lên, bởi đến khi đó mới phát hiện ra là bị gió cuốn ra ngoài vườn khoai lang sau nhà, do một người đi hái ngọn khoai lang cũng vào ngày chủ nhật, tìm thấy).

Ngay trong buổi trưa xảy ra vụ mất mát, kẻ mất cắp đã nhè lúc kẻ bị tình nghi đi vắng, xông vào lục soát chiếc hòm gỗ nhưng chỉ thấy rất quần áo trẻ con mới để, chứ không thấy hai thước lụa "Hay là nó giấu ở chỗ khác?" - "Nhất định rồi còn gì? Chứ đời nào nó còn giấu trong rương như lần trước?" - "Các chị ơi, cái con Thoan, nó lười thật, nhưng vốn không phải là đứa gian!" - "Ăn cắp mà không phải là gian? Lại còn bênh!" "Nó thương con, muốn sắm áo đẹp, cho nên đã một lần lủ lúp đi đến mức như thế!" - "Vậy thì tôi không thương con tôi à, vậy thì tôi cũng đi ăn cắp à?" - "Thật là khổ cho thằng Khánh, có một con vợ vừa lười vừa gian như thế!" - "Ngày nó định lấy con Thoan, tôi đã khuyên không nên cơ mà!" - "Cả tôi nữa, tôi cũng đã khuyên nó, lấy ai thì lấy, chứ đừng lấy cái ngữ đàn bà ấy, y như rằng, vợ còn quá nợ!" - "Mà chẳng phải cái nợ riêng của thằng Khánh, cái ngữ đàn bà ấy nó còn ở trong khu tập thể của chúng mình một ngày thì thêm một ngày chúng mình còn phải dòm ngó, còn phải đề phòng, còn phải cơ khổ vì nó!" - "Các chị ơi, ừ, thì tôi cũng đồng ý nó là đứa gian tham, nhưng mà chúng nó đã thành vợ thành chồng rồi, lại sắp có con rồi, chúng ta nói làm gì như thế?" - "Lại còn bênh?" - "Nó sinh đẻ cũng như chúng mình sinh đẻ, hãy cứ để yên cho nó được nương tựa chúng mình ở đây, để cho nó qua cái cầu sinh nở?...!" - "Nhưng ngày mai nó ăn cắp của tôi thì chị có đền cho tôi không? Ngày mai tôi đi làm chị có ở nhà mà trông nhà cho tôi không?" - "Thật là khôn nạn, cái lão Quân, lại còn cho phép nó ở đây làm gì, để cho nó ăn cắp vặt trong khu gia đình mãi thế này hử, trời ơi là trời!". Anh chàng Khánh cũng thấy rất mệt. Cho nên anh chồng chỉ có thể đủ sức để cho vợ ở

lại thêm mấy ngày nữa. Cứ phải nghe những người đàn bà nói mãi nói hoài về cô vợ, anh không thể nghe thêm được nữa. Đến giữa tuần lễ, anh quyết định đưa vợ về quê đẻ.

Đến bảy giờ, những người đàn bà trong khu gia đình vẫn còn nhớ như in cái buổi sáng thứ năm hôm đó, một buổi sáng mùa đông nhưng rất đẹp trời, trước khi theo chồng ra bến xe ô tô, Thoan chỉ xách một chiếc làn cói và một chiếc nón mới úp trước cái bụng đang vòng lên, cô lần lượt đi khắp các gia đình để chào từ biệt, không sót một nhà nào, vẫn cái dáng vẻ hồn nhiên, niềm nở của một người vô tâm.

Lúc bảy giờ những người đàn bà ai cũng cầm tay Thoan dắt vào nhà, bắt ngồi thật lâu, và ai cũng kêu lên: "Mày về trên đó thì nay mai cái nhà này vắng hẵn đi, mất vui đi! Nhớ mày lắm lắm cơ!". Người nào người nấy đều bịn rịn, trong phút chia tay.

Tôi xin lấy danh dự mà thề rằng: thật là vô cùng bất công và đơn sai, nếu có ai dám bảo những người đàn bà tỏ thái độ quyến luyến một cách giả dối. Quả thật lòng dạ họ hồn nhiên như thế, những người đàn bà trong khu gia đình tập thể ấy bao giờ cũng hồn nhiên và dễ xúc động.

SẮM VAI

Có một hồi tôi tin là tôi cũng có thể học đòi làm được đôi chút công việc văn chương là bởi như thế, là bởi vì cái người đã khuyến khích tôi, là anh. Không biết có phải anh là một người quen sống nghiêm ngặt và quá tỉnh táo hay không, nhưng tôi thấy có một điều: ở các lĩnh vực khác thì đó là một kẻ độ lượng, riêng trong lĩnh vực nghề nghiệp của anh - cái nghề viết văn của anh - quả thực tình tôi chưa hề thấy anh khuyến khích bất kỳ ai bước chân vào bao giờ. Vậy mà anh bảo tôi hãy thử bước chân vào, anh khích lệ tôi hãy thử làm cái thứ công việc vô cùng khó khăn, và, như anh hay nói để cho tôi có thể hiểu ngay được: "Cái thứ công việc chúa hay đánh lừa người ta, cũng giống như công việc săn khẩu thường hay đánh lừa cậu, khiến cho cậu đôi khi cứ ngỡ mình là vua, là bậc anh hùng cái thế, là vân... vân..."

- Viết truyện ngắn khó lắm - anh nói với tôi - không riêng ở ta mà cả trên thế giới, bất kỳ thời kỳ nào người ta cũng dễ dàng tìm ra những truyện dài, những tiểu thuyết hay, những truyện ngắn hay thì thừa thốt lắm. Tuy vậy, thật là một điều trớ trêu, đó là một thể loại thích hợp nhất để cho những người mới bắt đầu tập tễnh cầm bút tự rèn luyện mình trong bước đầu. Không có cách nào khác, cậu hãy bắt đầu thử sức bằng một cái truyện ngắn! Anh nhắc đi nhắc lại với tôi điều đó, sau khi đã dẫn ra những đặc điểm của truyện ngắn. Anh có một cái đầu rất to.

Trong khi anh nói, tôi ngẩng lên ngắm cái đầu ấy đang khe khẽ gật gà gật gù. Tôi pha một chén trà thật đặc kính cẩn đặt trước mặt anh. Anh cầm lấy, nhấp một ngụm, đặt xuống, tự tay cầm cái phích nước chế thêm nước trắng vào. Uống xong chén nước là anh đã đứng dậy. Anh hỏi tôi đôi ba câu về công việc của tôi hỏi này ở đoàn kịch, rồi có khi bắt tay tôi có khi quên, anh liền bước ra cửa.

Anh là một con người như thế đó. Trong kho tàng chữ nghĩa của tiếng mẹ đẻ, anh hay đem ra chế giễu nhất là hai tiếng "nghệ sĩ". Tuy vậy từ ngày được làm quen với anh, tôi vẫn nghĩ anh đã cho tôi thấy hình ảnh một người nghệ sĩ chân chính. Cái ấn tượng mạnh nhất mà anh đã gây cho tôi là ấn tượng về một con người đã dám tự tước bỏ đi hết mọi cái phù phiếm, những lớp vỏ bề ngoài vô bổ, tất cả những cái gì lấp lánh có thể lừa dối mình và người khác, trong cuộc sống hàng ngày của chính mình.

Vào cái dạo đó anh rất bận, mà tôi cũng bận. Vở kịch mà tôi sắm vai chính đang phải tập rất gấp rút. Mỗi ngày một buổi tôi làm việc ở đoàn. Những khi ở nhà, tôi vẫn phải suy nghĩ về các màn, các ảnh mà nhân vật của mình có mặt. Tôi chưa có vợ. Tôi ở một mình trong một gian gác nhỏ, trông thẳng sang mặt sau một ngôi nhà có nhiều buồng (có những một trăm hai mươi buồng). Mặt trước và mặt sau các gian buồng đều có hiên và xây giống nhau như lột. Từ ngày rập tâm tập tễnh thử viết một cái truyện ngắn đầu tiên, tôi thường làm theo lời khuyên của anh T., luyện cho mình thói quen quan sát thấy ngôi nhà đối diện có một cuộc sống đặc biệt cũng hay hay, mà trước kia thường ngày tôi không thấy, hoặc không để ý đến. Khoảng năm giờ sáng, hầu như phần lớn những người trong tất cả các gian buồng đều đổ ra hiên sau tập thể dục. Năm giờ rưỡi: họ ăn sáng, cũng ở ngoài hiên. Sáu giờ họ chải tóc và mặc quần áo, cũng ở đấy. Tất nhiên là đang giữa mùa hè, một cái thời khoá biểu mùa hè, những thói quen mùa hè. Tôi quan sát cái xã hội đông đúc trong ngôi nhà

đổi diện, chiều dọc từ tầng trên cùng xuống tầng dưới cùng. Rồi lại nhìn theo chiều ngang, thứ tự từng tầng một, từ đầu này đến đầu kia. Một ngày cũng như một đời người, có lẽ buổi sáng là lúc người ta hồi hã, bận rộn và năng nổ nhất. Vừa thấy cái mặt sau của ngôi nhà y như một cái bãi tập luyện thân thể, nhưng chỉ mấy phút sau đã biến thành một cái khách sạn trong giờ điểm tâm có hàng trăm người ăn. Rồi thoát cái, cái mặt sau ngôi nhà đã biến thành hậu trường sân khấu đang giờ hoá trang; đã đến giờ những người trong ngôi nhà chải đầu, mặc áo, đội mũ, đi giày. Khi những cánh cửa trước và cửa sau của một trăm hai mươi gian buồng đã được khoá lại, và mọi người trong nhà xách túi, ôm cặp, dắt xe đạp hoặc xe máy từ trên các tầng gác ùn ùn đổ xuống cầu thang để đi ra ngoài đường, thì thật là tôi khó nhận ra ngay được họ. Người nào người nấy đều khác đi. Y như các diễn viên đã hoá trang xong và đang bước ra sân khấu.

Anh T., người mà tôi đang kể với các bạn, cũng ở một buồng của tầng thứ nhì trong ngôi nhà. Anh là một thành viên trong cái xã hội ấy từ lâu. Và cũng đã từ lâu, anh là người duy nhất không sống theo cái thời khoá biểu tự giác và vô cùng nghiêm ngặt, cũng như những thói quen của mọi người trong ngôi nhà. Ví dụ, vào khoảng sáu giờ sáng hoặc trễ hơn mấy phút, ngay trên đầu anh ở tầng ba, có một nhà ông đầu hói bóng không còn một sợi tóc nào, vậy mà đến cái giờ đó cũng cầm một cái lược chải lật những sợi tóc tưởng tượng từ đằng trước trán ra sau gáy, bàn tay cầm lược chải đến đâu thì bàn tay kia miết tóc đến đấy, như sợ có một sợi tóc bướng bỉnh không chịu nằm ộp sát vào bộ tóc.

Suốt buổi sáng, trong lúc hàng trăm con người thức dậy hồi hã tập thể dục, ăn sáng và chải tóc thì anh T. vẫn cứ ngồi viết. Anh có thói quen thức dậy vào lúc hai, ba giờ sáng, ngồi làm việc đến trưa mới đi ăn. Đang là thời kỳ anh phải làm việc gắng nhất. Cuốn tiểu thuyết anh đang viết mới được hơn một nửa. Anh là một người vừa có tài lại vừa có nghị lực. Những buổi sáng ngó

sang buồng anh, bao giờ tôi cũng trông thấy một ngọn điện che bởi một tờ giấy trắng, một khoảng ánh sáng tròn tròn trên một cái mặt bàn ngổn ngang sách vở, giấy má, và một cái lưng cúi khom được khoác một cái vỏ áo bông màu xanh công nhân. Những lúc ấy, nhìn anh đang mải mê làm việc, tôi cứ nghĩ: hoá là có sét đánh, hay bom nổ, hoặc động đất, thì mới có thể nhắc anh quăng ra khỏi những trang bản thảo đang viết dở và cái lon sữa bò đựng tàn thuốc lá mà tàn thuốc đã có ngọn.

Cách làm việc dũ dôi của anh đã trở thành một thói quen, đã trở thành bình thường đối với mọi người trong ngôi nhà, cứ đều đặn như thế, thì một hôm, chẳng động đất, cũng chẳng có sét đánh, vậy mà tôi thấy tự nhiên không biết nghĩ thế nào mà anh đã đem thay đổi cái thời khoá biểu và những thói quen riêng của mình, cho phù hợp với mọi người. Nghĩa là cũng ngủ đến tận năm giờ sáng, lúc nhạc báo thức dạo lên oang oang trên mái nhà, mới dậy. Sau đó anh cũng tập thể dục theo nhạc thể dục trên loa phóng thanh. Lúc mọi người trong nhà anh ăn sáng thì anh cũng ăn sáng. Rồi anh cũng chải tóc và mặc quần áo đúng lúc mọi người chải tóc và mặc quần áo. Trời ơi, chẳng hiểu vì sao và không biết tôi có nghĩ điều gì sao không, chứ trông thấy anh T. vào năm giờ sáng, đúng cái lúc anh làm việc được nhiều nhất, cũng mặc quần đùi may ô, đang nắm tay gừng lại mà đấm túi bụi vào không khí, trên đầu một người đàn bà rất béo, mặc áo lụa viền đăng ten, và trong khi đó thì trên đầu anh, cái nhà ông hói đầu đang chu miệng lại thở phòn phụt như một khẩu súng hơi, thì tôi thấy anh đã trở nên... mất bình thường mất rồi!

Rồi một hôm tôi thấy anh dắt ở đâu về một chiếc xe đạp nữ. Anh nói với tôi, đó là chiếc xe đạp của vợ anh đã cho một người bạn gái nào đó mượn dùng, vợ anh vừa đánh điện về, bảo anh đòi lại. Vẫn theo lời dặn trong bức điện, anh hì hục tháo chiếc xe ra lau chùi sạch bóng, rồi tra dầu tra mỡ. Rồi một hôm khác, anh đi lắp một cái hàm răng giả. Hàm răng giả bao giờ cũng đẹp hơn

hàm răng thật, nhất là hàm răng thật của một người nghiện vừa thuốc lá vừa thuốc lào như anh. Hàm răng của anh bây giờ đều tăm tắp, mà trắng. Anh bắt đầu cai thuốc lào, để giữ hàm răng giả được trắng, mà khỏi hôi mồm.

Tôi bắt đầu ngạc nhiên quá. Anh là một con người khác kia chứ đâu thể này? Anh đã từng nói với tôi, trong những cái đánh mất, có thể đánh mất vàng bạc châu báu, nhưng không được đánh mất mình. Chưa hết. Anh đi may quần áo mới, mấy cái sơ mi toàn là các màu còn trẻ cả. Vẫn chưa hết. Một hôm anh đi ra phố suốt cả buổi sáng. Trưa anh trở về, thì, mái tóc đã được nhuộm. Mái tóc của anh trở nên đen như mun chứ không lốm đốm bạc nữa, lại còn lượn sóng trước trán. Thế này thì hết nước. Một con người như anh T. của tôi mà bỏ công việc viết lách, bỏ dờ chồng bản thảo đầy, để phung phí thì giờ đi nhuộm tóc và may sơ mi ca rô bó hông như thanh niên? Thế này thì hết nước, tôi chỉ muốn giơ cả hai tay lên trời mà kêu lên, nhưng thế này là thế nào, hả trời?

Rồi một buổi tối, anh sang gặp tôi. Anh hỏi vào những ngày thứ mấy thì có chuyến máy bay từ nước ngoài về. Rồi bằng một giọng hồi hộp và trịnh trọng, anh báo cho tôi hay, chỉ nội trong tuần lễ này, là vợ anh về.

Mấy hôm sau, anh nhận được bức điện thứ mười hay thứ mười một gì đó, vợ anh báo ngày giờ chính thức, "nàng" sẽ "bay" về đến đất nước. Chỉ trong có một buổi chiều mà anh chạy sang bên phòng tôi ba lần. Anh sang bàn với tôi sáng ngày mai có nên mang "thằng bé" sang sân bay đón mẹ nó không. Thằng bé ở với mẹ anh, ở một khu phố tận cuối thành phố. Nó mới bốn năm tuổi gì đó thôi. Nó đang ươn người, cho nên anh cứ phân vân. Vì phải lo nhiều việc như một cô gái sắp đến ngày cưới, trông anh gầy tọp đi. Thật tội nghiệp, một con người rất quyết đoán trong việc xử lý các hành động tay trời của các nhân vật của mình trong sách, vậy mà gặp một việc riêng quá nhỏ mọn, lại không biết xử

trí thế nào. Mãi anh vẫn chưa quyết định xong sáng ngày mai có nên cho "thằng bé" ra sân bay, hay không?

Nhưng rồi cũng xong. Thế là vợ anh đã về. Tôi đã hiểu ra tất cả cơ sự. Cả ngôi nhà đều ngạc nhiên chứ không phải riêng tôi. Không ai ngờ vợ anh lại trẻ đến thế, trẻ mà đẹp! Hai vợ chồng từ sân bay trở về nhà vào một buổi trưa hôm đó, chị từ trên một chiếc xe con của cơ quan chị bước xuống, sau khi anh T. đã xuống trước mở sẵn cánh cửa xe: trông anh xử sự y như một người Âu! Chị mặc một bộ đồ đầm màu ngà, chiếc váy chỉ ngắn chấm gối và đi đôi giày rất to, như hai cái móng trâu, đế giày màu đỏ cao đến một tấc⁽¹⁾. Người đàn bà vừa xuất hiện là thấy ngay sự hoạt bát và chủ động. Chị nhanh nhẹn cởi áo khoác ngoài. Đôi giày "móng trâu" cũng lập tức được cởi ra. Chị hối thúc anh T. hãy xắn tay áo lên mau mau cùng chị khiêng hành lý đồ đạc lên nhà. Người nữ đạo diễn múa vừa mới ở nước ngoài trở về ấy làm công việc khuôn vác vô cùng thuần thục: "Nhẹ tay nào anh!", "Thứ này không được để va chạm mạnh". Anh T. thì lóng ngóng quá đi mất! Hết để va chạm mạnh lại làm nặng tay. Chị hướng dẫn hai ba bận nhưng anh vẫn cứ vụng về lóng ngóng, chị xót ruột, bắt buộc phải "thải hồi" anh nhờ đồng chí lái xe giúp hộ chị một tay. Tuy vậy, sau khi đã khuôn hết đồ đạc lên buồng riêng trên gác hai, và đồng chí lái xe đã ra về, chị liền đóng sập cánh cửa trước lại, chị vội vã ôm lấy anh mà hôn lấy hôn để, sau khi hôn anh một chập, chị ngừng lại để ngắm anh, rồi lại tiếp tục cứ thế mà hôn khiến anh gần tắc thở! - "Anh yêu của em, anh ngoan lắm! Anh đã làm theo đúng lời dặn của em. Em cảm ơn anh lắm. Đây, anh thấy chưa, anh trẻ hẳn ra. Lại còn trẻ hơn ngày em ra đi cơ!".

Bây giờ thì không những người chủ của nó mà ngay đến cả cái gian buồng ở tầng hai của anh T. cũng thay đổi, cũng "trẻ"

(1) Hồi này guốc sa bô mới xuất hiện.

hắn ra. Tôi vẫn còn nhớ tính anh T. rất ghét bày biện trang hoàng trong phòng nhiều đồ đạc và tiện nghi phiền phức. Anh đã từng nói đùa với tôi, trong phòng anh, anh thích nhất một thứ âm nhạc là sự im lặng, và một thứ hội họa là để bốn bức tường trống. Trước đây ba năm, khi vợ còn ở nhà, chị đã sắm một ít đồ đạc và tiện nghi nhưng sau đó, thứ thì anh cho người ta mượn dùng, thứ thì anh đem cho, chỉ để lại một cái giường và một cái bàn viết kê ngay trên đầu giường. Thành thử gian buồng có một khoảng trống. Anh rất thích khoảng trống đó. Anh đã từng nói với tôi: Sống làm sao để có thể làm việc được là cả một nghệ thuật. Nhất thiết phải biết giản ước bớt những cái rườm rà, phiền toái đi! Cũng như làm một phép tính phân số, phải biết rút gọn nó lại đến mức không thể rút gọn được nữa. Lúc đó sẽ hiện ra cái gì giản dị nhất, sáng rõ nhất, dễ hiểu nhất. Vẫn theo anh, cái đầu của người ta có thể chứa rất nhiều, những điều rất có ích và cả những điều vô bổ, nhảm nhí, cho nên không phải biết nhớ, mà biết quên cũng là một điều tối cần thiết, cũng như phải biết "giản ước" bớt đồ đạc trong một gian buồng, để có được một khoảng trống mà đi lại, mà thở! Cho nên trước đây, mỗi lần tôi sang bên anh, nếu không thấy anh đang ngồi viết ở bàn thì đang đi đi lại lại, hay đang nằm khểnh "vắt chân chữ ngũ" giữa nền nhà, bên một cái bồ giấy đựng chiếc điều cày.

Bây giờ thì cái gian buồng ấy, từ bên chỗ tôi nhìn sang cũng thấy, không còn lối mà đi lại nữa. Không còn không khí để mà thở nữa. Chỉ thấy đồ đạc và đồ đạc, mà thứ đồ đạc nào cũng đầy màu sắc, cũng phát ra ánh sáng. Có thứ đồ đạc nằm im, lại có thứ cứ bai bãi nói không hề biết mệt: Máy thu thanh, máy quay đĩa, băng nhạc cát xét lại còn máy hút bụi kêu ro ro. Chị ấy đang phải thử lại các thứ đồ đạc xem trong khi đi đường có hỏng thứ gì không. Gian buồng anh T. bây giờ như cả một cái chợ phiên vậy!

Đồ đạc không những chỉ bày trên nền nhà, mà còn leo cả

trên tường: những tấm thảm, những đĩa nhựa vẽ đồ hoạ, những hoa lá và búp bê, và tượng sành, tượng gỗ... Trên một mặt tường trống, ngày xưa, một lần anh T. dính lên một trang báo có in khuôn mặt của Anhtanh khi về già (là nhà văn nhưng anh T. lại rất ngưỡng mộ các nhà bác học). Bây giờ khuôn mặt của Anhtanh với mái tóc bạc phơ và cái trán đầy nếp nhăn cũng đã bị che lấp đi bởi những thứ đồ đạc.

Khuôn mặt anh T. bây giờ cũng y như vừa bị chia đôi ra: một bên đầy suy nghĩ và lơ đãng của người nghệ sĩ sáng tạo, một phía bên kia lại hết sức vui vẻ, trẻ trung, như một người đang còn hoá trang dở dang chưa xong.

Chị T. về với anh đã được gần tuần lễ nhưng vì bận công việc quá, tôi vẫn chưa thể sang thăm anh chị được. Dạo mấy giờ đoàn kịch của chúng tôi sắp công diễn một vở kịch nói ba màn rất đồ sộ. Tôi được phân công sắm một vai rất "nặng". Khó nhất là màn cuối cùng. Đêm nào được ở nhà, tôi cũng phải một mình soát lại tỉ mỉ từng lời nói, từng cử chỉ của mình trên sân khấu, nhập cho được y hệt vai đang sắm. Trong khi đó, bên ngôi nhà đối diện, ở cái gian nhà anh T., hai anh chị đang cùng nhau vui sống những ngày gặp gỡ đầy hạnh phúc, sau những năm mỗi người phải sống một nơi.

Kìa, anh T. đang ngồi trước cái bàn viết, đang thở khói thuốc lá với một cái dáng điệu hết sức thoải mái, nhàn rỗi. Anh ngồi ghéch cả hai chân lên chông bàn thảo và sách vở, cái mặt ngửa lên ngắm trần nhà, là cái nơi duy nhất không thể bày biện đồ đạc, còn chị đang ngả mình trên chiếc đi-văng mới mang về.

- Anh T. ạ, - chị T. nói với chồng bằng giọng âu yếm. - Sau này nhất định em phải tạo điều kiện để cho anh tiếp tục làm việc. Em sẽ săn sóc anh. Em sẽ chiều anh. Nhưng anh cũng phải chiều em một chút. Ở chỗ cơ quan em, và cả mấy nơi mà em hay lui tới công tác, người nào cũng biết nhảy cả. Chẳng lẽ nay mai

anh đi với em đến những chỗ đó, em toàn nhảy với những người khác, còn anh thì ngồi một mình. Trông nó chướng lắm.

- Anh ngồi một mình cũng được. Anh chẳng thấy chướng gì cả.

- Là chướng cho em, chuyên môn nhảy với những người đàn ông khác.

- Không, anh không biết nhảy.

- Không biết thì học chứ khó gì anh? Có phải anh dè ra đã biết viết văn đâu? À phải rồi! Anh sẽ dạy em viết văn mới được.

- Ồi!

- Còn em sẽ dạy anh nhảy.

- Không...

- Có. Em sẽ dạy anh, ngay bây giờ. Chỉ sau một tiếng là nhảy được.

- Anh van em.

- Anh không "ngoan" rồi! Anh không ngoan, em giận cho bây giờ!

Tôi ngồi bên này nhìn sang: Kia, anh T. đang học nhảy. Anh ấy đang học nhảy đầm với vợ! Anh ấy đứng giữa nhà, ngay trước mặt chị. Thân hình cao, gầy, khô héo của một người làm việc trí óc quá nhiều và đã ngoài năm mươi được che bọc trong chiếc áo sơ mi ca rô bó hông và chiếc quần ga bác đin mới may được là gấp cẩn thận, anh lóng ngóng, ngượng nghịu đặt một bàn tay lên eo hông vợ, y như sắp phải khuôn vác một thứ đồ đạc rất dễ vỡ, bàn tay kia giơ lên ngang vai, những ngón tay đan vào những ngón tay vợ. Theo lời dạy bảo ân cần của chị, anh bước lên, lùi xuống, bước sang phải, lại bước sang trái, cái lưng gầy của anh cũng cố đứng đưa, cũng cố làm ra vẻ uyển chuyển, nhịp nhàng, với một điệu bộ trang trọng. Đúng như lời chị, sau một giờ, anh đã tạm nhảy được, chỉ thỉnh thoảng mới đi sai một bước, mỗi lần đi sai bước, anh lại nói nhỏ "xin lỗi" vì đã trót xéo lên chân chị, theo đúng phép lịch sự.

Theo cái đà sống vui vẻ như vậy, chị lại còn cùng anh đi tìm cảm giác, như nài anh ra vườn hoa ngồi ghé đá, như một cặp tình nhân, lại còn cùng nhau đi bơi thuyền, đi câu cá. Chị xếp đặt ngay trong phòng một góc giống như một cái mỹ viện để chuyên việc săn sóc sắc đẹp của anh. Bây giờ, mỗi buổi sáng, anh phải mất từ nửa giờ đến một giờ vì cái tóc, cái mặt. Cho nên cái mặt anh lúc nào cũng nhẵn nhụi, bóng bẩy. Anh đẹp trai hẳn lên. Lại trẻ hẳn ra. Chị lại còn lưu ý anh cách đi đứng, cách bắt tay và cười xã giao. Cái miệng anh bây giờ lúc thì cười hết cỡ, lúc thì cười mỉm, lúc cười duyên, lúc cười chua chát, lúc thì lại làm ra vẻ ngây thơ.

Mọi việc đều xảy ra tốt đẹp, hạnh phúc, không bút nào tả xiết. Nhưng cái bát cái đĩa gần nhau còn có lúc va chạm, huống hồ con người ta? Không va chạm, xích mích đôi chút do cách sống khác nhau vật vãnh, hoặc do hiểu nhầm nhau, chưa phải là hạnh phúc toàn vẹn, cũng chưa phải là cách sống trẻ trung. Cho nên chị lại còn "đạo diễn" cả cái trò chơi "vợ chồng dối nhau" như một cặp vợ chồng trẻ con thực sự. Một buổi trưa, vừa dùng bữa xong, chị chẳng trao đổi với anh những câu chuyện thuộc về nghệ thuật hoặc phép lịch sự trong nhà hát như mọi ngày. Anh đang ngồi hút thuốc lá và "xả hơi" bằng cách ngược mắt lên ngắm cái trần nhà, thì trông thấy một mẫu giấy từ phía sau phóng về phía trước mặt mình. Anh liền giở ra đọc thấy một hàng chữ: "C. giận T. lắm!". Anh vội vã vứt điếu thuốc đang hút, chạy như lao mình về phía chị, nét mặt vô cùng hốt hoảng:

- Anh xin lỗi em nào! Có việc gì hiểu nhầm thế hả em?

Miệng nói dịu ngọt, bàn tay vuốt ve trên mái tóc, trên gáy, trên cánh tay vợ. Mọi khi chị như một đoá hoa, như một con chim, như một làn ánh sáng. Bây giờ chị như một tảng đá. Anh vẫn biết thừa rằng đây chỉ là một trò chơi, chứ không phải chị giận thật. Tuy vậy, anh vẫn phải chơi cái trò chơi này với chị,

chơi thật hết sức của mình.

- Anh có điều gì làm em không bằng lòng nào, hả em, con chim của anh?

- ...!

- Hay là anh đã không "ngoan"? Em nói đi, anh sẽ "ngoan" ngay mà!

- ...!

- Hay là...

- Hú oà! - Bất ngờ chị xoay người lại, giang rộng cả hai cánh tay đu trên cổ anh và cười ngặt nghẽo.

Anh cũng vội vã cười phá lên, cười mãi, cười hoài. Như một cái máy. Anh cười ngặt nghẽo như một cái máy, đến chảy nước mắt.

*

* *

Chẳng may cho tôi đúng lúc ấy, tôi gõ cửa. Chính anh ra mở cửa. Anh niềm nở chìa tay bắt tay tôi và tôi thấy bàn tay của anh thật kiểu cách. Tôi biết thừa anh bắt tay khách chỉ nhằm mục đích để cho vợ xem. Tôi thấy chị đang ngồi phía sau gập đầu bằng lòng. Tôi đưa hai cái vé mời anh chị đi xem buổi diễn vở kịch mới, rồi cáo từ. Hình như một hoặc hai hôm sau, tôi không nhớ thật rõ, tôi chỉ nhớ được rằng cái hôm đó, lần đầu tiên trong đời, tôi đã hiểu được như thế nào là nguồn cảm hứng sáng tác, mà ngày trước anh T. thường hay gọi nôm na là cái lúc muốn viết. Tôi đang ngồi viết cái truyện ngắn đầu tay mở đầu cho "văn nghiệp" của mình một cách vô cùng hào hứng. Tuy vậy, tôi vẫn loay hoay chưa biết kết thúc nó ra sao, và vẫn đang còn băn khoăn, như lời anh T. hay nói, những trang giấy mà tôi đã "bôi"

mục lên có phải là văn học hay chỉ là một sự lừa dối mình, giữa lúc ấy thì anh T. bước vào.

Một lần nữa anh lại làm tôi ngạc nhiên. Anh đã trở lại cái phong thái giản dị, thoải mái, tự nhiên mọi ngày. Anh chẳng bắt tay tôi mà lập tức vớ ngay lấy cái điều cày của tôi dưới gầm bàn rít một mũi thuốc muốn bật nõ điều. Trong cơn say khoái trá đang ngất ngư, anh gật gù khen tôi hôm trước diễn "sạch"! Cái ông này mà đã khen đến cái chữ "sạch" là tôi có thể tự tin trong nghề sân khấu được rồi! Như thế là anh khen tôi thật. Tôi để ý thấy anh cũng đã trút bỏ tất cả các thứ quần áo "vui vẻ trẻ trung", lại đánh một cái quần bộ đội và cái áo màu xanh công nhân, bộ cánh diện tứ thời ngày xưa (anh thích mặc cái vỏ áo bông vì nó rộng dễ cởi ra mặc vào, hoặc khi ngứa, gãi cũng rất dễ).

Anh đặt chồng bản thảo dày cộm cuốn tiểu thuyết của anh đang viết dở dang xuống bàn tôi, miệng nói ngược ngệ: -

- Cậu cho mình ngồi nhờ đây một thời gian, được không?

Tôi liền hiểu ý anh.

Tôi mừng rỡ cuống quýt. Tôi vội nhận lời. Tôi hấp tấp vơ những thứ đồ đạc trước mặt và cả mười trang giấy bản thảo của mình vẫn còn bày trên mặt bàn.

Bất ngờ anh giơ tay chặn bàn tay tôi lại:

- Cái gì đây? - Anh quẹt ngón tay lên một trang giấy của tôi vẫn còn ướt mực - Cậu đang viết cái gì hở?

- Tôi thử một cái truyện ngắn... - Tôi đáp lúng túng.

Thế là anh cố giằng lấy kỳ được những tờ giấy từ trong tay tôi, khiến cho tôi lúc ấy chỉ muốn châm lửa đốt quách đi. Tôi đỏ mặt, vừa xấu hổ vừa sợ hãi, như một tên phạm tội bị bắt quả tang.

- Hay lắm! Vừa liếc qua trang đầu tiên anh đã đỏ mặt, rồi reo lên: - Thăng xô lá! Mày viết tao hả?

- Thưa anh, tôi đâu có... dám...

- Lại còn chối? Lại còn chối nữa! Nhưng chưa viết xong phải không?

- Vâng ạ!

- Vậy thì viết cho xong đi. Đã đặt tên chưa?

- Chưa ạ!

- Ngay trước khi viết đã phải đặt cho nó một cái tên. Truyện ngắn khác truyện dài ở cái chỗ đó. Truyện ngắn chỉ nói một ý, một vấn đề. Đặt tên trước tức là cấm cho nó một khu đất nhất định, không được đi lang thang ra ngoài. Kinh nghiệm cho biết như vậy.

Giảng xong, anh đọc lại một lần nữa, liền bảo tôi:

- Cái truyện ngắn này, mình thử đặt cho nó một cái tên. Cậu đồng ý không?

- Vâng - Tôi cúi đầu - trăm sự nhờ anh!

- Thôi đi! Đừng vờ vĩnh đóng kịch nữa! Anh đã có dịp quan sát được hết mọi chi tiết những cái lỗ bịch của tôi! Già rồi mà vẫn còn chơi trống bỏi, chắc anh đang vừa cười tôi lại vừa chửi tôi như thế! Được rồi, anh hãy cứ đặt cho cái thằng nhân vật lỗ bịch của anh một cái tên đầy chất sân khấu: "Người sắm vai!". Được chưa? Lại còn chưa được nữa! Được quá đi chứ?

Rồi anh cười. Trong đời tôi chưa bao giờ nghe một tiếng cười lạ lùng và đáng thương như vậy. Cười xong anh lập tức ngồi xuống bắt tay làm việc. Tôi rón rén đặt trước mặt anh một chén trà đã được chế thêm nước trắng, và cái điều cày, bao thuốc lá, hộp diêm, một cái lon sữa bò đựng tàn thuốc lá. Rồi sau đó, tôi liếc mắt nhìn sang ngôi nhà đối diện. Tôi cũng không dự đoán nổi cái gì sẽ xảy ra từ nay cho đến khi anh viết xong cuốn tiểu thuyết? Nhưng tôi tin chắc với một nỗi lo sợ rằng, dù bom nổ, sét đánh hay động đất thì cũng không thể nhắc anh quăng ra khỏi cái bàn làm việc của tôi, mà anh đã đến ngồi nhờ. Nhưng tôi cũng tin, với tuổi đời của anh, anh sẽ có cách bàn bạc với chị ấy.

Anh chẳng đã từng nói với tôi, tình yêu và gia đình dạy cho người ta biết thu xếp một cách liên hiệp là gì?

Nhưng tôi tin, dứt khoát từ nay anh sẽ không chịu "sắm vai" nữa! Cuộc sống gia đình chứ đâu có phải là sân khấu? Mới có chưa đầy một tháng phải sống cho ra một người hãy còn trẻ mà tóc anh bạc đi thêm bao nhiêu? Mái đầu thì vẫn đen như mun, nhưng dưới các chân tóc, lại vừa có thêm rất nhiều sợi bạc, chẳng lẽ chị ấy không thấy? Chẳng lẽ anh, chính anh, chị cũng chỉ coi là một thứ tiện nghi, một thứ "đồ đạc" của chị!

HƯƠNG VÀ PHAI

Đây là tên hai đứa con gái đang học lớp năm. Chỉ ít phút nữa, người chị ruột của cái Phai sẽ "biến" khỏi ngôi nhà này để về ở hẳn bên gia đình nhà cái Hương.

"Phép tính hoán vị" đang được họ hàng hai bên sửa soạn một cách long trọng và đầy vẻ linh đình mà người ta quen gọi là đám cưới. Phải, "phép tính hoán vị", ban đầu cả hai đứa trẻ đều lấy làm thích thú vì đã nghĩ ra được một chữ thông thường của toán nhưng đem đặt vào đây nghe đến là lạ tai và buồn cười - do cái Hương nghĩ ra trước - nhưng chỉ được một lát sau tự nhiên cái Phai, bạn nó đã phụng phịu, giầy nảy lên:

- Sao lại gọi là hoán vị được cơ chứ? Chị tao phải sang ở bên nhà mày chứ anh mày có phải sang ở nhà tao đâu?

- Ờ, ờ nhỉ?

Hai tay thọc vào hai bên túi áo bờ lu đông Đức, hai chiếc răng cửa hàm trên hơi to như hạt ngô bắp lúc nào cũng tìm cách "vượt ngục" ra bên ngoài chiếc môi trên cong cớn, Hương ngẩn mặt thốt lên mấy tiếng "ờ, ờ nhỉ?". Trong khi đó, cái Phai vẫn chưa hết giận dỗi với cái phép tính hoán vị đầy thiên vị, nó nằm sấp tỳ khuỷu tay xuống phiến ván, khươ hai bàn chân lên không, và cái mặt được đỡ bởi mười ngón tay ấn lún vào hai bên má béo núng nính.

Hương ngả mình xuống. Hai đứa trẻ lại nằm sóng đôi bên nhau. Chúng nó là hai đứa trẻ giàu tưởng tượng, đang ở cái tuổi

tất cả mọi cái gì lọt được vào bộ óc của chúng đều bị khúc xạ đi thành những ý nghĩ đầy tình quái. Bốn con mắt ấy đầu lại nhìn vào một vật gì thì dù là một chiếc chổi cùn cũng biến thành một chiếc đĩa bay. Huống hồ, huống hồ bây giờ... cái điều khiến chúng đang phải leo tận lên trần nhà để "quan sát" xuống lại còn lạ kỳ hơn hiện tượng đĩa bay rất nhiều.

Như vậy là họ đã bắt đầu mặc áo cưới cho chị Phấn. Một chiếc sơ mi trắng bong viền hoa chanh nhỏ li ti bốn chung quanh các đường tà đã đẹp lắm rồi, trông chị Phấn đã khác ngày thường lắm rồi, vậy mà người ta còn sắp khoác trùm ra bên ngoài một tấm áo voan mỏng và đầy nếp gấp, y như một cái túi pha lê kia nữa, thì còn đâu là cái chị Phấn hàng ngày của cái Phai, cái chị Phấn vẫn đi chợ, giặt giũ, làm mứt khế, đập chiếc bàn máy khâu cổ lỗ và ngày ngày đi dạy học bằng chiếc xe đạp sơn màu cà phê sữa đã ngả màu đen nhờ và luôn luôn tuột xích.

Chị Hoa nóng lòng muốn mặc ngay chiếc áo cưới cho cô em gái của mình, nhưng chị Yến vẫn chưa cho mặc. Chị Yến cũng không thèm nói ra thành lời mà chỉ giơ một bàn tay về phía chị Hoa, ý muốn bảo rằng khoan đã, khoan đã. ..

Cái nhà chị Yến này đã hai con mà vẫn còn trẻ hơn hớn, trẻ hơn cả chị Hoa đứng bên. Nghe đồn rằng một thời xưa chị ở văn công quân đội, chừng lâu lâu được mời đến hoá trang cho một cô nào sắp về nhà chồng, chị lấy làm sung sướng lắm, trong các dịp như vậy không những tỏ ra một nhân vật quan trọng, mà chị lại còn tỏ ra "độc tài" hay chế áp mọi người nữa cơ! Chị Hoa đành chịu phục tùng. Đã trót lấy chiếc áo cưới trị giá bằng cả một gia tài mà từ mấy ngày trước chị đã phải đi thuê của nhà hàng tư với giá "cắt cổ" ra ngoài mặc áo trong tủ, chị không dám để chiếc áo xuống vì để vào chỗ nào cũng thấy không xứng đáng, vả lại, chắc là sợ dây bẩn. Chị đành giơ thẳng hai cánh tay lên, hai bên vai tấm áo voan được cầm nhon nhón trên hai chiếc kẹp làm

bằng bốn ngón tay của chị. Và hai bàn tay cứ căng chiếc áo như một chiếc rèm trước mặt, chị đi vòng chung quanh cô em ruột sắp về nhà người ta.

Bôi đi bôi lại đến toát mồ hôi, chị Yến vẫn chưa chịu ưng ý với cặp môi son của chị Phấn. Bởi vì miệng cái Phấn hơi rộng, chị nghĩ và cố nhớ lại những kinh nghiệm của quãng đời thường phải hoá trang bước lên sân khấu. Chị phải cố làm sao trên khuôn mặt cô dâu nếu không có một cặp môi hình quả tim thì cũng đừng rộng như một chiếc thuyền.

Trên trần nhà, hai đứa em gái đang nhìn như dán vào cái khuôn mặt bầu bĩnh mỗi lúc một cứng đờ ra của chị Phấn chúng nó. Đây là lúc chị Phấn phải hơi hất cái mặt lên để cho chị Yến tô môi. Rõ thật là lâu. Đến gầy cổ vì cái môi.

- Ăn đi mày! - Cái Phai nhón tay bóc một lát giò bỏ vào miệng và mời bạn.

Cái Hương đã ngán thịt lắm. Nó bóc một nhúm nộm trên chiếc đĩa sắt tráng men mà cái Phai đã bê lên theo tận trên trần nhà. Trong chiếc "đĩa bay" ấy bày mỗi thứ một tí, đủ mọi thức của một cái mâm cỗ đám cưới. Thật là sướng ghê! Xem đám cưới hàng xóm đã thích nhưng được xem đám cưới anh chị chúng nó lại càng thích bởi vừa được xem lại vừa được ăn ngon.

- Ừ, mà kể cũng lạ - cái Hương bỗng thốt lên - Kể cũng lạ mày nhỉ, chúng mình chỉ nói đùa vậy mà họ lấy nhau thật!

- Ừ nhỉ - cái Phai liền tán đồng - Thế mà họ thành vợ chồng thật.

Cái trần nhà với một làn bóng tối nhờ nhờ bao quanh gợi lên trong đầu chúng những pha ly kỳ có những nhân vật ẩn núp trong vô vàn bộ phim. Chúng nó nhìn nhau và lấy làm thần phục lẫn nhau vì, nói cho thật khách quan và công bằng, anh Định và chị Phấn của chúng nó sở dĩ trở thành vợ chồng như sắp tới đây, té ra là do sự sắp đặt của chúng nó, hai đứa trẻ nhỏ này, chứ

cũng chẳng phải ông tơ hay bà nguyệt nào sắt ráo! Tề ra người ta trở thành đôi lứa suốt đời cũng dễ dàng và đầy bất ngờ, chẳng có gì là lạ lùng và bí ẩn cả!

Việc tối hệ trọng của đời người này có lẽ bắt đầu từ buổi chiều ấy, lớp học thêm - tổ chức ở nhà cái Hương - vừa tan thì trời đổ mưa to, cái Phai không mang áo mưa nên phải nán lại.

Cái Hương lôi cái Phai xuống bếp, ở đây anh Quang và anh Định là hai người anh sinh đôi của cái Hương đang nấu mứt khế. Rõ khôn khéo, trong một cái xoong lớn, những lát khế đã biến đầu mắt chỉ còn thấy để lại một chất bùn sền sệt và từ đáy xoong đang bốc lên một đám mây khét lẹt, chẳng còn nhìn thấy rõ mặt mũi hai người đàn ông đang ngồi trước cái bếp dầu, đang tu luyện các phép thuật nội trợ.

Bố mẹ Hương đều công tác xa, một người đang ở bên Đức, một người làm công tác khoa học đang có một công trình nghiên cứu gì đó ở tận đồng bằng sông Cửu Long, lâu lâu mới đảo ra một lần. Cái Hương còn có một người anh nữa đang học địa chất mỏ tận trên Thái Nguyên, vài ba chủ nhật mới về. Bữa đó cái Phai cùng hai người anh của cái Hương sì sụp húp mãi mới hết mỗi người nửa bát chè khế. Ăn uống mà chả khác gì tra tấn.

- Anh Quang và anh Định này - sắp kết thúc bữa tiệc chè, cái Hương nói với hai ông anh - cân khế và nửa cân đường này mà vào tay chị Phấn - chị cái Phai, thì... không đến nỗi nào.

- Chị em chuyên làm mứt khế đưa cho các bà bán quán bán - cái Phai giải thích cặn kẽ hơn - mỗi lúc làm đến mấy cân.

Đang bê chõng bát trên tay, sẵn miệng cái Hương nói luôn:

- Hay là anh Quang lấy chị Phấn quách. Về chị ấy nấu mứt khế cho. Tao với mày làm bà mối Phai nhỉ?

Cái Phai chưa kịp gạt đầu thì anh Định đang ngồi xếp bằng trên chiếc dép giữa nền nhà bếp, vội hớn hờ nắm lấy tay cái Phai:

- Phần anh, phần anh!

Nhưng anh Định chưa dứt thì anh Quang đã kéo cái Phai về phía mình:

- Phần anh, chị Phần của Phai là phần anh, Phai nhỉ?

Một cuộc đùa, một cuộc đùa - sau cái vị đắng ngọt như thuốc bắc của bát chè khế nhưng lại là cái điều bắt đầu cho một chuỗi mưu chước về sau này của hai đứa trẻ - có cái gì như một thứ "trò chơi".

Sự sắp đặt sau đó vẫn do bàn tay của chúng nó - "hai con nhóc" ấy! Trong khi ngồi rửa bát ngoài vòi nước, cái Phai nêu lên một ý kiến: chị Phần nó phù hợp với anh Định hơn, và cái Hương cũng thấy như vậy.

Lần này chúng đã phạm luật, nhưng chúng vô tình phá bỏ cả luật lệ: Vì còn trẻ con cho nên cả hai đứa đều không hiểu rằng trong những tình thế như vậy, người con gái không bao giờ nên đến nhà người con trai trước. Vậy mà chúng nó lại sang bàn với nhau: phải làm sao đưa cho kỳ được chị Phần sang bên nhà cái Hương, để chị Phần biết nhà cửa và mặt mũi anh Định cái đã!

Vào một ngày chủ nhật, từ sáng sớm hai đứa trẻ đã thì thào với nhau lúc trước cửa nhà cái Hương lúc bên cạnh cái cổng sắt của khu tập thể nhà cái Phai.

Cũng phải công nhận rằng cái kế hoạch của chúng nó bố trí đã vô cùng tinh vi. Đưa một con người vào quỹ đạo vũ trụ cũng tinh vi và công phu đến thế là cùng!

Chiều chủ nhật đó, ba người anh của Hương đều có mặt ở nhà cả, đang đánh trần, kẻ ngồi, người nằm ườn ra trên giường, xem một trận đá bóng truyền hình tại chỗ thì thấy Phai đến, đi theo sau có một cô gái khá xinh đẹp mà vừa thoạt nhìn thấy, ít ra có hai trong số ba người anh của Hương có thể đoán được cô gái đi sau là ai.

Người khách nói bằng giọng rất nhỏ đầy rụt rè:

- Tôi nghe mách gia đình có cái đầu máy khâu Đức... muốn bán?

Hai chàng sinh đôi co cẳng chạy vào phòng trong vội vã xỏ quần áo. Người anh thứ ba ngay thật leo lên gác xếp bê xuống một cái đầu máy khâu Đức đựng trong một cái hộp giấy.

- Máy mới nguyên, bố em mới gửi về tháng trước đây chị ạ!

Người đi mua máy nghe tiếng trẻ con quen quen, quay về sau chột giật mình:

- Hương, nhà em ở gần đây hử?

- Em chào chị Phần, chính nhà em đây mà chị!

Bằng một thứ linh tính như của loài côn trùng có râu, chị Phần chột lập tức thấy chột dạ, nhìn ba chàng trai, mặt chị đỏ bừng, sau đó cả khách lẫn ba chàng trai chủ nhà đều trở nên tôn tên, xấu hổ, biết cả mình và bên phía đối phương cùng một lúc đã rơi tõm vào một cái bẫy đầy tinh quái của hai con nhóc.

Những người chủ nhà liền nhẹ nhàng khuân cái hộp giấy cất vào nhà trong - dù sao thì cái đầu máy khâu đã làm tròn vai trò của nó.

Cùng một lúc cả ba người bên phái mạnh đều thi nhau xướng hoạ như khiêu hót, người nào cũng tỏ ra mình là chàng trai mến khách và lịch duyệt nhất.

Chị Phần đã thấy vững tâm và tự tin hơn vào cái nhan sắc vừa phải, chẳng lấy gì làm lộng lẫy của mình. Tuy vậy, để chứng tỏ mình đến đây hoàn toàn vì mục đích ban đầu, Phần phải thuyết trình hơi dài về tình trạng cái đầu máy khâu ở nhà, khiến cô phải tìm mua một cái máy khác.

Trước một cuộc trò chuyện đầy vẻ tào lao và nhất là trông thấy cả ba ông anh dàn hàng ngang mà tiến lên như vậy, "hai con nhóc" lấy làm bất bình quá, chúng phải để lộ cho cả hai phía biết cái ý định mỗi manh đã như đinh đóng cột của chúng: chúng muốn đưa chị Phần sang đây để xem nhà cửa và nói chuyện chủ

yêu với anh Định - Số phận họ đã được sắp đặt ở bên cái vòi nước hôm trước như vậy rồi!

Ngày qua tháng lại, mọi việc xảy đến đúng như sự sắp đặt của hai đứa trẻ: Chủ nhật nào anh Định cũng sang chơi với chị Phần, anh nói chuyện làm đường dây cao thế, chị than thở về việc học trò bây giờ không chăm học như ngày trước chị đi học. Hai người đi chơi, đi xem phim với nhau, lúc đầu còn thỉnh thoảng và mỗi lần đi xem phim rạp, họ đều mua những bốn vé, dắt theo cả hai đứa trẻ làm vật đệm, về sau, chủ nhật nào cũng đi và họ bỏ rơi luôn chúng nó.

"Hai con nhóc" cũng hơi ức một tý nhưng chúng nó đã đến cái tuổi biết nghĩ, biết rằng hai anh chị nó đã bước sang cái giai đoạn ích kỷ tất nhiên của người lớn, đang gia nhập vào cái cảnh tượng đông đúc chỉ có những cặp đôi đi với nhau mà chúng vẫn thường gặp ngoài đường phố, vào các tối thứ bảy. Và lại, không được họ dắt đi xem phim thì chúng nó vẫn có cái thú riêng của chúng nó, là lần mò đến các quầy sách cũ. Trước đây mấy năm, từ khi mới bắt đầu cặp tóc, "hai con nhóc" này lần đầu tiên đã chạm trán nhau trước một quầy bán sách cũ tận trong một cái ngõ. Chúng đưa mắt nhìn nhau dò la đến phát khiếp, miệng thì làu bàu, gằm gừ. Nhưng hiểu được ý đồ của nhau rồi thì liền kết giao thành đôi bạn thân: Hai đứa giả vờ đang cần mua một cuốn truyện rất hiếm để lục lọi, kỳ thực là tranh thủ đọc. Một cuốn trăm trang chúng nó "ngốn" chỉ mất 15 phút, và đến bây giờ, chỉ cần trên 10 phút. Cả hai đứa trở thành một đôi bạn tri kỷ trong nhiều năm bởi xu hướng chọn sách đọc - Không bao giờ chúng thêm đọc những cuốn người ta cố ý viết cho trẻ con bởi đọc những cuốn ấy, chúng thấy gần như bị người lớn nhại, thật khó chịu. Và khắp trong thành phố này chúng đã thuộc tính nết những chủ quầy bán sách cũ, ai dễ tính ai khó tính, và ở những quầy nào thuộc khu phố nào thường có loại sách gì, thật là y như hai con ma xó vậy!

Sang mùa thu, bà mẹ cái Hương từ trong Nam đáp máy bay ra, xin với ông bố cô Phấn cho "bỏ trâu". Ông Dục, bố cô Phấn giữ bà thông gia tương lai ở lại ăn cơm. Tất cả mọi công việc ấy đều nằm trong chương trình do Phấn thu xếp và các bậc cha mẹ chỉ thực hiện.

Đến giai đoạn này thì thậm chí những bài tập toán và vật lý của bọn học trò mà Phấn mang ở lớp về, Định cũng dùng cái bút đỏ ngồi chấm giúp Phấn.

Có chủ nhật Phấn còn giữ Định lại dốc gần hết đường trong nhà ra làm mứt khế cho Định ăn, có hôm còn giữ Định lại ăn cơm. Bao nhiêu phiếu thịt để dành cũng dốc ra mua hết. Tình yêu làm người ta rộng bụng nhưng suốt tháng cả nhà Phai phải ăn cơm rau.

Chẳng phải Phấn không biết điều đó. Phấn yêu Định tha thiết nhưng tình yêu của người con gái nhà nghèo mồ côi mẹ vừa mê muội vừa tỉnh táo, mà có lẽ phần tỉnh táo là nhiều hơn. Những khi cần thiết dãi Định, những lúc cần tỏ ra rộng rãi và chí cốt trong tình yêu, không phải Phấn không nghĩ đến bố và em - ông bố mà cho đến nỗi hút một điếu thuốc Lào cũng vế rất nhỏ trên hai ngón tay và từ ngày mẹ mất đến giờ, mặc cho bố rầy la, Phấn cứ gánh hết mọi công việc lớn nhỏ trong nhà, có bao giờ Phấn để cho cái Phai phải làm một việc gì đâu? Phấn muốn cho em được chơi, không có tiền mua cho nó đồng quà tấm bánh như hồi mẹ còn sống thì với ý thức một nhà giáo dục, Phấn cũng cố giữ lại cái tính hồn nhiên và thậm chí cả cái tính tình quái của đứa em gái.

Thế mà bây giờ hàng tuần ngày chủ nhật Phấn vẫn không

thể không đi chơi với Định, không thể không làm cơm mời Định, và có lẽ chỉ có ông Dục là hiểu được nỗi lòng của đứa con gái lớn, khi mà trong nhà phiếu thịt đã hết nhãn, trong các bữa ăn thường ngày của ba bố con, ông thấy Phấn gấp nhón nhón trên đầu đũa một nhánh rau muống mà chấm đứng ngọn rau vào bát nước chấm.

Phấn cũng hiểu nay mai mình "về bên ấy" rồi thì cái Phai và bố sẽ vất vả lắm. Không còn Phấn, trong nhà sẽ mất đi một người biết dè xèn, tính toán chi li mọi khoản chi tiêu cho đủ ba mươi ngày mà không hụt ngày nào. Không còn Phấn, cũng mất đứt khoản thu nhập của mứt khế và khoản máy hàng cho mậu dịch. Nay mai chỉ còn đồng lương hưu ít ỏi của bố, làm sao bố với cái Phai có thể sống, mà bố với đứa em đều không biết tính toán bằng Phấn?

Đã có lúc Phấn nghĩ, hay là mình ở vậy nuôi bố và em, đời xưa và thời nay cũng thỉnh thoảng có người con gái đã làm như vậy, nhưng Phấn lại tự thấy không có đủ đức hy sinh là nhường ấy, sự quên mình đến mức nhường ấy. Năm nay đã hăm ba, Phấn không thể ở với bố và em mãi. Hơn nữa, Phấn lại còn mừng thầm trong bụng vì lấy chồng được vào gia đình ấy - có một ông bố công tác ở nước ngoài - cũng đỡ khổ hơn ở nhà. Thậm chí một lần giữa hai tiết toán của lớp 6D và lớp 5A, cô đã ngủ chợp đi và mơ thấy mình đã lấy cái đầu máy khâu Đức của nhà chồng mang về nhà. Choàng thức dậy, Phấn thấy xấu hổ quá. Sau tiết toán của lớp 5A, cô đạp xe về nhà, gặp mấy đứa bạn bắt giắc Phấn cứ cúi mặt xuống, lại nghĩ: nay mai "về bên ấy" mình phải làm sao để người ta không khinh được nhà mình nghèo.

*
* *

Thậm chí cho đến cả khi yêu, Phấn cũng không hề được lãng mạn, viễn vông một chút nào cả.

Bao giờ sang bên nhà Phấn, cái Hương cũng liền rúc vào tận trong cái xô bên góc học tập của cái Phai. Hai đứa trẻ thì thảo, trao đổi với nhau đủ thứ chuyện rồi mới kéo nhau ra quầy sách.

- Anh Định có nhà không Hương? - Cho đến khi con em Định chào Phấn để bước ra cửa, Phấn mới dừng tay dừng chân trên chiếc máy khâu cổ lỗ sĩ, hỏi.

- Có, anh Định em đang có nhà đấy chị Phấn ạ!

- Anh ấy không biết đang làm gì nhỉ?

Con bé vốn bản tính bộc tuệch:

- Lúc em sang đây thì thấy đang bê cái bếp dầu hoả ra trước gương, cầm hai thanh đũa cả hơ lên lửa cho nóng rồi kẹp lấy món tóc trước trán mà xoắn như xoắn thừng. Mà chị Phấn không biết chứ, quần áo anh ấy mặc sang đây, hai phần ba là quần áo đi mượn. Bên ngoài trông ăn mặc đẹp thế chứ bên trong, sơ mi và quần áo lót hàng nửa tháng không thay ra để giặt, không khéo còn có rận nữa cũng nên cơ! Cả tiền nữa, hồi này gặp ai cũng hỏi vay, em có chục bạc để trong cuốn sách, thế mà anh ấy cũng "nhót" mất! Anh ấy bảo: ít nữa tao sẽ trả mày hai chục. Có mà đến Tết! Thà em biếu không anh ấy. Có lẽ bây giờ anh ấy đã uốn tóc xong, đang mặc quần áo để sang đây. Bữa nay đầu tóc lại chẳng sặc sụa mùi dầu hoả. Rồi chị ngồi thử coi! Chị Phấn ạ, chúng em đi chơi đây!

*

* *

Hai gian nhà bên gia đình cái Hương hôm nay nom lạ hẳn đi và mới nhìn qua các đồ đạc mới đem ra trang hoàng, cái Phai cũng biết là giàu hơn nhà nó.

Anh Định thắng một bộ com lê màu xám rất sang. Sơ mi và áo may ô cũng mới.

Hai đứa đứng ngắm anh Định lúc này cũng đang hát cái mặt lên để cho một anh phù rể thắt chiếc cravat màu huyết dụ, rồi cái Hương nắm tay cái Phai xộc vào tận trong buồng cô dâu xem các bà già vừa bôm bẻm nhai trầu vừa trải chiếu. Nhìn ra ngoài cổng, cái Phai thấy hai chiếc ô tô lớn trước kính dán chữ "hi" bằng giấy điều, vừa chạy tới đỗ sạch lại.

Ở bên này người ta đang nhón nháo, tấp nập đón chị nó về.

Cho tới tận bây giờ cái Phai mới cuống lên, trong lòng nó chột nổi bùng lên cái cảm giác đầy mắt mắt - đúng y như hết mấy năm trước đây khi chị Hoa nó về nhà chồng. Hoa chẳng đến giờ đã là một đứa học trò cấp hai cho nên, chắc là lần này nó sẽ không khóc mếu nắm tay lời xềnh xệch đòi chị về như lần trước, và nó chỉ thấy chấy lên trong lòng nó lúc này một cái ý muốn kỳ quái: giá nó thật giàu - một nhà tỷ phú như bên Mỹ, mà không, mà không, giá nó có một thứ gì còn quý hơn cả tiền bạc lẫn châu báu, quý hơn mọi thứ quý nhất, để nó được đem cho chị Phấn nó bằng hết.

Ừ nhỉ, "con nhóc" nghĩ, đây chẳng là cái phút cuối cùng đã đến lượt chị Phấn nó được ở trong gia đình nhà nó hay sao?

- Tao về đây Hương ạ!

- Ừ thì lại sang bên mày! Nhưng mà mày làm sao vậy hả?

Lần đầu tiên nó bỏ rơi con bạn, một mình chạy ù về nhà.

... Chung quanh chị Phấn nó lúc này đã không còn một khe hở nào để cho nó len người vào nữa. Không kể những người đứng ở vòng trong cùng "điều dóm", sẵn sàng chạy đi lúc chị Yên sai bảo, hiêng mắt ngăm ngía rồi bình phẩm nhỏ nhỏ với nhau, hoặc táo gan hơn - thì thọt chạy vào tham gia với chị Yên nên sửa thêm chỗ này chỗ khác, trong cửa và ngoài hiên lúc này đã đông nghẹt "khán giả". Đây là chưa kể một số lượng "khán giả"

khác không thể gọi là ít, phần lớn là trẻ con nhưng cũng có những chị choai choai dăm ba năm nữa đã đến tuổi lấy chồng, đang chen chúc nhau đứng ngấp nghé sau bức rèm vải hoa che cửa sổ. Có thể nói được rằng tất cả sinh hoạt của bên họ nhà gái đã dồn vào cái gian phòng nhỏ của nhà hàng xóm dùng làm chỗ trang điểm cho Phấn.

Phấn ngồi ngay ngắn trên một chiếc ghế có lưng tựa, hai bàn tay đã xỏ găng trắng đặt trên đùi. Cuộc hoá trang bắt đầu từ sau lúc tắm rửa đến giờ đã kéo dài ba tiếng đồng hồ. Ban đầu Phấn cũng thấy hứng thú và choán hết tâm hồn người nữ giáo viên ấy là một cảm tưởng trang trọng của ngày cưới của chính mình. Về sau chị thấy bức bối, khó chịu, do bị một bàn tay kẻ khác vẽ mày vẽ mặt và sống quá khác với ngày thường.

Nhưng bây giờ, chỉ sau ba tiếng đồng hồ, cảm giác Phấn như tê dại đi, Phấn đã trở thành một bức tượng, do bị những con mắt chung quanh ngắm nghía nhiều quá, do bị quán thắt vào thân thể nhiều thứ đồ quần áo đẹp đẽ và lộng lẫy quá, và thom tho quá!

Cái Phai đã chen được vào. Chị Phấn đã nhìn thấy nó, nhưng cặp mắt của chị vẫn thờ ơ như cặp mắt của một hình người ngồi đúc bằng pha lê. Đến nỗi cái Phai cũng đâm ra ngại đến gần chị nó và tự nhiên "con nhóc" hoang mang không hiểu cái bức tượng ngồi đấy có phải thực là chị Phấn của nó không?

Giữa lúc ấy, chị Hoa mở một cái cửa ở ngạch, tìm cách bung vào cái khay bày một đĩa xôi và mấy miếng thịt gà:

- Chị Yến ạ, bây giờ em mới nhớ ra, từ sáng sớm nó đã phải chạy ra ngoài ga mới đi mua thêm gà, từ sáng tới giờ nó chưa hề ăn uống gì cả!

- Bây giờ còn ăn uống thế nào được nhỉ, chị Yến hơi lấy làm phật ý, bây giờ mà ăn thì phải "làm lại" cặp môi. 6 giờ rồi, có kịp không? Bên kia người ta kéo ập sang bây giờ thì sao?

- Không ăn được - một chị "khán giả" đứng ngoài tham gia ý kiến - thì cho nó uống một tý gì, không nó đói đấy. Uống thì không thể hông cấp môi được!

Chị "khán giả" vừa nói dứt thì có tin báo về: họ nhà trai đang trên đường sang. Họ nhà trai sang hai xe nhưng số người đi đón dâu chỉ ngồi hết một khoảnh nhỏ của chiếc xe thứ nhất.

Cái Hương nhảy lên chiếc xe sau. Nó chợt cảm thấy sướng mê đi. Oách chưa, chưa bao giờ nó dám nghĩ nó sẽ đi sang nhà cái Phai bằng ô tô - mà chiếc ô tô này chốc nữa sẽ đón chị Phấn về. Nó không hề nghĩ chị Phấn là vợ anh nó, đúng ra "con nhóc" chưa quen với ý nghĩ ấy, mà nó chỉ nghĩ: từ mai đây chị cái Phai sẽ trở thành một nhân vật quan trọng của gia đình nhà nó. Mẹ nó đã chẳng nói với các ông anh của nó đấy ư: "Tao sẽ sang xin cho con Phấn nó về nó lập lại trật tự của cái nhà này, chứ như bây giờ, chỗ nào cũng vút đầy quần áo, sách vở lẫn bát đĩa chưa rửa, còn quá một chuồng heo tập thể, y như trụ sở của một bọn vô chính phủ!"

Cái Hương ngồi một mình trong chiếc xe ca rộng thênh thang. Chợt nhìn sang một đoạn hè phố, nó trông thấy cái Phai. Thế là "con nhóc" nắm tay nện vào cái cánh cửa xe sầm sầm khiến người lái xe cúi kính nhưng vẫn phải đỗ xe lại.

Cái Hương chạy tới trước một hàng bán bún riêu cua.

- Phai, mày làm gì ở đây?
- Tao mua một bát... cho chị Phấn.
- Con này, ở nhà bao nhiêu là cỗ bàn?
- Mày chẳng biết gì cả, chị ấy không ăn được.
- Đau cổ hả?
- Thôi, về đi!

Có lẽ suốt đời cho đến già Phấn và hai đứa em gái của Phấn sẽ không bao giờ quên bát riêu cua trong cái ngày trọng đại ấy của đời Phấn. Hai đứa trẻ phải thay nhau bụng thật cần thận để

khỏi sánh ra dọc đường. Nếu như trước đây nửa năm chúng bố trí "cái vụ mua máy khâu" công phu như thế nào thì đến nay chúng bùng được một bát riêu cua - món ăn mà chúng biết chị Phấn ưa thích - về được đến nhà cũng công phu như thế.

- Chị Phấn, chị ăn đi!

Nghe xong câu ấy và cúi nhìn xuống thấy hai đứa em đang đứng ngay trước mặt, cái "bức tượng" đã tự đập tan mình ra để trở lại làm người. Phấn giơ hai bàn tay đeo đôi găng trắng đón lấy đôi đĩa và chiếc bát, nhưng chị cảm động quá - và cái Phai cùng cái Hương cũng vậy - những bàn tay của ba chị em đều run lẩy bẩy khiến cả cái bát riêu của đồ ụp xuống.

Chao trời đất ơi, tất cả áo xống của Phai đã lấm ướt bê bết. Cả chiếc áo cưới dính đầy từng tảng riêu cua và lẫn cả hành, rau rút...

- Đừng sợ, đừng sợ! - Phấn vội vàng trấn an tinh thần hai đứa trẻ lúc ấy đang chực khóc - có việc gì quan trọng đâu, các em!

Lần ấy Phấn đã bước lên xe về nhà chồng với chiếc áo cánh trắng viền hoa chanh nhỏ li ti bốn chung quanh các đường tà. Nhưng chỉ trang điểm đến thế, trông cô dâu đã đẹp hơn ngày thường rất nhiều. Và đi hai bên Phấn là cái Phai và cái chị Hoa - những đứa em gái của Phấn.

Tối hôm ấy, khi họ nhà gái ăn uống xong bắt đầu leo lên xe để trở về nhà trước một cái cửa trông ra mặt phố đầy xác pháo cứ trắng toát đang bị gió thổi tung, Phấn đứng bịn rịn mãi bên Hương và cái Phai. Thế rồi đột ngột, hai mắt bỗng giàn giụa, Phấn ngồi thụp xuống ôm chầm lấy đứa em gái mà cất lên một tiếng nấc nhỏ.

Mấy ngày sau, vào một buổi chiều chủ nhật, cái Hương đảo qua một quầy hàng sách cũ. Nó phát hiện thấy người ta vừa mua được về mấy cuốn truyện mà hai đứa lâu nay vẫn ao ước đọc. Nó

liền hăm hở chạy đến nhà cái Phai. Trong một góc nhà, ông Dục đang ngồi cầm cúi đập chiếc máy khâu cổ lỗ - Ông bố đến giờ phải thay Phần ngồi đập máy khâu và dưới bếp, trước một cái bếp dầu, cái Phai đang ngồi cầm đôi đũa cả đảo những nhát khế vừa ăn đường - đứa bạn nó giờ bạn thay chị Phần nó làm mứt khế để đưa đi các hàng nước.

Cái Hương chợt thấy tự nhiên đứa bạn gái của nó hôm nay như vừa nhón vượt lên hơn nó vài ba tuổi, trong một cái dáng vẻ quán xuyến khiến nó phát ghen tỵ.

LŨ TRẺ Ở DÂY K

Gia đình nhà cô Hoàng dọn đến dây nhà K tuy không phải là gia đình dọn đến cuối cùng nhưng cũng không phải đã ở đây từ lâu đời. Phần đông trong dây K người ta sống với nhau từ khi còn là vợ chồng son hoặc thậm chí cưới nhau mới đêm hôm trước. So với những tấm ảnh chụp còn để lại của hồi đó thường được treo trong những góc kín đáo và thân mật trong các nhà thì bây giờ họ là một đám ông già bà già giống y hệt những người đã sinh ra họ.

Cây cối ngày bấy giờ tuy chẳng nhiều nhận nhưng trước nhà nào cũng có vài ba cây sống đời, cây ớt, cây thiên tuế vừa làm cảnh vừa để chữa bệnh vặt, cây bóng mát cũng có, cây ăn quả cũng có, đến bây giờ chúng chỉ còn trong ký ức của lớp người đã ở đây lâu. Thay vào đó nhà cửa mọc lên thêm. Những cái chất hiên cứ cạp mãi ra lấn vào các khoảnh đất trống. Rãnh nước xây trước hiên bây giờ thụt vào ngay giữa nhà, được trám lại bằng những tấm phi bờ rô xi măng và để hở một lỗ, mùa hè nóng nực mỗi lúc lau rửa nhà lũ trẻ con thường tháo nước bắn xuống đấy.

Lũ trẻ ra đời thành lớp lang. Cái đám con gái bây giờ đi guốc cao tám phân, thích mặc quần bò và lũ con trai mặc áo bốn túi của bố, chân tay dài nguênh ngoàng, hồi bấy giờ đều đang còn nằm trong bụng mẹ cả. Thuở bấy giờ chỉ dăm ba người đàn bà đã ngồi chập vùi nước công cộng. Hồi thăm nhau cũng chỉ có một

câu: "Bao giờ đẻ thế hử? " hoặc bằng giọng ái ngại: "Sao mãi chưa đẻ đấy gì?" Thuở bấy giờ việc thiết lập cái nhà trẻ trong khu tập thể đã làm lu mờ cuộc chiến tranh Iran - Iraq.

Vào hồi gia đình cô Hoàng dọn đến, ngôi nhà trẻ ở đầu dãy đã vắng như chùa Bà Đanh. Suốt ngày người ta đi qua nhìn vào chỉ thấy hai cô trông trẻ ngồi chụm lại tía lông mày cho nhau hoặc nằm dài ra giữa nền gạch trắng men trắng đục "X.30 phá lưới".

Đứa trẻ ra đời cuối cùng trong cái vệt thể hệ con cái trong dãy là con bé Thương. Đó là một con bé béo nắn, tiếng nói eo eo và rất hay ngủ. Đang ngồi ở "bô" hoặc ngậm miếng cơm trong miệng, nó đã lăn ra ngủ quách, lay không dậy, đập không dậy. Nghiễm nhiên con bé Thương trở thành được cưng chiều nhất trong cái xã hội nhỏ nhoi của dãy K. Buổi trưa hôm đó, thằng Hùng một thằng bé tiếng nói khàn khàn, da nâu lại mốc thềch như da trăn, vừa được các cô nhà trẻ tháo chiếc khăn mùi xoa xếp hình tam giác ra khỏi vai áo để ra phở theo lớp vỡ lòng, đi học buổi đầu tiên về. Thằng bé ôm chiếc cặp sách bước những bước khệnh khạng diều qua trước cửa tất cả mọi nhà trong dãy, đến nhà nào nó cũng cố ý ho lên một tiếng bằng cái giọng khàn khàn rất quen thuộc, hàm ý nhắc nhở cho những người lớn hay từ nay nó đã là một anh chàng học trò trường Nguyễn Khuyến tận ngoài phố hần hoi, cũng như các anh chị lớn, chứ chẳng phải ít ỏi gì. Rồi đột ngột nó chạy tọt vào ngôi nhà trẻ:

- Cháu chào cô Khanh và cô Luân ạ!

- Ái chà chà!

Không để cho hai cô kịp tỏ lòng thán phục, thằng Hùng vút cái cặp sách to tổ bố trong ruột chỉ có viên phấn và chiếc bảng đen các tông ra giữa nền gạch trắng mới hôm qua hần còn lê la, y như cóc tha nhái, hần cúi gò lưng xuống, hai tay quặt về sau, xóc cái khúc dồi béo nắn nắn lên lưng. Con bé Thương lúc bấy giờ không ngủ mà đang tỉnh như sáo:

- Anh Hùng công em có thấy nặng không?

- Nặng gì!

- Em cũng chẳng thấy nặng gì cả - con bé nằm ọp trên phiến lưng mốc thối, cật cái giọng eo éo, rồi nó mách - anh Hùng ạ, nhà cô Hoàng lại mới mua về một con chó!

- Làm gì có, mà chỉ nói điều!

- Thật!

Cô Hoàng là một người đàn bà miền Nam đã vào trạc xấp xỉ năm mươi, rất thích ăn mặc và hay khoe. Nhà ở quảng giữa dãy, hai vợ chồng đi làm vắng suốt ngày mà vẫn nuôi cả một đàn giống vật. Gian nhà bếp chật chội cứ y như một cái nông trường chăn nuôi vậy. Lợn ủn ỉn. Ngan cạc cạc. Lại một cô thỏ lông màu xám tro suốt ngày đêm không lúc nào ngồi ngẩn lá rau diếp cứ lách rách, lách rách.

Ngày tháng Lạp chưa đi học nước ngoài, cô Hoàng nặng 52 cân. Đến ngày đưa con độc nhất bước lên máy bay cô chỉ còn chưa đầy 50 cân. Những ký thịt đã tan ra thành nước mắt. Cô bắt đầu chăn nuôi để cho đỡ buồn chứ chẳng phải vì trong nhà đói khát cái nỗi gì, và người ta cũng không hiểu cái người đàn bà tính tình xởi lởi và hồn nhiên kia cho thỏ, ngan và lợn ăn vào lúc nào - khi mà vào lúc vàng vàng mặt trời, bên cạnh cái vòi nước công cộng ở cuối dãy, cho đến cả những đứa con gái nổi tiếng thích ăn diện lúc này cũng đánh một chiếc quần vá, một cái áo vá, chờ đến lượt xấp vào vo ù rá gạo hay hứng một xô nước, thì cô đi tới, những múi thịt béo bệu núng nính đều hờn hờ cả lên sau lần vái vàng nhạt, hay hồng nhạt, hay xanh nhạt, cứ dăm bảy ngày hay nửa tháng cô lại cho "xuất bản" một bộ may bằng thứ hàng mới, mà bộ nào cũng may bằng kiểu mặc trong nhà, mà thứ hàng nào cũng khiến cho những đứa con gái trẻ ưa thích. "Được hông được hông?" bước ra tới vòi nước cô hỏi ngay, chẳng chờ cái đám con gái kịp tung mình nhảy chơi chơi

lên mà reo hò. Giữa cái mớ thùng, xô, nồi và đám con gái tơ, người đàn đã già bà kia cứ nổi bật lên bằng vẻ mặt hớn hờ và sự lộng lẫy của y phục. Cô quay sang trái, lại quay sang phải, bắt buộc những đứa con gái phải dán mắt vào mà ngắm nghía mình - những đứa con gái mà ít ra cũng một đôi lần cô đã từng tuyên bố nhất định sẽ hỏi cho thằng Lạp.

- Hết ý, mẹ chồng của tôi ơi!

- Cái eo hông may kiểu này được hông, được hông, bay?

- Được quá, nhưng ăn mặc thế này cô phải đi phờ ri dê tóc đi cơ thì mới hợp!

- Ủ, để tao coi đã!

Nói rồi cô Hoàng ve vẩy bơi bơi hai cánh tay trong không khí đi đến trước mặt một ông lão già đầu hói bóng lại gầy như hạc, đang đánh trần ngồi chửa xe đạp dưới một cái giàn xu xu tốt um đầu hồi nhà:

- Bác sĩ ơi!

- À, bà...

- Có con bé nhị thể nhà tôi chạy sang bên này không hả bác?

Lão đàn ông ngược lên, hai hàng lợi phơi ra trong cái cười móm mém:

- Ai?

- Con chó cún ấy mà?

- Hồi này bên ấy bà lại còn nuôi cả chó nữa kia hử, không thấy.

- Vậy mà tôi nghe mấy đứa mách thằng Huấn huyết sáo gọi nhị thể nhà tôi sang bên này?

- Vậy như, hay là bà để tôi hỏi trong nhà coi thử... Bà nó ơi!

Trong nhà, một người đàn bà mặc quần áo đen, cũng to béo, nhưng da thịt săn chứ không phải béo bệu như cô Hoàng, trên tay cầm một bát bột, tay kia ôm một đứa bé trắng nõn và to béo như ông phật tươi mười bước ra:

- Trời ơi, mỗi ngày cô lại càng trẻ đẹp ra, cô lòng được ở đâu cái hàng vải đẹp thế này?

Người đàn bà vừa cho đứa trẻ ăn bột vừa ngắm nghía và hết lời ca ngợi khiến cô Hoàng quên phắt rằng mình đang phải đi tìm con chó bị lạc, liền hăng hái lại quay thêm mấy vòng trước mặt bà vợ ông lão Sĩ: "Được hông, được hông?" Khi cô Hoàng mặt mũi hoàn toàn rạng rỡ, trở về đến nhà thì thấy con chó đã bị ai lấy xích xe đạp cột vào chân gác mặng giê. Cái xích ngắn ngắn chỉ vừa đủ cho chú chó con ngồi như ngồi tù cách cái chạn thức ăn vài tấc. Ông Thiện cầm bánh xà phòng với cái khăn mặt ướt từ trong bếp chui ra, vẻ mặt hết sức nghiêm nghị, những món tóc mới nhuộm đen như mun xoa xuống trước trán.

Chỉ vài ba năm nay ông Thiện đang trải qua cuộc thử thách cuối cùng do ông trời bày đặt, thường lấy làm khổ sở và xấu hổ với hàng xóm làng giềng vì bà vợ của mình - khi mới lấy ông, cô Hoàng là một cán bộ phụ nữ huyện, nổi tiếng tính tình khô khan, quá đỗi cứng nhắc vậy mà tính nết cứ dần dần trở lại như của một đứa trẻ, cũng chẳng biết tại vì lẽ sao nữa? Nhưng cũng trong thời gian mới đây, ông có đọc một ít sách tâm lý đồng thời quan sát sự phát triển tính nết của một vài người già cũng là bạn bè cũ trong cơ quan, ông liền thấy yên tâm hơn. Có gì đâu, "đời người hai lần trẻ con", đúng như cổ nhân đã nói. Nghĩ được thế rồi ông Thiện lại thấy vui vẻ, coi như trong nhà có một đứa trẻ cho vui. Ông trở nên nường nhẹ, độ lượng với vợ hơn, đối xử như đối với một đứa trẻ ngây thơ, đại độ thực sự, đi làm về ông không hay cáu kỉnh, ngạc nhiên trước những tính tình lấm cấm, trái khoáy, không đòi bán lợn giết mổ, cũng không khuyên bà ăn mặc giản dị.

Nhưng ở đời cái gì cũng phải có giới hạn, muốn nuôi gì thì nuôi nhưng ông Thiện quyết phải can thiệp vào cái việc nuôi chó.

- Ông vừa đem xích con chó của tui lại đó hử ông Thiện? - cô Hoàng vừa tháo xích cho chó xong, cô ngược lên nói như trách

chồng, vừa đưa bàn tay mồm mím vuốt ve con cún nhĩ thể lúc bấy giờ đang ngúng nga ngúng nguẩy chạy chung quanh cô.

- Bà nó này...

- Hứ, tui đã đến cái nỗi nào... từ nay ông đừng gọi tui như vậy nữa đó nghe...

- Em này - ông chồng đứng lên phơi chiếc khăn mặt lên dây thép, lại ngồi xuống cổ kìm nén cơn bức bối - em này, khu tập thể người ta đã cấm nuôi chó. Mà anh lại có chân trong ban quản trị khu tập thể, chắc em biết chứ?

- Xuýt, ngộ cái chuyện gì... anh sợ mất cái chân ban quản trị hử... hử? - Người đàn bà ấy con vật ra trước mặt chồng - nhưng anh nhìn xem, nó đâu có phải là con chó?

- Vậy thì nó là con gì?

- Em đã lưu ý lòng tìm suốt gần nửa năm nay mới được người ta mách cho cái nhà ấy ở tận ngoại thành chuyên môn nuôi bán các giống gia súc, gia cầm. Nó đẹp lại dễ thương đến mê đi như thế này thì đâu có phải là một con chó?

- Thôi, vậy thì nó là con rồng! - ông đại tá già chống bàn tay vào đầu gối đứng dậy - Anh chỉ yêu cầu em tuyệt đối không cho nó chạy rông. Cứ xích trong nhà bếp. Còn bây giờ nếu em còn bận với nó thì anh đi thổi cơm ăn đây!

- Ai lại thế, anh Thiện? Anh cứ vào trong xa lông ngồi pha trà mà uống. Có gói Ba Đình em mới mua để trong cái hộp sắt ấy. Em chạy đi xuống bếp ngay bây giờ đây mà!

*

* *

Đúng như con bé Thương mách, trưa hôm ấy hai đứa trẻ tha nhau về đến chỗ vòi nước đầu nhà ông lão Sĩ thì chợt trông thấy

một đám đông con trai lẫn con gái đang xoắn xuýt lấy chung quanh một con chó con rất đẹp. Quý thần trời đất ơi, làm sao lại có thể có một con chó đẹp đến mức như thế cơ chứ, tuy không phải là một con rồng có bốn chân, thế nhưng nó không hề gọi cho người ta một ý niệm nào về một con chó con tầm thường. Nó có bộ lông màu xám tro y như lông chú thỏ vằn hay nhai cọng rau muống và cái mõm của nó thì lại còn đáng ngấm nghĩa hơn mồm chú thỏ nhiều. Hơn nữa, bộ lông màu xám tro lại điểm xuyết những vệt trắng đến là trắng, còn cái mặt thì lúc nghênh lên, có lúc nom rất ỉu như đang đóng kịch.

Y như một đứa trẻ có tính bướng bỉnh, nó nhảy cẫng lên, cắn cổ phóng một mạch chẳng đuổi theo cái gì sắt cả rồi đột nhiên đứng khựng lại, nghiêng nghiêng cái mặt thuần thuần nhìn theo một hút gió, cất tiếng sửa tong tóc một hồi ra vẻ cũng lăm điều lăm.

Thằng Hùng vội vã trút cái con bé Thương lúc ấy đã ngủ lảm ra trên lưng nó, chạy đến bên một tay thanh niên tướng mạo lăm lỳ và dữ tợn, trên cánh tay trái xăm đầy những hình thù kỳ quái đang ôm ngang cổ con chó rất chặt, trước tiếng la ó của đám trẻ.

- Anh Huấn... Sao anh ác thế, nó ngạt rồi kìa!

Tay thanh niên gạt thằng Hùng ra:

- Xê... mày đánh xổng mắt của cô Hoảng bây giờ...

- Mất làm sao được... anh Huấn... thả nó ra!

- Ô, con chó này chỉ xổng ra phở một lát là có đứa chộp luôn.

- Thả nó ra! - Mấy đứa con gái đã phải hét lên.

*

* *

... Từ hôm đó lũ trẻ trong dãy K có thêm một người bạn.

Ngay những lúc chúng đang còn ngồi nghe giảng bài trong

lớp mà bụng dạ đã trở về với con chó ở nhà. Có những buổi cô Hoàng nhốt con chó trong nhà bếp, khoá trái cửa lại, thì lũ trẻ đi học về tụ tập trước cánh cửa:

- Cún ơi, ra với chị nào!

- Nhị thể ơi, em có ăn kem không?

- Tội nghiệp chưa kia, chúng mình nói thế mà nó hiểu được hết đấy nhé, nó đang lòng lên để đòi ra chơi với chúng mình kia kia!

Suốt cả buổi sáng, cún ta làm một cuộc phiêu lưu lang thang trong gian bếp, hết chọc tức cái lão ngan vô duyên chán lại ngồi ngẩn tò te ngẩn ngía anh chàng thỏ: - sao mà mày ăn lấm vậy hử? Mày sinh ra để mà ăn ngoài ra không còn việc gì khác hử? Từ lúc nào tới giờ tao chỉ thấy mày tóp tép cái miệng? Ngẩn chán thấy bực cả mình, cún mắng té tát cho thỏ một trận, đoạn rồi nghiêng mặt về phía chuồng lợn. Có lẽ hẳn lần đầu tiên cún ta trông thấy một con vật to như thế, mặc dầu con lợn của cô Hoàng nuôi hơn nửa năm rồi mà vẫn là một con lợn choai, chẳng lớn lên được. Lúc bấy giờ con lợn đang đói cho nên sinh dữ, trông thấy cún lò dò bước tới nó thò miệng ra ngoài hàng gạch táp cho cún một miếng.

Tuy chỉ bị cắn gió nhưng cún đã nằm chết giắc, chống bốn vó kêu trời kêu đất một hồi. Cuộc thám hiểm trong gian bếp đến đây gọi là mới thu được cái bài học chua chát. Giữa lúc thăng Sinh, con Hoa cùng mấy đứa lớn khác đứng nhón chân nhìn qua một cái lỗ thông gió trên cánh cửa thì thằng Hùng, y như một chiến sĩ đặc công chính cống, chẳng biết bằng cách "xuất quỷ nhập thần" như thế nào, nó đã đột nhập được vào bên trong bếp. Nó ôm lấy con nhị thể mà hôn chùn chụt, rồi rất nhanh nó lách mình chui qua một cái lỗ hình chữ nhật tẹt trên đầu đốc tường. Bức tường này ngăn gian bếp nhà cô Hoàng với gian bếp nhà nó. Con vật cứ rít lên ư ử vì sưng sưng trong lòng ngực mồm thếch

của thằng Hùng, trong lúc cả hai đứa dẹt mình lại trong khi chui qua cái lỗ đầy văng nhện lẫn bồ bóng.

Đầu tiên lũ trẻ lôi con chó đi tắm một cái đã. Tắm với xà phòng thơm ca-dom hần hoi. Con chó cũng không cho rằng lũ trẻ làm phiền nhiều mình. Nó được đặt đứng trên một cái phản cá nhân mà ông San bố thằng Hùng vẫn thường nằm ngủ. Con chó cứ rúc ngoắc cái đầu cho những giọt nước bắn ra tứ tung trong khi hàng chục đứa trẻ xúm vào mỗi đứa cầm một chiếc lược chải lông cho nó.

Lúc bấy giờ cô Loan vừa tốt nghiệp đại học chưa tìm được việc làm đang ở nhà đan len thuê cũng chạy sang.

- À, à... - cô Loan vừa thốt lên những tiếng "à, à" vừa tức tốc chạy về nhà cấp vào nách mang sang một cái máy sấy tóc. Sau đó mẹ của cô Loan cũng sang khiến cho các trò chơi của lũ trẻ mang một tầm vóc quan trọng.

- Bà ngồi đây, bà ngồi đây ạ!

Thằng Hùng hấp tấp chạy vào nhà trong bê ra một chiếc ghế tựa chân thấp. Bà Thanh mẹ cô Loan ôm đã nhiều tháng nay, da trắng nhợt như người mới lột, bao nhiêu thịt trong người teo đi hết. Nhưng đêm đêm, cùng với tiếng gió rít và tiếng người con gái nào đó bằng giọng tỉnh như sáo và đều đều nói trên loa phóng thanh ngoài ga, người trong dãy nghe lẫn vào tiếng kêu đau của bà Thanh.

Thằng Hùng chạy đến điu bà hàng xóm đến ngồi xuống chiếc ghế, gác chiếc gậy của bà vào bên cạnh rồi lại chạy vào gian trong rót một chén nước bưng hai tay ra.

Cô Loan nhìn mẹ chẳng nói gì, chẳng để lộ một ý nghĩ gì, rồi quay về lũ trẻ con, người thiếu nữ xinh đẹp nhất dãy K tự cảm thấy mình thật là nhảm, một người nhớn xác như mình mà vẫn còn thích chơi với một con chó nhưng dường như cái phần trẻ con ở trong mỗi con người ta cho đến già vẫn không bao giờ khô cạn

hết, hẳn là như thế cho nên cô gái sau một chút đỏ mặt lên, càng bị kích thích bởi không khí đầy hứng thú của đám trẻ, cô chạy đi tìm ổ cắm điện rồi chen vào giữa chúng, cầm chiếc máy sấy tóc đang chạy sè sè sấy lông cho con chó.

Bà cụ già bị ung thư cười làm dẫn dúm khuôn mặt gầy rạc. Bà Thanh ngồi tựa lưng vào thành ghế, nhìn một cách thích thú khuôn mặt đầy ngỡ ngàng của con chó cún, ngay sau đó bà bật lên một tiếng cười ngất nghêo, khi con cún dường như không quen với cảm giác cứ rần rần trên da thịt, nó hướng cái mõm về phía bà mà sủa ngâu lên một hồi.

*

* *

Mùa thu năm ấy cùng với ngọn gió heo may thổi về mang theo vô số lá me vàng ở ngoài phố bay lán tăn trên các mái ngói của khu tập thể như vô số đồng tiền vàng trong truyện cổ tích tiêu không bao giờ hết, những người đàn bà trong dãy K gặp nhau ở vòi nước ghé vào tai nhau thì thảo rằng chuyến này không khéo gia đình cô Hoàng sẽ dọn đi, vì ông Thiện sắp lên tướng.

Một cái tin đồn tầm cỡ như thế không có lý nào cô Hoàng lại không biết nhưng những người đàn bà lại chẳng thấy cô đem ra khoe với bất kỳ ai, chỉ thấy cô lẩn la đi tới từng nhà, hỏi thăm từng đứa trẻ một cách tỉ mỉ xem đã chơi với con cún nhà cô như thế nào.

Trước đây chừng nửa tháng cả lũ trẻ cứ tiếc ngơ ngẩn vì mất con chó. Sau một lần hai vợ chồng cô Hoàng cãi nhau, cô ôm con nhị thể đặt nó ngồi vào trong chiếc làn mây, đem giả lại chủ cũ. Phút chia phôi suýt nữa lũ trẻ có đứa rơi nước mắt. Đứa cầm chân con chó lắc lắc và không nỡ buông ra. Đứa áp cả mặt mình vào mặt chó mà hôn hít, mà nói thì thầm...

Thế rồi đến một hôm, trước bữa ăn, ông Sàn gọi thằng Hùng đến ngồi trước mặt, trên một chiếc ghế xếp:

- Con nói thật cho bố nghe, có bao giờ con chó của nhà cô Hoàng cắn con không?

- Không bố ạ - thằng Hùng láu táu đáp, nhìn lên khuôn mặt đen bóng đầy vẻ nghiêm nghị của ông bố.

- Nhớ lại thật kỹ đi đã. Rồi mày thế nào cũng phát điên chạy khắp dãy nhà mà tru lên cho mà xem! Hoặc là nhớ lại xem có bạn nào... mày cắn nó không?

- Con cắn nó thì có.

- Máy lần?

- Nhiều lần.

- Vô lý, mày cắn nó nhiều lần mà không lần nào nó quay lại cắn mày?

- Vâng, hình như có một lần.

- Không phải một lần mà nhiều lần cơ con ạ! Tao thấy mày với nó có bao giờ rời nhau ra đâu?

Người cha phìên nảo nhìn mâm cơm rồi một lần nữa ngược lên nhìn ông con đang ngồi cúi gằm mặt xuống đất:

- Tao không hiểu mày là cái loài giống gì, mà...

- Đi cắn nhau cả với chó! - Trường, anh thằng Hùng chưa nói dứt câu thì thằng Hùng đã cất lên cái giọng câu sườn càng khàn khàn nhưng quyết liệt:

- Cả anh cũng nô với nó lại còn...

- Dóc! Tao mà lại đi nô với nó?

Những cuộc thẩm vấn như vậy diễn ra ở trong tất cả các gia đình của dãy. Những đứa của nhà khác vốn dặt dòn cho nên đã thông đồng thề thốt với nhau không chịu cung khai ra. Một bầu không khí lo âu đầy nặng nề như một đám mây đen vô hình đã phủ lên cả dãy K, do cái tin con chó phát đại và đã chết được cô Hoàng chính thức thông báo.

Việc đăng ký đi thử thuốc ở ông lang Xa mấy ngày sau đó mới rõ ra nhiều điều: Không chỉ có lũ trẻ con mà thôi, mà cả bọn thanh niên nhớn xác, thậm chí một điều không ai ngờ là trừ ông Thiện, không một người lớn tuổi nào không có một đôi lần đã từng nô rồn, đùa nghịch với con chó.

Ròng rã suốt cả một tuần lễ, cô Hoàng nghĩ việc cơ quan, dẫn hết tốp này đến tốp khác đi ra một làng rất xa tận phía nam thành phố để cho một ông lang già cầm một dúm bông dính trên đầu que tẩm phết lên giữa sống lưng thử thuốc thử chó dại. Từ lũ trẻ nhỏ đến các bậc anh chị lẫn bố mẹ và ông già, bà già, suốt một dãy K, từng người đứng vén áo, cúi lom khom tìm ngừng đập chờ một tiếng reo lên "Không việc gì!" hoặc "Bị rồi".

*
* *

Một buổi sáng thứ ba, vào đầu giờ làm việc, sau khi cất đặt các công việc tối quan trọng trong Cục của mình xong ông Thiện quyết định xuống phòng Quân y. Người bác sĩ phụ trách sức khoẻ các cán bộ cao cấp ở đây chẳng phải ai xa lạ mà chính là một người gia đình ở cùng dãy K với ông trong cùng khu tập thể.

- Anh Tịnh ạ - ông Thiện ngập ngừng hồi lâu rồi mới đỏ mặt lên, chịu thổ lộ - tôi nói với anh điều này về nhà anh đừng nói lại với ai nhé, không khéo tôi cũng "bị" anh ạ!

Tịnh, ông thiếu tá già, trưởng phòng Quân y rất đổi ngạc nhiên:

- Anh mà cũng "bị"... với con chó đó?

Ông Thiện lắc đầu một cái rồi ngồi im lặng, chẳng hiểu mình ra làm sao nữa?

Ông Tịnh ngược cặp kính trắng nhìn những lọn tóc đen nhứ trên mái đầu ông đại tá vốn nổi tiếng nghiêm trang:

- Anh thử tường thuật tôi nghe qua xem nào?

- Cũng chẳng có gì nghiêm trọng lắm đâu - ông Thiện lắm bầm - là chủ quan tôi nghĩ thế! Một đôi lần, ở nhà, trong khi đi ra đi vào, tôi cũng đã đụng phải nó, và một lần, tôi dùng bàn chân đùa bỡn với nó!

Về việc này, một việc tối quan trọng, giá ông Thiện về nhà cứ nói cho vợ biết thì đã chẳng có việc gì xảy ra đáng tiếc cả, cái chết cũng chẳng có gì đáng sợ khi người ta không phải chết một mình.

Bởi vì suốt hàng chục năm nay không bao giờ cô Hoàng ăn cơm một mình, đi đến chơi nhà ai một mình. Chỉ khi đi làm hay xách rổ đi chợ người ta mới thấy cô đi một mình. Người trong khu tập thể, nhất là trong dãy K, đã quen với cái nếp sống hơi "Tây" của cặp vợ chồng già nhà này, thường vào các buổi sáng hoặc chiều chủ nhật, ông Thiện dắt chiếc xe máy sơn đen đi trước, vợ ôm chiếc bóp đầm theo sau. Ông Thiện cao, đeo kính trắng gọng vàng, đầu bao giờ cũng để trần, mặt mũi bao giờ cũng nghiêm trang và hơi uy nghi, hoàn toàn trái ngược với bà vợ y như một cái giỏ hoa thơm phức, gặp ai trên dọc đường cũng vồn vã dừng lại vừa cười vừa nói: "Chúng mình đi chơi đấy!"

Cũng vì nhà cửa trong dãy cứ xếp hàng san sát như một tiểu đội đứng hàng ngang cho nên người ta hiểu nhau từ trong ruột gan.

Có một lần cô Loan cắp cuộn len bên nách từ trong nhà bước ra với cái dáng thông thả và kiêu diễm. Vừa lúc đó vợ chồng bên gia đình ông Thiện cũng vừa đi chơi nhà ai đó về, ông Thiện đứng bên chiếc xe máy chờ vợ mở khoá cửa, "Hai bác đi chơi về à!" "Phải, cặp vợ chồng người Mèo vừa đi chơi về đây!" ông Thiện liền đáp như tự chế nhạo khiến cho cô Loan hôm ấy thấy người đàn ông hàng xóm già như trẻ hẳn lại.

Những người trong dãy cũng thừa biết ông Thiện chiều vợ

như chiều chuộng một đứa trẻ chứ trong bụng chẳng thích thú gì, mỗi lần phải đèo vợ đi chơi nhất là mỗi khi đến nhà ai cô cũng khoe khoang quần áo, còn cô Loan thì dăm ra thương hại: "Ông Thiện phải chịu đựng cái cô Hoàng đồng bóng suốt đời thật là giỏi!"

Cô Hoàng tuy phôi bò nhưng cũng là một người đàn bà nên biết hết tất cả mọi điều đó, và nếu trước đây do vô tâm, hồn nhiên cô bỏ qua, thì bây giờ cô phải nghĩ.

Người ta nghĩ rằng mình sắp chết là rất hay nghĩ. Một người quen sống lâu thảo đã trở thành một người cả nghĩ - Thật trái ngược hẳn với bản chất của cô Hoàng.

Đầu tiên cô nghĩ đến mấy con vật đang réo rắt đòi ăn ở trong bếp. Dễ thôi, cô gọi người vào bán quách. Tiếp theo cô nghĩ đến thằng Lạp. Cô khóc. Cô đứng đâu khóc đấy. Đang nấu cơm, chắt dầu, nghĩ đến thằng Lạp là cô Hoàng khóc. Quả thật từ xưa đến giờ cô chỉ mới có thể nghĩ được đến cái điều thảm khốc nhất là xa nó, chứ chưa hề bao giờ nghĩ cái nước rằng thằng con trai độc nhất, cục vàng ấy có thể sống mà không có mình. Vậy lấy ai thương nó, nay mai ai hỏi vợ cho nó, thổi cơm cho nó ăn, làm chả cuốn cho nó ăn? Trong những bức thư, cô không hề nói qua một lời nào về cái điều vô cùng khủng khiếp đang chờ đợi nó.

Khóc một mình chán chê, cô đứng dậy đi đến bên chiếc tủ quần áo. Cô khóc cái đám hàng tá quần áo mai đây sẽ không có người mặc và cô lại càng thấy thương tủ phận nơi chín suối.

Cuối cùng dường như không thể nào chấp nhận được cái cảnh mình đang lo nghĩ, toan tính về cái chết đến héo mòn gan ruột đi mà ông Thiện vẫn cứ bình tĩnh ngày hai buổi đi làm, họp hành, đọc sách báo và tắm rửa, ăn cơm, ngồi uống trà: Là bởi vì ông ấy có chết đâu?

Ở cái tuổi ngọt ghết sáu mươi, một ông đại tá thì già nhưng là một ông tướng thì lại trẻ. Huống hồ ông Thiện mới 57.

Mà ông ấy nhuộm tóc để làm gì nhỉ? Mà tại sao lâu nay ông ấy sốt sắng xin cho con Loan vào công tác trong bộ đội vậy nhỉ?

Mà tại sao cái nách và cái lưng nó trắng và mịn màng vậy nhỉ? Mà tại sao cái hôm thử thuốc chó đại trước đây bao nhiêu điều đều "bị rồi" mà đến lượt nó lại "không việc gì?". Như thế là mình chết còn nó sống, ông Thiện sống?

Thế rồi đến một hôm ấy cô Hoàng và ông Thiện vừa buông màn đi nằm thì nghe tiếng gõ cửa rụt rè. Cô Hoàng ra mở cửa. Trong bóng tối khuôn mặt đứa con gái trắng như một đoá nhài:

- Mẹ cháu kêu mệt quá cô Hoàng ạ, mà hôm nay bác Tịnh lại mắc trực trong cơ quan ở trong thành...

Cô Hoàng không chạy sang ngay với cô Loan như mọi hôm mà quay trở vào đập ông Thiện dậy.

Ông Thiện vội vàng mặc quần áo chạy sang, không hề biết rằng từ trong bức màn có một đôi mắt đang nhìn mình chăm chú.

Khoảng nửa giờ sau, ông Thiện quay trở về thấy một người đàn bà ngồi tận dưới cuối giường, mình vận bộ quần áo trắng toát, mặt gục vào tường. Người đàn bà trông thấy ông đi vào liền vụt đứng dậy, bộ tóc xoã rũ rượi, mặt đầy nước mắt, tiếng nói như từ trong bức tường nói ra: "Tui bị con cún nhĩ thể cắn chết rồi, tui là ma đây!".

*
* *

Cái đêm cô Hoàng giả ma về nhát ông Thiện, hai ngày sau đó, một buổi trưa nắng chang chang, cô đạp xe từ ngoại thành về, trên tay lái xe đạp, bên trong chiếc làn mây lải có một con chó con ngồi chễm chệ.

Bọn trẻ bầu lại. Chúng reo ầm lên, người lớn chẳng ai tin cái điều bọn trẻ vừa hoa chân múa tay vừa kháo với nhau: Thì

hoá ra vẫn là nó, vẫn là cái con cún nhị thể ấy, thì hoá ra cái việc nó phát đại chết đã từng làm tất cả mọi người trong dãy K lo lắng đến gầy đi, đã tưởng cái dãy K ít nhất cũng chết vãn đi mất hơn một nửa, chỉ là do một cái sự sơ suất do thói hồn nhiên của cô Hoàng, do không hỏi kỹ, nghe cho đích xác, đã mang về một cái tin đồn bịa bặt, hoang báo, và lần này cô Hoàng lại phải đeo "cái con rồng bốn chân" ấy về để cho mọi người nhìn thấy tận mắt mà yên tâm.

Xét cho đến cùng, cũng chẳng có ai mất cái gì, cũng chẳng ai được thêm cái gì, vậy mà cả dãy K từ người lớn đến trẻ con đều như vừa chết đi sống lại thực, nhất là người lớn lại càng hân hoan, sung sướng, thiếu một chút nữa là mua gà, ngỗng về mổ thịt ăn mừng và cái đám trẻ con của dãy nhà ấy, lại như ngày nào, lại cứ mê mẩn vì con vật xinh đẹp, đầy bóng nháng.

Trong khi ấy thì song song với cái tai hoạ hụt y như một trò chơi "hú oà" của số phận, đã xảy đến một cách vừa náo nhiệt vừa lặng lẽ một sự kiện mang tầm vóc lịch sử trong toàn dãy K: Đứa con dâu mà nhà ông lão Sĩ, mảnh dẻ và yếu ớt như một cây liễu, mới ngày nào đó đứng bên vòi nước còn vác cái bụng chưa vượt mặt, vậy mà đến bây giờ đứa bé đã biết đi rồi!

Đứa bé cũng được đặt tên là thằng Hùng - là đứa trẻ ra đời đầu tiên của thế hệ thứ ba của dãy K, kể từ khi khu tập thể bộ đội này xuất hiện lần hoà bình sau kháng chiến chống Pháp, ở trong thành phố.

Thằng Hùng cháu đích tôn ông lão Sĩ vừa ra đời liền được bọn thằng Hùng mốc, thằng Sinh gán ngay cho một cái tự hiệu là "cún nhị thể" để tưởng nhớ con vật đã làm cho cả lũ chúng nó phát điên phát cuồng và lo sốt vó.

Đứa trẻ ra đời cũng lập tức nâng tất cả mọi người trong dãy K lên một cấp: các bậc cha mẹ vẫn còn ít hoặc đã nhiều tuổi - dù chưa một ai có cháu - đều được tôn bằng "ông". Con bé Thương

ngồi đầu giường cũng liền nhảy vọt lên chúc "cô" - cô Thương. Còn cái đám "vịt giò" chưa ai rước cho của dầy K - nghĩa là đám con gái lớn tướng vào trạc cô Loan hoặc ít hơn một hai tuổi, đang học đại học hoặc vừa tốt nghiệp đại học và chưa một đứa nào có chồng con - thì lại còn quá trớn hơn nữa, mỗi lần bế thằng bé đều tự xưng là "bác". Hùng lại đây bác Huệ bế nào! Hùng lại đây bác Loan bế nào!

*
* *

Cái lớp đàn cháu của dầy K ra đời - tuy mới chỉ là một đứa trẻ đầu tiên - nhưng đã làm cho các bậc cha mẹ phải say sưa, mê mẩn. Mặt mũi rộng rãi đang mếu máo bỗng cười tít mắt nếu được ai đem cho cái miếng ăn, thằng bé nhóc đẹp như một thiên thần trong các tranh tôn giáo, không những đẹp mà còn rất thông minh, mà lại còn rất ngoan. Thằng bé được lũ trẻ tha đi khắp các nhà trong dầy, hết nhà này sang nhà khác, suốt cả ngày. Nó được bế đến đâu là bao nhiêu người lớn lẫn trẻ con bầu lấy đến đấy, làm ồn ào, náo nhiệt lên đến đấy, y như con chó cún ngày trước. Ai cũng muốn tranh nhau bế "cái thằng chó" ấy, ai cũng muốn ôm "cái cối đá" ấy vào lòng. Không phải chỉ trẻ con mà cả người lớn, ai đi làm về cũng phải nhào sang nhà ông lão Sĩ ở đầu dầy, đặt thằng bé lên cánh tay mấy phút, như ôm ấp cái giấc mơ lương tri suốt đời của những con người, bởi vì trong cái thằng bé mới lắm chằm biết đi ấy, bằng một sự thiên phú, hình như tập trung tất cả những cái gì là tốt đẹp, tinh hoa nhất của những lớp người trước đây và đồng thời cũng gạn lọc đi tất cả những gì xấu xa và tội lỗi của từng con người trước đây. Thằng bé như một chiếc rây thần, những mấy vàng nằm lại còn rác rến, bùn dơ lọt xuống.

Từ ngày sau hôm cùng lũ trẻ chơi với con chó cún bên vòi nước, thằng Huấn lại bị mang đi, đến bây giờ vẫn biệt tăm. Người ta đồn rằng tối hôm ấy, nó một mình tay không nhảy vào trần lột một đám đánh bạc ở một phố buôn bán đông đúc. Ai dè đám đánh bạc đang nằm trong vòng vây phục kích của anh em công an. Thế là cả đám bạc và đĩa ăn cướp đám bạc đều sa lưới. Nhưng có người lại cho rằng thằng Huấn bị tóm oan vì vào lúc đó nó đang đi xớ rớ ngoài đường, vô tình mà bị vạ lây thôi.

Nhưng dù sao thằng Huấn bị bắt lần này cũng không phải lần đầu, và lại chỉ có ngoài đòn mới biết hết tung tích của nó chứ gia đình và khu tập thể cũng chịu. Và cũng như mấy lần trước, thằng Huấn bị công an bắt giữ, người con gái mềm như cái lạt, mặt mũi cũng khá xinh xắn kia liền cắp nón téch luôn về nhà bố mẹ đẻ. Người ta bảo bà vợ từng trải và rất lịch duyệt của ông lão Sĩ đã bỏ ra mấy chục ngàn để "mua" nàng dâu về, với cái thâm ý làm cho thằng con trai du đang phải mê vợ mà quay trở về con đường lương thiện. Bà vợ ông lão Sĩ có lẽ đã đề lên quá cao sức quyến rũ của đàn bà. Hoặc là chính bà cũng đã biết đàn bà làm đàn ông sa ngã thì nhiều hơn là làm họ trở nên đứng đắn. Nhưng bà chẳng còn có cách nào khác để gọi đứa con trai trở về, chỉ có cách đánh tráo giữa hai điều mê muội. Đứa con dâu của bà nguyên là một đứa con gái học lớp 7, lớn lên có đôi chút nhan sắc nhưng gặp muôn điều rủi, hoạn nạn. Bà đứng ra cứu nạn cho hết, rồi xin hộ việc làm cho ở ngay chỗ bà làm việc.

Quả thật, đứa con dâu đã giữ chân đứa con trai được một thời gian. Nhưng cũng chẳng được bao lâu, dâu lại hoàn đấy, nó lại vứt cô vợ đẹp đấy, quay trở lại con đường cũ.

Thằng bé cũng chẳng vì thiếu thốn cả bố lẫn mẹ mà trở thành một đứa bé khổ sở, nhếch nhác, bẩn thiu. Nó sống trong vòng tay của cả dãy K, hơn nữa, cứ trông đôi vợ chồng già ấy trông nom đứa cháu nội thì ai cũng phải khâm phục, nhất là ông lão Sĩ. Mỗi ngày dăm bảy lần người ta thấy một cái đầu hói, màu

nâu, lang lảng như quang dầu và hai hàng lợi cười móm mém thò vào cửa từng nhà mà rụt rè hỏi: "Có cháu Hùng chơi bên này không ạ? " Lúc thì thấy ông lão tắm cho thằng bé ở trước cửa, lúc thấy ông lão bế rông cho nó ăn. Quần áo của thằng bé ông lão cũng tự tay khâu lấy. Cứ nhìn ông lão làm những công việc ấy, lặng lẽ và nhẫn nại như đàn bà, còn tỉ mỉ, cẩn trọng hơn đàn bà, người ta phải nghĩ có lẽ ông lão muốn sửa sai cho đứa con, ươm trồng lại một thứ nòi giống nhà mình từ cái đứa cháu, ừ, cho chúng mày bỏ cái nhà này đi hết đi, dường như ông lão muốn tuyên bố với con trai và cả với nàng dâu, không sao, không sao "nhân chi sơ, tính bản thiện", miễn là chúng mày đẻ ra cho tao một đứa trẻ là tốt rồi.

Dăm bữa, nửa tháng, ông lão Sĩ lại đạp chiếc xe đạp cà khố lên phố chợ Đồng Xuân thăm nàng dâu, tác giả chính của cái "tác phẩm" trong sáng đầy sức sống mà ông đang nuôi dạy. Ông lão lên thăm, tiện thể đeo gạo và mỳ sợi lên cho nó ăn. Mỗi lần lên, ông lão cũng không hề trách móc một lời nào. Con ạ, dường như ông lão muốn nói với nàng dâu của mình, vậy là bố biết ơn con rồi, dù con có trở về dưới nhà bố nữa hay không thì bố cũng biết ơn con, dù thằng bé Hùng có phải thực dòng máu của nhà bố hay không thì bố cũng biết ơn con, vì con đã cho gia đình bố một đứa trẻ, vì con đã đặt vào hai cánh tay già lão của kẻ hành khất một đứa trẻ...

... Tối hôm đó, một đêm rằm.

Góc tường lư trẻ của dãy K hay tụ tập lại chơi vẫn còn khuất tối.

Thằng Hùng "cún con" đang ngồi ngoan ngoãn trong lòng "cô" Thương. Cái "khúc dồi" cất tiếng eo éo hỏi thằng bé:

- Hùng ăn cơm chưa?

- Rồi!

Cái Hoa tinh quái hỏi tiếp:

- Hùng cạo râu chưa?

- Rồi!

Thằng Hùng "mắc" lại còn tinh quái hơn:

- Hùng lấy vợ chưa?

- Rồi!

Thằng bé đáp xong, - chẳng biết nó mới bắt chước được ở đâu cái trò chơi ấy - liền giơ thẳng cái cánh tay bụ bẫm cho thằng Hùng "mắc" một cái tát rồi toét miệng cười làm rạng rỡ cả cái mặt đầy ngây thơ. Giữa lúc đó, ông lão Sĩ đi lại, thằng "cún con" tưởng rằng nó đang làm một cái trò được người lớn hoan nghênh lắm, lại giơ thẳng cánh cho luôn ông nó một cái tát thứ hai.

- Hừ. - Cái Hoa quắc mắt, ghé sát vào tận mắt thằng bé - Đồ mất dạy! Khoanh tay lại, mày khoanh tay lại xin lỗi ông với chú Hùng đi!

Thằng bé chẳng hiểu vì sao nó bị mắng, liền méo xệch cái miệng đi một lát rồi mới cất tiếng khóc ngằn ngặt. Nó nhào sang bá lấy cổ ông nó.

Ông lão Sĩ vừa lấy làm vô cùng cay đắng vì cái tát bất ngờ vừa sung sướng chợt nhận ra đích thị nó là dòng máu nhà mình. Nó mang trong người cái tính khí của thằng bố và đã phát lộ rất sớm.

Ông lão ôm riết lấy thằng cháu nội, rồi bất ngờ buông ra, chạy về nhà lôi từ trên mái ngói xuống một chiếc roi song cũ bám đầy bụi, chiếc roi ngày xưa ông lão thường dùng để dạy bảo thằng Huấn:

- Khoanh tay lại, khoanh tay lại xin lỗi chú Hùng với ông đi!

Thằng cháu của ông lão càng gào tướng, lần này nó bỏ ông nhào sang ôm lấy cổ thằng Hùng.

Ánh trăng đã thếp vàng những chiếc lá xu xu hình móng ngựa đang run rẩy như những cánh bướm ngủ trên cái giàn nứa vừa được tu sửa lại. Dưới ánh trăng, ông lão Sĩ trông thấy cặp

vợ chồng cô Hoàng đi tới: ông Thiện vẫn cái dáng cao cao, vẻ uy nghiêm của một người quen làm những công việc quan trọng, còn bà vợ vẫn cứ y như một cái lẵng hoa ngát hương. "Sao mà khóc đấy? Nín đi bà đi gọi bố mẹ về cho nào!". Cô Hoàng vừa âu yếm nựng thằng bé vừa dúi vào bàn tay nó một vốc kẹo lấy từ hộp kẹo cô sắp đem biếu nhà ai để trong cái ví đầm. Rồi cô hớn hờ vung vẩy hai cánh tay, nói như khoe với ông lão Sĩ: "Chúng mình đi chơi đây!".

*
* *

Hai ngày sau, cũng vào một buổi chiều đầu hôm, trong nhà vợ chồng ông lão Sĩ tự nhiên có tiếng nói ào ào. Dọc dãy K, nhà này chuyển qua nhà khác một tin mừng pháp phông: "Thằng Huấn vừa được một người nào đó đứng ra bảo lãnh cho về nhà. Vừa về đến nhà xong. Chẳng biết độ này thằng bé ấy sẽ ở nhà được bao lâu rồi lại vào nhà tù ngồi?"

Lát sau người ta thấy một bóng người đàn ông đã hơi trở nên xa lạ với cả dãy, mặc quần dài, may ô, đi từ trong nhà ông lão Sĩ ra. Hắn đi đến là nhanh. Gã con trai ông lão Sĩ đi ở tù về đang đi dưới giàn xu xu thấp thoáng ánh trăng. Gã đi đến bên bức tường, chìa tay bé lấy đứa con của gã từ trên tay đám trẻ đang ngồi chơi.

Gã cúi xuống nhìn mặt đứa trẻ đang ngủ trên tay gã. Những khoảng ánh sáng và bóng tối của ánh trăng lọt qua những chiếc lá xu xu xô đẩy nhau trên khuôn mặt gã, một cái mặt đen sẫm, dữ tợn và đau khổ.

Rồi gã cúi thấp xuống áp vành môi thâm sì lên má đứa con một lát lâu. Lúc ngẩng lên, y như có phép màu, cái mặt của tên du đang phút chốc biến đi đâu mất, trên cái cổ khẳng khiu cứ

ngẩng ra và đầy vết sẹo đã hiện ra một cái mặt của một anh thanh niên lương thiện, đầy bene lên.

Sáng hôm sau, với khuôn mặt của một người lương thiện, hấn bé thằng con trai của hấn đi chơi khắp các nhà trong đây. Đến đâu, đám trẻ con cũng nín lầy cánh tay xăm đầy những hình thù kỳ quái của thằng Huấn mà hỏi thằng bé:

- Tôi qua Hùng ngủ với bố chứ?

- Rồi!

- Hùng hôn bố Huấn chưa?

- Rồi!

Bây giờ, hai bố con thằng Huấn và hầu như gần đủ mặt lũ trẻ trong đây, cứ y như một đoàn khách tham quan, đang kéo vào đứng chật gian bếp nhà cô Hoàng. Sau đợt bán đồ bán tháo vừa rồi, cô lại đi tậu về đủ - ngan, ngỗng, thỏ, lợn...

Cô mặc bộ đồ xanh nhạt, hét chạy xuống bếp lại chạy lên nhà trên: "Lên đây đã, lên chơi đây đã, bây!"

Lúc khách "đổ bộ" vào ngay bộ xa lông. Vừa đặt dít ngồi xuống lũ trẻ đều chột hốt hoảng vì đây là nơi ông Thiện tiếp khách, mà khách của ông Thiện "mềng" nhất cũng hàng bố chúng nó. Nhưng chúng liền vội vàng yên tâm vì cô Hoàng vốn sẵn tư tưởng bình đẳng từ con vật trở đi, hướng hồ trên cái bàn nước đã bày sẵn một hộp kẹo bọc giấy bóng đỏ đã mở. Những ngày Tết ở nhà chúng nó cũng sắm loại kẹo này, nhưng đã từ lâu lắm.

- Kẹo này phải mấy đồng bạc một chiếc! - Thằng Huấn đánh giá.

- Ăn đi, bây! Kẹo ngon đấy! - Cô Hoàng vục những ngón tay vào cái hộp, đưa mời mỗi đứa một vốc, rồi cô vừa cười vừa nói với thằng Huấn - Hộp kẹo này tối hôm nọ tao đã mang đi biếu chú công an, nhưng mãi ngồi nói chuyện quên mất, hi hi... tao lú lấp quên khuấy đi mất!

Cô lại vốc một vốc đặt vào lòng bàn tay thẳng Huấn:

- Từ mai ở nhà bé con nghe chưa, thẳng khi? Mày còn đi xó rớ họ bắt cả mày lẫn tao vào tù đó nghe! Tao đã phải viết vào trong cái tờ giấy như vậy. ..

Từ đây trở đi, cả dãy K. chẳng ai ngờ thẳng còn đồ trở thành một người lương thiện thực. Cô Hoằng bảo gì, nó rất chịu nghe và nó chỉ nghe một mình cô Hoằng. Cô Hoằng xin cho nó đi làm ở xí nghiệp quán thờ và được biểu dương luôn. Hơn một năm sau, vợ nó đẻ thêm một đứa con gái. Đến bây giờ thì các nhà trong dãy K mới rõ một điều bí mật:

Ngày ấy chính cô Hoằng đã đứng ra bảo lãnh cho thẳng Huấn về nhà. Đầu đuôi là thế này: Có một đồng chí công an khu vực mới đổi đến. Xuất phát từ một nhận xét đầy cảm tính rằng: vì con người ta luôn luôn tính toán đánh mất sạch hết tính nết hồn nhiên của trẻ con khiến tâm hồn trở thành chai cứng - miếng đất cho tội ác trong xã hội tăng lên. Đồng chí ấy đã được phép làm một vài thí nghiệm nho nhỏ, trong đó có trường hợp thuận để cho cô Hoằng đứng ra bảo lãnh cho thẳng Huấn trở về nhà làm ăn.

Biết được chuyện này, mọi người trong dãy K đều đột nhiên nhểnh tính hài hước và chỉ lo ông Thiện lên tường khiến cô Hoằng phải chuyển đi nơi khác. Người ta sợ không có cô Hoằng, không những trẻ con mà người lớn trong dãy cũng mất vui đi. Ai cũng bảo cô Hoằng tuy tính nết y như một đứa trẻ, lắm khi đến buồn cười nhưng cũng chẳng sao, ở với nhau lâu ai cũng phải công nhận cô là người tốt bụng nhất trong dãy, chả bao giờ biết thủ đoạn, độc ác hay nói dối.

DẤU VẾT NGHỀ NGHIỆP

Nghề nghiệp có để lại dấu vết trên thân thể và thói quen chúng ta không? Thật là chẳng dễ có thể trả lời bằng một lời khẳng định. Có lẽ, thường là có. Chẳng mấy ai chạy trốn hay xoá bỏ sạch được tất cả những gì mà công việc nghề nghiệp - cái hoạt động lấp đi lấp lại suốt cả đời đã đóng dấu vào con người mình. Một lần tôi cùng một anh bạn vào một quán cà phê. Chúng tôi ngồi đối diện nhau trước một cái bàn tận trong góc. Anh bạn tôi trong lúc cầm thìa khuấy vào chiếc tách - cũng là trong lúc vui miệng - thốt lên một tiếng khẽ: "Cái anh chàng kia có vẻ hẳn làm nghề nhào lộn ở rạp xiếc". Tôi quay sang bên nhìn người khách duy nhất vào trước mặt chúng tôi: Một người đàn ông trạc ba mươi, tóc chải mượt, mặt mũi hiền lành và thậm chí hơi vụng về, ngồi ngay ngắn trên một chiếc ghế thấp. Chẳng có vẻ gì là một nghệ sĩ nhào lộn cả, trong khi người ta ngồi nhăm nháp một tách cà phê thật nóng? Tôi bỏ qua không để ý câu bình phẩm của anh bạn, cho là một câu đùa tào lao không đáng để ý. Thế rồi vài ba tháng sau tự nhiên tôi lại gặp con người chưa quen biết kia trong một hội nghị. Làm quen hỏi ra thì biết là có thể thật. Tôi bỗng giật mình. Con người trẻ tuổi nọ là một nghệ sĩ nhào lộn.

Cũng mùa hè năm ấy tôi lôi chiếc ba lô cóc từ đáy cái thùng phuy đựng mì và gạo trong bếp ra, nhét vào chiếc bút bi và cuốn sổ, lang thang khắp trên các nẻo đường rừng chiến tranh cũ. Ba

tháng sau hết mùa hè, trở về thành phố. Chuyển đi thực tế đã làm tôi đổi khác. Tôi nói cười to hơn, mặt mũi đã bớt hăm tãi. Trở nên hoạt bát, vui vẻ và sống xởi lởi. Nom béo đen, đầy một bụng chuyện và mưu toan viết lách. Lại tự nhiên sức nhớ cái câu lạc bộ bán bia - suốt mấy tháng trời lang thang trong rừng thềm bia và "tương tư" người đàn bà bán bia ở câu lạc bộ "Gió".

Tôi nhảy ba bậc một lên chiếc cầu thang lên cái gian phòng ghép kính trên gác.

Người đàn bà tế nhị và khả ái trạc ngoài tứ tuần vẫn ngồi sau cái "chiến lũy", một hàng thùng phuy bọc hai lớp kim khí mới được xích lô chở từ nhà máy rượu và bia tận trên đường Hoàng Hoa Thám về.

Trên một chiếc khay sắt tây rất lớn trước mặt người đàn bà đứng sắp hàng những dĩa vại bia màu vàng sánh ngầu bọt. Người đàn bà bán bia - đang lúc vội - vừa ngược lên đã làm tôi phát hoảng: bà ta gầy sút đi trông thấy.

- Ông cụ tôi sắp mất...

- Ai?

- Ông cụ thân sinh ra nhà tôi...

Cầm lấy vại bia từ tay người đàn bà, tôi chẳng biết an ủi bà thế nào vì đã có một người khác đứng đằng sau tôi len lên, chìa ra trước mặt người đàn bà tấm vé. Người ta trong khi sống và làm việc bên cạnh nhau, không phải bao giờ cũng để hỏi han những điều lo âu thầm kín.

Ông cụ thân sinh chồng bà ta, tôi có may mắn được trò chuyện và làm quen từ mười năm nay, ngay từ khi ấy, tuy ông lão đã ngoài bảy mươi nhưng vẫn còn tráng kiện, tóc càng bạc càng lộ vẻ tráng kiện, cao, ngoài bảy mươi mà đi đứng thẳng thớm - vẫn giữ được cái dáng của một thủ môn bóng đá, thậm chí ông già còn hơi điệu nữa.

Đó là một con người mà chúng ta có thể làm chứng cho cái điều nghề nghiệp đã đóng một dấu ấn vào con người cho tận

đến lúc già lão.

Tuy vậy, theo như lời ông cụ tâm sự với tôi, tận trong thâm tâm ông lão tráng kiện như một thanh niên nhận thức ra là mình đã già vào năm năm mươi tuổi - nghĩa là đã từ lâu, rất lâu rồi! Đó là một buổi sáng ông lão đi đánh răng, từ trong nhà ra cái phuy nước cũng phải quăng vài chục bước chân. Mới đi được vài bước, người cụ thủ môn bóng đá lừng danh một thời kịp nhận thấy mình tay cầm một chiếc ca và chiếc bàn chải cứ chĩa thẳng về phía trước, y như đang sửa soạn vục chiếc ca sắt vào trong phuy. Tự nhiên ông thấy buồn vô hạn, một nỗi buồn thấm thía và da diết, biết là tuổi già đã đến với mình, nó đến với cái gương mặt thành thật nhất, chỉ có tính nết người già mới đón đợi cái công việc sẽ tới một cách sớm như thế, làm việc gì mới sửa soạn, chuẩn bị trước kỹ như thế, và ông lão thầm tiếc cay tiếc đắng cái bản năng phản ứng nhanh lẹ của mình khi còn trẻ. Trong đời phòng ngự khung thành, ông đã từng chạm trán với hàng hàng lớp lớp những đợt tấn công mà khi rời sân cỏ và trong suốt cuộc đời còn lại dài đằng dặc, những ngôi sao trong các hàng tiền đạo đối phương lại hiện ra như những lớp sóng đời đầy hiểm nguy đang cuồn cuộn đổ ập xuống mặt mình, cơ chừng có thể làm rối trí và tối tăm cả mắt mũi. Vậy mà khi trẻ trong sân cỏ ông đã chống đỡ được, trong đời ông không đếm xuể những lần ông cứu nguy cho khung thành những bàn thua trông thấy. Tất cả đều trông cậy vào cái phẩm chất phản ứng tức thời. Với tuổi tác, ấn tượng về những trận giội bom khung thành mỗi năm một dợt đi hoặc là thời gian đã làm cho ông quên người dân, cũng như một người dân Biển lên ở rừng lâu ngày không còn nghe tiếng sóng biển vỗ vào ký ức nữa. Thế vậy mà ông vẫn nhớ một người, không sao quên được một người trong hàng tiền đạo của một đội bóng đối phương. Đó là Ban - Người tình cũ của vợ ông và hiện thời là ông lão thông gia với ông - phải, chính là bố của con dâu trưởng của ông, người đàn bà đã đứng tuổi nhưng vẫn

duyên dáng đang bán ở quầy bia của cái câu lạc bộ "Gió".

Đối với ông, Ban là lớp cầu thủ đàn anh. Dù bóng đá mỗi ngày một đạt đến trình độ cao, người ta đã cho ra đời những chữ như "con quỷ trên cỏ", tuy vậy, theo riêng ý ông, thời bây giờ khó tìm thấy một tiền đạo tuyệt vời như Ban. Anh đi bóng và sút bóng như chế nhạo cái tính nhanh lẹ và sức bật của mọi thủ môn. Vậy mà chính ông, phải, chính ông đã bẽ gãy cặp giò bằng vàng của Ban, tuy rằng về sau này Ban lại nổi danh như còn một lần nữa, trong vai trò của một trọng tài.

Đến bây giờ thì Ban không còn nữa, Ban đã mất từ lâu và ông cũng đã già. Ngay lần đầu tiên khám phá ra tính tình mình đã là tính tình một người già, ông lão buồn mất ba ngày, nhưng không bỏ bữa cơm nào. Ông lão cũng không đem cái chuyện đi đánh răng kể với bà vợ, mặc dù ông vẫn yêu và hay trò chuyện, tâm sự với bà như khi bà gat sang hai bên lề cuộc đời của mình tất cả cầu thủ có tên tuổi đã từng mê bà, để yêu ông, giành tất cả trái tim cho một dáng vừa rắn rỏi mà vừa mềm mại, mặc chiếc áo dệt đen dài tay có một ngấn trắng trên cổ, đứng trong cái khung gỗ.

Cho đến giữa tháng tư này, ông lão đã bước sang năm tuổi tám mươi ba. Hai ngày nay, nằm trên chiếc giường lót len ông lão thường hay nói mê sảng, lúc tỉnh cũng nói mê nhiều, có khi ăn rồi lại bảo chưa, người ta vào hỏi thăm người này lại nói tên người khác. Trong trí nhớ mờ tối của một ông già thực sự gần đất xa trời chỉ còn le lói thấp một ngọn đèn chiếu hắt lên một khoảng bãi cỏ bị xéo nát, ngay trước cái khung thành của ông.

Vùng trí nhớ sang ngày thứ ba và thứ tư bị hoàn toàn chi phối bởi luật hội tụ ánh sáng. Những người đến thăm, cho đến cả con cháu ông cũng đã nói lẫn lộn, nhưng ông lại nhớ rành rọt hình dáng và tên từng cầu thủ tiền đạo đã từng dắt bóng vào trước mặt ông để sút. Không phải là ông nhớ lại mà chính tất cả đang sống dậy. Những đường bóng lắt léo như đang làm xiếc.

Những cặp đôi, cặp ba những cặp giò đưa qua đi lại quả bóng cho nhau như vờn múa. Những cú tưởng sút nhưng lại chuyển ra góc. Những "ca" có thể vỡ tim một mình ông đối mặt với hai ba cầu thủ như lửa cháy, như nước lụt cuốn tới. Những "pha" ông phải bay người lên như một quả pháo thăng thiên, vượt lên trên mọi cái đầu để đẩy quả bóng ra ngoài xà ngang, rồi tiếp ngay sau đó lại phải bổ nhào từ trên không trung xuống, áp mặt vào bãi cỏ để chụp bắt quả bóng như một đường gươm chém xuống mặt đất. Rồi những quả bắt ngờ từ ngoài ba bốn chục mét bay thẳng vào giữa khung thành, bất ngờ đến nỗi khi quả bóng đã nằm trong tay, ông cũng không hiểu nó bay tới từ hướng nào.

Nhất là quả phạt đền mười một thước, do Ban đá - cái quả bóng lịch sử của đời Ban và đời ông. Cái khoảng cách của hai người sắp bước vào cuộc đấu súng. Cái giây đồng hồ dài bằng thế kỷ trước khi Ban động dậy chân. Cái giây đồng hồ, bốn mắt nhìn nhau như thôi miên. Cái giây đồng hồ tất cả mọi cái gì trong con người ông đều thoát ra ngoài hết, chỉ còn trí tuệ dồn vào cặp mắt và độ nhạy bén của cơ thể, và tất cả độ nhạy bén đang dồn lại của cả một cuộc đời.

Những ngày ông nằm liệt trên tám chân len, quên đi hết để chỉ nhớ rành rẽ từng đường bóng lăn tới trước mặt mình thì bà vợ ngày đêm ngồi túc trực bên giường ông. Năm ấy bà cũng đã bảy mươi năm tuổi, mái tóc đã bạc phơ nhưng dưới cái ánh sáng mỗi lúc một rạng tỏ của ngọn đèn mà ông đang nhìn khoảng sân cỏ trước cái khung thành ngày xưa của mình, bà hiện ra với mái tóc đen huyền chảy dài như một "suối tóc" - đúng như trong các tiểu thuyết thời ấy thường tả. Ngoài các nhân vật trong các tiểu thuyết bày bán ở các cửa hiệu, ông thấy trong thành phố này chỉ có một mình bà có một "suối tóc".

Ngày ấy, từ khi bà rời bỏ Ban để yêu ông suốt đời, trong các trận giao hữu đá chơi bởi cũng như các trận quyết chiến chung kết giải nẩy lửa, người nữ sinh nổi tiếng xinh đẹp ấy bao giờ

cũng đứng đằng sau ông. Ông thường tranh thủ những lúc quả bóng đang di chuyển bên sân đối phương để quay về sau ngắm bà. Bà cũng nhìn đáp lại bằng một cái chớp hàng mi nhưng không bao giờ nói một lời nào. Ông hiểu bà không khuyến khích ông rời mắt khỏi quả bóng. Ông bèn đi đi lại lại trên cái miếng đất ký thác vào hai bàn tay đeo găng của ông tất cả tiếng tăm của ông và của toàn đội nhà, biết rằng phía sau mắt tấm lưới căng sau khung gỗ bà đang hồi hộp cầu nguyện cho ông.

Ông chợt nhớ lại vào năm sáu mươi tuổi, khi đã về hưu, thôi giữ chân chủ nhiệm của câu lạc bộ "Gió" lâu đời, ông có khởi sự viết một cuốn hồi ký trên một cuốn vở giấy trắng kẻ dòng sẵn xin của đứa cháu nội mà ông yêu nhất đang học lớp bốn - cái tác phẩm dài 28 trang giấy khổ nhỏ vì cuốn vở học trò chỉ có thế, trong đó chủ yếu ông phân tích kỹ chín quả bóng đã làm nên tiếng tăm đời thủ môn của ông và khiến ông chinh phục được bà; và năm quả khiến ông đứt ruột quyết định rời bỏ khung thành vào giữa năm hai mươi chín tuổi.

Năm bốn mươi tuổi, khi đang làm chủ nhiệm câu lạc bộ "Gió", những người có uy tín nhất trong giới bóng đá tha thiết mời ông làm trọng tài chính của giải lớn trong nước. Nhưng ông từ chối, chỉ xin làm một chân trọng tài biên và chuyên đứng phát còi ở điểm phạt góc.

Dân "máu" bóng đá hết đời cha đến đời con trong thành phố, nhiều người đã quên tên ông nhưng lại quá quen với dáng của một trọng tài biên đẹp, như một lực sĩ Hy Lạp, quần "soọc" đen áo đen ngắn tay, cả trong những trận đá của các đội B không bao giờ được đăng báo và trọng tài chính chỉ là một anh chàng vớ vẩn nào đấy, ông cũng có mặt trên sân, vẫn ăn mặc tề chỉnh và vẫn chỉ đứng ở cái điểm phạt góc ấy. Cầm lá cờ đỏ trắng may chéo đứng ở đấy, ông có một chỗ đứng có thể nhìn kỹ những phút giao tranh gay go và nguy kịch nhất của một bên phía khung thành, ông được sống lại những giây phút tốt cùng căng thẳng khiến gây

nên những sai sót trong cái chớp mắt, những vinh quang và đau đớn bày ra trước mắt bàn dân thiên hạ, và cả những vinh nhục thâm kín không bao giờ quên được của cả một đời.

Những thế hệ thủ môn đàn em nối tiếp biết ơn ông về những bài học quý báu mà ông đã dạy dỗ riêng cho từng người, sau những trận đấu ông sắm vai một trọng tài biên.

Riêng về phần mình, năm quả nhớ đời trong số những quả ông để lọt lưới, ông đã đem ra phân tích với một tấm lòng can đảm mà những người viết hồi ký ít ai có. Ông nghiệm thấy lúc nhập cuộc, người ta say sưa như thế nào thì lúc đứng ngoài mà nhìn lại mình lúc đang trong cuộc, tuy không say sưa, cay cú bằng nhưng lại có cái thú vị và say sưa riêng.

Tập hồi ký ông phải viết trong mười năm mới xong. Năm sáu mươi tuổi, dù đã rất can đảm ông cũng chỉ có đủ can đảm viết lên giấy trắng mực đen bốn quả. Ông đọc đi đọc lại những trang ông viết về bốn quả để thua, suy nghĩ sâu thêm rồi hạ một câu kết luận thật nghiêm trang rằng: nếu ông "vô" được cả bốn quả này thì ông đã là một siêu nhân, hay ít ra một thể chất tinh thần và vật chất hoàn hảo. Ông có cái ấy không? Trong cuốn hồi ký nghiêm khắc ông đặt ra cho mình câu hỏi ấy và tự trả lời rằng: ông hoàn toàn không có cái đặc ân ấy của đáng tự nhiên ban cho, cũng như tất nhiên không một ai trên đời có cả. Nhưng trong đời ông, ông đã bắt được mười bảy quả phạt đền 11 thước; thế vậy mà trong số chín quả được ông dẫn ra để nói lên sự nghiệp bất bóng hiển hách của mình, chỉ có một quả phạt đền 11 thước được ông dẫn ra để phân tích mà thôi. Ông đi đến kết luận: con người ta thường xuyên không hoàn hảo nhưng có những khoảnh khắc hoàn hảo, vào những lúc ấy toàn bộ cơ thể vật chất trở thành một phép tính không có sai số, sự tỉnh táo của các giác quan, tính tiên đoán của trí tuệ và cả trực giác cùng một lúc như hoàn hảo. Những giây phút thần thánh như vậy trong đời người thật hiếm lắm. Cả đời ông lăn lộn trong cái đấu trường

phủ cỏ cũng chỉ có được một phút như vậy.

Vì thế mà ông yên tâm về những sai sót, - có thể coi là hết sức nặng nề, - đối với bốn quả bóng mà ông phải nhặt trong lưới.

Thế nhưng còn quả thứ năm.

Cái gì đã khiến ông phải mười năm sau, vào năm ông đã bảy mươi tuổi, đã có một đàn cháu khôn lớn có thể "đấu hót" với ông, và đã đi đưa ma một vài người bạn, ông mới có can đảm và từng trải để viết nó lên giấy. Đó là một ngày tháng chín, mới sáng sớm trước cổng câu lạc bộ "Gió" đậu một chiếc xe con chở một vòng hoa. Nửa đêm về sáng ngày hôm trước, ông cụ Ban, - cặp giò tiền đạo trái của thế hệ cầu thủ đầu tiên, - đã tắt thở. Vòng hoa ghim tám băng giấy tím viết nắn nót dòng chữ: "Kính viếng hương hồn cụ Nguyễn Văn Ban - cầu thủ tiền đạo và nhà trọng tài số Một". Những dòng chữ ấy do chính ông - lão tướng thủ thành viết từ tối hôm trước, nhưng khi xe sắp chạy, những người đưa đi đám ngòi sau lưng ông đã bàn luận mãi. Người ta ai nấy đều thương tiếc người chết nhưng lại nhát trí cho là mấy chữ "cầu thủ tiền đạo và nhà trọng tài số Một" không phải là một tước vị đáng kính để viết lên một vòng hoa tang.

Ngày hôm đó tiết trời rất đẹp cho một trận đá bóng. Ông lão thủ môn của chúng ta khi đứng trước năm mộ người đồng nghiệp đàn anh đã đắp đất vuông vức, chợt nghe một tiếng còi đồng lạnh lạnh thổi rất dứt khoát. Người chết vận y phục trọng tài và vẫn với cặp giò bằng vàng đi vòng kiềng như sinh thời hồi còn sống, điềm nhiên bước ra từ giữa đám người đang đứng im lặng mặc niệm. Ban thổi tiếng còi xong liền bước nhào qua năm mộ của mình như đang tránh một quả bóng, giơ bàn tay đầy quyết đoán chém một nhát xuống điểm phát bóng: ông lão thủ thành của chúng ta ngẩng đầu lên với hai giọt nước mắt cảm động và sung sướng, vẫn không sao hết bàng hoàng với quả bóng thứ năm đã ôm chặt trong vòng tay. Không chần chừ một giây, ông liền phát bóng từ vạch sáu thước lên.

Tối hôm ấy, chờ đến khuya khi bà cụ đã đi ngủ với đứa cháu và giường nhà trong không nghe tiếng cựa mình nữa, ông lão mới gỡ giấy bút ra. Đó là một cuốn vở học sinh mà ông đã mua ở một cửa hiệu văn phòng phẩm đầu phố lâu nay vẫn cất chung với phần đầu cuốn hồi ký trong một chiếc tráp. Ông lão viết một mạch những dòng suy đi nghĩ lại suốt trong mười năm, rồi đem giấu biệt thiên hồi ký đã hoàn chỉnh dày 56 trang vào chiếc tráp.

Vào trưa ngày thứ tư kể từ ngày bắt đầu nằm liệt giường, ông lão nằm quay mặt vào tường, khước từ mọi sự săn sóc và thăm viếng. Ông lão vận to ngọn đèn trí nhớ tới mức cháy sáng rùng rục, để chỉ soi vào mọi chi tiết của quả bóng thứ năm một lần chót.

Nằm im một mình như thế đến chiều ông lão bật ngồi dậy đòi ăn, lại đòi đưa dầu xoa bóp các bắp thịt cùng găng tay. Sau khi ăn hết một bát cháo, ông nói với bà cụ bằng giọng cầu khẩn:

- Bà cho tôi ra sân cỏ ngoài câu lạc bộ "Gió" một tý...

Thấy bà đang hết sức ngần ngại ông phải tiết lộ với bà rằng ông thấy rõ cái bộ máy cơ thể của mình còn chạy được bốn ngày rưỡi nữa, gió máy câu lạc bộ "Gió" chiều sẽ chẳng quạt ngã nổi ông đâu! Nghe xong bà nói với ông một lời gì đó như khẩn, bỗng rùng mình và không dám nghĩ ông đã nói lẩn.

Bà liên diu cái thể xác vốn xưa kia đẹp đẽ đã khiến bà xiêu lòng, bây giờ chỉ còn như một cây đinh sét gỉ ngoắc tạm cái phần linh hồn của ông trong bốn ngày rưỡi nữa!

Từ nhà hai ông bà đến câu lạc bộ "Gió" cũng chẳng xa lắm. Ông cố lấy dáng đi thật thẳng thắn - cái dáng cầu thủ ra sân cỏ mà cho đến phút chót đời, ông vẫn không chịu đánh mất khi đi bên bà. Nói thật ra thì bà phải diu.

Hai vợ chồng mái tóc đã bạc phơ diu nhau đi.

Họ gặp, yêu và mê say nhau trên sân cỏ. Họ đã có một đàn một đồng con cháu và đến ngày hôm nay, trong ánh chiều vàng của cuộc đời, hai người như hai ông bà già suốt ngày rảnh rỗi,

lại dìu nhau đến ngồi giữa sân cỏ để trò chuyện. Họ đã lãng quên đi rất nhiều, chỉ còn nhớ được những điều họ nhớ.

- Quả bóng tròn và hai bàn tay tôi, không, hai bàn tay không đủ, phải nói là cả thân thể tôi, hai vật ấy là cái gì? - Ông bắt bà dẫn đến đứng ở điểm giao bóng giữa sân và nói bằng giọng run run, ngắt quãng nhưng đầy hồi hã - tôi đã nghĩ suốt cả đời về quả bóng đó. Bà hiểu không, trước quả bóng ấy, tôi hoàn toàn chẳng hiểu mình ra làm sao cả? Bốn quả kia còn có thể nói là sai sót nhưng riêng cái quả bóng thứ năm này, một đứa trẻ lên ba cũng có thể đưa hai tay nhặt ôm vào bụng được, thế vậy mà tôi không thể nhặt lên được? Nhưng trong cái rủi cũng có điều may, may cho tôi là trận ấy bà không đi xem. Bà không có mặt sau gôn. Bà không phải nhìn thấy cái lúc tôi như một thằng hậu đậu, lóng nga lóng ngóng đến không chịu được. Tôi nhớ là tối hôm đó, khi xem phim ra đứng ở cửa rạp, bà nói với tôi: đằng nhà đã chấp nhận cho tôi thỉnh thoảng đến chơi. Giá bà đi, nhất là lại đứng ngay đằng sau, tôi, một thủ môn mà "đụt" như thế, tôi dám đoán chắc... bà đã chán ngán, khó có thể còn yêu tôi!

- Sao mà ông cứ hay nghĩ vớ vẩn kỳ lạ! - bà vội ngắt lời ông, - chuyện từ đời tám hoánh nào rồi! Nhưng cái quả bóng ngày đó nó ra sao mà ông làm như một cái gì ghê gớm vậy?

- Nó y như một con người chứ không sai! - ông lão sôi nổi đáp - như một đứa trẻ thích bông đùa lại ương ngạnh, chẳng ngoan ngoãn một tý nào? Nó thì cứ lấn từ từ như chọc tức mà tôi gơ tay chụp thì cứ hệt, cuối cùng tôi đã chịu để cho nó lấn qua háng!

- Một thủ thành nổi tiếng như ông mà để bóng chui qua háng ư, có cái điều vậy thật hay bạ?

- Thật, thật, nhưng bà phải thấy cái điều vô lý và tệ hại có thật ấy vào lúc bà mười tám tuổi và đẹp như tiên; đã giang tay gạt sang hai bên tất cả các tay cầu thủ trẻ đẹp lại sừng sỏ, kể cả tiền đạo số Một rất nổi tiếng hồi ấy.

- Thôi xin ông đừng nhắc lại nữa, tôi xin ông!... Bà lão không ngờ trong lúc này, ông lại còn khêu lại câu chuyện cũ ấy và bà hơi phật ý, nhưng ông lão như một kẻ sắp chết dở chứng, lại tiếp:

- Hồi anh Ban mất, tôi biết bà từ chối không đi đưa đám nhưng sau, bà đi viếng một mình...

- Chỉ còn sống có bốn ngày rưỡi nữa mà ông còn ghen sao?

- Cả ba chúng ta đã trải qua cái thời đó từ lâu, rất lâu rồi!... Và bây giờ cũng đã kẻ âm người dương rồi! - Ông âu yếm nắm tay bà. - Ai lại còn đi ghen với người chết và tôi cũng sắp chết! Trước khi chết, tôi chỉ muốn được đứng bên bà, giữa sân này để nói với lớp người sau về cái sự nghiệt ngã và tình người trong bóng đá... Anh Ban đã đánh mất cái áo tiền đạo và đánh mất cả bà, sau khi sút một quả phạt đền 11 thước, một quả đá vô cùng hiểm hóc và mạnh như một quả trái phá, nhưng tôi đã bắt được!

- Tôi vẫn xin ông đừng nói nữa, - tự nhiên bà gắt - kéo ông mệt đấy!

Ông lão đành thôi không nói nữa, một mình lững thững đi về phía cuối sân. Mặt trời đã lặn. Đường như tất cả ánh sáng trên mặt đất bao la của thế gian bây giờ đang thu về trong cái khung gỗ, một vùng ánh sáng hội tụ rục rờ và chói gắt. Từ trong vùng ánh sáng bỗng hiện lên chồng chất hàng đồng những quả bóng đang nằm gọn trong lưới.

Ông lão cúi khom lưng, nhặt ra một quả.

Ông lão ôm ghì lấy quả bóng của mình trước bụng như còn sợ nó lặn qua háng một lần nữa, run rẩy bước ra khỏi cái tha ma của những khoảnh khắc thất bại đau đớn, trong nhiều cuộc đời cầu thủ có thể lấy lưng tiếng tăm một thời.

- Nó đây, chính nó đây! - Ông lão vừa kêu lên vừa chìa nó về phía bà quả bóng da vẫn đang còn rục rạc - cái quả bóng chết tiệt đấy! Nó đã từng từ từ chui qua háng tôi như đứa trẻ chui qua gầm ghế, mà chiếc ghế không làm gì được! Chả khác nào nó

đã biến tôi thành một thứ đồ vật bất động... Ai chưa sống nhiều không thể hiểu trong đời người ta thỉnh thoảng có những lúc như thế, không còn một tí chút nào hoàn hảo, những phút vụng dại yếu ớt và ngu ngốc đến mức không thể tưởng tượng được! Mà không thể tin được là cái điều rủi ro, đại bất hạnh đó của tôi lại xảy đến vào giữa thời kỳ tôi bất bóng như làm xiếc, cái thời huy hoàng nhất của đời thủ môn của tôi.

- Nhưng cái quả bóng đó, Ban nói với tôi: Sau đó ông đã ôm gọn được cơ mà?

- Tôi quay về chộp liên tiếp như đứa trẻ vồ ếch. Tôi đã vồ được thật nhưng bà biết không, bàn tay tôi đã chồm lên đường vạch vôi. Trận ấy vẫn anh Ban cầm còi trọng tài chính. Trong hơn năm mươi năm sau đó, có một lần tôi hỏi Ban. Anh ấy nói: lúc ấy anh ấy không trông thấy bàn tay tôi đã chạm vạch vôi.

- Anh ấy hiểu được sự nghiệp một đời có thể suy sụp vì một chút làm người ta thất vọng không đúng lúc. Anh ấy là một người tốt và rất tâm lý.

- Sau một trận đấu mấy hôm, tôi đã hiểu ra điều đó. Anh ấy đã gian lận, nhưng đây là tấm lòng của một người đàn anh... Tôi còn bất hay được nhiều năm nữa là tôi nghĩ phải xứng đáng với sự gian lận của một trọng tài nổi tiếng công minh và tình tường.

- Ông nói hơi nhiều quá! Sắp tới rồi, tôi đưa ông về nào?

Trên đường trở về nhà, bà tiết lộ cho ông biết lúc quả bóng chui qua háng ông, bà đang đứng ngay sau lưới và bà đã phải rút lui đi rất nhanh.

- Tôi bỏ về, - bà nói, - tôi không về nhà mà đi thẳng đến rạp chiếu bóng mua hai chiếc vé...

- Nhưng vì lẽ sao bà đã không làm được như vậy, với Ban? Người sắp chết mà vẫn còn có điều ngáy thơ, ông hỏi bà lão và chỉ thấy bà nắm cánh tay ông chặt hơn, diu ông đi...

BÊN QUÊ

Nhĩ nằm yên để cho vợ chải những nhát lược cuối cùng. Nhĩ biết mình có một cái đầu tròn trịa, tóc Nhĩ đến bây giờ vẫn đen và không khô. Chẳng biết lúc này trong khi Liên đứng trên đầu phản cần thận đưa những nhát lược, Nhĩ nghĩ thầm, "cô ấy" nhớ mái đầu với bộ tóc đen óng mượt đã khiến cho anh một thời được tiếng là một "Đông Gioăng"? Cho nên trước đây trong cơ quan so với mấy anh em cùng tuổi, anh được tiếng là một người lâu già.

Chải đầu cho chồng xong, Liên đỡ anh ngồi dậy, cúi xuống dưới gầm tủ lấy thêm mấy chiếc gối, đem kê sau lưng anh.

Ngoài cửa sổ bây giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt - cái giống hoa ngay khi mới nở, màu sắc đã nhợt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã sắp hết mùa, hoa đã vãn trên cành, cho nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn. Ừ cũng chả phải, Nhĩ vừa ngồi để cho vợ bón từng thìa thức ăn vừa nghĩ, chính vì thời tiết đã thay đổi, đã sắp lập thu rồi, cái nóng hầm hập ở trong phòng cùng với thứ ánh sáng loá loá vừa nhìn đã thấy chói cả mắt ở ngoài bờ sông Hồng không biết đã rút đi đâu từ bao giờ.

Bên kia những hàng cây bằng lăng, tiết trời đầu thu đem đến cho con sông Hồng một màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra. Vòm trời cũng như cao hơn. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi ở bên kia sông

Hồng lúc này đang phô ra trước khuôn cửa sổ của gian gác nhà Nhĩ một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non - những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ. Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi, mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến - cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình.

Nhĩ khó nhọc nâng một cánh tay lên khê ấy cái bát miến trên tay Liên ra. Anh ngửa mặt như một đứa trẻ để cho thằng Tuấn cầm chiếc khăn bông tẩm nước ấm khê lau miệng, cầm và hai bên má cho mình.

Anh không dám nhìn vào mặt con. Trong khi lại nghiêng mặt ra ngoài cửa sổ, anh ngạc nhiên nhận thấy những cánh hoa bằng lăng càng thắm màu hơn - một màu tím thắm như bóng tối...

Chờ cho đứa con trai đã bung thau nước xuống nhà dưới, anh hỏi Liên:

- Đêm qua, lúc gần sáng em có nghe thấy tiếng gì không?

Liên giả vờ không nghe câu chồng vừa hỏi. Trước mặt chị hiện ra một cái bờ đất lở dốc đứng của bờ bên này và đêm đêm cùng với con lũ nguồn đã bắt đầu dồn về những tảng đất đỏ oà vào giấc ngủ.

- Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ?

Liên vẫn không đáp và biết chồng đang nghĩ gì. Chị đưa những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai chồng:

- Anh cứ yên tâm. Vất vả, tốn kém đến bao nhiêu em với các con cũng chăm lo cho anh được.

Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá.

- Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm... mà em vẫn nín thinh.

- Có hề sao đâu... Miễn là anh sống, luôn luôn có mặt anh, tiếng nói của anh trong gian nhà này...

Ngừng một lát, Liên nói tiếp:

- Anh cứ tập tành và uống thuốc cho đều. Sang tháng mười, nhất định anh đi lại được.

- Vậy thì đầu hoặc giữa tháng mười một, anh sẽ đi thành phố Hồ Chí Minh một chuyến.

- Liên biết chồng nói đùa:

- Đi thành phố Hồ Chí Minh thì chắc chẳng được nhưng anh có thể chống gậy đi trong nhà. Hoặc tiến triển tốt hơn, em có thể đỡ anh men cầu thang bước xuống một bậc... hoặc giá anh lại khỏe hơn, chúng mình có thể bước xuống hai bậc.

- Ủ, tưởng gì... nhất định đầu tháng mười một anh sẽ đi ra được đến cầu thang...

Liên đặt bàn tay vào sau phiên lưng đã có nhiều mảng da thịt vừa chai cứng vừa lở loét của Nhĩ:

- Em đỡ anh nằm xuống nhé?

- Khoan. Em cần ra chợ hay đi đâu thì cứ đi đi. Khi nào mới anh sẽ gọi con.

Một lát sau Nhĩ còn nghe tiếng vợ đi lại dọn dẹp và dặn dò con điều gì đó. Liên hăm nước thuốc ở cái siêu đất ra chiếc bát chiết yêu. Nhĩ đoán thế, nghe tiếng nước rót ra lẫn mùi thuốc bắc bay vào nhà. Rồi Liên xuống thang, vẫn cái tiếng bước chân rón rén quen thuộc suốt cả một đời người đàn bà trên những bậc gỗ mòn lõm.

Chờ Liên xuống tầng dưới rồi Nhĩ mới lên tiếng:

- Tuấn, Tuấn à!

Anh con trai đánh trần ngồi tựa vào bức tường đầu cầu thang, tay nhặt rau muống, mắt cúi xuống một cuốn sách truyện dịch. Nghe bố gọi, Tuấn chạy vào trong tay vẫn cầm quyển sách dày cộm gấp đôi:

- Bố mới rồi. Con đỡ bố nằm xuống nhé!

- Chưa... đến lúc này Nhĩ mới ngấm kỹ đứa con trai. Nó là đứa thứ hai, gần một năm nay vắng nhà, đi học trong tận một

thành phố phía nam và vừa mới trở về đêm qua. Anh thấy càng lớn thẳng con anh càng có nhiều nét giống anh.

Người cha sắp từ già cõi đời đang giấu một tâm sự bí mật gì đó trong cái vẻ lúng túng. Anh ngược nhìn ra ngoài cửa sổ một lần nữa rồi quay vào bất chợt hỏi:

- Đã bao giờ Tuấn... sang bên kia chưa hả?

- Sang đâu hả bố?

- Bên kia sông ấy!

Anh con đáp bằng vẻ hồ hững.

- Chưa...

Nhĩ tập trung hết sức còn lại để nói ra cái điều ham muốn cuối cùng của đời mình:

- Bây giờ con sang bên kia sông hộ bố...

- Để làm gì ạ?

- Chẳng để làm gì cả. - Nhĩ có vẻ ngượng nghịu vì cái điều anh sắp nói ra quá ư kỳ quặc - Con hãy qua đó đặt chân lên bờ bên kia, đi chơi loanh quanh rồi ngồi xuống nghỉ chân ở đó một lát, rồi về...

Anh con trai cười:

- Bố đang sai con làm việc gì lạ thế?

- Hay là thế này nhé, - Nhĩ vẫn không hề thay đổi ý kiến - con cầm đi mấy đồng bạc xem bên ấy có hàng quán người ta bán trái gì, con mua cho bố.

Anh con trai miễn cưỡng mặc quần áo, đội chiếc mũ nan rộng vành để phòng đến trưa có thể nắng to - theo lời yêu cầu khẩn khoản của Nhĩ, giắt vào người mấy đồng bạc.

Vừa nghe Tuấn nện lộp bộp đôi dép sa-bô xuống thang, Nhĩ đã thu hết tàn lực lết dần, lết dần trên chiếc phản gỗ. Nhắc mình ra được bên ngoài phiên nện nằm, anh tưởng như mình vừa bay được nửa vòng trái đất - trong một chuyến đi công tác ở một nước bên Mỹ La Tinh hai năm trước đây. Anh mệt lử. Và đau

nhức. Ngồi lại nghỉ một chặng và chỉ muốn có ai đỡ cho để nằm xuống. Nghe tiếng chân dậm thình thịch đều đặn ở bên kia tường, Nhĩ cúi xuống hỏn hển rồi cất tiếng gọi yếu ớt: "Huệ ơi!"

Từ phòng bên kia một cô bé rất xinh mặc chiếc áo may ô con trai và vẫn còn cầm thu thu một đoạn dây sau lưng chạy sang. Cô bé bên nhà hàng xóm đã quen với công việc này. Nó lễ phép hỏi Nhĩ: "Bác cần nằm xuống phải không ạ?" Nhĩ đáp trong hơi thở gấp gấp: "Ừ, ừ... chào cháu!" cô bé nhảy lên phản, vừa mớ vào người Nhĩ đã vội nhảy xuống, nó chạy ra đầu cầu thang cầm đoạn dây khê phát xuống bên dưới và gọi toáng lên:

- Vân ơi, Tam ơi, Hùng ơi!

Một lát sau không phải chỉ có ba đứa mà cả một lũ trẻ ở tầng dưới lần lượt chạy lên.

- Chúng cháu chào bác ạ!

- Chào bác Nhĩ ạ!

Vây bọc bởi đám trẻ con đứng lố nhố chung quanh Nhĩ nhận thấy hoàn cảnh của mình thật buồn cười, y như một chú bé mới đề đang toét miệng cười với tất cả, tận hưởng sự thích thú được chúng chăm sóc và chơi với.

Cả bọn trẻ xúm vào, và rất nường nhẹ, giúp anh đi nốt nửa vòng trái đất - từ mép tấm nệm nằm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân. Chúng giúp anh đặt một bàn tay lên bậu cửa sổ, kê cao thêm dưới mông anh bằng cả một chiếc chân gập lại rồi sau đó mới bê cái chõng gối đặt sau lưng.

Chẳng biết thế nào mà sáng nay tất cả những ngón tay của chúng đều chua lèm mùi nước dưa nhưng không sao, vì thế anh càng yêu lũ trẻ trong ngôi nhà mình.

Ngay lúc ấy, cái vật mà Nhĩ nhìn thấy trước tiên khi được ngồi sát ngay sau khuôn cửa sổ là một cánh buồm vừa bắt gió căng phồng lên. Con đò ngang mỗi ngày chỉ qua lại một chuyến giữa hai bờ ở khúc sông Hồng này vừa mới bắt đầu chổng sào ra

khỏi chân bãi bồi bên kia, cánh bướm nâu bạc trắng vẫn còn che lấp gần hết cái miền đất mơ ước.

Sát bên bờ của dải đất lở dốc đứng bên này, một đám đông khách đợi đò đứng nhìn sang. Người đi bộ, người dắt xe đạp. Một vài tốp đàn bà đi chợ về đang ngồi kháo chuyện hoặc xổ tóc ra bắt chấy. Nhĩ nhìn mãi đám khách nhưng vẫn không tìm thấy cái mũ cối rộng vành và chiếc sơ mi màu trứng sáo đâu cả.

Thì ra thằng con trai của anh chỉ mới đi được đến hàng cây bằng lăng bên kia đường. Thằng bé vẫn cắp cuốn sách bên nách đang sà vào một đám người chơi phá cờ thê trên hè phố. Suốt đời Nhĩ đã từng chơi phá cờ thê trên nhiều hè phố, thật là không dứt ra được. Không khéo thằng con trai anh lại trẻ mất chuyến đò trong ngày. Nhĩ nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình, và lại nó đã thấy có gì đang hấp dẫn ở bên kia sông đâu? Hoạ chẳng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một cái bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia, cả trong những nét tiêu sơ, và cái điều riêng anh khám phá thấy giống như một niềm mê say pha lẫn với nỗi ân hận đau đớn, lời lẽ không bao giờ giải thích hết.

Nhĩ chợt nhớ ngày anh mới cưới Liên từ một làng bên kia sông về, Liên vẫn đang còn mặc chiếc áo nâu và chiếc khăn mỏ quạ. So với ngày ấy bây giờ Liên đã trở thành một người đàn bà thị thành. Tuy vậy, cũng như cánh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tàn táo và chịu đựng hy sinh từ bao đời xưa, và cũng chính nhờ có điều đó mà sau bao nhiêu ngày tháng bốn tẩu, tìm kiếm... Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này.

Con đò đã sang quá nửa sông, ngồi đây Nhĩ đã có thể nhìn thấy rõ từng mảnh vá trên lá bướm cánh dơi in bật trên một vùng nước đỏ.

Giữa lúc Nhĩ đang nhìn thấy trong tưởng tượng chính mình trong tấm áo màu xanh trứng sáo và chiếc mũ nan rộng vành, như một nhà thám hiểm đang chậm rãi đặt từng bước chân lên cái mặt đất dấp dính phù sa - chợt nghe sau lưng có tiếng ho. Nhĩ quay lại.

Ông cụ giáo Khuyến tựa trên chiếc gậy song đang đứng bên phân. Đã thành lệ, buổi sáng nào ông cụ già hàng xóm đi xếp hàng mua báo về cũng ghé vào hỏi thăm sức khỏe của Nhĩ.

- Cụ ạ - Nhĩ hất đầu ra hiệu về phía đầu tấm nệm nằm của mình - cháu Huệ có gửi lại chìa khoá cho cụ.

- Hôm nay ông Nhĩ có vẻ khỏe ra nhỉ?

- Dạ, con cũng thấy như hôm qua...

Chợt ông cụ già hàng xóm hốt hoảng quá. Ông cụ giáo Khuyến chợt nhận thấy mặt mũi Nhĩ đỏ rựng một cách khác thường, hai mắt long lanh chứa một nỗi mê say đầy đau khổ, cả mười đầu ngón tay vừa bấu chặt vừa run lẩy bẩy. Anh đang cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát - y như đang khẩn thiết ra hiệu cho một người nào đó.

Ngay lúc bấy giờ, chiếc đồ ngang mỗi ngày một chuyển chỗ khách qua lại hai bên bờ sông Hồng vừa chạm mũi vào cái bờ đất lở dốc đứng phía bên này.

CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA

Trưởng phòng tôi là một người sâu sắc, lại cũng lắm sáng kiến đến cái mức có khi bọn chúng tôi trong cơ quan phát một vì anh.

Trước đây chừng dăm tháng, để chuẩn bị cho tám lịch năm sau, anh tỏ ý không bằng lòng với cách làm ăn từ trước tới giờ - Sang năm chúng ta sẽ đem đến cho mỗi gia đình một bộ sưu tập chuyên đề về thuyền và biển - anh nói quả quyết - Thôi bỏ cái lối mỗi thứ một tí đi. Phải có một bộ sưu tập chuyên đề. 12 tháng là 12 bức ảnh nghệ thuật về thuyền và biển. Không có người. Hoàn toàn thế giới tĩnh vật...

Chúng tôi xách máy lên đường, suy nghĩ, chọn cảnh, bấm máy suốt năm tháng. Và tất cả những gì thu được bằng ánh sáng đen trắng trên giấy ảnh đang được bày ra la liệt trên hai chiếc bàn ghép lại, và quả tình lúc đó tôi đã lấy làm bằng lòng lắm, đoán chắc không còn phải xách máy đi chụp bổ sung như mọi năm nữa.

Làn khói thuốc lá cuộn phun ra mù mịt trước cặp mắt đầy tinh khôn của trưởng phòng đang nheo lại sau mắt kính lão. Đột nhiên trưởng phòng quay sang phía tôi hỏi:

- Bây giờ đã là tháng mấy nhỉ?
- Tháng bảy. - Tôi đáp với một vẻ dè chừng.
- Tháng này ở biển vẫn còn sương chứ?
- Chỉ có bão táp với biển động. Muốn lấy sương thì phải nghĩ

đến từ tháng ba cơ.

- Nay anh Phùng - trưởng phòng dường như đã nhìn thấy rõ mọi ý nghĩ ngần ngại của tôi, cho nên anh vừa nói vừa nhấn nhó cái mặt lộ vẻ đau khổ - tôi cho anh một tháng, một tháng là đủ chứ gì? ... Anh giúp tôi thêm một cảnh buổi sáng có sương đi.

- Trời ơi - tôi nhặt một bức ảnh ngay trong tầm tay - với hàng trăm bức ảnh đẹp, chụp công phu thế này mà anh...

- Đẹp thì đẹp thực - anh cướp lời tôi - Và nhất là lại có hồn nữa. Đúng là những bức ảnh nghệ thuật. Nói thực tình năm nay các anh đi về, khác với những năm khác, tấm nào ít nhiều tôi cũng thích. Nhưng không thể chọn đủ cho mười hai tháng, vẫn đang còn thiếu một tờ.

Ở đời cái gì cũng thế, con người bản tính vốn lười biếng, đôi khi mình hãy cứ để cho mình rơi vào hoàn cảnh bị ép buộc phải làm, không khéo lại làm được một cái gì.

Năm ngày sau tôi đã có mặt ở một vùng biển cách Hà Nội ngoài sáu trăm cây số. Tôi vác máy tới một dải bờ cát nằm "phục kích" thiên nhiên ở cái khoảng giao điểm ngày vừa rạng, đêm chưa tắt hẳn, bấy giờ cũng là lúc những chiếc thuyền đánh cá bằng vỏ bè hiện ra trong khoảng mờ tỏ của bình minh.

Thực ra chuyến đi này tôi còn có ý muốn trở về thăm một vùng chiến trường cũ ở đây tôi có một thằng bạn vừa là đồng hương, vừa là đồng đội đã từng mười năm ở với nhau trên rừng. A So, trước đây là một trung đội phó bộ binh nổi tiếng hay đùa tếu và bây giờ, lặn trôi, ở ngay cái vùng biển ấy hẳn ta đang làm một thứ công tác... nghiêm túc đến mức chẳng ai có thể tưởng tượng, chính hẳn lại có thể làm nổi, mà trong thực tế hẳn ta đã làm hai ba năm nay chứ không ít. Đời chúng tôi cái đám lính của một thời chống Mỹ, từ sau bảy năm thật chẳng ít chuyện trở trêu và bất ngờ.

Thật ra ở đây chưa phải là biển mà mới chỉ là một vùng phá

ăn sâu vào đất liền chạy quanh quất như chơi trò trốn tìm giữa các thôn ỏ, chợ búa trong một phạm vi hàng mấy chục cây số. Chẳng phải nói, cái vùng nước mà tôi vừa mới vác máy ảnh đến để chụp bổ sung cho bộ sưu tập thật là thơ mộng, và nhất là dường như trong suốt dải bờ biển của khắp cả nước, chỉ ở đây vào giữa tháng bảy là còn sương mù. Nơi đây, nếu bỏ ra ngoài tầm mắt những bãi xe tăng do bọn thiết giáp nguy vút lại trên đường rút chạy hồi "tháng ba bảy năm" (bây giờ sau gần mười năm, đã bị hơi nước mặn gặm mòn và làm cho sét gỉ), vùng phá nước có một cái gì đấy thật là phẳng lặng và tươi mát như da thịt của mùa thu đang áp vào tâm hồn anh. Tôi trở nên ngây ngất vào mỗi buổi sáng, bầu trời không xanh biếc, cao thăm thẳm mà đượm một sắc giữa xanh và xám, bầu trời như hạ thấp xuống và như ngưng đọng lại; giữa trời và nước ấy chỉ có một chiếc thuyền của một gia đình làm nghề vó bè đang toả khói bếp giữa phá - chiếc thuyền đứng im như làm bằng các tông dán vào cảnh vật êm ả.

Hai ngày đầu, suýt nữa tôi đã quyết định đưa vào tờ lịch tháng bảy khung cảnh người ta đẩy một chiếc thuyền xuống nước. Đó là một chiếc thuyền mới đóng xong vẫn còn thơm mùi gỗ lẫn mùi dầu rái. Tôi đã chọn được một thằng bé khoảng lên năm có đầy đủ ngoại hình con trai một nhà hàng chài, lại có cặp mắt thật đen gọi cho tôi nghĩ đến con mắt người ta vẽ trên đầu mũi thuyền, thằng bé đánh trần, lội ra đứng giữa những lượn sóng bạc đầu, giang tay vút một nắm phoi bào ra thật xa. Trong khi đó, ở trên bờ, bố mẹ nó và những người lớn đứng xếp hàng dọc ghé vai vào hai bên mạn chiếc thuyền mới. Tôi chỉ cần chụp đặc tả những chiếc vai trần của ngư phủ cùng với một hàng bàn chân to bè của họ dậm lún vào cát.

Nhưng tôi vội thôi ngay cảnh đẩy thuyền đầy không khí vui nhộn hơi thô lỗ và thật hùng tráng. Thất bại thấy trước là tôi đã không làm sao thu được vào ống kính khoảnh khắc chiếc

thuyền đập mình xuống nước làm vỡ tung toé từng đám bọt sóng trắng xoá.

Tôi cũng quyết định thôi không lấy cảnh sương và cát như trường phòng ở nhà đã gợi ý, mặc dầu có những đêm thật lý thú, tôi ra ngủ ngay giữa bãi cát ven bờ phá, theo lời rủ rê của một thằng bé mặt mũi xấu xí nhưng có một trí nhớ khác thường, quần áo dính đầy nhựa cây, nó là đứa cháu ngoại của một ông lão làm nghề sơn tràng ở tận trên miền rừng A So, hai ông cháu lái một chiếc xe Reo của gia đình chở gỗ về bán cho xưởng đóng thuyền. Trong những đêm như thế, thằng nhóc tận trên rừng xuống và tôi như hai nhà hiền triết nằm kê đầu trên mười ngón tay đan vào nhau, nằm giữa sóng đôi bên nhau, mắt nhìn đắm đắm vào khoảng mờ trắng của sương đêm, cùng hồi hộp chờ một tiếng vạc rất nhỏ kêu thẳng thốt trong bầu sương tít trên cao, nghe như vọng về từ một thời hồng hoang nào đó, cái thời chung quanh vùng biển này chỉ có lau lách và tiếng sóng vỗ, chưa có người.

Thế rồi cuối cùng, tìm đi kiếm lại, vác máy ảnh tha thẩn suốt một tuần lễ, tôi quyết định thu vào tờ lịch tháng bảy của năm sau cảnh thuyền đánh cá thu lưới vào lúc nhập nhòa sáng. Ai đã cầm máy ảnh có kinh nghiệm đều biết đó là một cảnh chết cháy - một đề tài đã có quá nhiều người khai thác, đã từng để lại những bức ảnh thật đẹp, đầy chất thơ của những người cầm máy ảnh có tên tuổi.

Cái gì đã xui khiến tôi tự thách thức bằng cái việc mạo hiểm ấy? Có lẽ trước hết, không phải là do sự hấp dẫn của hình ảnh mà chính là những tiếng động đầy vẻ náo nhiệt ở cách xa hàng cây số cũng nghe tiếng của một nhóm thuyền đánh cá đêm bằng vỏ bè. Tôi chỉ được nghe cái âm thanh của sự làm ăn có cái gì như ma quái ấy vào quang gần sáng, vào lúc mà thằng Phác - thằng bé từ trên rừng "hạ sơn" xuống đã nép vào sườn tôi ngủ say như chết, sau khi nó đã cặn kẽ giải thích cho tôi nghe cuộc

sống của những giống chim trên rừng, trước mùa thu, trước mùa giá rét rất lâu, chúng đã xấn xở rời tổ xây trên các lùm cây dè um tùm để làm những cuộc di cư.

Không phải ngay trong mấy ngày mới đến mà về sau khi đã chụp gần một cuộn phim, tôi mới có dịp hiểu đôi chút về cách làm ăn lâu đời của những "tổ hợp tác" gồm những chiếc thuyền đánh cá không có bến này. Bao giờ họ cũng chỉ liên kết với nhau chỉ trong một đêm hoặc một ngày chứ không lâu. Thường thường mỗi thuyền là một gia đình, ngoài thuyền lớn còn vài chiếc mủng để đi lại. Cuộc sống cứ lênh đênh khắp cả một vùng phá mênh mông. Cưới xin, sinh con đẻ cái, hoặc lúc nhắm mắt cũng chỉ trên một chiếc thuyền. Xóm giềng không có. Quê hương bản quán cả chục cây số trời nước chứ không cố kết vào một khoảnh đất nào.

Vào một buổi sáng tôi thức dậy. Đàng đông đã sáng trắng. Trên một nửa vòm trời sao đã lặn hết. Những đám mây hình vỏ sò cứ hồng lên dần, trong khi đó, mặt biển tuy đã sáng rõ, đến cái mức đứng trong bờ cũng nhìn thấy từng đường gấp nếp lặn trần trên mặt tấm thép dát màu xám đục, nhưng sao mà tẻ nhạt, tiếng sóng ồ ồ dội vào giấc ngủ suốt đêm chạy trốn đi đâu hết, biển im thít và không màu sắc, như một con sứa khổng lồ giạt vào bãi.

Ngay chỗ bãi các xe tăng nhìn ra, một nhóm chùng dăm chiếc thuyền vỏ vừa tắt đèn. Những chiếc mặng sông treo thông giữa lòng các tấm lưới đã tắt hết nhưng những đợt tiếng la hét vẫn cứ vang lên. Đó là đám người đã được phân công làm công việc xua cá vào lưới, phần nhiều đàn bà, trẻ con, họ ngồi trên những chiếc mủng lúc nào cũng thả trôi lượn lơ me ngoài, có khi tản mát mỗi nơi một chiếc. Sô mủng bất chợt được tập hợp lại, từ bốn góc hổi hả chèo tới. Đến cự ly cách mũi thuyền chùng trăm mét, tất cả buông chèo với lấy hai giống tre khô vút trong

lòng mừng gõ ầm ầm, có người dùng ngay bơi chèo gõ vào thành mừng, tay gõ miệng hét:

Hới, hới...

Trong mấy cái phút ấy, tôi quỳ một chân trên nền cát ướt, máy đã đặt sát vào mắt như một người đi săn chỉ rình ít phút nữa con thú sẽ tung ra khỏi cánh rừng, tôi chờ cái lúc năm sáu chiếc lưới vó cùng một lúc từ dăng lên.

Tôi bấm máy lia lịa. Qua khuôn hình ánh sáng, tôi đã hình dung thấy trước những tấm ảnh nghệ thuật của tôi sẽ là vài ba chiếc mũi thuyền và một cảnh đan chéo của những tấm lưới đọng đầy những giọt nước, mỗi mắt lưới sẽ là một nốt nhạc trong bản hoà tấu ánh sáng và bóng tối, tượng trưng cho khung cảnh bình minh là một khoảng sáng rực rỡ đến mức chói mắt, trong khoảng sáng đó sẽ hiện lên trong tầm nhìn thật xa những đường nét của thân hình một người đàn bà đang cúi lom khom, sải cánh tay thật dài về phía trước kéo tấm lưới lên khỏi mặt nước, và phía sau lưng người đàn bà, hình một ngư phủ và một đứa trẻ đứng thẳng trên đầu mũi thuyền, dùng lực toàn thân làm đòn bẩy nâng bổng hai chiếc gọng lưới chìa thẳng lên trời.

Nói chung tôi đã tìm được một bố cục chặt chẽ, và tôi lại có tính duy tâm nghề nghiệp, tôi lại còn tin vào cái ngẫu nhiên đầy "số đỏ" của tôi nữa. Tôi nghĩ rằng với những tay nhiếp ảnh nghệ thuật, nếu không có thêm sự sắp đặt đầy tài tình của ngẫu nhiên thì với tài ba đến bao nhiêu, anh cũng chỉ... thu được những tấm ảnh vô hồn.

Cũng như lúc tụ lại, cái đội hình của sự làm ăn trôi nổi trên mặt nước tản ra rất nhanh. Đây là mẻ lưới cuối cùng. Trong nháy mắt, trước mắt tôi chỉ còn một khoảng phá nước trống không.

Lúc bấy giờ trời đầy mù từ ngoài biển bay vào. Lại lác đác mấy hạt mưa. Tôi rúc vào bên cánh xích của một chiếc xe tăng

để tránh mưa, đang lúi húi thay phim lúc ngẩng lên thấy một chuyện hơi lạ: một chiếc thuyền lưới vó mà tôi đoán là trong nhóm đánh cá ban này đang chèo thẳng vào trước mặt tôi.

Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh chưa bao giờ tôi được thấy một cảnh "đất" trời cho như vậy: trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh hoạ thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gọng vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hoà và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích khiến đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào? Chẳng biết ai đó lần đầu đã phát hiện ra bản thân cái đẹp chính là đạo đức? Trong giây phút bối rối, tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lý của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn.

Chẳng phải lựa chọn xê dịch gì nữa, tôi gác máy lên bánh xích của chiếc xe tăng hồng bầm "liên thanh" một hồi hết một phần tư cuộn phim, thu vào chiếc Pratica cái khoảnh khắc hạnh phúc tràn ngập tâm hồn mình, do cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh vừa mang lại.

Tôi chắc mẩm ngay trong ngày hôm nay hoặc sáng mai đã có thể nhảy lên tàu hoả trở về, nếu cái anh bạn đồng ngũ không cố nín giữ ở chơi thêm vài bữa.

*

* *

Ngay lúc ấy, chiếc thuyền đâm thẳng vào trước chỗ tôi đứng. Một người đàn ông và một người đàn bà rời chiếc thuyền. Họ phải lội qua một quãng bờ phá nước ngập đến quá đầu gối. Bất giác tôi nghe người đàn ông nói chỗ lên thuyền như quát: "Cứ ngồi nguyên đấy. Động đậy tao giết cả mày đi bây giờ". Chắc hẳn họ không trông thấy tôi. Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mù rỗ mặt. Khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ. Người đàn ông đi sau. Tầm lưng rộng và cong như một chiếc thuyền. Mái tóc tổ quạ. Lão đi chân chữ bát, bước từng bước chắc chắn, hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ lúc nào cũng nhìn dán vào tầm lưng áo bạc phéch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng của người đàn bà.

Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng với chiếc máy ảnh, đi quá mười bước sâu vào phía trong có một chiếc xe rà phá mìn của công binh Mỹ, chiếc xe sơn màu vàng tươi và to lớn gấp đôi một chiếc xe tăng. Hai người đi qua trước mặt tôi. Họ đi đến bên chiếc xe rà phá mìn. Người đàn bà đứng lại, ngược mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu một thoáng, rồi đưa một cánh tay lên có lẽ định gãi hay sửa lại mái tóc nhưng rồi lại buông thõng xuống, đưa cặp mắt nhìn xuống chân.

Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngụy ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quật xuống lão lại nguyên rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: "Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!"

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn.

Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn. Thế rồi chẳng biết từ bao giờ, tôi đã vứt chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới.

Bóng một đứa con nít lao qua trước mặt tôi. Tôi vừa kịp nhận ra thằng Phác - thằng bé trên rừng xuống vừa nằm ngủ với tôi từ lúc nửa đêm. Thằng bé cứ chạy một mạch, sự giận dữ căng thẳng làm nó chạy qua không nhìn thấy tôi. Như một viên đạn trên đường lao tới đích đã nhắm, mặc cho tôi gọi nó vẫn không hề ngoảnh lại, nó chạy tiếp một quãng ngắn giữa những chiếc xe tăng rồi lập tức nhảy xổ vào cái lão đàn ông.

Cũng y hệt người đàn bà, thằng bé của tôi cũng như một người câm, và đến lúc này tôi mới biết là nó khoẻ đến thế!

Khi tôi chạy đến nơi thì chiếc thắt lưng da đã nằm trong tay thằng bé, không biết làm thế nào nó đã giằng được chiếc thắt lưng, liền dướn thẳng người vung chiếc khoá sắt quật vào giữa khuôn ngực trần vạm vỡ cháy nắng có những đám lông đen như hắc ín, loăn xoăn từ rốn mọc ngược lên. Lão đàn ông định giằng lại chiếc thắt lưng nhưng chẳng được nữa, liền giang thẳng cánh cho thằng bé hai cái tát khiến thằng nhỏ lảo đảo ngã dúi xuống cát. Rồi lão lẳng lặng bỏ đi về phía bờ nước để trở về thuyền. Không hề quay mặt nhìn lại, chỉ có tảng lưng khum khum và vạm vỡ cang có vẻ cúi thấp hơn, nom lão như một con gấu đang đi tìm nguồn nước uống, hai bàn chân chữ bát để lại những vết chân to và sâu trên bãi cát hoang vắng.

Người đàn bà dường như lúc này mới cảm thấy đau đớn - vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã.

- Phác, con ơi!

Miệng mếu máo gọi, người đàn bà ngồi xếp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy. Thằng nhỏ cho đến lúc này vẫn chẳng hề hé răng, như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ

đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rõ xuống những dòng nước mắt, và cái thằng nhỏ, lặng lẽ đưa mấy ngón tay khẽ sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chẳng chịt.

Thế rồi bất ngờ người đàn bà buông đứa trẻ ra, đi thật nhanh ra khỏi bãi xe tăng hồng, đuổi theo lão đàn ông. Cả hai người lại trở về chiếc thuyền.

Khoảnh khắc sau, bãi cát lại trở về với vẻ mênh mông và hoang sơ. Giữa tiếng sóng ngoài khơi dội những tiếng kêu ồ ồ vào còi im lặng, chỉ có tôi và thằng bé đứng trơ giữa bãi xe tăng hồng, trên tay thằng nhỏ vẫn cầm chiếc thắt lưng, hai chúng tôi đưa mắt ngơ ngác nhìn ra một quãng bờ phá ban nãy chiếc thuyền đậu.

Như trong câu chuyện cổ đầy quái đản, chiếc thuyền lưới vó đã biến mất.

*
* *

Tôi bước về phía nó. Nhưng thằng bé không cho tôi lại gần. Tự nhiên thằng nhỏ vô cớ đâm ra thù ghét cả tôi - hết sức thù ghét, nhìn vào hai con mắt của nó, tôi đọc thấy được điều đó.

Mà tại sao từ trước tới giờ tôi không để ý nhỉ, lần đầu tiên tôi sực nhận thấy nó chính là một thằng bé vùng biển. Những món tóc vàng hoe có chỗ đỏ quạch như mớ lưới tơ đã bột bột đang toả ra mùi nước mặn che lấp gần hết khuôn trán nhỏ và cặp mắt đầy vẻ ngây thơ, lúc này chẳng khác nào cặp mắt của một chú hổ con từ miền rừng vừa lạc về.

Mấy ngày sau thằng Phác đối xử với tôi như một kẻ hoàn toàn xa lạ, như chưa bao giờ trò chuyện, ngủ chung với tôi. Mỗi lúc bắt gặp tôi khoác chiếc máy ảnh đi trên bãi cát, nó vẫn nhìn

tôi bằng con mắt âm thầm giấu kín đầy một sự thù ghét - và tôi hiểu rằng tất cả lỗi lầm của tôi chính là ở chỗ tôi đã trót có dịp biết được tất cả mọi việc trong nhà nó, cái thằng trẻ con lạ kỳ nhất trần đời.

Tôi đang tìm cách dỗ dành để gần nó, lại bắt đầu làm quen trở lại với nó một lần nữa, cái chú chó sói con ấy, thì đến là quá quắt, thằng bé thông minh và dễ thương đã hoàn toàn biến thành một đứa trẻ độc ác và mất dạy, nó hét lên trước mặt tôi bằng giọng the thé đầy giận dữ: "Hãy cút đi! Cút đi!". Chính lúc ấy là lúc chiếc thuyền vô bè lại hiện ra trong làn sương sớm của một buổi mai, sau lần trước ba hôm.

Tất cả diễn ra y như lần trước. Chiếc thuyền đâm vào đúng quãng bờ phá ngày hôm trước - từ đó đi bộ vào bãi xe tăng hỏng rất gần.

Và vẫn như lần trước, người đàn bà lội xuống trước với cái khuôn mặt cúi gằm xuống, và những bước chân thoăn thoắt đi lên bãi cát. Nhưng khi lão đàn ông vừa rời thuyền để đuổi theo người đàn bà thì trong lúc ấy, ngay sau lưng lão, một đứa con gái cũng tụt xuống ở đằng lái, bơi vào.

Đứa con gái trạc 14, 15 tuổi. Đây là trông vóc người và mái tóc xoã ngang vai - chứ cũng có thể con gái vùng biển ở cái vóc dạng ấy, chỉ mới 12, 13. Nó mềm mại và nhanh như một con vượn đen tuyền trong bộ quần áo đen ướt rượt bó sát vào mình. Trên đôi cằm rậm nắng, con bé chạy như bay về phía chỗ thằng Phác đứng.

Ngay từ đầu thằng bé hình như muốn tránh giáp mặt đứa con gái nhưng không thoát, thực sự là đứa con gái lớn hơn và có vẻ rất khỏe.

Hai đứa trẻ vật nhau. Có một lúc thằng Phác vùng ra được khỏi đứa con gái, định bỏ chạy, nhưng chỉ sau vài sải chân rượt sát ngay sau lưng, đứa con gái đã nhanh nhẹn giơ tay tóm được

vạt áo thẳng Phác, lôi giật lại.

Đứa con gái - mà tôi đoán là con chị - đã đề ngựa thẳng bé ra giữa bãi cát và đến bây giờ thì tôi mới hiểu, đứa con gái đã rút ra được từ trong cặp quần đùi của thẳng bé một vật sáng loáng. Trời ơi, đó là một con dao găm.

*

* *

Đầu, anh bạn chiến đấu cũ lái Honda đến đón tôi ở một trạm xá xã. Những người thợ xường đóng thuyền đã dìu tôi từ bãi tăng về đây chưa đầy một ngày.

Lão chồng - cái lão đàn ông độc ác và tàn nhẫn nhất thế gian ấy đánh tôi hoàn toàn vì mục đích tự vệ. Tôi nện hấn cũng đã khiếp. Tôi nện hấn bằng tay không, nhưng cú nào ra cú ấy, không phải bằng bàn tay một anh thợ chụp ảnh mà bằng bàn tay rắn sắt của một người lính giải phóng đã từng mười năm cầm súng. Tôi đã chiến đấu trong mấy ngày cuối cùng chiến tranh trên mảnh đất này. Bất luận trong hoàn cảnh nào tôi cũng không cho phép hấn đánh một người đàn bà, cho dù đó là vợ và tự nguyện rúc vào trong xó bãi xe tăng kín đáo cho hấn đánh.

Đầu đưa tôi về cơ quan của anh. Cô y tá của cơ quan toà án huyện, một cô gái chưa chồng, đã luống tuổi và béo phịch phịch nhận lệnh của thủ trưởng Đầu mang túi thuốc tới.

Dưới mắt cô y tá, mấy vết thương xoang trên trán tôi chả khác nào những vùng hào quang của một người anh hùng. Vừa băng lại các vết thương cho tôi cô vừa kể lể bằng tất cả giọng phẫn nộ thói tàn nhẫn của dân đàn ông đánh cá trong vùng địa phương này - do phong tục để lại.

- Hăm bót ngọn lửa căm thù xuống bà chị ạ, dù sao thì đàn ông cũng cần, đôi khi rất cần - dù là chánh án của toà án huyện,

Đầu vẫn không chịu bỏ cái thói hay bông phèng.

- Thà tôi chết già, các anh đừng tưởng, thà tôi làm gái già suốt đời! - Cô y tá luống tuổi cứ chĩa mũi kéo đang kẹp một dùm bông đã tẩm cồn vào giữa mặt Đầu. Anh chỉ nhe răng cười. Vừa tha được tôi về đến nơi là Đầu đã chúi mũi vào giữa hàng núi hồ sơ. Những vụ kiện tụng. Những vụ án hình sự lật vật cũng có, những vụ nghiêm trọng cũng có.

Vài ngày sau, những vết thương của tôi đã lên da non. Ngồi soát lại tất cả những cuốn phim đã chụp, dù sao thì tôi cũng đã thấy yên tâm về công việc. Tôi tin là nếu chiếc Pratica trung thành với tôi thì phen này tôi có thể đánh ngã bất kỳ một bức ảnh mô tả phong cảnh biển nên thơ nào từ trước. Tôi ngờ ý với Đầu muốn trở lại cái xưởng đóng thuyền nằm ngủ giữa trời với thằng bé một tối, trước khi trở về Hà Nội. Nhưng Đầu bảo tôi nán lại với anh thêm vài ba ngày.

Vào một buổi sáng có một chiếc mùng chở hai người đàn bà ghé vào trước bên toà án.

Tôi thầm cảm ơn Đầu đã giữ mình ở nán lại. Nếu thiếu nữ không đi theo mẹ đến toà án - người đàn bà mặt rỗ hai lần tôi giáp mặt trong bãi xe tăng hỏng - thì chắc chắn tôi không thể nhận ra đó chính là đứa con gái ướm sưng từ đầu đến chân, đã vật nhau với thằng Phác để tước lấy con dao găm.

Thiếu nữ mảnh dẻ trong tấm áo cánh màu tím nhạt. Lại một cặp mắt như cặp mắt của đứa trẻ lên năm mà tôi đã chọn để cầm vút một nắm phoi bào ra giữa ngọn sóng bạc đầu - một cặp mắt đen của chiếc thuyền mới đóng. Tuy chẳng hiểu chút gì về nghệ thuật điện ảnh, nhưng bất giác tôi cứ nghĩ giá sau này cần một vai như kiểu nàng tiên cá thì nhất thiết phải chọn người thiếu nữ này. Tôi tự hỏi chẳng lẽ cái nhan sắc đang độ trẻ con như đúc từ trời biển trong suốt, nên thơ này lại được tách ra từ da thịt của một người đàn bà hàng chài xấu xí và đau khổ?

Người đàn bà dẫn con gái hãy ở lại dưới thuyền rồi với dáng đi mệt mỏi, chậm chạp như một bà già, trèo lên những bậc đá xếp từ bờ phá lên một con đường nhựa đã long lở, hai bên đường phơi đầy lưới chài, của phố huyện vùng biển.

Người đàn bà vẫn mặc chiếc áo màu bạc phéch vì nước mặn, một miếng vá bằng vải xanh bằng bàn tay trên vai, những nốt rỗ trên mặt có vẻ thừa ra, đứng trong phòng làm việc của Đẩu, tôi nhận ra ngay mẹ. Hôm nay người đàn bà rời chiếc thuyền vỏ bè "đổ bộ" lên tận đây theo giấy triệu tập của toà án huyện.

Đây là lần thứ hai, người đàn bà được Đẩu mời đến về công việc gia đình.

Cũng không phải là lần đầu đến một nơi công sở nhưng người đàn bà vẫn có vẻ sợ sệt, lúng túng - cái vẻ lúng túng, sợ sệt mà ngay lúc mẹ đứng giữa bãi xe tăng cũng không hề thấy có.

Người đàn bà chỉ quen sống giữa mặt nước vừa đặt chân vào trong gian phòng đầy bàn ghế và giấy má liền tìm đến một góc tường để ngồi.

Ngồi sau một chiếc bàn lớn, Đẩu nhòm dậy chỉ chiếc ghế mây trước mặt, cố làm ra vẻ thân mật:

- Chị ngồi lên đây, sao lại thế, hãy ngồi lên chiếc ghế này...

Đẩu phải nói đến lượt thứ hai, mẹ mới dám rón rén đến ngồi ghé vào mép chiếc ghế và cố thu người lại.

Đẩu hỏi:

- Thế nào, chị đã nghĩ kỹ chưa?

Người đàn bà ngược lên nhìn Đẩu, rồi lại cúi mặt xuống.

- Thừa đã...

Đẩu gật đầu. Anh đứng dậy. Tự nhiên anh rời chiếc bàn đến đứng vịn vào lưng ghế người đàn bà ngồi, giọng trở nên đầy giận dữ, khác hẳn với giọng một vị chánh án:

- Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng. Cả nước không có một người chồng nào như hấn. Tôi chưa hỏi tội của hấn

mà tôi chỉ muốn bảo ngay với chị: chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu! Chị nghĩ thế nào?

Người đàn bà hướng về phía Đẩu, tự nhiên chấp tay lạy vái lia lịa:

- Con lạy quý toà...

- Sao, sao?

- Quý toà bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...

Lúc bấy giờ tôi đang ngồi giấu mặt sau bức màn vải hoa ngăn chỗ làm việc bên ngoài và phòng ngủ bên trong của Đẩu. Sau câu nói của người đàn bà, tôi cảm thấy gian phòng ngủ lồng lộng gió biển của Đẩu tự nhiên bị hút hết không khí, trở nên ngột ngạt quá. Tôi vén lá màn bước ra.

Người đàn bà nhận ra được tôi ngay. Mụ nhấp nhúm xoay mình trên chiếc ghế như bị kiến đốt, và về sau tôi mới sực nghĩ ra, mụ nghĩ rằng toà án đã bố trí sẵn tôi ngồi phía sau để chuẩn bị làm nhân chứng.

- Chị cứ ngồi nguyên đấy! - Đẩu nói và với về đầy hào hứng của một con người bảo vệ công lý vừa có thêm người đến tiếp viện, anh chạy sang phòng bên xách một chiếc ghế cho tôi. Bấy giờ dưới con mắt của người đàn bà hàng chài, vị chánh án không phải là Đẩu đã trở về ngồi sau chiếc bàn lớn mà là tôi, với mấy vết thương đã lên da non nhưng vẫn để dấu vết trên mặt.

- Tuỳ bà! - Đẩu thay đổi cách xưng hô, khoác lên mình cái cung cách bề ngoài của một vị chánh án - chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hoà thuận...

Đang ngồi cúi gục xuống, người đàn bà bỗng ngẩng lên nhìn thẳng vào chúng tôi, lần lượt từng người một, với một vẻ ban đầu hơi ngơ ngác.

- Chị cảm ơn các chú! - Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khẩn thiết - Đây là chị nói thành thực, chị cảm ơn các

chú. Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...

Chỉ mấy lời mào đầu ấy, người đàn bà đã mất hết cái vẻ ngoài khúm núm, sợ sệt. Điều bộ khác, ngôn ngữ khác.

Cũng phải nói thật, những lời ấy, nhất là đẩy lại là lời một người đàn bà khôn khéo, không phải dễ nghe đối với chúng tôi. Dầu mặt hãy còn trẻ, Dầu cũng là một chánh án huyện. Còn tôi, một người đáng lẽ mẹ phải biết ơn...

Nhưng người đàn bà để lộ ra cái vẻ sắc sảo chỉ đến thế, chỉ vừa đủ kích thích trí tò mò của chúng tôi. Mẹ đưa cặp mắt đầy vẻ mệt mỏi nhìn ra ngoài bờ phá bên kia con đường chính của phố huyện ở đây, thiếu nữ mặc áo tím vẫn ngồi đợi mẹ trên chiếc mủng.

Trong phút chốc, ngồi trước mặt chúng tôi lại vẫn là một người đàn bà lúng túng, đầy sợ sệt, nhưng có vẻ thông cảm với chúng tôi hơn. Mẹ bắt đầu kể:

- Từ nhỏ tuổi tôi đã là một đứa con gái xấu, lại rồ mặt, sau một bận lên đậu mùa. Hồi bấy giờ nhà tôi còn khá giả, nhà tôi trước ở trong cái phố này. Cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai một nhà hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bà⁽¹⁾ về đan lưới. Lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi.

Người đàn bà bồng chếp miệng, con mắt như đang nhìn suốt cả đời mình:

- Giá tôi đẻ ít đi, hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đói khổ chứ trước kia vào các vụ bắc⁽²⁾, ông trời làm động biển suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...

1. Sợi đan lưới.

2. Mùa động biển.

- Lão ta trước hồi bảy năm có đi lính nguy không? - Tôi bỗng hỏi một câu như lạc đề.

- Không chú à, cũng nghèo khổ, túng quẫn đi vì trốn lính - bỗng mù đồ mắt - nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền đẻ nhiều quá, mà thuyền lại chật.

- Vậy sao không lên bờ mà ở? Đẩu hỏi.

- Làm nhà trên đất ở một chỗ đâu có thể làm được cái nghề thuyền lưới vó? Từ ngày cách mạng về, cách mạng đã cấp đất cho nhưng chẳng ai ở, vì không bỏ nghề được!

- Ở trên thuyền có bao giờ lão ta đánh chệ không? - Tôi hỏi.

- Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu... Giá mà lão uống rượu... thì tôi còn đỡ khổ... Sau này con cái lớn lên, tôi mới xin được với lão... đưa tôi lên bờ mà đánh...

- Không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được! - Đẩu và tôi cùng một lúc thốt lên.

- Là bởi vì các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết như thế nào là nỗi vất vả của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông...

- Phải, phải, bây giờ tôi đã hiểu, - bất ngờ Đẩu trút một tiếng thở dài đầy chua chát - trên thuyền phải có một người đàn ông... dù hần man rợ, tàn bạo?

- Phải - Người đàn bà đáp - Cũng có khi biến động sóng gió chứ chú?

Lát lâu sau mù lại mới nói tiếp:

- Mong các chú cách mạng thông cảm cho, đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng dạy dỗ một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa. Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ

không thể sống cho mình như ở trên đất được! Mong các chú lượng tình cho cái sự lạc hậu. Các chú đừng bắt tôi bỏ nó? - lần đầu tiên trên khuôn mặt xấu xí của cụ chột ửng sáng lên như một nụ cười - vả lại, ở trên chiếc thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hoà thuận, vui vẻ.

- Cả đời chị có một lúc nào thật vui không? Đột nhiên tôi hỏi.

- Có chứ, chú! Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...

Viên chánh án huyện rời chiếc bàn xếp đến phát ngót lên những chồng hồ sơ, giấy má. Đẩu đi đi lại lại trong phòng, hai tay thọc sâu vào hai bên túi chiếc quần quân phục đã cũ. Một cái gì mới vừa vỡ ra trong đầu vị Bao công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ.

Người đàn bà đã khóc khi nghe tôi nhắc đến thằng Phác. Nhưng tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự thâm trầm trong việc hiểu thấu các lẽ đời hình như cụ chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra bên ngoài. Trong cái đám con cái đông đúc đang sống ở dưới thuyền, cụ không yêu một đứa nào bằng thằng Phác, cái thằng con từ tính khí đến mặt mũi giống như lột ra từ cái lão đàn ông đã từng hành hạ cụ, và không khéo sẽ còn hành hạ cụ cho đến khi chết - nếu không có cách mạng về.

Cụ cho chúng tôi biết, vì sợ thằng bé có thể làm điều gì dại dột đối với bố nó, cụ đã phải gửi nó lên rừng nhờ bố mình nuôi đã nửa năm nay. Ở với ông ngoại, thằng bé sướng hơn ở trên thuyền với bố mẹ. Nhưng hễ rời ra là nó trốn về. Thằng bé tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh.

Chiều hôm ấy trong khi Đẩu gặp lão đàn ông để giáo dục răn dạy lão thì tôi trở lại xưởng đóng thuyền. Vắng thằng Phác, dù sao cái bãi cát cũng như cả vùng phá nước trở nên trống trải thế nào ấy. Đêm. Những đàn chim di cư vẫn vỗ cánh trong

sương, bay qua vùng phá. Tôi khoác chiếc máy ảnh đi lang thang cho đến tận khuya, đã mỏi cả chân, tôi đến ngồi bên một ngọn lửa. Nhóm phoi bào bắt cháy mấy cái đầu mẩu gỗ cửa ra từ các lỗ ván của một chiếc thuyền mới vớt lên được, sau vụ đắm thuyền trong vụ bắc năm ngoái.

Gần sáng trời trở gió đột ngột, từng tầng mây đen xếp ngồn ngang trên mặt biển đen ngòm, và biển bắt đầu gào thét, sóng bạc đầu ngoài cửa lạch nổi cồn lên, cao như những ngọn núi tuyết trắng.

Trong phá, các thứ tàu thuyền đều tìm vào bờ để trú, duy ở giữ phá chẳng hiểu vì sao vẫn còn thấy một chiếc thuyền vô bè đang đậu.

Gió rú ào ào chung quanh chiếc xe Reo vừa mới ở trên rừng xuống, chưa gỡ gỗ xuống hết. Cái ông lão đã ngoài sáu mươi mà vẫn còn theo đuổi nghề sơn tràng đang ngồi bên bếp lửa giữa trời, vẫn đặt hai con mắt đầy vẻ lo lắng ra ngoài mặt phá, nơi có chiếc thuyền.

Cái bếp lửa cũng bị gió ném tung ra khắp bãi cát, những tàn lửa đỏ rực bay quần lên chung quanh chỗ tôi và ông lão ngồi. Tôi xem lại xoong com đã sổng nhấn hộ ông lão đoạn gào lên:

- Chiều gió này không khéo bão cấp 11 rồi?

- Ừ... ừ! - Ông lão lăm bắm, vẫn không rời mắt khỏi chiếc thuyền đang chống chọi với sóng gió giữa phá.

*

* *

Những tấm ảnh tôi mang về, đã được chọn lấy một tấm. Trường phòng rất bằng lòng về tôi.

Không những trong bộ lịch năm ấy mà mãi mãi về sau, tấm ảnh chụp của tôi vẫn còn được treo ở nhiều nơi, nhất là trong các

gia đình sành nghệ thuật. Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kỹ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh, đó là một người đàn bà vùng biển cao lớn với những đường nét thô kệch, tấm lưng áo bạc phéch có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng, khuôn mặt rỗ đã nhợt trắng vì kéo lưới suốt đêm. Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân dậm trên mặt đất chắc chắn, hoà lẫn trong đám đông...

8-1983

MỘT LẦN ĐỐI CHỨNG

Với những mẩu chuyện loài vật cón con vui vui này, một đôi lần suýt nữa tôi đã làm một công việc sai lầm là đem viết thành sách Kim Đồng cho trẻ em đọc. Nhưng may thay, mỗi lần chỉ lần la mới nghĩ như thế, tôi lại bỗng thấy như hiện ra trước mắt tôi cặp mắt màu đồng thau của cái con vật ấy. Nó kia! Con vật đang đứng ngay trước một trang bản thảo cũ của tôi và cũng đang ngoái cổ lại nhìn tôi, trước một khuôn cửa sổ nhìn ra vườn bắp cải.

Gì thì gì, dù chẳng có chút tài cán nào tôi cũng là một người đã từng cầm bút, tôi đã từng nhìn, hoặc nói nghe chữ của nghề nghiệp, tôi đã từng "quan sát" nhiều cặp mắt người đời - những cánh cửa mở về phía tâm hồn của các nhân vật, vậy mà cho đến tận bây giờ, tuy đã suy nghĩ và nhớ lại rất nhiều lần, tôi vẫn không tài nào hiểu hết được cặp mắt loài vật ấy đang muốn nói với tôi điều gì? Trách móc, dè bĩu ư? Doạ dẫm suốt đời sẽ theo đuổi tôi ư? Không, không thể nào hiểu thấu hết tất cả mức độ sâu xa của một cái nhìn như vậy, có lẽ có đủ chừng ấy điều hấn muốn nói với tôi một lúc.

Trang bản thảo của tôi viết bằng bút sắt học trò trên một thứ giấy bồi màu xam xám ấy đã được những người thợ nhà in đem sắp thành hàng trăm trang truyện đời và đã ra mắt bạn đọc từ rất lâu rồi, và vốn tôi không hề bao giờ có thói quen giữ bản thảo cũ, nhưng chỉ cái lần ấy, duy nhất cái trang chữ đầy dấu

dập xoá mà con vật đã giậm lên, đến tận bây giờ, tôi vẫn giữ lại, tôi đã giữ một cách cẩn thận mà cũng chẳng biết để làm gì cả. Ừ nhỉ, tôi giữ để làm gì, mấy cái nốt chân dính đầy bùn cống rãnh tanh rềnh như nhóp in nhoe nhoét trên mặt những con chữ, khiến cho sau đó tôi phải vừa giận dữ vừa bực dọc cầm một mảnh giẻ lau đi rồi vứt mảnh giẻ dơ bẩn ra ngoài cửa sổ, rồi sau đó mới có thể ngồi dò dẫm đọc lại được từng chữ một mà mình đã viết ra.

Cái kẻ đã dám hỗn xược chế nhạo tôi, cố ý làm vậy hẳn y như cố tình muốn xoá bỏ dấu vết những suy nghĩ vừa trịnh trọng vừa đầy công phu của tôi (mà có lẽ hẳn coi như những điều nhảm nhí, hết sức nhảm nhí) chính là một con mèo, một con mèo hoang. Có lẽ tôi cũng cần vẽ phác qua đôi nét lý lịch đời riêng và mặt mũi con vật đó để các bạn rõ: Thuở ban đầu chắc chắn nó cũng là một con vật nuôi trong nhà, một con mèo ngoan ngoãn, đáng yêu, và không khéo cũng được cưng chiều của một gia đình nào đó, nhưng về sau nó ốm quá, nó bị bệnh xoắn trùng đường ruột, tôi biết rõ như thế, lại còn ghê lở hôi hám, cho nên người ta không thể nuôi nữa, sau khi đã hết đường chạy chữa. Thế là một hôm nó bỏ nhà ra đi. Nó trở thành một thứ của vô thừa nhận. Nó phải sống lang thang. Nó trở thành một gã mèo ốm o không nơi cư ngụ. Rồi nó trở thành mèo hoang. Nó trở thành mèo hoang từ lúc nào mà chính nó cũng không biết. Giá có sức, không ốm đau nó có thể trở thành một tay đại bộm trong khu tập thể chưa biết chừng. Nó sẽ lác lác nhờ lúc người ta sơ hở lén vào từng nhà mà lục nôi lục chạn. Hay là đánh một trận đột kích giữa ban ngày ban mặt trước một người đàn bà đang rửa cá hay thái thịt. Đàng này, cứ ốm nhom, lông trụi thui lũi, râu cũng trụi thui lũi, một mớ da đen sì tanh rềnh bọc lấy một mớ đốt xương sùng vù lên. Nó ốm quá, đến mức đã mất hết tính cách mèo rồi. Thật là nhục nhã, một cái bậu cửa bằng nửa thân cây bương đặt trệt xuống, một đứa trẻ lấm chắm biết đi cũng co chân bước qua được, vậy

mà một anh mèo phải chúc đầu xuống mới đặt được hai chân trước lên, rồi uốn vòng tám lưng như một nhà lục sĩ đang cử tạ, những đốt xương lưng cũng chuyển động kêu răng rắc, có lẽ mất đến hai ba phút con mèo mới hí hóp leo qua nổi cái bậu cửa.

Cái hôm con vật xuất hiện trước cửa sổ nơi cái "tháp ngà" của tôi nhìn ra vườn bắp cải, tôi cứ ngỡ cả người không hiểu được bằng cách nào con mèo khôn khổ khôn nạn kia lại có thể leo lên chiếc giường cá nhân tôi vẫn thường nằm và đồng thời dùng làm chỗ ngồi làm việc. Chiếc bàn viết kê áp ngay bên giường nằm trên đó bày lộn xộn những trang tôi vừa viết xong. Chao ôi, cứ nhìn cũng phát khiếp, khắp mình nó tám đầy bùn loãng, chết thối, chắc ban nãy lũ trẻ con vừa reo hò vừa vít đường tìm cách hất nó xuống rãnh, cái rãnh nước bắn nổi tiếng mà những người đàn bà thường múc để tưới rau. Lúc ấy, tôi vừa mới tiễn một người bạn ra cửa. Tôi quay trở vào, thấy vật gì đen sì vừa hiện ra trên mặt bàn viết, và phải mất một lúc, tôi mới nhận ra nó, vị khách dơ dáy. Con mèo hoang bỗng quay mặt về phía sau nhìn tôi rất lâu bằng cái cặp mắt như tôi vừa tả, đoạn nó từ từ quay đi, cái cổ vươn dài ra và thông xuống phía ngoài khuôn cửa sổ. Nó lết bốn chân trên những trang giấy của tôi một lần cuối cùng với một vẻ miệt thị, tám thân cử động khật khà khật khuờng, những đốt xương hai bên vai nhô lên như một thằng nghiện. Tôi đứng nhìn cái bộ xương đen sì như sắp long ra đang trượt dần xuống phía bên ngoài tấm liếp, tự nhiên tôi có cảm tưởng y như linh hồn nó đã lìa thoát khỏi xác, nhưng vẫn còn cứ nắn nã quyến luyến không thể nào dứt đi được.

Thế rồi mùa xuân đến. Giữa mùa xuân vạn vật đều hồi sinh. Một hôm tất cả mọi người trong khu tập thể nhà lá và nhà giấy dầu của chúng tôi đều lấy làm vô cùng ngạc nhiên, bởi chẳng hiểu sao mà con vật sắp chết ấy lại có thể vò được một con chuột. Rồi đêm đêm mọi người nghe tiếng con mèo hoang gào trên mái nhà đến rất cả tai. Nó vò lấy những con mèo cái như vò lấy

những con mèo to lớn. Thật kinh tởm! Rồi một hôm chẳng thấy nó đâu nữa. Người ta nghĩ nó chết. Ai nấy đều lấy làm nhẹ cả người. Cái ngữ ấy chết đi là hơn. Sống cũng khổ nó. Mà lại còn làm khổ mọi người. Người ta cũng có ý nhìn xuống các cống rãnh, không thấy xác nó. Nhưng có ai hoài công mà quan tâm nhiều đến nó, một con mèo vô thừa nhận, con vật dơ dáy nhất của khu tập thể. Có thể nó đã chán với những dây nhà. Có lẽ nó đã bỏ loài người, bỏ khu gia đình tập thể của chúng tôi để đi tìm giang sơn mới trong các bụi rậm ngoài cánh đồng và trở thành một con cáo rồi cũng nên?

Trong vài ba năm, gia đình tôi dọn nhà lần ấy là lần thứ tư hay thứ năm tôi cũng không nhớ rõ. Lần này vợ chồng con cái dọn nhà trong cảnh tung bưng lăm. Những bận trước mỗi lần dọn nhà là một lần chôn ả ở càng chặt chội, riêng lần này, gia đình chúng tôi được dọn tới một gian nhà gạch ở chính giữa thành phố, do cơ quan của tôi mới phân cho.

Chúng tôi dọn nhà bằng một chuyến ô tô tải. Dọn đến ngày hôm trước, bày biện thu xếp xong, hôm sau mới sực nhớ ra vẫn còn để quên lại chỗ cũ con mèo rất quý của gia đình tôi. Con mèo nhà tôi, thật trái ngược, mới đẹp làm sao: đó là một con mèo trắng đốm vàng mà cách đây mấy tháng, một anh bạn biên tập viên của nhà xuất bản tôi vẫn hay in sách đem cho. Mắt nó đen láy đôi lúc như có ánh xanh, khuôn mặt ngây thơ và nghiêm trang như một cô gái nhà lành vừa nhón lên.

Nhà chị hàng xóm ở liền vách với gian nhà cũ của tôi, cô Khánh, bằng một giọng ân hận, nói với hai bố con chúng tôi đang trở về đón con mèo về nhà mới:

- Chiều hôm qua em còn cho nó ăn. Ăn xong rồi lại nhảy lên giường dõn với cái búp len mãi. Thế mà từ chập tối trở đi không tìm thấy đâu nữa cả! Đứa con gái nhỏ của tôi vừa nghe đến đây đã chực khóc òa lên:

- Meo! M...e...o!

Mặc một chiếc áo bông hoa của chị nó rộng thùng thình, con bé vừa đi chung quanh ngôi nhà lợp giấy dầu vừa gọi bằng cái giọng vô cùng tha thiết của nó, như đang gọi một đứa em.

Tôi cũng không đo lường được ở trong tôi tình yêu loài vật đến mức ngần nào, nhưng rõ ràng cái tiếng gọi của đứa con gái nhỏ đã đánh thức dậy nơi tôi một cái gì đó giống như niềm rung động thật xa xăm có lẽ từ thuở ấu thơ của loài người.

Mãi cho đến tận chiều, sau khi đã đi hỏi hết các nhà trong khu tập thể và ở lại ăn một bữa cơm trưa ở nhà cô Khánh, hai bố con mới tìm thấy con mèo. Quý tha ma bất mất hồn nó đi rồi hay sao ấy! Tít ngoài cánh đồng giáp với thôn bên cạnh có một khu gò đất đầy mồi mả trẻ con ngoài làng cũng như trong khu nhà tập thể không bao giờ dám bén mảng đến, hai bố con chúng tôi đã tìm thấy con mèo - "cô gái nhà lành" - đang ngồi bên chân một ngôi mộ xây và ngược cặp mắt đen láy ngây thơ nhìn về phía chân trời xa, phía đó lại là một dải đất hoang vu khác, một khu rừng nhỏ thực sự toàn cây mỡ và sến, tấu.

Con mèo thoát trông thấy tôi liền nhồm dậy xù lông ra chực tự vệ, nhưng con bé của tôi vừa cất tiếng gọi thì đã chạy lại "Trời ơi! Lan, hãy vớt nó xuống đi!" Mặc cho tôi bảo, con bé vẫn ôm chặt lấy con mèo vào lòng, không hề để ý hai vạt trước tấm áo bông hoa đã lấm đầy những vết bùn bẩn do bốn cẳng chân của con vật cọ vào. Không những chân cẳng mà khắp mình mẩy con vật lấm như chôn như vùi nhưng con bé vẫn cứ ôm riết lấy trong đôi cánh tay, lại còn đưa hai bàn tay rất sạch sẽ vuốt ve khắp mình mẩy nó:

- Meo! M...e...o!

- N...g...h...e...o!

Trong tiếng "ngheo" đáp lại đầy nũng nịu và ngoan ngoan ấy, dường như tôi đã nghe được nó đang nói với đứa con gái của

tôi rằng: "Em rất yêu chị, em vâng lời chị nhưng em còn đồng loại của em, lại còn niềm đam mê của em, sự tự do của em!"

Tôi rùng mình lo ngại nhìn vào đôi tròng mắt đen lầy ngầy thơ của nó, rồi đưa mắt nhìn về khoảng rừng xa chỉ thấy một làn sương chiều quán quýt lấy những ngọn cây và một bầy cò trắng tự nhiên bay tủa lên trời trong tiếng kêu nháo nhác. Bằng tất cả linh cảm, tôi chợt tin chắc rằng con mèo ốm o dơ dáy trong khu tập thể vừa rồi vẫn chưa chết, cái giống ấy vẫn không chết, chính nó, cái tên đại bọm đang sống ngoài vòng cương toả đã đồ dành, quyến rũ con mèo con của tôi, "cô gái nhà lành" của tôi.

- Hư?

- N...g...h...e...o!

- Còn nghèo với đói! Hư!

Suốt dọc đường từ ngoài cánh đồng trở về, cô bé và con mèo chỉ đối thoại bằng mấy tiếng đơn giản nhưng chứa chan tình âu yếm giữa người và con vật bé bỏng. Thế rồi trong cái đà suy nghĩ, tưởng tượng có phần nào đông dài của một người cầm bút, tôi đâm ra thông cảm với con vật. Chắc là lúc này nó đang khổ tâm lắm lắm đây, tôi đưa mắt nhìn ra chung quanh, tưởng như đâu đó lúc nào cũng có cặp mắt của gã mèo hoang đang đau đáu rọi nhìn theo. Mà xin thôi đi! - Nghĩ đi rồi nghĩ lại tôi tự mắng mình - Chẳng lẽ cái truyền thuyết tình yêu đam mê đầy đau khổ và tội lỗi anh đã góp nhặt trong óc qua những câu chuyện cổ từ bao đời nay bây giờ anh lại đem gán cho loài vật ư? Chẳng có gì hết ráo, con mèo hoang đã chết vì bệnh xoắn trùng đường ruột từ đời tám hoánh nào rồi, con mèo con của nhà anh vừa qua chỉ là do mãi rong chơi trong lúc vắng chủ nên đã đi lạc đó mà thôi!

Giữa lúc tôi đang thấy hoàn toàn thoải mái bởi những ý nghĩ thật là sáng rõ, hợp lý thì con bé Lan lẽo đẽo đi sau tôi bỗng kêu thét lên một tiếng rồi khóc oà lên: Con mèo đã chuồi mình ra khỏi cánh tay nó, quăng mình xuống đất vụt chạy. Nó lại chạy

về hướng cái gò đất. Nó chạy bằng những bước chân lú rú như một đứa trẻ trên lối cỏ bờ ruộng, vừa chạy vừa ngoái nhìn lại.

- Meo!

Tôi bắt chước con gái cất tiếng gọi thật âu yếm. Con vật ngồi lại nhưng hai bố con chúng tôi vừa dời bước đi về phía nó thì nó đã lại quay đầu chạy. Sau hai ba lần như thế, con mèo chạy được đến gần cái gò đất, và, trong bóng hoàng hôn xám nhờ bắt đầu bao trùm lên cánh đồng, một bóng đen tự nhiên vọt ra khỏi ngôi mộ xây; không thể nhầm được, đó chính là tên đại bọm, chính là con mèo hoang của khu tập thể chúng tôi ngày nào, một con mèo đen rất to lớn và mềm mại như một gã thích khách nhảy vọt ra, xăm xăm chạy xuống gò đón con mèo của chúng tôi.

Chỉ trong nháy mắt, cả hai đã biến mất.

Đứa con gái gục hẳn đầu vào vai tôi. Nó khóc. Nó khóc thật thảm thiết. Tôi phủi những vết bùn trên vạt áo bông hoa của nó, lại chợt nghĩ đến những vết bùn dơ dáy trên trang bản thảo của mình...

"Ta về thôi con, rồi bố sẽ kiếm cho con một con mèo khác đẹp hơn, ngoan hơn!". Tôi ra sức dỗ dành nhưng đứa trẻ vẫn khóc tằm tức trên vai tôi. Tôi hiểu, cái mà nó vừa đánh mất đi đó chắc chắn còn to lớn hơn một con mèo, và có lẽ cả tôi cũng vậy, tôi dõi mắt nhìn khắp bốn phía và chưa bao giờ tôi thấy phong cảnh cánh đồng quen thuộc ấy trở nên hoang dã đến như thế, hoang dã đến mức trở thành xa lạ, và cả mặt đất mà chúng ta đang sinh sống trong phút chốc như vừa đi ngược trở về một thời kỳ hồng hoang chưa hề có dấu vết con người - ngay cả loài vật cũng đều là dã thú.

*

* *

Cũng lại là một điều chẳng ngờ. Một ngày sau, cô Khánh đã tìm thấy con mèo con, tự tay mang lên phố cho gia đình chúng tôi.

Theo như lời cô hàng xóm cũ tường thuật lại - vào một buổi trưa, giữa lúc cô đang ngồi cho con bú thì thấy con mèo trắng bé nhỏ của chúng tôi chột xuất hiện trước nhà với một dáng vẻ e dè, khiêm tốn hết sức đặc biệt. Nó ngồi chụm bốn chân trên thềm hè bên cạnh cái đồng củi giữa gian nhà cũ của tôi và gian nhà cô, đang ngược cặp mắt đen láy nhìn cô, rồi khi thấy cô ngẩng lên nhìn nó thì nó vội vã ngoẹo đầu về một bên, kêu lên một tiếng đầy nũng nịu:

- Ngheo!

- Mày là hư lắm đấy nhé! - Cô liền ẵm con xuống giường, vội chạy đi lấy com với cá kho đem vào đĩa đặt trước mặt nó, vừa mắng mỏ, chì chiết - con gái mới nứt mắt ra mà đã dám bỏ nhà đi rong rài rồi! Lại còn nghèo với nghèo, ăn đi, ăn đi, trông kia, mày cứ ngấm thân xác của mày bây giờ xem, làm thân con gái mới nhớn lên mà sớm đăm mê chơi bởi là chỉ có mà hư thôi con ạ!

Chẳng biết bài học luân lý của cô hàng xóm (một người đàn bà ngoài ba mươi mới lấy chồng), đã lọt vào tai nó đến mức nào, nhưng trở về sống trong gia đình tôi, nó lại như xưa, một "cô gái nhà lành" thật là nhu mì, đoan trang, ít có con mèo cái nào bì kịp.

Tôi đã tắm rửa cho nó bằng nước xà phòng thơm pha nước nóng hơi ấm ấm, tôi tắm cho nó năm lần bảy lượt với tâm lý hy vọng rằng tắm tấp nhiều thì không những thân xác mà cả tâm hồn nó cũng được rửa sạch. Con bé nhà tôi sau mấy ngày ghét bỏ, xa lánh - "con ghét nó lắm!" luôn miệng nó nói thế - nhưng rồi cuối cùng, với bản tính một đứa trẻ rất yêu loài vật, nó đã không thể cứ ghét giận mãi được, liền tha thứ hết mọi tội lỗi cho con mèo. Thế rồi mối tình thân quần quýt giữa đứa trẻ trong nhà và con vật nuôi lại được nối lại.

Con vật cũng đền đáp lại tấm lòng của cô bé chủ nó một cách

xứng đáng, sau những lỗi lầm quá khứ. Trong tất cả những người trong nhà tôi, có lẽ chỉ riêng đối với cái con bé Lan, con mèo đã tỏ ra có một mối tình thân đặc biệt như người, mỗi buổi trưa cứ đến lúc bọn trẻ sắp tan lớp, con mèo lại chạy ra đường với cái dáng lon ton đầy cởi mở và hầu như hôm nào cũng vậy, nó chỉ đùa giỡn bằng mắt với những đám mây bay nhợt nhạt trên trời một lúc là đã thấy từ xa con bé nhà tôi cùng những đứa bạn học lớp một của nó đang chạy ủa lại như một bầy chim sẻ.

Mùa đông năm ấy, những cơn gió rét thổi lùa vào khuôn cửa sổ khiến tôi sực nghĩ đến những rêu đồng ngoài thành phố lúc này chỉ còn trog gốc rạ, những cơn gió rét tê tê trên làn da làm dậy lên trong lòng người ta nỗi hoài nhớ về những đám khói của trẻ mục đồng lúc vừa gặt hái xong, và chân trời ngoài những cánh đồng trở nên rộng thênh thang...

Suốt mùa đông, tôi "bắt vít" vào cái bàn viết và những tờ giấy chỉ chút những con chữ đặt chồng lên nhau cao đã nửa gang tay biến thành một cái nệm nằm rất êm ấm của ả mèo xinh đẹp. Tôi ngồi viết dưới cái tán đèn khuya trong tiếng thở phất ra thành âm thanh như tiếng chim cu gù của con mèo nằm khoanh mình trên chồng bản thảo, viết xong một trang, đáng lý phải đánh thức nó dậy để luồn xuống dưới mình nó một tấm vải lót giường mới thì tôi bỗng đặt bút xuống, châm một điếu thuốc và khoanh tay lên ngực. Tôi nhìn con mèo ngủ. Tôi quan sát nó. Cái nhìn của tôi như một bàn tay sờ rầm phút chốc moi được ra từ trong lục phủ ngũ tạng của nó một chút dấu vết của sự hoang dã.

Thế rồi trong một đêm đông sáng trắng, cái vầng trăng khuyết rồi lại đầy mà tất cả mọi người sống trong thành phố đã bỏ quên giữa bầu trời từ bao đời nay bỗng trở nên sáng tỏ vắng vạc, làm lu mờ hết mọi thứ ánh sáng của con người văn minh. Trong một đêm mùa đông như thế, tôi buông bút khoắc áo ấm đi ra ngoài. Quả đúng như điều tôi đã cảm nhận thấy từ trong phòng, trăng sáng quá, thứ ánh sáng vừa băng quơ, lạnh lẽo vừa

lai láng, tràn đầy đến mức làm náo cả lòng người ấy chỉ có thể thấy trong những đêm sáng trăng suông ngoài đồng nội hoặc xa hơn, thế giới của những cánh rừng. Tôi quay trở vào phòng thấy trên chông bản thảo của mình, con mèo đã biến mất. Có lẽ cũng như tôi nó đã đi ra ngoài, giữa giấc ngủ trên giường êm ấm, con vật đã bị cái chút dấu vết còn lại của sự hoang dã đánh thức dậy. Hẳn là vào giữa lúc này, nó đang lang thang trên các mái nhà, như một khách lữ hành trọn đời đi tìm lại chính mình.

Những ngày sau đó tôi ra sức cố xoá đi cho bằng hết các chút dấu vết còn lại cuối cùng của sự hoang dã ẩn náu ở một góc rất sâu kín nào đó trong linh hồn con vật nuôi trong nhà. Tôi ra sức chiều chuộng, vỗ về nó, trợ lực cùng đưa con gái. Tôi cho nó ăn ngon hơn. Thậm chí một lần tôi cùng đưa con gái đi dự một đám cưới, con bé Lan đòi cho con mèo đi theo, tôi cũng ưng thuận. Có ai chiều một con mèo đến mức như thế?

Chính vào buổi tối cùng chúng tôi đi ăn cưới về, - thực ra nó đã bỏ chạy tề về nhà ngay sau khi nghe trảng pháo nổ - con vật đã chứng thực cho tôi thấy rõ ràng cái cuộc chia tay cuối cùng giữa tôi và nó đã bắt đầu. Cũng phải nói rõ để các bạn biết thêm, dạo đó đang giữa tuần trăng tháng chạp ta, mùa xuân đang trở về, trèo lên tầng gác của nhà một người bạn, tôi thường dõi mắt nhìn qua tầng tầng mái nhà sạm đen, cảm thấy hơi xuân nồng nàn đang bốc lên phía sau một vùng sương mờ ảo trộn lẫn với khói pháo, cuộc sống thành phố về ban đêm, nhất là vào những đêm thứ bảy hoặc chủ nhật, mọi sinh hoạt như thu về trong cái tâm trạng rạo rực của tình yêu lứa đôi.

Đêm ấy ở chỗ đám cưới về, hai cha con chúng tôi bước vào nhà vừa bật đèn lên, mừng rỡ thấy con mèo đã nằm khoanh tròn trên cái đồng bản thảo trên bàn viết của tôi. Tôi thức ngồi viết đến gần nửa đêm, chợt cảm thấy hồ như có cái gì không yên trong lòng một chút nào. Lúc đầu đập vào tai tôi chỉ có tiếng thở trong giấc ngủ rất say của con mèo trước mặt cùng với tiếng nói

qua loa phóng thanh nghe rất rành rọt của chị phát thanh viên ngoài ga báo tin đoàn tàu sắp sửa khởi hành. Rồi tôi nghe tiếng gió thổi ào ào trên mái nhà và hình như trong tiếng gió khuya cứ xoáy lên có lẫn tiếng gào như xé tai của con mèo hoang ngày nào ở chỗ cũ nghe xa vời vợi. Đoàn tàu đã khởi hành. Nửa đêm rồi. Tôi hầu như không thể nào chịu đựng được cái tiếng kêu của con mèo hoang mà tôi cũng không biết là có thật hay chỉ là do mình tưởng tượng ra. Tôi buông bút lo lắng nhìn con vật đang nằm ngủ trước mặt. Nó vẫn ngủ say một cách bình yên, hơi thở đều. Tôi cố ý không động chạm mạnh để nó khỏi thức giấc. Tôi châm một điếu thuốc, lại cầm cây bút và tự cười mình. Thì hoá ra cái tiếng kêu của con mèo hoang chỉ là do tôi tưởng tượng ra!

Nhưng tôi viết chưa được nửa trang và cũng chưa kịp tàn điếu thuốc, con vật đã cựa mình. Rồi nó mở hé cặp mắt đen láy ra nhìn tôi. Không, cũng chẳng phải nó nhìn tôi. Nó nhìn đi đâu đó, đôi tai trắng toát xinh xắn bỗng dỏng cao lên. Rất nhanh lẹ, nó đứng dậy. Tôi vội và giơ tay chụp lấy nó, kéo vào trong lòng. Tôi vuốt ve nó, truyền hết sự âu yếm lên đầu những ngón tay nhưng vô ích, con vật đã chuôi mình ra khỏi lòng tôi. Phía trên khoảng đầu múi tường giáp với trần nhà có một cái lỗ hình vuông dùng để thông gió, con vật nhảy lên cửa sổ rồi chui mình qua cái lỗ ra ngoài đốc tường.

Về sau này mỗi lúc nhớ lại cái đêm nồng đượm hơi xuân ấy, tôi vẫn một mực không tin rằng cả tôi và con mèo, khi cả hai chúng tôi còn ở trong phòng, thực đã nghe tiếng con mèo hoang. Vậy thì cái gì đã đánh thức con mèo của tôi dậy? Ánh trăng khuya rất sáng bên ngoài như mọi đêm trước, hoặc là như người ta vẫn tin, tình yêu cũng có mùi hương? Tôi thì tôi tin vào trực giác nhạy bén như loài vật của mình và không có lý gì con mèo của tôi lại không có thứ trực giác ấy, ngay cả giữa khi nó đang ngủ? Lại còn một điều này: Suốt cả mùa đông ấy, mỗi khi vừa viết xong một trang, tôi lại hình dung thấy như chính cái con

mèo ốm o, dơ dáy, bị lũ trẻ con xua đuổi, đang lết những cặp chân vương đầy bùn cồng rãnh trên những dòng chữ vừa mới được viết ra của mình. Tôi biết tôi chỉ thoát ra khỏi cái nỗi ám ảnh khó chịu ấy khi mà trong đời tôi phải có một lần cầm bút viết một chút gì đó về nó.

Tôi cũng biết rằng trong thực tế mình chỉ có thể cắt đứt được tất cả sự liên hệ với nó, khi mà ở ngay bên cạnh tôi không còn ả mèo cái xinh đẹp và sớm đêm mê, con vật nuôi đang được cả nhà hết sức cưng chiều. Nhưng gia đình tôi vẫn nuôi nó, vẫn âu yếm, rồi đoạn sau các bạn sẽ thấy, cũng như xưa nay con người ta vẫn thấy "nuôi ong tay áo" vẫn thường nuôi nấng và âu yếm những mầm mống, duyên cớ của tai hoạ.

Cũng trong tuần trăng tháng chạp năm đó, càng vào giữa tháng thời tiết càng trở lạnh, đã hai ba đêm liền tôi không còn trông thấy con mèo trước mặt mình trên chõng bán thảo mỗi khi ngồi viết. Bỗng một đêm đó đang ngồi làm việc, tôi chợt nghe những viên ngói bị xô mạnh trên mái nhà. Tôi liền chạy ra. Một mảnh trăng tròn vành vạnh như một chiếc đĩa lớn, rất sáng, gác ngay trên mái, và trong cái khoảng sáng lấp lánh của mảnh trăng rằm, một cặp mèo đang đùa giỡn. Vâng đúng là con mèo của nhà tôi đang nô đùa với một con mèo đen tuyền lớn gấp rưỡi nó. Thôi, thế là chẳng còn phải nghi hoặc gì nữa: "chàng hiệp sĩ" cách đây mấy tháng ngoài cánh đồng, tôi mới nhìn thấy thoáng qua trong ánh hoàng hôn lúc này đang cùng với con mèo của gia đình tôi đóng vai trò giống như một cặp Rô-mê-ô và Ju-li-ét. Tôi vội nấp vào trong một góc khuất mà bóng trăng không rọi tới, lên nhìn cái cảnh tình tự chưa bao giờ thấy thanh cao đến như thế của loài vật. Chàng khoác một tấm áo choàng màu đen làm tôn thêm vẻ đẹp khoẻ mạnh cường tráng, chắc là vào những lúc khác, dáng dấp của chàng hiệp sĩ áo đen ấy sẽ đường bệ và cứng cỏi, nhưng lúc này bên người tình và dưới bóng trăng, người ta chỉ thấy ở chàng toát ra một vẻ mềm mại và bao dung, hai con

mắt chàng xanh rờn nhìn thẳng vào khoảng không gian mông lung tràn ngập ánh trắng. Chàng ngồi im phăng phắc chỉ có chiếc đuôi khê động dẫy như là vô tình, để cho nàng rôi rít nhảy qua nhảy lại đùa rờn với các khúc đuôi trai lơ của chàng. Rồi trong bộ xiêm y trắng toát, nàng bỗng tung mình vọt lên cao. Không để mình kịp rơi xuống, nàng chụm bốn chân lại quắp lấy cái khúc đuôi ve vẩy của chàng. Lập tức chàng cũng tung mình nhảy chồm dậy. Chàng thốt kêu lên một tiếng "ngheo" đầy man rợ và kích động. Chàng nhe răng vờ cắn vào cổ nàng nhưng lại nhả ra ngay. Điều vũ khúc tình yêu dưới trăng trên mái ngói giữa chàng và nàng cứ kéo dài mãi như thế, như một thứ ngôn ngữ tuyệt vời của tình yêu không bao giờ có thể thổ lộ cạn lời, và lồng lộng vằng vặc giữa trời một mảnh trăng rằm thật lạnh lẽo và sáng trong, đang ngó nhìn xuống.

*

* *

Mùa thu năm sau, con mèo nhà tôi sinh lứa đầu tiên. Không phải chỉ mình con bé Lan mà tất cả những đứa con nhà chúng tôi cứ mê mẩn đi với bốn con mèo nhỏ chưa mở mắt. Con vật trong nhà sinh, có người cho là điềm dữ, người cho là điềm lành, nhưng tôi không mấy quan tâm và chỉ thấy con mèo nhà tôi đã ra dáng một người đàn bà, một người mẹ.

Mùa thu đến với những làn nắng ấm trải xuống mái ngói. Có những buổi trưa sau khi cho con bú xong, con vật cong lưng, vươn cẳng đứng dậy, ở dưới bụng vẫn còn đeo một vài con mèo con phàm ăn không chịu rời miệng khỏi vú mẹ. Con vật chui ra khỏi bàn viết của tôi, người gầy rạc đi. Vòm bụng thông xuống hơi đung đưa, nó lững thững, nhàn nhã đi qua trước mặt tôi, bước qua mấy bước rồi mới quay lại nhìn tôi, kêu lên một tiếng

"ngheo" vẫn bằng cái giọng đầy ngây thơ và nũng nịu ngày trước. Rồi vẫn bằng chiếc lỗ hình vuông trên đầu mút tường, con vật nhẹ nhàng chườn mình ra ngoài. Những làn gió nhẹ thoảng của đầu mùa thu như hơi thở của trời đất thổi qua cái mái ngói cũ kỹ. Con mèo nằm sưởi nắng trên đó, cặp mắt đen lim dim, mọi đường gân thớ thịt chùng xuống, mình dẹt lại, những chiếc núm vú trắng nhợt phơi ra trước thanh thiên bạch nhật. Một sự nghỉ ngơi trọn vẹn.

Vào giữa lúc ngủ say nồng nhất, con mèo cái vừa qua kỳ sinh nở bỗng nằm mê thấy nỗi đam mê của chính mình. Cái giấc mơ cứ lẩn thẩn hình dung ra và gán ghép cho con vật chẳng phải cái gì khác mà chính là những bản khoản khôn cùng về chiều sâu thăm thẳm của tâm hồn muôn loài không bao giờ cất nghĩa hết. A, suýt nữa tôi quên không kể để các bạn đọc hay rằng đây nhà tôi trước đây mấy tháng vừa trải qua một vụ hoả hoạn. May có xe cứu hoả thành phố đến kịp, dùng vòi rồng phun nước dập tắt những ngọn lửa từ trong các gian nhà bốc lên phía trên mái ngói hàng thước. Cho đến bây giờ, trần vôi của gian nhà nào vẫn còn ám khói đen cả. Kề gây ra vụ hoả hoạn, cái tai hoạ suýt làm cho mọi gia đình trở nên trắng tay, vẫn là cái tình yêu thơ mộng và say đắm của chàng Rô-mê-ô và nàng Ju-li-ét. Các bạn không thể nào hình dung nổi những ngày sau đó, sau cái tuần trăng ấy, tình yêu thơ mộng đã đổi thành tình yêu sấm sét. Cặp trai gái quần quýt nhau suốt đêm ngày. Chẳng biết lúc này sau khi cho con bú và nhảy lên mái ngói nhà nằm sưởi nắng, con mèo trắng của gia đình tôi đang giấu ở đâu con người tội lỗi, - cái tình yêu quá đồi đam mê của nó - những khi mà nó lang thang trên các mái nhà như một kẻ mất hồn, vừa gào lên những tiếng kêu gào đục đầy đau khổ, rồi cho đến một hôm, con mèo hoang - cái tên đại bợm - không biết từ nơi rừng sâu hay đồng hoang nào đẩy lại trở về với người tình đang héo hon giữa chốn phố phường. Chàng và nàng suốt ngày đêm chẳng còn cho ai nghỉ ngơi, ngủ ngáy gì

nữa. Chúng rượt đuổi, đôi đáp, găm gừ, cắn xé nhau ở bên trên cái trần nhà, khoảng tối om, nơi chỉ có các đường dây điện mắc chằng chịt. Mỗi tình sét đánh đã làm chập điện. Riêng đối với tôi, hôm xảy ra đám cháy, bản thảo cuốn sách chưa in viết trên nghìn trang giấy gác trên giá sách bị bén lửa. Tập bản thảo ấy, tôi viết trong gần hai năm đã sắp xong, thế là đành phải viết lại. Tôi không thể quên được hôm đó khi ở cơ quan trở về, tôi mở cửa thấy trong nhà vẫn còn đầy lên những khói. Tôi chạy ngay lại chỗ treo giá sách. Nước vẫn còn rõ giọt từ trần nhà xuống. Tập bản thảo cuốn tiểu thuyết cũng ướt đẫm, tôi đau xót gỡ từng trang, trang nào cũng bị cháy, ít nhất là cháy bên mép.

Bốn chú mèo con lớn nhanh như thổi.

Thằng con trai bé nhất của gia đình tôi, từ hôm con mèo đẻ, nó vênh váo hãnh diện ra mặt. Đến cơ khổ, cũng từ đó, trước cửa nhà tôi lúc nào cũng hội lại một đám đông trẻ con đưa nào cũng với con mắt hau háu nhìn vào ngay chỗ tôi ngồi viết. Thằng bé nhà tôi cầm ngang khẩu súng gỗ đứng gác trước cửa, nhất định không cho đứa bạn nào vào xem mèo con, viện lí do rất chính đáng rằng nếu để người lạ nhìn thấy thì mèo mẹ sẽ ăn mất mèo con! Còn con bé cháu Lan ở trường về là chui ngay xuống gầm bàn. Nó có thể ngồi hàng mấy giờ liền dưới gầm bàn viết của tôi để chiêm ngưỡng cái sự huyền diệu của sự sống, những chú mèo con chưa mở mắt. Đối với con người khi lọt lòng mẹ ra người ta nói là "mở mắt chào đời" nhưng với cái lũ mèo con này thì tuy đã ra đời nhưng hai mắt vẫn còn bọc kín bằng một lớp khá dày khiến cho hai con mắt lồi lên. Tuy chưa mở mắt nhưng chúng đã biểu lộ một tinh thần tha thiết với sự sống đến kinh khủng, ví dụ chúng đập lên nhau, hăm hở trèo lên lưng nhau để giành đớp lấy những núm vú dưới bụng con mèo mẹ. Trừ khi ăn lúc ngủ không kể, hễ thức là chúng bò lê la đi khắp nơi dưới gầm bàn, mặc dầu con mắt chẳng nhìn thấy gì cả. Chúng vừa bò lê la vừa lúc lắc cái đầu vừa kêu. Ôi, làm sao có thể diễn tả những tiếng

kêu của con mèo con chưa mở mắt lúc nào cũng nheo nhéo ở dưới chân mỗi lúc tôi ngồi vào bàn, những tiếng kêu vừa non dại vừa tuyệt vọng, lại vừa kiên nhẫn cứ dội đến tận cùng trái tim người ta và cứ dính chặt vào mãi mãi.

Trong số bốn sinh linh nhỏ nhoi ấy, căn cứ vào sắc lông, cho đến những đốm trên nhà tôi cũng có thể phân biệt được con nào mang dòng máu của cha, con nào mang dòng máu của mẹ. Đẹp nhất là một con mèo lông trắng mịn, chỉ điểm xuyết mấy chấm đen rất nhỏ ở trên lưng và ở đầu mút cái đuôi mập mập ngắn bằng nửa que diêm. Con bé cháu Lan nhà tôi quý con mèo này nhất, theo nó, rồi thì nay mai con mèo con này sẽ còn đẹp hơn cả con mèo mẹ. Đứa con gái tôi cố tỏ ra công bằng và vô tư, không ra yêu ai hơn hay ghét ai hơn, đối với mấy con vật run rẩy, non nớt. Tuy vậy, tôi đã nghe có một lần nó phải thốt lên một tiếng "gớm chết!" Tôi hiểu ngay rằng nó muốn nói về ai. Phải, chính là nó đang muốn nói về một trong bốn con mèo con: nó đen sì từ đầu đến chân, hai con mắt vẫn còn bọc trong cái màng da nhưng dường như đã hứa hẹn sẽ đầy hằn học. Chắc các bạn đã biết nó mang trong người dòng máu nào rồi? Cứ nhìn thấy nó là tôi đã nghĩ đến một cái gì thật ghê gớm giống như một mối thù truyền kiếp, là tôi đã đâm ra lo sợ vẩn vơ. Cứ nhìn thấy con mèo con ấy là tôi đã nghĩ đến cái bệnh xoắn trùng đường ruột và sự chòng ghẹo của đám trẻ với con mèo ốm o, dơ dáy.

Tôi có cái tính lúc ngồi viết mà có người đang nhìn là không thể viết được. Con mèo cũng vậy, nó không muốn ai nhìn mãi những đứa con chưa mở mắt của nó. Hình như dưới gậm bàn viết của tôi trông trải quá và có nhiều người tò mò nhìn vào đấy quá, cho nên con mèo tha con đi giấu khắp nơi. Mấy hôm nghe tiếng mèo con kêu trên trần nhà, rồi một bận, đang ăn cơm, tôi thấy nó cản ngang cổ một đứa con, như một nữ diễn viên rạp xiếc, chuyền mình trên cái dốc tường, lại đem con đi giấu một nơi khác. Rồi một hôm, con mèo mẹ nhảy lên đồng giấy má bị cháy xếp ngay

trước bàn của tôi. Hoá ra nó đi tìm chỗ giấu con. Trưa hôm ấy, trong chiếc va li hồng mà tôi xếp thành đồng những chương tiểu thuyết bị cháy đã lúc nhúc bốn chú mèo con đã mở mắt.

Tôi cũng phải nói thêm rằng trong những ngày con mèo của nhà tôi đang mãi bận rộn và lo lắng với đàn con, lòng người mẹ đã làm nó hoàn toàn quên lãng mọi thú vui ở đời, thì đêm nào trên mái ngói cũng vọng xuống đậm đặc tiếng bước đi của gã mèo đen cùng với tiếng nó gào như xưa, nghe đến rất tai. Cũng chẳng biết nó từ xứ sở nào trở về, không phải trở về trong trí tưởng tượng hoang đường của tôi như hồi nào mà nó trở về thực, tiếng nó gào trên mái ngói vừa não ruột, thê thiết vừa đầy hách dịch, sao mà nó to họng đến như thế, và lắm lúc đêm khuya, nghe như tiếng người.

Thật rùng rợn, khủng khiếp, cái tiếng gọi tình ái của loài vật.

Về sau này, khi cái điều khủng khiếp nhất đã xảy ra tôi cứ băn khoăn tự hỏi không biết có phải con mèo mẹ tha lũ con đến giấu bên cái bàn viết, là nó có ý muốn gửi gắm những đứa con, là có ý muốn trồng cây vào tôi hay không?

Nghề cầm bút đã tạo nên ở trong tôi thói quen nhập thân vào kẻ khác, sống cuộc sống bên trong của mọi người, nhưng lần này, trước đời sống nội tâm của một con mèo, tôi tự dặn mình không bao giờ được quên nó là loài vật. Tôi không muốn viết một câu chuyện mà loài vật được nhân cách hoá, gán ghép cho loài vật những biểu hiện của lòng nhân ái và trí khôn mà nó không có, xoá bỏ ranh giới giữa loài vật và người, bởi tôi muốn rằng, chúng ta - các bạn đọc và tôi - nhân danh loài người, thử làm một cuộc đối chứng với loài vật - một cuộc đối chứng giữa thiện và ác, giữa lý trí, trí tuệ và bản năng mù quáng (Cũng là một cuộc đối chứng giữa hai mặt nhân cách và phi nhân cách, giữa cái hoàn thiện và cái chưa hoàn thiện, giữa ánh sáng và những khoảng bóng tối vẫn còn rơi rớt bên trong tâm hồn mỗi người - miếng đất

nương náu và gieo mầm của lỗi lầm và tội ác).

Rất nhiều lúc đang ngồi làm việc, chợt nghe tiếng con mèo hoang gào trên mái, tôi phải buông bút, chăm chú nhìn con mèo của nhà mình. Nó vẫn bình thản đi lại trong nhà, hoặc nằm cuộn tròn trong chiếc va li ngay trước mặt tôi, cặp mắt đen lim dim, những sợi râu hơi rung động, những con mèo con sau ngày mở mắt càng trở nên hoạt động và dường như lúc nào cũng đói khát, chúng trèo bạt mạng trên lưng, trên cổ con mèo mẹ để thi nhau nhào đến bên những chiếc vú mẹ. Trên mái ngói, con mèo hoang, cái người tình không biết từ góc bể chân trời nào trở về vẫn gào. Tôi lại tự hỏi mình rằng không biết những lúc này, con mèo của tôi đang nghĩ gì?

Lũ mèo con ăn uống no nê xong rồi quay ra đùa rồn với nhau, hoặc có đứa thu mình lại, ngồi chụm bốn chân vào tận một góc khuất thật xa, cặp mắt nhỏ ánh lên với vẻ đầy nghiêm trang và chăm chú, rình rập, theo dõi một cái gì đó đang động đậy. Con mèo mẹ vừa nằm lắng nghe tiếng người tình trên mái một cách dửng dưng vừa động đậy cái đuôi, dạy các bài học võ lòng cho con về sự rình mò và chớp bắt.

Trong khoảng thời gian đó, tôi cũng không còn nhớ thật rõ, có ba hoặc bốn lần, tôi và những đứa con của tôi được tận mắt nhìn thấy nỗi sợ hãi của con mèo nhà mình. Nó bị con mèo hoang đuổi theo, nó phải chạy bán sống bán chết trên mái ngói, nó lao vào nhà như một kẻ vừa thoát nạn.

Thế rồi buổi sáng hôm đó, cả nhà tôi đi vắng. Khoảng mười giờ, tôi ở cơ quan trở về. Vừa mở cửa ra, cái điều tôi trông thấy ngay trước tiên là một con vật lông đen mượt, nếu các bạn nhìn thấy cũng khó tin được ngay nó là con mèo ốm sắp chết của khu tập thể cũ của tôi ngày xưa, bởi nó khỏe mạnh và nhất là nó to lớn quá! Nó đứng ngay trên cái bàn viết của tôi, ngay trên những trang bản thảo mới của tôi. Nó quay đầu lại. Nó nhìn tôi. Cặp mắt thì vẫn thế, cái nhìn vẫn thế, như xưa, không những thế,

bây giờ bên cạnh nỗi hằn học còn có một cái gì đầy tự đắc man rợ của một tên sát nhân.

Vẫn bằng cái lỗ hình vuông giáp trần nhà, tên thích khách thu mình lại, nhảy ra ngoài.

Tôi chạy vội đến bên cái bàn viết của mình để tìm vết chân của nó in lại: Trước mắt tôi, cả bốn con mèo con vừa mở mắt đã bị nó cắn chết hết, con nào cũng bị cắn nát cổ. Tôi cũng không hiểu con mèo mẹ đi đâu, trong cái buổi sáng đánh dấu sự lộng hành của tội ác ấy: tôi đứng thờ ra trước cái bàn viết, trước thi thể của lũ con của nó, hồi lâu mới thấy nó trở về. Nó nhảy lên bàn rồi chuyển mình vào chiếc vali với cái vẻ sẵn sớ và bận rộn của người mẹ khi trở về với con, y như mọi ngày.

Trời ơi, giá nó lăn lộn khóc lóc rồi ngất đi. Ai bảo loài vật không biết đau khổ, không nặng tình mẫu tử? Nó đứng chôn bốn chân giữa đồng thì hài những đứa con vừa bị sát hại, đưa mũi ngửi trên bộ lông đầm máu của từng đứa như cố tìm một chút hơi ấm rồi quay mặt về phía tôi, nó nhìn tôi bằng cái nhìn rầu rầu, chợt thốt lên một tiếng "ngheo" đầy buồn bã, như một lời hỏi bằng quơ.

Chiều hôm ấy, anh bạn làm ở nhà xuất bản - người đã đem cho tôi con mèo - đến hỏi tôi đã viết lại những trang bản thảo cuối cùng đến đâu rồi. Trước khi ra về anh xin tôi một tờ báo cũ, anh gói mấy con mèo con lại, nói là sẽ đem về chôn dưới gốc khế.

*

* *

Thế là lứa mèo ấy chết hết!

Tán thâm kịch của loài vật xảy đến trong nhà tôi đã gây ra một mối xúc động mạnh mẽ, cứ ám ảnh mọi người trong gia đình tôi và cả các gia đình hàng xóm mãi không nguôi. Người ta bàn

tán về việc con mèo cắn chết con nó và nói chung về tính cách loài vật rất nhiều - nhất là những người đàn bà vốn giàu thương cảm. Những người già có dịp lục lọi, lúi túi trong ký ức bặm ra những thời kỳ đói khát và loạn ly, giặc giã, con người ta đã cưu mang, đùm bọc và nương tựa lẫn nhau; từ trong những thời rất xa xưa hoặc còn gần gũi, tưởng chừng mọi điều đều có thể quên đi và người ta chỉ nhớ được vắn vẹo cái đạo làm người - như một cái gì để đời. Và rồi người ta vẫn không làm sao quên, như một vết thương chung của mọi người, trong những thời đó cũng không thiếu gì chuyện con người ăn thịt lẫn nhau, hãm hại và giết chóc lẫn nhau - trong những thời hỗn mang đó, quy luật tồn tại của sinh vật đã xen vào quy luật sống cao cả giữa người và người.

Thật tội nghiệp cho con cháu Lan nhà tôi, từ hôm xảy ra vụ cả bốn chú mèo con bị cắn chết hết, nó gầy rộc hằn đi, chẳng thiết ăn uống gì cả và cứ nằm khóc thảm. Nó thương lũ mèo con quá đi! Những lúc không khóc, lại càng đáng thương hơn, trông mặt mũi nó cứ ngơ ngác. Trên cõi đời này có một điều mà đứa con gái bé bỏng của tôi không tài nào hiểu nổi: Cái sự ác vừa xảy đến nhãn tiền ở trong nhà thì lớn quá, mà đứa con tôi thì vẫn còn bé quá, ngây thơ và trong trắng quá, trái tim trẻ thơ của nó nhiều máu đỏ quá, giàu tình yêu thương quá! Và cả chính tôi, tưởng như chính tôi cũng không thể nào chịu đựng nổi, chính mình đôi lúc cũng tự cảm thấy như một người liên đới mắc tội lớn, mỗi lúc tôi đang mài mê ngồi viết và đá phải một vật gì đó mềm mềm ở dưới gầm bàn. Tôi cúi xuống chợt nhìn thấy cái con bé cháu đã chui vào ngòai trong xó tôi, nơi những con mèo con đã ra đời và đã từng kêu nheo nhéo suốt ngày, bây giờ, chỉ thấy im bất, chỉ còn một cặp mắt ướt và đã sưng mọng của con bé cháu đang đau đáu nhìn ra ngoài, dọi theo từng bước chân của con mèo mẹ đang đi lang thang trong nhà, từ gầm bàn tới chân giường rồi chui vào xó tủ, nơi nó đã từng giấu con nó, thỉnh

thoảng kêu lên một tiếng "ngheo" nho nhỏ, vẫn như một niềm băn khoăn băng quơ.

Năm ngày sau, - chắc đến lúc ấy xác những chú mèo con chôn dưới gốc khế ở nhà anh bạn nhà xuất bản của tôi vẫn chưa kịp rửa nát hết - trong một đêm tất cả mọi người của cả khu tập thể của tôi lại chợt bàng hoàng, rùng mình, ớn lạnh đến tận xương sống, bởi lại chợt nghe tiếng "tên sát nhân" trở về gào âm ỹ. Thế rồi cái bóng đen kịt và to lớn của nó hiện ra, những bước đi bốn chân đầy uyển chuyển và đỉnh đặc, vẫn ở ngay trên chính giữa nóc mái ngôi nhà tôi. Chao trời kìa, trông đáng điệu tên đạo chích - con vật độc ác - đang đi lại sao mà đầy tự tin và ngạo mạn? Nó làm như không chỉ có nơi rừng sâu đồng hoang xa xôi mà ngay cả giữa chốn thành phố văn minh, văn hoá này cũng đã thuộc về nó, lãnh địa thuộc vương quốc của nó?

Tôi và tất cả lũ con của tôi vợ vội lấy những cây sào nửa dựng trước thềm, chúng tôi vừa la hét, vừa giơ những cây sào lên, ra sức xua đuổi cái con vật đã đang tâm cắn chết con nó. Những nhà hàng xóm của chúng tôi mỗi người cũng vác theo một thanh củi hoặc gậy gộc, leo lên mái rượt theo con vật như xua đuổi một thứ ma quỷ. Giữa khi ấy thì tận dưới xó gầm bàn viết của tôi, con bé cháu Lan đang ngồi ôm chặt lấy con mèo mẹ vào lòng. Nó chỉ sợ con mèo hoang trên mái nhảy xuống lại cắn chết nốt con mèo mẹ của nó.

Sẽ mãi mãi tôi không bao giờ quên nỗi khuôn mặt của con bé cháu khi nó ngồi ẩn mình dưới gầm bàn viết của tôi, đem hai cánh tay bé bỏng và can đảm quyết bảo vệ con mèo mẹ khỏi số phận bất hạnh: khuôn mặt đứa trẻ con cứ trắng bệch ra vì sợ hãi và giận dữ, cặp môi nhỏ mím chặt, hai con mắt cứ long lanh lúc cúi xuống âu yếm nhìn con vật trong cánh tay, lúc ngược nhìn lên mái nhà một cách lo lắng.

Dịp đó cũng là đang vào thời kỳ trăng sáng lai láng. Tôi nghiệp đưa con gái nhỏ của tôi, chưa hề biết gì về tính nết loài vật.

Một đêm nọ, con mèo mẹ kia đã chuồi mình ra khỏi đôi cánh tay bảo vệ đầy tình âu yếm. Trí óc đơn giản và chóng quên của con vật bỗng đầy ắp lên khoảng u tối và mênh mông của bản năng giống loài.

"Nàng Ju-li-ét" lại sung sướng chợt nhận thấy mình vẫn chỉ là một người con gái xinh đẹp và son rồi, và ánh trăng soi xuống cái mái ngói như một lời gọi tình, và tiếng gầm gào đầy hung dữ của tên sát nhân vọng đến tận cõi sâu trái tim thanh xuân của nàng. Nàng đáp lại tiếng gọi của chàng, cái tiếng gọi mà nàng cho rằng thật là dịu dàng và tha thiết, thốt lên từ trái tim loài vật đầy man rợ của chàng.

Từ một góc khuất giữa hai bức tường, tôi vội chạy vào nhà ôm lấy đứa con gái nhỏ đang khóc nức nở, đứa con mà tôi thường tự soi mình vào tâm hồn nó để làm non tươi lại cái phần lương tri đã có phần nào nghễnh ngãng và chai cứng của chính mình, bế nó đến ngồi với mình bên cái bàn viết, với những trang giấy đầy dấu dấp xoa bừa bộn trước mặt.

1982

KHÁCH Ở QUÊ RA

1

Định rót rượu ra chiếc chén hạt mít. Khách nhìn, ánh chừng lấy làm sốt ruột và có lẽ cho là nhiều khô, liền cầm lấy chai rượu từ trên tay chủ. Trong tay ông khách, chiếc chai bầy ông ộc xối rượu xuống chiếc bát ăn cơm còn để không đặt ở rìa mâm.

Ngoài trời vẫn mưa. Mưa đã mấy ngày cũng chả còn ai nhớ được nữa. Chỉ thấy một khối nước trắng lúc nào cũng tuôn rào rào ngoài mảnh sân hẹp và mau hơn, giòn hơn trên mái ngói chi chít của dãy phố. "Cho mà mưa! Cho mà mưa! - khách nâng chiếc bát lên lại đặt xuống - cứ mưa nữa đi! Lúa trổ xong rồi. Lạc cũng nhổ rồi. Chỉ còn mấy miếng nếp. Chà, mấy miếng nếp mưa này rồi cũng hơi gay đây. Nhưng cũng chẳng sao! Cũng chẳng việc quái gì!".

-... Vậy rồi nó xách một con dao... một con dao quắm hăn hỏi chú à! - đang nhìn ra ngoài trời, khách thu cả hai con mắt về, nhô nửa người qua mâm cơm - Tôi thấy nó lao như mũi tên từ trong bếp ra. Con dao cầm lăm lăm trong tay. Con dao quắm vừa sáng vừa sắc, tôi vừa mới mài. Con dao thì sáng loáng mà cái mặt nó thì cứ trắng nhợt. Ấy là tôi đang nói cái thằng Dũng - cái

thằng con trai đầu của tôi đó chú à! Nó chạy xồng xộc ra chỗ đầu bờ nương dẫn nước tôi với lão chắt Hoè đứng. Tôi biết ngay. Phen này mình không nhanh tay ắt có án mạng. Chứ không còn là chuyện cãi cộ đôi co vì mấy con dê giữa tôi với lão chắt Hoè nữa. Bọn thanh niên nó khác. Chúng nó không thích đôi co đâu!

Mà cái lão chắt Hoè thì đằng thẳng ra, cũng đáng chết lắm. Chú tính, cái giống dê, dù rằng mỗi con có bốn chân nhưng chân cẳng của dê làm sao giẫm hết cả một sào nếp? Đàn dê của tôi có sáu con cả thảy. Nhưng chân dê chứ có phải chân trâu bò đâu?

Tôi cũng có một miếng nếp, nhất định tôi sẽ đền cho bác - Tôi nói với lão chắt Hoè - Cả hai miếng cùng một trà ruộng, cũng đều một sào cả - Tôi nói ôn tồn. Vậy mà cha con nhà lão cứ chực xông vào đánh tôi. Lại đem tên bố mẹ tôi ra mà réo chửi. Cho nên thằng Dũng nó tức.

May làm sao! Cái con mẹ Huệ nhà tôi lúc ấy cũng vừa gánh hai thúng đá ngoài ruộng về. Đặt gánh đá xuống, nó lao theo. Nó ôm chặt lấy thằng Dũng, giằng được con dao quắm! Tôi nghĩ thật hứ vớ!..., chứ không thì bỏ ổ nhà lão chắt Hoè bữa đó... thế nào cũng có đứa biến thành ma ông Cụt. Nói vô phép chú chứ, con cái nhà nó tiếng là đông cũng chỉ có hai mống là lớn, chứ bên nhà tôi có những bốn đứa lớn cơ!

*
* *

Trong khi khách nói, Định ngồi ngấm lão. Định ngấm kỹ và lâu nhất hai bàn tay của lão. Chẳng còn là hình thù một cái bàn tay con người nữa! Hai bàn tay lão đầy những chỗ nổi u nổi cục, các ngón vụn vẹo và bọc một lớp da giống như một thứ vỏ cây, và cả bàn tay lão giống y như một toà rễ cây vừa mới đào dưới đất lên. Và Định như đang nhìn thấy một thứ đất đến kỳ cục: cứ lỏng

chống đầy những đá. Viên bé chỉ là một hòn đá kỳ lưng, hòn to cũng ngang cái đầu. Và lại còn cơ man là rề cỏ tranh. Một vùng đất của dân biển lên mở trại⁽¹⁾ lúc nào cũng phải ra chung quanh mùi rề cỏ tranh ngai ngái, hăng hắc và ai đã đến đấy khi trở về, vẫn cứ phải nghe mãi cái dư âm ken két đầy rền rĩ của những chiếc xe cút kit - mà sự ra đời của nó lại như một phát kiến của loài người: Công việc khẩn đất ở đấy nặng nhất là khâu nhặt đá. Ban đầu từ người lớn đến đứa con nít cũng chỉ dùng tay. Về sau mới tiến lên đan ky, đan sọt để khiêng và gánh. Tiến lên một bước nhảy vọt, người ta đóng xe cút kit để chở đá.

Vùng đất đó là một triền phía Tây của miền Trung - cái vùng "chó ăn đá, gà ăn sỏi" mà giá không có bàn tay của những người như lão Khúng, lão cháu ruột của Định kia thì vẫn mặc sức ngủ kỹ dưới lót chân hổ báo, dưới gió Lào, dưới giông bão, dưới bom đạn.

Vào một lần cách đây đã mười bốn năm, Định khoác chiếc ba lô cóc nặng gần bốn chục cân - trên đường đi B dài - đến một cung độ từ đấy đâm thẳng xuyên qua đường số Một về phía biển là làng Định. Đoạn đường giao liên vừa bỏ rừng chạy qua những triền đồi trọc. Hình như địch vừa ném bom. Trong cái nắng đến ngột thở có pha lẫn mùi thuốc bom. Hồ bom, cái đồ quạch, cái vàng sẫm. Nhìn ra bốn phía chung quanh nhấp nhô những dãy đồi cứ chạy xô vào nhau như rấn cuộn, thỉnh thoảng y như tạt trên trời cắm thẳng xuống một hòn núi đá nhọn hoắt như một chiếc lưỡi tầm sét.

Trong cái nắng chiều ong ong, ngột ngạt, không lúc nào ngớt tiếng máy bay phản lực Mỹ bay lên từ mạn biển, một dáng người đàn ông cúi khom lưng xuống đẩy một chiếc xe chở đầy đá.

- Anh Định đấy hả?

Định nhận ngay được giọng "kẻ biển" của làng mình - vừa

(1) Dân đi khai hoang.

nặng trình trịch vừa véo von như hát - nhưng phải một lúc sau mới có thể nhận ra lão chắt Hoè:

- Bác làm gì tặn trên này?

- Tàu bay thẳng Mỹ nó vít mất lối ra chỗ có con cá rồi! - lão chắt Hoè thở hắt ra một tiếng, cái mặt nhuộm muối biển càng đen sẫm - Bỏ con tôi vừa kéo nhau lên đây!

Định kéo lão chắt Hoè tới một gốc cây, mở lương khô khoản đãi, đưa thuốc lá cho lão hút, tỷ tê hỏi đủ mọi chuyện dưới làng. Đến lúc sắp đứng dậy lão mới bảo:

- À này anh Định, nhà thằng Khúng cũng đang ở trên này.

- Thằng Khúng nhà tôi hả bác? Nó lên đây một mình hay cả nhà?

- Cả con vợ với ba thằng quý sứ.

- Nó lên lâu chưa?

- Nó lên đầu tiên. Bỏ làng một mình gia đình nhà nó lên đã nửa năm nay. Tôi thấy bỏ ổ nhà nó sống được nên cũng mới nghe nó rủ, kéo lên theo.

- Nó ở gần đây không?

Định nhìn theo mũi con dao quắm lão chắt Hoè như nhứ về phía khoảng bìa rừng xanh um, từ ở đấy vẳng lên tiếng hót đầy lảnh lối như có cạnh sắc của con chim "bắt tép kho cà".

Gần trọn ngày hôm sau, Định lạc giữa một vùng rừng và đồi trọc, đến chiều tối mới tìm thấy cái gia đình ông cháu chắt khác nào một cái ổ gấu chó nằm lọt vào giữa một vùng rừng cỏ tranh cao ngập đầu, đó là một cái túp bằng lá cỏ tranh bện lại, bốn chung quanh xếp đầy đá, dựng trên mấy vạt đất mới vỡ.

Trong cái ổ gấu, mấy chú gấu con đang đánh lộn nhau khi ấy chỉ mới là một phần ba số con cái của Khúng, và người đàn bà đã đẻ ra những đứa trẻ ấy, tuy sống giữa rừng nhưng vẫn trẻ đẹp, còn Khúng, y như một con bọ hung vừa từ dưới lỗ chui lên, vừa đen vừa gầy vừa già vừa xấu.

Bữa đó Định cầm mấy phong lương khô đi theo định làm quà cho mấy đứa cháu gọi Định bằng ông, nhưng đến nơi mới biết, trong túp lều vợ chồng Khúng, dưới cái hầm thùng chất đến những ba thùng lương khô còn mới nguyên. Thì hoá ra cái vùng đồi dân miền biển lên sơ tán và khai hoang để chống đói này cũng không xa các bãi khách của bộ đội đi B là mấy nải. Các đơn vị tên lửa và xe pháo đều đóng đầy quanh đây cả, trăm thứ của nả của chiến tranh đều không thiếu.

Trên đường vào Nam đánh giặc, Định mới có dịp hiểu biết kỹ hơn ý đồ làm ăn lâu dài của người cháu: Rời làng lên đã nửa năm mà Khúng chưa chịu làm nhà, hẳn vẫn để vợ con chui rúc dưới mấy tấm phen cỏ che trên cái hầm thùng. - "Dựng nhà làm gì - Khúng nói với vợ - làm mục tiêu cho tàu bay nó bắn ư?" Bao nhiêu sức lao động trong "bước đi ban đầu" hẳn đem dồn hết vào việc vỡ đất. Hẳn tranh chấp với rừng từng bước chân, không phải chỉ trả giá bằng mồ hôi mà cả bằng máu: Ngày mới lên, hẳn đã bị thương trong một lần máy bay ném bom đêm - giữa lúc hẳn đang vãi lúa lốc.

Chung quanh cái "ổ gấu" dần dần mọc lên một vành đai sắn ở phía ngoài, sắn lên xanh ngắt chen chúc cây đại. Đậu xanh, đậu tương ở sau nhà. Lúa tẻ, lúa nếp trước nhà. Chỗ ăn ở tuy chưa được "đầu tư" thế nhưng hôm nào trời nắng to, vợ hẳn lôi ra phơi bên cái bờ nương dẫn nước - trên mấy cây sào nửa hàng đồng quần áo, chăn màn; toàn đồ quân trang, quân dụng của anh em bộ đội đi B. Chẳng hề giấu giếm ông cháu ruột "báo cáo với chú" đã đổi được bằng thịt dê và rượu. Ngày ở dưới làng, vợ chồng con cái rách như tổ đĩa. Bây giờ cả nhà hẳn mặc quần phục. Người nào cũng lành lặn. Vào dịp dưới làng có giỗ chạp, Khúng đánh hẳn một bộ tô châu xuất hiện trước mắt những người làng với tư thế đằng hoàng của một người đi làm ăn xa đã từng ăn nên làm ra, lại vừa với dáng vẻ đĩnh đạc của một cán bộ trên vùng khai hoang về.

Phú quý sinh lễ nghĩa, hấn mang về cúng hấn nhà thờ họ một chiếc võng đôi bằng loại vải tê tờ rông, để thuê thợ vẽ cây gia hệ. Cả họ năm nào tế tổ cũng cứ bàn nát ra về việc quyên cúng tiền mua mấy mét lụa, bây giờ hấn cúng vào một tấm tê tờ rông, thế là xong.

Thậm chí vợ hấn cũng trở lại với những thói quen của một người thành phố đã bỏ quên từ lâu. Từ rất lâu vợ hấn tưởng đã quên hấn thói quen mặc áo lót mình. Sau mỗi lứa đẻ, hai bầu vú để thồn thển, bây giờ "eo" người lại trở nên gọn gàng, và chiếc nịt vú của người đàn bà cũng may bằng thứ mặt hàng quân phục. Đêm nằm bên vợ, bây giờ hấn thấy trên khuôn ngực trắng như ngó sen tự nhiên úp vào hai cái vung chằm bằng thứ vải tơ châu mới xanh biếc, như hai con cánh cam to tổ bố, nom đến tức mắt.

*
* *

Về người cháu đích tôn này, có thể nói cứ mỗi bận Định về làng trong những dịp hoạ hoãn lắm trong đời, không thể không về, như sang tiểu cho bố mẹ, người thân chết - lần nào Định cũng phải đóng vai trò như một chứng nhân của một quãng đời có cái gì khác thường của hấn. Kháng chiến chống Pháp kết thúc, Định bận bịu mãi với đám tù binh, thu xếp cho chúng về nước hết anh mới về thăm làng được. Bị ném bom bao nhiêu lần, làng vẫn nguyên vẹn, vẫn y như hồi Định còn cắp sách đi học trường tiểu học, chỉ thấy cái gì cũng bé lại, từ con sông ngoài biển cũng bé lại và cũng phủ một lớp bụi cũ kỹ. Cuối kháng chiến, làng được tặng thưởng huân chương vì thành tích tổ chức được một đội thuyền vượt biển đi tiếp tế vũ khí tận trong Khu năm. Nhưng chiến tranh kết thúc, gần bốn chục cặp thuyền già khơi chỉ còn lại một mớ xác thuyền nằm gổ bãi rải rác dọc con sông nước mặn.

Định gặp Khúng ở ngang cái xóm đạo nhìn sang bên kia sông là mấy mảnh tường đá còn sót lại của một cái nhà đoạn Tây ngày xưa. Hấn mặc một chiếc áo vải thô nhuộm vỏ già đã nhùng nhục, hai vạt trước mở phanh, một chiếc nón đan bằng giang cấp bên nách, quần dài cời vắt vai.

- Chú Định, chú đến là tệ! - Hấn túm lấy anh, mùi rượu phả sang mặt Định, lẫn mùi thịt chó - Nghe nói chú về đã mấy ngày mà cứ ở tịt đầu tận trên uỷ ban...

- Nào đâu có, kìa, tao vừa về đến đây... hồi này có vẻ cậu như đã chuyển sang làm nghề biển rồi?

- Cánh nghề biển đang chạy tủa lên các xứ đồng cấp rổ đi mót khoai lang kia kìa! - Hấn ưỡn ngực ra - Vả lại, mình phải giữ lấy cái nghề gốc của đời ông bà chứ?

- Nếu làm ăn ra... xoay sang nghề biển cũng được chứ có sao?

- Thế là chú mất gốc. Họ nhà mình chỉ nên sống với cái hòn đất.

Khúng giành lấy ba lô, túm áo mũ Định lôi tuột về nhà hấn. Ôi, nhà với cửa! Ngôi nhà của hấn mới thoát nhìn thấy, Định đã hốt hoảng. Sao mà hấn lại có thể phỉ báng thần linh đến thế cơ chứ? Cả làng có độc một ngôi đền chung cho cả dân đánh cá lẫn dân ruộng nằm thia lia ra ngoài cửa lạch, nổi tiếng khắp vùng đền làng Khôi là đền thiêng. Ngày xưa, hàng xóm nhà Định có một tay dân đánh cá chẳng hề biết sợ hãi ai cả, nổi tiếng ốc sạo, ngang bướng, vậy mà một lần đi qua trước cổng đền, trông thấy một bãi cứt trâu liền ngồi xuống dùng hai tay hót vớt đi. Ấy vậy mà bây giờ cái thằng Khúng cả gan dám dựng nhà ngay trên cái nền đất cao ngất của ngôi đền làng mà ở. Tiếng rằng ngôi đền đã bị đánh bom nhiều đợt chỉ còn một hàng bậc thềm xây đá Thanh, nhưng làm nhà ở trong khu đất của đền như một vài người khác đã quá lắm, vậy mà hấn lại leo lên đứng ngay chỗ thần linh đứng?

- Xuỳ, cháu cứ tưởng chú đã đi bộ đội phải nghĩ khác những người làng... - Khúng nói lấp lửng.

- Theo cậu thì nghĩ như mình và bà con trong làng là... lạc hậu ư?

- Cháu ngu dốt, từ nhỏ đi học đã tối dạ, nhưng chú biết đấy, từ nhỏ cháu đã là đứa khoáng nghịch. Cháu cất cái nhà lên ở đây, người ta đồn đại ghê lắm! Chẳng phải chỉ có làng này mà tiếng tăm cháu đồn đến tận nhiều làng khác cơ!

- Vậy là cậu nổi tiếng?

- Hi, hi... nổi tiếng thích chứ chú? Chú tưởng chú không thích nổi tiếng đấy hử? Người ta sống ở đời, chưa có miếng ăn thì cúi gò lưng xuống mà kiếm miếng ăn, có miếng ăn rồi thì ngẩng cao mặt lên cho thiên hạ biết mặt. Đến con cua con cá cũng có lúc nó phải khươ cái càng lên trời cơ mà!

- Cậu cũng đang khươ cái càng lên đấy!

- Cháu đã mang tội nhạo báng thần linh thì chú cũng đừng nhạo báng cháu, cho có tội! À này, tháng trước cháu vào trong chợ Châu mua cái ách cày, tận tai cháu nghe một mục hàng nước nói rằng ngoài làng Khôi có một tay làm nhà trên đất đèn, nhà cất lên đã cháy đi cháy lại ba bận, nuôi con chó, con lợn đều chết. Vợ ốm, con ốm.

Định phì cười:

- Làm gì cậu đã có vợ mà ốm?

- Có, có... chú đi bộ đội cháu không biết ở đâu cho nên cháu không báo cáo được với chú đó thôi!

Miệng nói chân hần thờ xuống phản khua đôi guốc mộc. Tận đến lúc bấy giờ Định mới kịp để ý đến cái ánh lửa rơm cháy phừng phừng có thể soi rõ hình ông Thiện và ông Ác đắp nổi ngoài cổng đèn.

Vợ Khúng mặc chiếc áo len xanh cụt tay, rón rén đi theo Khúng lên chào ra mắt Định. Trời đã tối. Khúng châm ngọn đèn.

Hắn vừa khêu to bác đèn vừa lúng búng:

- Chú đấy!... - rồi quay sang Định - vợ cháu vừa đẻ. Nó tên là Huệ.

Người cháu dâu, vừa thoát nhìn Định đã thấy chẳng có gì ăn nhập với Khúng, cũng y như cái nền ngôi đền linh thiêng trên đó hắn vừa cất lên túp lều của hắn. Giữa hai con người đó một cái gì quá đỗi khập khiễng, ai mà tin được có thể là hai vợ chồng, khi người vợ như một nữ sinh thành phố đứng bên cạnh Khúng. Chả khác một chiếc cốc pha lê bày bên một chiếc cối giã gạo.

- Cháu ở đây... có thấy sợ không? - Câu đầu tiên Định hỏi người cháu dâu.

- Thưa chú... một mình thì cháu không dám ở ạ!

- Chắc là cháu ở một thành phố nào ngoài Bắc.

- Thưa vâng ạ. Cháu ở thành phố Nam Định.

- Sao cháu nói pha tiếng trong này?

- Lên năm tuổi, thầy cháu đưa cháu đi theo vào Vinh rồi sang Luông Pra băng. Thầy cháu là kỹ sư cầu cống. Cháu về Bắc rồi lại vào Vinh một lần nữa, đi học cho đến ngày ta phá thành phố...

Người con gái không nói tiếp. Định cũng không hỏi thêm, anh không dám. Đến hồi đó mới khoảng năm 1947. Khúc đường đời từ đó về sau, trong cảnh kháng chiến tao loạn chắc hẳn không ít các điều bất ngờ xảy đến. Định chợt nhìn thấy một vẻ chán chường tuy kín đáo hiện ra ở cái nếp nhăn thấp thoáng bên khoe miệng người con gái thành phố. Chẳng lẽ đến đây, như đã là một bước đường cùng, hay một bước đường tạm dừng?

Trong buồng, đứa trẻ đang khóc. Huệ vội vã chạy vào bế đứa trẻ ra trao cho Khúng, để đi dọn cơm.

Đó là một đứa con trai, mới chừng vài tháng. Đột nhiên Định sực nghĩ chắc chắn đứa bé không phải là con Khúng.

Nằm trên đôi cánh tay của Khúng, nó càng khóc ngằn ngặt

y như bị đau đớn ở một chỗ nào đó trong người.

Định chìa tay ôm lấy đứa trẻ, bế đến bên cái đèn. Anh hỏi Khúng:

- Đặt tên con là gì?

- Hình như con vợ tôi nó đặt là Dũng - Khúng đáp.

*
* *

- Đã già, mặt mũi lại đen nhem y như đất cái nồi đất kho cá, mà... mà cái lão chắt Hoè một bận đang đem lên vào buồng vợ tôi nắp vào sau cái màn. Nhà Huệ nó biết liền đóng sập cửa lại. Có mà chạy đường trời! Chẳng xơ múi gì mà từ đó hễ trở trời là lão kêu đau. Tôi chỉ giáng cho một gậy thước vào lưng chứ có nhiều đâu.

- Cậu uống rượu đi rồi ăn cơm! - Định giục ông cháu.

- Tôi không ăn cơm đâu... Từ đó, lão chắt Hoè đâm ra thù tôi, lão nói với thằng Dũng nhà tôi rằng mày không phải là con lão Khúng. Mẹ nó chứ, không phải là con tôi mà tôi lại nuôi từ lúc mới lọt lòng ra? Mà tôi đã cưới vợ cho nó tốn hết bao của nả? Không phải là con tôi mà trời mưa gió lụt lội thế này, tôi cũng phải bỏ bao nhiêu công việc ở nhà cất công tiễn nó ra tận Hà Nội... để cho nó đi bộ đội.

Ông khách nhắc chiếc chai lên, lại xối rượu vào chiếc bát sứ. Nhưng khách vẫn chưa nhắc chiếc bát mà chỉ chun mũi hít hít cái không khí ẩm ướt hơi lành lạnh tan vào trong hơi men. Chẳng còn nhớ gì nữa đến những miếng nếp và khoai lạc bèo quanh cái ngôi nhà mới xây năm gian tuyền bằng đá, lão Khúng chỉ còn nhớ được cái lúc chuyển tàu hoả sắp vào ga Hàng Cỏ, tàu lắc mạnh hơn và đi chậm lại. Trong lúc thằng Dũng cùng lũ trẻ mới đi bộ đội thò nửa mặt ra ngoài cửa sổ ngắm phố xá san sát

hai bên thì lão mặc dầu chưa ra Hà Nội bao giờ, mặc dầu trăm thứ lạ lùng đang bày ra chung quanh, lão cũng không muốn để con mất đi đâu ngoài đứa con. Lão nghĩ: hễ đến khi tàu dừng hẳn là mình cũng phải xa nó hẳn. Lão thế mà yếu đuối.

Gần một đêm một ngày ngồi tàu chung với đám thanh niên tòng quân, lão chỉ toàn khoe đứa con. Đến nỗi người chịu chuyện, một đồng chí thượng úy làm nhiệm vụ đưa hai toa tàu chở tân binh từ miền Trung ra, cũng phát sốt ruột vì lão. Lão kể lể bao nhiêu thứ chuyện về cái thằng Dũng với một nỗi tuyệt vọng: không bao giờ bộ đội người ta có thể hiểu hết giá trị của con lão, một cái máy cực tốt sản xuất ra bao của nả nhà lão. Thế vậy mà vợ chồng lão đem trao cho bộ đội quách. Thế vậy mà vợ chồng lão lại lấy đó làm điều vinh dự, sung sướng.

Nhưng mà tiếc, nhưng mà nhớ nó lắm! Chao ôi, từ nay sẽ không bao giờ được trông thấy cái dáng nó đứng trong rừng, ưỡn người về sau, tay nâng lưỡi rìu lên quá đầu, một tiếng "chóc" của lưỡi thép chém ngập vào thân gỗ đã tan đi rất lâu, vậy mà không có gì xoá đi được những khoảng da thịt tươi non ướt đầm mồ hôi in vào lá cây, in vào cội im vắng của rừng sâu. Nó là đứa con trai làm việc khoẻ lại thành thạo nhất trong bốn đứa con lớn nhất của lão. Là đứa con có mặt ngay bên cạnh lão, khi có đứa ỨC HIẾP LÃO.

Xì, làm việc gì mình chỉ nên nghe mình là hơn cả! Sau ngày vợ chồng lão trả miếng đất linh thiêng lại cho thần làng sau cái vụ có đứa đốt nhà lão, một cô y tá đứng trước thềm trạm xá xã phát thuốc ngừa thai cho đám đàn bà đi khai hoang, đã đưa bàn tay vỗ vỗ lên vai vợ lão: "Chị Huệ, chị đẻ ít thôi, ba cháu là đủ rồi!"

Dù sao được? Dù vợ không muốn, lão cũng bắt vợ phải đẻ. Đẻ rồi nuôi, sợ gì? Cái kho người nằm trong bụng vợ chứ có ở đâu xa? Đã dám bỏ làng bừa ríu nhau lên sống giữa chốn rừng thiêng, hoang vắng, đi hàng nửa ngày không gặp một người, thì phải có thêm người chứ? Không có thật đông người làm sao dọn hết đá?

Làm ra con người khó đêch gì?

- Cũng chẳng phải dân đi trang trại mà dân ở làng cũng vậy, chú Định ạ. Cái cô y tá khoa sản ở trạm xã ta, hẳn nói như vậy chứ hẳn cũng đê khiếp lắm! Ở nhà quê mình, nhà nào đông con mới có uy thế được...

- Cậu nói cái gì lạ vậy hử? - Tự nhiên ông chú nổi giận - Cậu định phá cái nước này đi đấy hử? Tung ra bao nhiêu cán bộ y tế để vận động sinh đẻ có kế hoạch, nói đến rã bọt mép. Khéo, khéo cậu đang tuyên truyền phá chính sách đấy. Cậu phải thay đổi cái đầu óc đi!

Định hiểu những vấn đề trầm trọng của phát triển dân số trên toàn thế giới và trong nước mà lão Khúng mù tịt. Lão không cãi, chỉ đưa mắt ngắm cái gian nhà bằng cái lỗ mũi của ông chú với một cái gác lửng xếp tú ụ những đồng chăn, gối mà đêm qua lão phải ngủ trên đấy, suốt đêm mót dãi lại thêm thuốc Lào mà cứ phải nằm im, ho khạc một cái cũng sợ làm tỉnh giấc nhà hàng xóm.

Tự nhiên hăng lên, lão xoè năm ngón tay khê khằng quắp vào khoảng xương đầu gối ông chú:

- Nhưng cháu xin hỏi: cả một đời chú, đã bao giờ chú phải dọn đá, trồng cây và làm nhà chưa, hay chỉ ăn lương và ở nhà của Nhà nước? Đã bao giờ chú phải chịu những đứa chung quanh cậy đông hà hiếp mà phải cắn răng chịu chưa?

Định cười ha hả:

- Cứ như cái ngày đi B ghé vào chỗ cậu, cũng khó mà tin được vợ chồng có thể trụ lại ở đấy được thực.

- Tôi trụ lại được là nhờ có bấy con sau này lớn lên.

- Cũng phải nói cho thoả đáng, về sau có thêm nhiều bà con lên nữa chứ? Cũng phải nhờ có cái tập thể dựa vào nhau nữa chứ?

- Cũng có khi tối lửa tắt đèn. Thực là thế. Nhưng đã có thêm

người là có thêm ganh ghét nhau, thậm chí thù ghét nhau. Chú có biết tại sao lão chắt Hoè từ ngày lên khai hoang trở thành thù ghét với tôi không? Do là ngay từ đầu, trong bụng lão đã ngầm ỨC với tôi vì mấy khúc xương của một con lợn lòi bán được ngoài rừng. Điều muốn nấu một nồi cao toàn tính cả, cả lão và tôi đều muốn lấy. Vì tôi mạnh thể hơn, nên tôi lấy được.

- Thì chia nhau có hơn không?

- Nói như chú!

Chai rượu hết. Khuôn mặt ông khách vẫn như thường, chỉ có hai con mắt hơi gợn những vẩn đỏ. Từ đầu bữa đến giờ lão mới nhắc đôi đũa gắp một khúc xương rán cháy cạnh nhưng rồi lại thả xuống, nhón trên đầu đũa một trái ớt đỏ tươi chẻ tư như một bông hoa trong cái thẩu dấm, đưa lên miệng. Lão nhấp ngụm rượu cuối cùng. Vị cay chua truyền đi khắp người lão. Lão cầm chiếc khăn mặt bông vắt trên đầu gối, lau hai con mắt ươn ướt và đến bây giờ lão mới nhận thấy những câu chuyện với ông chú từ đầu bữa đều là chuyện tào lao cả.

Lão lại trở về với cõi lòng sâu thẳm và mỗi ngày một khép kín của đời lão. Phàm con người ta ở đời, có cái gì hơn người, sướng vì nó mà chuốc lấy cay chua cũng vì nó?! Vợ lão đẹp thực. Chả là cái thá gì cả, chẳng phải chủ tịch, bí thư, cũng chẳng phải điển hình về chăn nuôi hay vệ sinh, chỉ vì có một con vợ đẹp mà suốt đời lão nổi tiếng. Ở dưới làng hay lên cày trại, lão đều có nhiều người biết tên. Có nhiều công việc phải lên xã hay ra ngoài hợp tác, lão nói rằng bọt mép không xong, nhưng mẹ Huệ vẫn chiếc khăn xanh lên đầu, đi là xong. Trong số chín đứa con - tẻ, nếp lẫn vào cũng có. Lão biết. Nhưng cũng đừng một kẻ nào nên nghĩ rằng có thể dễ bờm xờm được với vợ lão. Giới chức việc chẳng ai lay chuyển được vợ lão, tuy rằng "cái đám dân đi cày ngồi bàn giấy ấy" - như lão thường gọi - cũng "lãng mạn" ra phết. Có một anh theo đuổi vợ lão từ khi còn là một nhân viên coi kho của hợp tác xã cho đến khi leo lên đến cái chân kế toán trưởng, rồi phó

chủ nhiệm hợp tác xã, từ khi còn là một anh chưa vợ đến tận khi đã có vợ con, gần như vợ lão có tà thuật sai bảo là phải nghe, vậy mà suốt đời chỉ một lần, được nắm cái cổ tay của mẹ Huệ chừng một phút.

Chán vạn người quyền thế, chán vạn kẻ phong lưu, đẹp mã, mẹ Huệ đều không mắc, trước sau một mực chỉ biết có một người đàn ông là lão; vậy mà một lần, mẹ đã mắc với một người, chung chạ và đẻ con với một người khiến cả làng không ai tưởng tượng nổi. Làng nước có thể gột đầu bôi vôi một người đàn bà khôn ba năm đại một giờ, nhưng lại tha bổng và thậm chí đồng tình với một kẻ đã dám cố ý làm một công việc ngược ngao.

Mẹ Huệ phải lòng thằng Mới thật là ngược ngao. Từ trước Cách mạng tháng Tám, người ta thấy thằng Mới - vốn là con hoang của một tay làm mỗ trong làng - sống vất vưởng ở đầu ghềnh cuối bãi, theo thủy triều lên xuống để kiếm con ngao, con cá và thường nướng nấu nơi cổng đền làng. Sau Cách mạng, đáng lẽ hẳn được đổi đời, nhưng trong khi tổ chức các đội dân quân cũng như các đoàn thể cứu quốc, người ta quên không gọi hẳn, và lại hẳn còn nhỏ. Sau kháng chiến, Mới đã hai mươi hai tuổi, cũng là một điều lạ lùng, trong những năm bom đạn, hẳn vẫn bám lấy cửa lạch và cái cổng đền đã bị bom đánh sập, vậy mà không chết. Hẳn sắm được một chiếc mảng làm nghề câu biển, cũng có khi chạy sang nghề nông, cứ xam bán, và một lần nữa, trong khi tổ chức hợp tác xã, người ta lại quên hẳn, nghĩ rằng cứ để hẳn đứng ngoài với một chiếc mảng ghép bằng dăm ba cây bương, hẳn chẳng chết đói mà cũng chẳng phát triển lên tư bản chủ nghĩa được.

Ngày cái nhà của Khúng ở dưới quê chưa cháy, có một vài kẻ trong làng thuê Mới đốt cái nhà dựng trên nền đền, nhưng hẳn đã không làm mà còn mách với Khúng. Cũng vì cái ơn ấy mà Khúng cho hẳn dựng nhờ cây sào, tấm lưới, có khi động biển, hẳn còn được phép kéo chiếc mảng lên dựng vào sau túp nhà bếp

của Khúng và nấu nhờ một bữa cơm. Không hiểu vì lẽ sao từ khi thoát nhìn thấy thằng Mới, Huệ đã cảm mến ngay. Huệ có thể ôm con ngồi đưa mắt ngong ngóng ra ngoài cửa lạch suốt buổi, để xem hán câu, cái mảng lúc vào gần, lúc ra khơi, cứ lững lờ; hoặc là ngồi nghe hán vừa uốn lưỡi câu hoặc chữa chiếc mảng vừa kể thói quen từng loài cá, tính nết từng đám mây. Hán thật hiền, có lẽ hán hiền nhất làng và có một cái gì đó như một tâm hồn nghệ sĩ - một tâm hồn vô cùng thính nhạy nhưng lúc nào cũng khép kín. Cứ sau mỗi buổi ngồi nói chuyện với Mới, Huệ lại lấy làm tiếc cho một trí tuệ đầy thông minh mà không được học hành. Đến bây giờ thì Huệ đã hiểu vì sao trên khuôn mặt bầu bầu và rám nắng của Mới luôn luôn hiện lên một vẻ lơ đãng đầy trong sạch gần như ngây ngô khiến cho Huệ chợt nhớ lại cái khuôn mặt trí thức của người yêu cũ. Quả thật thế, nó giống như lột cái vẻ mặt của Th. - bố thằng Dũng - những lúc Th. ngồi trước những mẫu đá.

Khoan, đứa con vụng trộm với Mới là thằng con trai thứ tư của Huệ, lớn lên mặt mũi giống Mới như lột - và Khúng, một người cha vốn quý trọng con người và mọi nguồn lao động, vẫn yêu quý thằng con trai thứ tư, đứa con đầu tiên sinh ra khi vợ chồng lão vừa lên vùng khai hoang, chả kém gì những đứa khác.

Tuy vậy, từ trong sâu thẳm của nỗi niềm tâm sự về đường con cái, lão Khúng vẫn có những dằn vặt.

Kể cả cái thằng bé Khoan có khuôn mặt bầu bầu và nổi tiếng hiền lành nhất nhà ấy, dù là gì đi nữa nhưng điều quan trọng là lão đã biết rành rành nó là con thằng Mới, vẫn thuộc dòng máu của một anh dân làng Khơi tầng lớp mặt hạng - nghĩa là, lão đã biết hết tất cả mọi xuất xứ và nguồn gốc của nó.

Trong đàn con cái đông đúc mà mẹ Huệ đã đẻ cho lão như một nguồn lao động trời cho ấy duy chỉ có một đứa - là chính cái thằng Dũng - lão không hề biết rõ con cái nhà ai, lão không được

phép hỏi mụ vợ, cũng không được phép tìm hỏi người khác. Suốt đời lão, không hề bao giờ lão hắt hủi và bằng tất cả tấm lòng thành thực, lão yêu thương nó, nhưng không bao giờ lão thoát ra được cái nỗi ám ảnh rằng nó mang dòng máu xa lạ với lão. Thằng con ấy, nó là đứa đẹp trai nhất nhà, một mình nó một khuôn mặt, từ con mắt, cái mũi đều như được chạm trổ tinh vi hơn. Nhưng đây lại chẳng là cái vết thương sâu nhất của đời lão - suốt đời lão mang tiếng lấy vợ thừa người khác, chẳng là vì nó?

Trưa hôm qua, chia tay với thằng Dũng rồi lão còn quay lại đoàn tàu hoả đang còn đậu ở trong sân ga một lần nữa, lão khúm núm trước cái anh bộ đội cấp thượng úy: "Đừng để nó phải khổ, đừng để nó phải đói rét, cái thằng Dũng nhà tôi ấy, việc gì làm cũng được nhưng lại khảnh ăn như một đứa con gái nhà thành phố!" - "Biết rồi bố ạ - anh bộ đội dẫn quân chế nhạo lão - vào bộ đội cũng không phải là đi đây đâu. Bố cứ yên tâm!".

Thấy mình phút chốc trở nên y như một mụ đàn bà lẩn thẩn, nhưng lão vẫn cứ quanh quẩn bên cái toa tàu có đứa con đang ngồi, hết mua hoa quả lại bánh trái lật đật mang về bắt nó ăn.

Nửa giờ sau mới có một chiếc xe tải của một đơn vị bộ đội Hà Nội đến đón đám tân binh miền Trung vừa ra. Trông thấy thằng Dũng rời tàu bước lên xe, thế là lão Khúng cứ quỳnh cả lên. Chẳng biết làm gì trong cái phút chót, lão dúm thêm một mớ giấy bạc vào tay nó khiến thằng bé vừa thương bỏ lại vừa ngượng với bạn, đến nước nó phải gắt lên với lão trước lúc xe chạy.

Lão đứng lại một mình giữa cái sân ga Hàng Cỏ đầy những người lạ. Đến bấy giờ lão mới đưa mắt ngắm nhà cửa, phố xá Hà Nội và lão sức nghĩ đến những lá thư được gửi đi từ đây, từ cái thành phố thủ đô này - mà suốt gần hai mươi năm nay, cứ một vài năm vợ lão lại nhận được một lá. Đó là những lá thư riêng của vợ mà lão đã đọc trộm. Những bức thư viết trên một thứ giấy thật mỏng, mà mỗi lần đọc xong, suýt nữa lão đã toan lấy làm giấy vắn thuốc. Nhưng lão không dám, lại đem cất lại như

cũ, tận dưới đáy một cái chum trong xó buồng vợ.

Mỗi lần nhận thư, bao giờ đêm ấy vợ lão cũng thức chong, đuổi lão ra ngoài nhà nằm, hai ba ngày sau vẫn cứ như một người câm và đối xử với lão như một người xa lạ.

Dù rằng suốt một đời đã bị lão Khúng biến thành một cái máy đẻ và đến bây giờ đã trở thành một người đàn bà thôn quê thực sự, một bà kẻ miền rừng thực sự, chắc hẳn Huệ vẫn cất giữ cho riêng mình một chút hình ảnh cuối cùng của cái thời thiếu nữ sống ở thành phố, cùng với một mảnh tình yêu đầu tiên đầy sâu nặng mà thời gian hai mươi năm chỉ có thể càng đào sâu chôn chặt vào tâm khảm.

Suốt gần hai mươi năm nay người đàn bà vừa gàn gỏi vừa xa lạ với lão Khúng không hề đặt chân đến một thành phố nào cả, kể cả cái thị trấn lâm nghiệp cũn con, đìu hiu nằm kề sông chỉ cách nhà dăm cây số, cũng ngại đến.

Huệ đã gắn bó ngày một chặt chẽ với nhà cửa, nương rẫy, bởi chính chị đã phải cùng với lão Khúng nát óc, tính toán, thức khuya dậy sớm, trút mồ hôi và sức lực đến gần cạn kiệt, để có tất cả ngần ấy của một gia đình nông dân đông con.

Đất đai và cây trái, trong khi con người làm ra nó thì chính nó cũng làm ra con người. Chính Huệ cũng đã trở thành một người đàn bà nông dân với cái tính ky cốp, chắt bóp, tham công tiếc việc, tham của và thậm chí đôi khi còn lảm điều nữa. Hàng xóm, láng giềng sang chơi thỉnh thoảng vẫn nhìn thấy cặp mắt Huệ len lén từ trong bóng tối, trong khi trút hàng chục vò rượu giấu trong buồng ra những chiếc bong bóng lợn.

Hoặc vẫn bằng hai bàn tay con gái thành phố - bây giờ đã đen đúa và sứt sẹo - một tay bưng bát rượu, một tay cầm chiếc đũa cả ghè miệng một con dê bị trói chặt nằm giữa sân, Huệ đổ rượu vào miệng con vật trước khi cất tiếng nó bằng một con dao nhíp với tất cả vẻ thành thạo.



Chùng như đây là một người đàn bà đã quyết tâm đoạn tuyệt với gốc gác thành phố.

Nhưng đời sống đô thị - cái niềm mơ ước thật xa lạ cứ mỗi ngày một hiện ra trong lòng những đứa con của Huệ một cách cụ thể, như một tiếng gọi của thời đại, nhất là vào những tháng cuối năm, mùa cà chua, chúng phải đèo những sọt cà chua chín đỏ xuống bán tận dưới chợ Vinh, sáng đi chiều về. Có khi ruộng cà chua chín rộ, hai ba đứa phải đi từ chiều hôm trước và ngủ đêm lại dưới thành phố.

Những buổi khuya sáng trăng, trong cái im lặng thắm sâu từ những cánh rừng chung quanh như ủa tràn ra cái sân nề vôi trắng toát trước nhà, đám con tụ tập lại, kháo với nhau bao nhiêu là thứ chuyện đầy hấp dẫn về đời sống ở trong cái quảng sáng điện mà chúng vừa từ đây trở về. Thế rồi một lần thằng Dũng cái đứa con đầu lòng ấy của Huệ đã bị lạc trong vùng quảng sáng kia đến những ba ngày. Khi trở về, hắn đã quỵn theo về nhà một đứa con gái tóc uốn. Huệ cầm đôi đũa cả quấy cám lợn chạy ra đứng trước hiên nhà bếp, nhìn xuống con đường dốc đất đỏ ối của quả đồi đối diện. Chị nhìn thấy cái đứa con gái ngồi sau boóc ba ga xe đạp của thằng Dũng, hai chân bỏ lệt vào một bên cái sọt không. Khi thằng con trai thả phanh cho chiếc xe lăn tuồn tuột đến chóng mặt xuống dốc, hắn đã cố ý bắt buộc đứa con gái tuy then đến chết nhưng cũng phải nhắm mắt ôm ghì lấy ngang lưng hắn.

Về đến nhà, thằng Dũng dựng xe trước thềm, cúi xuống một bên sọt nhặt chiếc ba lô khoác lên vai đứa con gái, còn chiếc túi da có in hình chiếc máy bay cũng của cô gái, hắn vẫn xách trên tay. Sau khi biết bố đang còn bận nhặt đá ở trong Khe Đá Dầu

với thằng Khoan chưa về, hấn điềm nhiên dẫn cô gái lạ mặt vào trong nhà bếp, giới thiệu như khoe với mẹ:

- Đây là cô Thuỳ Loan, kỹ sư, bạn mới quen của con!

Trời ơi, một thằng thanh niên miền rừng đi bán cà chua ở chợ tỉnh không biết làm thế nào đã tha về được một đứa con gái có bằng cấp cao sang là nhường kia, xét ra tuy không đẹp bằng thằng Dũng nhưng cũng là một cô gái khá xinh xắn và rất lễ phép, và một điều khiến cho người mẹ phải giật mình là mới thoạt nhìn, Huệ đã biết ngay là một đứa con gái sinh ra và lớn lên ở thành phố.

Tuy trong thâm tâm Huệ thấy chua xót và đã nhìn thấy một cái gì khập khiễng giữa hai đứa trẻ, nhưng chiều ấy, Huệ tiếp đãi đứa bạn của con trai đặc biệt trân trọng và ân cần.

Đêm hôm ấy, Loan ngủ với người mẹ ở gian nhà trong, một gian buồng ngủ mà bốn chung quanh cái giường nằm kê đầy những chiếc chum bằng đất nung đựng ngô, đậu, khoai lang khô, những chiếc bong bóng lợn đựng rượu và những lá thư không được trả lời. Nửa đêm về sáng, Loan thức dậy. Trong khi ở nhà ngoài thằng Dũng cũng thức dậy đang tìm điều hút thuốc Lào, Huệ nằm mơ màng chợt nghe thấy chung quanh cái nếp nhà ở miền rừng của mình cứ rộn lên đến chói tai những tiếng kêu rền rĩ của một chiếc xe cút kít đang lên dốc, trong một buổi chiều cách đây gần hai mươi năm...

2

Khi thằng Dũng đã hơi lớn, vào trạc mười ba, mười bốn, đến cái tuổi đủ sức quàng một đoạn dây chắp bằng vải cáu đen mờ hôi vào sau ót, tay nâng đôi càng đẩy chiếc xe cút kít lẫn bánh, dù đang phơi hàng đồng quần áo ngoài sân hay đang mắc bận

nấu nướng và xua những con dê ra khỏi nhà bếp, bao giờ Huệ cũng nhận ra được đứa con đi vào rừng đẵn củi đã trở về - qua cái tiếng kêu của bánh xe cút kít cứ rít lên trong cái trục gỗ. Và lần nào chị cũng cứ ngỡ như lại đến lượt thằng Dũng tha về một người đàn bà tóc tai rũ rượi, hai hàm răng trắng loá nghiêng chặt, lúc há to như thể không bao giờ khép lại được nữa, và cái bụng người đàn bà y như một quả trứng khổng lồ đang sắp rạn vỡ.

... Lúc bấy giờ mặt trời đã đứng bóng. Con đường xuyên rừng vắng heo hút, không hề có một bóng người, Huệ đang cố lết đi. Quãng đường dèo không dốc lắm nhưng dài quá sức một người đang đau bụng đẻ. Gắng đi thêm một quãng, Huệ lại tìm một cái cây, đứng tựa lưng vào. Chị nắm thật chặt chiếc khăn vuông hoa gói vài chiếc tã lót và một nắm cơm.

Lên được hai phần ba đèo, thì không đi được nữa. Chị phải ngồi lại bên một gốc cây. Con đau mỗi lúc một quặn hơn. Nhìn con đường trườn lên dốc chỉ thấy nặng, từ dưới lên cũng như từ trên phía đầu dốc đổ xuống vẫn chẳng thấy qua một bóng người.

Thậm chí một tiếng động cũng không có.

Nỗi thèm khát được gặp người. Không dám ước ao nhiều, Huệ chỉ dám ước từ trên dốc đi xuống một đứa trẻ, nếu nó là con gái thì càng hay.

Có lẽ mình phải sinh con một mình giữa rừng. Đến cái nước này Huệ chỉ còn ao ước được như người đàn bà trong cổ tích, được một con hổ đỡ cho.

Giữa lúc ấy, có tiếng xe cút kít vẳng lên ngân nga như tiếng sáo. Rồi Huệ ngó ra thấy một người đàn ông cởi trần, đẩy chiếc xe chất đầy những súc gỗ làm nhà, từ dưới chân dốc đi lên.

Ừ cũng lạ, lúc bấy giờ Huệ đã rúc thật sâu vào sau cái gốc cây, không phải gốc cây bên đường mà một cái cây to tận trong sâu, lại có hòn đá bên cạnh che khuất hết cả người, vậy mà Khúng cũng nhận thấy có điều gì lạ, đã dừng xe lại.

Khúng liền vứt hết những phiến gỗ súc đã đẽo sơ thành hình kèo, cột xuống bên vệ đường, để lộ ra trên chiếc mê đan bằng tre một lớp than, có lẽ Khúng vừa đốt trong rừng. Người đàn ông lấy tay san đều những hòn than thành một chỗ nằm hơi trũng xuống rồi mới chạy tới đưa người đàn bà lên xe.

- Đi đâu?

- Đi đâu cũng được. Cho tôi sinh.

- Sắp chưa?

- Ngay bây giờ.

- Không tính được ngày sinh hay sao?

- ...

- Người ở đâu? Sao không có ai đi theo?

- ...

Mới đi được một quãng, mặt mũi chân tay Huệ đã đen nhẻm. Mình đang nằm trên một đồng than vừa ra lò - Huệ tự bảo - vẫn còn nóng. Chị cố nép sát vào cái vành mê phía sau để tránh cái nhìn của người đàn ông đang đẩy xe. Chị xốc lại quần áo và lựa một thế nằm co mình như con tôm.

Lên gần tới đỉnh đèo, những cơn đau thắt lấy ngang người. Và Huệ cảm thấy một cái gì vô cùng riết róng, dữ dội và thâm khốc, trong những vòng quay dưới lưng. Những vòng quay cứ xiết lấy chị, không có cách gì cự quây ra được nữa. Nó là cái gì vậy? Đang giữa cơn đau, Huệ không biết cái gì, cũng không nhìn thấy mà chỉ cảm nhận được qua cái âm thanh ken két lúc rộ lên, lúc như nén lại để rồi lại kêu rộ lên to hơn, náo nê và riết róng hơn - của chiếc bánh gỗ to kèn càng quay lử khử trong một cái trục cũng bằng gỗ. Sang tới bên kia sườn đèo, Huệ nhìn qua vạt áo cánh trùm lên mặt, thấy một nền trời chiều xanh nhạt hiện ra sau một bức thành màu xanh sậm kết bằng chòm rừng kéo dài và cứ như đang dâng cao dần lên mãi. Từ trong khoảng cao xanh, lại chập chờn vọng xuống một thứ âm thanh vi vút, bay

bổng. Lắng nghe một lát, Huệ mới cảm nhận ra được cái tiếng sáo diều ngân nga vừa chọt nghe, chính nó vẫn là cái tiếng kêu của những vòng quay ở dưới lưng.

Quần quai mãi trên chiếc xe cút kít như một tên tù binh vừa rơi vào bàn tay tàn bạo của một thổ dân, đến gần tối thì Huệ sinh. Đứa bé ra đời trên dọc đường, trên tay Khúng.

Một tháng sau khi đẻ thằng Dũng, Huệ nhận lời lấy Khúng với một điều kiện: Không bao giờ Khúng được hỏi chị về quãng đời về trước, cũng như bố thằng bé là ai, không được hỏi dò la về người đàn ông ấy - mà Huệ chỉ cho Khúng biết là một người rất tốt, một trí thức vào bộ đội, cho đến giờ chị vừa thương hại vừa căm giận nhưng vẫn yêu và là người cùng quê cùng thành phố với chị.

Cái anh chàng nông dân lêu têu có đầu óc thích nổi tiếng chấp nhận các điều kiện ấy với tất cả sự thất thiệt nặng nề của một anh trai tân, để đánh đổi lấy một cô vợ rõ xinh đẹp, nhất là, một cô gái thành phố chính cống.

Hắn vênh cái mặt lên mà thách thức với cả làng: "Đi suốt mấy làng này, từ dân làm nghề biển cũng như dân trong đồng, thử hỏi có thằng nào lấy được vợ thành phố như tao - cái thằng Khúng ngất ngưỡng này?" Hắn đổ hết sức ra làm như trâu, mỗi ngày một chiếc xe than lẫn gỗ súc chở về bán cho đám dân biển. Bằng mồ hôi của hắn, hắn đã cứu được hai mẹ con Huệ. Cả hai tưởng sẽ chết sau kỳ sinh nở: mẹ bị phù thũng và đứa con vừa mới sinh ra đã sài đẹn. Cả làng chửi Khúng chẳng còn thiếu câu gì nữa. Cái thằng dám cả gan đem về cái nơi thờ thần làng một con đĩ chữa hoang hấn nhật được ở xó rừng nào...

*
* *

Cái lần thằng Dũng đi bán cà chua ở chợ tỉnh về, nó đã làm được một việc y như lão Khúng đã làm gần hai mươi năm trước đây, chính Huệ cũng không khỏi sung sướng và tự hào, khi thấy một cô gái có học thức và vốn xuất thân con nhà thành phố đã chịu theo đứa con trai đầu lòng của mình về nhà. Điều đó khiến cho Huệ cũng phải lấy làm lạ lùng và kinh sợ, như một sự lặp lại của số phận con người.

Sáng ngày hôm sau, Loan, cô kỹ sư được Dũng và bà mẹ dẫn vào trong Khe Đá Dầu - một khu vực khai hoang thứ hai mà lão Khúng và thằng Khoan đang dựng chòi ở - để đồn cây và nhặt đá.

Lão Khúng đã bắt đầu phải tính toán về đường xa, khi mà những đứa con trai và con gái của lão phần nhiều đều đã lớn, cần hỏi vợ gả chồng, làm nhà riêng và cũng phải tìm đất cho chúng sống. Đầu óc của một người nông dân bao giờ cũng nghĩ đến cuộc đời mai sau của con cái. Chính vì lẽ thế mà cái tay chẳng lúc nào được rảnh, chẳng lúc nào ngơi mảy may trong đất.

Đất trong Khe Đá Dầu còn tốt hơn đất ở ngoài chỗ hiện đang ở - làm lão Khúng cứ mê đi, như đã nhìn thấy trước cái sự thịnh vượng của đời con cái - chỉ hiềm nỗi, lão chẳng biết có ai đem giấu cái gì bên dưới mà sét đánh luôn, hễ có giông là có sét.

Lần ấy, Loan ngủ lại thêm một tối trên chiếc chòi của gia đình Dũng dựng trong Khe Đá Dầu. Sáng ngày hôm sau, Dũng dẫn cô đi tiếp một buổi nữa mới vào đến một dãy lèn đá mà những người khai hoang thường gọi là "lèn địa chất". Ở đấy, Loan trình giấy giới thiệu và nhận công tác ở một đội thăm dò địa chất. Hàng trăm công nhân và kỹ sư đã có mặt ở đấy từ những năm vùng này còn bị máy bay Mỹ đánh rất. Công việc thăm dò càng được ráo riết xúc tiến khoảng vài ba năm nay - ngoài các kỹ sư người trong nước còn có các kỹ sư người nước ngoài.

Trong các bức thư của Th. mà Huệ vẫn trân trọng bí mật cất

dưới đáy một cái chum, không có bức nào mà Th. không nói qua về công việc của anh ở Hà Nội - một công việc liên quan mật thiết và có tính quyết định đối với công việc thăm dò đang tiến hành ở đây, cả những chuyến máy bay chụp ảnh thỉnh thoảng bay qua vùng khai hoang cũng nhằm mục đích ấy.

Có thể nói rằng suốt cả đời mình, Huệ sống ở đây để chờ đợi một thành phố sẽ ra đời, không phải một thành phố buôn bán và tiêu thụ, mà là một thành phố công nghiệp của hàng vạn công nhân khai thác mỏ quặng của một thứ kim loại quý. Huệ biết rằng đến lúc đó, đời sống con người và thiên nhiên chỗ này sẽ hoàn toàn khác bây giờ, con người sẽ không còn bị bưng bít bởi sự hẻo lánh nữa và đứng ở đây, người ta có thể nhận được những tin tức của mọi nơi khác.

Một đời người thật ngắn ngủi, Huệ biết đời mình chưa chắc đã trông thấy mặt mũi cái thành phố tương lai được xây dựng trên vùng đất do bàn tay vợ chồng chị đang khai phá, nhưng chị tin nhất định dù sớm muộn nó phải có, nhất định một thành phố công nghiệp sẽ mọc lên trên mảnh đất hoang dã này. Chao ôi, chỉ có Huệ mới hiểu hết được tất cả nỗi đau đớn, tù túng của một cuộc đời bị bưng bít và cách biệt với chung quanh, dù kẻ thông minh và hiểu biết đến đâu cũng sẽ trở thành hẹp hòi và thiếu cận không tránh được, mà cũng chẳng có gì đáng trách, Huệ đã lấy cả bản thân số phận đời mình để làm vật thí nghiệm cho cái điều này cơ mà? Mảnh đất này chỉ có cách công nghiệp hoá, ổng khối những lò cao nhà máy phải mọc lên, những thành phố của công nhân hắt những quầng sáng điện lên trời phải mọc lên! Những đứa con của chị chẳng phải mơ ước và đi tìm kiếm cuộc sống đô thị ở tận đâu xa, mà ở ngay trên miếng đất chúng đang đứng. Vợ chồng Huệ tổ chức đám cưới cho thằng Dũng vào tháng ba thì tháng chín người con trai đi bộ đội. Có một lá thư của Th. - một bức thư rất quan trọng - vừa gửi về mà lão Khúng chưa được đọc. Huệ nhận được bức thư cuối cùng ấy chỉ trước ngày

thằng Dũng bước chân ra đi dăm hôm và chị cứ đắn đo mãi có nên đưa cho con xem hay không? Th. báo tin cho Huệ biết anh đã được Chính phủ chỉ định làm tổng công trình sư của cái công trình công nghiệp đồ sộ sắp bắt tay xây dựng vào đầu sang năm, và nay mai anh sẽ thường xuyên có mặt ở tại thị trấn lâm nghiệp, cùng với những bộ phận đầu tiên của bộ máy điều hành của mình. Cũng như những lá thư trước nhưng lần này bằng giọng tha thiết hơn, van nài hơn, Th. xin lỗi Huệ hãy quên mọi chuyện cũ và tha thiết đề nghị được gặp Huệ và con. Dù như Huệ nói, bây giờ Huệ đã trở thành một người đàn bà khác hẳn trước kia và đứa con trai không còn là con của anh nữa, thì anh cũng tha thiết xin được gặp.

3

Khách cầm đứng đôi đũa son gọt hai nhát từ hai bên mép vào giữa rồi buông đũa. Chiếc bát ăn cơm đặt rìa mâm vẫn chỉ bốc lên hơi men.

- Cháu đủ!

Trong lúc chống gối đứng dậy, lão Khúng cúi xuống chiếu nhặt chiếc khăn lau mặt, chợt nhìn thấy khuôn mặt của lão và khuôn mặt Định gần như kề sát nhau, phản chiếu trong cánh cửa gương của chiếc tủ đứng.

Con người ta cùng một dòng máu mủ mà khác nhau biết chừng nào? Cái ý nghĩ như một kết luận không phải hình thành một lúc trong cái đầu óc nông dân bảo thủ đầy sắc sảo của người cháu, mà ban đầu lão thấy khuôn mặt người chú trong gương như một điều chứng thực cho một cái nhận xét bất chợt nhưng rất quan trọng của lão, trên dọc đường chiều hôm qua lão đi một mình từ ngoài ga Hàng Cỏ về nhà Định.

- Những cái anh dân thủ đô Hà Nội này - lão đập những bước như vồ nên xuống mặt nhựa vừa gật gù nghĩ một mình - sao mà người nào cũng y như ngâm lâu ngày trong bể nước mới vớt lên? Da thịt người đâu mà cứ trắng nhợt, mà người nào người nấy cứ mềm oặt, mềm như sợi bún, từ cái ngón tay đến sợi tóc đều mềm, tiếng nói cũng mềm, dáng đi điệu đứng lại càng mềm, nhất là cái tiếng cười lại mới thật là mềm chứ?

Lão đảo mắt nhìn sang những đứa con của chú ngồi quanh mâm rồi nhìn kỹ vào một bên tai chú:

- Mụ này - lão vừa nói vừa giơ tay đón lấy chiếc điều cày mà vợ Định vừa chạy sang nhà hàng xóm mượn về - mụ không biết chứ, chú Định càng về già càng giống ông nội cháu ngày xưa. Giống lắm cơ! Cả những sợi lông xoắn từ lỗ tai mọc chìa ra. Ông cháu ngày xưa cũng thế, nhưng còn rậm hơn cơ!

Định ngẩng lên. Bất giác Định cũng bắt gặp cái mặt mình bên mặt người cháu - như càng làm nổi bật cái màu nước da tai tái và râm nâu như da thuốc, với những đường nét gãy khúc đầy khắc khổ, với những khoảng lõm lõm y như những tảng đất cày đắp lên, và từ sau hàng lông mày rậm rì và cứng, lúc nào cũng chiếu ra chung quanh một cái nhìn ngang bướng và đầy ngờ vực.

Tuy chú cháu nhưng so tuổi tác, Định chỉ hơn Khúng vài tuổi. Nhưng cứ nhìn mặt, ai cũng phải nghĩ Khúng già hơn - như một bậc bề trên trong gia tộc. Ngày xưa bố Khúng - ông anh cả của Định - chẳng được học hành mấy, mười lăm tuổi đã phải ở nhà đi cày. Mà cũng nhờ thế Định mới được theo học đến thành chung. Nhưng đến đời Khúng và những đứa con của Định thì cái sự xa cách mới thực sự là xa cách. Quanh một cái mâm cơm gia đình mà như người từ hai thế giới hợp lại.

Chao ôi, có lẽ cho đến nhắm mắt, riêng đời Định vẫn còn mắc một món nợ không bao giờ trả được, là món nợ với Khúng và bố mẹ Khúng, và nói chung, với những người thân thích, ruột

rà ở làng. Làng anh, cái làng Khơi nửa biển nửa đồng, sia chân từ trên tàu hoả xuống, phải đi gần chục cây số về phía biển mới thầu và chỉ có một cách cuộc bộ ấy, nó có một sức nhai người ghê gớm. Nó nghiền nát những con người ra rồi vất nặn theo cái hình thù đã có từ nghìn đời của nó, rồi bắt những con người ấy phải sống theo cái luật cũng đã có từ nghìn đời nhưng không bao giờ viết thành văn của nó.

Hàng chục năm nay cũng như từ nghìn đời, bao nhiêu thứ giặc ngoại xâm đến đây đều bị chết gục trong cái làng quê hiền lành một màu xanh rì ấy, nhưng cũng hàng chục năm nay, những điều biến đổi của cách mạng đến được đây cũng mới chật vật, khó khăn làm sao? Vẫn biết rằng trong làng đã có hợp tác, đã có một khu đất thoáng mát xung quanh trồng phi lao; nhà trạm xá, lại rạp chiếu bóng, một làng mà có cả một rạp chiếu bóng nằm giữa cánh đồng muối bên con đường quan. Tuy vậy, cái làng nó vẫn là cái làng, vẫn là cái làng quê thân yêu và lâu đời của Định, mà một lần ban đêm hành quân giữa rừng Trường Sơn, chỉ nghe một giọng nói người làng cất lên trong hàng quân đi ngược chiều, Định đã phải kêu lên một tiếng xiết bao mừng rỡ, và chính tiếng kêu của anh đã khiến một cái bóng người khoác súng từ hàng quân bên kia nhảy bổ sang với anh.

Nói gì thì nói, trong hàng chục năm nay người cháu đang ngồi trước mặt Định kia và đang xì cả nước điều ra nhà Định kia, cũng chính là người đã gìn giữ phần mộ của bố mẹ và ông bà Định. Chứ như cái đám con của Định thì dừng hòng, chúng nó học thức nhưng rất ít tình cảm họ hàng làng mạc. Mà tình cảm họ hàng làng mạc thì Định không muốn đánh mất.

Và chê trách gì thì chê trách, với bao điều có thể chê trách, Định vẫn quý và khâm phục cái người cháu. Khi Định ở trong B ra, - sáu năm sau - anh đã được nhìn thấy, thay vào cái "ổ gấu chó" là một nếp nhà gỗ rất khang trang đứng giữa một vùng đất bát ngát cứ xanh um lên, không phải màu xanh hoang dã của

rừng nữa, mà là lạc, mía, chè, mít, bầu bí, và xa xa dưới chân đồi trước nhà là lúa, lúa đang vào chắc... và bộ đội đang mắc võng ngủ đầy nhà trên, anh nuôi nấu cơm trong chiếc chảo gang dưới bếp, trong khi ấy, những đứa con của Khúng lớn vống lên, còn Khúng thì đã trở thành một ông già, sáu năm ở chiến trường không làm Định già nhanh đến thế. "Chú! Vậy mà mấy lần cháu nằm mơ thấy... chú chết!" Tình máu mủ khiến Khúng mừng rỡ cứ cuống quýt cả lên khi tận mắt trông thấy Định từ trong Nam đã trở ra thực.

Và đến bây giờ, khi người cháu đích tôn của Định đang ngồi khè khà uống rượu giữa đất thủ đô Hà Nội, nghĩa là sau mười bốn năm, nơi cái mảnh đất rừng sâu ma thiêng nước độc, ngày đó chỉ có một mình lão dám đưa vợ con đến bới đất, nhặt đá, xua hổ, vạch rừng cò tranh cao ngập đầu để thiết lập nên cái "ổ gấu chó" đã mọc lên một vùng xóm mạc sầm uất. Những kẻ đến sau cứ lần theo dấu chân lão Khúng mà tiến sâu mãi về phía Tây. Như thế là đã ra đời trên tám bản đồ của đất nước tên một cái xã mới, bắt đầu từ cái bàn tay khai phá đầy gian nan của lão Khúng.

*

* *

Định đi sau ông cháu. Định phải trực tiếp sắm vai kẻ hướng dẫn mua bán cho Khúng - y như một vài lần anh phải hướng dẫn khách nước ngoài.

Khôn khổ, công việc này đáng lý Định có thể giao cho lũ con, nhưng Định thấy dù một đứa nào chu đáo đến đâu cũng sẽ dễ xảy ra sơ suất, trong cái công việc hướng dẫn Khúng đi thăm thú các thắng cảnh và mua sắm. Cả đời người cháu ruột của Định mới ra chơi Hà Nội. Định không thể để sơ suất, xuất phát từ một tình cảm sâu nặng và cả sự kính trọng của Định đối với người

cháu tộc trưởng.

Từ sáng tới giờ Định đã đưa ông cháu đi dạo qua một số di tích và thắng cảnh của thủ đô, nhưng xem chừng vị khách quý chỉ thích ngắm nương ruộng, gia súc, những cái suốt đời chung sống với lão! Đặc biệt trong khi đứng trước Bờ Hồ, lão đã phát biểu cảm tưởng một cách thực thà. Rằng so với bức tranh treo ở vách nhà lão thì cái tháp Rùa thật không giống cái tháp Rùa vẽ ở nhà lão! Nghĩa là trong hàm ý, lão vẫn lấy cái tháp Rùa ở nhà lão làm chuẩn mẫu mực.

Nhưng chỉ khi đến trước cửa chợ Đồng Xuân thì lão Khúng mới cảm thấy thực sự đã đến Hà Nội. Lão tòm tìm cười một mình trong khi liếc qua một đám con gái mặt hoa da phấn, nhưng cái chúng đang xách trên tay thì vẫn là cái quá tầm thường: hũ nước mắm, dùm muối, mớ rau, con cá... Thì hoá ra cái đám người ẻo là như ngọn cỏ may này cũng không phải chỉ là đi dạo, mà cũng phải ăn uống. "Ấy, ai sinh ra cái ông trời kể cũng tài thực - lão Khúng vẫn tòm tìm cười và bất giác nghĩ - Ông trời làm ra con người "bách nhân - bách tính" nhưng ông trời lại khéo cho con người một cái nét mà ai cũng mắc phải: đó là cái việc ăn. Hoá ra cái anh dân Hà Nội này cũng phải ăn. Chè nên mới sinh ra cái chợ Đồng Xuân này to như thế!".

"Làm con người đã sống trên đời, anh nào cũng phải ăn cho nên xét cho đến cùng, ruột dạ đều giống nhau cả!" Lão Khúng lại triết lý trong khi đi qua những gian hàng tanh tưởi.

Hai tai lão chẳng mấy chốc đã ù đặc vì tiếng ồn. Mắt lão cũng hoa lên vì trăm thứ hàng hoá chất đống. Đã từng leo hết quả núi này đến quả núi khác, vậy mà mới loanh quanh trong chợ, cặp giò như hai cái trục bánh xe của lão đã mỏi là sao?

Để tránh khỏi mất cắp, Định bắt Khúng trao gói tiền cho mình giữ. Mua thứ gì, anh tự đếm tiền trả. Mà những thứ ông cháu muốn mua thì nhiều lắm. Cái gì Khúng trông thấy, là thấy

ở nhà mình cần. Mà cái gì cũng rẻ hơn ở nhà một giá. Thế mà nào lão có biết? Suốt đời lão chỉ chúi mũi vào hòn đất.

Khi bước ra trước vòm cuốn cửa chợ, hai chú cháu nhà ấy đã y như hai nhà phi công vũ trụ. Thế mà vẫn còn thấy một đám người chạy theo dúi vào tận ngực họ đủ mọi thứ khiến lão Khúng cứ đứng cười ngất.

Chỉ trong một ngày lão đã khuân về bày lũng ngừng khắp gian nhà "hẹp bằng cái lỗ mũi" của ông chú nào vành, khung và lớp xe đạp, sanh, nồi, hàng mấy yếm hành làm giống, hạt cà chua và hạt bắp cải giống, và quần áo cho đứa lớn, đứa bé, cho vợ...

Nhưng đấy cũng chỉ là mấy thứ vật. Trong chuyến đi ra thủ đô lần này lão đã ráp tâm từ ở nhà một ý đồ lớn hơn nhiều: Lão sẽ tập trung tiền mua một bộ trục, vành và sãm lốp ô tô, để "lên" một cỗ xe trâu! Việc này lão đã viết thư cho Định biết từ năm ngoái: Nhà lão phải tiến lên vứt bỏ chiếc xe cút kít. Nó là thứ phương tiện chuyên chở quá cổ lỗ, mà tốn sức! Loài người đã bước sang "thời đại tên lửa" rồi cho nên sau chuyến đi này, nhất định gia đình lão phải có một cỗ xe trâu, để chở đá trong Khe Đá Dầu ra này, chở lúa thóc ra chở phân gio vào trong ấy này, rồi chở gỗ lạt trong rừng ra, hoặc cũng có thể những ngày giỗ tết cả nhà lão leo lên ngồi trong cái thùng xe để về quê...

- Dừng chế nhạo anh, các em ạ! - Lão nói với lũ con ông chú đang cười nhảu nhở vừa giễu cợt lão - Các em đã từng biết cái tiện lợi của ô tô và tàu bay so với chiếc xe đạp, vậy như anh đây ở nhà quê trong ấy suốt đời đẩy xe cút kít, thì một chiếc xe bánh lốp ô tô có ồ bi với con trâu kéo, đã là ô tô, tàu bay rồi đấy!

Ba bốn ngày sau, cả mấy bố con Định toả ra lũng sục khắp các phố góc ngách của Hà Nội. Họ tìm được đầy đủ một bộ đồ để "lên" một cỗ xe trâu, nhưng khi hỏi đến giá cả, thì mới thấy là cả một số tiền lớn. Không phải một lúc mà Khúng có thể dứt ra khỏi nương ruộng để đi Hà Nội - Định nghĩ thế cho nên anh

bàn với vợ bán chiếc đài cùng vài thứ lặt vặt, đập vào số tiền mua sắm còn lại của Khúng, góp phần "đầu tư vào cuộc cách mạng kỹ thuật" trong nền sản xuất của gia đình người cháu ở trong quê.

*
* *

Vào một buổi chiều ngày chủ nhật, trước khi ra tàu hoả để trở về, Khúng nói với Định:

- Cháu phải tranh thủ đi đến nơi này...

- Ừ, ừ để chú đưa đi ngay! - Định đáp.

Khúng nói rằng mình cần phải đi đến "cái nơi này" một mình. Lão mượn bộ quần áo đại cán của Định, mặc vào. Nhưng vừa đi ra đến cửa lão đã quay lại, cởi giả bộ quần áo đại cán cho Định. Vẫn đánh cái bộ quần áo vải thô nhuộm nâu, đi ra ngoài phố được một quãng, lão gọi một chiếc xích lô bảo đưa đến một cái địa chỉ trong thành phố. Đây là một cái địa chỉ với những con số lần hàng chữ viết trên đầu phong bì của những lá thư xếp phơi luya, trong nhiều năm nay vẫn xếp chồng lên nhau dưới đáy một cái chum.

Đến lúc này, lão Khúng đã quyết định xé bỏ cái thoả ước đã ký với vợ hai mươi năm trước.

Người xích lô đổ lão xuống trước một ngôi nhà sáu tầng mái bằng ở đầu hẻm có chữ B4. Có lẽ đến gần một tiếng đồng hồ, lão Khúng cứ quanh quẩn chung quanh giải bờ hè chân tường, rào bước đi vòng quanh ngôi nhà hết vòng này đến vòng khác đến mỗi rữ cả chân: - "Rõ thật quân man di mọi rợ, nhà với cửa, cứ y như một cái hộp sắt tây đậy kín mít, nghe bên trong nhạc xập xình như đang có đám cưới, lại thấy các dây quần áo đang phơi, lại thấy cả những cái mặt người lộ ra y như một lũ chim

bò câu đang gù trong các tầng chuông: có người ở chứ không phải nhà đã đi vắng hết, vậy mà tìm mãi vẫn chẳng thấy cổng ngõ ở đâu cả!".

Lão lại tốn một tiếng đồng hồ nữa để đi lạc lung tung ở bên trong, hết leo lên tầng thượng đỉnh lại lộn xuống tầng dưới cùng, rồi lại được chỉ dẫn phải leo lên... "Ừ cũng lạ thật cái anh dân thành phố, sống như thế này mà cũng sống được, chẳng có vườn tược, chẳng cây cối, ăn, ở, ỉa, trên đầu nhau, chỉ thấy tường và tường, chả trách người nào người nấy cứ trắng nhợt, nói khề, cười khề, đi khề, là phải!..."

Lão đã bắt đầu thấy ngọt thở, khi đứng trước cửa gian phòng đang định đi tìm. Mới đặt một bàn chân lên tấm cối chùi chân, lão đã chợt nhìn thấy thằng Dũng nhà mình - đến hôm nay đã ăn mặc quần áo bộ đội - đang ngồi trong nhà.

Lão sửng sốt, rụng rời cả chân tay.

Có lẽ thằng Dũng cũng như lão, lần đầu tiên đến đây và cũng vừa chợt đến.

Thằng con lão không kịp trông thấy lão, bởi ngay sau đó, tức tốc lão đã quay lưng lại và chạy bổ nhào xuống cầu thang.

Từ bấy giờ cho đến tối, lão Khúng đi lạc lung tung trong thành phố. Những bức tường chi chít và những ngõ phố khúc khuỷu như đang bày trò chơi ú tim với lão, chế nhạo lão. Đèn trong các lùm cây và trong các gian nhà đã bật sáng, mà lão vẫn không sao tìm được lối về nhà ông chú. Toàn thân lão run lẩy bẩy như người lên cơn sốt và trong tâm hồn lão tự nhiên dâng lên một nỗi niềm cô độc, lão lẩm bẩm gọi tên thằng Dũng, lão lần lượt gọi tên từng đứa con đang ở trong nhà. Lão cầu xin đàn con đừng bỏ lão mà đi, mà hãy ở lại với lão, hãy ở lại với đất cát.

Mười giờ đêm lão mới tìm về đến nhà người chú, giữa lúc cả nhà đã toả đi tìm các ngõ.

Lão nhất định không kể lại cho Định biết một điều gì. Mặc

dầu Định quyết giữ lại ở thêm một ngày nhưng lão Khùng vẫn một mực xin phép vợ chồng ông chú được về.

Lão vội vã gói buộc đồ đạc. Gần như cả gia đình Định đã đưa lão ra tàu.

Quá nửa đêm, tàu mới bắt đầu lăn bánh.

Khi những luồng gió không có gì cản trở, tự nhiên thổi lồng lên trên nóc và hai bên cửa sổ toa tàu hoả, trong đêm lão Khùng nhận ra luồng gió man dại quen thuộc, và biết mình đã ra khỏi thành phố, đang trở về với đất cát hồn nhiên và hoang dã...

3 - 1984

SỐNG MÃI VỚI CÂY XANH

*(Thiên hồi ký đầy cảm động của
cây sấu và cây cột điện)*

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT ÔNG LÃO BIẾT NÓI CHUYỆN VỚI CÂY CỐI

Ở trong cái ngõ 27 ấy, - chừng dăm bảy căn hộ toàn dân lao động ở sát nhau tận cuối một cái phố ăn thông ra chợ - người trong ngõ ai cũng cho rằng bác ta hơi dở tính, là bởi vào những ngày nổi gió to, bác hay đi lang thang trong công viên Bách thảo để trò chuyện với cây cối.

Một người sống viễn vông giữa các bà con suốt ngày bận bịu, làm ăn tất bật, bị người ta kêu là dở người cũng phải. Quả thực trong chuyện đời xưa cũng có một kẻ nào đó suốt đời nói chuyện với cây cột nhà, kết quả là tiếng tăm, dư luận đồn đại để đến tận bây giờ chưa hết.

Cái nhà bác Thông liệu có để lời đồn đại về sau hay không - chỉ hậu thế mới rõ. Riêng tôi đoán chắc là không, bởi tôi tin rằng: người ta trong thế kỷ tới sẽ hiểu và nói thạo được thứ ngoại ngữ

có thể trò chuyện được với loài vật và cây cối.

Theo sự điều tra và xác nhận của tất cả các nhà thông thái trên trái đất thì từ xưa chỉ có hai loại người biết thứ ngoại ngữ thú vật đó là tiên bụt và trẻ em, và về sau này, thêm các nhà bác học.

Bác Thông không phải trẻ em, tiên bụt, cũng chẳng phải bác học hoặc nhà thông thái gì cả, nhưng đã ba đời nhà bác làm nghề trồng cây, và trông nom săn sóc các cây cối trong thành phố này, cây trong công viên cũng như cây dọc đường phố, cả những cây cổ thụ gần trăm năm cũng đều do bàn tay bố hoặc ông nội bác trồng, cho nên bác Thông biết thông thạo thứ ngoại ngữ đó, xét ra như thế cũng có thể tin được.

Không biết có đúng hay không, người ta đồn rằng bác lại còn có thể trò chuyện với cả đất nữa. Có lần đến bỏ củi hộ nhà tôi, và biết tôi đôi khi có viết lách, bác ta nghĩ ý muốn bắt chước cách làm của các bậc vĩ nhân, kể cho tôi ghi một thiên hồi ký, trước hết hãy làm thử các đoạn bác đi vào Trường Sơn bóc mộ cho anh con trai. Nếu không biết tiếng nói của đất thì cái lần đi năm ngoái, bác đã không tìm thấy đâu là nơi cất giữ hài cốt anh con, vì chẳng có một ai trong đám mấy anh em bộ đội dẫn bác đi còn nhớ thật đích xác đã chôn anh con trai bác ở đâu.

Thật là có tội nếu chúng ta bảo bác Thông nói phách hay dám bịa đặt ra các chuyện vô lý như thế, dù chỉ nghĩ trong bụng cũng không nên - vì bác vốn nổi tiếng thật thà. Nhưng dù sao tôi vẫn cứ băn khoăn một chút, không hiểu đất cát có tiếng nói của nó không, vì đã có câu: "Hồn đất mà biết nói năng...". Bác Thông nghe tôi nói, liền bảo: "Đất cát cũng có tiếng nói của nó nhưng tính nết của đất vốn lầm lì, ít lời, hàng trăm năm mới mở miệng thốt lên một tiếng và con người ta thường dựa vào đó, suy ngẫm ra để mà sống".

Thiên hồi ký của đất, sau bữa cơm rượu ở nhà tôi trong cái hôm bác đến bỏ củi giúp, hứng lên bác Thông có dịch một vài

đoạn ra tiếng phổ thông của loài người cho tôi nghe, nhưng tính tôi vốn cẩn thận cứ lo sợ cho hàm răng của mình, chỉ sợ chép sai lạc đi thì khôn!

Trước mắt tôi hăng cứ làm cái việc dễ dãi: Thiên hồi ký của cây sấu và cây cột điện ra đời là vì vậy.

*
* *

Thiên hồi ký của hai tác giả được viết bằng những lời văn thật giản dị mà tôi đã phải dịch sát nghĩa từng chữ: Về mùa đông, đặc biệt là những buổi chiều khô ráo có gió bắc từ ngoài bờ đê sông Hồng thổi vào trong phố, trời Hà Nội mau tối lắm. Bác Thông nhà ta, tính nết bao giờ cũng khác với nhiều cán bộ và nhân viên trong công ty trồng cây, buổi chiều tan tầm ra về bác thường áy náy về thời tiết, không hiểu suốt đêm những cây non ở trong vườn ươm có yên ổn mà hút sương để lớn lên không? Hay là súc vật tuông rào vào giẫm nát mất? Hay là gió máy nửa đêm bất thành linh nổi lên?

Lúc bấy giờ, cả hai tác giả chúng tôi - cây sấu và cột điện - đều có khuyết điểm không quan sát kỹ để biết đích xác bác Thông kéo hay là đẩy chiếc xe bò - đây là một chiếc xe rất cũ bác thường dùng để chở các cây đã cao độ non một thước đi trồng ở các phố.

Giá chiều hôm ấy, bác Thông không dừng lại trước cái "lô" những cây thông non mới lên được mười phân và thất sắc trước những vấy cháy xén lốm đốm vì gió bắc thì hẳn là bây giờ bác ta đã đứng đỉnh, ung dung ở nhà, khoác lên người chiếc áo ba-đờ-xuy màu xám tro có ba hàng khuy mà những người láng giềng của bác, từ bà Ngan goá chồng bán xôi lúa, cho đến cô Loan buôn tem phiếu, mỗi buổi chập tối hay thò tay móc từ cái túi may phía trong cặp quần ra một mớ giấy lẫn tiền bạc, buông xoã giữa mặt

cái chõng kê ngoài hiên, vừa đếm những tờ giấy bạc bị vò nát vừa hát:

Một buổi chiều mùa đông

Anh ra đi...

Những người hàng xóm ấy, dù là đang bận làm gì cũng phải ngẩng lên ngắm một bậc nguyên soái, hoặc ít ra cũng một vị đại tướng đang chậm rãi bước đi như một cuộc duyệt binh giữa cái ngõ hẻm, cánh tay nâng đốc kiếm giấu phía sau hai vạt áo trước gần chấm đất.

Trong buổi chiều đông bóng tối trùm xuống quá sớm, bác Thông phải trì hoãn cái giây phút tuyệt đỉnh hạnh phúc và oai vệ, buông hai càng xe bò đã dắt ra đến sát cổng. Để chiếc xe nằm đấy, bác chạy trở lại phía sau ngôi nhà của giám đốc, bằng chiếc kéo cắt cành cây, bác cắt những tàu lá chuối hột đem che cho những cây thông non. "Những bậc trượng phu, hào kiệt trong thiên hạ cũng đã có lúc phải ép mặt sau gấu váy mẹ khi người ta nhắc đến ông Ba Bị, huống hồ những cây thông mới ba mươi phân chúng mày? Tao đi qua không liếc mắt tới thì gió bác làm chúng mày đỏ ngọn hết nhé!"

Vừa nghe giọng quen thuộc, vừa dọa vừa đùa bỡn của bác Thông, hàng mấy trăm cây thông non đều thốt lên đồng thanh những tiếng rì rào đầy nũng nịu. Làm xong, tưởng đã có thể về được, chợt nghe trong hoàng hôn có tiếng giọt nước rơi lộp độp, bác Thông liền cảnh giác để nghe ngóng bên kia mặt nước Hồ Tây đã bắt đầu trầm chìm vào bóng đêm, nơi ánh đèn điện sáng nhấp nháy, chẳng lẽ các khách người Tây đang chơi trong khách sạn Thắng Lợi hút thuốc lá quá nhiều khiến cả một vùng sáng điện cứ mờ đi như khuất sau một bờ khói?

Không xong rồi, bác đã nâng hai càng xe bò lên lại vội đặt xuống, bụng dạ lại càng đầy ắp những lo là lo cho ba cái thằng thông con.

Bên trái cổng vườn ươm là gian phòng thường trực đêm. Bên trong vừa lên đèn. Bác chạy tới đập vào tấm cốt ép che cái cửa sổ bên hông nhà:

- Thung ơi, chết cha, có sương muối xuống!

Một giọng lè nhè của người say bên trong:

- Kệ nó!

- Nhưng đám thông ba mươi phân chết hết mất!

- Ông Thông, ông về đi!

- Cậu... không biết thương cái cây hử, Thung?

- Đào, người đây... còn chưa ai thương cho nữa là! Hề, hề... mà có đêch chìa khoá phòng vật liệu số 8 đâu?

Chiếc xe bò ngược đôi càng lên, hồi hộp nhìn theo cái thân hình gầy guộc dài ngoẵng của ông chủ nó đang đánh đu lên một bức tường đầu hồi nhà có viết con số 8 rất lớn. Lát sau, từ phía trong liên tiếp vụt ra những tấm cốt ép vẫn thường dùng để che sương muối cho các "lô" cây non.

*

* *

Đến gần tám giờ tối, bác Thông mới lọc cọc lôi chiếc xe bò chở mấy cành củi khô đem về làm củi đun ra khỏi cổng khu vườn ươm. Bác cảm thấy mệt và đói. Nhưng tối nay trên dọc đường trở về, bác nghe rõ tiếng nói của loài cây hơn: Trong bóng đêm mượt như nhung của thành phố, những cành lá của chúng giao nhau trên khoảng trời cao rộng, đang rì rào, rầm rì...

- Hỡi những người bạn già của ta!

Nghe nhiều tiếng nói rì rầm bằng đủ thứ giọng rất đông đúc, trầm đục nổi lên khắp cả một khung trời Hà Nội, bác Thông dừng xe giữa đường, vui vẻ thốt kêu lên, biết là cuộc khoáng đại

hội nghị của thế giới các loài cây đã bước vào ngày thứ ba.

Bác Thông vốn có tính ngại hạp - một khuyết điểm từ lâu đời mà anh em trong công ty nhiều lần đã thân ái phê bình bác, riêng trong ngõ, bà Ngan bán xôi lúa cũng đã góp ý kiến xây dựng một đôi lần nhưng bác vẫn chưa sửa được. Ở đoạn này chúng tôi muốn dừng lại để nói rõ về chiếc xe của bác Thông một chút, nếu không sợ các bạn đọc sẽ khó theo dõi câu chuyện.

Bác Thông có hai vật quý đó là chiếc ba-đờ-xuy có ba hàng khuy đồng chạm hình mỏ neo như đã tả, và chiếc xe bò-hai vật không bao giờ đi liền với nhau cùng một lúc: những lúc kéo hoặc đẩy xe, dù có chở gì hay không, chẳng bao giờ bác mặc ba-đờ-xuy, và ngược lại, tất nhiên, khi đã thắng bộ lễ phục nguyên soái rồi thì ai lại còn đẩy xe bò?

Bác Thông không phải là một kẻ thích nhạo đời. Nhất là khi chiếc ba-đờ-xuy lại do một người đàn bà là bà Ngan mua hộ cho bác. Nhưng nói sao thì nói, trong mọi thứ đồ đạc quý "đã được xếp hạng", bác vẫn quý chiếc xe hơn. Chỉ có một đôi người được biết chiếc xe bánh gỗ thô sơ kia chính là vật gia truyền từ ba đời gia đình nhà bác đã gắn liền với đời cây của thủ đô Hà Nội. Giá sống trong chế độ cũ và bác Thông giàu phát lên, ắt hẳn trước cửa nhà phải gắn một tấm gia huy chạm hình chiếc xe bò bằng đồng đen. Xin đừng nghi ngờ và hãy kính trọng bác thêm về cái điều bác đã trịnh trọng công bố trong phạm vi một số người rất hẹp: chiếc xe đã được để lại từ đời ông nội của bác, một người nhà quê tận dưới Hà Nam bỏ làng lên Hà Nội làm phu trồng cây ở các phố Tây và trong vườn Bách Thảo. Thời đó ô tô chưa nhiều, phu trồng cây phải mang cây non đi đặt xuống các hố đã đào sẵn ở các đường phố, nếu không gánh thì bỏ lên xe bò chở đi.

Ngày nay, dưới chế độ ta, ô tô không thiếu, nhưng cánh thanh niên công nhân ở công ty không biết làm ăn thế nào mà mười cây đem đến bờ hốc thì bốn năm cây dập, gãy. Phàm cái cây đem đặt xuống hốc, chỉ dập một khúc rễ trong bầu đã không nên.

Năm sáu tháng vừa chớm chút vừa nững, cây mới lên được chừng một thước, vậy mà chỉ một đoạn đường chở đi trồng đã đem nó đến chỗ chết?

Bác Thông xót ruột không chịu được, thế là bác phải kéo chiếc xe lộc cộc đi chở lấy.

Chính vì lòng yêu cây của bác mà tối hôm đó, nghe tiếng bánh xe bằng gỗ của bác Thông đi về trên một quãng đường nhựa xấu và ít ánh sáng, gần ba trăm đại biểu các loài cây đang chăm chú lắng nghe các bản tham luận đều hướng về cái tiếng lộc cộc quen thuộc.

Những cây già nua nhất, từ lâu đã quên cả tuổi tác tự nhiên nhớ lại thời thơ ấu, cái thửa xa lắc chính mình chỉ đứng nhìn cao hơn một ngọn cỏ may. Các thứ bậc tiên tri "cây đa, cây đề" chạnh lòng thương các lớp cây trẻ chẳng bao giờ hết bị cớm nắng, dưới những cái tán rùm roà của mình.

Ủy viên tiếp tân của đại hội - một cây sồi đông đang thay lá, - vội vã xuất hiện bên vỉa hè, trên lối phố bác Thông đi qua để trở về cái ngõ chợ.

- Kính thưa bác, - cây sồi đông cất tiếng nói lễ phép, - chiếc ghế trang trọng nhất của hành khách mời bị bỏ trống đã suốt hai ngày khiến ban tổ chức chúng tôi hết sức áy náy. Xin mời bác vào để đại hội tỏ lòng biết ơn một người trồng cây.

Bác Thông lúng túng hết sức, sau khi liếc qua bộ quần áo đang mặc trên người. Năm ngoái nó còn là một bộ quần áo lao động mới phát, thậm chí mấy tay nữ thanh niên vườn ươm da trắng và cao lớn đã từng mượn để diện đi "bát" phố - muốn chọc tức con mắt bọn con trai, tất nhiên các cô bé có đem là ủi đi. Hay là ta cứ đánh bộ cánh này mà đi thẳng vào giữa đại hội? Bác ngẫm một lần nữa. Kết luận cuối cùng rút ra là nó đã cũ quá!

Mà người ta đã đón đường, trịnh trọng mời mọc, nếu mình vẫn cứ từ chối, là thiếu lịch sự?

Giữa lúc đang rất khó xử thì dưới bóng cây sầu đông có một người đàn bà bước ra, ôm trên cánh tay một chiếc ba-đờ-xuy được là gấp vuông vắn.

- Trời ơi! - suýt nữa bác Thông vô ý vò lấy bàn tay đang toả ra mùi hành phi ngầy ngậy của bà hàng xóm. - Sao bà biết... để mang chiếc áo ra đây hộ tôi, hả bà Ngan?

Bà Ngan đỏ mặt vì hãnh diện, tuy vậy bà vẫn nghiêm trang nói:

- Ông mặc vào để kịp đi dự đại hội, kéo đã chậm.

Những ngón tay quen gói xôi lúa cho khách thoăn thoắt cài kín ba hàng khuy đồng.

Bác Thông nắm chặt lấy hai càng của chiếc xe bò đẩy đi. Bà hàng xóm bắt giắc la lối ầm lên, đuổi theo để giữ chiếc xe nhưng vị nguyên soái nhất định không chịu bỏ lại.

*
* * *

Để đảm bảo tính chính xác của một sự kiện lớn, chúng tôi đã lục báo hàng ngày, chép lại bản báo cáo chính đã được trình bày vào buổi sáng khai mạc đại hội nguyên văn như sau:

Từ ý kiến đề xướng của loài cỏ may và sấu cổ thụ là hai loài cây đông đúc có tiếng nói nên được lắng nghe, đại hội các loài cây nhóm họp để bàn một việc không có gì khẩn cấp lắm, nhưng về lâu dài hết sức quan trọng:

Các loài cây cối chúng ta, thay mặt cho thiên nhiên sẽ trao đổi với những con người đang sinh sống trên mảnh đất này về vẻ đẹp của tâm hồn con người. Thành thị hiện đại và thiên nhiên - đây là điều chúng ta đang quan tâm.

Trong cuộc gặp gỡ lớn này chúng ta vui mừng thấy trên hàng ghế chủ tịch đoàn một cây sủ nước mặn, vị tiền bối của các

thứ bậc tiền bối, đã từng cắm rễ vào mảnh đất ngàn năm văn vật này từ hai triệu năm trước, khi tại nơi đây biển vừa cạn, sông ngòi và đầm lầy mới hình thành, chưa hề có dấu chân người, hoạ may chỉ có loài thú dữ từ dãy Tam Đảo lần xuống ngõ ngang giẫm lên bóng trăng sông.

Hỡi những em bé giàu tưởng tượng, hãy áp tai vào tảng nhựa đường sẽ được nghe tiếng vỗ rào rạt của sóng nước của một dòng sông đã chết, giấu trong lòng những cán giáo gầy, những mũi tên đồng, những cối chày bằng đá, những hoa văn trên men, những giọt mồ hôi trên áo vải và giọt máu trên chiến bào; và bên dưới cùng của tất cả là hàng vạn cánh rừng lim, sến, táu và tre vầu đã chết, nhường mặt đất cho con người ở. Bạt ngàn cây cối đã mọc trên toàn cảnh một thế giới toàn đầm lầy và sông ngòi chính là những kẻ tiền trạm, tạo điều kiện sinh thái cho con người, khi biển nước mặn vừa rút.

Chinh phục thiên nhiên? Đúng, đời sống loài người là một chuỗi dài quá trình chinh phục thiên nhiên, nhưng cũng thật là thiếu thoả đáng và thậm chí nguy hiểm nếu không nghĩ đến công việc hoà hợp với thiên nhiên: Từ giữa phố phường chật hẹp, đông đúc có bao giờ các bạn đi ra sông Hồng nghe tiếng hát của phũ sa và bờ bãi? Đã bao giờ các bạn dừng bước trên hè phố nâng một cành cây gầy? Có phải tình yêu của các bạn được e ấp nói lên trong màu xanh của hàng cây? Và nhất là tuổi thơ, hãy trả lại cho tuổi thơ những nội cỏ và bóng râm mát của cổ thụ, quả sấu dầm và cảm giác đi trong rừng...

*
* *

Ở đoạn trên chúng tôi quên chưa giới thiệu rõ cùng các bạn: bác Thông là vị khách duy nhất của thế giới loài người có

mặt tại đại hội.

Bác bước vào giữa những tràng vỗ tay vang dậy cả vườn Bách Thảo - đó là một hội trường ngoài trời.

Đã bước sang ngày thứ ba, ngày cuối cùng, phiên họp do bác sáu Bờ Hồ điều khiển. Xuê xoa trong tấm áo khoác màu xanh sẫm lốm đốm những chấm màu xanh non của chùm quả, con người đang đảm đương trách nhiệm đứng đầu các loài cây đã gần trăm tuổi mà vẫn tràn trề sức sống. Vừa trông thấy bác Thông kéo chiếc xe bò đi vào, bác sáu đã rời chiếc ghế chủ tịch bước xuống. Bác đi hơi cà nhắc không phải vì chân có tật mà vì sáng nào cũng có một đám người đợi tàu điện và xe ô tô buýt đến ngồi trên những khúc rẽ của bác ngoằn ngoèo như thân trần mọc lên những viên gạch lát vỉa hè.

Cây si tiếp tục tham luận sau một phút gián đoạn: "Một thảm họa của tâm hồn con người, - cây si nói, - các cặp trai gái ngày nay vừa cưới xong đã thấy chán nhau".

Cây cơm nguội và cây bằng lăng không tán thành nhận định của cây si nhưng lại cùng với đại biểu đầy từng trái và uy tín là cây đề ra lời kêu gọi các thanh thiếu niên ngày nay hãy có đầu óc tưởng tượng phong phú hơn nữa. Cây đề gơ một chiếc lá vàng bé bằng một nửa bàn tay lên và cả ngàn cây lặng im nghe ông nói:

- Tôi giữ chiếc lá này trong túi đã mười ba năm nay. Số là hồi bấy giờ có một nhân viên bưu điện mang đến treo trên người tôi một cái hộp thư bằng sắt tây.

Vào một đêm ba mươi Tết lúc đó giao thừa đã qua, người đi chơi đã về nhà cả, chợt tôi thấy một cô bé trạc bốn, năm tuổi, ăn mặc đẹp lắm, rón rén đi đến chỗ tôi một mình. Thật là tội nghiệp, cái cô bé có lẽ vừa bứt ra khỏi bàn tay của ông bố hay bà mẹ để lên đi một mình. Bố mẹ thì không sợ lắm nhưng sợ ma là nhiều. Đi đến cách tôi khoảng dăm bước, tôi nhìn thấy khuôn mặt cô bé đã trắng nhợt như một miếng sáp, chẳng là tôi cao lớn

như thế này, mà lại đứng trong đêm tối, không khéo người lớn còn sợ nữa là! Các bạn thử đoán cô bé đi đâu? Hoá ra con người vĩ đại ấy giữa đêm giao thừa đi bỏ thư các bạn ạ. Và lá thư đây - cây đề cười âm ỉ cả hội trường - mười ba năm nay, ngày nào muốn tâm hồn được sáng khoái tôi lại lôi lá thư ra đọc. Nhưng vẫn chẳng làm sao hiểu thấu hết cái nhà thơ lớn viết những gì trong chiếc lá vàng khô này, tại sao phải gửi lúc giao thừa xong, và gửi cho ai?

Cây đề đi đến một kết luận, thiên chức của các loài cây cối chúng ta trong thế kỷ tới là làm sao mỗi con người của xã hội công nghiệp có một nhà thơ trong bản thân.

Từ đầu chí cuối đại hội, nhân vật nổi bật lên là nàng gió. Người đàn bà thật là ít đoan trang này có một sức hấp dẫn đối với loài cây gần như không thể cưỡng nổi. Cây cối ghê sợ nàng với những cơn điên cuồng, nhưng lại sợ hơn, không khí ngột ngạt lúc đứng gió. Nhưng nàng không để cho ở đâu ngưng đọng trong không khí ngột ngạt lâu. Vì thế mà trong đại hội người ta hết lòng quý và chiều chuộng nàng - vẫn biết rằng lúc này nàng đang dật dờ ở đây nhưng chốc nữa đến nơi khác có thể quăng cả một đoàn tàu hoả lên chóp núi cũng nên - đấy là một người đàn bà thích đùa.

- "Càng cao thì gió càng lay", - nàng vừa cười vừa nói và đưa mấy ngón tay búp măng đeo gang trắng thoa lên chòm đầu cây sấu Bồ Hồ, người đa tình và trải đời mà nàng biết chốc nữa sẽ được đại hội bầu lại chức đứng đầu các loài cây.

Giữa lúc đó cây sấu đông hốt hải chạy lên bọc chủ tịch đoàn. Cây sấu trịnh trọng báo một tin mừng: bà mẹ Đất sẽ đến thăm đại hội.

Cây sấu vừa thông báo xong đã thấy một người đàn bà phúc hậu, người thấp, tóc bạc trắng mà khuôn mặt vẫn còn trẻ, cầm tay bác Thông - con người mà bà yêu thương - hiện ra ngay

trước mặt mọi người.

Bà mẹ Đất đưa bàn tay vuốt ve từng cái. Cả hội trường trào lên những làn sóng xúc động. Cả những cây già nua nhất cũng thấy mình trở nên thơ dại, bé bỏng quá! Mẹ mặc toàn đồ nâu, trên mặt phảng phất một nỗi buồn để lại từ hàng trăm thế kỷ nhọc nhằn. Mẹ không bước lên cái bục đất cao - hàng ghế của chủ tịch đoàn - mà đứng giữa mọi người, chúc muôn loài cây luôn luôn xanh tươi.

Đoạn đưa tay chỉ bác Thông, người mẹ của muôn loài cất tiếng nói:

- Mặt đất tự trang điểm bằng biết bao cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp nhưng trước hết, bao giờ mặt đất cũng tự trang điểm cho mình bằng những Con Người.

*
* *

Trên đường ra về sau bữa tiệc rượu chuyển choáng bác Thông kéo chiếc xe bước đi giữa hàng cây cối, cả người bác và chiếc xe đều hơi lắc lư.

Chiếc ba-dờ-xuy đã gây ra một sự ngộ nhận đáng tiếc. Bác Thông đang đi thì có một đại biểu thân hình gầy nhom và cao ngang mái nhà - bác Thông giơ tay lên cũng vẫn chưa chạm đến cái thất lưng bằng sắt bất vít - đi sát lại. Vị đại biểu đang lắc lư cái đầu tận trên cao, chẳng biết vì gió hay cũng đang chuyển choáng.

Con người kỳ khôi chưa quen biết vội vàng cúi rạp xuống khiến cho bác Thông kinh ngạc hết sức: người ấy tuy thân hình cao quá khổ nhưng lại không có bẻ dày.

- Xin đại tướng đừng ngạc nhiên... tôi là một cây cột điện bằng vải gai từ trong một bức tranh bước ra.

- À ra thế, - bác Thông nhìn kỹ rồi mới chịu xác nhận, - hoá ra là vải gai, vậy mà tôi cứ tưởng bằng các-tông cơ đấy?

- Xin vị đại tướng đừng đánh giá tôi thấp quá! - Cây cột điện hơi có vẻ chạnh lòng tự ái - các-tông chỉ để cho hoạ sĩ hạng nhì vẽ trang trí sân khấu. Tôi xin nói để ngài được rõ hơn: tôi là một cây cột điện trong một bức danh hoạ bằng sơn dầu.

- Về cái khoản đó, - bác Thông thú thật, - tôi chẳng biết mô tê gì cả đâu, tôi chỉ thạo trồng cây xuống đất làm sao cho nó sống khỏi chết.

- Ô hay, - đến lượt cây cột điện ngạc nhiên, - tôi cứ tưởng ngày nay ngài đã trở thành một vị đại tướng. Bởi vì trong cái hồi đó, cách đây đã gần bốn chục năm tôi có được hân hạnh đứng bên cạnh ngài trên một chiến lũy của người Hà Nội ngăn chặn xe tăng và xe háp-tơ-rắc của bọn lính Pháp đội mũ đỏ. Nói một cách cụ thể hơn, tôi là cây cột điện ở ngã tư phố Chợ - phố nhà ngài đang ở.

Bác Thông vớt chiếc xe bò, vội vã ôm choàng lấy người chiến hữu cũ, nước mắt ứa ra:

- Trời ơi cây cột điện ngã tư ngày xưa... chính tay tôi đã dùng xà-beng với cuộc chim đánh ngã bác xuống nằm vắt ngang con đường từ trong thành ra. Bây giờ bác ở đâu ta?

Dưới làn áo ba-đờ-xuy dày, bác Thông vẫn cảm thấy mọi đường gân thớ thịt trong cây cột điện đang run rẩy vì xúc động.

- Tôi đã nát thành cát bụi, nhưng tinh thần tôi vẫn còn, không nát. Tôi vẫn đứng hiên ngang trên tám vải gai.

- Biết rồi, biết rồi... nhưng bây giờ bác cư ngụ ở đâu để cho tôi được thỉnh thoảng đến thăm?

*
* *

Chẳng phải chờ đợi đến tận bao giờ mà ngay trong đêm hôm ấy hai chiến sĩ quyết tử của thành phố Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đã dắt nhau đến trước một ngôi nhà hẹp và thấp, những cánh cửa lùa của tầng dưới và hàng con tiện của tầng gác đều sơn đỏ, ngôi nhà nằm sâu trong một cái ngõ phố cổ.

Từ những nhà hai bên vang lên tiếng búa đục tường để mở lối đi thông nhà này sang nhà khác. Một không khí nghiêm trang bao trùm lên thành phố. Chiến tranh chưa tới nhưng mọi người đều biết chiến tranh sẽ xảy ra nội trong đêm nay hay ngày mai. Sự nín nhịn trước kẻ thù đã đến cái mức không thể nín nhịn. Hà Nội như một cái tổ ong mà đàn ong thợ đã rời đi, chỉ còn ong chiến và ong chúa ở lại.

Cây cột điện dất bác Thông đi sâu vào một ngõ hai bên có tường xây hẹp và khúc khuỷu, bước vào một mảnh sân nền xi-măng mấp mô đọng đầy rêu đã khô cong, trong sân có một cái giếng và một cây cau. Một vẩy trắng đầu tháng sắp lặn hiện ra trên một đoạn cầu thang lộ thiên để mộc không trát. Tất cả đều bé nhỏ và nhuốm một vẻ băng khuâng cổ kính, như vừa từ trong quả thị cổ tích bước ra.

Bác Thông vẫn nắm chặt chiếc còng xe bò, trong lòng đầy bán tín bán nghi, vén tà áo ba-đờ-xuy đưa lên miệng cắn thử. Nó vẫn là chiếc áo dạ xám bên trong lót xátanbê bà Ngan đã mua hộ với một cái giá rẻ ở một hàng vỉa hè cho bác.

Tiếng xe hóp-tơ-rắc của lính Tây mũ đỏ chạy ầm ầm ngoài đường vọng vào tận trong ngõ, cùng với không khí ghê rợn bao trùm lên các đường phố chính vắng ngắt. Chợt nghe một tiếng quát "phở" sau đó hơi ngân nga như hát của gánh hàng phở rong ngoài mặt đường. Sau tiếng rao đêm là tiếng tàu điện từ xa đang chạy về, tiếng bánh sắt nghiền đường ray ken két.

Có lẽ mình đang ở trong ngõ phố thật sâu của Hàng Ngang hay Hàng Đào - Bác Thông đã hơi yên tâm, theo cây cột điện leo

lên những bậc thang xây gạch dốc đứng và hẹp đến nỗi bác phải nghỉ: giá mình không nghe lời khuyên của cây cột điện, để chiếc xe lại dưới sân thì chưa chắc đã leo lên được, tuy vậy bác vẫn hơi lo, cứ sợ mất chiếc xe.

*
* *

Bác lại được hướng dẫn đi thêm một chặng nữa, để bước vào thế giới tôn nghiêm của nghệ thuật: vò lọ bút lông, những bảng màu, cái lối đi chung xẻ giữa lòng nhà càng hẹp và dài gấp bốn lần chiếc cầu thang. Dưới ánh sáng những ngọn đèn toả ra từ các gian phòng hai bên lối đi, - một thứ ánh sáng của đèn ngủ xanh như rêu chiếu hắt ra ở các khoảng phía trên tấm liếp ngăn, - bác Thông nhìn thấy các bức tranh treo hai bên hành lang: người, cây cối và đất, và cả những cơn mưa đang thiu thiu ngủ cả.

Y hệt nhân vật trong bức tranh tôn giáo Ý thế kỷ 19, người hoạ sĩ già đang ngủ trên một chiếc chiếu cá nhân trải trên khoảng hành lang gỗ được nới rộng ra như một căn phòng tiền sảnh, lưng người đang ngủ đè lên mấy chiếc bút nhoe nhoét sơn đỏ rây cả vào chiếc áo ngắn nhàu nát đang mặc. Một bức vẽ đồ rất lớn đang nằm trên giá, diễn tả một cảnh dữ dội: những con thú đang ăn thịt lẫn nhau trong cảnh nô giỡn trong các gian phòng đầy tiện nghi của những ngôi nhà chọc trời sắp hàng đứng sát nhau chi chít. Bác Thông nhận ngay ra được người hoạ sĩ hồi năm bốn sáu đã từng vẽ mình - mặc dầu ngày ấy ông hãy còn trẻ. Ngày ấy trông thấy ông cắp cái giá vẽ đăm chiêu lang thang ở Bồ Hồ hay trong các ngõ phố sâu nhất, người ta như thấy được một mảnh tâm hồn yêu nước da diết cùng cái vẻ hào hoa của người Hà Nội cả trong giờ phút lịch sử.

Hai người nhẹ chân bước qua trên người vị tạo hoá của thế

giới thứ hai đang nằm ngủ trong cái dáng vắt vẻo, bước vào một căn phòng điện sáng trưng, nửa có vẻ như một căn phòng gia đình, nửa giống như một cái viện bảo tàng tư nhân trên các bức sơn dầu về đề tài chiến tranh về công phu. Những tác phẩm thực sự còn lại được sau nhiều năm tháng, màu thời gian càng phủ lên thì những khung cảnh càng làm xúc động lòng người đến chỗ sâu nhất.

- Bác ngắm thử bức vẽ này xem?

Cây cột điện chỉ một bức rất lớn phải lòng trong một cái khung hai lớp, phủ kim nhũ vàng, treo chính giữa phòng.

Lần đầu trong đời, bác Thông tiếp xúc với nghệ thuật sơn dầu. Từ bé đến giờ bác chỉ ngắm tranh cá chép ngày tết. Gần như bác bị bức tranh cuốn hút vào: lòng đầy thống khoái lẫn sợ hãi, và một cảm giác lạ lùng suốt đời chưa hề thấy, không thể diễn tả thành lời. Phải một lúc rất lâu sau, ngôn ngữ nghệ thuật vẫn làm ngậy đại trái tim con người có khả năng nói chuyện với muôn loài ấy.

Và, cũng lần đầu tiên bác Thông đang đối diện với chính mình. Bác không hề ngạc nhiên trước nét bút tài hoa của nhà nghệ sĩ vẽ mình rất giống nhưng lại kinh ngạc đến sững sờ: Làm sao một con người thực lại có thể sống với tất cả nỗi hồi hộp, lòng gan dạ và sự căng thẳng khi chờ giặc, năm này qua năm khác, trên một tấm vải gai được như thế?

Vậy mà thật đáng sợ, mọi điều ấy đã có như là một phép tắc màu sắc của ma quỷ: mỗi lần nhìn, bác lại thấy thêm một khía cạnh của cảm giác sâu kín của chính mình khi đó, và cái người đang đứng đó trong bức tranh tựa như người nhắc nhở sau sân khấu, cứ dần dần làm bác sống lại tất cả. Nghệ thuật có khả năng biến con người trở thành bất tử, thật lạ lùng! Con người không có một chút học thức, văn hoá ấy - giao hoà với muôn loài, đã mò mẫm để đi gần thấu đến cõi huyền diệu của nghệ thuật.

*
* *

Bức tranh diễn tả một đoạn ngã tư phố chợ, vào một cái khoảnh khắc vắng đến rợn người. Lối đi vào chợ cứ trắng bạch ra những mặt tường nối nhau, cửa giả đóng kín, lá khô rụng đầy thềm. Ngôi chợ với các dãy lều trống hoác. Một cây đề phía sau lưng chợ đang thả xuống một chiếc lá đỏ như máu. Các phía dẫn ra từ ngã tư - dải đường nhựa dài hun hút, thăm thẳm, nào nề vì vắng bắt bóng người. Một cây cột điện bị đánh ngã xuống nằm vắt ngang ngã tư: đó là xương sống của một cái chiến lũy thiết lập bằng đủ các thứ đồ đạc mà mắt người ta chỉ quen nhìn thấy trong cảnh trang trí âm cúng của gia đình: màu cánh gián ánh lên từ các bàn, ghế, giường, tủ... toàn là những thứ đồ gỗ từ lâu đời đóng theo kiểu cổ.

Họa sĩ tập trung diễn tả một cây sấu cổ thụ - như linh hồn của thành phố - trong cái dáng rùm roà và đường bệ đang đau đáu đứng chờ giặc. Và bác Thông, từ ánh mắt sắc nhọn nhìn về hướng giặc đến chiếc mũ ca-lô tím đĩnh ngôi sao vuông, từ quả bom ba càng đen trũi ôm trên cánh tay đến cái dáng đứng ép mình bên cây sấu, tất cả con người bác cùng với cây sấu đã trở thành một thực thể duy nhất, được nhà họa sĩ tập trung nói lên tất cả những gì mà ba mươi sáu phố phường ra đi đã gửi cho người ở lại.

*
* *

Cây cột điện thò tay nhắc từ trong bức tranh ra ba chiếc ghế.

Cây sấu ngã tư phố chợ vồn vã từ cội bắt tử bước ra, ôm choàng lấy cái con người mà nhà họa sĩ đã gắn chặt vào hình

ảnh mình gần bốn mươi năm nay. Cả hai, trong giây lát, nước mắt đều giàn giụa.

- Tôi cũng đã đi được ba phần tư đời người rồi bác sáu già trăm tuổi ă! - bác Thông thổ lộ hết lòng với người bạn tri kỷ. - Bác biết rồi chứ, người ta bảo tôi đã già đến mức tính nét hoá ra gần dở rồi!

- Hãy mong sao nhiều người được trở thành người như bác. - Cây sáu ngồi xuống ghế còn nhẹ hơn người ta đặt một chiếc bác lên đĩa, cười rung cả ghế. - Dòng họ quê mùa của bác ba đời nay là niềm ân huệ của bà mẹ Đất ban cho loài cây cối. Đời còn vui được, người ta còn thương yêu nhau được là nhờ ba cái anh lẫn thần biết nói chuyện với muôn loài này. - Chẳng là đã có lần bà mẹ Đất cầm tay bác mà nói vui vậy đó sao? Chao ôi, trông thấy bác tôi lại nhớ người ông nội của bác quá. Khi Người đặt tôi lên chiếc xe bò chở tôi đến trồng ở cái ngã tư thì phố xá hai bên chợ còn lèo tèo lắm, toàn nhà lá và tôi nhớ khi ấy Người còn trẻ hơn bác bây giờ nhiều.

- Phải, lúc đó tôi chưa đẻ. - Bác Thông đáp.

Từ khi thoát nhìn thấy bức tranh, bác Thông thấy trong bụng áy náy vô cùng: Thật ra, hồi bấy giờ, cái người đáng lý có mặt trong bức tranh phải là một người khác chứ không phải bác. Người ấy chẳng phải ai xa lạ mà cũng là láng giềng với bác trong cái ngõ 27. Nhất là người ấy đã hy sinh cho nên bác Thông càng áy náy. Lúc bấy giờ, khi đứng cho nhà họa sĩ vẽ, bác có đâu biết người ta sẽ còn giữ bức tranh lại cho đến tận bây giờ. Bác đâu biết cái người đứng trong tranh lại đứng lâu thế?

- Bác có còn nhớ hồi ấy, - bác Thông hỏi dò cây sáu - trong đội tự vệ quyết tử của phố chợ có một người tên là Duy không? Anh ấy người còm nhom, ít nói. Làm nghề cắt tóc. Ngày ấy là tổ trưởng tổ đánh xe tăng bằng bom ba càng?

- Có, có chứ. Anh Duy cắt tóc. - Cây sáu bằng vải gai lấy làm

tiếc rằng mình bị nhốt trong phòng chẳng biết gì về đời sống xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện tại nhưng lại nhớ không sót một chi tiết nào từ ngày đầu toàn quốc kháng chiến trở về trước, kể cả ngày tháng, thời khắc đã xảy ra các việc - tôi còn nhớ ngày đó người ta dẫn đến giới thiệu với nhà họa sĩ hai chiến sĩ của tổ đánh xe tăng: một anh đã đánh cháy được một chiếc và một anh lớ ngớ hơn, mới đi theo để học cách đánh. Về sau, cái nhà ông họa sĩ dần đo, ngắm nghía một lúc rồi quyết định không chọn người đã đánh cháy xe để về, mà chọn người thứ hai - tức là bác. Nói rằng bác có "ngoại hình" hơn.

- Nhưng sang đến trận sau thì anh ấy hy sinh. Việc này bác cũng nhớ?

- Quên làm sao! Vì anh ấy ngã xuống trước mặt tôi! Anh ấy hy sinh sau khi diệt chiếc thứ hai. Nó từ trong thành chạy ra, lao sầm sầm về phía ngã tư.

- Nó rú mới ghê chứ, phốp xá cứ rung lên. Nó vừa chạy vừa bắn "tăng-xinh", đạn lọt vào nổ tạt trong chợ. Nổ to y như đang bỏ bom. Lúc ấy tôi nấp dưới vỉa hè, cũng phát hoảng chực chạy. Vậy mà anh Duy vẫn cứ bình thản quỳ bên gốc cây, chờ nó lao đến gần. Lúc chiếc xe tăng lạng đi, rồi bốc cháy, cũng là lúc tôi trông thấy anh Duy ngã vật xuống.

- Bác đã nháy vọt từ dưới vệ đường lên!

- Anh ấy tắt thở trên tay tôi, chỉ kịp nói: "Xong ra đánh tiếp đi, không nó thốc vào phố trong bây giờ!"

Ngừng một lát, như để dịu bớt cơn xúc động, bác Thông mới khấn khoản:

- Bác sáu, như vậy là bác cũng phải nhận cái người thật xứng đáng đứng trong bức tranh này là anh Duy chứ không phải tôi. Vậy bác có cách gì giúp tôi được rút lui, để anh Duy đứng vào đấy không?

- Ôi, bác Thông, bác thật thà quá, cho nên cứ hay mua lấy

việc vào thân mà cả đời vẫn chẳng được cái gì cả. - Bác sáu già cười. - Bác muốn rành mạch với lịch sử hử?

- Tôi chẳng hiểu... - bác Thông đáp, - nhưng tôi không muốn... Nhất là người ta đã chết. Và lại, chỗ hàng xóm láng giềng với nhau.

- Như vậy là bác đã quyết?

- Phải.

- Thôi được, tôi sẽ nói lại ông cụ họa sĩ. Ông cụ nghệ sĩ ấy cũng là một người thích mọi điều phải rành mạch. Nhưng không biết ông cụ có thể chiều ý kiến của bác không? Tôi đoán rằng khó.

- Sao lại khó? Có khó gì đâu?

- Vì bức tranh đã có gần bốn mươi năm nay, đã trở thành tài sản chung của mọi người. Người ta đã chụp ảnh, in hoạ báo, quay phim, đủ cả! Hàng triệu người đã mang ấn tượng quen thuộc với nó, về những thành công, về màu sắc và đường nét độc đáo của nó...

- Bác nói gì tôi chẳng hiểu gì cả?

- Bác cũng không nên tìm hiểu sâu thêm làm gì. - Rõ ràng cây sáu muốn lái câu chuyện sang một hướng khác. - Hình như người chiến sĩ quyết tử đã hi sinh cũng đã có vợ con phải không hả bác? Bây giờ vợ con sống ra sao?

- Quả thực bác chẳng biết gì về những chuyện sau này ư? - Bác Thông nhìn cây sáu bằng vài gai một cách thương hại.

- Khổ thế! Tôi thêm đập tung cái khung lộng lẫy để ra đứng giữa mưa gió ngoài trời lắm!

Bác Thông vụt đứng dậy:

- Nếu bác đã muốn nghe tí mĩ để có dịp hiểu thêm đời sống bên ngoài cái khung gỗ, chờ cho một lát tôi chạy ù xuống nhìn chiếc xe đã...

PHẦN THỨ HAI

MỘT CÔ GÁI NGẠI XÊ DỊCH VÀ MỘT THANH NIÊN LANG THANG ĐI TÌM NGƯỜI CHA

Một buổi sáng cách đây khoảng sáu bảy năm, - thiên hồi ký của cây sấu và cột điện ở ngã tư phố chợ viết tiếp, đem câu chuyện ngược trở lên một quãng thời gian - trời chưa tan sương, bác Thông đã lững thững chấp tay sau lưng đi ra tận ngoài ngã tư. Chẳng còn nhớ hôm ấy có công việc gì mà bác ra tận ngoài đó sớm vậy? Có khi cũng chẳng có việc gì cả, con người ta sau một đêm thức dậy, muốn đi ra ngoài để nhìn buổi sáng, xem thử có gì mới khác ngày hôm qua không?

Nhưng cái mới nào rồi cũng cũ cả: ở bên chỗ cây sấu đứng, một cây cột điện bằng sắt mới được dựng lên từ những năm Hà Nội bị Pháp chiếm đóng, thay cho cây cột điện bằng xi măng đã ngã xuống để cản đường cơ giới của chúng đánh thọc phố chợ trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến.

Bác Thông đứng nhìn cái ngã tư hồi lâu chẳng thấy gì lạ cả, vẫn như mọi buổi sớm: người đi xe đạp như mắc cửi và đã bắt đầu vào giờ mỗi lúc một đông, bà Ngan vẫn xởi lởi, miệng cười nói tay gói xôi cho khách, một chiếc ghé con và hai chiếc thùng ngày nào cũng đặt đúng chỗ ấy, giữa hai tảng rề ăn chìa ra tận bờ cạp vỉa hè, không xê dịch một phân, của gốc cây sấu trăm tuổi đã đi vào lịch sử.

Bác Thông đã toan quay về chợ nghe người đàn bà gọi giật lại:

- Ông Thông, ông biết ai đây không?

Bà Ngan đưa tay chỉ một thanh niên lạ mặt đứng tựa lưng vào những cánh cửa lùa sơn xanh của trạm bán rau quả mậu

dịch chưa đến giờ mở cửa. Anh thanh niên nom đã cứng tuổi. Vừa thoát nhìn, ai cũng biết là thanh niên "trong kia" ra.

Từ ngày giải phóng Sài Gòn, bác Thông, ngoài con đường từ nhà đến vườn ươm chất cây lên xe bò đẩy đi trồng ở các "điểm", chẳng cần đi đâu thêm một bước nào, nhưng vẫn thấy "trong kia" toả ra đến là lăm cái lạ. Anh thanh niên cũng có một cái lạ. Anh ta mặc một chiếc sơ mi đỏ đến nhức mắt và một chiếc quần trắng quét đất, nếp gấp vẫn sắc nhưng bẩn thỉu, tóc dài như một người rừng, đôi giày đỏ mồm tròn vo, đế cao, trên năm ngón tay ngoắc rất tài tử một chiếc túi da màu trắng quai dài thông suốt.

Mới trông thì càn càn, sau chỉ thấy lạ và sau cùng thậm chí mấy cô trẻ tuổi đeo con đi làm đang đứng trước mặt bà Ngan để mua xôi cũng tranh thủ liếc anh ta một cái trước khi nhẩy lên xe.

Bà Ngan thán nhiên giới thiệu anh thanh niên với người hàng xóm.

- Anh này là con anh Duy. Anh Duy hi sinh năm bốn sáu... người trong ngõ ta...

Bác Thông không để đâu hết cái sự ngờ. Mãi lâu sau mới thắc mắc hỏi bà hàng xôi lúa:

- Vậy mà tôi cứ tưởng... ngày ấy chị vợ anh Duy đã theo đời chồng sau vào trong Nam?

- Ôi ông dở người! - bà Ngan trao vào tay bác một gói xôi tương dằm trong hai cái lá bàng, cười đỏ cả mặt. - Người ta có vào trong Nam thì bây giờ con người ta mới phải ra đây chứ lị. Anh ấy đúng là con anh Duy. Mới ở trong kia ra thăm bà con ngõ 27 mình, vừa ở tàu hoả xuống. Bây giờ ông đưa anh ấy về trước rồi hai ông con ăn xôi đi!

Quay về sau, bà nói với anh thanh niên

- Anh Huân này, bây giờ anh theo ông Thông về trước. Ông Thông đây ngày xưa có biết bố anh đấy!

Lúc này trong đầu bác Thông chứa biết bao nhiêu điều vô

lý, huyền hoặc; chẳng ai tin nổi cái tay thanh niên y như một "tay chơi" kia là con trai anh Duy - cái anh thợ cắt tóc gày còm, dút dút, suốt cả đời chỉ biết cắt độc một kiểu "ca-rê" cho trẻ con, trong khi ấy chị vợ thì cao lớn, lấm liệt và lộng lẫy, cho đến nỗi một cái gương của chồng gắn vào cái đỉnh ở cổng ngõ vậy mà người vợ đi qua cũng sợ bóng mình in vào.

Đừng nghĩ rằng người đàn bà ấy không yêu thương chồng đâu. Chị ta vốn xuất thân làm nghề xúc cát ngoài sông Hồng. Giăng tơ giăng nhện ở đâu, tối về cái bà hoàng hậu ấy cũng quần lầy anh thợ cắt tóc như một con rắn ngũ sắc nằm trong tổ, xổ ra từ một cái làn mây nào bánh bột lọc, bánh dày cặp chả... ngồi cười như nắc nẻ hoặc sừng sững im lặng trước những lời lúng búng, cầu nhàu đánh ghen của chồng.

Người đàn ông suốt đời sống xó rọ đã ngã xuống lấm liệt như một trang anh kiệt trước mặt kẻ thù. Người tự vệ quyết tử Hà Nội ấy đã dỗi giăng lại: Hãy chặn đứng không cho xe tăng chúng xông vào trong ngõ, - cái ngõ chợ từ ngoài mặt phố chính bước qua khỏi đầu ngã tư đã bày ra những cảnh đời nhếch nhác, những lối ngõ ỏ chuột - cái nơi hang cùng ngõ hẻm nhất của một thành phố thuộc địa mà cách mạng về chưa kịp cắm lá cờ lên là lập tức hết Tàu lại đến Tây từ khắp các ngả xô tới.

Lần đầu tiên bác Thông tự thấy nhà cửa mình đơn sơ quá. Cái con người chẳng biết và chẳng quan tâm đến đời sống tiện nghi, vật chất lần đầu tiên thấy mình thanh bạch đến mức phát xấu hổ. Giả dụ người vợ bác đừng lấy đi hết... giá mụ ấy để lại cho bác bộ bàn ghế để dùng lúc này. Hoặc giả thằng Luân không hy sinh mất. Nó có thể đỡ đần trong việc tiếp khách cho bác. Quả thực chưa bao giờ nhà bác có khách.

Người con trai anh Duy đặt chiếc túi khoác có in mấy cái chữ Tây trên chiếc giường cá nhân trải chiếc chiếu cói đã đen xỉ một vạt ở giữa - cái đồ vật đáng kể duy nhất trong gian nhà.

Người chủ nhà hồi hả chạy sang nhà hàng xóm mượn hai chiếc đĩa sứ Giang Tây về, thấy người khách đang ngồi xỏm trong xó chăm chú cầm xem chiếc kéo và mấy thứ đồ đạc nghề nghiệp của bác.

- Dạ thưa bác làm nghề... ghép cây?
- Tôi làm ở công ty trồng cây.
- Chiếc kéo này nhập viện trợ của Liên Xô hả bác?
- Của mình - của mình làm! Ở trong ấy anh làm nghề gì?
- Nghề gì cháu cũng biết một ít. Nghề trồng cây cháu cũng biết sơ sơ, nhưng công việc chính của cháu là nghề xây cất.
- Vậy thì giỏi.

Câu chuyện đâm ra thuận lợi. Bác Thông vui lòng nhận thấy cái "tay chơi" này xét ra cũng không phải chỉ có chơi. Mà hấn cũng chẳng chú ý nhìn bằng con mắt tọc mạch quá về cái sự nghèo của mình, gần như hấn không để ý. Mà hấn ăn uống cũng thực tình, lại còn chê bác là ăn ít quá! Câu chuyện tiếp sau đó về các thứ nghề trên đời kéo gần chủ và khách lại. Đến bây giờ bác mới biết hấn cũng đã từng đi đây đi đó, từng đi ra ngoại quốc, từng ăn cơm thiên hạ nhiều.

- Tôi có biết... bà Lanh, mẹ anh, - đến bây giờ ông lão chủ nhà mới thăm hỏi về gia quyến của tay thanh niên vừa trong thành phố Hồ Chí Minh ra, - mấy chục năm không gặp, ở trong ấy chắc là vẫn mạnh khỏe?

- Vâng, - người khách đáp ngượng ngập, - nhưng má cháu đã đi Mỹ!

- Đi vào bao giờ?
- Trước ngày anh em bộ đội bên mình vào. Chỉ trước một ngày. Bác ạ, cả nhà cháu đi hết cả!
- Sao anh không đi?
- Cháu ở lại...
- Anh có được biết gì về... người thân sinh ở ngoài này không?

- Có... Ba cháu xưa là liệt sĩ quyết tử Hà Nội phải không thưa bác?

- Đúng thế.

- Cháu còn biết ba cháu xưa làm nghề hót tóc, gian nhà Người ở với má cháu tối mà chật, ban ngày cũng phải thắp đèn. Cửa ra vào thì quá lớn mà cửa sổ thì quá hẹp.

Bác Thông kinh ngạc:

- Cháu như... ma xó. Sao biết được cả những cái thứ ấy?

- Má cháu kể chứ, thưa bác. Má cháu kể... xưa má cháu làm khổ ba cháu nhiều...

- Vậy sao má cháu còn đi Mỹ?

- Đây là hai việc... khác nhau cùng tồn tại trong con người ta chứ bác? Và lại khi má cháu với gia đình chạy đi, cháu còn đang ở ngoài bụng biển.

Cho đến lúc này thì "tay thanh niên trong ấy" đã hoàn toàn chinh phục được cái ông lão hàng xóm ngoài xứ Bắc, và người chủ nhà đã nhìn thấy một cái gì đó có thể ráp nối giữa người khách và cái anh chàng Duy thợ húi tóc trong ngõ này vào năm trước và đầu cách mạng.

- Anh sang bên này với tôi, - bác Thông đứng dậy xón rón đi ra hiên. Hai dãy nhà lụp xụp và tối giống như hai dãy người ngồi đối diện gần đến mức sắp chạm mặt vào nhau, khoảng sân chung chỉ vừa đủ cho giọt mái rơi xuống. Bác Thông đi xé về phía tay trái mấy bước, ngón tay luôn luôn chỉ xuống chân: "Anh đi khéo kẻo ngã!"

Khách vượt qua cái "sân băng" đầy những chậu nước rửa bát và xoong nồi, đến trước "mặt tiền" của một gian phòng đúng y nguyên như đã in vào ký ức từ thuở nhỏ, một ký ức tạo nên bởi những lời kể như lời sám hối của người mẹ đã đi Mỹ.

Bác Thông chạm vào hai cánh cửa khuôn cửa rộng như cửa ga-ra ô-tô: "Loan... cháu Loan!"

Không nghe tiếng đáp, bác thò tay tháo cái móc trong, mở hai cánh cửa dày nặng sơn xám loang lổ đầy hình vẽ hình học bằng phấn, một tiếng rít ken kết vang lên.

Gian phòng rộng hơn gian nhà bác Thông nhưng ít ánh sáng hơn. Nửa tường phía trên, do có một hàng mấy chiếc lỗ hình chữ nhật phía trên trần để thông hơi và chắc thời kỳ bố mẹ Huân ở đây, cái trần vôi vữa còn vì thế mà chắc chắn gian phòng còn tối hơn.

Huân đứng nhìn, thấy hoàn toàn khác với bên nhà bác Thông, bên này giường đôi và bàn ghế kê đầy nhà. Có vẻ một gia đình đông người. Nhưng sau khi đứng trong gian nhà một lát anh nhận thấy có một không khí thật trống trải và khác thường - Ở chỗ những cái giát giường không trải chiếu cứ phơi ra, những cái chén úp quá ngay ngắn trong chiếc đĩa men phủ đầy bụi, một con mèo nhà ai thản nhiên đến ngồi rình chuột ngay bên bộ tách chén trên chiếc bàn kê giữa nhà.

Gian nhà ấm lên một chút ở nửa phía trong của chiếc giường đôi kê áp tường trải một chiếc chiếu cá nhân in hoa, giường có màn gối, chiếc màn trắng và sạch sẽ treo thông có vẻ tạm bợ, vài quyển sách truyện đang đọc dở nằm bên gối. Không những thế, trên chiếc tủ con ở đầu giường lại còn có vài bông hoa đồng tiền vẫn tươi cắm trong chiếc lọ thủy tinh tím bày khéo léo bên cạnh một tấm kính viền sắt tây, náu đằng sau mặt kính, một khuôn mặt thiếu nữ khá xinh đẹp, cặp mắt đặc biệt rất đậm thắm.

Chỉ góc ấy nói lên sự sống của gian phòng. Nhưng kể cả cái khoảng còn con ấy cũng chống chèn, có cái gì tạm bợ nhưng Huân cũng không lấy làm chú ý mấy. Anh đang chú ý lắng nghe bác Thông nói: "Ngày xưa nhà anh ở đây!", anh xúc động đứng lặng đi và trong bầu không khí im lặng, anh tưởng như chính gian phòng đang nói, những bức tường đang nói, thời gian đang nói. Trong một chút ít thời gian đã lâu mẹ anh, người bố dượng cùng những đứa em đang sống - và anh cảm thấy như là ở cái

nơi xa, rất xa lạ ấy, lúc này cũng đang vang tới câu nói của ông lão hàng xóm ngày xưa, ông lão hàng xóm của gia đình anh ba mươi năm trước, khi bố anh vừa hy sinh, anh mới là cái bào thai trong bụng mẹ.

Chợt nghĩ đến chuyện này, Huân thấy khổ tâm và day dứt trong lòng vô hạn, anh đã sống đôi khi như một thanh niên "xả láng" quên hết đời, nhưng cái điều day dứt vẫn không hết, không tiết nọc. Nó là một câu hỏi của suốt đời Huân. Bà Lanh, má anh, có lẽ cũng biết cái nỗi day dứt vô cùng khổ tâm của con, nhất là từ ngày Huân đã lớn, lúc nào cũng tìm cách làm cho anh yên tâm, hoàn toàn yên tâm về cái dòng máu của mình. Trước mặt Huân, người mẹ như một con chiên có tội trước Chúa: má đã ăn ở không ra một người vợ hiền thảo với bố con và má chỉ có cái lỗi ấy - má thề với vong linh bố con, con mang trong mình dòng máu của bố con chứ không phải của một người đàn ông nào khác. Con hãy nghĩ lại hộ cho má.

- Ngày gia đình chúng tôi ở ngoài vùng kháng chiến về thì lính Tây đã rút hết thấy xuống Hải Phòng cả - Bác Thông vẫn tiếp tục tường trình về lai lịch cái gian nhà - từ năm 48-49 hay là trước nữa cơ, gia đình anh đã không còn ở cái ngõ này nữa, khi chúng tôi về thì thấy có một gia đình làm nghề thợ mộc chuyên đóng hậu sự đang ở. Sau đó hình như gia đình này buộc phải trở về quê ngoài vùng nông thôn là vì một lý trưởng tề chạy vào. Sau đó nữa... sau đó nữa...

Trước ngày gia đình cô Loan dời đến, theo lời ông lão hàng xóm kể, Huân không nhớ hết - là ba hoặc bốn gia đình nữa đã ở, tất cả đều là những gia đình lao động chân tay, chạy hàng xách ngoài ga hoặc buôn thúng bán mẹt... vẫn là đời sống ở cái chỗ tầng đáy sâu nhất của một thành phố.

Huân giơ tay cầm lại chiếc lá trong chiếc lọ hoa tím, chợt nghe một tiếng reo lên: "Ai đang ở trong nhà tôi ấy nhỉ?"

Một người con gái bước vào.

- Cháu à! - Bác Thông vội vã giới thiệu. - Đây là người con trai của bác Duy...

- Bác Duy nào nhỉ?

- Bác Duy... hồi cháu chưa đẻ cơ, đã ở cái gian này... Bác dẫn anh ấy sang đây nhìn gian nhà cũ một chút, anh ấy ở tận trong thành phố Hồ Chí Minh ra thăm bà con ta...

Huân chỉ đợi bác Thông nói xong để rút. Anh hơi ngượng, tuy có mặt bác Thông ở bên nhưng Huân cứ có cái ám ảnh mình đã vào nhà một người đi vắng. Trên nét mặt cô gái chủ nhà, hình như cũng thấy điều đó. Trên khuôn mặt xinh đẹp đầy trong sáng, cái ánh đèn thăm toả ra từ sau kính trong khung sắt tây hình như chỉ là kỹ xảo của người thợ ảnh. Lần đầu anh nhận thấy cái giọng Sài Gòn của mình nói lên ở đây thấy nó quá cứng, mà chiếc áo lại đỏ gắt quá!

Anh ấp úng chào cô gái chủ nhà rồi vội vã theo ông lão hàng xóm bước ra, trong lúc không chú ý đôi giày bị trượt ném anh xuống một cái "sân bằng".

Giữa lúc ấy trong ngõ 27 đã đầy lên những người.

Người ta kéo đến "xem mặt" cái người khách lạ mặt. Trong cuộc sống của một cái hẻm, tính tọc mạch đã trở thành thói quen, huống hồ cái anh thanh niên mặc áo đỏ vừa đi trong ngõ lại là khách của bác Thông, lại vừa ngã một cái...

*

* *

Và đến buổi tối, khi người khách chung của tất cả cái hẻm 27 ăn bữa cơm chiều ở nhà bà Ngan, thay chiếc áo đỏ bằng một chiếc sơ mi màu mận để hợp với chung quanh, theo sau bác Thông đi ra ngã tư, thì cả cái phố chợ vừa lên đèn người ta đã

chỉ trở, thì thảo với nhau: Không khéo dịp này cái ông lão Thông sẽ giàu phất lên chưa biết chừng vì bất ngờ tự nhiên có một anh cháu giàu "nứt đố đổ vách" ở "trong kia" vừa ra thăm.

Ông lão trông cây đưa người con trai anh Duy đến bên gốc cây sấu. Cuộc hành hương trở về dòng máu quá khứ đã đi đến cái đích cuối cùng.

Mặc cho anh thanh niên trong thành phố Hồ Chí Minh vừa ra đang nhìn gốc cây sấu và cây cột điện, nơi ghi sự tích anh hùng của người cha trong một tâm trạng đầy thành kính, cuộc sống chung quanh vẫn mặc nhiên diễn ra như mọi ngày.

Đang là mùa hè. Gió mát hây hẩy. Dọc bờ hè ngã tư đang bày ra cảnh tung bừng của những lời mời chào đằng sau mấy ngọn đèn dầu hoả đặt trên những chiếc bàn thấp hình vuông bán chè đồ đen đá và thạch. Ở chỗ bà Ngan ngồi bán xôi lúc ban sáng, cái dáng quen thuộc của "ông lão sấu dầm đầu ngã tư" trở một nét thật đậm vào khung cảnh đời thường.

Vòm lá sấu rậm rì tối đen trên cao khē rì rào, lâu lâu một trái sấu chín rữ buồn bã gieo mình xuống, rơi đánh đập khe khe trên cái mái ngói dốc của cửa hàng mậu dịch bán rau quả. Trong các loài cây của thành phố này, không có một thứ cây nào có phong thái ung dung mà lại tất bật như cây sấu: suốt cả quanh năm cứ kín mít một màu xanh thẫm, tự nhiên sang hè, vừa thay lá vừa ra quả. Trông cái cây cứ toi tả, như một người đang lột, vừa lột vừa đẻ. Những vạt lá non mỡ yếu ớt cứ từng ngày mọc lẫn sang cái khoảng rậm rịt của lá già đang hồi hả trở vàng. Rễ chắm hút màu đất chuyển lên cây, nửa nuôi đám lá non mới thay, nửa chuyển vào quả chất nhựa để đúc nên cái chua chát.

Trong những ngày này, lòng người Hà Nội cứ nao nao lên bởi một trời lá rụng. Người đi ngoài phố chợt thấy lát dưới chân một thảm lá dày, và trên đầu là cả một khung trời vừa trở sắc vàng thau đang từ từ đổ ngã xuống một cách êm nhẹ. Chiếc lá

vàng rời cành bay ngập ngừng và yếu điệu - cái chết của chiếc lá sao mà đẹp, gieo màu sắc tươi vui vào đời sống.

Huân vẫn chưa hết xúc động. Bác Thông đã tường thuật tại chỗ về trận đánh xe tăng bằng bom ba càng. Trường hợp hy sinh của người cha như một phút xuất thần của con người như thế là một điều có thật. Truyền thuyết là điều có thật. Anh đứng nhìn lên vòm cây cũng đang cúi nhìn anh - cổ thụ rung vòm lá như xúc động, muốn cất lời trò chuyện.

- Hồi cuốn sử biên niên trăm năm đang hồi hả thay lá và rau quả - anh nói thì thầm với cây - người chính là người bà ngoại của cháu! Quảng đời làm một thông dịch viên đã đưa cháu đi cũng đã mỏi chân, những thành phố hoa lệ một màu xám hiện đại như người ta chơi trò xếp bao diêm tới khi sợ đổ không xếp được nữa, tiếng thang máy kêu ro ro cuốn người lên, thả người xuống thật êm nhẹ. Bà ơi, trên trái đất này chẳng biết có ai từng vất vả, khó nhọc như bà, hãy cho cháu trở về ngồi trong lòng bà, giữa đất cát, đói nghèo và cây cỏ, để ăn một quả sấu chua chất đến nổi nhăn nhu cả mặt mũi, và nhìn ra ngoài mặt nước sông Hồng vào đầu mùa hè này đã cạn tro ra những cồn bãi, gió nam thổi cát bay như quạt roi vào mặt người đàn bà xúc cát. Có lẽ đêm nay má cháu đi ra ngoài phải thoa lên mặt một lớp phấn hơi dày. Đã đi gần hết cả cuộc đời giàu có và sơn phấn mà má cháu vẫn chưa rửa sạch được hết dấu vết của lam lũ - một thời trẻ lặn lội ngoài bãi bồi sông Hồng và đêm đêm quấy đôi sọt vào phở quét lá sấu về đun.

A, ai đó đang quét lá trong đêm? Khắp mấy dải đường phố từ ngã tư chạy đi các ngã của thành phố đã vào khuya, hiện ra lơ mờ trong bóng điện đỏ quạch như một đêm phòng không ngày nào, cái dáng lặng lẽ và nhẩn nại của những em bé và những người đàn bà quét lá.

Càng vào khuya khoắt, gió trời trên những mái phố càng lỏng lẻo. Những cặp đi chơi khuya đã vãn. Đường phố chung

quanh Huân chỉ còn những chiếc bóng đổ dài của những người đang quét và tiếng chổi tre cào ràn rạt vào mặt nhựa, đuổi bắt những chiếc lá vàng khô cong phát ra tiếng xạc xào như tờ kim khí. Một hót gió cuốn trôi gần hết đồng lá mà một cô gái bên kia đường vừa tốn bao công mới vun về được.

Bên phía vỉa hè Huân đang đứng cũng trào lên những đợt tiếng lá reo. Trong làn gió cuốn lá bay tơi tả cùng với cát bụi, hai người đứng hai góc đường cùng xoay mặt về một phía. Bỗng cô gái quay lại. Huân nhận ra cô hàng xóm có gian nhà cha mẹ mình từng ở và lần này anh chợt nhận ra cái ánh mắt rất đậm thắm trên nóc tủ, giữa cái khung sắt tây - chính nhờ cặp mắt mà Huân nhận ngay được cô.

Tan trận gió, hai người đã thả chân xuống lòng đường, ngồi sòng đôi trên vỉa hè, ở một chỗ sáng đèn.

- Tôi là Huân, xin lỗi, có phải tên cô là Loan không?

- Bác Thông đã nói với anh tên em rồi còn gì? Lúc sáng nay... em cứ áy náy mãi, tự nhiên bước từ trong nhà ra, anh ngã một cái... như trời giáng.

Mỗi người một câu mở đầu. Cả hai đã quên phất đang ngồi giữa trận bão lá thỉnh thoảng làm tối tăm cả mặt mũi. Huân hỏi:

- Tại sao cô không chịu đi cùng với gia đình vào trong kia hả cô Loan?

- Tính em chẳng thích đi đâu cả, - cô gái mười bảy tuổi cười khúc khích, đầy bí mật, - anh không biết chứ tính em lười lắm!

- Hình như cũng có nhiều người ngoài này không hợp với cách sống của chúng tôi trong kia. Chắc cô cũng thế?

- Em đã đi vào bao giờ đâu mà biết? Cái chính là... người ta bảo em có khuynh hướng như một bà cụ già, hoặc như một giống chuột chũi, em không thích đi đây đi đó, thay đổi chỗ, nhất là thay đổi chỗ ở, nó ngại lắm! Huân cười vang cả dãy phố vắng, anh thích cái lối này thật thà đến mức ngộ nghĩnh của cô hàng xóm:

- Như thế là trái ngược với tính nết của tuổi trẻ đầy bà cụ già ạ!

- Đúng thế. Nhưng anh phải nhớ rằng em có rất nhiều bạn bè. Em không muốn xa chúng nó.

Bất ngờ Loan hỏi:

- Nhưng tại sao anh biết em không đi theo gia đình vào làm ăn "trong kia". Lại ông cụ Thông nói hử?

Huân cũng hơi ngạc nhiên về mình, cách sống tọc mạch của một cái ngõ phố ít thay đổi đã nhiễm vào anh từ bao giờ?

*

* *

Đêm hôm ấy, khi trở về, "bà cụ già" từ chối nhất định không cho Huân vác giúp một bì lá, anh chỉ nhận được vinh dự cầm chiếc chổi đi bên cạnh.

Về đến nhà, Loan trút hai bì lá vào gậm giường rồi xách chiếc đòn gánh và những chiếc bao tải đi ra.

Chiếc giường cá nhân bên nhà bác Thông không đủ nằm hai người. Bà Ngan thu xếp để Loan sang ngủ chung với mình, giành cái gian nhà của cô cho Huân ngủ. Trong hẻm tắt điện và trời đã đầy muỗi, nhà nào cũng nóng đến ngột ngạt. Huân đứng nhìn ngọn đèn dầu hoả đặt trên nóc tủ. Hai con mắt càng đắm thắm hơn dưới ánh đèn dầu đang nhìn anh sau chiếc lá xanh.

Nhà anh ngày xưa ở đây. Cho đến lúc cởi áo rứt rề chui vào trong màn, cái tiếng nói của gian nhà vẫn cứ vang lên, lẫn trong tiếng đàn muỗi đồng ca vo vo bên ngoài. Sài Gòn những đêm nóng nhất cũng chưa bao giờ nóng đến phát ngột đi như thế này. Có lẽ ngày mai mình đã có thể trở về. Ông lão Thông xách đèn sang hai lần. Lần thứ hai, Huân giả vờ ngủ say. Chiếc gối trắng phả lên mùi thơm trinh bạch của người con gái Hà Nội vừa học

xong lớp 10.

Ngủ đi được một giấc, Huân bỗng bừng thức dậy vì lạnh. Nước mưa hắt vào lá màn như xối qua cái cửa sổ mở toang. Anh bối rối ngồi dậy vạch lá màn quỳ trên giường thò tay ra ngoài kéo cánh cửa sổ - nhưng cái ngoắc cửa phía ngoài cứ mắc cứng không sao tháo ra được nữa.

Anh chặc lưỡi thất vọng, vừa thụt vào một cái bóng con gái đội mưa đang lao chạy tới. Anh nhận ra Loan giữa màn nước mưa đêm trắng xoa cả trời đất nhà cửa.

Loan đứng ngoài tháo chiếc ngoắc dễ hơn. Cô đã tháo được. Loan không hề lên tiếng, không hỏi han anh lấy một lời. Mặc dầu hai người gần như sát nhau - một cái dáng con gái đang lúng túng, e thẹn đến tột độ. Huân cảm thấy như là Loan đã thoát nạn sau khi tháo được chiếc khoá, vội vã khép hai cánh cửa lại để mưa khỏi hắt vào chỗ Huân đang nằm.

Nhất định không khéo cái cô bé sẽ cảm lạnh vì trận mưa mới. Trong chớp mắt, Huân nhô hẳn người ra bên ngoài giơ tay nhắc cô bé ướt như chuột chũi qua bầu cửa sổ, vút vào trong giường.

- Bà già này, không được nghĩ xấu về tôi đó nghe, chà ướt hết rồi! - Vừa hét vào tai cô, Huân vừa vớ tay nhào lên phía đầu giường cầm chiếc áo đồ trên cái ngoắc áo, xát thật lực vào sau gáy và hai bên thái dương.

- Thắp đèn lên, diêm ở trên nóc tủ ấy! - Như một đứa trẻ sợ ma đến khiếp đảm, Loan quát tướng lên khi cây đèn dầu hoá bị gió quạt tắt.

Gió vẫn cứ lồng lộn bên ngoài cửa sổ để mở. Trong cái ánh trắng của không gian đang nổ âm âm của cơn mưa phía bên ngoài không ngớt tạt nước vào phòng, những chiếc lá khô dưới gậm giường họ đang ngồi với nhau như đang bị một bàn tay vô hình vứt tung ra khắp gian phòng trống. Đầu mẩu que diêm cháy đã đầy lên chung quanh chỗ hai người ngồi. Que diêm cuối

cùng soi nửa chiếc giường tơ giát ngay trước mặt họ không ngớt bật lên tiếng xào xạc của những chiếc lá sấu khô. Từ ấy cho đến sáng, họ ngồi thức bên nhau - trắng một đêm vừa mưa vừa gió.

Huân kể cho "con chuột chũi" nghe những xứ sở "lạ hoắc" đầy thừa thãi anh đã đi, những ngôi nhà anh đã ở, những thứ nghề anh đã làm để kiếm sống, những gian khổ mà anh và các đồng đội phải trải qua trong bụng biển từ năm 1974, khi anh trốn khỏi Sài Gòn bỏ theo giải phóng.

Và bây giờ anh trở về đây, như trở về với gốc rễ. Ngày hôm sau cho đến khi đứng xếp hàng đến mỗi rữ chân để mua được chiếc vé tàu Thống Nhất, điều khiến anh luôn nghĩ đến là tấm lòng tốt đối với đứa con trở về của bà con trong hẻm 27. Loan đã hoàn toàn tin rằng Huân không phải là người xấu, nhưng chưa tin vì mình sẽ khiến anh trở lại. Cô đứng với anh để anh khỏi ngỡ ngàng trong một ngày ngoài ga Hàng Cỏ.

- Trong chiếc túi xách Pa-na-ma của anh. - Khi Huân đã chen được lên toa tàu, cô mới nói trong tiếng cười khúc khích - có một "lá huyết thư" nhưng chỉ khi nào tàu chạy ra khỏi Hà Nội, anh mới được gỡ ra đọc.

Con tàu Thống Nhất hỗn hển lao nhanh vào bóng tối và khoảng không gian nồng mùi đất sau trận mưa lớn đầu mùa hè. Huân hồi hộp lôi từ trong chiếc túi của mình ra một chiếc phong bì nhưng bên trong chỉ có một chiếc lá sấu khô - như một mảnh vàng giát. Cảm "lá huyết thư", anh cảm thấy một niềm sung sướng tràn ngập. Đêm qua, cái cô bé vừa nhón lên của miền Bắc đã kể cho anh nghe hồi còn bé tí, năm nào vào giờ giao thừa, cô cũng lên bỏ vào hòm thư treo trên thân cây đề phía sau phố chợ một chiếc lá. Ngày đó cô chưa biết chữ. Nhưng cô tin rằng những điều cô nói thì thấm vào chiếc lá, người nhận sẽ nghe được hết, như người ta vẫn nghe máy điện thoại.

Một tháng sau, Huân trở lại Hà Nội.

Họ lấy nhau như trẻ con chơi trò chơi vợ chồng nhưng cả những con người độc miệng nhất cũng nói rằng cái cặp ấy sẽ không bao giờ rời bỏ nhau cả. Người thanh niên miền Nam lớn hơn Loan mười hai tuổi. Anh gọi cô vợ trẻ là "bà lão" và cô gọi anh là "anh Hai". Giữa đất Hà Nội anh làm như chơi cũng đủ cho hai người sống, anh biết làm thật lắm nghề. Hơn một năm rưỡi sống với nhau, anh đã làm hư vợ: anh quá nuông chiều vợ. Anh yêu cầu Loan không được mó tay làm một việc gì cả, lúc nào cũng đùa vui để khiến Loan không phải lo lắng gì cả, trong thời gian "bà lão" mang thai.

Dù biết thật lắm nghề, nhưng Huân bao giờ cũng yêu nhất cái nghề tay phải của mình - nghề xây cất. Những bận có dịp đi qua nước này nước khác trước đây, khi trở về, cái cuối cùng đọng lại trong anh là những hình dáng nhà cửa. Bạn bè của Huân "trong kia" đều biết anh có một năng khiếu đặc biệt và một tình yêu gần như đam mê đối với các kiểu cách kiến trúc đô thị. Bằng một niềm tin lãng mạn đầy diêm tĩm, anh tin dù là còn rất lâu dài, Hà Nội phải đổi khác. Hà Nội vừa xanh ngắt cây cối vừa vươn lên bằng những ngôi nhà chọc trời nhưng vẫn không mất vẻ hài hoà với phần kiến trúc Hà Nội cũ.

Anh đang cộng tác với cơ quan phụ trách đề án thiết kế xây dựng thủ đô mới - một công trình thuộc thời vị lai mà người ta thường được nghe không biết bao nhiêu lời bình luận vui vẻ. Những người chủ trì có tên tuổi của cái cơ quan nghiên cứu có tính chất chiến lược ấy đã lắng nghe anh phát biểu nhiều gợi ý thật đáng chú ý. Thế rồi bản đề án thiết kế xây dựng một khu phố mới cho cái ngõ chợ ổ chuột và tồi tàn của anh được thừa

nhận là một bản đề án tối ưu.

Nhưng chẳng bao lâu, Huân đã chủ động rời bỏ công trình "quá to tát" đó, anh quay sang chế tạo một thứ bếp đun củi. Trong thành phố một phần năm số hộ đun củi đã dùng kiểu bếp của anh.

Nhưng rồi anh lại nghĩ: đất nước này phải bắt đầu từ nông nghiệp. Anh mới ba mươi một tuổi. Thu được một số tiền từ việc bán ra những chiếc bếp đắp bằng đất, anh đóng cửa ngôi đọc sách, toàn là các sách khoa học nông nghiệp. Một lần nữa, anh lại định vứt đi hết và làm lại mình. Anh dự định, cho đến năm bốn mươi một tuổi, anh phải trở thành một nhà nông học, và sẽ đem vợ con về nông thôn ở.

Giữa khi "Cuộc cách mạng xanh" của Ấn Độ và các nước châu Á trong các cuốn sách tiếng nước ngoài đang cuốn hút lấy cả tâm trí, và anh đang bắt đầu nảy ra cái dự định trở về đồng bằng Nam Bộ xin làm một chân điền chủm gì đó cũng được ở phòng thí nghiệm giống lúa, thì chỉ trong có mấy ngày, chung quanh anh đã sôi sục tiếng thét phẫn nộ. Những người hàng xóm của anh trong cái hẻm 27 bấy lâu chỉ biết lo lắng về cái miếng ăn, giờ một nỗi lo khác lớn hơn bao trùm lên. Đời sống trở nên mỏng manh quá! Cái gian nhà của Loan và anh đang sống chung trở nên mỏng manh quá! Chỉ trong mấy ngày đầu bọn giặc bành trướng bất ngờ đánh sang biên giới, anh hiểu được vì sao đến khi nhắm mắt, người cha của anh vẫn còn lo giặc sẽ xông vào trong ngõ. Anh không dám nhìn cái bụng đã hơi nhô lên của Loan. Ngày ấy má anh cũng đang có mang anh, chắc cũng như Loan. Anh xếp sách đi ra ngã tư. Một đám đông người trong phố chợ đang vây chung quanh một gia đình mới từ Lạng Sơn chạy về. Chung quanh gốc cây sấu và cây cột điện xếp một đồng túi vải thô nhuộm chàm lẫn giữa những cặp mắt lơ lảo, ngơ ngác của đồng bào chạy giặc.

Chiều hôm ấy, vừa ở vườn ươm về, bác Thông đã thấy Huân

lết quẹt đôi guốc mộc sang nhà mình.

- Cháu nghe nói Hà Nội mình đang tổ chức mấy tiểu đoàn chuẩn bị lên chi viện cho trên ấy...

- Ừ, tiếc rằng tao đã già rồi... Phải kéo nhau lên mà đánh đòn chứ không nó tràn xuống như thời ông bà mình ngay bây giờ.

- Cháu định xung phong đi đây, ông ạ!

Đến lúc bấy giờ bác Thông mới hiểu ra:

- Mày đi thì... vứt mẹ con con Loan đấy cho ai? Nó sắp đẻ. Và lại anh đã nhập xong hộ tịch ở đây đâu?

Anh ngồi lại chơi với bác Thông một lát rồi nhào sang bên nhà bà Ngan.

- Cháu định... đi đây, bà ạ!

- Đi đâu?

- Lên Lạng Sơn.

- Trên ấy đang giặc giã, người ta đang chạy về dưới này ở đây các phố xá kia!

Huân cười:

- Là nói cháu lên để đánh giặc cơ mà, bà!

Bà Ngan bỗng ngồi lặng đi:

- Ra thế! Vẫn là cái máu nhà anh, tôi đã biết từ lâu... Nhưng anh đã bàn kỹ với nó chưa? - bà Ngan cũng không hiểu vì sao mình không nói một lời nào để giữ Huân lại, mặc dầu bà rất muốn. Không khuyên ngăn được Huân, bà chửi đồng: - Khốn khổ; tiên sư ba cái thằng Tàu chứ, người ta muốn yên hàn, nó cũng không cho!...

Anh trở về nhà.

Mãi gần khuya, Huân mới dám kéo Loan đến gần, đặt ngồi lên đùi mình - giữa lúc cô đang sửa soạn chăn màn chuẩn bị đi ngủ. Anh áp một bàn tay lên bụng vợ cố lấy giọng đùa bỡn như mọi ngày

- Bà lão này...

Anh ngập ngừng tìm cách nói cái quyết định của mình với Loan. Giữa khi bên dãy nhà trước mặt, tiếng bà Ngan nói với bác Thông - vẫn bằng cái giọng phẫn nộ mà lại như một tiếng rên rỉ: "Tiên sư ba cái thằng Tàu chứ, hai đứa trẻ đang sống yên hàn, vui vẻ..."

PHẦN THỨ BA

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐỨNG DƯỚI GỐC CÂY SẦU ĐÔNG

Sang ngày sau, bác Thông thức dậy muộn hơn mọi ngày. Những việc xảy ra suốt đêm hôm trước, bác băn khoăn mãi, chẳng biết là thực hay trong mộng. Nhưng bây giờ rõ ràng bác đang sống trong cảnh đời thực.

Xế bên trái cửa nhà bác nhìn ra có một dãy chuồng gà, chuồng thỏ xếp lẫn lộn với những bó củi cành cùng với những chiếc sọt rách, bị rách, bao tải rách đựng đầy những khúc rễ cây, vỏ cây - có những phiến vỏ cây dày nặng như phiến gỗ ních vừa chặt một cái bị côi, và nhiều nhất là những mảnh vỏ của rễ và thân cây do nhát rìu chặt - đó là tất cả cái kho báu mà suốt đời bác Thông đã làm được chút ít cho bếp núc các nhà trong cái ngõ 27. Thậm chí người vợ bác, bỏ bác đi lấy chồng khác từ một phần tư thế kỷ, đã đẻ thêm một đàn nửa tá con, từ một bà "bánh dày giò chả" tiến lên xây ngôi nhà hai tầng mở hiệu phở dưới bến xe Kim Liên, cũng một vài tháng đảo lên, hăm hăm nhìn những người đàn bà và những đứa trẻ của ngõ 27 y như người ta lấy mắt củi của mụ, thuê xích lô chở củi về tự nhiên như của nhà mình, giữa một hàng các con mắt đầy thịnh nộ của các công dân trong ngõ 27. Bác Thông, đúng là một lão dở người bị vợ nó bỏ

cho là phải, chẳng nói gì cả. Sáng ấy, bác Thông thức dậy, đang nằm rón lại một phút trên chiếc giường cá nhân bằng gỗ xoan - vật còn lại duy nhất trong nhà mà bà vợ động lòng trắc ẩn không khuôn lên xích lô.

Những tiếng i i như tiếng dế: "Ông Thông ơi, ông mở cửa hộ cháu!", cái tiếng dế thỉnh thoảng lại nổi khùng lên quát: "Ông Thông! Dậy mở cửa cho cháu!"

Bác nhồm dậy quờ tay lên mặt thạp gạo trên đầu giường, bên chân cây đèn dầu hoả thấy một vật lạnh lạnh, biết là mẹ nó ra đi đã gửi chìa khoá lại. Bác đã được "chi thị" của cô Loan chỉ khi nào xảy ra cháy nhà hay ngập lụt thành phố thì "mở cửa cho thằng Tham ra".

Xỏ chân vào đôi guốc, bác bước ra thêm. Cái đứa trẻ vừa gọi có lẽ nó nghĩ đã làm một việc có kết quả, đang xòe những ngón tay múa lên phía sau hai que chân song sắt của một khuôn cửa bé tý, bây giờ nó không quát, không i i nữa mà hứa: "Ông mở cho cháu ra tẹo thôi, cháu không đi đâu đâu mà!" Bác Thông phải dẫn lòng xuống trong một nỗi khổ tâm thấy một đứa trẻ bị giam mà bác không biết làm sao được, giả vờ không trông mà cũng không nghe thấy bởi bác biết cái ông lõi con sống ra ngoài sẽ phóng đi mất là cái cầm chắc. Nó là thằng con trai cô Loan - ôi chao, mẹ nó mới chút ít tuổi, trông vẫn y như đang đi học lớp 7, mà một đứa con gái đã ra dáng một đời người đàn bà goá bụa.

Sáng hôm ấy bà Ngan bán hết hai thúng xôi lúa trở về đến nhà thì thấy bác Thông sang, đặt xuống chỗ đầu giường bà một chiếc chìa khoá.

Gian nhà bác Thông chẳng bao giờ khoá. Bà Ngan đã thuộc lòng từ lâu cái thói quen ấy của người hàng xóm. Bà đang ngồi lúi húi vét trong cái mẹt thùng ra những đồng năm hào bằng giấy, ngẩng lên trông thấy chiếc chìa khoá bằng sắt tây của nhà cô Loan và cái điệu bộ như một kẻ phạm tội của ông lão hàng

xóm, bà hiểu ngay.

- Chao ôi! - bà Ngan bắt đầu mắng yêu bác Thông - Ông thả thằng bé ra rồi ư? Đến bây giờ thì đã lùng kiếm khắp ngoài chợ vẫn không thấy chứ gì?

- Nó đã hứa đi hứa lại... - Ông lão đáp ấp úng.

- Nó hứa với ông sao?

Bác vẫn thật thà đáp:

- Rằng nó chẳng đi đâu cả!

- Chào chào, ông đỡ người ạ! - Bà Ngan chì chiết ông lão. - Người ta bảo thế chẳng oan! Thời buổi bây giờ mà... ông vẫn bị lời phỉnh của một đứa trẻ ba tuổi? Mà có phải lần đầu tiên đâu? Mà cứ gì phải đến cái thằng bé, hòn đất hay cái gối nó cũng đánh lừa được ông!....

Bà Ngan là một người đàn bà trời đất sinh ra để thừa sức làm một người vợ đảm đang và một người mẹ hiền từ sẵn lòng hy sinh vì con cái, nhưng vì lẽ ông bố bà ngày trước đây làm nghề bán thịt chó ở một phố huyện, những con chó mà hồi nhỏ bà đã trông thấy treo chúc đầu xuống bằng một cái móc sắt, thui vàng hươ, nhe ra những chiếc răng trắng nhơn, cả một bầy chó thui cứ nhè sổ phận đứa con gái cuối cùng của người bán thịt chó mà đớp, mà cắn xé. Hai mươi tám tuổi, bà đã hai đời chồng, con trai con gái - nết tề đều có, nhưng nhắc đến làm gì, nhớ làm gì, bây giờ sống ở trên đời bà chỉ còn hai điều vui là được chăm nom, giúp đỡ cái ông hàng xóm, và thỉnh thoảng bà Oản và Đom, hai người chị gái đầu lòng, người ở Hưng Yên, người ở Hải Dương, đến thăm bà. Ba chị em ngủ chung. Hai bà chị cả hơn bà Ngan những trên dưới hai chục tuổi, con cháu đông đúc, đầy đủ cả.

Lần nào về Hà Nội, hai bà chị già nua cũng khoác theo về một bị bồ kết. Buổi trưa bà Ngan đi bán xôi lúa về, dọn cơm ăn xong, hai bà già bắc hai chiếc ghế con ngồi hai bên, bắt bà Ngan ngồi chúc đầu xuống một cái chậu nhôm. Bốn bàn tay dần deo

xúm vào chải một mái tóc vốn dài và óng ả nhưng cứ mỗi ngày một khô đi, và rồi năm này qua năm khác, hai người chị cứ thấy tóc em càng khô và ngả màu dần.

Vào một ngày nào đấy, một ngày thật đáng ghi nhớ trong chuỗi dài những ngày tháng chẳng có gì đáng nhớ. Bà Đom - bà chị thứ hai - tìm thấy một sợi tóc bạc trong chiếc chậu nhôm nằm lẫn giữa đám bột bồ kết. Hai người chị nhìn nhau. Hình như lần ấy vào cái năm bà Ngan năm sáu tuổi nhưng dưới con mắt hai người chị cả thì bao giờ cái đứa em gái út cũng là đứa em gái út. Bà Đom đưa sợi tóc cho bà Oản. Thế rồi hai bà thông đồng với nhau đem sợi tóc bạc giấu đi, không cho bà Ngan biết. Quả nhiên bà Ngan chẳng biết gì thật.

Được hai bà chị già gội đầu cho xong, bà Ngan bước đi trở nên hơi đung đưa như khoe với chính mình làn tóc vẫn dài xanh và thơm tho cũng đang đung đưa sau lưng, người nhẹ bẫng như sắp bay lên. Bà vào trong nhà xách một chiếc ghế ra thềm. Bằng cái dáng đứng chon chón như con gái, đứng lên chiếc ghế vừa nâng mái tóc trịnh trọng quay được vài vòng bỗng bật kêu "ôi, ôi" mấy tiếng bằng cái giọng như người đang mắc cỡ.

Hai bà chị ruột trông thấy từ ngoài bước vào dải hiên hẹp có những giọt nước ly ty bắn tung toé, một người đàn ông trạc ngoài bốn mươi, đeo kính gọng vàng, mặc bờ-lu-dông xám và quần "ốc-pho" tím, đi đứng chững chạc và mặt mũi rõ ra một người có học thức. Đó là ông phó mộc quê dưới Hà Nam lên đóng tủ búp-phê và xa lông cho các gia đình buôn các mặt hàng tạp phẩm ngoài phố chợ.

Bác phó mộc goá vợ nhưng con cái đều lớn cả. Vừa có mã người lại làm ra tiền. Hai bà chị lần đầu giáp mặt ngồi tiếp chuyện một lát đều thống nhất nhận định là một con người đứng đắn tử tế. Một con người quý hoá như thế người ta đâm ra phải lòng mình, tức là người ta có ý thương yêu mình thật và đặt vấn đề xây dựng đứng đắn hẳn hoi chứ chẳng phải chuyện hoa

nguyệt. Mà cũng phải biết cái nhà, cái ngõ mình đặt chân vào như bước vào giữa lòng ống nước thái, vì mền cảm người nết na, lại cùng quê, mà người ta đánh đường tìm hoa chứ con gái, đàn bà ở dưới gầm trời này thiếu gì, vậy mà đứa em út thật chẳng biết điều gì cả, một mực lắc đầu quây quây. Hai bà chị cáu lắm. Ban đầu cũng tưởng bà Ngan chỉ đồng đánh làm ra vẻ khó dễ một tý. Ai ngờ trước sau vẫn cứ một mực dứt khoát từ chối. Lại đi từ chối một cái đám như thế?

Từ cái bận đó hết người này đến người khác, hai bà chị lên Hà Nội luôn. Nhiều khi lên cả hai, để hợp lực tấn công - "Cái đám này không thành thì cô ở vậy suốt đời đến già. Cô tưởng cô còn trẻ lắm đấy!".

Hai bà chị hết lời mắng lại dỗ, lại còn diếc móc nhưng cái cô em như một kẻ dở người của họ - cứ y như một hòn đá tảng kê cột nhà, không hề thay đổi ý định lập trường đi một tý nào.

Than ôi, nếu bảo bà Ngan bị ảnh hưởng tiểu thuyết thì thực oan cho bà và cho cả các nhà văn vì bà Ngan chỉ dùng tiểu thuyết để gói xôi lúa những lúc không mua được lá sen và lá bàng; rồi ra cả việc từ chối cái đám ông phó mộc, để đến nỗi suốt đời bà phải ở vậy một mình đến già và riêng về phần ông phó thì ngay cuối năm ấy đã cưới cô gái quá lứa con một bà bán măng miến ngoài phố chợ, chúng ta chỉ còn có nước trách ông trời đã đặt vào giữa khuôn ngực bà một trái tim, và từ lâu đã tạc vào giữa trái tim đa cảm không vụ lợi ấy hình ảnh cái nhà bác Thông, một con người như ta đã biết.

Và xưa nay trong các thiên tiểu thuyết lưu danh thiên cổ, người ta chỉ được chứng kiến những thiên tình sử đủ các màu sắc và cung bậc giữa người và người, chưa bao giờ có ai chép chuyện tình yêu giữa cây cối và đất cát bao giờ, bởi quả thực thiên tình sử chẳng có gì lâm ly, hấp dẫn của hai con người trong ngõ 27 suốt hai mươi một năm nay chính là thiên tình sử giữa cây cối và đất cát. Có thể chép thật gọn như sau:

Hôm đó, thằng Huân mới đi bộ đội được mấy ngày, bà Luỹ, bà vợ của bác Thông cùng người chồng mới và mấy người nữa đưa mấy chiếc xe ba gác đến, bao nhiêu đồ đạc trong nhà họ khuân chất lên những chiếc ba gác của họ và chiếc xe bò của bác Thông, chẳng để lại cái gì cả. Cũng may, cái nền gạch trát chắc quá, họ chỉ cầm búa gỗ mấy nhát rồi cũng lắc đầu, không cạy mất viên nào. Hàng xóm láng giềng lấy làm phẫn nộ nhưng ai cũng biểu lộ thái độ phẫn nộ bằng quơ thế thôi, vì nghĩ không phải việc nhà mình.

Riêng bà Ngan nhìn thấy bác Thông cứ chấp tay sau lưng đứng xó rọ hết cửa nhà này lại sang đứng cửa nhà khác thì tức điên ruột. Trước cái sự lộng hành của một Khuyến ưng, Khuyến phê, bà hăm hăm nắm chặt lấy cổ tay bác kéo về nhà. Bà ấn bác Thông bắt ngồi lên chiếc giường cá nhân bác vẫn nằm đã bị lôi ra ngoài hiên, mà nói cho cả bọn kẻ cướp nghe: "Nhà ông ở đây, việc gì ông phải chạy đi đâu nào?"

Thế mà chúng nó phải sợ đấy!

Tình yêu như một chiếc búp lá bàng mập mạp nẩy ra trong trái tim bà Ngan - một trái tim giàu lòng thương người - có lẽ bắt đầu từ khi ấy, khi bác Thông vừa phải xa thằng Huân như mất đi một người bạn lại vừa bị hà hiếp cướp mất hết đồ đạc, và khi lần đầu bà Ngan nắm lấy cổ tay người đàn ông mà lôi trong một tâm trạng đầy phẫn nộ, lại thỉnh thích, thấy được che chở, bênh vực cho một người đàn ông. Cũng phải nói, hai mươi một năm về trước, ông lão trồng cây chưa phải là một ông lão già nua như bây giờ.

Lại kể tiếp buổi sáng hôm ấy bà Ngan chì chiết bác Thông một chập xong lấy làm hả hê lắm, y như là mình có cái quyền chính đáng ấy. Kể ra mình cũng hơi quá lời, bà Ngan sau đó lấy làm ăn năn như tất cả mọi người đàn bà hiền lành nhận thấy mình hơi lấn át cái người đàn ông trong nhà, cho nên bà đâm ra thương bác Thông. Nhất là khi thấy bác cứ đứng đực ra đấy như

một đứa trẻ phạm lỗi không hề dám cãi lại thì lại càng thương hơn. Nhưng bà vẫn cứ phải làm mặt nghiêm để lần sau "ông ấy" đừng có cả tin nữa.

- Để tôi đi tìm nó về cho, - cuối cùng bà Ngan dịu giọng nói.
- Ông hãy sửa soạn mà đi làm kéo trẻ.

Thế là bác Thông kéo chiếc xe bò đi làm. Nhưng vừa nắm lấy hai càng xe, lộc cộc kéo ra chưa đến cổng đã bị gọi giật lại:

- Hình như ở ngoài kia bữa nay họ bắt đầu rồi đấy! - Bà hàng xôi lúa lần này nói bằng giọng áp úng, cặp mắt bỏ câu viên lông quặm hơi chớp chớp nhìn ông lão trông cây ra chiều không để đâu hết thương hại. Nhưng bác Thông chưa thể nghĩ ra việc gì.

- Cái gì nhỉ?

- Dẫn cây.

Ông lão bỗng tái mặt:

- Chắc là còn lâu...

- Lúc tôi về đây, người ta đã bắt đầu dùng hai sợi dây chèo bằng bắp đùi với cả dây cáp sắt tua tua trên các cành lớn. Bắt đầu từ sáng nay cửa hàng rau quả cũng phải dời đi rồi!

"Như thế là đã bắt đầu..."

Bác Thông thực sự choáng váng, không còn dám nghĩ đến cái điều người ta bàn tán từ ba bốn năm nay rằng "cái khu phố chợ nhếch nhác này sẽ bị san bằng để xây dựng thí điểm một khu dân cư điển hình đẹp đẽ nhất Hà Nội". Công việc lớn lao sẽ đụng chạm đến đời sống của tất cả mọi gia đình trong khu phố chợ kia cũng chỉ mới là một công việc khởi đầu, nằm trong một tổng thể quy hoạch xây dựng thành phố thủ đô, có lẽ sẽ làm hết cả đời con và đời cháu mình chưa chắc đã xong.

Chao ôi, trái đất có như ngày nay cũng có ngày bắt đầu và chưa bắt đầu. Nghĩ mà thương cái thằng Huân, sao nó không sống đến bây giờ?

Ông lão Thông sực nhớ một buổi trưa hôm ấy, đi làm về nó

xách theo những nửa cân thịt quay, nó bắt ông lão và bà Ngan sang ăn cơm với vợ chồng nhà nó. Chưa bao giờ thấy nó vui như cái bữa ấy. Đang ăn nó trịnh trọng đứng dậy cầm chén rượu san ra làm bốn, bắt tất cả nâng chén với nó và uống cạn. Nó giở ra cho mọi người nhìn thấy tất cả những cái nó vẽ trên một tờ giấy to bằng nửa mặt bàn. Nó bảo rằng đề án xây dựng khu phố thí điểm của nó đã được chấp nhận. Nó lại trở đầu đưa chỉ chỉ trở trở vào cái tờ giấy mà có lẽ hai phần ba thì giờ và trí lực của nó trong thời gian một năm rưỡi sống giữa cái đất Hà Nội này, đã bỏ vào cái tờ giấy ấy.

Thế mà cái tiểu đoàn của Hà Nội ngược biên giới đi đánh Tàu, ngày trở về, thiếu nó.

Bao giờ nghĩ đến cái thằng Huân, ông lão Thông cũng cứ tưởng như nó không chết, vẫn còn sống và nó vẫn đang còn bận lang thang xem xét các kiểu cách nhà cửa phố Đồng Đăng hay Kỳ Lừa vừa bị bọn giặc bành trướng phá mất, và đến một buổi sáng, ông chấp tay sau lưng đi ra ngoài ngã tư, lại thấy nó mặc quần áo bộ đội đi từ ngoài ga vào.

Chiếc xe bò chỉ chở có một chiếc kéo cứ nhảy tung tung trên những hòn cuội sắc cạnh.

Chưa ra đến giữa phố chợ đã thấy cô con gái quá lứa bà bán măng miến theo sau một lũ con như cái đuôi, vừa chạy từ phía ngã tư về vừa cười nói huyền thiên, lập tức bị bà mẹ đang ngồi rầu rĩ trước cửa chữ cho một chập. Nhà cao nhà thấp đâu chưa thấy, chỉ thấy nay mai phá mất cái cửa hàng, một xóc người kiếm ăn bằng cái gì và sẽ ở đâu? Cái rầu rĩ của bà hàng măng miến béo ú với cái cửa hàng bè thế lây cả sang bác Thông, chợt bác cũng cảm thấy buồn ngùi nghĩ đến cái gian nhà của mình như một cái rương bỏ không nắp mở toang ở trong cái ngõ hẻm.

Đầu gối bác Thông bồng bunn nhún. Một đám đông người lớn lẫn trẻ con, lại có một đám người đi làm đạp xe đi qua đang đứng

ùn cả một quãng ngã tư. Bác Thông đun đẩy hai còng xe nhưng chiếc xe bò cũng trở nên quá đa cảm, không chịu lặn bánh. Bác cũng không dám bèn mảng đến cái ngã tư mà ba chân bốn cẳng vội vã quanh chiếc xe lặn vào con đường dốc men theo hông bức tường chợ. Con đường đi làm sáng nay xa gấp đôi.

Những cây thông non sau một đêm sương muối vẫn tốt xanh.

Lật những tấm cốt ép ra, bác liền sục nhớ tới cái màu xanh rêu trong một dáng đứng đầy kiêu kỳ của những hàng cây thông hình tháp mà thằng Huân vẽ rải rác trong cái khu phố tưởng tượng của nó trong tờ giấy.

Những anh thông này, mai đây sẽ thay thế những cây sấu và cây bàng là những loài cây có tính hay trút lá xuống đường phố bờ bãi, tiếng chổi tre ràn rạt quét lá chỉ thích hợp với một Hà Nội cũ: cột điện cao lênh khênh, mái phố thấp, nhà cửa tùn mủn.

Bác Thông già đi xem lại tất cả một lượt những cây thông non, như một vị nguyên soái già nua của trận đánh đã đi vào lịch sử đang đi duyệt những người lính trong một đạo quân tân kỳ - vừa xong thì thấy đồng chí giám đốc bước tới. Vẫn cái dáng tươi mưởi, vồn vã vốn có của người giám đốc trẻ mới về khiến ai cũng mến.

- Này bác Thông, - đồng chí giám đốc giang cánh tay thân mật ôm lấy một vai bác, - hôm qua chúng tôi họp và quyết định tăng lương cho bác. Tăng hai bậc.

Thấy bác vẫn im lặng, giám đốc hỏi đùa:

- Bác đồng ý chứ?

- Dạ, sao cũng được.

- Và từ nay, cũng trong cuộc họp hôm qua, chúng tôi cũng vừa quyết định đưa bác sang bộ phận khai thác và đưa lên làm tổ trưởng. Công việc khai thác bây giờ đột xuất trở nên lớn lắm.

Hai tiếng "khai thác" lọt vào lỗ tai bác Thông thoát biến

thành một lưỡi cưa với một chiếc rìu cứ nhè quả tim già nua mà xẻ, bổ.

- Bác sao thế?

Người giám đốc thấy mặt bác hơi tái đi.

- Báo cáo bác, - bác Thông phải cố gắng mãi mới thốt ra thành lời nói được. - Tôi không làm được đâu...

Giám đốc chờ không thấy bác nói tiếp, liền hiểu là bác muốn từ chối cái chân tổ trưởng, lại còn hiểu thêm rằng: bác từ chối vì dỗi. Lúc bấy giờ, về phía ngôi nhà nấp sau vườn chuối có ai đang gọi, người giám đốc thuận tay vỗ vỗ mấy cái vào hòm vai hẹp mảnh của ông lão trồng cây, nói nhanh:

- Rồi nó quen đi, quen đi mà! Ai đời làm mấy chục năm mà không lên được cái chân tổ trưởng. Ngày mới về tôi đã thấy đây là cái sai sót cần bổ khuyết gấp, và tôi đã dặn hành chính bố trí để tổ bác làm ngay trong khu phố chợ.

Đi được mấy bước người giám đốc sâu sát và tỉ mỉ còn ngoái lại:

- Để bác đi làm cho gần. Thôi nhé!

Trong buổi sáng, bác Thông còn được biết thêm: không phải mình bác mà nhiều người làm ở vườn ươm đã được chuyển sang công việc khai thác, đúng như giám đốc nói, khai thác bây giờ trở nên đột xuất to lớn - một công việc so với công việc ươm cây bên này "hay" hơn nhiều, bao người nhà cửa trở nên khang trang, bàn ghế, xa lông, tủ kê chật trong nhà, cũng vì được làm cái công việc béo bở: khai thác gỗ ngay trong thành phố!

Người thủ trưởng mới đầy sáng suốt kia đâu có biết rằng một lúc hai bậc lương, đề bạt, và nếu có gắn huân chương cũng không làm khuây khoả nỗi buồn không để đâu hết của cái ông lão lẩm cẩm hàng chục năm nay vẫn lấy việc trò chuyện với cây cối làm niềm vui duy nhất, nguồn sống duy nhất. Nhưng công việc là công việc. Vài ngày sau, cái tổ khai thác do bác mới nhận

chân tổ trưởng xúm nhau lại ngồi hút thuốc lào, uống nước chè xanh và ăn bánh rán ở ngôi hàng trước cổng vườn ươm. Vào một cái cả nửa tháng lương mới của bác Thông đã chui vào bụng các tay tổ viên, toàn một bọn trẻ. Xong họ ào ào tràn qua vườn Bách Thảo xuống ngã tư. Tay tổ phó là một thanh niên có cái dáng lừ đừ, nếu hắn đứng trước cổng nhà ai, thì nhất thiết người ta phải dè chừng vì hắn có cái dáng của một tay chuyên đánh "bả" chó.

Với cặp mắt của một tên chuyên môn làm thịt chó, chỉ nhìn con chó chạy qua là biết được miếng thịt miếng dồi, gã nhìn cây sấu ở ngã tư, đi chung quanh một vòng, thốt lên hai tiếng, "hà, hà" vốn là thói quen của gã trước khi mở mồm ăn hay nói - nói với vị tân tổ trưởng rằng hắn vừa làm nhà cần đóng một số đồ đạc.

- Bố ạ, - gã Quân nói với ông lão Thông, - bố cứ nói với giám đốc rằng: ai lại trong nhà tôi nếu có một người nằm trên cái giường cá nhân thì những người khác phải ngồi bệt đít xuống đất, cho nên bố cứ xin quách một gốc sấu - nghĩa là cây sấu này. Bố một góc, con một góc, con là tổ phó nhưng cũng cần đóng một số đồ đạc.

- Anh có cần tôi nói với giám đốc cho, chứ tôi cũng không cần đồ đạc...

- Tuy, tuy, nhưng bố cứ nói thế. Con nghe tháng sau người ta còn định phân nhà cho bố nữa cơ. Cứ lấy để đấy. Cần đóng gì con giúp cho một tay. Hay là để cho con, con sẽ trả tiền, tuy, tuy...

Quân vừa nói vừa đeo cái dây bảo hiểm vào người.

Ông lão chẳng còn lòng dạ nào mà nghe những tiếng "tuy, tuy" nữa. Chân tay run lẩy bẩy, ông lão đứng dưới gốc nhìn gã Quân và mấy tay nam đang thoăn thoắt trèo leo hết cành này sang cành khác ở trên đầu mình, trong khi mấy tay nam khác đứng dưới ngược nhìn lên. Họ đang chuẩn bị cửa ngăn những

cảnh quá dài lâu nay vẫn từng đổ bóng mát xuống tận lòng đường. Họ đang om sòm thảo luận về việc nên hạ mấy cảnh lớn xuống theo cách nào để không xảy ra tai nạn. Không làm sập mái nhà.

Cây sấu vẫn bình thản mà ông lão thấy đau, y như sắp phải đứng để người ta cưa tay cưa chân mình.

Rồi bỗng tiếng cưa máy cứ xoèn xoẹt cưa vào thịt da ông lão. Cuộc hành hình con người khổng lồ càng mang một vóc dáng quy mô công nghiệp hơn khi hai chiếc xe ô tô chạy tới đổ châu mũi vào nhau ngay dưới gốc cây. Một cái giàn cưa máy được trục lên. Một đồng cảnh lớn đã chắt đầy trước máy hiệu phở với những đám lá rậm rạp. Lá sấu xanh rơi đầy mặt đường. Những lỗ hồng trên mái phố để lộ dần ra những khoảng nền trời.

Trưa. Ông lão Thông lê bàn chân trên những viên sỏi sắc cạnh của con đường phố chợ, thấy nhà nào nhà nấy đã chắt lù lù một đồng củi cảnh sấu. Thật là một cuộc yến tiệc cho cả thiên hạ.

Trước ngõ 27, một tấm biển gỗ dài chừng năm mét đã cắm lên. Một cô gái thắt một chiếc mùi soa vào sau búi tóc, giải thích cho ông lão Thông hiểu đại lộ chính của khu phố mới sẽ đi qua đây - chỗ cắm biển là tim đường. Nghĩa là gian phòng ông đang ở nay mai sẽ là đường đi. Đến bây giờ ông lão mới sực nhớ ra ngày trước thằng Huân có lần cũng nói như vậy, nhưng ông chẳng lấy làm chú ý.

Bây giờ mới chú ý đến cái điều ấy - khi ông lão bước vào nhà. Lại thấy như là cái tấm lưng đỏ đang ngồi táy máy thử chiếc kéo.

"Thưa bác, bác làm nghề... ghép cây ạ!"

Ông lão tự nhiên đâm ra giận, không thèm đáp mà nằm vật xuống giường. Cái người khách đã hy sinh ấy đã mó đến đời ông lão. Cái giường đang nằm tự nhiên không nằm trong nhà mà đang nằm chèn ềnh ngay giữa đường, thập gạo và chiếc đèn

dầu hoả cũng vậy. Trời đất hỡi, hấn đến đây làm gì, bày vẽ ra những đổi thay này làm gì? Để đến nông nổi cả cái gian nhà này của ông cũng chẳng còn nữa? Ông ngược mắt nhìn lên trần ngấm những phiền rui mè đầy bụi bặm đang văng vẳng phát thanh tiếng cả một bày một đang trèo treo nghiêng gổ - mà thậm chí chỉ nghĩ đến rằng nay mai không còn được nghe nữa, ông lão đã thấy như đổ ập vào đời mình cả những phiền buồn hiu quạnh. Ông lão chợt nhớ những ngày tháng, trong gian nhà này, ông sống bên cạnh bà Luỹ - mà khi bà bỏ ông đi lấy chồng khác, đối với ông, như một sự thoát nạn. Cay như ớt và chua như mế, nhưng khi tất cả mọi điều đã vùi mình vào quá khứ, đã trở thành cái đã qua, vẫn làm cho nó dai dẳng bám chặt lấy ông còn ngoan cố hơn cả những cái ngọt bùi...

Ông lão đang trò chuyện với gian nhà.

Nó chẳng ra cái gì cả, chẳng là cái gì cả, thậm chí nhiều người còn đem cái gian nhà của ông lão Thông ra để ví von hoặc chế giễu nhưng đối với ông lão dù sao cũng là một cái gian nhà - một cái đời riêng.

*
* *

Tay tổ phó Quân phải đưa ra túc trực đêm ngày canh gác cây sấu rất chặt chẽ, nhưng cũng không làm sao cản được đám người của phố chợ lăm lăm cầm cưa, rìu, chục xúm vào "làm thịt" cây sấu.

Trông cái cây bây giờ thật thương tâm: Nó chỉ còn một cái thân cây gỗ tươi trụi thui lủi. Kẻ được hưởng bóng mát nhiều nhất là lũ trẻ phố chợ và gia đình mấy hàng phở quanh ngã tư vừa nghe tin hạ cây sấu, lập tức xông vào lột da nó, như lột da một con bò ở lò sát sinh. Cây sấu vẫn đứng thẳng với một cái

thân cây đã bị lột vỏ đang ứa nhựa, ở những khoảng vỏ mới bị lột nom đỏ hồng như da đứa trẻ sơ sinh, những khoảng vỏ đã bị bóc từ lâu, nhựa khô dần, xuống màu da bò.

Khúc rễ bao năm bà Ngan ngồi bán xôi lúa dài vắt sang tận bên kia đường, phải mất trọn một ngày mới khơi xong một đoạn của khúc rễ ngang ấy. Rễ cái và phần gốc cây được tổ phó Quân quan tâm đặc biệt: gã đã nhấm cho những mặt ghế xa lông, những cánh cửa tủ.

Nhìn vào khoảng đất rộng trùng sâu xuống quanh cây sấu và đông đào lên, người ta bắt giác giật mình được tận mắt chứng kiến cái tầng đất văn hoá⁽¹⁾ của con người - nó cũng chẳng lấy gì làm dày lắm.

Chỉ nói với bác Thông một câu hôm đầu tiên, gã tổ phó coi cây sấu đã thuộc về gã - hoặc ít ra gã sẽ mua được một nửa với cái giá nội bộ.

Ngày hôm sau, vào khoảng năm giờ chiều, cái cây cổ thụ đã ngã xuống.

Trong cái buổi chiều thê lương ấy, chỉ có bà Ngan mới hiểu rõ hết tất cả nỗi khổ tâm của ông lão Thông. Ông lão từ trước vốn đã ít nói, bây giờ ông lão câm như hến. Bà Ngan trong mấy ngày chỉ mong người ta làm xong cái việc đẵn cây cho nhanh đi, để ông lão khỏi đau đớn dai dẳng.

Vào buổi tối cây đã ngã xuống, bà mang sang cho ông lão một bát ô tô cháo đậu xanh lẫn nếp mới, kèm theo mấy thìa đường trắng bỏ trong một chiếc đĩa hoa. Nhưng lay đập ông lão không dậy. Cứ nằm im trên giường.

Lâu sau, mãi tới khuya, ông lão nặng nề trở mình hai ba lượt mới cất mình lên được.

Suốt đời chưa bao giờ ông lão trồng cây thấy trong mình đau đớn và trống trải như vậy. Trong đêm khuya, ông lão Thông tự thấy mình như cây cột điện ngoài ngã tư lần đầu tiên phải đứng

(1) Danh từ địa chất

lẻ loi, ông bước ra thêm. Rồi lại lững thững đi ra ngõ. Ông lão đi tìm cây sấu. Cây sấu đang như một cái thi thể bị hành quyết ngã xuống nằm vắt ngang con đường rải đá của phố chợ, để lại trên cái chỗ đứng cũ của nó, trong tròn một thể kỷ một khoảng trống. Đối với ông lão, dù có xây cả một dãy phố hàng chục tầng, cũng không lấp nổi cái khoảng trống ấy. Bởi bấy lâu, mọi kỷ niệm mang niềm kiêu hãnh cũng như mọi niềm vui buồn tủn mủn đến mức vô nghĩa của cả đời ông lão đều giấu sau vòm xanh của cái cây, bây giờ phút chốc chỉ còn một khoảng trống. Từ cái khoảng trống như một góc phố vừa bị thùng, gió cứ nhẹ ông mà thổi tới hun hút. Ông lão khép hai vạt áo vải xanh lao động đã sờn cũ, giẫm lên bóng mình đổ dài nguên ngoàng xuống các khoảng đất mấp mô rải đầy những chùm lá sấu xanh và những mảnh gỗ vụn do nhát rìu chặt, lão đảo đi trở về nhà.

Gian nhà ông lúc nào cũng đã chất đầy những súc gỗ của phần dưới thân cây sấu đầy máu mắt mà tay tổ phó đã trịnh trọng khuân vào lúc chiều. Ông lão, cho đến lúc này, thực tình, đến nỗi không còn đủ can đảm nhìn cái phần thịt xương dẹo ra từ cơ thể sống của một người thân yêu.

Như một kẻ trốn chạy chính mình, ông lão chợt thấy mình đang đứng trước mặt người đàn bà suốt ngoài hai chục năm vẫn là chỗ nương náu của lòng ông. Kiệt sức vì đau đớn và cô độc, ông lão như một cây cổ thụ trăm tuổi đang sắp ngã xuống mặt đất.

Người đàn bà lúc bấy giờ đang ngồi ngủ gà ngủ gật trước một cái nồi ngô bung đang sôi, giật mình hoảng hốt đẩy ông lão ra - tuân theo một thứ bản năng tự vệ của người đàn bà gần như suốt đời sống một mình. Chợt đến khi đôi cánh tay nồng ấm của người đàn bà kịp vội vàng giơ ra níu kéo lấy con người đang trống trải và đau khổ thì đã muộn, cái phút quý báu suốt đời ngoài hai chục năm đêm nào bà Ngan cũng pháp phồng chờ đợi

đã đi qua mất. Ông lão Thông liền vội vã bước ra khỏi gian nhà của bà hàng xóm với tất cả nỗi sợ hãi và hốt hoảng.

Bà Ngan ngồi lặng đi, mặc cho bao nhiêu hạt ngô bung dừ theo dòng nước sôi đang phun phì phì, trào cả ra ngoài. Bà sôi nổi nhớ lại những đêm xuân nồng nàn, những buổi chiều đông tái tê, hết ra cửa đứng lại vào giường ngồi, bà đã kiên trì đợi ông - trong gian nhà này.

Bà bật khóc. Tiếng khóc cứ nghẹn ngào trong cổ. Bà khóc cho những năm tháng chờ đợi của đời mình.

Bà đã đợi ông khi bà mới ba mươi, má hầy còn đỏ hây hây.

Bà đã đợi ông khi bà bốn mươi, đến bây giờ bà chỉ còn một tấm lòng.

Nhưng con người đàn ông ấy nhút nhát quá! Thật ra bà có thể chủ động đến với ông, bà sẽ đóng vai một người đàn ông chủ động thu xếp cuộc sống chung muộn muộn với ông nhưng bà vẫn cứ sợ hãi bởi nỗi ám ảnh về số phận của mình. Bà lo cái số phận đàn bà gửi vào những hàm răng bày chó thui sẽ lây lan sang ông - hay là chính bà cũng nhút nhát, suốt cả đời không dám làm một điều gì khác với thói quen đã trở thành lẽ thói của mọi người đàn bà tảo tần lắm?

Mặc dầu vậy, bà đã hiểu ông đến nỗi, ngay sau đó, bà tái mét mặt, tất tả chạy sang phòng ông. Quả nhiên bà đoán có sai đâu.

Một đoạn dây chằng đã được treo lên cây xà ngang.

Ông lão trông thấy bà, xấu hổ quá đỗi, ngồi thụp xuống trên cái súc gỗ tươi mà ông lão định dùng làm chỗ treo lên còi Niết Bàn. Khốn khổ, đến một chiếc ghế lúc này trong nhà cũng không có.

Ông lão ngồi gục xuống rất lâu, không còn dám ngẩng lên nhìn mặt bà Ngan nữa. Người đàn bà chạy về bên nhà mình xách sang một chiếc ghế đầu để treo lên tháo cái dây thòng lọng ra.

Bà cứu được ông thoát khỏi cái chết bất đắc kỳ tử nhưng không sao làm nguôi được nỗi buồn nhớ cây sấu và nỗi hổ ngươi của ông. Ông lão biết rằng bà Ngan thừa lòng độ lượng, sẽ chẳng bao giờ thuật lại với một ai về chuyện dơ dáy kia của ông. Đây là niềm an ủi cuối cùng của một đời người.

*
* *

Hai mươi năm sau.

Khu phố xây dựng thí điểm đã mọc lên. Nó gọi lên phong vị hiện đại của một thành phố công nghiệp châu Âu. Một đại lộ rộng và thẳng tắp chạy dài suốt giữa ruột phố. Về ban đêm, nhất là những đêm mùa hè, trai gái khoác tay nhau đi dạo dưới một bầu ánh sáng mát dịu toả lên từ hệ thống đèn khí gắn vào vỉa hè. Họ vừa nhòm nhoàm mút kem vừa đi qua một cái giá sắt cao lênh hênh, chẳng một ai hình dung nổi có một thời thành phố của họ đã mắc bóng điện trên đầu chiếc giá sắt ấy để chiếu sáng đường phố cho được rộng.

Thằng bé Tham vừa đi học nước ngoài về. Chàng thanh niên mang theo những băng nhạc ở trong đó người ta chỉ có hét và đem ra phổ biến ở quán rượu một điệu nhảy chưa hề có trong các chương trình ti vi của nước ngoài. Mang trong người dòng máu lang thang của người cha, chàng thanh niên vừa tốt nghiệp kỹ sư hoá ấy một hôm trình bày với mẹ rằng nay mai anh sẽ bỏ thành phố thủ đô để đi vào công tác trong miền Nam, hoặc cũng có thể sẽ lên Tây Nguyên, thậm chí có thể lập nghiệp ở những miền đất phì nhiêu ấy và sẽ đưa mẹ đi theo.

Người mẹ nghe con trai nói, lấy làm hết hoảng. Con người thật khó thay đổi. Người đàn bà đến bây giờ vẫn y như một chuột chũi: sợ xê dịch. Ngại thay đổi chỗ ở. Ngại giao thiệp. Sợ

mất bè bạn. Thậm chí bấy lâu tuy bà rất ghét cái ngôi nhà bốn tầng mà bà đang ở hai buồng trong đó, mặt nhà gì cứ trơ lỳ y như một cái sân nền xi măng, cả dãy phố chẳng có một cái cây, nom thật trơ. Đáng lẽ bà có thể chuyển sang ngôi nhà nhỏ hơn có những cây thông trồng chung quanh, nhưng lại ngại xê dịch, dọn đồ đạc. Cũng như đã quen với cảnh goá bụa từ khi còn mười tám tuổi, bà vẫn ở vậy, mặc dầu bà quen biết rất nhiều và vẫn còn đẹp - ánh mắt vẫn còn đằm thắm và mới xấp xỉ bốn mươi.

Bây giờ bà là một nhà văn. Nhiều người đọc bà. Người đàn bà mà một hồi trẻ kinh tế khó khăn đã phải đi buôn tem phiếu để nuôi cho được hai miệng ăn khi chồng vừa mất ngoài mặt trận. Trong các tác phẩm, bà viết những chuyện chẳng có gì là to tát nhưng người ta vẫn thích đọc. Người ta tìm thấy ở trong chất văn của bà có một vẻ hấp dẫn không biết nằm ở đâu nhưng chính điều đó lại gây cho người đọc cảm tưởng ai cũng có thể cầm bút được.

Lại vẫn là cái thói quen từ lâu của con người, mỗi lần cầm bút ngồi trước trang giấy, bà lại sống lại những cảm giác đầy chân thành lẫn hồi hộp của một cô bé lên bốn, trong đêm giao thừa, trùm lên người bà bốn lượt chăn bông dày để nói thì thầm vào một chiếc lá.

Đêm hôm đó, một đêm mát mẻ và hơi se lạnh, nữ văn sĩ từ một phòng trưng bày bước ra. Tham ngồi đợi trên chiếc xe máy sẵn sàng đưa mẹ về nhà. Bà Loan bảo con trai rằng mình muốn đi bách bộ lang thang một mình tận hưởng cái không khí se lạnh của một đêm đầu thu Hà Nội. Thật ra bà đã giấu con. Một bức sơn dầu trong phòng tranh đang khiến bà xúc động mãnh liệt. Bức tranh làm bà nhớ đến một ông lão hàng xóm làm nghề trồng cây trong ngõ 27 - cái ngõ xấu xí chôn vùi với nó bao ngày gian truân và kỷ niệm đẹp nhất của cuộc đời bà.

Từ ông lão, bà sức nhớ đến cái gian nhà thân yêu mà khuôn cửa ra vào rộng thênh thang như cửa ga - ra ô tô. Trong cái gian

lúc nào cũng lơ mờ tối ấy, bà đã chung sống trong một năm rưỡi với Huân - một cuộc sống vợ chồng thực sự hạnh phúc, đến nỗi, hai mươi năm nay, chưa có một người đàn ông nào bà thấy có thể thay thế được người thanh niên ấy, trong cuộc đời bà. Đến bây giờ bà mới hiểu anh một cách sâu sắc, lúc những suy nghĩ của anh đã hiện ra thành khu phố mới bà đang ở. Và suốt hai mươi năm nay, thỉnh thoảng bà lại bắt gặp mình vừa được anh đặt bệ đặt lên đầu gối và nói: "Bà lão này..." Rồi bà tự nhủ thầm: bây giờ bà đã trở thành một bà lão thật sự, còn anh vẫn cứ trẻ mãi.

Bà đi đến đứng hồi lâu bên cây cột điện - cái di tích của ngã tư phố chợ ngày xưa. Giữa lúc bà đang đắm mình trong tưởng tượng giữa một trời đầy lá sấu bay, chợt sau làn sương khuya tím ngắt, bà trông thấp thoáng cái hình dáng quen thuộc của một bà cụ già. Người thành phố Hà Nội từ lâu đã quên món xôi lúa điểm tâm sáng. Bây giờ người ta điểm tâm bằng các món ăn nhẹ chế biến tinh xảo hơn, và tách cà phê. Nhà nữ văn sĩ chỉ muốn chạy tới ôm chầm lấy người đàn bà rất quen thuộc với những con người Hà Nội cũ bây giờ đã hoàn toàn bị quên lãng bà Ngan bán xôi lúa, người láng giềng gần gũi nhất của mình xưa. Nhưng bà vốn tôn trọng tính tình gần như lẩm cẩm lâu nay của bà cụ Ngan, nên chỉ đi theo sau.

Cái bà cụ đã gần bảy mươi đang trịnh trọng bụng trên hai tay chiếc ba-dờ-xuy, lần từng bước chậm chạp như sợ vấp ngã, đi về hướng vườn Bách Thảo. Đến ngang một trạm bơm xăng - chỗ ấy xưa kia là một cây sấu đông - bà cụ dừng lại.

Vừa tựa cột bơm xăng, bà cụ ôm chiếc áo đứng đấy kiên nhẫn đợi một tiếng lọc cọc của bánh xe gỗ.

12-1983

CỎ LAU

1

Một dãy khuôn mặt người lần lượt hiện ra trước mặt tôi, dọc theo một bức vách bằng gỗ dán lỗ chỗ vết đạn bắn. Chẳng khó khăn gì lắm, căn cứ vào nước thuốc và cách ăn mặc trong các bức ảnh, tôi cũng có thể nhận ra chỉ có đôi ba bức mới chụp từ ngày dọn về đây, còn thì hầu hết là những bức cũ được chụp dưới thời nguy, khi chủ hiệu còn trưng biển ở các thành phố trong Nam những năm phiêu dạt chạy bom đạn, có mấy bức quý giữ được từ ngày cái thị xã này còn nguyên lành, hồi chủ hiệu còn cái nhà ảnh quán hai tầng đầy khang trang trên một con phố đã bị vùi lấp.

Người thợ ảnh nay đã luống tuổi tuy vẫn còn trẻ hơn tôi nhiều đi phía sau mau mắn giới thiệu:

- Cô này nguyên ngày trước là học sinh trường Bò Đề. Người trong bãi cát. Là một trong mấy người đẹp nổi tiếng của cái thị xã tỉnh lẻ này cách đây mười năm.

- Bây giờ ở đâu?

- Làm sao biết được hả thưa ông. Xưa nay, nhan sắc và chiến tranh... Có thể đã chạy ra nước ngoài, hay đã chết mất rồi? Cái thị xã Quảng Trị này, chắc ông đã biết rõ, chiến sự chà đi xát lại mấy phen, đến một nửa hòn gạch nguyên lành cũng chẳng còn

thấy, giá có còn thì cũng không nằm ở chỗ nhà cũ. Huống hồ là con người.

- Nửa năm nay, - tôi hỏi, - người cũ chạy ra đi có trở về đây nhiều không?

- Thừa ông ít lắm. Chỉ còn chút tình quê hương chứ nhà cửa, phố xá chỉ còn một đồng gạch vỡ cho cỏ lau mọc. Còn gì nữa đâu mà về.

- Về thăm, chẳng lẽ cũng không ư?

- Hồi mấy tháng đầu, khi anh em bộ đội chưa trở lại đào bới hài cốt, khi máy ủi, máy xúc chưa san, cũng có nhiều gia đình trở về muốn lập nghiệp trở lại trên cái nền đất cũ. Nhưng sức hai bàn tay làm gì nổi? Ông coi, đến tìm ra chỗ cái nền nhà mình cũng khó khăn lắm. Rồi cũng chỉ ngủ lại một vài đêm giữa gạch vỡ, giữa lau lách, ngủ chung với cây cỏ, rắn rết rồi lại kéo nhau mà đi thôi. Về sau này, máy móc dọn dẹp được vài đường phố, lại thấy có người trở về. Nhưng đến bây giờ, đất nền nhà, nền phố đã trở thành đất công. Phải dùng để xây dựng cơ quan, trụ sở, hội trường, với lại khu tập thể gia đình cán bộ...

- Bây giờ họ ở đâu cả?

- Như dân Do Thái. Đến bây giờ một phần lớn dân thị xã này đã lập nghiệp hẳn trong Nam, hoặc ở các tỉnh miền Trung tận phía trong, làm rừng, làm ruộng, làm biển. Mà cũng phân tán, rải rác mỗi tỉnh một ít. Nhưng cái dân Quảng Trị đi đâu, vớt vào đâu cũng sống được. Sống ở đâu cũng làm ăn cần cù, cũng nuôi nấng, che chở cách mạng. Như gia đình chúng tôi, mấy năm chạy vào Sài Gòn, nhà tôi vẫn nuôi giấu cán bộ.

- Hồi ấy, có một ít bà con chạy ra được...

- Cũng cái trận hồi bảy hai, có một số may mắn chạy ra miền Bắc được, khi trở về lại được cấp đất ở ngoài Đông Hà. Hoá ra lại càng may mắn. Ở ngoài ấy có con đường số 9, có cái cửa khẩu thông sang Lào, bây giờ làm ăn, buôn bán còn dễ dàng hơn

trở về trong này nhiều.

Trò chuyện vòng vo mãi, dẫn đo mãi, tôi mới dám giơ tay trở một bức ảnh chụp một cặp vợ chồng mới cưới, mới được phóng đại và tô màu bằng thuốc nước, treo ở hàng ảnh trên cao. Người thợ ảnh hào hứng hẳn lên, mau mắn thuyết minh:

- Đây là bức ảnh kỷ niệm riêng của nhà tôi. May sao nhà tôi còn giữ được. Tôi phải mất nhiều công lắm mới khôi phục lại được bức ảnh này. Ông xem, nước ảnh chụp đã lâu... từ kháng chiến chống Pháp. Mà chắc chắn là nước ảnh của bên kháng chiến mình.

- Phải, - tôi nhắc cặp kính lão xuống chà lên vạt áo quân phục rồi đeo lên, bình phẩm - phải, anh bộ đội mặc tẩm áo rét kiểu trấn thủ, đúng là bộ đội thời vệ quốc đoàn.

- Vâng, thưa ông, anh bộ đội đó đã anh dũng hy sinh... là người chồng trước đây của nhà tôi, - người chủ hiệu ảnh càng cười mở, - tôi phải thuyết phục mãi nhà tôi mới thuận cho đem treo ra phòng ảnh, chiêu khách ở ngoài này.

Tôi chép miệng nhỏ:

- Nhưng để làm gì nhỉ?

- Ông hãy đi một vòng thử coi, thị xã mới tụ họp về dưới chính quyền của bên phía cách mạng ta, sau bao năm sống dưới chế độ cũ. Cho nên các nhà hàng mới mở cửa chung quanh khu chợ Thành cổ này nhà nào cũng treo lên một bức ảnh hay tờ tranh vẽ bộ đội duyệt binh ở quảng trường Ba Đình, lại còn mở băng nhạc cách mạng tưng bừng. Nhà hàng ảnh chúng tôi lại có cả một anh bộ đội mặc quần áo từ hồi vệ quốc đoàn đánh Tây. Có phải không ông, nó quý hiếm lắm chứ?

- Vâng, thật quý lắm! Tôi lau lại đôi mắt kính, với vẻ kín đáo tôi lại ngược mắt ngắm cái người đàn bà mới trạc chưa đến hai mươi, tươi giòn, một dáng đứng trẻ trung trông cứ von von, đầu hơi ngả về phía vai người chồng mặc áo trấn thủ đã "anh dũng

hy sinh". Khác với người ta hay nói, tôi nhận thấy cái chết không hề để lại một chút dấu vết gì trên khuôn mặt người lính của một thời kháng chiến chống Pháp đầy gian khổ. Một cặp mắt hình quả trám hơi xếch, một khuôn mặt vuông chữ điền của nông dân miền Trung hơi cứng, lại vẫn có cái nét gì lãng mạn cứ phôi phôi coi nhẹ cái chết và không thêm vương bận thê nhi, như có ngọn gió đầu cách mạng đang thổi từ trong lòng.

Tôi đã xem đến bức ảnh cuối cùng. Một thiếu nữ mặt gãy có mái tóc uốn công phu, những lớp tóc như những làn sóng đang xô đuổi nhau, hai hàm răng trắng và đều đặn cắn một chiếc gọng kính mát cầm trên tay. Tôi dời mắt khỏi cái nụ cười mỉm của thiếu nữ ấy chỉ một khoảng cách chừng vài ly mét đã trông thấy một đoạn thành cổ màu gan gà đỏ nát hiện ra giữa một rừng lau lách, và một khoảng trống tiếp theo do khúc thành đã hoàn toàn bị san bằng, nơi cái tổ chốt của chúng tôi bao gồm toàn cán bộ binh lẫn trinh sát pháo binh, hoá học, đến bây giờ chỉ còn sót lại một mình tôi còn sống - Ở ngay sau cái khoảng thành trống hoác ấy, bây giờ hiện ra trước mặt nước màu kẽm của một khúc sông Thạch Hãn đang toả khói mơ màng, ngay bên hồi nhà của cái cửa hiệu ảnh lợp bằng những tấm ghi sắt lỗ chỗ vết đạn bắn từ hai phía.

Tôi nhìn lướt trở lại một lần thứ hai các khuôn mặt được trưng bày dọc bức vách gỗ - như lần gỡ nhanh một quyển album cũ sau bao nhiêu biến thiên ghê gớm của chiến tranh vừa nhào nặn những số phận đời người - trong lúc người thợ chụp ảnh nhắc tôi lần thứ hai:

- Mời ông vào!

Một con chó giống Đức to cao lưng lững ngang một con bê từ một khuôn cửa sổ hình chữ nhật nằm ngang mở ra lối vườn phía sau nhảy chồm vào nhà. Gian nhà trong hơi tối. Những dây cuốn phim có lẽ vẫn còn ướt kẹp bằng những chiếc kẹp phơi quần áo bằng gỗ treo giăng giăng kín cả khuôn cửa sổ, vì thế

khi con chó nhảy qua, một cuộn phim ảnh đã bị lôi xuống vương trên tấm lưng lực lưỡng có bộ lông màu vàng sẫm như lông hổ của con chó.

- Lu, lu!

Người thợ ảnh gọi con chó bằng giọng khe khẽ đầy lịch sự, vươn dài người giơ tay nhặt lấy cuộn phim từ lưng con chó, cầm chênh chếch trong hai bàn tay, bỗng kêu lên đầy vui vẻ:

- Đây rồi, thế mà tìm mãi...

Một khách hàng chạy lại. Một anh bộ đội mặt mày rám nắng đầy phong trần nhưng vẫn còn khá trẻ. Tôi nhận ra anh ta bước vào nhà hàng này cùng lúc với tôi cách đây mấy ngày, trong lúc đi sánh đôi bên người vợ mới cưới đầy bẽn lèn và rạng rỡ hạnh phúc.

- Đẹp lắm, - người thợ ảnh bình phẩm, một con mắt nheo lại, giơ một ngón tay trỏ vào một khúc phim cho người bộ đội đứng đằng sau đang nhìn qua cái vai áo bờ-lu-dông màu nghệ thối có con đĩa uốn vòng lên của người thợ ảnh - đẹp lắm, theo tôi, hai "pô" sau cùng là đẹp hơn cả. Nhất là trông chị rất tự nhiên. Anh nên in thêm.

- Vâng. Bác cho mỗi "pô" độ vài chục tấm.

- Nhiều thế cơ? Thôi được, - người thợ ảnh hài hước - cũng là may có con lu lu vô tình đã giúp tôi tìm thấy anh chị. Đây là kết quả của cái tính lộn xộn của nhà tôi. Anh biết không, hai ngày nay hề có khách đến lấy ảnh là tôi cứ phải lục tung lên.

Con chó to lớn đi qua trước mặt tôi với một vẻ khinh khỉnh đầy kênh kiệu, cái mặt dài thuần và nửa dưới đen sì không hề quay về phía tôi. Nó đứng giữa gian phòng ảnh chiêu khách bên ngoài, lơ dềnh đưa mắt ngắm những đám bụi đỏ bay cuộn tròn trong trận gió "Ông cụt" mờ mịt che khuất cả dãy đàn bà ở chợ Thành Cổ về đang đi giăng giăng ngoài bờ sông Thạch Hãn.

Trong khi bước qua cái khuôn cửa lớn phía đầu bức ảnh

phóng đại tô màu cặp vợ chồng người bộ đội vệ quốc đoàn, tôi đã biết chắc chắn người đàn bà đang đứng trên đầu tôi kia phải đến trưa hay nửa chiều mới gánh hàng từ ngoài chợ Thành Cổ về. Cho nên tôi có thể yên tâm rời gian phòng hẹp và sáng bên ngoài, bước vào cái gian bên trong lúc nào cũng tối mờ mờ như một thứ ánh sáng giả trên sân khấu. Đây không phải là một gian phòng ở mà chỉ dùng làm phòng chụp, với dây dợ, những ngọn đèn chiếu cùng vô số những tấm phông. Cũng như lần trước, tôi lại có cảm tưởng lọt vào giữa một cái kết sắt bởi không hiểu sao người thợ ảnh lại phải dựng gian phòng chụp chắc chắn và nặng nề đến như vậy. Đây là một gian phòng bốn bề đều ghép bằng ghi có lỗ hoặc ghi tổ ong i-nốc có lẽ được lọt từ sân bay quân sự, Ai Tử hoặc một căn cứ nào đó ở chung quanh.

Chủ ảnh quán không ngớt lời xin lỗi tôi. Ông đứng sau quầy đưa ra một tệp những chiếc phong bì nhỏ bằng giấy xi măng, liên tiếp lôi ra những khuôn mặt và dáng hình người đứng ngồi đủ các kiểu. Tôi không tìm thấy tôi trong số đó. Phiên ông nhiều quá, chúng tôi thật không phải chút nào! Tôi đi theo người chủ ảnh quán giàu tề nhị. Sau một bức màn bằng vải tím treo lơ lửng che khuất một góc nhỏ bên phải cái "kết sắt" vắng đưa ra giọng cười khúc khích của phụ nữ và những tiếng nói nhát gừng của một ông già nào đó khiến tôi hết sức nghi hoặc. Tôi vén lá màn nhẹ nhàng bước vào.

Cái ông già đang ngồi đó mà tôi trông thấy trước tiên khiến tôi đứng sững: Hoá ra chính là ông già tôi. Ông già tôi vẫn còn sống nhưng đã già đi đến mức thế? Cái đầu bây giờ không còn một sợi tóc, lại đầy gàu, nom cứ mốc trắng, quá nhỏ bé như đầu một con chim lớn đã bị vặt trụi hết lông. Một bộ quần áo may bằng vải chàm bầu trắng nhưng đã ngả màu cháo lòng rỗng thùng thình trong cái thân thể gầy và dài cứ nguênh ngoàng. Ông già tôi đi đâu mà lần trước đến đây tôi không thấy nhỉ? Ông đang cầm một chiếc đèn pin khối gơ cao trên đầu ba cô gái và

một đứa bé con trai. Trông cách ăn mặc tôi đồ chừng họ từ dưới miền biển Triệu Phong hay Hải Lăng lên. Một chiếc chậu thau tráng men đựng đầy nước để giữa, đang được chiếu sáng từ luồng đèn pin. Trên tay ông già, tay kia, cầm một đôi đũa không ngừng lật ngửa từng chiếc ảnh ở trong chậu thau nước.

Mất kính tôi đã ướt đầm. Bà già tôi mất sớm. Tôi và thằng Hệ được ông già tôi nuôi từ khi một đứa lên bốn, một đứa chưa đầy năm. Lớn lên, thằng Hệ sống ở làng, còn tôi hơn nửa đời người biến biệt tận ngoài miền Bắc, mang đơn vị luồn vào đánh đám một chập rồi rút ra, đến thằng em làm du kích xã ở dưới vùng sâu cũng chẳng bao giờ được gặp. Trông thấy ông già đang ở đây, tự nhiên tôi nảy ra một mối lo sợ: Thằng Hệ chẳng còn sống? Vì thế nên Thai mới phải nuôi cha tôi. Mới đây tôi nghe tin phong phanh thằng Hệ đã hy sinh nhưng nguồn tin không chính xác lắm.

Tôi vẫn đau đáu ngắm người cha gần như đã trở thành một ông già xa lạ. Tôi vẫn không thôi ngắm cái luồng ánh sáng trên bàn tay run run đang chiếu xuyên qua cái chậu thau nước có những khuôn mặt người trên giấy ảnh nằm úp sấp hoặc vừa được lật ngửa ra đang trôi nổi, chiếu sáng trung một cái đêm đen như mực của mười sáu năm về trước, tôi nằm dán bụng giữa một khúc lạch nước đầy váng bắn tanh rềnh, sau một bờ dậu bằng cây sắn. Lần trở về làng ấy có Hiêm cùng đi với tôi. Tôi cũng mất theo dõi động tĩnh của mấy nhà "liên gia" ở chung quanh. Không thấy gì khả nghi tôi mới ám hiệu cho Hiêm đang nằm ở đằng sau bằng một tiếng kêu "Chít, chít" như tiếng chuột. Hiêm đáp lại. Tôi bò vào. Kể từ ngày ra miền Bắc sau chiến dịch thu - đông năm 1951, đã tám năm tôi mới trở về nhà. Ngôi nhà cũ không còn nữa. Những vườn tiêu, những chuồng trâu cũng bị xe Mỹ ủi đi sạch. Tre pheo bao quanh nhà cũng bị ủi, chỉ thỉnh thoảng mới thấy hiện lên đột xuất ở một góc đâu đó vài đọt tre như chiếc cần câu lắt lay dựng đứng giữa đêm tối. Bò từ ngoài bờ sông Đồng

Vội vào giữa làng, tịnh không ngửi thấy mùi phân trâu, cái mùi phân trâu nồng nàn và quen thuộc của làng xóm yên bình. Cả xóm Đồng Vôi cứ lạnh ngắt, trống huếch trống hoác, trắng xoá như một vùng bị bệnh dịch hạch được rắc vôi bột.

Thằng Hệ bữa đó phải đi ngủ tập trung ngoài trụ sở dân vệ, chỉ có một mình ông già tôi nằm trong nhà. Ông già nằm theo dõi đã nghe thấy tôi đang nén thở nằm dán vào như con thằn lằn bên cối giã gạo đầu hồi nhà. Thật ra đâu có phải cái nhà, chỉ là một cái hộp có nóc nhọn bằng tôn. Tôi bò lén về phía cửa trước, đưa mắt ngón tay cào lên tấm tôn che cửa. Đến lần thứ ba mới nghe tiếng trở mình rất khẽ, ông già mở cửa bước ra đi đái. Lúc trở vào, thấy tôi ngồi giữa nhà, ông lão không hề lấy làm lạ, trong cuống họng bật lên mấy tiếng "hực, hực" nhưng vội nén ngay, đưa tay sờ hết mặt mũi tôi. Câu đầu tiên tôi hỏi ông già:

- Thái nó đâu hả cha?
- Trên nhà lao tỉnh.
- Chúng bắt nhà con về tội gì?
- Vì có chồng ở miền ngoài.

Tôi ngồi nghỉ một lúc:

- Hay là... lại bàn tay thằng Nhi?
- Nó chứ ai, bây giờ nó làm chức gì ở trên quận. Cưỡi xe máy về làng luôn luôn. Nó đang theo dò cái nhà này chặt lắm. - Lặng thinh một lúc cha tôi nói tiếp - Cha có nghe con đã trở về trong này. Lại nghe từ mồm chúng nó nói.

- Thường đêm chúng nó có phục quanh nhà mình không? - Tôi hỏi.

- Có. Vài đêm lại thấy có đứa cào cửa, xưng tên là thằng Lực trên xanh về. Cha nằm trong nhà nghe hơi thở của chúng nó, biết ngay.

Ông già lại "hực, hực", lại đưa tay sờ mặt tôi:

- Con đi đi! Làm sao con phải vượt qua sông trước canh hai.

Tôi dùng dằng bên người cha mất một hồi lâu. Cha tôi phải xô ra. Tôi với Hiêm bơi qua sông Đồng Vôi, sắp đạp sang bờ bên kia thì nghe bên này có tiếng hô hoán, tiếng mõ đánh, được một lúc thấy đạn bắn nhòang nhòang vàng cả mặt nước.

Tôi cũng chỉ có dịp về nhà một lần ấy. Một năm sau tôi lại bị rút đi trở về chủ lực. Công việc dưới vùng sâu bàn giao lại cho Hiêm.

Chỉ cách đây mấy ngày, tôi có đào qua về xóm Đồng Vôi cùng một tổ trong đoàn "chính sách" mục đích tìm mộ Hiêm nhưng không thể nào tìm thấy. Khoảng một năm sau lần tôi trở về, địch đã dồn hết dân xóm Đồng Vôi của tôi vào trong khu tập trung Cù, để nắm dân cho được chặt hơn. Đồng Vôi bây giờ là một khu rừng hoang, ban ngày cò đồ cứ trắng cả và ban đêm đom đóm bay sáng đất, lạ quá, y như đã trở thành xứ đất riêng của loài đom đóm. Về cái chết của tôi, sau nửa tháng kể từ ngày tôi phát hiện ra tất cả dấu vết của mình ở cái hiệu ảnh - mới được lý giải, tôi mới vỡ lẽ: Vào một buổi trưa sau ngày Thai đi tù về chưa đầy hai tháng, có một người đàn bà trong xóm vác cái phạng, đi qua ngoài hàng rào cây sắn. Đi qua nhà tôi người đàn bà không nhìn vào chỉ giả vờ vẩy một cái đánh rơi cái phạng, cúi xuống nhặt miệng thốt lên một câu trống không: "Ra bờ sông mà coi kìa, cá lẹc rúc bèo tây chết uơn thôi!"

Lúc bấy giờ Thai, vợ tôi, nghe xong liền biến sắc. Vứt chiếc áo đang vá dở, Thai chạy vào nhà bếp giựt cái giỏ treo trên bức vách liếp, thông thả đi ra bờ sông. Hai bờ sông vắng heo. Có quãng bèo tây dạt về bịt kín mặt nước. Thai nhảy ùm xuống nước, vớt bùn chất đầy người nhem nhuốc, một tay xách giỏ, một tay cầm chiếc nia sắt có ngạnh, cứ dọc sông mà đi. Đến một cái âu, - nơi dân xóm ngày trước đào lấy đá ong về xây tường, - thấy một cái xác người nằm ngửa. Thai đi qua, cố ý đi chậm lại, đưa mắt nhìn xuống. Xa tôi đã tám năm nhưng Thai vẫn nhớ rõ ràng mặt mũi tôi, cái người đàn ông hai tay bị trói giật cánh

khuyết, có nhiều vết dao đâm trên người, đang nằm rúc trong đám bèo tây.

Đêm hôm ấy, Thai, thằng Hề và cha tôi cùng mấy đồng chí cũ tìm cách bí mật đưa tôi được về trong xóm, hi hục chôn cất. Không một que nhang, không một tiếng khóc.

2

Một cái mặt nào đó giống Hiêm, lại một cái mặt nào đó giống tôi cứ được lật lên. Có lúc từ đôi đũa trên tay ông già tôi rất khê khàng và run rẩy lật lên một cái mặt giống thằng Hề, khiến tôi giật mình.

Giống như một cơn lốc đầy màu sắc và âm ỷ, một lũ bốn đứa trẻ vừa trai vừa gái sần sần bằng đầu nhau (cả những thằng con trai cũng giống Thai) từ ngoài phía Thành Cổ chạy ùa vào giữa gian phòng chụp. Tất cả mấy đứa trẻ mồ hôi mồ kê nhễ nhại, cười cười nói nói, ngồi quây kín chung quanh cái chậu thau nước.

Một đứa con gái nhỏ có tướng chúa nghịch nhất bất ngờ hét lên:

- Ông ơi ông!

Miệng hét tay nó giành lấy đôi đũa từ trên tay ông già tôi. Con bé mắt sáng rực giơ cánh tay khoắc một vòng trong cái chậu thau, khuôn mặt tôi tự nhiên hiện lên trên mặt sóng hình xoáy ốc, tôi giơ tay chụp bắt lấy nhưng không kịp, khuôn mặt tôi trong màu sắc đen trắng phơi ngửa ra chỉ một thoáng chớp mắt bên thành chậu rồi lật nghiêng lại, hoà nhập vào cùng bao nhiêu khuôn mặt người đời khác. Y như trong một trò chơi đèn kéo quân, tôi lượn vòng tròn theo cái xoáy sóng chạy hun hút cứ xoáy dần vào giữa, lúc chạm vào khuôn mặt này, lúc chạy sóng đôi bên một khuôn mặt khác, lúc cổ trôi lên trên mặt sóng, lúc bị nhấn

chìm xuống tận đáy, tưởng đã mất tăm nhưng lại trôi lên được.

Cuối cùng tôi chụp được một tấm hình dương của mình ở ngay chính giữa dòng của một đợt sóng, do bàn tay của cái đứa trẻ chúa nghịch tảo tợn khuấy lên.

Người chủ hiệu ảnh vừa doạ nạt vừa dỗ dành những đứa con cho chúng nó kéo nhau đi nơi khác, ông già tôi khề thờ phào yên tâm thêm về một người khách đã tìm ra được ảnh, còn tôi cầm mấy tấm hình của mình vẫn còn ướt, mềm oặt xuống trên mấy ngón tay.

- Ảnh "phờ lu" quá! - Người thợ ảnh lấy làm tiếc, - có lẽ tôi phải chụp cho ông một bức khác.

- Thế này là đẹp lắm rồi bác ạ, - tôi có ý muốn chạy trốn, - đẹp lắm rồi đấy chứ?

- Ông ngồi đẹp nhưng tôi lại mắc thiếu sót lấy hơi nhiều ảnh sáng. Xin ông đừng quản ngại. Tôi không dám tính thêm tiền, - người chủ ảnh quán lại nhấn mạnh. - Xin ông đừng ngại gì cả. Chúng tôi "phục vụ" chỉ cần được có tín nhiệm với khách hàng.

Mười lăm phút sau, tôi hấp tấp bước ra khỏi ngôi ảnh quán như một kẻ đang chạy trốn, trên tay cầm mấy tấm ảnh "phờ lu" nhưng đã để lại ở đây một bức hình thứ hai mà tôi chắc chắn là sẽ "nét" hơn nhiều.

Thú thực giá không bắt ngờ phát hiện ra ông già tôi cũng đang ở đây thì có lẽ tôi đã chạy trốn thẳng một mạch, chắc chắn dù người chủ hiệu có lòng tốt "phục vụ" thì tôi cũng từ chối, chẳng bao giờ ngồi trước ống kính một lần thứ hai.

Tình cảm cùng bốn phận sẽ bắt tôi phải trở lại đây với ông già tôi, tôi phải có cơ để trở lại đây với ông già tôi. Rồi thì cũng như mọi người khác, tôi vẫn không thể đi trốn khỏi được số phận, tôi không thể đi trốn khỏi được cuộc đời mình một khi mà tôi đang còn sống, mặc dầu trong ý nghĩ của hai người thân nhất đời tôi thì tôi đã chết.

Chiến tranh, kháng chiến, không phải như một số người khác, đến bây giờ tôi không hề mảy may hối tiếc đã dốc tất cả tuổi trẻ vào đây cống hiến cho nó, nhưng nó như một nhát dao phạt ngang mà hai nửa cuộc đời tôi bị chặt lìa thật khó gắn liền lại như cũ. Nhưng đau hơn là hai nửa cuộc đời tôi cũng không bị cắt lìa hẳn. Ông già tôi đã đi qua nỗi mất mát từ bao nhiêu năm nay; giờ ông già tôi hẳn cũng đã quên tôi. Thai cũng vậy, giờ Thai đã có một cuộc đời khác với một lũ con cái, nỗi đau khổ ghê gớm vì mất tôi cũng đã qua đi từ lâu. Vậy cho nên, đáng lẽ chỉ còn là một kỷ niệm về một người đã khuất, việc tôi đang còn sống đối với hạnh phúc gia đình riêng của Thai hiện tại sau bao nhiêu năm vất vả chả khác nào một người khách đến không đúng lúc. Tôi chỉ làm rối thêm cuộc sống, tôi chỉ quấy rầy số phận đã an bài.

Và cuối cùng tôi vẫn chỉ là một khách lạ - của cái cuộc sống luôn luôn biến động nhưng bao giờ cũng như đã được sắp sẵn xong đâu đấy.

Người chủ ảnh quán, tôi biết đấy là một con người tốt, khiến tôi yên tâm, chắc chắn là một người chồng tốt của Thai. Song dù sao tôi cũng chỉ là một con người, một người đàn ông, dù sao tôi vẫn cứ thấy một thoáng ghen tỵ với cái người đàn ông đang hàng ngày sống với Thai, đêm đêm ngủ cạnh Thai. Vậy mà hơn hai mươi năm trước chúng tôi đã có một mối tình đẹp, tôi đã cưới Thai, đã là người chồng đầu tiên của Thai, trong chưa đầy một tuần lễ. Chắc có lẽ tôi là một anh đàn ông có trái tim hẹp, hai mươi bốn năm nay tôi không yêu một ai, gần như thế, cũng không quên được mấy ngày sống với nhau ở dưới xóm Đồng Vôi sau đám cưới.

Tôi đã bị chặt lìa ra khỏi ngay cuộc đời mình. Hình như có một tay Lực khác mới ngoài hai mươi tuổi mặc quần áo vệ quốc đoàn đang đứng bên Thai trong bức ảnh phóng đại tô màu treo trong ngôi ảnh quán dùng chiêu khách, và một tay Lực đã già nua, đoàn trưởng đoàn "chính sách" đang cùng trung đoàn của

mình lặn lội ở các vùng chiến trường cũ, để lục tìm xương cốt đồng đội đã hi sinh, cái người đàn ông về mặt trầm ngâm đang dắt một đứa bé gái nghịch ngợm vừa đi vừa nhảy lò cò trên những phiến gạch vỡ.

Tôi cũng không hiểu làm sao chúng tôi lại có thể làm quen với nhau nhanh chóng như vậy. Lúc ấy tôi vừa từ trong cái hiệu ảnh bước ra. Tôi vừa đi vừa ngoái nhìn lại. Đang đi sau tôi là cái con bé gái nghịch ngợm của chủ hiệu ảnh ban này, nó vừa đi vừa nhảy lò cò trên vỉa hè. Đó là một đoạn vỉa hè đầy nguy hiểm, người ta đã yết bảng cấm trẻ con chơi. Một chiếc xe ủi đất lẫn gạch dưới lòng đường thành đồng cao như núi, để một chiếc máy xúc ngoạm từng gàu đổ vào những chiếc xe ben chờ ra bờ sông. Tôi chưa kịp lên tiếng gọi thì con bé đã thả bàn chân xuống, nó đi trên hai chân về phía tôi.

- Ông ơi ông, sao ông nhìn con nhiều vậy?

Cặp lông mày của đứa trẻ nhướn lên, một cặp lông mày thanh thanh đầy diễn cảm và hình như lúc nào cũng động đậy phía trên hai con mắt trong veo đang ngược nhìn tôi đầu đầu dò hỏi. Tôi bất chợt nhận ra tất cả những nét quen thuộc của Thai được lặp lại trong đứa trẻ đứng trước mặt. Có một cái gì đó hết sức yếu ớt, nồng nàn và chân thực đến giản dị trong giọng nói, trong con mắt, trên khuôn mặt và trong mọi điệu bộ như lột ra từ mẹ nó.

Tiện thể đi qua một mẹt bánh, tôi mua cho nó một chiếc bánh phồng vắt hình con cá nhưng con bé không ăn, chỉ cầm chơi trên tay. Chúng tôi cầm tay nhau đi sóng đôi trên những vạt cỏ úa héo, đã bạc phếch bởi từng lớp bụi bám vào. Bất ngờ con bé ngược lên mách với tôi:

- Ông ơi, con đang tập đi một chân.

- Không nên đâu, - tôi bảo nó, - khéo ngã đấy cháu ạ!

Con bé mặc một chiếc quần nhung may kiểu quần đi ngựa,

đã vá mấy miếng rất khéo, hai ống quần chặt lắm đầy bụi gạch đỏ quạch xấn ngang bắp chân, lại tiếp tục nhảy lò cò bên vệ đường, rồi kéo tôi đến sát một đoạn vỉa hè khác, ở đây nó tập nhảy từ dưới lòng đường lên vỉa hè bằng một chân.

- Cháu ăn bánh đi! - Tôi giục.

Nó liền phản đối:

- Ông không biết hôm nay ngày rằm ư?

- Thì sao?

- Phải cúng thì mới được ăn, - cặp mắt ngây thơ, trong veo vận ngược lên, đầy bí mật nó thì thào - cúng thật mà, vui lắm, ông có đi theo con không?

Tôi cười:

- Bác là người lớn, ai lại...

- Ông tưởng người lớn không cúng à? Ồi người lớn già hơn ông còn cúng.

- Mẹ cháu có cúng bao giờ không?

- Mẹ con hử? Mẹ lại càng chăm cúng, cúng ở nhà xong lại còn ra đồng cúng.

Con bé bắt ngờ buông tay tôi, như một gã con trai, hình như nó chạy theo một tiếng gọi đầy quyến rũ nào đó từ trong cảnh đổ nát, nó chạy thoăn thoắt ẩn hiện giữa những phiến gạch lớn ngổn ngang dưới chân thành, nó leo qua mặt thành cổ ở quãng đổ nát nhiều nhất, một thoáng sau tôi đã thấy cái bóng đứa con gái mặc quần đi ngựa đang đứng tít trên cao, giữa hai vách tường gạch sứt sẹo nham nhở như giữa hàm răng của một con thú, nó sung sướng nhón người giơ tay vẫy tôi rồi rít.

Sợ nó ngã, tôi chạy vào.

Khoảng mấy phút sau, con bé quá ngỗ nghịch bỗng hiền khô, đầy trang trọng nó dắt tay tôi đi vào giữa một bãi tha ma. Con bé biết đâu rằng tôi cũng chẳng lạ gì chỗ này. Tôi biết đây là bãi tha ma của thôn Hành Hoa. Những ngày cuối chiến dịch

bảy hai, đám lính bộ binh đã mệt lả chúng tôi đã quần nhau đến như tử với lính thủy quân lục chiến của bên quân nguy tại đây, hai bên đã giành đi giật lại cái bãi tha ma này không biết bao nhiêu lần.

Tôi không khỏi bở ngỡ. Ngày nào đang đánh nhau, chúng tôi không hề nghĩ đây là nơi yên nghỉ của người chết mà chỉ là một khu vực địa hình vô cùng lợi hại cho bên nào chiếm được, dù chỉ chiếm được vài cái má. Hình như bây giờ mồ má đông đúc hơn và cỏ mọc xanh tốt hơn. Cuộc chiến vẫn chưa chấm dứt. Nơi yên nghỉ cuối cùng của người chết đến bây giờ là bãi chiến trường của đám trẻ chẵn bò bày trò chơi đánh trận giả la hét đầy huyền ảo. Đối với tôi, cuộc chơi thì giả nhưng nỗi đau là thật. Chẳng lẽ trên mảnh đất tha ma này, chiến tranh đã trở thành một thứ định mệnh: Cũng như đám người lớn đã nằm xuống, bọn trẻ chúng lại chạy nằm nằm chạy, rình núp, mắt sáng quắc, bắn súng dùng dao. Những con bò đi lang thang, đứng đỉnh giữa hai làn đạn, thỉnh thoảng ngược mồm lên trời kêu "ò, ọ" bằng giọng khàn khàn nhưng đầy âm vang vọng vào tận trong phố.

Con bé không chịu đánh mất phong thái trang trọng bất chước của người lớn, khi nó dắt tôi đi xuyên qua giữa hai lưới lửa bắn chéo cánh sè, đưa tôi đến trước một ngôi mộ.

- Đây là hai ngôi má của nhà con, - bỗng con bé liến thoắng, - cái này với lại cái này.

Nó liền bẻ chiếc bánh phồng hình con cá nhuộm phẩm xanh đỏ ra làm đôi. Hình như có ý cân nhắc, nó đặt nửa miếng bánh phần nào nhỉnh hơn lên ngôi mộ trước mặt, rồi chạy sang đặt nửa kia lên một ngôi mộ bên cạnh.

Con bé sau đó phàn nàn với tôi:

- Má nhà con còn ít lắm. Nhà bọn chúng nó có nhiều hơn.

Tôi hỏi nó:

- Cháu lại thích nhiều ư?

- Con thích nhiều.

- Đây là những ngôi mã của ai, cháu biết không? Tôi hỏi.

- Có chứ ông. Đây là những ngôi mã mã con mới đưa từ dưới làng lên. Đây là ngôi mã của cha con, còn đây mã chú Hệ. Mạ con dặn bốn anh em con thế.

Tôi đứng lặng chết điếng, sau khi nghe đứa trẻ nói.

Tôi cúi đầu nhìn vào hai tấm đá.

Quả đúng thật, tôi đang đứng ngay trước ngôi mộ của mình.

Tôi bước sang bên cạnh đứng hồi lâu bên mã đứa em. Bên tai tôi bỗng nghe vang rộ lên tiếng xe trâu kêu rền rĩ. Tôi nhớ ngày năm nào tận xa xưa thằng Hệ đánh xe trâu chở tôi đi vào rừng gia nhập bộ đội vệ quốc đoàn. Hai vạt áo nâu mở phanh, nó đánh chiếc xe theo vệt đường mòn kéo gỗ cứ nhẵn lì. Hai bánh gỗ bịt sắt cao lênh khênh lọc cọc leo dốc. Con trâu nhà tôi trái tính trái nết, bướng bỉnh. "Hầy, hầy". Tiếng thằng Hệ thúc trâu đầy gượng nhẹ... Lần về thăm nhà năm 1959 tôi không gặp thằng Hệ. Đã ngoài hai mươi năm anh em không gặp nhau. Chắc chắn ở bên dưới kia là hài cốt thằng em trai của tôi thật, chứ không phải như ngôi mộ của tôi - không biết một người nào đang nằm dưới đó?

Nước mắt tôi cứ muốn trào ra, thằng Hệ đưa em cầm súng chiến đấu ở quê hương như thế là đã hy sinh thực. Và Thai đã đem cả gia đình tôi, cả người sống lẫn người chết, về đây.

- Ta ra khỏi đây thôi cháu.

Tôi buồn bã nắm bàn tay đứa trẻ.

- Ông vái đi.

Rồi nó lại thêm:

- Để con còn hạ cỗ.

Tôi chấp tay vái trước ngôi mộ thằng Hệ xong mới quay sang vái trước ngôi mộ của mình.

Con bé, rất tự nhiên, nhón tay nhặt hai nửa chiếc bánh phồng.

Như một kẻ lang thang, chẳng biết từ lúc nào hai bàn chân đã dẫn tôi đến trước cái vòm cuốn rất tân kỳ ở cổng chợ Thành Cổ. Nhưng vừa bước vào mới mấy bước, như phải lửa tôi đã vội vã quay trở ra. Con bé lấy làm ngạc nhiên, túm chặt lấy tay tôi trì lại:

- Ông ơi, ông vào với con đi, trong chợ vui lắm!

Nó đưa tay quệt ngang mép để phi tang những mẩu vụn bánh, tiếp tục chèo kéo:

- Ông vào với con đi, mạ con ngồi đằng kia rồi!

Tôi lại càng phải vội vã rút lui thật nhanh.

Ở bên ngoài cổng chợ, tôi len lỏi, chen lẩn giữa đám đông như nêm, nắm chặt tay tôi cái đứa nhỏ vẫn còn cứ nằng nặc đòi đi chơi chợ, nhưng con mắt của tôi không ngừng quay về sau. Tôi biết Thai đang ngồi ở đâu trong mấy dãy lều quán, sau một cái sạp hàng bày lộn xộn, la liệt trăm thứ bà rần, từ gương lược, ruột bác đèn đến những phong sấp, thẻ hương v.v... Ngoài hai chục năm về trước trong cái đêm cùng tôi chống đò đi dỡ sắn trên rẫy, chắc hẳn không bao giờ Thai là người vợ chủ ảnh quán, tôi đã tìm vào trong chợ, kéo mũ sụp xuống, lượn đi lượn lại trước cái sạp hàng xén ấy nhiều lần.

Nhưng lần này thì tôi không thể bước vào với con bé thông minh và tinh quái này ở bên cạnh. Tôi dừng trước một bà lão bán bánh phồng trước cửa chợ, mua cho nó cả một gói.

Đến bây giờ tôi mới kịp hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Thơm. Nghĩa là mùi thơm ấy. Còn ông tên là gì?

Tôi luống cuống:

- Ông không có tên.

- Không thích ông! - con bé bất ngờ phụng phịu, - con giả ông bánh phồng đây...

Tôi phải vội vàng bịa ra một cái tên khác cho mình và ẩn lại

cái gói bánh vào ngực nó. Nhưng lạ thay, mặt mũi đứa trẻ trở nên hết sức âu sầu buồn bã.

Nó cụp hàng mi xuống trong lúc hỏi tôi:

- Ông không muốn gặp mẹ con à?

- Thơm, sao cháu lại nói thế?

- Lúc này con thấy ông chạy.

Tôi cúi xuống bế thốc đứa con gái nhỏ của Thai trên tay. Tôi hôn mãi lên nửa bên mặt có cái răng khểnh của nó và cảm thấy một con mắt cùng nửa mặt bên kia của đứa trẻ nhìn tôi - tưởng như người chủ ảnh quán đang nhìn tôi.

3

Tôi đặt đứa trẻ xuống. Tự nhiên tôi hơi ngượng với nó đồng thời cảm thấy một chút hơi hướng của một người đàn bà mà ký ức đầy hoang vắng của tôi còn giữ gìn được cùng với những năm tháng, những khung cảnh tôi đã đánh mất.

Tôi chợt nhớ lại ngày ấy cưới Thai về bên nhà tôi xong, tuy chỉ còn phép được ở nhà có mấy ngày nhưng tôi đã tranh thủ làm được khối việc cho cha tôi. Sáng nào tôi và Thai cũng đánh chiếc xe trâu vào rừng chặt củi. Có hôm hai đứa chống chiếc thuyền gỗ ngược dòng sông Đồng Vôi lên những vùng thung lũng tận trong khe núi, mãi tới tối mới về. Dạo ấy giữa tháng mưa, con sông Đồng Vôi trước làng ngập đầy nước ẩm ấp, gia đình nào cũng hạ những chiếc thuyền buộc úp sau vách liếp xuống để đi đào sắn hoặc đi cắt tranh về dọi nhà. Thai mảnh khảnh như chiếc lạt mà sức dai hơn tôi. Cả ngày đi làm, tối về lại đi gác, đi hội họp với các anh chị em du kích. Có hôm mãi gần nửa đêm mới mò về gõ cửa buồng canh cách: "Anh Lực, anh Lực". Tôi đã chòang thức dậy nhưng lại giả vờ ngủ rất to. Thai vòng ra sau

nhà lấy báng súng gõ vào vách liếp chỗ đầu giường. Cha tôi nằm ngoài hè phải lên tiếng: "Mi ngủ chi mà ngủ như chết vậy Lực?" Thai biết thừa tôi đang trêu cô nên liền đánh tiếng: "Anh ấy ngủ say lắm, vậy thì con trở ra ngoài trạm gác ngủ với các chị em vậy?" Tôi cố nhin cười, lần dậy đi rón rén tới kéo cái then cài cửa. Tôi quẹt diêm châm đèn nói nghiêm trang:

- Em đưa cái báng súng anh coi nào?

- Cái báng súng làm sao?

- Coi nó có vỡ mất không?

Thai trả miếng:

- Cứ tưởng là anh kiên gan. Người ta vừa dọa đi ngủ ngoài trạm gác đã vội vàng nhảy bật dậy.

Tôi nhìn chiếc răng khểnh như con mắt nghịch dưới ánh đèn cứ lấp lánh:

- Chồng con rồi mà còn gác xách. Tôi không cho vợ đi ngủ ngoài trạm gác đâu. Du kích với lại du quéo!

- Anh không nên đưa chuyện ấy ra mà đùa, - Thai tắt đèn, vừa đặt mình xuống bên cạnh đã giang tay ôm ngang ngực tôi - vài hôm nữa anh đã phải đi rồi! Hay là ngày mai anh ở nhà cho khoẻ lấy sức mà đi đường, một mình em đi đỡ sắn cũng được.

- Anh đi với em, - tôi nói rất nhỏ, - hai đứa chúng mình còn ở với nhau được mấy hôm nữa đâu.

- Mai em vào tận trong chân núi Đọi, cũng phải chống thuyền mất già một buổi mới vào thấu tới nơi, vất vả lắm!

Sáng ngày sau, tôi buộc hai vát com vào đầu bơi chèo ra đi từ lúc còn tờ mờ đất. Cái bến dốc thẳng. Một hàng bậc chạy ngoằn ngoèo lát bằng những phiến đá ong sứt sọc phủ đầy rêu. Cứ từng quãng dọc bờ sông lại hiện ra một khoảng tối sầm hình vuông vức - những khu vực dân các xóm đã khoét hõm xuống để lấy đá ong từ mùa khô con sông Đồng Vôi cạn thấy đáy. Tôi lần từng bậc đá, đưa tay sờ cái cọc buộc dây neo thuyền. Chiếc

thuyền của cha tôi đóng từ thời mẹ tôi còn sống đã nát, lại lâu chưa xâm lại, qua một đêm nước đùn vào xâm xấp bụng chân. Tôi đặt chân vào lòng thuyền, nước lạnh buốt như cái đai sắt ôm một vòng quanh hai bắp chân đến tê dại. Một con cá măng to đại đột nhẩy vào trong thuyền từ hồi đêm thấy động vội vã ném mình lên. Tôi đưa tay chộp nhưng bị hụt, cái lườn con cá óng ánh vẽ một đường sáng chênh chếch ngay trước mặt tôi, một mùi tanh ảm ướt xộc lên mũi, con cá hút chết vắng mình được ra ngoài sông. "Thật phước tổ cho mày!" Tôi kêu lên một tiếng tiếc rẻ và đứng đoạng chân tát nước.

Ánh sáng buổi mai nứt ra từ một vệt lô nhô của bờ cây chạy dọc theo gờ đất bên kia. Bờ bên kia có tiếng í ới gọi thuyền xin sang ngang. Tôi bắt khum hai bàn tay lên miệng làm loa gọi sang cái khoảng tranh tối tranh sáng:

- Đi quá lên một quãng có cầu đấy!

- Chúng tôi mắc xe máy không qua cầu tre được. Nhờ cho qua một chút.

Tôi chèo thuyền sang. Dưới một lùm tre um tùm uốn vòng hình đuôi gà trống có một tay thanh niên gầy gò đứng bên chiếc xe máy sơn đen đang hút thuốc lá. Thằng Nhi không vận ka ki xám như mọi ngày mà vận một bộ bà ba đen đã cũ như kiểu cán bộ dân chính ở chiến khu.

- Anh Lực mà tưởng ai, - thằng Nhi luống cuống, lúng túng - tôi có nghe tin đám cưới anh với chị Thai... đã định về mừng anh chị.

Dắt xe xuống thuyền xong nó giành lấy chiếc bơi chèo trên tay tôi.

- Cậu cứ ngồi, - tôi lạnh lùng, - thuyền nhà mình, mình chèo quen rồi.

Tôi chèo thuyền trở về được một lúc mới thấy Thai ra bến, mang theo lưng còng nào dao rựa, xanh nôi, chiếu đắp. Thai vừa

bước xuống thuyền vừa xuýt xoa vì rét, hai con mắt lấp lánh sau vuông khăn đen ôm chặt đôi má đỏ ửng. Không hiểu tại sao tôi thấy bức cả với Thai, cảm sợi dây neo thuyền ướt sũng vắt đánh ạch vào giữa khoang:

- Đi thôi, sao em ở nhà lâu vậy?
- Em phải dọn dẹp, thu xếp nhà cửa một chút.
- Em có gặp thằng Nhi vừa dắt xe đi lên không?
- Có.
- Chắc là em bận đứng nói chuyện với hắn nên mới lâu vậy?

Thai cắn chặt môi:

- Em với hắn có gặp nhau thì em cũng không nhìn mặt hắn. Không phải bây giờ mà ngày trước cũng vậy thôi.

Lát sau khi thuyền đã tách ra khỏi bến được một quãng, lên gần đến quãng cầu tre, Thai mới lấy lại được giọng vui vẻ:

- Em ngó chừng ở bên anh mãi cũng chẳng nổi đâu, ghen bóng ghen gió khiếp đi.

Mãi nửa chiều thuyền mới lên thau vùng núi Đọi, một vùng núi đá dựng đứng đầy vắng lặng, chim kêu vượn hót cũng không, chỉ có núi đá và núi đá nối nhau chạy dài dọc sông ôm lấy một cái thung lũng mọc độc một thứ cỏ lau đang trở một trời hoa tím nhạt.

Ngay chỗ bến thuyền chúng tôi ghé vào là một cái chân núi ngổn ngang những tảng đá màu trắng như phấn, phần lớn đã bị nước đánh rửa ra và đóng vón lại trở thành màu vàng như sáp chảy.

Ngọn núi sát bờ sông không cao lắm, nửa phần trên là đá xám xen lẫn một vài vệt đá trắng, từ thời khai sơn lập địa đã có bàn tay công phu của người thợ đá nhà trời đeo gọt những thót đá bằng phẳng rồi đem xếp chồng lên nhau theo một đường chênh lệch, cắm vào giữa kẻ điểm xuyết một vài thân cây cỏ thụ vụn vẹo. Ở tận trên chóp đỉnh, chỗ vùng mặt trời chiều loé

sáng màu thép chảy, một hòn đá dựng đứng cứ vàng rực lên, vừa thoát trông đã có thể hình dung giống như một người đàn bà bế đứa con trước ngực.

Tôi kéo cuộn dây từ giữa lòng thuyền đem cột vào một phiến đá trắng, dậm lút trên lớp đá phần bị nước làm phân rữa cứ dính bết vào hai bàn chân không, Thai đi sau, gánh hai cái sọt đựng dao rựa, cơm nắm và một chiếc chiếu gấp đôi. Thấy tôi cứ đảo mắt ngơ ngác nhìn khắp bốn phía, Thai liền hỏi:

- Anh đã lên đây lần nào chưa?

- Rồi, nhưng từ ngày anh hãy còn nhỏ. Anh đi theo mẹ, - tôi ngửa mặt ngắm hòn đá đứng chênh vênh trên cao, - người ta bảo vùng núi Vọng phu, hay núi Đọi là đây phải không?

- Phải đấy anh ạ! Hoá ra bây giờ anh mới biết thật. Hòn núi Đọi này là còn thấp đấy, những hòn ở sâu phía trong kia, cao hơn nhiều. Những hôm nào trời quang đứng dưới làng ta cũng trông thấy. Anh ạ, người ta bảo rằng người đàn bà ấy đợi chồng đi đánh giặc bao nhiêu năm, lâu lắm mà không về, ngày nào cũng bế con lên núi đứng ngóng, lâu ngày hoá thành đá.

- Sao không ở nhà mà đi cày đi bừa, - tôi trêu Thai, việc gì phải trèo lên núi mà đứng cho rét?

- Anh nói ngang như cua, đấy là chuyện đời xưa.

- Nay mai anh ra ngoài Bắc, vậy lúc nào nhớ anh, em đứng ngóng ở đâu?

- Thì giờ rồi đâu mà em đứng ngóng anh? Đừng hòng nhé, nhớ thì có nhớ nhưng người ta còn phải đi gác xách, đi trẩy tiêu, đi đặt hom sắn, đi cắt tranh về đợi nhà. Còn phải mắc trăm công nghìn việc ấy chứ?

Chúng tôi cột thuyền để đấy, hai vợ chồng gồng gánh len lỏi đi sâu vào giữa rừng lau, nơi có những vạt đất cha tôi và thằng Hệ đã vỡ.

Mặt trời đã chìm trong đám sương mù lại chợt nhô ra giữa

hai kẻ rặng núi đá đằng xa. Ở đây không khí thật thoáng đãng. Hoa lau phơ phất trên nền xanh uyển chuyển của rừng lau, thân cây lau cúi rạp xuống từng đợt, ánh lá xanh loáng lên dưới ánh mặt trời rồi trở màu sẫm huyền bí trong vô vàn tiếng lá chạm nhau xào xạc. Càng đi sâu vào đất càng tốt, rừng lau càng dày và cao, những vạt sắn tăng gia của vùng xuôi lên đứng xa trông như những mụn vải màu sẫm vá vào nền rừng, vài vệt cỏ lau mới đốt phơ màu đất đen xỉn, lờm chớm gốc cây cháy lẫn màu cỏ mới nhú lên xanh xanh nhọn hoắt.

Từ những vạt sắn tăng gia nhìn lên khắp bốn phía trời, hòn vọng phu đứng nhan nhản. Tôi lấy làm lạ lùng quá, thật là đủ hình dáng, đủ tư thế, cả một thế giới đàn bà đã sống trải bao thời gian qua, chiến binh dường như đang tụ hội về đây, mỗi người một ngọn núi, đang đứng một mình vò võ, chon von trên các chóp núi đá cao ngất, người ôm con bên nách, người bế con trước ngực, người cõng con sau lưng, người hai tay buông thõng xuống, mặt quay về đủ các hướng, các ngả chân trời có súng nổ, có lửa cháy.

Hai chúng tôi bắt đầu dỡ sắn. Được chừng nào Thai lại xếp vào sọt gánh ra bên đổ vào khoang thuyền. Mãi gần tối, Thai giục tôi nghỉ tay. Tôi vào rừng nhặt củi. Thai nhóm lửa. Hai vợ chồng chúng tôi ngồi bên cái bếp mới bắc tạm bợ giữa trời. Tôi cầm thanh củi chọc chọc xuống đất.

- Em coi này, đất tốt quá chừng, vô khối là đất mà chỗ nào cũng chỉ độc có giống cỏ lau mọc. Khi nào kháng chiến xong, ta có thể mở một cái nông trường ở đây.

Thai hỏi lơ đãng:

- Nông trường là thế nào hở anh?
- Như năm bảy cái đồn điền của thằng Rê-vây gộp lại.

Thai vẫn cầm dao lặt vỏ sắn thoăn thoắt:

- Eo ôi, làm lụng thế nào cho xuể, cày bừa trâu bò đâu?

- Chẳng lẽ lại đi cuốc đất bằng tay như cô ấy? Em hiểu không, cả cái thung lũng này chỉ cần vút vào dăm bảy cái cày máy. Chỉ cần một người ngồi trên cái ghế đệm mồm ngậm điều thuốc, ấn nút một cái là máy chạy ầm ầm, trong mấy buổi là biến thành ruộng cày hết.

- "Làm ăn như bên Liên Xô, Trung Quốc" là như vậy đó phải không anh? Vậy thì nhàn nhã, sung sướng quá. Nhưng mà anh đã trông thấy bao giờ chưa?

- Chưa.

- Sao anh biết tỷ mỉ vậy?

- Phải biết chứ. Bởi vì đây là chủ nghĩa xã hội. Trong làng xóm nay mai sẽ không còn kẻ giàu, người nghèo, bước chân vào nhà nào cũng no đủ, ai cần gì có thức nấy, mọi người ăn ở với nhau vui vẻ, tử tế trên tình đồng chí với nhau cả. Em là đảng viên mà chỉ biết đi gác, đi trông sấn, mù tịt chẳng biết gì về chủ nghĩa xã hội là khuyết điểm đấy!

- Thỉnh thoảng em cũng có nghe các anh ở trên về nói giống như anh. Thật là thích anh nhỉ, nhưng mà liệu có còn lâu không?

- Chả lâu đâu.

- Lúc đó vợ chồng mình ở đâu?

- Anh sẽ xin phục viên về làng. Vợ chồng mình sẽ đưa nhau lên đây. Em sẽ đi học lái máy cày.

- Còn anh?

Tôi hứng chí phét lác:

- Anh sẽ làm chủ tịch cái nông trường núi Đọi này!

- Nhưng anh biết không, ở đây có cọp, em sợ rừng lau lắm.

Mê sấn luộc trong chiếc nôi đất vừa kịp chín tới thì cơn giông bùng bùng kéo đến. Gió rít trên ngọn cây lau ngã rạp xuống. Gió lồng lộn như có hàng ngàn binh mã kéo qua thảo nguyên cỏ lau. Mưa ập xuống. Trên lưng chừng trời, giữa khe hai tầng mây đen còn sót một chút ánh sáng mặt trời vàng khé như

dính chặt vào giữa cái nền trời nâu nâu vàng vàng quái dị, một hình người đàn bà bằng đá gơ tay chực bắt một con chim cất đập cánh đứng im một chỗ.

Mưa bão kéo đến nửa đêm thì đột ngột tạnh. Và trăng mọc. Bầu trời, mặt đất đầy thanh vắng, hoang dại. Tôi nằm lắng nghe từng giọt nước rơi tí tách, đều đặn và chậm rãi từ những tàu lá sắn, ở đâu đó trong khoảng tối om quanh co đầy bí hiểm của các dãy núi đá có không biết cơ man nào những cái khe (tất cả đều mang một cái tên là khe Bò đái), nước chảy ồ ồ suốt đêm không ngớt. Chợt nhớ câu chuyện hổ ở rừng lau, tôi rút khẩu súng ngắn lên đạn đặt bên người. Những dợn sóng cỏ lau phản chiếu ánh trăng lấp lánh như những tấm lưng mềm mại của đàn cọp đang nô dớn. Tôi nằm sát vào Thai. Hai đứa đắp chung một chiếc áo tơ lá, nằm trên lớp cỏ lau vẫn còn ướt, cố không giữ mình để lá lau khôi ngứa da thịt. Thai rúc đầu vào ngực tôi ngủ rất say, mái tóc dày trải ra hong khô trên cánh tay để trần của tôi, vành mi đen sẫm khép lại thanh thản đổ bóng xuống cái bầu má đầy đặn rậm nắng.

Tôi nằm yên không dám động đậy cho Thai ngủ yên, để lấy sức ngày mai làm tiếp. Hai con mắt tôi không hiểu vì sao chẳng khép lại nổi. Trên nền trời sáng trắng mênh mông, những hình người đàn bà bằng đá đứng cầm lặng, như đã hàng triệu năm vẫn đứng thế. Sau lưng họ, mảnh trăng cuối tháng như một chiếc đĩa bằng vàng bị vỡ.

4

Chiếc Gát 63 mũi bằng tôn gò quen thuộc đang đỗ cạnh cái biển chỉ đường ở ngã ba, chờ tôi lên.

- Vù thôi chứ thủ trưởng?

Cậu lái xe của đoàn giờ lên khoe với tôi một xâu cá nướng vừa đỗi chác được trong bản đồng bào dân tộc. Tôi vừa cuốc bộ một chặng năm cây số, sung sướng quảng mình lên cái đệm lò xo mới thay của buồng lái.

- Ngoài thị xã Quảng Trị giờ đông vui rồi chứ thủ trưởng?

- Vui, vui lắm! - Tôi đáp qua quýt, như người đánh trống lảng, quay về sau ngó qua tấm lưới mắt cáo. "Hàng" không nhiều lắm. Chát lụng lụng chưa đầy nửa thùng xe. Những bao ny lông cái màu tím cái màu xanh đột chuối mỗi chiếc đều buộc chữ thập bằng dây dù. Trên mặt mỗi bao có một tấm giấy ghi mấy dòng chữ thống nhất quy định và ngắn ngủi đến khắc nghiệt. Đây là nội dung sẽ khắc lên những tấm bia.

Dấn sâu vào công việc này gần nửa năm nay tôi mới có dịp hiểu rằng chung quanh một nắm xương người chết trong chiến tranh có bao nhiêu chuyện. Vì thế mà kinh nghiệm dạy cho chúng tôi cần phải bao phủ lên nó thật nhiều làn hương khói của thiêng liêng. Tôi nhắm đếm số bao nylông, không khỏi lắc đầu ghê sợ với những cánh rừng cỏ lau. Đang nằm ngủ im sau lưng tôi là những đồng chí mình mà chúng tôi phải mở không biết bao nhiêu chiến dịch vật lộn với cỏ lau trong vùng núi Đọi mới giành lại được. Tất nhiên chúng tôi còn phải đào bới thêm một thời gian nữa ở đây nhưng cả tháng qua, một tiểu đoàn của tôi đã gần như sa lầy trong những rừng lau và các dãy núi đá. Cỏ lau đã nhanh chóng xóa đi mọi dấu vết đã được đánh dấu trên các tấm sơ đồ mộ chí, nó lại còn đánh lừa chúng tôi, mọi công việc đào bới rất nhọc công theo sơ đồ có khi chẳng tìm thấy được gì.

Tôi đưa tay khé cánh cửa xe, đã thấy hai ba bóng con gái trẻ ăn mặc diêm dúa lấp ló ở bên ngoài, đang cố nhìn vào trong thùng xe bịt vải bạt kín mít.

- Các chú có gì bán không nào?

- Có đấy, - cậu lái xe nhòai qua người tôi trả lời cho một em

bánh nhất, mặc chiếc áo vàng có hai ống tay áo rất ngắn loe ra như một bông hoa loa kèn, - em định mua hay định đổi chác nào?

- Vậy anh có thứ mặt hàng gì?

- Toàn hàng ngoại cả!

- Thôi, chúng ta đi! Tôi đóng sập cánh cửa ca bin lại.

Chiếc Gát vừa nổ máy, bánh xe lăn vài vòng đã chết máy. *"Và khi đó không phải trong thơ, không phải trong mơ. Em nhận ra anh"*. Tiếng hát rền rĩ, tha thiết của một chiếc ca-sét đuổi theo chúng tôi từ mấy ngôi hàng quần lụp xụp tụ tập toàn dân buôn lậu chỗ ngã ba. Đám con gái "ăn sương" phe phẩy tường chúng tôi đã thoả thuận, vội vàng phấp phới chạy túa lại.

Cậu lái xe không nhìn ra, đem dễ tiếp tục nổ máy, chân dận ga, miệng nói lầm rầm:

- Lay vong hồn mấy đứa chúng mày, tao đưa chúng mày đến an dưỡng chỗ danh lam thắng cảnh nhất nước, từ nay chẳng phải làm gì, ngồi mát ăn bát vàng, sướng bỏ xừ đi... Đi chứ! Đi nào?

Chiếc Gát 63 thường khùng khinh lần này nổ máy lại khá nhanh. Thật hú vía. Chúng tôi phóng đi trên con đường quân sự chiến lược vắng heo hút, những cao điểm ngày xưa lính Mỹ đóng vẫn phủ đầy mây trắng, vài vệt đất đỏ ối, vài chiếc lô cốt xi măng giữa lưng chừng trời, giải đường tăng như một vệt tông đơ dụi một nhát thẳng lên đỉnh, núi đứng ngời tràn ra tận hai bên mép cỏ cái giải nhựa, tất cả phủ trùm kín trong một màu cỏ lau mới mọc xanh mơn mớn, nơi nào ngày xưa người lính vô danh đã từng nín thở bấu chặt mười ngón tay vào vách đá leo lên, ở hẻm núi nào, ở chân điểm cao nào, như một con cây, con cáo, người lính nấu kín mình rình giặc, chịu đói chịu rét, vào quăng những năm nào đến với họ được một phong thư nhàu nát của một người vợ, của một đứa con nhỏ gửi đi từ Hà Nam Ninh, từ Thái Bình, từ Nghệ Tĩnh, từ Cao Bằng, Lạng Sơn... Ai suốt

đời đã nằm lại? Ai chiến thắng còn sống trở về quê hương ngoài Bắc ngơ ngàng như một người khách lạ, sau mười năm cầm súng ở chiến trường?

Màu trời chiều đã sẫm xuống. Chim "khó khăn khắc phục" kêu thảng thốt. Những triền cỏ lau mới nhú mang một vẻ hiu hắt, vài đọt hoa hiem hơi điểm tuyết lên giữa hoàng hôn vùng rừng một sắc tím băng quơ.

Chiếc xe sau một lần vùng vằng, khùng khinh ban đầu như một người đã thông tỏ lối đi về nhà, chạy bon bon, tiến thẳng vào một vùng rừng ngay bên đường có nhiều cây cao bóng cả (do chính tôi đã phải trực tiếp lặn còm nắm vào lưng đi tìm). Nhìn qua kính xe, tôi ngẫm tự hào ngắm những lối đi, những bức tượng, bia ghi công và đài tưởng niệm, tất cả đều đang dở dang, bẽ bộn, và thoáng một chút so sánh các anh em được về nằm ở đây với ngôi mộ của mình giữa bãi tha ma ngoài thị trấn.

*
* *

Tôi đã định theo chiếc Gát về vùng núi Đọi ngay hôm sau nhưng đã phải ở nán lại để giải quyết một số công việc. Việc xây dựng khu nghĩa trang gặp bao nhiêu khó khăn vượt ra ngoài sức chúng tôi, một đoàn chính sách. Với biết nỗi lo toan tính đầy hối hả trong thời bình, mỗi con người chúng ta có lẽ đôi khi cũng là một cánh rừng cỏ lau giàu sức sống, rất chóng lãng quên những người lính đã ngã xuống.

Đến một hôm, tôi không ngờ, người chủ hiệu ảnh dưới thị xã phóng xe máy lên tận đây, lên tận cái vùng rừng chiến tranh xa xôi này, để tìm tôi. Lúc bấy giờ tôi vừa đi xin xỏ ở bên "Chúng tôi xây dựng viện trợ Lào" trở về, đang đứng với mấy thằng lính thợ nề bên cạnh đài tưởng niệm đang xây lên nửa chừng thì cạn

hết vật liệu, thì trông thấy một người đàn ông mặc chiếc bờ-lu-dông màu nghệ thối, đeo máy ảnh trước ngực, dắt xe máy đi vào. Trông thấy tôi cứ đứng ngây ra, ra chiều hết sức ngạc nhiên, ông cũng trở nên lúng túng. Chúng tôi bắt tay nhau. Chúng tôi đều là những người khách không mời mà đến của nhau. Thú thật là tôi cũng không khỏi thắc thom. Tôi dắt ông vào một cái nhà bạt mấy hôm ở lại đây tôi vẫn thường nghĩ.

- Ở đây cảnh đẹp quá! Khách của tôi đưa mắt nhìn ra chung quanh, trầm trồ. - Về mặt này, nghề của ông sành hơn nghề chúng tôi.

Ông cũng thấy đẹp thật ư? - tôi nói. - Có lẽ là lần đầu tiên ông lên thầu đây?

- Thừa vâng. Ngày xưa ở bên kia thường nhắc luôn đến tên cái vùng này, đây là báo chí và những gia đình có người đi lính. Lần đầu tôi lên thầu đây thực. - Khách nhũn nhặn. - Ông Lực ạ, tên tôi là Quảng. Tiện thể tôi có mang theo ảnh lên cho ông. Đẹp lắm. Rất "nét".

- Ông làm nhanh thế cơ?

- Đối với ông, tôi không thể coi như mọi khách hàng bình thường.

Tôi càng ngạc nhiên sau câu nói ấy. Ông khách, người chồng hiện tại của Thai, chắc hẳn đã nhận ra tôi? Tôi ngồi ngắm những bức ảnh của mình.

- Ông thấy thế nào ạ?

- Ảnh đẹp lắm. Cám ơn ông. Ông Quảng ạ, lần này thì rất "nét".

- Đây, ông Lực thấy chưa, hôm ấy phải ngồi chụp lại tôi biết ông ngại, cái lần thứ nhất nó lờ mờ quá!

- Tôi xin gửi ông tiền.

- Chụp được hình ông là quý. Ông đã trả tiền tôi rồi, - khách thân ái đặt bàn tay lên bàn tay tôi, - chắc ông đang bận lắm?

- Tôi cũng bận ít nhiều công việc ở đây, chứ không thì đã trở về dưới chỗ ở chính.

- Tôi đã tìm vào trong vùng núi Đọi, được chỉ ra đây. Tôi lên đây có một chút công việc muốn thưa với ông.

- Chắc là việc hệ trọng? Tôi hỏi thẳng, biết là đã vào cuộc.

- Vâng. Khách đáp khẽ.

- Việc lành hay dữ vậy? Tôi cười pha trò.

- Tôi cũng không biết... Tôi nghĩ là câu chuyện giữa hai người đàn ông.

(Thú thực tôi kính trọng một cách vào đầu như thế, tuy vẫn chưa đoán được người chồng của Thai sẽ nói gì với tôi). Ngừng một lát, khách nói tiếp:

- Hay là chúng ta lang thang ngoài rừng một lát. Hình như tôi nghe ngoài rừng có tiếng chim cu gáy, tiện thể chúng ta đi bắn...

- Hay đấy, - tôi nói, - trời hôm nay cũng đẹp. Tôi có thể mượn thêm cho ông một khẩu súng.

- Tôi có mang theo một khẩu Brunô... Hẳn ông có súng bắn tốt hơn.

- Có. Tôi có một khẩu cũng khá.

Tôi chạy tìm cậu tiểu đoàn trưởng ở đây để mượn khẩu Hêlen.

Cậu ta trao súng đạn cho tôi, hỏi:

- Anh sắp đi bắn với ai đấy?

- Một người quen của mình...

- Mà sao trông lạ... Khách của anh trưa nay có ăn cơm ở đây không?

- Có lẽ có.

Ông Quảng ra chỗ chiếc hon đa cời dây tháo khẩu súng bọc trong tấm áo bọc. Vừa ra khỏi nhà, lội qua một con suối tôi quay

lại thấy ông khách của tôi đang cúi xuống hí húi cời giày.

- Ông Quảng, tôi gọi, ông đi quá lên một đoạn, trên kia có đường sang.

Ông Quảng ngược lên nhìn, đã trông thấy một dãy đá xếp dọc lòng suối nhưng có lẽ sợ làm phiền tôi phải đợi hoặc vì sĩ diện của một người thành phố, liền đi thẳng xuống mang cả giày phẳng phẳng lội qua suối, đến nổi cũng không thêm vén hai ống quần.

Sườn núi sau khu nghĩa trang hơi dốc. Những cây săng lẻ mọc toả ra ở gốc rồi thân cây màu ngà đầy quý phái vươn thẳng lên trời. Một khu rừng già tuyệt đẹp. Tôi cố leo chậm nhưng ông khách khoác khẩu súng trên vai, nửa ống quần ướt sũng, lại cứ muốn leo vượt lên trước, vẫn cứ sợ tôi phải đợi.

- Qua khỏi đây một đoạn là rừng bằng thoi, lại có nhiều chim.

- Vâng. Cám ơn. Ông đừng sợ tôi mệt.

- Dâu có thể. Ông trẻ và mạnh hơn tôi nhiều, - tôi nói vào chuyện vẫn bằng một câu nói vui, - ông Quảng này, ông biết tôi chết đi sống lại từ bao giờ?

- Ông biết đùa lắm... nhưng ông có nghĩ tôi là một người tinh ý không?

- Có thể. Ông nhận ra tôi từ bao giờ?

- Tôi ngờ ngờ nhận ra ông ngay từ bữa ông đến lần đầu. Đến lần thứ hai thì lại càng thấy đúng. Ông Lực ạ, hồi kháng chiến trước tôi cũng đã từng ở bộ đội, bộ đội huyện, rồi tôi bị địch bắt...

- Ông nói tiếp đi.

- Tôi muốn nói... muốn tâm sự với ông rằng, tôi cũng đã từng trải qua cái hoàn cảnh của một anh chồng bị cầm tù. Lúc ở tù về, tôi đã gặp một người đàn ông khác ăn ở ngay trong nhà.

Tôi cười:

- Vì vậy mà ông thường có cái tinh ý... đối với những người đàn ông khác chẳng?

- Ông hiểu hơi sai... Thai không bao giờ lại như cô vợ trước của tôi. Trước sau Thai là một người vợ đứng đắn trung thành. Thậm chí quá trung thành đến mức kỳ cục, về chỗ này có lẽ tôi hiểu Thai hơn ông.

- Ông hãy nói tiếp đi.

- Vì thế mà... tôi thường xuyên như thấy ông ở trong nhà. Có lẽ cũng vì thế mà tôi luôn luôn tỉnh ý. Thú thật, nó là cả một nỗi khổ tâm riêng của tôi, mà nhục nhã! Bởi vì tôi cứ phải suốt đời ghen với ông, xin ông xá lỗi, ghen với một người đã chết. Một phần có lẽ vì ngày trước ông và Thai sống với nhau được ít quá. Hình như hai người mới bén hơi nhau thôi. Rồi xa nhau suốt tám năm. Ông ra đi biệt. Thương nhớ, đợi chờ đằng đẳng, thế rồi ông trở về... chỉ còn là một cái xác trôi ngoài sông. Khi phải lên lút chôn cất ông, Thai đau đớn lắm. Vì thế mà chẳng bao giờ nguôi đi cho.

Chúng tôi khoác hai khẩu súng sòng vai nhau đi trong một khoảng rừng bằng. Chim cu gù khắp mọi góc rừng xen tiếng chim mỏ hoét kêu những tiếng chát chúa tậm trong các khe nứt sâu hoắm dọc thân cổ thụ sừng sững lên như bị sét đánh. Tôi tìm được một khúc rễ cây bèn bện, nắm lấy cánh tay ông Quảng. Chúng tôi ngồi xuống, chụm hai đầu nòng súng vào nhau.

- Giá ngày đó, ông và Thai cưới nhau xong, ông để lại cho cô ấy một đứa con, trước khi ông ra miền Bắc. Thì Thai cũng được thoả mãn một phần. Một đứa con... dù sao về mặt tâm lý, người đàn bà cũng đỡ ảm ức... Ông Lục ạ, với đời vợ trước ấy mà, tôi cũng có một đứa con. Một đứa con gái. Nó là một đứa hư. Thỉnh thoảng nó ở với tôi. Thai rất yêu nó, thậm chí đôi khi còn yêu nó hơn bốn đứa con riêng của mình. Ấy là những lúc nhà tôi tự nhiên thấy ghét tôi. Bao giờ nhà tôi ghét tôi thì lại càng yêu nó nhiều.

- Tôi nghĩ ông là một người chồng trong gia đình rất tốt.

Chẳng lẽ Thai ghét được ông?

- Ghét chứ. Tôi càng âu yếm, chiều chuộng lại càng bị ghét. Thậm chí đôi khi còn có vẻ căm thù tôi. Làm y như tôi là đứa đã ghét ông. Tôi nghĩ rằng Thai, nhà tôi ấy, thuộc loại đàn bà chỉ có thể yêu được một người. Thực tình là vợ tôi suốt đời chỉ yêu được có một mình ông thôi. Đàn bà, con gái thời bây giờ không còn thấy ai như thế nữa. Đàn bà bây giờ, ở phía bên kia cũng như bên phía cách mạng ta chắc cũng vậy, bao nhiêu người có chồng chết trận, đâu có thể? Người ta khóc lóc, vật vã chán, rồi một hai năm sau người ta thoải mái, vui vẻ sống với người chồng khác. Người chết đã chết rồi. Mà như thế phải hơn. Nhà tôi là một thứ đàn bà cổ. Những người đàn bà chờ chồng có thể hoá đá.

Bên hai cây súng trước mặt chúng tôi xếp hai bao thuốc với hai cái bật lửa. Một cách tế nhị, ông Quảng rút một điều trong bao thuốc của tôi tư lự gài lên khoé miệng, mắt đăm đăm nhìn xuống đất. Tôi bật lửa.

- Xin ông... Thai thuộc loại đàn bà cổ. Nhưng tôi lại quý cái tính cách ấy. Khổ sở, lại nhục nhã, mà vẫn cứ phải quý trọng vợ. Lắm lúc tôi cứ phải nghĩ: Không có cái gì vừa vô lý, vớ vẩn mà lại vừa đáng trọng hơn cái cảnh vợ chồng yêu ghét, ghen tuông nhau trong gia đình tôi. Thế mà rồi cũng sống với nhau được. Không phải sống thời yên ả mà sống thời loạn. Cũng dất dừ nhau đi khắp. Cũng sinh con đẻ cái. Cả một bầy con chứ đâu có ít. Có một lần vào ngày giỗ ông giữa lúc cả nhà chạy di tản tôi bí quá! Cả nhà chỉ quây lại trong hai chiếc chiếu nhựa trải giáp nhau, đồ đạc của nả để quây kín chung quanh, trong một gian lớp học của một ngôi trường trung học trong thành phố Đà Nẵng. Thai vừa ở cử được nửa tháng. Hồi đó là sinh đứa con út, sau cái con bé Thơm. Cô ta ngồi chống cằm trên manh chiếu, tay ôm đứa con mới đẻ ở nhà thương Huế, một cái bát hương bằng đồng lá cắm mấy que nhang đang cháy, khói bay vật vờ, để bên

cạnh. Ông già ông đang sắp xếp các thứ đồ đạc lại cho gọn, chốc chốc quay nhìn người con dâu cũ một cách sợ hãi, mãi mới dám nói: "Con làm khổ chồng con làm gì? Xe chở lính Mỹ đi đầy ngoài đường mà nó không dám ngồi trong nhà. Ngày hôm nay, nó muốn tránh mặt con. Năm nay, giỗ thằng Lực, không cúng bái gì đâu. Cha nói trước thế". Ông biết không, tôi chạy ra chợ lại lộn về các hồ, len lách giữa xe pháo, lính tráng, lại len lỏi giữa đám dân chạy nghẽn hết đường, hết phố, mua được cặp gà trống với lại một túi nếp, quay về sau thấy một người đàn bà mặt trắng xanh, chân đi tất, mảnh khăn len bịt kín nửa mặt, nước mắt chan chứa, đang giơ tay nắm lấy cánh tay tôi lúi đi. Có lẽ đây là cái năm duy nhất chúng tôi không cúng giỗ ông.

Tôi rút một điều trong cái bao Cáp-tan của ông Quảng. Ông Quảng bật lửa.

- ... Việc đã như vậy, - tôi nói, - đây là câu chuyện giữa hai người đàn ông, ban nãy ông đã nói thế. Bây giờ tôi muốn được nghe ý kiến thực của ông, cái mục đích ông lên đây.

- Vâng, tôi xin thưa thực với ông. Ông còn sống như thế này, tôi rất mừng. Nhưng về một mặt khác, tôi lo cái gia đình tôi.

- Ông đừng vội nói gì với Thai.

- Nhưng trước sau rồi thì vợ tôi cũng biết. Không khéo cái gia đình tôi tan nát mất thôi!

Tôi đã ngồi nghe ông Quảng nói hết. Ông đã nói có lẽ hơi nhiều, nhưng thực thà, để nói ra cái điều cuối cùng. Nhưng có vẻ hình như ông quá lo lắng về tôi, lại quá nghĩ đến ông. Tự nhiên tôi thấy buồn quá! Cái sống và cái chết, nếu chỉ đơn giản như trong chiến tranh, như hai ngôi nhà có thể đi lại sang nhau dễ dàng thì tôi đã có thể lánh hẳn sang ngôi nhà bên kia, ở hẳn đây, để cho ông yên tâm, đối với vợ ông tôi vẫn là một người chồng cũ đã chết, một môi tình đã chết, mặc dầu ông có bị vợ hành hạ, căm ghét và ông vẫn ghen tuông với một cái bóng.

Mà cũng cần phải thông cảm với ông ta, tôi nghĩ, hai lần lấy vợ thì hai người đàn bà lại hoàn toàn trái ngược nhau, đều làm khổ nhau. Đời người là thế.

Tôi đề nghị ông Quảng hãy yên tâm, về phần tôi, tôi sẽ không bao giờ làm gia đình ông tan nát. Tôi an ủi ông và muốn chấm dứt câu chuyện "đàm phán". Chợt trông thấy một cặp vợ chồng mỏ hoét đang tình tự trên một cành cây săng lẻ ở đằng xa xa, tôi nháy mắt sang ông Quảng. Chính ông Quảng giờ tay ra quờ súng trước. Hai chúng tôi tự nhiên gác lại câu chuyện. Chúng tôi xách súng lom khom đi rón rén từ gốc cây này sang gốc cây khác. Ông Quảng hỏi nhỏ: "Bắn con trống hay con mái?". "Con trống!" tôi đáp. Hai phát súng nổ vang, gần như cùng một lúc. Con chim mái lông sẫm lao vút đi. Một vài chiếc lông nửa vàng nửa trắng bay rơi lả tả. Con trống bị thương nặng nhưng vẫn còn gắng sức bay lết được, một bên cánh sẽ xuống.

Ông Quảng xách khẩu súng Brunô... reo âm ỹ làm náo động cả cánh rừng săng lẻ. Chẳng quản gai góc, chiếc áo bờ-lu-đông vàng rúc hết bụi này lại chạy ngay sang một bụi cây khác. Trông ông lúc này càng đáng yêu. Trông bộ dạng, tôi biết ông không phải là một người đi săn lành nghề. Lát sau ông quay trở về chỗ tôi, tay xách khẩu súng một cách trẻ nãi và hoan hỉ, con chim nằm trên bàn tay ông đang hấp hối, một chân phải gãy và viên đạn phá nát một mảng bên sườn phải, những chiếc lông dính máu khê rung rung theo từng nhịp thở thoi thóp cuối cùng. Cặp mắt nhỏ vàng lơ lơ vẫn còn mở hé trong lúc toàn thân con chim trống cự quây một cái khê, nó đã chết.

- Chắc nó trúng viên đại khẩu Hêlen... của ông, - ông Quảng đưa một ngón tay đung vào bên sườn đầm máu con vật, nói.

- Không, chắc là ông đã bắn trúng nó, - tôi nói, - ông cầm về đi.

Tôi trở về đại bản doanh của đoàn chính sách - tức trung đoàn bộ - vẫn quen miệng gọi theo cách gọi hồi chiến tranh là "nông trường bộ" đang đóng ở dưới vùng núi Đọi. Vừa ló mặt về nhà công việc đã ập đến.

- A ha, may quá, ông chủ tịch nông trường về đây rồi! - Có nhiều tiếng reo lên và Phong, nguyên trưởng phòng chính sách Mặt trận bây giờ là phó đoàn của tôi, người nổi tiếng thông thuộc mọi hang cùng ngõ hẻm vùng thung lũng cỏ lau này vừa thoáng trông thấy bóng tôi bước ra khỏi chiếc Gát 63 đã chạy tới, cái mặt rỗ hoa vùng vừa cười chào vừa nhăn nhó, chưa kịp nắm lấy mấy ngón tay tôi đã đưa mắt hắt hàm về phía hai nếp nhà tường đất lợp cỏ lau của mấy gia đình khai hoang đã bỏ về dưới xuôi, hiện tại đoàn chính sách đang dùng để đón khách.

Có lẽ đến gần một trăm người, lần này sao mà đông quá khiến tôi cũng thấy chột dạ, lại cuốc xèng dựng la liệt, đàn ông có, đàn bà có, người già nua có, lại cả mấy đứa trẻ đang chạy nhảy bên chiếc Gát của đoàn tôi vừa chạy về.

Tôi chột hiệu rõ sự tình nhưng vẫn lấy vẻ bình thân nói với Phong:

- Đành phải nói thật với người ta thôi. Rồi động viên họ hãy về.

- Mấy ngày nay tôi cũng đã phải nói thật, - Phong đáp, rồi trấn an tôi, - trông thì đông thế nhưng số gia đình không có nhiều lắm đâu anh ạ, tôi đã nói hết khó khăn của vùng cỏ lau, chẳng những không ai về mà còn trở về gọi thêm anh em, họ hàng đến nữa. Người ta bảo không dám làm phiền mình. Các gia đình người ta nói thực chứ không phải có ý mỉa mai hoặc oán trách gì đâu. Người ta chỉ đề nghị mình cho họ mượn cái sơ đồ rồi tự đào bới để tìm kiếm lấy người nhà.

- Sơ đồ? Chẳng lẽ ta chưa đào bới theo sơ đồ? - Sự nhớ ra tôi hỏi Phong về chuyến đi về các tỉnh đội và quân khu. Phong bỗng nổi xung lên, nổi giận đùng đùng:

- Vị tư lệnh nào cũng hứa, ông cục trưởng, anh trưởng phòng nào cũng hứa. Hứa xong rồi bỏ đấy hoặc quên ngay. Còn bạn xây nhà, còn bạn lo cho con trai, con gái họ vào đại học, đi học nước ngoài. Mà cái anh dân sự nhà nước này cũng ăn ở tệ bạc. Vứt hàng tỷ xuống sông xuống biển không tiếc nhưng tiếc cái thằng lính đã hy sinh cho họ ở biệt thự từng thước vải để lót tiểu.

- Thôi, thôi, trên có khó khăn thật, trăm thứ thiếu thốn, đừng nóng quá, cậu!

Tôi nói đầu dụ, và bước vào ngôi nhà đất đã có một số người vừa tập trung lại, là thân nhân gần gũi nhất của tử sĩ. Phong nói đúng, số gia đình không nhiều. Chừng có khoảng hơn chục người. Một người bắt buộc tôi phải để mắt nhìn trước tiên là một người đàn bà còn rất trẻ, khá xinh đẹp, mặc chiếc áo nylông màu vàng tươi có những chấm hoa, hai ống tay áo rất ngắn loe ra như một bông hoa loa kèn. Rất nhanh, và chẳng khó khăn gì lắm, tôi đã nhận ra được đó chính là cô gái cách đây mấy ngày, đứng sán vào bên cánh cửa xe ngay bên cạnh tôi, ở trong cái đám đàn bà "ăn sương" vừa buôn bán, phe phẩy ở chỗ ngã ba đường. "Các chú có gì bán không nào", "Anh có thứ mặt hàng gì nào".

Đám khách người nhà tử sĩ đứng ngời rải rác, mỗi góc một vài người. Trông bề ngoài, tôi biết có ít nhất hai ba người ở một tỉnh nào đó tận ngoài miền Bắc vào, trong đó có một bà già, chắc hẳn là một người mẹ, mặc tấm áo dài nâu tứ thân, nét mặt hiền dịu, nỗi đau khổ sâu sắc cũng kín đáo, bà thường đưa mắt kín đáo nhìn ra ngoài cánh rừng lau trải dài bạt ngàn vô tận với một vẻ như đang muốn tìm kiếm ai. Tất cả ba gian nhà đất vẫn lặng thình, chẳng ai nói rằng, đến cả một người đàn ông, chắc là một ông bố miền Trung, tay cầm một tàu lá thuốc đầu quần khăn đầu riu đang ngồi trên chiếc ghế đầu duy nhất trong nhà ngay trước

mặt tôi cũng mang một vẻ mặt đầy chịu đựng.

Giữa lúc ấy thì người con gái "phe phẩy" đứng lên một cây cột buồm đằng xa bước thẳng về phía tôi. Mặt người con gái chợt đanh lại. Cặp môi có thoa một chút son mím chặt, hai con mắt long lanh đầy thách thức. Nhưng hình như hai cánh mũi của chiếc mũi dọc dừa lại rung rung biểu lộ một cảm xúc hoàn toàn trái ngược đang cố nén. Thế rồi tôi trông thấy từ hai con mắt long lanh, ráo hoảnh chợt lặn ra hai giọt nước mắt.

- Ông khinh tôi, tôi biết, - người con gái rít lên trong tiếng nức nở, - chắc là ông đang muốn hỏi tại sao mới hôm qua còn thấy đứng ngoài đó mà hôm nay lại gặp ở đây? Nó vào đây làm gì? Chẳng lẽ nó mà cũng có người yêu, có chồng chết trận? Nó cũng có được cái vinh dự, vinh quang ấy?

- Chị ạ, đấy là tôi chưa kịp hỏi thăm chị, tôi đâu dám nghĩ thế?

- Mà ông cũng đừng sợ. Người đời đều nghĩ vậy cả, tôi là một "con phe", nhưng ai có ý gì khinh tôi, tôi biết ngay! Mà này, tôi giả lại cái vinh dự, vinh quang với lại những gì gì cho các ông, tôi chỉ thiết có một chút nắm xương của người tình của tôi đang bị lẫn lộn với đất ở đây. Tội thân anh ấy, anh ấy bắt "bò" với tôi từ khi tôi còn là đứa con nít, còn cắp sách đi học, khi ra đi anh ấy bảo khi nào đánh hết giặc trở về... hu, hu, tôi thương anh ấy, từ bé tôi đã là đứa trẻ hư, anh ấy bảo ban tôi, mắng mỏ tôi, ở trên đời chỉ có anh ấy biết thương yêu tôi...

Chẳng may vừa lúc đó cậu lái xe đi vào. Người con gái đang đà liền quay sang tấn công cậu lái xe:

- Anh còn nhớ mặt tôi chứ?

- À, chào... chị...

Giữa lúc tay lái xe của tôi cũng đang tròn mắt lên thì người con gái đau khổ kia đã chìa cả hai bàn tay, tự nhiên cười khảnh khách như người điên:

- Anh lái xe, cái thứ mặt hàng ngoại anh hứa đổi chác với em đâu? Có chỗ nào anh lái xe đi đến được mà đám con gái phe phẩy chúng tôi lại không đến được? Tôi đi theo anh vào tận đây đây! Tôi đang lòng thứ ấy, đời tôi mới hai mươi hai tuổi mà đã khổ sở, mất ăn, mất ngủ vì chưa tìm được cái thứ mặt hàng ngoại ấy đang chôn ở đây, đang để thất lạc trong đất cát, trong cỏ lau ở đây, thật là phí của!

Người con gái lại quay sang tôi sau khi cậu lái xe đã lủi mất:

- Đây là giấy tờ của tôi. Để cho ông tin mà! Còn đây là ảnh của anh ấy chụp chung với tôi ngày anh ấy vào bộ đội.

Người con gái đặt mạnh lên giữa mặt bàn mấy tờ giấy bên cạnh một bức ảnh màu nâu khổ 19 x 12, tôi cầm lấy ngắm nghía hai khuôn mặt rất đẹp, hai mái đầu nghiêng vào nhau, hai cặp mắt tinh anh đầy lòng tin vào cuộc đời đang nhìn về phía trước, hai cái miệng cười sao mà trẻ trung, một hình ảnh hạnh phúc lứa đôi tưởng như tôi đã được nhìn thấy trưng bày ở một cửa hiệu ảnh nào. Hình như người con gái còn định nói gì nữa nhưng rồi lại thôi, chị thần thờ đi trở về bên cây cột buồm ở góc nhà đã mốc trắng vì lâu ngày không có người ở, đứng gục đầu vào cây cột, đưa hai tay ôm mặt khóc nức nở. Tôi nhân danh đoàn trưởng chính sách lấy lời lẽ thân mật và đầy cảm thông động viên một hồi nhưng chẳng một ai bằng lòng trở về. Những người đàn bà vừa van nài tôi quyết liệt đến nước chỉ còn thiếu chấp tay lay hoặc chửi bới, tuyên bố nhất thiết sẽ lộn trái mặt đất lại để giữ ra cái nắm xương của chồng con, vừa đòi được tự lo liệu lấy việc ăn uống, không dám phiền bận đơn vị bộ đội. Ông cha miền Trung giờ ra cho tôi thấy những bao gạo và mấy chai rượu, tôi cũng không biết làm thế nào, đành phải nhượng bộ để họ ở lại.

*

* *

Cô gái mặc áo vàng có một cái tên như con trai: Phi.

Cô lấy tên người tình đã mất. Nhưng cả một băng con trai, con gái bát nháo suốt soát tuổi trên dưới hai mươi lúc nào cũng vui vẻ, nhộn nhạo đang cùng Phi đào bới trong rừng cỏ lau ở đây (mà tôi đoán trong đó ít nhất có đôi ba người cũng là gái buôn bán phe phẩy ở ngã ba) lại thường gọi cô là "Phi Phi". Một cái tên tự đặt, ra đời từ những tâm niệm đầy thiêng liêng của cô nhưng khi ra đến chỗ ngã ba đã trở thành một thứ trò đùa. Nhưng Phi chấp nhận Phi Phi, thậm chí cô còn thấy thích, chỉ đơn giản vì nghe nó nghe ngộ.

Mỗi lần trông thấy Phi Phi tôi lại sực nhớ một lời ông Quảng đã nói với tôi bữa trước. Phải, giá ngày cưới nhau xong, trước khi rời gia đình bỏ Thai ra đi biệt biệt như một người của hành tinh khác, tôi và Thai có một đứa con, thì con chúng tôi bây giờ đã vào lớp tuổi Phi Phi?

Bây giờ đang là đầu tháng bảy ta. Con sông Đồng Vôi ở quãng thượng nguồn này nước chỉ còn lấp xấp mắt cá chân, một thứ nước đục như nước vo gạo có chỗ đặc lệt sệt bởi những vĩa đá phấn bị phân rữa hoà tan vào. Gió Lào như lửa táp réo ù ù chung quanh những hình người đá, đêm đêm trên chỗ nền rừng non một phần tư thế kỷ trước tôi và Thai ngủ đêm lại trong chuyến đi đào sắn, tiếng đàn ghi-ta vẳng trong gió Lào cuốn lá lau bập bùng.

"Em bỗng vùng chạy đến đứng bên anh

"Rồi cười rồi khóc.

"Anh, người chiến sĩ và chiếc áo mưa nắng dãi dầu

"Anh, người chiến sĩ và chiếc mũ mưa nắng bạc màu

Đám thanh niên bá chạt vai nhau ngồi chung quanh một đồng cuốc xèng, xoong chậu, quần áo lao động ướt đẫm mồ hôi. Phi Phi mặc một chiếc áo bờ-lu-dông bộ đội bằng vải bạt còn dính bết những mảng đất, ngồi giữa một bạn gái "phe phẩy" một bên

và người bạn học cũ của Phi một bên, người thanh niên này cười trần phoi hai hàng xương sườn đeo kính trắng, Phi Phi mắt sáng rực nhìn lên vệt trắng non đầu tháng, lão đảo cặp vai như người lên đồng.

"Ngày ấy rồi sẽ đến

"Anh sẽ trở về

"Và khi đó, em nhận ra anh

"Không phải trong thơ, không phải trong mơ.

Thường mỗi lần gặp Phi Phi tôi chỉ muốn tìm cách lẩn tránh. Ai bày đặt ra cuộc giáp mặt này? Chuyện xảy ra không phải tận đâu ra mà ngay ở cái khoảng bờ thành cổ bây giờ nom trống hoác, ngay phía sau hồi nhà ảnh quán của ông Quảng, mà cũng chưa lâu la gì. Mới ba năm về trước. Góc thành hướng đông nam ấy, vào một buổi chiều, tôi đứng dưới vòm hầm "sở chỉ huy mặt trận Thành cổ" đặt dưới tầng hầm cất rượu của dinh tỉnh trưởng cũ ngó lên chỉ thấy khói bụi mù mịt. Lợi dụng lúc một đợt pháo "Phuy-dăng" sát thương người trên đất trắng lẫn pháo khoan bắn từ ngoài hạm tàu Mỹ vừa dứt, tôi cặp chặt chiếc ống nhòm vào nách lao lên, vừa chạy nầm nầm chạy từng quãng ngắn, vừa ngoái nhìn về sau tìm hút câu liên lạc đi theo.

Chẳng thấy bóng dáng hấn đâu cả. Tôi phát cáu nhưng không thể dừng lại được. Đêm ấy tôi có nhiệm vụ tổ chức một trận phản kích đánh thẳng vào giữa đội hình tấn công của địch, giải toả cho mặt thành hướng đông nam có nguy cơ bị địch chiếm mất. Tối nay tôi làm nên chuyện thì tiếng tăm lừng lẫy, không chỉ riêng gì ở cái tắc đất tượng trưng dưới khoảnh trời như cái vung lửa này mà còn chuyển đi xa, lên mặt trận chiến dịch, ra tận Hà Nội, không làm nên chuyện thì chắc chắn phải ở lại hấn với cái tổ chốt mặt thành đông nam với danh nghĩa "tăng cường" mà hứng bom đạn đến rất mật. Luật đời là thế. Từ dinh tỉnh trưởng đã bị đánh san bằng xuống cái tổ chốt hướng đông nam

có lẽ đến ngoài năm trăm thước, khéo gần một cây số. Sau một đợt dừng lại tránh bom ném trên đường đi, tôi chạy trót lọt, chui vào một cái hầm hai ngăn hình chữ Y, bắt đầu nắm quân mới thấy cậu liên lạc thân hình dài như một con rắn trườn vào chỗ tôi đang ngồi gọi điện thoại tới tập đi các nơi.

- Báo cáo phó chính uỷ, tôi đã tới.

Với tâm lý của một người nắm quân sắp vào trận đang định đoạt ai sống ai chết, mà cũng đang định đoạt số phận chính mình, không dễ hấn nói một lời, tôi tát cho hấn một trận kịch liệt rồi hỏi:

- Này, bổ sung vào thành đã lâu chưa.

- Mới hai ngày.

- Tên gì?

- Phi.

- Thi hay Phi.

- Phi.

Tôi thường ngẫm tự hào tôi có cái mẫn cảm đặc biệt đối với những người lính dũng cảm. Tay liên lạc vừa xưng tên xong tôi đã quên khuấy mất ngay nhưng lại lấy làm ung ý thấy hấn không xưng "em" và có phong thái đường hoàng. Những thằng lính như thế này, bề ngoài bộ áo quần đều có cái gì đó bên trong như một con người, không dễ khuất phục, nhưng đánh đấm sáng tạo, bảo một biết mười.

Trận tập kích đêm đó tôi đã toan mang cậu ta đi theo nhưng vì cái tính cẩn thận, tôi không thể mang theo bên mình vào trận một tay liên lạc chưa tin cẩn, mới nhập thành mới có hai ngày. Tôi để hấn ở lại, lấy một cậu tiểu đội trưởng nhiều kinh nghiệm chiến đấu mà tôi quen biết đi theo làm liên lạc cho tôi.

Hai đại đội thuỷ quân lục chiến nguy với quân số đông như kiến mới từ Sài Gòn ra đang chiếm giữ thôn Hành Hoa, lấy những cồn mả lộ nhô ngoài tha ma làm địa lợi bố trí xe tăng

cùng bãi mìn, tổ chức vây ép mạnh vào mặt thành. Một đêm đối với tôi thật là dài, lại sao quá ngắn? Tôi cho trinh sát đặc công luồn sâu vào bất ngờ đánh tanh bành bên trong kết hợp với tấn công mở cửa mở bên ngoài. Chúng tôi làm chủ bãi tha ma nhưng địch đánh pháo rồi dùng xe tăng phản kích. Hai bên giành đi giạt lại suốt đêm cái bãi tha ma Hành Hoa. Đến lúc trời sáng bảnh mắt, tôi phải cho bộ đội rút, nếu không chúng cũng đẩy chúng tôi ra khỏi.

Trận tập kích giải vây thất bại nhưng có phần cũng đúng như đài ta đưa tin: ta luồn sâu vào địch đánh một trận diệt nhiều sinh lực địch. Có điều, đúng như đã dự đoán, tôi được lệnh ở lại "tăng cường" với danh nghĩa chỉ huy trưởng hướng phòng ngự đông nam vừa được tiếp viện thêm nhiều lực lượng.

Hai ba ngày sau tôi vẫn chưa hết cay đắng. Một buổi sáng, trong căn hầm hai ngăn bây giờ là cơ sở chỉ huy của tôi, mấy tay trợ lý công binh, trinh sát pháo binh, hoá học mới đến phối thuộc đang thì thảo bình phẩm về trận tập kích, thậm chí cho đến cả cái thăng liên lạc của tôi mới bổ sung vào thành cũng góp lời ăn tiếng nói vào trận đánh thất bại. Tôi đang ngồi xồm tặn trong xó hầm nói chuyện bằng điện thoại với chính uỷ trung đoàn. Tôi nói, nghe một cách lơ đãng những câu hỏi dồn dập ở đầu dây đang kia, chủ yếu là tôi đang lắng nghe cái tay liên lạc. Tôi thấy ngứa tiết, bởi nghe hần nêu những ý kiến khá trúng.

Chính uỷ, người trưởng của tôi, theo tôi, là một tay đại dát.

- Ông Lực này, - tôi bỗng nghe ở đầu dây bên kia nói, - khoảng bảy giờ tối nay đồng chí lên đây báo cáo mọi mặt tình hình bằng miệng.

Tôi đã chuẩn bị trả lời vỗ mặt rằng nếu chính uỷ trung đoàn muốn nắm rõ hết mọi mặt tình hình thì phải đi xuống một chuyến, nhưng đột nhiên đường dây đứt.

- Cậu gì nhi...

Giận cá bầm thớt, tôi khoát tay về phía cậu liên lạc.

- Đồng chí gọi tôi, tên tôi là Phi.

- Phi này, anh chạy lên dinh tỉnh trưởng báo cáo với chính uỷ: bây giờ tối nay mời ông xuống đây.

- Có thể thôi ạ?

- Thế thôi.

Pháo tăng nửa nổi nửa chìm chôn dọc đường viên tha ma Hành Hoa gần như gác nòng lên mặt thành bắn cày gạch cày gỗ lên. Nó ở quá gần sát nên nó nhìn rõ lắm. Cái thân hình cao dong dong mềm mại như cái anh dân sinh viên thành phố khoác khẩu AK với bốn quả lựu đạn chày gỗ bên lưng áo khua lách cách cú lom khom dưới vòm trần gỗ lướt qua trước mặt tôi. Trong khoảng tối gần hầm đang rung lên bởi những loạt bom nổ bên ngoài, tôi nhìn thấy một bên bầu má của người thanh niên cứ như đang hóp dần vào, cứ như một quả khô héo, khiến cho nửa khuôn mặt chĩa về phía tôi như đang bị một bàn tay làm dị dạng. Ngay lập tức tôi mơ hồ cảm thấy chỉ tí phút nữa cậu ta sẽ chết, còn tôi như một người bị chính mình trói mình, bởi cái mệnh lệnh vô lý vừa ban ra, tôi tức tối chỉ muốn tự cởi trói để vùng chạy đi cứu lấy một cái gì rất mực quý giá.

- Phi, Phi, vào đi!

Tôi nhảy chồm ra gần hầm ngoài gọi giật giọng. Tôi nghĩ rằng người lính có nghe. Anh dừng lại một tích tắc, chân co chân duỗi, hai cẳng chân đến là dài, một chân còn đặt ở bậc cửa hầm, một chân đã dậm lên trên mặt đất. Trong khoảng ánh sáng hình chữ nhật đầy chói chang, bay lơ lửng bụi gạch đục ngầu hiện ra một khuôn mặt đang quay về sau nhìn tôi. Một khuôn mặt quá trẻ, đầy lạnh lùng. Tôi không còn thấy cái khoảng lõm vào đầy dị dạng trên bầu má, trong một tích tắc tôi chỉ nhìn thấy đằng sau cái vẻ mặt lạnh lùng, một ánh mắt trách móc, và đằng sau sự trách móc, một phản ứng tự trọng đầy kiêu hãnh. Người lính

lao vụt ra khỏi hầm...

Hôm trước nhìn trong bức ảnh Phi Phi đưa, tôi đã ngỡ ngợ nhận ra được một phần. Đến bây giờ thì đúng là Phi, người thanh niên ấy.

- Chào bác Lực ạ, gặp bác thật là khó, cho nên chúng con muốn lên chơi phải lên vào giờ ăn. Thật là đến xấu hổ!

- Mời hai anh chị. Công việc đến đâu rồi?

- Chúng con tìm thấy một anh nhưng hàm răng vấu, không phải anh ấy. Nhưng chúng con không nản đâu!

Phi Phi thường kéo theo anh thanh niên gầy gò đeo kính trắng mỗi lần lên chỗ tôi. Anh thanh niên có vẻ học thức, thường ngồi im lặng một cách lễ phép, khi cần mới nói và tỏ ra hết sức xấu hổ mỗi khi thấy Phi Phi ăn nói quá bỗ bã.

- Anh ấy cũng phải đồng ý với con rằng... bác hiền lành mà tốt bụng hiếm có! Tuy hơi già một chút nhưng rất đáng yêu, mà còn "xuân" lắm!

- Ai?

- Bác ấy! Con phải lôi anh ấy cùng đi để đảm bảo con chúng nó khỏi nhầm nháy bảo với nhau rằng là con phải lòng bác, con chài bác.

- Một hôm nay đấy. Bà già vờn thanh niên. Còn các cô gái khoác tay ông già. Con nói thật với bác nhé: có ông trắng non trên đầu làm chứng, giá bây giờ bác thật lòng yêu con...

- Điên rồ vừa chứ Phi Phi - anh thanh niên tròng mắt kính.

Phi Phi im, mặt buồn rười rượi. Rồi lại nói:

- Đời con khổ lắm, bơ vơ lắm! Cha mẹ con bỏ nhau, con cứ nghiệm thấy trong đám mười đứa trẻ hư thì có ba bốn đứa cha mẹ bỏ nhau, hoặc cha mẹ hục hặc. Bác có biết cha mẹ con bỏ nhau vì sao không?

- Vì sao hả cô?

- Cũng vì chiến tranh. Cha con là bộ đội bị giặc Pháp bắt,

mẹ con ở nhà bắt bô với trai. Khi cha con đi tù về, hai anh chị như vợ chồng chầu chuộc trên tàu lá chuối, gỡ cũng không rời nhau ra được nữa.

- Chiến tranh thì có tội tình gì vào đây? - Tôi gác đôi đũa lên miệng bát, hỏi.

- Chiến tranh làm người ta hư đi hơn là làm người ta tốt hơn! - Phi Phi quay sang người thanh niên đeo kính, - anh Phận, anh thường hay nói với em như thế phải không?

Cô gái liền chỉ vào tôi:

- Bác tốt. Ai đến đây cũng bảo thế chứ không phải chỉ có con bảo.

- Cô nhầm rồi đấy. Không khéo cả với đời cô, - tôi buồn rầu trầm ngâm, - tôi cũng là một con người của chiến tranh.

- Trong đời con, con còn thấy một người tốt nữa là dì con. Dì con vốn là người nhà quê nhưng rất xinh đẹp. Khác với nhiều mụ dì ghê mưu mô như yêu tinh, độc ác như quỷ sứ, dì con lại đối xử với con như con đẻ. Dì con cũng đã có một đời chồng bộ đội bị hy sinh.

Tôi chợt dạ đến tái mặt, tìm cách chạy trốn, vội quay sang người thanh niên:

- Anh Phận là bạn của Phi?

- Thừa bác vâng. Ở trong này chúng cháu trước đây có một nhóm chơi với nhau thân lắm.

- Anh Phận bây giờ làm gì?

- Chẳng làm gì đâu, thưa bác, - anh thanh niên ngượng ngịu, - cháu là sinh viên khoa học của đại học Sài Gòn bị địch bắt. Ba mươi tháng tư được giải phóng ra khỏi khám Chí Hoà, bây giờ cháu đang ở nhà...

Thai dắt theo con bé Thơm ra đi, đáp chuyến xe khách chạy ba ngày một chuyến lên các vùng khai hoang, theo một dải đường quân sự làm gấp và bị bỏ dở, có quãng ngắn đã rải sỏi, có quãng chỉ kịp xây cầu, công, mới là một vệt đất bây giờ mọc rậm rạp những rừng cây chớ để. Hai mẹ con xuống xe ở một nhánh đường chữ Y có chiếc cầu gỗ. Thai đứng ngơ ngác một hồi, ngược mắt nhìn lên những tầng núi đá bên tay trái lại cả bên tay phải con đường. Một ông già đội chiếc mũ phớt đã thùng chóp, dúi dúi từ trong mé núi bên trái đi ra, một tay xách con cây hương một tay xách khẩu súng:

- Cụ ạ, - Thai chạy qua chiếc cầu gỗ đến gặp ông già, - cụ chỉ cho cháu đường đi vào vùng núi Đợi.

- Núi Đợi phải không. Nó kia kia! Đi lộn lại một đoạn có cái xác xe cháy thì rẽ. Ở đây người ta không gọi như trước nữa đâu. Chị có hỏi thăm thì chú ý.

- Gọi là gì ạ?

- Phải gọi là vùng núi Tử Sĩ. Chị có biết vì sao có cái xe cháy nằm đó không? Xe chở anh em vào trong vùng núi Đợi để chôn cất. Sáng ngày ra chưa vào đến nơi thì máy bay nó đến...

Thai dắt con đi quay trở lại gần một cây số mới gặp chiếc xe cháy. Người ta đã tháo hết những bộ phận nào có thể tháo gỡ. Một đám đông người đáp chuyến xe cùng hai mẹ con Thai nhưng xuống trước bây giờ lại gặp nhau ở đây. Thai lại đang gặp một cảnh quen thuộc của những hồi còn trẻ đang ở dưới làng. Lại xoong nồi, dao rựa, những chiếc chiếu gập đôi bắt khum trong một bên quang thúng có đứa trẻ mất thao lảo ngồi nhìn ra cảnh núi non đầy lạ lẫm. Hai con chó, một con vàng và một con đen, có lẽ cuồng căng trong lúc ngồi ô tô, đang rượt nhau dọc đường cái. Gia đình nào cũng có người mặc áo lính, không bên này thì

bên kia. Một người đàn bà ngồi bệt bên vệ đường, lục trong một chiếc làn mây lõi ra một chiếc áo lính nguy rần ri cẩu đen mồ hôi, một bên vai phải của tấm áo trần nòng súng cà vào rách xơ được trải lên cái đùi mập mạp vận quần đen, chị lại lục chiếc làn lõi ra một mảnh áo quân phục bộ đội cũng rách nát, lựa một miếng đem úp lên chỗ vai áo rần ri rách. Người đàn bà ngấm ngứa, nghiêng nghiêng mái đầu một lát rồi mới xỏ kim. Ngồi sau lưng người đàn bà là một thằng bé tóc xoăn tít, đen như cột nhà cháy đang ngủ gà ngủ gật, vắn ôm khu khu trong hai bàn tay một cái bát hương. Bỗng thằng bé đổ lăn kên xuống lòng một ông lão già mặt mũi dãn đeo nhưng hai con mắt nhìn ra chung quanh lúc nào cũng tươi cười, đằng sau cổ chiếc áo dạ màu cứt ngựa của ông lão giắt một phong hương đỏ có in hình ông Phật ngồi trên toà sen.

- Chị, - Thai hỏi người đàn bà đang chăm chú vá áo, đoàn khai hoang ta sắp đi vào đâu?

- Vào vùng núi Tử Sĩ. Bà cũng muốn vào trong ấy?

- Vâng. Bà con ta đã đi thăm đất rồi chứ?

- Còn thăm với nom gì nữa! - Ông già nói, cúi xuống rũ rũ cả một mớ cát lẫn chân hương đưa cháu vừa đánh đổ lên tấm áo dạ cứt ngựa. - Chúng tôi đã lên một lần rồi, làm được hai vụ, thậm chí có người đã làm nhà làm cửa trên ấy, dựng rồi lại phải kéo nhau về.

- Sao vậy ạ?

- Không tranh nhau được với cỏ lau.

- Ngày xưa cháu đã từng vỡ đất ở đấy, thấy cũng có gì khó lắm đâu.

- Ngày xưa làm sao bì được với bây giờ. Chị cần phải thấy rằng khi cỏ lau đã được xương thịt người tưới bón...

- Thừa cụ, bà con ta đã bỏ về rồi sao bây giờ lại trở lên?

- À, chẳng những người ta trở lên mà những người chưa lên

lớp này cũng ùn ùn kéo lên. Thật là vui đáo để. Người ta đang đánh nhau vỡ đầu vì tranh giành đất ở trong kia kia. Là bởi vì anh em bộ đội đang cần di chuyển mồ mả. Họ phải dọn hết cỏ lau. Đất cát được lật lên hết. Thế là tranh nhau, chỗ nào có đất đã được dọn hết cỏ lau là người ta lao vào tranh nhau. Người thành phố sống bằng cửa hiệu, còn cái người nông dân chúng tôi sống bằng đất. Mà hòn đất sống bằng cái gì? Đất lại sống được bằng cốt nhục của tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã gửi lại. Cái đất ở trong vùng cỏ lau kia lại còn được tưới bón bằng cốt nhục anh em bộ đội giải phóng. Tội nghiệp anh em đã hy sinh vì nước, lại đem xương thịt tưới bón cho vạt đất khai hoang chúng tôi để cấy lúa, cây sắn mọc. Cho nên bà coi đó, mặc dầu chưa có gì bày cỗ cúng bái nhưng chúng tôi nhà nào cũng mang theo bát hương cùng mấy thẻ hương để đốt lên cho anh em!

Một người đàn ông lùn phún vệt ria đen nhánh, nửa người để trần, ôm trên cánh tay lực lưỡng một con lợn bột, đến ngồi sát bên người đàn bà đang vá áo, quay lại cười cười sau vệt ria:

- Còn cốt nhục đám chúng tôi, họ có thấp hương không?
- Bảo thằng Mỹ nó thấp cho. Nhưng thằng Mỹ không còn ở đây nữa thì tôi cũng thấp. Cả các anh cũng tưới bón cho hòn đất.
- Bộ thì lúc nào cũng hòn đất, hòn đất. Coi hòn đất quý hơn vàng.

- Vậy thì khẩu súng mới là vàng? Ừ thì tôi già tôi lắm cảm, lẩn thẩn. Dưng mà tôi coi các anh cả một lũ đấy, cầm súng bao nhiêu năm giờ lại quay về với hòn đất. Phía bên các anh cũng vậy mà phía bên bộ đội giải phóng cũng vậy.

Anh lính ngự choàng cánh tay lên vai người đàn bà đang vá áo, gân cổ cãi ông lão:

- Tôi chỉ về với mẹ đàn bà này.
- Đàn bà cũng là đất. Phàm cái gì thấm nước, phải có nước mới sống được đều thuộc về thổ, mộc hết. Đấy anh coi, đàn bà

phải chứa đầy nước mắt trong người mới là đàn bà. Đàn bà cũng như đất cát màu mỡ, cây cối tươi tốt. Thanh niên các anh bây giờ mê súng đạn còn như tôi hồi trẻ chỉ có mê gái.

Đường đi vào là một lối mòn của dân đi cắt lau, lượm củi, có quăng đi men theo chân núi đá. Con bé Thơm sau khi nghe chuyện ông lão cứ phải bậm miệng lại để khỏi cười phá lên bởi một ý nghĩ đầy quái gở vừa nảy ra trong cái đầu của nó. Thái cầm tay con đi sau ông lão hay chuyện lúc bấy giờ quay sang hỏi:

- Chị dắt cháu vào trong ấy để làm gì? .

- Dạ, con đi thăm... một người.

- Người chết hay người sống?

- Người sống ạ.

- Vậy thì tôi có lời mừng cho chị. Trông tôi đây này, rưng rưng đã gần hết. Thằng địch bẻ đi mấy chiếc, tự nó già lão rưng đi mấy chiếc. Thèm chui vào đất nhưng ông trời chưa cho. Chao ôi, thời buổi khùng khiếp, mấy đời người mới có một lần. Người trẻ thì chết, toàn hai mươi, mười tám, còn người già thì sống. Vì - đột nhiên ông già gọi thằng cháu đen như cột nhà cháy ôm cái bát hương - đội cái áo này lên đầu kéo nắn. Mày tưởng mày tài chịu nắng hủ? Nó là dòng giống Mỹ châu Phi đó chị ạ. Mẹ nó là con dâu tôi. Còn chồng con dâu tôi, tức là con trai tôi, nó đang ôm cái cặp da đi trên đầu kia kia! Nó bây giờ là chủ tịch xã cơ đấy. Nói giấu gì chị, đến cả tôi cũng phải sợ nó. Nó là thằng cán bộ nằm rưng về - ông lão cầm thẻ hương khoát một vòng ra phía trước, - trong mười mấy gia đình đang đi khai hoang đây, nhà nào chả đào hầm cho nó rúc, nhà nào mà nó chả ăn mòn bát mòn đĩa nhà người ta, có chị lại còn cho nó ngủ. Có người đi tù Côn Lôn, Phú Quốc vì nó. Vậy mà đến bây giờ nó chẳng thương người ta, nó chả thèm đoái hoài đến một ai đang lâm vào cảnh khốn khó. Con mắt nó không còn biết nhìn nữa mà chỉ còn biết quắc lên. Cái miệng nó không còn biết cười nói, mà chỉ còn biết

quát tháo, găm gù. Nó không còn biết thương người. Đến vợ nó bị lính Mỹ da đen hiếp, giá tôi không ra sức can ngăn thì ngày xưa nó đã giết.

- Trời ơi, bây giờ vợ chồng ra sao hở cụ?

- Bây giờ nó có quyền ông chủ tịch, tôi không can ngăn được. Nó đã đuổi đi. Đứa con dâu tôi mới rồi đây đã toan nhảy xuống giếng tự vẫn. Còn nó thì bây giờ, gái cả làng, chủ tịch lấy ai chả được. Nó sắp có vợ mới.

Ông lão bỗng im như hén lát lâu, lại mới nói:

- Nhưng cái cô đẹp nhất làng được nó phải lòng cũng là đứa con gái tử tế, hiền lành. Dưng tôi xem ra cái hạng người ác từ đất mới mọc ra này, cái hạng như thằng con trai tôi, nó cứng nó rắn lắm! Nó có cái tính mê gái nhưng không mê đến quên hết ráo như đám già chúng tôi ngày còn trẻ. Nó mê mà vẫn tỉnh. Là bởi vì nó còn mê quyền lực, mê làm nên chức tước cao hơn. Chị ạ, đời tôi đã chứng kiến bao điều ác. Dưng lần này mới chứng kiến cái ác nó mọc ra từ trong máu, trong thịt mình.

*

* *

Nhóm thanh niên đã đào thấy hài cốt Phi. Họ phải đào một vùng rộng hơn mẫu đất mới tìm thấy. So với tấm sơ đồ vẽ hết sức cẩn thận lấy vật chuẩn là một hình người đàn bà bằng đá công con thì bộ cốt đã xê dịch hàng mấy trăm thước. Hòn đá vẫn đứng đó một chỗ giữa trời không xê dịch, hay là chính Phi đang đi lang thang trong lòng đất? Anh đi tìm gì? - tôi nghĩ một mình, - hay là anh đang đi tìm tôi?

Buổi chiều đó khắp vùng thung lũng cỏ lau có những dải nắng đi qua rặng núi đá lởm chởm có tên là rặng Mành Mành chiếu xuống mặt đất như những thanh chắn song cửa sổ. Khoảng

một trung đội của đoàn chính sách và Phi Phi cùng số bạn bè đứng vây quanh một cái huyệt nhỏ. Chiếc tiểu sành phủ lá quốc kỳ đã được Phi Phi cùng với Phận khiêng đặt xuống huyệt. Thanh niên họ làm cái gì đều được quyết định chóng vánh, đột ngột. Trước đây chỉ một buổi, chúng tôi đã chuẩn bị đưa Phi lên xe về nghĩa trang thì mấy người họ chụm lại trao đổi với nhau điều gì đó. Sau đó Phận chạy đến gặp tôi xin cho Phi cứ nằm lại đây, coi như ngôi mộ riêng. Và họ lại để ngôi mộ cái táng của Phi nằm đúng như trong sơ đồ mộ chí đã vẽ hồi chôn cất.

Nỗi đau mất mát trong lòng người đàn bà lắm khi chả khác nắm cỏ trong dạ dày loài nhai lại. Phi Phi tưởng đã khóc hết nước mắt khi mới nhận được tin Phi mất. Nhưng trong âm thầm, nước mắt lại sinh như con nước sinh, cả trong khi đứng chường mặt ngoài ngã ba, cả trong những lúc cô cười nói, chót nhả, chà hết mọi người, chế nhạo hết mọi người, những giọt nước mắt vừa mặn chát vừa cay chua.

Người con gái cầm vo tròn mảnh vải đỏ trong lòng bàn tay dùng làm khăn lau giọt nước mắt lẫn lộn với đất cát, những ngón tay toẻ ra kê dưới má, hai con mắt như từ một thế giới tâm tưởng xa xôi tận đâu đâu hơi nghiêng nghiêng, hai hàng mi dầm ướt phủ rợp hai lòng con người đắm chiêu, đầy ảo não, hết nhìn xuống cái lỗ khoét trong đất, lại ngược lên nhìn cái vật chuẩn đánh dấu ngôi mộ, một hình người đá công con đứng giữa cái nắng xiên khoai buổi chiều.

- Tôi đại, mới mười tám tuổi chưa có chồng, tôi không dám đẻ con. - Phi Phi kể lẽ chậm rãi, thật thà đến mức thật khó nghe trong những lúc như thế này, vừa nói với mọi người đứng xung quanh, vừa nói với Phi đang nằm trong lòng đất, vừa nói với hình người bằng đá đứng giữa trời. - Người nào cũng bảo tôi là đứa con gái ngỗ nghịch như con trai nhưng kỳ thực tôi lại non gan, sợ người đời chê cười, tôi không dám đẻ đứa con với anh ấy. Tôi đã bí mật đi phá thai ở nhà độc-tò riêng khi anh ấy ra đi mới

được một tháng. Giọt máu anh ấy. Đứa con của anh ấy. Giá còn đứa con của tôi với anh ấy thì cháu nó đã ba tuổi. Giọt máu của anh ấy cho tôi mà tôi lại đem huỷ đi. Tôi thật ngu dại...

Tôi bước lên mấy bước, trong ruột đầy bồn chồn. Những chiếc rễ cỏ lau xoắn xuýt đầy sức sống nằm lẫn lộn trong đất mới được đào lật lên trên cái gờ đất đỏ như máu, đang xông lên mùi ngai ngái, hăng hắc mà người lính đã ngửi suốt đời cầm súng, lúc đào công sự, lúc làm lán ở, lúc ăn lúc ngủ, cho đến khi nằm xuống. Tôi đứng trước mặt Phi Phi. Lúc bấy giờ sau khi sự tỉnh cô cầm lá cờ đã ướt đẫm nước mắt vuột lại cho phẳng, đem trải trở lại trên cái nắp tiểu bằng đất nung già vì thế mà hơi vênh.

Phận đứng sau xóc lại cổ chiếc sơ mi nhàu nát, bẩn thiu. Sau mấy lượt xóc lại cặp kính trắng, Phận "ê hèm, ê hèm" mấy tiếng mà tôi đoán là muốn ra hiệu cho Phi Phi đứng lên. Không khí đã có vẻ lễ nghi trang trọng bắt đầu từ lúc tôi trong bộ quân phục mùa đông với cặp quân hàm ba sao hai gạch trên ve áo, bước lên mấy bước.

- Huệ, Huệ.

Phận gọi tên thật mà không dám gọi cái tên đùa đùa hàng ngày. Mọi người đứng chung quanh đều thấy trên người Phi Phi có một cái gì chương chượng vào lúc này, tôi cũng thấy, đó là mấy tờ giấy bạc kẹp trong cái kẹp tóc cùng với mái tóc cuộn lên một cách cầu thả phía sau đầu, trong lúc xắn quần phạt gốc lau. Cái đuôi tóc cứ vẩy vẩy khiến cho mấy tờ giấy trăm đồng màu đỏ cũng nhảy nhót theo. Chỉ có người đứng ngoài thấy chứ Phi Phi nào có biết gì, cô đang quan tâm với cái nắp tiểu sành không được bằng. Cô cuộn mấy lá lau gấp làm tư làm tám chêm vào, xòe mười ngón tay ấn thử, chiếc nắp tiểu vẫn gõ xuống thành tiểu lạch cạch, cô rút chiếc cặp tóc kéo theo cả mái tóc xổ ra, cầm luôn mấy tờ giấy bạc cùng cái cặp tóc nhét đệm vào.

Tôi đứng im, vừa nhìn Phi Phi vừa nhìn Phi - người liên lạc

của tôi trong khoảng cách thời gian hơn ba năm về trước. Ngày bấy giờ lúc Phi nhảy ra khỏi cái cửa hầm chữ Y một lần nữa tôi hét gọi quay trở lại nhưng đến bấy giờ đạn pháo tăng 57 ly, 37 ly lẫn lưới đạn trọng liên cối xay bốn nòng trên nóc các xe thiết giáp đã chụp lấy Phi. Nó bắn đến ù tai, long óc, nó bắn dày đến nỗi hòn gạch, mẫu gỗ cũng không kịp rơi xuống đất. Cũng không còn là bắn nữa mà đang bằm vằm, đang xé nhỏ cái mặt đất trắng. Tất cả cái lưới lửa đôi đầu với cả một tiểu đoàn chúng tôi đem tập kích bây giờ nó đem chụp xuống đầu một người.

Lúc Phi ngã xuống bị thương nặng có mấy anh em ở trong một chiếc hầm gần đây rất dũng cảm nhảy ra kéo anh xuống hầm. Họ kéo Phi về hầm được nhưng địch nhìn thấy, lại bắn, lại thêm một người bị thương và một người hy sinh. Tôi quyết định nói hết. Phi Phi bằng việc đã làm đã gợi ý cho tôi cần phải nói ra hết tất cả sự thật tôi là một con người của chiến tranh. Không màu mè, không giáo đầu, tôi kể lại vắn tắt nhưng hết sức thật thà, không hề gượng nhẹ một lời nào cho mình tại sao tôi đã giết một con người. Tại sao tôi đã giết Phi người chiến sĩ liên lạc của tôi và ít nhất là thêm một đồng chí của mình nữa ở cái góc thành đông nam. Giá lúc bấy giờ, trước đó chỉ mấy phút, người chiến sĩ khôn ngoan hơn biết mím miệng đừng có góp lời bình luận về trận tập kích thất bại, hoặc bình luận sau lưng mà không nói ra trước mặt tôi như mọi người vẫn làm, hoặc giả anh là một kẻ lính dốt nát chỉ biết tuân lệnh ngoài ra chẳng biết gì, không nói trúng vào những điều tôi đang muốn giấu: trong khi chuẩn bị trận đánh, tôi chỉ có ra lệnh mà không kiểm tra, và nhát gan sợ chết trong một lúc trận đánh quá ác liệt, đã để cho xe tăng địch không chế được cái bãi tha ma, khi mà chúng ồ ạt phản kích vào lúc nửa đêm. Hoặc giả trước đó giữa tôi và người trưởng của tôi, chính uỷ trung đoàn, trong tình thế chiến đấu của đơn vị đầy quyết liệt, chúng tôi không ai để bộc lộ mình ra hết, không để xẩy ra những hục hặc, đòn phép, thậm chí kèn cựa địa vị, lúc bấy

giờ tôi nghĩ rằng chính uỷ lấy cớ tôi được tiếng là xông xáo và am tường quân sự để phái tôi đi tổ chức và chỉ huy trận phản kích là một trò chơi nham hiểm nhằm nhiều mục đích một lúc.

Tôi không kể ra những điều về người chỉ huy. Nhưng tôi nói ra hết những điều về mình: chỉ vì một cơn giận với người khác, lại một chút tư thù đầy nhỏ nhen với người lính mà tôi đã đưa người lính đi vào chỗ chết.

Tôi thấy hai bên má bỏng rát, mắt đỏ hoa. Phi Phi nhảy bổ vào tôi như một con thú đầy giận dữ, giang tay tát tới tấp, vừa tát vừa nguyên rủa: "Thế mà tôi cứ nhầm là ông tốt! Hoá ra mày là kẻ giết người!". Những người lính của tôi cùng cả đám thanh niên thân nhiên đứng nhìn để cho tôi chịu trận một lúc mới ào ào nhảy qua cái huyết lồi Phi Phi ra giữa lúc cô đang gào lên: "Cho tôi mượn khẩu súng. Tôi bắn chết...".

... Tôi ngẩng lên, giật nẩy mình bởi một loạt tiếng lách cách của quy lát thúc viên đạn vào nòng súng. Một tổ ba người lính của bộ phận nghi lễ ăn mặc tề chỉnh không biết từ lúc nào đã đến đứng sắp hàng ngang chỗ cuối huyết đất, ngay trước mặt tôi.

Trợ lý chính trị của đoàn, không biết từ đâu vừa ló ra ghé vào tai tôi: "Làm đi anh!".

Khói nhang đã bay cuộn lên ngào ngạt. Ba người lính nghi lễ ép nòng ba khẩu tiểu liên AK vào hông, đứng thẳng đơ, mặt mũi như tượng. Phi Phi cuống quýt quay trở về chỗ đứng bên một cô bạn gái "phe phẩy", đang vội vã quấn lại mái tóc. Không biết từ lúc nào không khí lễ nghi đã bao trùm lên, làm cứng nhắc mọi nét mặt, cử chỉ.

Trong không khí trang nghiêm và đầy thiêng liêng xúc động, tôi chỉ có quyền được phép ăn nói hành động theo thủ tục nghi lễ. Tôi bất lực không thể quay ngược vòng quay đầy nghiêm ngặt của một cái guồng máy nghi thức đang cuốn theo hết tất cả mọi người. Người đã chết, chẳng thể ngồi dậy dưới huyết để nói lên

sự thật, vậy anh hãy nói lên điều gì để cho người sống nghe thấy yên tâm, mãi mãi ghi nhớ người thân của mình đã ngã xuống vì Tổ quốc, vì nhiệm vụ, vì cuộc sống tốt đẹp ngày mai của người đang sống, hãy đừng làm người sống đau khổ hơn.

Và cả với tôi, điều đó cũng chỉ có lợi. Tôi cuống lên, lục hết các túi. Đáng lẽ công việc này là của phó đoàn Phong. Từ trước đến giờ Phong đã làm quen nhưng hai hai ngày nay Phong lại phải chạy đi khắp các cửa. May sao, đồng chí trợ lý chính trị đã tinh ý tìm cách tuồn cho tôi một bản khác. Đây là một bản điều văn đã được đánh máy sẵn, chỉ cần lấp thêm tên họ, do chính đồng chí trợ lý chính trị của đoàn, người văn hay chữ tốt nổi tiếng soạn thảo đầy công phu.

Lễ cải táng Phi tiến hành theo nghi thức lễ an táng, đặc biệt còn có ba loạt tiểu liên bắn chỉ thiên sau khi tôi đọc điều văn xong và trước khi lấp đất lại.

*
* *

Phi Phi gọi rất khẽ:

- Em, Thơm, chạy ra đây với chị.

Tiếng con bé chúa nghịch lúc này đang thì thầm:

- Mẹ em đang ở trong này.

- Không được vào đấy, em chạy ra đây với chị.

Tôi nghe tiếng bước chân con bé dậm trên vạt đất đầy sỏi lồm, mãi còn nghe loáng thoáng:

- Ở đây là đâu hả chị Huệ?

- Vùng núi Đọi, người ta hay gọi vậy.

- Núi gì mà lấm núi trông như hình người. Vậy chị làm gì ở đây.

- Chị... chơi...

- Vậy thì chị Huệ cho em ở đây chơi với chị.

- Không nên đâu... em phải chơi... những nơi khác.

Vừa mới đến từ chiều đến giờ mà đã hai lần Thai gục vào tôi khóc dầm dứ, nhắc lại cái đêm Thai cùng ông già tôi và thằng Hệ, nửa đêm đi ăn trộm cái xác của tôi ngoài sông Đồng Vôi về.

Tôi hỏi thăm về cái chết của thằng Hệ, được biết rõ hơn những năm chiến đấu giữa vùng sâu đầy dưng cảm thắm lặng, nhưng chẳng bao giờ thấy đài phát thanh hay báo chí nói đến trung đội du kích thoát ly của thôn Đồng Vôi chúng tôi.

- Anh Lực ạ, em đã nói cho cha biết là anh có thể... hãy đang còn sống.

- Ông già anh có bảo gì không?

- Cha khóc.

- Coi chừng ông già anh có tin không?

- Không. Cha bảo: hồi nào mà cũng cứ nằm mê thấy nó rồi tưởng thật.

Tôi bùi ngùi nhớ ông già tôi lâu nay đang ở với vợ chồng Thai dưới cái thị trấn Thành cổ.

- Sau đây rồi em tìm cách nào đưa ông già anh lên đây với anh. Tội nghiệp...

- Anh hãy về gặp cha anh ở nhà em dưới phố. Cha già nua bắt cha lên đây làm gì.

Tôi không muốn nói cho Thai biết ông Quảng đã lên gặp tôi và có cuộc nói chuyện trên khu nghĩa trang, chỉ hỏi Thai một cách vui vẻ:

- Còn đứa con gái rất thông minh của em đã mách với em những gì.

- Anh không biết chứ, - Thai bỗng cười, - nó thuộc tên nữa

thị trấn, quen hết các bà hàng quà bánh. Hôm ấy em ở chợ về là nó thuật lại tỉ mỉ hết, không những tường thuật mà lại còn bình luận. Nó kể nó đã dẫn anh ra ngồi mộ anh với mộ chú Hệ như thế nào, rồi anh không dám dẫn nó vào chợ thế nào.

- Nhưng còn em, em có tin là anh còn sống không?

- Là thật, lúc nào em cũng cứ tưởng như anh hãy còn sống. Suốt bao nhiêu chục năm rồi như vậy. Em vẫn sống với anh, nhưng lúc sáng ngày bước chân ra đi, em lại chỉ phấp phỏng hy vọng một đôi chút nào thôi.

Chiều nay, lúc chúng tôi ở đám cải táng cho Phi ra, cậu trợ lý chính trị đang đứng bên tôi bỗng đưa tay chỉ về phía trước:

- Lại thêm một người đàn bà dắt con đến kìa!

Tôi ngược lên thấy một người đàn bà mặt mũi trắng nhợt, đã thất thần đi như chạy về phía tôi, tôi cũng thất sắc nhận ngay ra Thai. Tự nhiên Thai buông tay con bé, miệng cứ há ra, lão đảo, hai chân riu lại như tự nhiên bị trói. Giữa sự ngạc nhiên của mọi người và cũng chẳng còn thiết nghĩ đến ý tứ, tôi chạy tới bế ngang người Thai, một tay đưa ra bế con bé lại gần. Cái con bé Thơm sợ quá đã suýt khóc.

Đến bây giờ chúng tôi đang ngồi sát bên nhau trên một đồng cỏ lau phơi nắng đã héo rũ bên bờ con sông Đồng Vôi mà mùa khô đã vắt kiệt đến giọt nước cuối cùng, đáy sông trơ ra. Tôi đưa mắt nhìn dọc chân dãy núi đá phần tìm cái hòn đá hai mươi bốn năm về trước tôi đã cột dây neo thuyền. Trăng đầu tháng mọc phía sau lưng hình người đàn bà bằng đá từ lúc mặt trời lặn, tôi ngược nhìn lên một chiếc thuyền vàng đi tròn trành giữa nền trời. Dưới trăng đám thanh niên đang hát. Đêm nay, Phận cùng nhóm bạn chơi thân với Phi ngày trước cùng các cô bạn gái "phe phẩy" của Phi Phi đang ngồi với nhau một đêm cuối cùng. Ngày mai tất cả họ sẽ từ biệt Phi ở lại đây và từ biệt lẫn nhau, mỗi người đi một ngã. Tiếng hát lẫn tiếng đàn bập bùng.

"Điều đó sẽ xảy ra

"Em biết và anh biết

"Một mai anh chiến thắng trở về.

"Làn da sạm màu sương gió.

"Em bỗng vùng chạy đến bên anh

"Rồi cười rồi khóc.

"Anh, người chiến sĩ và chiếc áo mưa nắng dãi dầu.

"Anh, người chiến sĩ mái tóc sương và gió bạc màu.

Thai đứng dậy cầm tay tôi dắt đi giữa lòng con sông Đồng Vôi ở cái khúc thượng nguồn, tưởng như chúng tôi cứ thế đi suốt đêm sẽ về đến làng. Hai mươi bốn năm, cả tôi và Thai đều đã già. Chúng tôi đánh mất nhau suốt cả một thời trẻ tuổi, nhưng trừ phi kẻ sống người chết, bây giờ gặp nhau chúng tôi không thể nào quen được trông thấy mỗi người có một cuộc đời khác. Chúng tôi vẫn còn yêu nhau. Tôi không dám nghĩ đến ngày mai Thai lại trở về với gia đình. Tôi biết rằng chỉ có người đàn bà đang đi bên cạnh, giữa đáy con sông khô này mới có thể xoa dịu bao nhiêu vết thương mà chiến tranh đã để lại trong lòng tôi. Hồi này tôi không ngủ được. Mỗi đêm là một chuyện tự thú, Thai quay sang tôi, vẫn hai con mắt đẹp nồng nàn:

- Anh Lực ạ, anh nghĩ thế nào cho em hả anh?

- Không thể được đâu em ạ. Em không thể bỏ con, bỏ gia đình.

- Em sẽ van xin anh ấy cho em được nuôi nấng mấy đứa con em. Anh ấy thương cho thì được, bằng không em cũng tay trắng trở về với anh. Vót vát mấy năm tuổi già, em sống với anh.

- Anh liệu ông ta không thuận đâu Thai ạ.

- Thuận thì khó thuận. Quá lắm thì em quỳ xuống lạy anh ấy... xin cho em trở về với anh.

Tôi cầm tay Thai dắt đi quay trở lại. Tôi nhìn đăm đăm một ngọn đèn của gia đình ai vừa thấp trong ngôi nhà đất của những người đi khai hoang. Tôi đi sát vào Thai, tìm lại hơi thở cũ, lại

tìm một chỗ trú nấp cho linh hồn mình, vẫn biết một cách đau đớn rằng cuộc sống đã an bài, Thai chẳng dễ thay đổi được hoàn cảnh. Và rồi cuối cùng giữa những hình người đàn bà bằng đá đầy cô đơn giữa trời xanh đứng nhìn xuống một vùng thung lũng đất đai được tưới bón đã trở nên phì nhiêu, có một người lính già sống suốt đời ở đây cùng với một ông bố, trồng sắn, gieo lúa trên một vạt đất chỉ có một ngôi mộ, thỉnh thoảng một mình chèo một chiếc thuyền gỗ xuôi sông Đồng Vôi về làng chơi.

Tôi lại nghe tiếng Phi Phi sau một lùm cỏ lau:

- Em. Thơm, chạy ra đây với chị nào.

Tiếng con bé nghịch ngợm lúc này đang reo âm ỹ:

- Chị Huệ lại đây. Em tìm được mạ em đây rồi.

11-1987

MÙA TRÁI CỐC Ở MIỀN NAM

Một buổi trưa Sài Gòn nắng chói chang, điếc tai vì tiếng xe gắn máy của một ngày đầu tháng năm 1975, đồng chí liên lạc phòng chính trị dẫn về chỗ nhà khách của sư đoàn một bà sư già.

Bà trạc gần sáu mươi, mặc tấm áo dài nâu may bằng vải thô, thứ vải dệt bằng khung cửi thủ công mà cho đến cả các nhà tu hành ngoài miền Bắc cũng không còn thấy ai mặc, nếu còn hoạ chăng là ở các ngôi chùa hẻo lánh những xứ miền Trung.

Sư già xách một cái làn nhựa chất đầy bánh gói lá và trái cây. Đồng chí liên lạc đưa bà vào một gian bên cạnh gian của tôi. Tôi đang nằm tranh thủ đọc cả một đồng giấy má rất linh tinh lẫn cả tài liệu mật địch vứt bỏ lại. Tôi không khỏi buồn cười nghe ở bên kia đồng chí liên lạc trong khi ngồi nán lại chơi, chuyện cứ ào ào lại còn gọi vị khách là "bầm", đúng là một anh bộ đội dân miền Bắc đi vào Nam đánh giặc lâu năm đang nhớ nhà, "Làng con ý à!" chốc chốc người lính lại xuýt xoa.

- Bây giờ bầm nghỉ tạm lại đây. Con đi báo cơm cho bầm. Ăn cơm rồi bầm ngủ một giấc đến hai giờ chiều có xe đưa một đồng chí nhà báo hiện đang ở gian bên kia xuống chỗ thủ trưởng Toàn. Bầm đi cùng một thể.

- Con, con đúng là con của cách mạng. Bầm cứ muốn ngồi bên con mãi mãi. Không biết sau này bầm lại có được gặp con nữa không?

Đọc nhiều đã thấy mỗi mắt và lại dù là những tài liệu quý, tôi vẫn thích bỏ đấy đi ra ngoài ngắm nghía một chút cho thư thái. Tôi bước sang phòng bên giữa lúc người khách và đồng chí liên lạc đang giằng co với nhau trước một bọc quà gói vội và trong tờ giấy báo mà đồng chí liên lạc nhất định không cầm.

Vài phút sau tôi được biết vị khách mới đến là mẹ người chỉ huy tiểu đoàn 7, đơn vị chiều nay xe sư đoàn đưa tôi đến.

- Thưa ông là nhà báo ở ngoài Hà Nội mới vào?

- Vâng, - tôi đáp, bất chợt nhận thấy ở trong con mắt người đàn bà tu hành một ánh nhìn đầy cầu khẩn hướng vào tôi rồi lại hướng vào khoảng không đâu đó, hai bàn tay khê xoa vuốt trên mặt chiếc bàn quân dụng bằng đuya-ra. Tôi chưa tìm được câu gì để trấn an về lúng túng của bà thì đôi mắt cầu khẩn đã dừng cái nhìn trên đôi bàn tay gầy guộc vừa đặt úp lên nhau.

- Ông ạ, trông tôi thế này nhưng tôi cũng là con gái Hà Nội.

- Vị sư già có lẽ nhận thấy mình trở nên cởi mở quá bỗng bật trước một người lạ mới gặp cho nên bà im lặng, thái độ dè dặt và ý tứ, lại khép mình trong cái về nhà tu.

- Tôi chắc bà... sư bà đang nhớ Hà Nội, - tôi liền tỏ hồ hởi, cởi mở, - tôi là bộ đội nhưng cũng hay được sống với gia đình ở Hà Nội. Trước kia gia đình ta ở phố nào ạ?

- Ban đầu ở ngoài bờ sông rồi sau vào trong phố nhưng chúng tôi toàn ở các phố nhà tranh, nhà lá tận ngoài các đầu ô. Tôi là con gái nhà nghèo, đến khi lấy chồng lại càng nghèo, vợ chồng làm quần quật mà sao vẫn cứ nghèo. Cái xứ ngoài Bắc của mình... ông còn lạ gì. Chắc hẳn là bây giờ nhờ cách mạng đã khác đi nhiều rồi. Nói ra chắc ông cũng chẳng cười, chúng tôi sinh một mụn con cũng phải đem cho đi vào cái năm đói chết hai triệu người đã chép vào sách. Lúc đó cháu mới lên ba... Ông ạ, gia đình cha mẹ tôi xưa kia vốn đi đạo, nghĩa là theo Thiên chúa giáo, đời ông bà sang tới đời cha mẹ tôi đều là người ngoan

đạo Thiên chúa. Tôi cũng vậy, từ bé đã chăm đọc kinh, đã thuộc nhiều kinh bốn.

Vị sư già tự nhiên hỏi tôi:

- Tôi có làm mất thì giờ của ông không?

- Không, không đâu, - tôi vội vã thật thà đáp, - chính tôi đang muốn được nghe chuyện đời của sư bà.

- Chẳng có đức Xêxu hay đức Thích ca nào cứu vớt được con người khỏi khổ khỏi nhục ở đời, cũng chẳng thể làm cho con người ta khỏi mắc vào vòng tội lỗi.

- Thừa bà, - tôi thốt lên rất dè dặt, bà cũng nói thế sao?

- Tất nhiên, nghĩ như thế, một người tu hành như tôi... đáng ra không nên sống nữa. Nhưng mà... chỉ mấy ngày hôm nay, phải, chỉ mấy ngày nay thôi, tôi chợt nảy ra một cái hy vọng: chỉ có thứ tôn giáo của các ông là có thể cứu vớt được cuộc đời này.

- Nhưng thưa bà, chúng tôi đâu có phải là một thứ tôn giáo.

- Xin lỗi, tôi xin lỗi... bà sư tỏ vẻ sợ - mới hôm qua, ở bến xe đò vô Sài Gòn tôi cũng đã làm phật lòng một người bộ đội giải phóng vì đã gọi là "Việt cộng". Thật là tôi có lỗi.

- Chẳng hề gì, xin bà yên tâm, thực ra chỉ là tên gọi bề ngoài. Chẳng có gì đâu thưa bà.

- Vậy là ông đã rộng bụng. Tôi nương nhờ cửa nhà Phật, cho nên vẫn hằng nghe kinh Phật dạy chỉ có rộng bụng mới biết tha thứ. Tôi nhận thấy mấy ngày nay cả ở các vùng quê lẫn Sài Gòn đều yên cả. Hình như có một ý đồ cao cả đầy mâu nhiệm đang ở tận ngoài Hà Nội đã ban ra cái chủ trương sáng suốt này. Thế là cái sự trả thù và tắm máu đã không có. Cái sự tận thế đã không có. Bao nhiêu năm ở trong này chúng tôi chờ đợi cái điều khủng khiếp này. Ông ạ, lên năm tuổi tôi đã biết chấp tay ngược mắt nhìn lên Đức Chúa trời mà ngấm nguyện, bây giờ về già thì ngày đêm tụng kinh gõ mõ trước bàn thờ Đức Phật tổ... Còn mấy ngày hôm nay, tôi ngược nhìn lên các ông. Ông đừng nghĩ rằng một

người già tu hành muốn xu nịnh lấy lòng các ông, tôi biết, trong khi tha thứ, các ông đã phải tự kiềm chế sự hận thù trong lòng các ông, chắc là các ông phải tự kiềm mình nhiều lắm... Phải, cái sự tha thứ này thật lớn, thật là rộng khắp nhưng tôi cũng xin nói thật, lòng quảng đại của các ông thật rộng rãi nhưng người ta đồn rằng tuy các ông không chém giết nhưng các ông đã phá phách nhiều quá!

- Chúng tôi không chủ trương như thế đâu, - tôi kêu lên.

- Thế hả ông. Tôi không được biết mà! Ra đây chỉ là lời đồn không có sự thực.

Chiều hôm ấy cũng như nhiều buổi chiều mùa hè ở Sài Gòn trời đổ mưa đột ngột. Cả thành phố đang đông nghịt, hồi hả, cuộn cuộn đến sôi sục thoát nhuộm màu vàng khé rồi tối lơ mơ như vừa được nhúng trong nước đá quý, thế rồi tiếng mưa từ rừng xanh thật xa với những tiếng kêu ồ ồ gọi lên bước đi thần tốc đầy bạo liệt của đạo quân, từng khối nước đổ ập xuống từng khối nhà chọc trời, lá vàng chen lẫn lá xanh trước khi chịu nằm dán vào lòng đường hoặc bị cuốn trôi trong dòng nước đục ngầu, nóng hổi ở hai bên vệ đường đã kịp về một đường rơi cứ sáng ánh lên, lúng liếng giữa không trung.

Chiếc Phi-át màu sữa bốn chỗ ngồi do một người lái xe ăn mặc dân sự lái đưa chúng tôi ra khỏi doanh trại sư đoàn đầy sang trọng, trong tiếng mưa gõ ầm ầm bên ngoài lớp kính dày.

Ngoài bà già nữ tu và tôi, cùng ngồi trên chuyến xe còn một ông bác sĩ của phòng quân y sư đoàn vui tính và to lớn như hộ pháp, tự xưng bản quán ngoại thành Hải Phòng. Và Phác, người mà tôi có dịp sống chung với nhau ở gian phòng khách trên sư đoàn, là một đại đội phó của Dê 7 đồng thời một quân nhân đào ngũ tự động bỏ đơn vị về Sài Gòn đi chơi, cũng là người đang được sư đoàn đề nghị phong anh hùng trong trận đánh trưa ngày 30 tháng 4, người mở cửa mở cho tiểu đoàn 7 và cả cái sư

đoàn vinh quang này tràn vào chiếm được căn cứ "Con nhím" trước 12 giờ trưa, đúng như quy định hiệp đồng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Khứu giác nghề nghiệp mách bảo cho tôi biết chuyển đi xuống Dê 7 trong buổi mưa giông này hứa hẹn nhiều bất ngờ. Mấy ngày nằm nán ná lại trên nhà khách tôi đã có dịp làm quen với Phác. Tôi đã tích lũy được ít nhiều kinh nghiệm trong nhiều chuyến đi thực tế xuống đơn vị trong chiến tranh để bù vào cái tính chúa lười của mình: tôi nghiệm thấy chung quanh chúng ta cuộc sống bao giờ cũng tàn mạn nhưng bao giờ cũng có những người như tụ điểm của đời sống. Những con người ấy bao giờ cũng quyền rũ tôi đi theo bằng một sức mạnh bí ẩn. Không biết trời xui đất khiến thế nào sau khi đi dạo chơi Sài Gòn đến chán chân, Phác lại tạt vào cái nhà khách của sư đoàn nằm giữa thành phố. Chả biết nên nói Phác vợ được tôi hay tôi vợ được anh, chỉ biết chúng tôi đã "đấu hót" hết chuyện trên rừng đến chuyện dưới biển, thấy chịu chuyện và chịu được nhau. Riêng tôi, thú thật, lấy làm kiêu hãnh vô cùng, với Phác, với cái thứ lính này, từ máu lửa, từ chiến trận vừa bước ra, đập đầu vào đá không chết, nó đã chịu ngồi hết đêm với mình để trò chuyện, cái thứ nhà báo lâu nay bọc giấy bóng kính nghe tin giải phóng Sài Gòn mới hồi hả đáp máy bay vào, tức là mình cũng còn có một cái gì.

Ở nhà khách, ngay hôm đầu tiên mới đến Phác đã được triệu lên bộ chỉ huy sư đoàn. Anh cầm về mấy tờ giấy và một cây bút, nói với tôi rằng anh phải viết tờ tự kiểm điểm, mặt khác tôi lại thấy việc bắt Phác làm tự kiểm điểm có vẻ người ta cũng chỉ làm chiếu lệ và nghe đầu sư đoàn ra quyết định điều Phác về trên này.

Ngay ở nhà khách, Phác cũng đi suốt ngày, hiếm khi có mặt ở nhà: la cà thăm thú bạn bè chiến hữu khắp sư đoàn, những thắng bạn mới hôm qua còn đánh quần xà lỏn ở lán trên rừng.

Trở về, Phác nghỉ ở chiếc giường cá nhân bằng sắt sơn trắng như giường bệnh viện kê áp tường, cách giường tôi hai giường bỏ trống. Thường đi đến gần trưa về bao giờ Phác cũng lột tấm sơ mi quân phục tua tủa những sợi dây đeo nguy trang ra cầm tay, rồi anh đưa bàn tay mà tôi thấy lúc nào cũng còm cộm lên một cuộn băng cá nhân xoa xoa hàng xương sườn bọc trong làn da sứt rết màu đất xám ngoét, hàm răng nhe về phía tôi, tôi thấy trong cái cười hơi chế giễu của hắn ngầm chứa một lời nói với tôi: "Anh đến chết chìm trong chữ nghĩa mất thôi, nhưng xin mời, xin mời... anh tự nhiên, anh cứ tiếp tục nằm đọc...".

Chỉ khi đi đến bên chiếc giường sắt của mình, vứt chiếc áo lên giường, tôi mới thấy hắn quay về sau hỏi:

- Sáng nay có đưa nào đến hỏi em không?
- Vô thiên ứng, - tôi vui vẻ thông báo.

Phác ý tứ không hỏi gì thêm, lẳng lặng rút dưới chiếu nằm ra hai tờ giấy khổ lớn kẻ dòng sẵn, trên mỗi tờ lổm ngổm bô như cua khoảng mười dòng chữ. Hắn đang soát lại bản tự kiểm điểm lần bản khai thành tích chiến đấu ngày 30 tháng Tư nhưng chưa đọc xong vài hàng thì bạn bè đã kéo đến. Thằng băng tay, thằng buộc trán, có thằng chân đang bó bột cũng chống nạng nhảy lò cò trên nền gạch hoa, nhưng đa số vẫn lành lặn. Họ làm ồn cả cái nhà khách, tự giễu cột mình và giễu cột lẫn nhau trước văn minh Sài Gòn, khắc hoạ chân dung một vài cán bộ trong sư đoàn, quân đoàn bằng giọng nửa đùa nửa thật. Đây là đám lính của D7, cũng có một số ngoài D7, ngoài cả sư đoàn, mấy thằng bị thương phần lớn là lính của Phác hiện đang nằm ở nhà trạm xá sư đoàn gần bên cạnh nhà khách. Trong những cuộc gặp gỡ đoàn viên đầy chay tịnh của người lính ngay sau mấy ngày đại thắng như vậy giữa đất Sài Gòn, không hiểu sao tôi cứ nhớ mãi Phác bao giờ cũng là con người trung tâm nhưng anh nói rất ít. Có một lần kiểm được ở đâu nửa chai rượu Napoléon uống dở họ nhăm nháp khan với nhau rồi ngồi đăm chiêu cả một lũ. Nhờ

nghe hóng tôi biết được ỏi chuyện, tôi biết cả trong và sau trận đánh lịch sử cuối cùng ấy đã chứa đựng biết bao chuyện thật và chuyện giả dối đến mức đau lòng. Cái sự thật nghiệt ngã sẽ lắng đọng lại mãi mãi trong trí nhớ những thằng lính đang ngồi với tôi đây nhưng nay mai mỗi đứa một ngã, còn lịch sử viết thành văn bao giờ cũng trang trọng và sạch sẽ.

Chúng tôi đã chạy ra Sài Gòn. Mưa lớn và sấm chớp sáng loè trên những cánh đồng miền Nam. Khoát, ông bác sĩ hộ pháp tỏ ra đặc biệt trọng nề Phác. Không những to người, mặt ông cũng to, tròn vành vạnh, da mặt dày và đỏ au, vừa cười ồm ồm vừa cho tôi biết ông có nhiệm vụ xuống D7 để xem xét một chứng bệnh của "đám lính ở dưới ấy".

- Chắc là đám quân nguy chúng nó ngày trước, trước khi chịu thua ở "Con nhím" đã có dấu ở chỗ nào đó trong vị trí một thứ chất ở thể hơi rất lâu tan. Chỉ mấy ngày qua lính tiểu đoàn 7 chỉ buồn ngủ.

Trong khi Khoát nói với chúng tôi những câu ấy thì chính Phác cũng đang ngủ ngà ngủ gật trên đệm xe, nhưng anh đã lập tức tỉnh dậy.

- Phiều!

Bác sĩ Khoát quay cái mặt như một cái đĩa lớn bằng đất nung về phía Phác, cười cười:

- Cái gì?

- Phiều, thế mà cũng nói được. Vứt mẹ nó cái bằng bác sĩ đi!

- Thằng khùng dở hơi! Khoát âu yếm lại nhìn Phác cười cười.

- Thưa các ông, hay là tại chống nước? Vị sư nữ già quay lại hỏi, giọng thành thực quan tâm và lo lắng.

Trước khi ra đi cùng chúng tôi, vị sư đã kịp thay bộ quần áo nâu của nhà chùa bằng quần áo dân thường. Một chiếc áo cánh màu gạch mặt bên trong tấm áo dài tứ thân màu đất, đầu trùm

khăn đen, giải khăn nhưng cũng màu đen vẫn xuề xoà phía trong để lộ ra những lọn tóc ở sau gáy và cả cái đuôi tóc màu muối tiêu.

Mặc dầu màu muối tiêu nhưng bộ tóc giả mà bà mới vẫn thêm trên cái đầu trọc khiến tôi ban đầu thấy hơi khó coi, có cái gì giả giả khi tôi đã biết bà là một sư nữ.

Cách vị trí "Con nhím" chừng vài trăm thước, người lái xe cho dừng xe tạt vào một cái quán để mua gói thuốc lá. Trong tiếng mưa đổ ào ào tôi chợt nghe những tiếng "một hai" từ bên trong "Con nhím" vẳng đưa ra, tôi hơi ngạc nhiên, tưởng đang đứng trước một doanh trại của một đơn vị bộ đội tân binh ở ngoài bắc. Vài phút sau xe chúng tôi dừng trước cổng vị trí "Con nhím" xây khá đồ sộ, vẫn là lối kiến trúc Mỹ, hết sức đơn giản, thấp, tuyền một màu xám. Đây là một vị trí lớn, vào những năm trước thời kỳ Việt Nam hoá là doanh trại hậu cứ của một trung đoàn Mỹ, về sau được bàn giao cho nguy gần như nguyên vẹn. Nhìn qua cổng gác, tôi thấy những khu nhà một tầng mái tôn vòm sáng loáng, tường quét vôi xám đứng giữa có những trệt cỏ xanh. Chung quanh bốn bề, những dải hàng rào dây thép gai cứ bát ngát, xen vào giữa có những ụ súng nửa nổi nửa chìm có thể bắn quét sát mặt đất. Bằng con mắt quân sự lèm nhèm của một anh nhà báo, tôi cũng tạm hiểu được rằng mở được một cái cửa mở xuyên qua hệ thống hàng rào ngoại vi mệnh mông kia thật chả khác lối qua biển lửa. Chả trách mà đại đội của Phác đã chịu thương vong nhiều đến thế và cả sư đoàn coi Phác như một người mở đường. Phác đổ người về phía tôi, nhưu mày nhìn qua kính xe:

- Thời thẳng Mỹ ngày xưa cái cổng này ban ngày vẫn mở.

Tôi nhìn cái cổng doanh trại, lấy làm lạ quá!

Lối ra vào cổng, cả lối cho xe ra vào ở giữa cũng như lối hai bên bây giờ đã bị bịt kín bằng những chiếc cự mã làm bằng

những cuộn dây thép gai, y như một bày nhím khổng lồ đang giương lông lên trước mũi xe chúng tôi. Một chiến sĩ cầm súng đứng trong góc gác cũ bằng sắt dày năm ly, sơn loang lổ kiểu da báo, kiểu góc gác này có thể cản đạn súng trường bắn từ xa.

Người lái xe của chúng tôi đưa trình giấy nhưng đồng chí gác đã xua tay, ra lệnh cho chúng tôi tắt cả ra khỏi xe, nhìn kỹ mặt mũi và soát giấy từng người rồi khoác súng ra sau lưng chạy đến ạch lối mấy chiếc cự mã ở lối ra vào bên trái. Ba người đàn ông chúng tôi cũng phải xúm vào mới mở thông được lối đi vào trong trại. Làm xong công việc dễ mất đến hai mươi phút. Chúng tôi y như đang đứng trước lối vào trại binh của một bộ lạc thời trung cổ, người nào người nấy đều bị ướt, và mệt lử.

Người lính lễ phép lần lượt xưng tên mời tôi, bác sĩ Khoát rồi mới đến Phác, lần lượt đi vào.

- Đồng chí! - ba chúng tôi vẫn đứng nguyên tại chỗ, hỏi đồng chí gác. - Thế còn bà đây?

- Mời bà ngồi vào trong xe kéo ướt, - đồng chí gác nói với bà khách rồi quay sang ba chúng tôi. - Tiểu đoàn trưởng Toàn đã ra lệnh: dân không được vào trong doanh trại.

- Nhưng bà đây là mẹ đồng chí Toàn, - tôi nói với vẻ đắc thắng, - trưa nay bà đã được phép nghỉ trên nhà khách sư đoàn.

- Các đồng chí cứ vào trước, - người lính dàn xếp, - và các đồng chí nói thủ trưởng Toàn có bà mẹ tới.

- Chẳng lẽ góc gác không có điện thoại?

- Có nhưng vừa mới cắt, thủ trưởng Toàn không cho mắc.

Tôi khoác chiếc túi hành lý lên vai, chạy đến bên cửa trước chiếc Phi-át vẫn phải đỗ lại bên ngoài cổng gác:

- Thưa bà, bà đợi cho một lát.

- Không hề sao, - bà khách xuýt xoa, - ông ướt hết rồi kìa, ông đừng bận tâm nhiều. Tôi được ngồi đợi trong xe thế này đã tốt quá!

Tôi theo Phác và bác sĩ Khoát. Một con đường trải nhựa dài thăm thẳm. Không cần để mắt quan sát nhiều cũng có thể nhận ra vết tích trận đánh của quân ta vào đây vẫn còn ngổn ngang như chưa hề được dọn dẹp. Khắp các mặt đường lỗ chỗ vết đạn bắn thẳng lẫn vết chém của mảnh đạn pháo. Kề sát bên hông một ngôi nhà thờ Tin Lành xinh nhỏ quét vôi trắng có một khung cửa sắt sơn màu cánh gián bị phá vỡ toang hoác, để lộ một khoảng đen ngòm sâu hun hút phía trong, lửa bộc phá để lại một vết đất cháy nửa đen nửa vàng mách cho tôi biết đây là một cái cửa hầm ngầm. Từ bên một góc tường vắng vẻ hiện ra một con chó tây lông màu gio to lớn nhưng gầy trơ xương đang ngược hai con mắt đầy sầu não nhìn những khối người ăn mặc áo xanh có dính dây đeo nguy trang đang đi đi lại lại dưới trời mưa, thỉnh thoảng lại đồng thanh:

"Một, hai!" "Một, hai!"

Chẳng riêng con chó Tây mà chính cả tôi cũng không thể nào hiểu nổi.

- Những trò vè này là nghĩa thế nào? Tôi hỏi Phác.

- Anh không nhìn thấy ư? - Phác bỗng nhe răng cười. - Bài tập đi đều! Tay Toàn mới về đang bắt anh em tập đi đều.

Dù trời cho tôi một óc có thể tưởng tượng ra toàn là những chuyện phi lý tuyệt trần đến đâu cũng không thể tưởng tượng ra nổi cái cảnh này, trong một vị trí địch vừa chiếm được mới dăm hôm. Mặt đất còn ngổn ngang. Thậm chí xác lính nguy chưa được thu nhặt hết những người lính giải phóng vừa chiến thắng đang luyện tập khoa mục đi đều, dưới trời mưa!

Tôi dôi mắt nhìn qua màn nước. Trên các lối đi rải nhựa chạy ngang dọc trong vị trí "Con nhím", chỗ nào cũng có những tốp bộ đội quần áo ướt, đầu trần, đang đồng loạt nhấc cao chân và đánh ngang cánh tay. Thỉnh thoảng ở một tốp tiếng hát nổi lên: "Hành quân xa dẫu qua nhiều gian khổ. Vai vác nặng..."

tiếng hát đầy buồn bã, ông chẳng bà chuộc của một đám người lao dịch khổ sai.

Từ đằng xa. Đi chéo qua một vuông cỏ có một vài khoảng vàng héo như bị cháy, một dáng người cao cao với những bước chân khoáng đạt đang đi vội vã về phía tôi.

Bác sĩ Khoát đi trước tôi quay lại nói nhỏ:

- Tay Toàn "bàn tay sắt"... trông điệu này chắc hẳn đã được báo có nhà báo đến.

Phác lôi chiếc túi mìn cỡ lê mo đeo chéo qua vai ra xách lưng lẳng trên tay:

- Hẳn sẽ nghênh tiếp anh như một vị thượng khách nhưng sai lính ra xua bà mẹ hẳn đi cho coi.

- "Hoan hô người anh hùng, Phác cậu đã về chơi với anh em đây ư?" - Toàn reo lên từ đằng xa, chắc chắn có nghe đầy đủ từng lời Phác vừa cổ tình nói với tôi thật to. Rồi người tiểu đoàn trưởng D7 mà tôi được giới thiệu trên sư đoàn là một cán bộ "chính quy" cứng người lại đập gót đứng nghiêm trước mặt tôi. Đoàn Toàn đi về phía tôi, tôi cũng đã ở bộ đội lâu năm nhưng chưa thấy anh lính nào có dáng đi như thế: nửa người trên mềm oặt như thân rắn nhoai về phía trước, nửa người dưới từ thắt lưng trở xuống vẫn cứng và thẳng đơ như một chiếc com-pa.

Tôi có nét xấu của anh nhà quê không quen bắt tay. Sau nhiều năm, tôi vẫn giữ mãi ấn tượng về một cái bắt tay đầu tiên của người chỉ huy tiểu đoàn ấy, Toàn nắm lấy tay phải của tôi rất lâu, đầy vỗ vập, đầy hồ hởi, mười ngón tay của anh ôm trùm lên và xoắn xuýt lấy bàn tay quen cầm bút vốn rất hay rứt rề nhưng lại đầy nhạy cảm của tôi, tưởng chừng như mười ngón tay của cái "bàn tay sắt" cứ bầu chặt lấy tôi suốt đời, ít nhất là trong ý nghĩ của tôi ngay lúc bấy giờ, có ngón tay cứ mát rượi trong những cái vuốt ve, có ngón cứ thít chặt lấy như một sợi dây buộc trong lúc ngón tay cái vô cùng rắn chắc cứ quắp chặt vào,

như mỏ của một con chim ác.

- Quý hoá quá, quý hoá quá!

Hình như thấy mặt mũi tôi khó đăm đăm, lại ngơ ngác có vẻ chưa hiểu ra được cái gì "quý hoá quá". Toàn phải nói thêm:

- Anh xuống với tiểu đoàn, thật quý hoá quá!

Rồi người tiểu đoàn trưởng D7 quay sang ông bác sĩ, đem đặt ông bác sĩ Khoát lên chín tầng mây xanh: "Suốt chiến dịch vừa rồi anh Khoát đi với chúng tôi thức hết đêm này đến đêm khác mà vẫn béo khoẻ thế, có thể khoác ba lô đi thêm vài ba chiến dịch lịch sử nữa!" (Thật ra chiến dịch vừa rồi cũng như các chiến dịch trước, Toàn chỉ ở hậu cứ)

Dù sao tôi cũng phải sửng sốt trước vẻ đẹp đầy thanh tú của khuôn mặt Toàn mặc dầu nó ít vẻ đàn ông. Tôi nhận dần ra sao mà anh giống bà mẹ, cả một vài cử chỉ nhỏ.

Như một người chủ động và lịch lãm, Toàn sẽ sờ cánh tay áo của tôi, dẫn tôi đi vượt lên:

- Khổ quá, anh ướt hết rồi! Trên phòng chính trị đã báo xuống anh đến. Tôi đã chuẩn bị đón anh từ sáng. Từ hôm vào trong này anh có được khoẻ luôn không? Trong này thời tiết thất thường, anh phải nên luôn luôn chú ý sức khoẻ.

- Anh Toàn, anh có biết chúng tôi xuống đây với ai không?

Tôi vội vàng báo cho Toàn biết bà mẹ anh đang ngồi đợi ngoài cổng nhưng Toàn chỉ ừ à, lại còn cho tôi biết rằng anh cũng đã được sư đoàn gọi điện xuống báo cho biết. Tôi ngạc nhiên đến mức bối rối như đứng trước một bài toán khó.

- Bà đang ngồi đợi anh ra đấy anh Toàn ạ, - tôi lại nói.

- Vâng, vâng...

- Hẳn là đã lâu bà sống trong này, anh Toàn chắc không được gặp bà?

- Đúng hai mươi năm, thủ trưởng ạ.

- Anh làm sao thế, mẹ con có chuyện gì thế?

- Cũng có chút chuyện trong quá khứ, - Toàn nói lộ vẻ khổ sở, - mà trước đây tôi chưa có dịp nào báo cáo tường tận hết với tổ chức. Tôi không ngờ chúng ta vào Sài Gòn nhanh thế. Chắc trên phòng chính trị sư đoàn đã nói với anh về tình hình phức tạp ở đây. Cho nên mới điều tôi từ hậu cứ phía sau lên kịp thời nắm cái "thăng" này. Thôi thì tiện thể đây tôi báo cáo với anh luôn. Tôi vừa phát động trong toàn "Đê" một cuộc vận động "5 không".

- Là những thứ "không" gì? - tôi hỏi.

- Không đi ra ngoài doanh trại. Không tiếp xúc với dân. Không mua bán. Không nói chuyện cười cợt vui vẻ với phụ nữ. Không đi vào thành phố Sài Gòn.

- Nghĩa là một sự cách ly hoàn toàn với cuộc sống "phức tạp và bẩn thỉu" ở bên ngoài. - Tôi cười nhăn nhó - có phải vậy không?

Quả thực lúc ấy tôi không thể nén khỏi đổ một trận cười âm ỉ:

- Nghĩa là thủ trưởng tiểu đoàn muốn cứu vớt linh hồn đầy trong trắng của những người lính thiên thần mới từ trên rừng về, tôi hiểu rồi, tôi hiểu rồi, thế nhưng còn cái việc anh bắt lính đi đều?

Thả ra mấy câu ngay ban đầu đã tỏ rõ căng thẳng giữa chủ khách, tôi vẫn không sửa được cái tính một anh nhà báo nông nổi, tôi biết là đại nhưng Toàn có vẻ như đứng trên tôi một bản lĩnh, cái "bàn tay sắt" vẫn mềm mại và lễ phép:

- Anh ạ, với việc tôi bắt anh em tập đội ngũ, tập đi đều, và cấm đi ra ngoài, ngay các phòng, ban trên sư đoàn có người còn nói: hần định xây dựng một chế độ quân phiệt trong hàng rào dây thép gai "Con nhím". Hoặc lại còn cay độc hơn: bao nhiêu xương máu rắc từ trên rừng xuống, để thăng lính D7 được cái tự do ghép thành hai hàng dọc đi đều theo tiếng hô "một, hai" của thăng Toàn...

Toàn vừa nói vừa dẫn chúng tôi đi qua một ngôi nhà có vẻ sang trọng, trên nóc chằng chịt dây rợ, cần ăng ten chìa lên trời tua tủa, nhưng cái trung tâm chỉ huy của địch ấy đã bị sập một nửa, giấy má vương vãi tung toé trắng xoá cả một vùng bãi cỏ:

- Mời các anh vào đây! Toàn quay về sau gọi Phác và bác sĩ Khoát rồi lại nắm lấy khuỷu tay tôi.

Tôi miễn cưỡng sống đôi với Toàn bước lên những bậc thềm lát bằng nhiều phiến kim loại sáng loáng chạy dài suốt chiều ngang một ngôi nhà ở gần đấy, được coi như "tư dinh" của thủ trưởng tiểu đoàn, vẫn là mái tôn vòm, vách tường cũng ghép bằng những tấm tôn sì sơn xám nhưng bên trong ốp một lượt mê-ca trắng, trần trên đầu cũng vậy, nhưng thiết bị trong nhà đều mạ kền sáng loáng dưới ánh điện nê-ông và có tiếng kêu rất êm của máy điều hoà nhiệt độ.

- Trong căn cứ "Con nhím" này - Toàn hành diện giới thiệu cái tư dinh như một kỳ quan trong tiếng hô "một, hai" vẫn vang lên lẫn trong tiếng mưa bên ngoài - Khi ta giải quyết xong cái vị trí thì đang còn nguyên vẹn hai cái nhà như thế này. Các anh trông đơn giản vậy nhưng bên dưới có bánh xe, có thể di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác. Nó là của bọn sĩ quan chỉ huy Mỹ ngày trước. Thật tiếc quá, tôi đã dự định cho xe kéo lên biểu thủ trưởng sư đoàn chiếc ở đằng kia nhưng mới hôm qua, lính ta đã làm cháy. Lính tráng đến lạ. Động gập cái gì cũng sờ mó. Họ đã làm chập điện. Không biết chữa theo cách thức đã hướng dẫn, thế là cháy.

Trong khi ngồi nói chuyện, hai bàn tay của Toàn không lúc nào ngừng mân mó một vật gì đó, bàn tay lúc cầm cái hộp thuốc lá, lúc cầm chiếc chén, những ngón tay dài và trắng như ngón tay đàn bà lúc thì đan vào nhau che kín cái vật được cầm, lúc thì những ngón tay duỗi thẳng ra, những đầu ngón ngo nguậy vờn giỡn cái vật được đặt nằm trên lòng bàn tay. Chỉ ngồi với hắn chưa đến mười phút, tôi đã bắt buộc phải ướm thử mình lúc là

chiếc chén, lúc là chiếc gạt tàn thuốc lá đang nằm trong lòng cái bàn tay phù thủy kia. Hình như chẳng phải riêng một mình tôi mà cả bác sĩ Khoát, có thể cả Phác nữa, cũng ít nhiều tự nhiên cảm thấy khó thở trước hai bàn tay mềm mại, đẹp đẽ của Toàn. Nó gây cho tất cả ai ngồi trước nó một cảm giác như ngồi trước móng vuốt của một con mèo, hoặc con hổ đang đùa giỡn với con mồi. Bác sĩ Khoát đi ra ngoài còn Phác ôm chiếc túi mìn colêmo ngồi trên một chiếc ghế thấp lót đệm mút, không rời mắt khỏi hai bàn tay Toàn, bằng con mắt của người lính trinh sát già đời. Tôi có ý nghĩ anh đang chăm chú theo dõi từng ngón tay của Toàn như theo dõi sát từng thành địch trong cả đội hình của chúng trước giờ nổ súng. Đến lúc này, mười ngón tay của Toàn đang say mê đùa giỡn với một cái chùm chìa khóa.

- Anh Toàn ạ, - tự nhiên tôi hơi sáng giọng, - theo tôi, anh nên ra ngoài trạm gác đón mẹ anh vào.

- Cám ơn anh, - Toàn không hề phật ý, lại còn ân cần với tôi hơn, - bà sắp vào đây bây giờ. Anh cần phải thay quần áo ướt ra kéo cảm mát. Cả Phác nữa, ngay bên kia có một phòng để không, hai anh đi thay quần áo rồi ta ngồi uống nước.

Toàn giục chúng tôi thế nhưng chính anh vẫn bình thản mang trên người bộ quần áo ướt, còn ướt hơn chúng tôi, bởi Toàn đã dầm mưa suốt từ đầu buổi tập đến giờ.

- Anh đi thay quần áo thì đúng hơn. - Tôi nói.

- Không hề gì anh ạ, tôi quen rồi. Toàn như muốn chứng tỏ với tôi và Phác mình là một con người rắn rỏi, quen xông pha.

"Anh hùng vật, cái quân suốt đời chẳng biết tiếng súng là gì!" tôi đọc thấy ý nghĩ này trong một bấu cái môi đầy khinh bỉ trên khuôn mặt gầy của Phác. Từ lúc giáp mặt Toàn, Phác vẫn đeo vào cho mình một cái mặt lúc nào cũng lầm lũi đến là khó coi, cả con người cứ như một bình nén khí.

Nhằm đúng lúc Toàn bung đặt trước mặt Phác chén nước

chè nóng vừa pha, Phác cầm chiếc túi mìn đứng bật dậy khỏi chiếc ghế sắt trái đệm mút:

- Tôi về dưới đại đội.

Toàn không muốn để xảy ra xung đột với Phác trước mặt tôi, tôi đoán thế, cho nên vẫn giữ thái độ mềm mỏng hết sức:

- Ở lại đây ăn cơm với mình đi Phác.

- Cám ơn, - Phác đi ra vài bước rồi mới quay trở lại hai con mắt đầy buồn bã nhìn thẳng vào Toàn hồi lâu mới nói:

- Anh Toàn à, tôi chả yêu gì cái nghề cầm súng này. Chẳng qua là bắt đắc dĩ cái thằng Mỹ nó bắt chúng tôi cầm.

- Ừ - Toàn lại càng mềm mỏng - thì chúng mình ai chả nghĩ thế. Hãy ngồi xuống đã nào, ở lại đây ăn cơm với mình đi Phác.

- Cám ơn. Anh Toàn... anh tìm cách hại tôi vì nghĩ tôi hám cái chức tiểu đoàn phó ở đây là anh nhầm. Cho tôi làm tướng thì không khéo tôi làm thật. Tôi sẽ kiếm một xe hơi đi chơi. Tôi chỉ thích đi chơi. Nhưng tôi cũng lấy làm tiếc rằng chiến tranh lại vừa hết mất. Vì thế mà cái ngữ anh, từ anh coi hậu cứ phía sau đến nổi dịch nó sục vào cũng bỏ thương binh mà chạy, mới nhảy ra.

Không để cho Toàn kịp phản ứng lại, Phác đi nhanh đến sát trước mặt Toàn, cách một cái mặt bàn:

- Dù cái hàng cán bộ độc địa như rắn này vừa nhảy ra có đấy được cái thằng Phác ra khỏi tiểu đoàn 7 thì nó cũng không cho phép bất kỳ ai được đối xử với những thằng lính ở đây như một trại trưởng Z8. Hãy nhớ kỹ lấy: anh nghe chưa nào?

Phác đã ra khỏi từ lúc nào. Nhưng lời nói như vẫn tạc vào không khí im phắc trong gian phòng. Tôi ngồi im, rõ thêm một chút về con người Toàn, mà cũng hiểu rõ thêm Phác. Toàn tựa quây trên mặt chiếc ghế pháo thủ, trước một cái mặt bàn nước bằng mê-ca trắng, hai cẳng chân rất dài nhô lên khỏi mặt bàn không ngớt động đậy, như người lên cơn phong giật. Rồi Toàn

đứng dậy, sắc mặt đổi khác hẳn, thái độ cũng khác. Tôi có cảm tưởng mấy lời của Phác ném vào mặt Toàn vừa ban nãy như một thứ thuốc rửa biến ảnh âm thành ảnh dương. Mọi cái gì đang đắp đây, về lịch thiệp xã giao thái độ mềm mỏng khiêm nhường, sự chịu đựng đều biến mất. Đây là cái phút thành thật nhất của một con người - một con người độc tài đang bị sỉ nhục, tôi nghĩ. Không bực tức, không nổi giận đùng đùng, chỉ thấy khuôn mặt điển trai của Toàn bỗng phút chốc trở nên già cỗi, quyết liệt và đầy ngạo mạn. Hai bàn tay nắm chặt lấy nhau Toàn trở về đứng trước chiếc bàn nước, vút mạnh chùm chìa khoá xuống mặt bàn, vô cớ tự nhiên lên tiếng hỏi tôi bằng một giọng đầy thách thức:

- Anh có biết trại trưởng Z8 là gì không?

Ngay lúc ấy một cậu chiến sĩ rụt rè bước tới báo cáo với Toàn mẹ anh đã vào.

- Bà đang ở đâu?

- Bà đang ở ngoài thêm.

- Mời vào!

Cậu chiến sĩ, tôi dò chừng là cần vụ riêng của tiểu đoàn trưởng, vừa liên lạc vừa cần vụ (trong cái hồi mấy ngày sau 30 tháng 4, tôi đã thấy một vài đại đội trưởng cũng có cần vụ). Thầy nào tớ nấy, cũng là một tay rất hách, hẳn đứng chĩa nửa mặt ra ngoài khung cửa, buông thông ra hai tiếng cộc lốc:

- Mời vào!

Để chữa thói vô lễ quá đáng đến mức phát xấu hổ của tay cần vụ, tôi vội vã bước ra ngoài.

Những điều bà già tu hành nói với tôi trên nhà khách sư đoàn lúc ban sáng đã được chứng nghiệm ngay trong hình ảnh của bà vào lúc này. Tôi lấy làm tiếc không cầm tay một chiếc máy ảnh để thu lấy cái dáng đứng cùng khuôn mặt đầy đau khổ lẫn chứa chan hy vọng của một tín đồ đứng trước vòm cửa của một ngôi thánh đường mới tìm thấy. Bên kia khung cửa đèn nền sáng

trung thấp thoáng một vài bóng bộ đội "Việt cộng" đang ngồi, có một đức thánh chí tôn bằng xương bằng thịt suốt hai mươi năm nay bà đi tìm, để ăn mày tình thương và cầu xin được tha thứ.

Bà sư như chợt bừng tỉnh khi thấy tôi đến đứng bên cạnh.

- Ông... ông có nghe thấy tiếng gì không?

- Bà nghe thấy gì?

Một thứ ánh sáng rạng ngời chiếu rọi khắp khuôn mặt khổ hạnh:

- Chuông, ông ạ, tiếng chuông... Ông chắc không biết quanh đây, chung quanh cái đồn này có bao nhiêu là chùa chiền, lại còn bao nhiêu nhà thờ.

Có lẽ do một sự đồng cảm nào đó chứ không phải có thực, bỗng nhiên tôi cũng nghe. Chẳng lẽ đã đến giờ khắp mặt đất cùng cất lời cầu nguyện? Khắp thính không đang rung lên những hồi chuông ngân nga trong ánh chiều đang tắt dần, trong lúc khắp cõi mặt đất đang đắm chìm trong bóng tối, tất cả mọi con người của không biết bao nhiêu tôn giáo và không tôn giáo, đang kính cẩn chắp tay lên ngực hoặc giơ thẳng cả hai cánh tay, ngửa mặt lên trời để cầu xin lòng xót thương và lời tha thứ, đang gào lên trước cái ác cùng sự dửng dưng trước cái ác của con người.

Lúc mẹ anh bước vào Toàn vẫn ngồi sau bàn nước. Nét mặt Toàn không còn vẻ ngạo mạn nhưng đầy vẻ thờ ơ và nghiêm khắc. Hai chục năm qua, hẳn người mẹ thường nghĩ đến tội lỗi và hình phạt nhưng dường như đến lúc này ở bên trong lòng người đàn bà đã già nua chỉ hoàn toàn bị chi phối bởi những đợt sóng đầy hoan lạc lẫn đau đớn; vừa nhìn thấy Toàn người mẹ nhận ra anh ngay và oà lên khóc, mọi điều cách trở giữa con người cha là cái gì hết, bà mẹ chỉ nhìn thấy đang ngồi đó cái đứa con riêng của mình, đứa con trai chung đúc nên cùng với máu thịt của một người chồng đã cùng mình chống gậy đi ăn mày,

đưa con của một đoạn đời lần đầu tiên làm vợ, làm mẹ đầy đỗi khổ lẫn nhục nhã, và cả nó cũng đỗi khổ, nhục nhã.

- Toàn đầy ư, con! Bà nhào đến bên cái bàn nước, ôm chầm lấy Toàn gục mặt vào mái tóc Toàn, những dòng nước mắt đầy hạnh phúc lẫn cay đắng của bà đã ướt đầm mái tóc Toàn.

*
* *

- Chúng tôi sinh ra một mụn con cũng phải đem cho đi, - vô tình tôi bắt buộc phải đóng vai trò kẻ chứng kiến cuộc hội ngộ, và nhớ lại tất cả câu chuyện trưa nay bà mẹ đã kể với tôi trên nhà khách sư đoàn, nhớ cả cái giọng kể đều đều nhưng đầy ấn tượng - vào cái năm đói chết hai triệu người đã chép vào sách. Lúc đó cháu mới lên ba...

Tôi thì qua được nhưng ông chồng tôi không qua nổi cái nạn đói ấy. Ông ấy chết ở gần một chiếc cầu trong Ninh Bình. Ấy là nghe người ta mách, chỉ có đi dịch vào thì mới mong được có người thuê mướn, mới có miếng ăn khỏi chết đói. Vợ chồng chúng tôi cứ theo đường số 1 mà đi. Bao nhiêu con người, bao nhiêu gia đình bỏ ruộng vườn, nhà cửa kéo nhau đi trên đường nhựa. Toàn ăn mỳ hoặc sắn hoá thành ăn mỳ. Rách rưới, hộc hác, lếch thếch, lại còn ăn cắp của nhau, cướp giật của nhau, cũng là cái khúc khổ nhục ông trời đã định cho con người. Cứ bao nhiêu chục năm lại có một khúc như thế. Mà cũng chẳng biết người của những đồng đất, phố phường nào túa ra mà đông vậy cơ chứ? Người cứ kín đen đường số 1. Cứ như thế mà lũ lượt trẩy vào...

Tôi đứng dậy đi đến cái bàn nước kê trong góc phòng khách rót một chén nước đem đặt trước vị nữ tu già.

- Tôi đoán chắc vào độ tuổi ông có thể nghe hết những nông

nổi của một đời người? - bà bùng chén nước lên uống một ngụm nhỏ hỏi tôi câu ấy rồi nhẩn nha kể tiếp. - Cái buổi chiều hôm ấy là một buổi chiều mưa lâm thâm, tôi đã vùi xác chồng tôi ở một cái gò hoang ngay bên chân cầu Ninh Bình. Dắt díu nhau đi được đến đó sức đàn bà của tôi cũng kiệt, nhìn xuống cái xác người chồng đã chết rồi nhìn sang cái thân hình mình còn sống, nào có phân biệt được? May sao có mấy hạt mưa, đất đỡ cứng. Tôi dùng tay không mà moi đất. Sức tôi không moi được sâu đâu. Moi suốt một buổi chiều và trợn một đêm mới xong một cái huyết. Ngát đi tỉnh lại mấy lần, tôi quỳ xuống chấp tay vái ba vái, ừ ừ xua mấy con bọ chó chạy giạt ra xa, tôi khấn: có mặt trời mọc chứng giám, trời còn để tôi sống thì sẽ làm ăn chuộc con về với lại đưa nắm xương ông về!

Tôi đứng dậy, tựa vào chiếc gậy mà lết đi, đi một mình, ngửa tay xin thiên hạ được miếng ăn thừa nào tôi lại đặt lên cái tàu lá rách bên vệ đường khấn chồng tôi rồi mới ăn.

May sao tôi đã không đi tiếp. Tôi quay lộn về. Vài năm sau thì lính Pháp đã chiếm lại thành phố. Tôi buôn bán chạy khắp các chợ. Từ nội ô ra ngoại ô, không chợ nào không nhẩn mặt tôi. Tôi quen khắp. Chỉ bằng đôi quang thúng và chiếc đòn gánh đè vai, tôi lại gây dựng được. Mấy cái năm loạn ấy ở Hà Nội dân nghèo buôn bán làm ăn dễ lắm ông ạ. Tôi góp nhóp được một món tiền lớn bỏ ra chuộc được con về. Tôi len lỏi qua các dãy phố đông của lính Pháp, rồi lại len lỏi qua các vùng tự do có du kích gác của bên mình, vào tận Ninh Bình lần mò tìm ra được cái gò đất, nhặt lượm hài cốt chồng tôi đem về. Lần đó tôi suýt chết. Lính Tây gác cầu Ninh Bình chiều ông nhòm thấy cái bóng người lúi húi tưởng là du kích đang chôn mìn, liền nã súng máy bắn. May mà tôi không chết. Tôi ở trọ một hàng cơm trong chợ suốt mấy ngày chẳng biết làm thế nào, cứ đi ra đi vào không dám lộ ra cái gò. May sao bà chủ quán có người cháu đi lính nguy cũng là lính đang gác cầu. Tôi đưa cho người lính nguy này

một số tiền. Chờ đến phiên, anh ta gác, tôi mới nhặt được mớ xương lẫn lộn đất cát của chồng gói vào tấm ni lông, trên đường trở về lại phải vòng tránh cả hai bên còn vất vả gian nguy hơn lúc đi vào.

Hồi bấy giờ tôi đã trở lại một người đàn bà có má hồng, có da thịt, người mỡ màng ra. Thú thật với ông, tôi đã sống lãng nhãng với đám lính patidăng, cũng bài bạc, ve vãn, chòng ghẹo, thậm chí đánh chửi nhau vì ghen tuông, ra vào các đồn bắt. Rồi tôi phải lòng và lấy một người thượng sĩ rất có thể lực trong đám lính, được lính tráng yêu mến, nể trọng.

Tôi đi lấy chồng, rồi đẻ thêm con. Tôi vẫn chạy chợ, cũng chỉ cái đòn gánh đè vai, mà kiếm ăn được lại còn để dành dụm. Tôi mê mãi kiếm đồng tiền. Đồng tiền làm tôi cứ mê mẩn đi, kiếm tiền dễ lắm cơ ông ạ! Nào tôi có hay biết gì về chính trị, quân sự, chồng làm gì cũng mặc, thiên hạ làm gì cũng mặc. Chỉ biết nhanh chân chỗ nào lộn xộn có vẻ sắp sửa đánh nhau thì nhanh như chớp lồng thúng quang, đặt đòn gánh lên vai, ba chân bốn cẳng chạy sang chợ khác. Cũng vì lẽ thế mà nào tôi có hay rằng từ khi đó, mới tí chút tuổi đầu, mới bắt đầu cấp sách đi học mà con tôi, đứa con riêng của tôi, đã biết làm công việc lấy tin, đưa tin cho "Việt minh". Về sau tôi mới biết đó là một cơ sở biệt động của bên ta đã từ lâu hoạt động nằm vùng trong khu phố ngoại ô của tôi, nó là một khu phố nhà lá nằm trên đường Sơn Tây về mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in, lúc nhúc đầy những lính lẫn gia đình, vợ con lính, nhân tình nhân bánh, lại những nhà gá bạc, sòng xóc đĩa, những người con gái chữa hoang, những người lính chết trận tận đầu tận đầu được chở về thương vào những buổi chiều, suốt ngày đêm không lúc nào ngớt tiếng khóc ai oán xen lẫn với tiếng cười sằng sặc, tiếng chửi bới, la hét hát ông ổng của cả một đám lính say rượu, của me tây say rượu.

Tận cho đến khi con tôi bị bắt đưa vào Hoà Lò, bị đánh đập, tra tấn, thì tôi mới biết nó đã được dắt dẫn đi theo con đường

khác. Ông ơi, trong những năm đó tôi là một người đàn bà sống không ra gì thật, nhưng tôi cũng biết yêu con.

- Hấn yêu đứa con riêng như thế lúc nào cũng đội nó lên đầu - đám đàn bà hàng xóm bình phẩm thế, tôi bỏ ngoài tai. Khi đó tôi nhớ là tôi vừa sinh đứa con gái với người chồng lính đầu chi có mới mấy ngày, mới ở nhà thương về. Tôi đẩy đứa nhỏ mới sinh sang một bên, rút nó ra khỏi bầu vú, tôi nhảy đánh phịch xuống đất. Tôi chạy đi đút lót bao nhiêu cửa. Tôi gằm lên, nhe răng trước mặt người chồng, bắt chồng tôi phải chạy đi huy động cả một đám lính tráng quen biết như sắp đi pa tui, tìm mọi cách giải thoát cho con tôi ra khỏi nhà tù.

Như một con sói, tôi tha đứa con ra khỏi Hoả Lò được nhưng cũng từ đó tôi cũng đánh mất đứa con riêng của mình. Cũng phải thôi, nó phải đi con đường phải của nó. Ấy là tôi nghĩ thầm trong bụng như vậy và ngày đêm tôi khổ tâm lắm mà không làm gì được. Một mặt đứa con riêng của tôi ở trong nhà mỗi ngày một xa lánh, khinh ghét tôi, coi tôi như quân thù hằn, một mặt tôi phải che giấu mọi công việc làm của nó trước mặt chồng tôi, trước mắt đám mật thám, chỉ điểm nhan nhản trong xóm nhà lá. Trở về nhà hay đi ra đường tôi luôn nơm nớp lo sợ. Trong nhà tôi thường cài cọ, lục đục. Cũng một phần vì đứa con riêng của tôi, cháu còn ít tuổi cho nên còn dại, tính nết bao giờ cũng cứng cỏi, trong cả xóm nhà lá, ai nó cũng coi là kẻ thù.

Năm 1955, quân lính quốc gia buộc đồ đạc, súng đạn tập kết vào Nam. Tôi đã có thêm hai con với đời chồng sau. Tôi cũng góp nhóp của cải thu xếp theo chồng cùng hai con đi Nam. Chồng tôi khi ấy đã đóng lon sĩ quan. Còn đứa con riêng của tôi thì năm ấy cháu đã mười hai tuổi. Ngày bên quân ta sắp vào, cháu nó phải rút lui hẩn vào bí mật. Nhưng tôi biết chỗ nó ở cùng với nhiều anh em trong đội biệt động, bởi vì cứ mỗi tuần lễ vài lần, tôi phải mang đồ ăn, thức dùng đến đấy tiếp tế cho cháu. Thương cháu quá, không biết nay mai mình đi rồi cháu sống với ai, có lúc tôi

một số tiền. Chờ đến phiên, anh ta gác, tôi mới nhặt được mớ xương lẫn lộn đất cát của chồng gói vào tấm ni lông, trên đường trở về lại phải vòng tránh cả hai bên còn vất vả gian nguy hơn lúc đi vào.

Hồi bấy giờ tôi đã trở lại một người đàn bà có má hồng, có da thịt, người mỡ màng ra. Thú thật với ông, tôi đã sống lảng nhảng với đám lính patidăng, cũng bài bạc, ve vãn, chồng ghẹo, thậm chí đánh chửi nhau vì ghen tuông, ra vào các đồn bắt. Rồi tôi phải lòng và lấy một người thương sĩ rất có thể lực trong đám lính, được lính tráng yêu mến, nể trọng.

Tôi đi lấy chồng, rồi đẻ thêm con. Tôi vẫn chạy chợ, cũng chỉ cái đòn gánh đè vai, mà kiếm ăn được lại còn để dành dụm. Tôi mê mãi kiếm đồng tiền. Đồng tiền làm tôi cứ mê mẩn đi, kiếm tiền dễ lắm cơ ông ạ! Nào tôi có hay biết gì về chính trị, quân sự, chồng làm gì cũng mặc, thiên hạ làm gì cũng mặc. Chỉ biết nhanh chân chỗ nào lộn xộn có vẻ sắp sửa đánh nhau thì nhanh như chớp lồng thúng quang, đặt đòn gánh lên vai, ba chân bốn cẳng chạy sang chợ khác. Cũng vì lẽ thế mà nào tôi có hay rằng từ khi đó, mới tí chút tuổi đầu, mới bắt đầu cấp sách đi học mà con tôi, đứa con riêng của tôi, đã biết làm công việc lấy tin, đưa tin cho "Việt minh". Về sau tôi mới biết đó là một cơ sở biệt động của bên ta đã từ lâu hoạt động nằm vùng trong khu phố ngoại ô của tôi, nó là một khu phố nhà lá nằm trên đường Sơn Tây về mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in, lúc nhúc đầy những lính lẫn gia đình, vợ con lính, nhân tình nhân bánh, lại những nhà gá bạc, sòng xóc đĩa, những người con gái chứa hoang, những người lính chết trận tận đầu tận đầu được chở về thương vào những buổi chiều, suốt ngày đêm không lúc nào ngớt tiếng khóc ai oán xen lẫn với tiếng cười sằng sặc, tiếng chửi bới, la hét hát ông ổng của cả một đám lính say rượu, của me tây say rượu.

Tận cho đến khi con tôi bị bắt đưa vào Hoà Lò, bị đánh đập, tra tấn, thì tôi mới biết nó đã được dắt dẫn đi theo con đường

đã toan ở lại nhưng cũng không đủ sức từ bỏ chồng tôi và hai cháu sinh sau. Tôi không thể bỏ cái gia đình mới. Cái tình cảnh tôi khi ấy nó khổ lắm ông ơi! Trước ngày cất bước ra đi, tôi xây mộ người chồng ăn mày. Và sắp gần ngày đi, tôi càng hay đến chỗ cháu. Tôi nấu nướng cho cháu ăn những bữa thật ngon, rồi ngồi nhìn cháu ăn. Thường chưa ăn xong, nó đã giục tôi về. Tôi biết tính cháu, cả đối với mẹ nó cũng cứng rắn, cứng cỏi, khi nó đã bảo gì thì tôi không bao giờ dám trái lời. Nó bảo về là tôi phải về nhưng tôi xách nón ra quán ở ngoài đường ngồi. Đến chiều tôi lại mò vào, hí húi nấu nướng. Rồi đến một hôm, mặc nó giục, mặc nó ra lệnh tôi không về. Tôi ở lại đây với cháu. Tôi ở lý từ trưa đến đêm. Lúc ấy, hình như đêm đã khuya lắm, hai mẹ con ngồi dưới nhà cầu của một ngôi chùa và ông ạ, trong một lúc quần trí, tôi đã dụ dỗ cháu đi Nam.

- Toàn ạ, - tôi bảo con tôi, - hay là con đi với mẹ.

- Đi đâu?

- Đi vào trong Nam...

Ông ạ, tôi thật ngu dại. Sau cái câu lơ lửng ấy của tôi là con tôi từ đó không thềm nhìn mặt tôi một lần nào nữa. Cháu đuổi tôi thẳng một mạch. Từ cái đêm đó cho đến khi bước chân xuống tàu, tôi không còn được gặp cháu. Thấm thoát thế mà đã hai mươi năm! Ôi sao nhanh thế. Đến bây giờ, năm nay cháu đã 31 tuổi, chắc cháu cũng đã tha thứ cho tôi, cho đời tôi cho những lời dại dột của tôi...

Vị nữ tu già ngược đôi mắt đầm nước mắt lên nhìn tôi:

- Mà cũng phải thôi, phải thế không ông, bao nhiêu năm tôi theo gia đình vào ở trong miền Nam trù phú này, lúc tôi được hưởng hạnh phúc quây quần bên chồng con, muốn gì có nấy, ăn tiêu thừa thãi, nhà cửa sang trọng, rộng rãi, cũng như lúc một mình một bóng, vào những lúc tàn đêm rặng ngày lắng nghe tiếng mõ cùng tiếng rì rầm đọc kinh thốt ra từ miệng mình tôi

vẫn thường thấy đau đớn trong lòng, lúc nào cũng như đau tận trong cuống ruột, nghĩ rằng mình là một người mẹ hư hỏng, sa đoạ, đáng bỏ đi, hơn thế nữa, một kẻ thù của con tôi, cái đứa con trai yêu quý nhất của mình... Có phải đây là tội lỗi hay là số phận hã ông?

*
* *

...Toàn ngồi yên, mười ngón tay theo thói quen không ngừng mân mê chùm chìa khoá, nét mặt thờ ơ và nghiêm khắc. Có một lúc cộ lẽ một vài hồi tưởng quá khứ nào đó chất ra từ trái tim đã hoá thép khiến nét mặt Toàn lộ ra một chút xúc động, một cánh tay nặng nhọc đưa lên ngang lưng người mẹ nhưng cái cánh tay y như đã bị cắt rời khỏi cơ thể Toàn, nằm thông thượt giữa đường sống lưng của người mẹ già một lúc rồi tự nhiên rơi thông xuống. Để cho cái bà già bù lu bù loa đến chán chê không biết đến bao giờ, có lẽ Toàn đã nghĩ, anh nhớ nhó lựa cách đứng dậy, nắm lấy cánh tay dắt mẹ đến ngồi trên một chiếc ghế. Chợt hình như anh chợt nhớ cần phải bày tỏ một cử chỉ tình cảm gì đó - trước mặt tôi, anh đến đứng sau lưng bà mẹ với một động tác hơi khoa trương, vòng hai cánh tay dài ôm lấy ngang lưng mẹ hồi lâu một cách thật thấm thiết.

Xong mọi việc đâu đấy anh đưa cả hai bàn tay lên vội vàng vuốt lại mái tóc đã bị làm rối bù. Tôi chạy ra chỗ cửa xách chiếc làn quay vào chợt nhìn thấy Toàn sau khi vuốt lại những sợi tóc ở một bên thái dương xong thấy những ngón tay ướt, đang đưa mấy ngón tay lên mũi người.

Hỡi trời đất, đã có ai trên đời này nhìn thấy đứa con đang ngồi giọt nước mắt của người mẹ? Cũng may bà mẹ không nhìn thấy cử chỉ vừa rồi của Toàn. Tôi đặt chiếc làn nhựa đựng quả

bánh của bà mẹ bên chân Toàn, cúi mặt xuống đất:

- Tôi đi ra ngoài...

- Anh đi đâu? - Toàn bỗng vồn vã. - À, tôi hiểu buổi chiều anh cần đi dạo.

- Ông nhà báo, - bà mẹ quay về phía tôi, - tôi xin ông ở lại đây.

Thế là tôi phải ngồi lại.

Toàn đưa tay tiếp tục đem kỹ những món tóc hai bên thái dương và sau gáy, miệng đến bây giờ mới cất lên lời:

- Nào, bây giờ mẹ nói cho tôi nghe, những năm ở trong này mẹ đã làm những việc gì, sống với ai?

Anh vừa nói vừa ngồi xuống chiếc ghế của mình sau bàn nước nhưng bật ngay dậy, lại đi đến đứng sau lưng bà mẹ:

- Mẹ thông cảm cho, là bởi vì mẹ đã tự động tìm đến đây như thế này, dù cấp trên có hỏi hay không, tôi cũng phải báo cáo: Những năm ở trong này mẹ đã làm những việc gì?

Toàn quay sang nói với tôi:

- Anh ạ, chả ai chọn được hoàn cảnh xuất thân, tôi cũng vậy, mặc dầu tôi đi theo cách mạng từ khi rất sớm nhưng suốt đời tôi phải gánh một cái nặng nằm trong lý lịch. Rất may là tổ chức và cấp trên đã không thành kiến, - Toàn lại quay sang bà mẹ. - Mà này, tôi nghe nói mấy năm về sau này mẹ đã đi ở chùa cơ mà? Trên sư đoàn trưa nay cũng báo xuống cho tôi biết như thế? Thế này là thế nào nhỉ?

Toàn rời chỗ đứng, chậm rãi đi đi lại lại trong phòng, gót giày da nện đều đặn trên mặt sàn gỗ lót nỉ xám những tiếng "cộp, cộp" - những tiếng nện gót của một người quen đi đều.

Người mẹ gục xuống thành ghế. Nhưng với một ý hướng cam chịu đầy thấu hiểu, kẻ tội đồ đã gắng gượng ngồi thẳng dậy. Dòng nước mắt chứa chan mà bà mẹ đã lỡ để chảy ra vẫn chưa kịp khô hết, dòng nước mắt đã đặc quánh lại, đọng dọc theo các

nếp nhăn không biết từ bao giờ đã hiện lên cứ như những nét tạc ngang dọc chằng chịt trên khuôn mặt bà đến bây giờ đã trở nên im lìm, bất động, có cái gì cách biệt và siêu thoát như khuôn mặt của một bức tượng gỗ cũ kỹ từ trăm năm để lại.

- Con, Toàn, mẹ có cần phải kể lại những chuyện ấy ở đây ngay bây giờ không?

- Tùy mẹ, ngay bây giờ cũng được.

Toàn nghiêng tai lắng nghe.

Có tiếng còi xe ngoài cổng gác rồi tiếng xe đang lăn bánh rất êm trên đoạn đường nhựa dẫn vào tiểu đoàn bộ. Tay cần vụ riêng của Toàn hót hải lộ mặt vào đằng sau khung cửa sổ nhìn xuống mấy luống hoa hồng đã tàn tạ, báo cho Toàn biết có "thủ trưởng Thái" xuống.

Toàn chỉ thị cho tay cần vụ sắp xếp chỗ ăn nghỉ cẩn thận cho bà mẹ, anh khẽ đặt bàn tay lên vai bà:

- Mẹ, tôi phải mắc việc mất rồi.

Lúc tay lính cần vụ dắt người đàn bà mà tôi mới làm quen chưa đầy mười tiếng đồng hồ bước qua trước mặt tôi như một tù binh ra khỏi phòng thẩm vấn, bà dừng lại giây lâu nhìn tôi, đó là cái nhìn từ bi của một bức tượng gỗ từ trăm năm để lại: Cái nhìn như vỗ về, như an ủi tôi, cái nhìn biểu lộ một vẻ cam chịu đầy thấu hiểu, như muốn cầu xin tôi hãy thứ lỗi cho con trai bà, lại như muốn than thở, bộc bạch riêng với tôi: cái thế giới này là do cả một đám những người đàn bà mắn đẻ như tôi sinh ra và chúng tôi không có cách gì có thể sinh ra những đứa con đồng loạt giống nhau, và lại cả số phận cuộc đời của chúng tôi nữa, số phận cuộc đời của những bà mẹ cũng chả ai giống ai. Đây là những tội lỗi muôn đời mà những người đàn bà đã gây ra, và phải trả giá trên cái mặt đất đầy những hằn thù này.

*
* *

Đến lúc một người đàn ông vận bộ quân phục mới màu xanh sẫm, mái tóc đã bạc quá nửa cắt rất cao, mặt mũi hồ hởi và cả cái thân hình thấp lùn cũng hồ hởi chui ra khỏi chiếc xe sáng loáng đen bóng, bơi bơi hai cánh tay trong không khí, nặng nề và oai vệ bước lên những bậc thềm đũa-ra và đang quay nửa người về sau gọi rồi rít, đưa tay vẫy tôi rồi rít, tuy chỉ cách nhau một quãng ngắn và bằng một cách đích xác tôi lại còn biết rõ chính là ông anh họ và hàng xóm của tôi ở ngoài Hà Nội, tôi vẫn không muốn quay lại. Như một tia chớp, tôi chợt hiểu Z8 là cái gì trong cái khoảnh khắc tôi nhìn thấy ông Thái và Toàn sóng vai nhau đi vào nhà theo nhịp đi đều.

*
* *

Lần này không phải bằng sự đồng cảm mà bằng chính tai mình, tôi nghe được muôn ngàn côn trùng đang kêu ran, tí tê dưới bước chân mình, trong những vạt cỏ xanh mà tôi đã trông thấy lúc ban chiều cứ xanh rờn dưới trời mưa tầm tã, bây giờ cái màu xanh tươi tốt đầy quyến rũ đã ẩn mình trong bóng tối hoàng hôn. Tôi cố đi thật nhẹ, cách người mẹ một khoảng cách độ dăm bước chân. Tôi vừa dự một cuộc gặp gỡ sau 20 năm đáng lẽ vui vẻ, cảm động nhưng hoàn toàn bất ngờ và trái ngược lại, như một phiên toà đại hình. Tôi cảm thấy lòng mình bị tổn thương nặng nề, và hình như cả con người tôi tự nhiên bị ngập chìm trong lo âu, một nỗi lo âu sao mà lớn lao và đầy khắc khoải về con người.

Tôi tự cho phép một mình lang thang hồi lâu giữa tiếng kêu

của loài giun dế và giữa nội cỏ lặng yên đã khuất vào bóng tối mênh mông. Cả người mẹ đang ở đâu đó thấp thoáng trước mặt tôi lúc này cũng chỉ có một mình. Con người có những lúc rất cần cô độc, cũng là để đi trốn cái thế giới loài người đầy nhiễu sự và cũng để sống hết với con người mình?

*
* *

Tôi quay trở về. Như một người mơ mộng quay trở về với cuộc đời thực. Một cách rất nồng nhiệt, không biết từ đâu ông Thái chạy lao tới nắm lấy cả hai bàn tay tôi, nắm chặt vừa lắc rất mạnh:

- Anh... anh vừa mới vào?

Trước câu nói vô tình thốt lên trong cái lúc vui bông bột của ông Thái, tôi hơi cúi mặt xuống. Biết rằng ông thốt lên một cách hồn nhiên chứ không hề có ý nói gì mình nhưng tôi vẫn cảm thấy hơi ngượng. Từ hôm vào đây, thỉnh thoảng tôi lại gặp những bạn bè đã vào Nam năm ba năm, có thể nói mới vào nhưng dù sao cũng là người đi trước, đi từ khi còn tiếng súng, còn gian khó, từ khi cánh anh em giải phóng mình còn chui rúc với nhau ở trên rừng. Ở ngoài Hà Nội, tôi và ông Thái ở cùng khu phố, là anh em họ, biết nhau kỹ lưỡng lắm nhưng thú thật, tôi và ông ít gần. Có lẽ một phần vì giữa ông và tôi có một quãng cách tạo nên bởi tuổi tác, địa vị xã hội thì ít mà về công lao cống hiến lẫn bề dày tham gia cách mạng thì nhiều. Tuy không hơn tuổi tôi bao nhiêu nhưng ông Thái đã hoạt động cách mạng từ thời bí mật; từ thời sinh viên ông đã bỏ Hà Nội lên chiến khu, lúc tôi vẫn còn là một đứa học trò lêu têu ở một vùng thôn quê khi họ còn gầy nào đó ở miền Trung, vì thế mà ông Thái là một chính uỷ trung đoàn trẻ nhất của bộ đội trong những ngày đầu kháng chiến, ấy là tôi

nghe người ta đồn vậy chứ chưa chắc đã chính xác. Người ta lại còn bảo ông Thái nói chuyện với bộ đội rất lôi cuốn và là một trong mấy nhà lý luận mác xít cự phách, cũng trong cái thời kỳ đầu ấy.

Có lẽ đúng như trời đất hay xui khiến, người ta có tài hay có tật.

Đời ông Thái đã có những trục trặc, mà trục trặc lớn. Hình như hoà bình lập lại sau chống Pháp, giữa lúc đang giữ một cương vị quan trọng trong bộ đội thì ông Thái bị đình chỉ công tác. Rồi thậm chí ông bị bắt đưa đi cải tạo tư tưởng ở Z8 trong ba, bốn năm. Những việc này đối với mọi người bao giờ cũng mang một dáng dấp lơ mờ, người ngoài chẳng ai hiểu tường tận và cũng thường ít muốn tìm hiểu, không có gì đáng tò mò có thể gây liên quan trở thành nguy hiểm đến mình chưa biết chừng, người ngoài muốn đứng ngoài mà người trong cuộc cũng không muốn kể lại, hoặc không thể kể lại.

Người ta bảo nếu không vấp cái "cú" lịch sử ấy gây nên bởi xu hướng tư tưởng tự do của ông Thái thì từ lâu ông đã ngồi vững vàng trong hàng các cấp tướng rồi, tuy thế ông và gia đình ông cũng không đến nỗi ngã quy hần xuống sau cái lần tai hoạ ấy, người ta chỉ biết sau đó ông trở nên một con người kín đáo quá mức, chùng mực quá mức và thêm một điều này: tất cả mọi tế bào trong con người ông đều trở nên ngoan ngoãn và lại chứa đầy nghị lực sắt đá. Với một đàn con trai, gái khá đông và một bà vợ biết nghe theo lời chồng, ông Thái quyết làm lại cái gia đình mình một lần nữa cho hơn người và ông đã làm được, làm một cách vất vả.

Bên ngoài khu tập thể của chúng tôi có một cái vườn hoa, đó là cái vườn hoa có từ lâu đời (ngày xưa có tượng Tây nhưng đã bị phá) và nổi tiếng trong thành phố như một thắng cảnh, cái vườn hoa rộng rãi lại thoáng mát, thường các buổi sáng, đám cán bộ già của hai ba khu phố kéo nhau ra đây tập thể dục.

Chúng tôi thường thường chỉ vận vẹo xương cốt vài cái, múa may tay chân vài động tác nữa rồi xúm lại kháo chuyện thời sự. Riêng chỉ có một mình ông Thái bao giờ cũng tập tành đến nơi đến chốn, lại để hết tinh thần và tình cảm vào việc tập, và có lẽ tôi nói hơi quá chăng, ông Thái luyện tập thể dục y như một giáo đồ đang hành lễ vậy.

Và nói ra chắc có nhiều người không tin, suốt cả một buổi tập đầy nghiêm túc, ông Thái bao giờ cũng chỉ tập độc một thứ động tác duy nhất là động tác... đi đều một mình. Kể ra thì nó cũng hơi kỳ cục nhưng đối với ông Thái, mọi người đều coi là một thói quen bình thường. Đây là thói quen ông giữ được sau những năm cải tạo ở trại giam Z8. Thỉnh thoảng ông lôi theo một đứa cháu trai khoảng mười tuổi hờ hào cùng tập. Thăng bé nhíp bước bên cạnh người ông, ban đầu thấy khoái chí nhưng thăng nhóc cũng rất chóng chán, nó liền lủi đi đá bóng. Chỉ còn lại một mình, ông vẫn kiên trì, tập đi đều một mình đủ ba vòng theo con đường nhựa chạy vòng chung quanh cái công viên rộng bát ngát ấy, rồi mới nhập bọn với chúng tôi.

"Tốt, tốt quá!", vừa bước vào nhập bọn với chúng tôi ông đã thốt lên, đây là mấy tiếng mở đầu hoặc kết thúc của bất cứ chuyện gì, bất cứ trong trường hợp nào. Dưới con mắt ông Thái cuộc sống bao giờ cũng suôn sẻ, thuận lợi và tốt đẹp, cuộc sống bao giờ cũng tốt quá, tốt quá, cách mạng bao giờ cũng như một cỗ máy tuyệt đối chuẩn xác, hoàn hảo, chẳng còn chi tiết nào còn cần phải điều chỉnh, sửa chữa dù chỉ là một chi tiết nhỏ.

Cách đây gần một năm, ngày được điều đi vào chiến trường miền Nam, ông Thái đội mũ tai bèo, công ba lô cóc đi chào từ biệt mọi gia đình. "Tốt, tốt quá!" ông bắt tay từ đứa trẻ trở đi và xuýt xoa. Trong khu tập thể chúng tôi vào những năm chiến tranh, đàn ông đi vào chiến trường như đàn bà đi chợ, chả ai nghĩ ra được cử chỉ đầy chu đáo và tình cảm như thế, và cả khu tập thể đều biết ông đã xung phong đi B.

Tôi kể cho ông nghe những tin tức ở nhà ngoài Hà Nội.
Rồi hỏi:

- Anh Thái, có phải anh đã sống với cậu Toàn từ hồi... đã lâu phải không?

- Phải, trước kia cậu Toàn làm trung đội trưởng trại cải tạo Z8, hồi ấy tôi đã từng ở dưới quyền quản lý cải huấn của cậu ấy. Nhưng anh hỏi có việc gì vậy.

- Mấy bữa nằm trên nhà khách, tôi nghe kháo có thể anh sẽ về làm chính uỷ cái sư đoàn này? - Tôi hỏi thăm dò.

- Các ông trên đang bàn. Nhưng cũng có thể...

Tôi lại hỏi:

- Cái tay Toàn bây giờ đặt lên làm tiểu đoàn trưởng ở đây, theo anh hẳn có phải là một con người tốt không?

- Tốt, tốt quá! Còn anh thấy hắn thế nào?

- Chẳng lẽ hết việc làm rồi hay sao mà hắn lười anh em ra bắt tập đi đều vào lúc này, - tôi nói thẳng. - Lại còn cái khẩu hiệu "5 không". Những việc ấy anh có biết không?

- Có, tôi có biết. Nhưng anh cũng biết cho rằng khắp các đơn vị mấy ngày qua mới ngừng tiếng súng mà bộ đội mình như sắp rã đám, chúng tôi rất lo. Chỉ có thằng D7 trong tay cái thằng Toàn này là vẫn còn duy trì được kỷ luật.

- Bằng cách bắt lính đi đều suốt ngày như một sự hành xác? - tôi ngạc nhiên nhìn người anh họ, con người đã từng chịu khổ khó một đời vì tư tưởng tự do bây giờ lại đang trắng trợn bênh vực cho cách quản lý cải huấn nhà tù, và lại, tôi không tán thành những nhận định về bộ đội chỉ toàn thấy mặt xấu của cả hai người - lại còn khẩu hiệu "5 không" đầy vô lý - Có phải là kinh nghiệm của trại Z8 không? (tôi hỏi ông Thái).

- Có lẽ, có lẽ... tôi biết cái sách của thằng Toàn..

Vừa nói thế bằng một giọng rất bình thản, quá ư bình thản khiến tôi càng ngạc nhiên hơn, ông Thái vừa thân thiện kẹp chặt

lấy cánh tay tôi bước lên cái bậc thềm bằng sắt i nóc, bơi bơi hai cánh tay trong không khí đầy vẻ hào sảng:

- Tốt, tốt quá! - ông kêu lên với tất cả nỗi vui sướng, - ông định cho mình cái này hay cái ở đằng kia đây hả thủ trưởng tiểu đoàn?

- Cái này - Toàn đáp.

- Cái đằng kia có tốt hơn không?

- Tốt hơn nhưng lính vừa làm cháy. Mai tôi cho kéo cái này lên cho anh nhé!

- Hãy khoan đã! Chờ đến khi nào có quyết định điều mình về dưới sự này đã! - đến lúc này ông anh họ thân yêu của tôi vẫn chỉ là một phái viên đốc chiến của cấp trên như trước ngày 30 tháng 4 và chắc là lúc này đang thèm khát cái chân chính uỷ sư đoàn Vinh Quang này lắm...

Với tất cả nỗi thất vọng, tôi rút vội vàng tay ra khỏi cái mạn sườn nóng nín những thịt của ông Thái.

- Báo cáo anh Thái, - Toàn nói tiếp, - tôi đang hội ý học tập với các đại đội trưởng. Xin anh cho tiếp tục. Mời anh cùng nghe và cho chỉ thị.

"Tôi đã từng ở dưới quyền quản huấn của cậu ta" tôi sức nhớ câu ông Thái nói với tôi ban nãy.

- Ừ, ừ... mình cùng nghe với các cậu!

Lúc ngồi xuống cạnh Toàn, hai khuỷu tay ông Thái cổ khuỳnh rộng, ra vẻ một người cấp trên khoáng đạt. Tôi thấy thương hại ông.

*
* *

Các đại đội trưởng ngồi chung quanh một chiếc bàn dài kê ở gian bên trái thường dùng làm chỗ hội họp. Toàn ngồi trên một

chiếc ghế sang trọng và oai vệ như ngai vua, lưng ghế cao vượt lên bọc gấm màu huyết dụ, chắc chắn chiếc ngai nhất ở đây về chứ không phải của cái nhà Mỹ này.

Toàn đã thay bộ quần áo khác. Trong bộ quân phục bó sát mình như trang phục quân nguy nom Toàn càng trẻ hơn, trong lời ăn tiếng nói với ông Thái, tuy lễ phép nhưng vẫn thấp thoáng cái giọng lười của một trung đội trưởng Z8, đầy lạnh lẽo.

Toàn hất hàm ra hiệu cho một đại đội trưởng tiếp tục báo cáo. Một thanh niên lòng không, chân tay dài, trông ốm o nhưng hai con mắt tuyệt đẹp, vừa mơ mộng vừa sắc sảo:

- Tôi đề nghị chiều mai cho xê tôi ngừng một buổi tập.

- Để làm gì? - Toàn hỏi dăm dề cổ giấu sự bất đồng ý kiến, bàn tay trái lúc này đang vuốt ve cái cánh tay phải, ở chỗ sát khuỷu tay và những nếp ống tay gấp lại.

- Sửa sang chỗ ăn ở cho bộ đội một chút, - đôi mắt mơ mộng của người đại đội trưởng nhìn ra ngoài trời đêm, - ván gỗ chung quanh đây vứt đầy ra mà anh em phải trải ni lông tăng, trải chán giữa nền xi măng để nằm. Cũng mang tiếng người lính chiến thắng mà ăn ngủ như thằng tù.

- Đừng có nói như vậy, - Toàn ngừng vuốt ve cái cánh tay, hai bàn tay đan vào nhau đặt trên mặt bàn. - Lưu ạ, từ lâu tôi đã bảo cậu cẩn thận lời ăn tiếng nói một chút. Không phải ngừng tập gì cả, chiều mai xê 2 của anh cứ ra bãi tập như bình thường. Đi tập về các anh đã có chỗ ăn ở đâu ra đấy. Còn gì nữa không, Lưu? Hết hả? Nào, xê 3, Đỉnh báo cáo đi!

Đỉnh đang "e hèm" thì một khuôn mặt mệt mỏi từ từ ngẩng lên đằng sau chiếc bàn con đặt chiếc máy điện thoại:

- Anh Toàn, chẳng lẽ anh lại nữ gọi đám anh em đang ốm nằm ở trạm xá tiểu đoàn đi làm ván nằm cho đại đội Hai có thì giờ tập đi đều? Báo cáo thủ trưởng Thái, hay là tiểu đoàn 7 chúng tôi sắp được về Sài Gòn duyệt binh hay sao?

Toàn nghiêm mặt nhìn người vừa nói, khuôn mặt vuông vức lẫn trong khoảng bóng tối sau chiếc máy điện thoại vẫn hướng về đại tá Thái với đầy vẻ chăm biếm, trong lúc Đinh không ngớt cựa quậy trong chiếc ghế. Ông Thái cười cười:

- Không, sư đoàn ta sắp tới không có nhiệm vụ tham gia duyệt binh ở Sài Gòn.

- Vậy thì bỏ hết mọi việc bắt lính tập đi đều căng thẳng thế này để làm gì? Lưu, người đại đội trưởng có đôi mắt mơ mộng lại lên tiếng.

Toàn ngồi im không đáp, mười ngón tay mân mê chòm chìa khoá. "Điều này có lẽ anh Thái trả lời thì hơn" thái độ im lặng đầy lạnh lùng của Toàn như muốn nói thế. Ông Thái hiểu rằng mình phải trả lời thay cho Toàn.

- Các đồng chí ạ, - cuối cùng như tuân phục một sức mạnh nào đó mà ông đã trót đầu hàng, ông Thái lên tiếng - trong khi các đơn vị đang nảy sinh tư tưởng, hành động tàn bạo, phức tạp, thì ở đây, đồng chí Toàn và các đồng chí đã không để xảy ra như thế. Điều đó quý hoá quá! Tốt quá!

- Hèm... e hèm!

Đại đội trưởng xê 3 mà Toàn đang khuyến khích phát biểu là Đinh, kẻ dưới tâm phúc của Toàn "e hèm" dọn giọng mấy tiếng đầy vẻ ngắc ngứ rồi nói một mạch:

- Cho nên tôi thấy... như thủ trưởng Thái vừa nói, vừa chỉ thị cho chúng ta, cũng là biểu dương chúng ta, hiện đang ngồi ở đây đều là cán bộ, nghĩa là những người có trách nhiệm duy trì kỷ luật quân đội. Thử hỏi nếu chúng ta không làm công việc này thì ai làm? Tôi hoàn toàn tán thành biện pháp của thủ trưởng cách đây hai hôm thì ở dưới đại đội đang bị chế nhạo, xuyên tạc...

Đinh ngừng một chút, thăm dò nét mặt các đại đội trưởng khác bằng con mắt lăm lét rồi quay hẳn về phía Toàn:

- Tôi đề nghị đồng chí Toàn... Rút đồng chí Phác lên trên này

ngay tôi nay. Hoặc tốt nhất, cho tổng giam. Chứ một cán bộ vô kỷ luật, tự ý bỏ đơn vị đi chơi như thế không thể để ở lại đại đội chỉ dù một phút. Đây là nguyện vọng...

- Nguyện vọng của ai? Khuôn mặt vuông vức bên máy điện thoại tự nhiên lên tiếng cất lời Đĩnh.

- Nguyện vọng của cả đại đội, - Đĩnh đáp, - nguyện vọng của quần chúng.

- Quần chúng gì? Quần chúng nào? Nguyện vọng của cá nhân đại đội trưởng xê 3 thì có! Lưu đánh mất cặp mắt mơ mộng - tôi đã muốn nhắm mắt, bịt tai, quay mặt vào tường ngủ quách đi, ngủ như bao nhiêu thằng lính trốn đời đang mắc chứng bệnh ngủ ở nhà trạm xá tiểu đoàn. Anh Đĩnh, ma quỷ nào vừa ám vào anh vậy, anh sợ cái thằng Phác, thằng phó của anh ở lại, nó nhảy lên tranh mất cái chức đại đội trưởng hiện nay hoặc tiểu đoàn phó nay mai mà anh Toàn đã nhắm cho anh hay sao? Anh đã nhầm lẫn, biến bạn bè thành kẻ thù. Chỉ vì một chút chức vị, một chút sao, gạch mà anh đã trở thành kẻ thâm hiểm. Cái thằng Phác ấy, cho nó cấp tướng, nó cũng thêm vào! Nhưng dù sao thì thằng Phác nó cũng đã bị đẩy ra khỏi tiểu đoàn này rồi! (Lưu bỗng cười hô hô). Buồn cười quá đi mất, trong tiểu đoàn ta có một đại đội phó sắp được phong anh hùng, danh hiệu anh hùng còn ở tận đầu tận đuôi, chưa thấy đâu, chỉ thấy bên phải, bên trái, tứ bề kẻ thù ganh ghét xuất hiện, toàn đồn ngằm đánh cho tơi bời, ai cũng hốt hoảng tưởng nó sắp tranh mất ghế chức, mất uy tín, mất sao gạch của mình. Vậy thì nó sống sao nổi, hơn nữa, cái thằng ấy lại có tính nói thẳng, cho nên càng không sống nổi! Hết đất sống, chỉ còn một cách bỏ đơn vị đi lang thang chứ sống ở đơn vị sao nổi?

- Lưu này, - Toàn nghiêm khắc, - anh nói nhưng kịp xin phép tôi đâu.

- Vậy thì tôi xin lỗi... tôi chỉ xin phép được nói với anh Đĩnh

thêm một đôi câu thôi. Bởi vì anh Đinh vừa lớn tiếng đòi điều người phó của mình đi, lại đòi tổng giam người phó của mình ngay đêm nay. Anh Đinh, anh đã ở đây lâu đời, tham gia chiến đấu gần chục năm ở *dê* này, ai tốt, ai xấu, ai ra sao chắc anh biết rõ? Vậy mà chỉ tắt tiếng súng mới có mấy ngày, hoà bình vừa được có mấy ngày, thế mà ở cả bốn đại đội của chúng ta đã có không biết bao nhiêu là anh em tốt phải khoác ba lô ra đi khỏi tiểu đoàn này. Vậy là sao nhỉ?

- Cuộc họp cũng phải có kỷ luật, - mặt Toàn đã đỏ bừng, - tôi ra lệnh cho anh im đi!

Mấy tiếng Toàn vừa kêu liền rơi vào khoảng trống. Lưu để lộ một nét mặt buồn vô hạn với một thần thờ, anh đi mấy bước về phía sau lưng đại đội trưởng *xê 3*:

- Anh Đinh này, anh, tôi và thằng Phác đã có mặt ở cái *dê* này từ khi sư đoàn ta xuất phát từ núi Nưa ngoài Thanh Hoá, mặc áo Tô Châu, đội mũ sắt hành quân vào B. Bao nhiêu năm rồi anh Đinh nhỉ? Cái lớp lính chúng ta ấy đến ngày hôm này còn lại trong tiểu đoàn này chưa đầy hai chục thằng. Cả một tiểu đoàn biên chế, trang bị mạnh để đi B, hơn năm trăm thằng, còn chưa đầy hai chục thằng, đây là kể cả những thằng bị thương trận 30 tháng 4 vừa rồi đang nằm trên trạm xá sư đoàn. Trận 30 tháng 4 vừa rồi anh đã tỏ ra hèn nhát, đại đội trưởng đại đội mở cửa. May mà có thằng phó của anh nó đã ra tay cứu anh. Nó đã không sợ chết, dám một mình nhóm dậy giữa lưới lửa bắn quét dày như mắt sàng, quỳ ngay trước cửa mở, đội nòng súng máy lên đầu cho mấy cậu xạ thủ bắn. Kể cũng lạ thật chứ, chẳng hiểu sao thằng Phác đã không chết? Còn anh, anh Đinh, tôi thông cảm với anh chúng mình thằng nào chả có một chút gia đình, bố mẹ ở ngoài miền Bắc, gần mười năm vào đây... đứa nào mà chả muốn sống cho qua nổi cái buổi trưa ngày 30 tháng 4? Nhưng mà thế này anh Đinh ạ, tôi có thể bỏ qua cho anh về cái trường

hợp hèn nhất, sợ chết nhưng tôi không thể bỏ qua cho anh về cái sự uốn éo của anh để hãm hại anh em mình đâu! Trời, mà mới sau có mấy ngày! Chỉ sau có mấy ngày mà anh đã chóng trở thành một thằng đồng đội của chúng tôi như thế, anh Đinh?

Lưu ngược cặp mắt đầy ngơ ngác lên nhìn trên đầu mọi người:

- Tôi đã nói hết chưa nhỉ?

- Chưa đâu! - cái mặt vuông vức đầy mệt mỏi lại ngẩng lên

- Rồi cả cậu lại chuẩn bị mà cuốn gói xéo đi khỏi tiểu đoàn này thôi!

- Kết thúc! - Toàn đứng dậy, - tôi tuyên bố cuộc hội ý tối nay thế là xong.

- Nhưng chuyện của tôi với anh chưa xong đâu anh Toàn ạ!

- Lưu đi về phía cái "ngai vua", vẫn từ tốn, đẹp đẽ, lễ phép. - Chắc anh cũng hiểu anh được điều về đây sau ngày đã ngừng tiếng súng, sau khi đám chúng tôi đã giải quyết xong cái "Con nhím" này. Nhưng anh hãy cứ khuôn hết mọi của cải, đồ đạc Mỹ đã để lại, anh dùng hay cho ai, biếu ai, tùy anh. Nó có đáng là gì so với sinh mạng của những con người, sinh mạng những thằng lính chúng tôi? Chúng tôi cảm sung đánh nhau với thằng Mỹ trong gần chục năm vì những cái lớn hơn chứ đâu vì mấy thứ của đồ? Nhưng tôi chỉ đề nghị, cầu xin anh một điều: với cái tiểu đoàn qua hai cuộc kháng chiến ít ra đã hai lần được phong anh hùng này, bây giờ trong hoà bình, anh đừng biến nó thành một đám người chỉ biết đi đều rầm rập, mất thăng sau chỉ có thể nhìn thấy gáy thẳng trước anh muốn làm gì thì làm. Phải không thủ trưởng Thái?

Đừng vin vào kỷ luật quân đội để biến những người lính anh hùng này thành những người tù! - Lưu đập gót đứng nghiêm.- Báo cáo hai thủ trưởng, tôi xin phép được về dưới đại đội.

- Cậu về đi - nhưng cậu đã nói hết chưa đã? Toàn xoay mình

trong chiếc ngai, trở nên bình tĩnh một cách rất sợ.

- Tạm hết. Báo cáo anh, tạm hết thôi! Lưu cũng không phải tay vừa.

- Vậy thì cậu nói hết đi, tôi nghe mà!

- Anh đừng tự tin quá, sức anh chỉ nghe được đến thế.

- Vậy thì về đi. Cậu cứ yên tâm. Tôi không đẩy cậu đi khỏi tiểu đoàn này đâu.

- Cảm ơn.

Thế là đám cán bộ đại đội đã kéo nhau về dưới đại đội hết cả. Tôi ngó vào khoảng tối bên ngoài, chưa bao giờ thấy đêm tối lại sâu, bí hiểm và huyền ảo như vậy, cả một khoảng sâu thẳm thẳm không có đâu là đáy cùng.

Tôi hơi ngạc nhiên thấy Đinh vẫn đang còn ngồi lại, Toàn và Đinh thì thảo việc gì đó. Đinh đứng dậy. Ông Thái cố ý làm ra vẻ người ngoài cuộc, hoặc chẳng có gì xảy ra cả. Ông Thái hỏi tôi bằng giọng tự nhiên cứ như người ngạt thở nhưng cố lấy dáng điệu thật thoải mái, vui vẻ:

- Anh còn ở đây với anh em dưới này lâu lâu chứ?

- Tôi định ở đây cũng chỉ mấy bữa thôi.

- Nghề nhà báo của anh sướng thật. Nay anh Toàn, công việc cứ thế nhá! Minh về trên ấy đấy. Cũng đã khuya rồi!

- Khoan đã anh Thái, - Giọng Toàn vẫn còn lạnh lẽo, rin rít.

- Anh ngồi lại với chúng tôi một lát nữa đã.

- Có việc gì nữa nào?

- Chẳng còn việc gì, chỉ mời anh ở lại ăn cơm với chúng tôi.

- Có gì hay hơn trên Sài Gòn không? Ông Thái hỏi nửa đùa nửa thật, cũng vừa lúc ấy cậu cần vụ bung từ dưới nhà bếp phía sau lên một mâm cỗ đầy, tiếp liền đẩy một chiến sĩ khác lại bung tiếp một mâm nữa.

- Gì thế này? Ông Thái ngó vào mâm đầu tiên, reo lên. - Thịt cày? Tuyệt trần! À, mình hiểu rồi, đây cũng là một thứ chiến lợi

phẩm của "Con nhím" phải không ông Toàn? Mà tại sao sắp ra
lắm bát đĩa thế?

- Chẳng mấy khi nhân có hai anh xuống, - Toàn nói buồn bã
- tôi đã dự định trong kế hoạch tối nay mời các cậu đại đội
trưởng cùng ở lại cho vui cơ!

- Thật tiếc! - ông Thái chép miệng lấy làm tiếc, - mấy cậu đại
đội trưởng đã làm hỏng mất cuộc vui.

- Tiếc thật. Tôi cũng ngượng ngùng chép miệng lặp lại như
cái máy, bung chén rượu lên lần lượt cụng chén với ông Thái,
Toàn, Đình và cậu cần vụ, thấy cái mặt mình góp vào cuộc rượu
giữa bốn con người này nó cứ như trật khác ra. Tôi chỉ muốn có
cách gì chuồn khỏi đây thật nhanh nhưng chả có cách nào. Đã
không còn cách nào chuồn đi khỏi thì ngồi lại, ngồi với họ, - tôi
nghĩ vô cùng chua chát. Ừ nhỉ, lâu nay mình sống với người, chỉ
biết sống với người, với thần thánh, thì bây giờ hãy sống với quý,
quý già đời, hãy ngồi cùng mâm với quý, hãy chạm chén với quý,
quý già đời quý mới tập sự. Không biết lúc này người mẹ tội
nghiệp đang ở đâu? - tôi chợt muốn rơi nước mắt xuống chén
rượu Toàn vừa nghiêng chai rót thêm cho tôi với tất cả sự kính
trọng - Người mẹ ấy đẻ ra con để làm gì nhỉ? Không biết những
Phác, những Lưu, cả cậu đại đội trưởng mặt vuông, cả những
người lính mắc chứng bệnh ngủ, những người lính xếp hàng đi
đều dưới trời mưa, họ đang ở đâu, thế giới loài người đang ở đâu
trong cái khoảng tối om bên ngoài ngôi nhà tôi đang ngồi? Chúng
tôi ngồi chung quanh một chiếc bàn ăn phủ khăn ăn trắng muốt.
Toàn vẫn ngồi trên chiếc "ngai" giữa ông Thái và tôi. Đại đội
trưởng xê 3 - cái con quý mới tập sự, đến tội nghiệp, đang ngồi
như bị đóng đinh ngay trước mặt tôi. Hắn có một khuôn mặt
chất phác hơi đàn đàn, trạc gần ba mươi, phía dưới tai trái giáp
với cổ có một vết sẹo, chắc là một vết thương do mảnh pháo.
Đình luôn luôn cúi xuống, ngồi ne né, rõ ràng tránh một tư thế
ngồi chính diện với tôi. Đình nhai, gắp từ tốn, mỗi khi nhai cái

vết sẹo gần cổ lại động đậy như cộm lên trên cái xương hàm dưới động đậy. Tôi thấy ghét hẳn, những lời Lưu nói vẫn văng vảng. Cái thứ dơ bẩn đã phản bội bạn bè, đồng đội, ôm chân Toàn để diệt chiến hữu. Ngay cái việc một mình hẳn ngồi lại đây, có mặt trong bữa rượu thịt chó này, đã thấy sự nhơ nhớp.

Nhưng hai con mắt hum húp của Đĩnh trừng lên nhìn tôi một thoáng rồi lại nhìn đi nơi khác. "Anh là cái thứ nhà báo sống lıp với vợ con ngoài Hà Nội, trong khi tôi phải lặn lội, suốt đời chịu đói chịu khát ở rừng "Tây Nguyên", con mắt hum húp lại trừng lên về phía tôi lần thứ hai. Tôi cúi mặt xuống, xoay xoay chén rượu trên mút hai ngón tay cầm bút. Tôi thấy sự có mặt của mình thật đáng nguyên rủa, khiến cho một người ít ra đã từng chịu đói rét từ Tây Nguyên về gấp miếng dồi chó bỏ vào miếng cũng không còn biết ngon nữa. Tôi ngẩng lên muốn bắt chuyện với Đĩnh, định hỏi một câu gì đó nhưng không sao thốt lên được. Tôi cười cười và khiến cho tình hình càng tệ hại. Đĩnh càng ngượng, càng khó chịu có tôi đang cười cợt ở trước mặt. Thấy tay cần vụ ngồi trên chiếc ghế gần cửa xuống bếp cứ phải chạy lên chạy xuống theo sự sai phái của Toàn, Đĩnh liền đứng dậy làm thay cho tay cần vụ.

- Anh Toàn này, - ông Thái nói trong lúc nhẩn nha nhai, sau khi cầm thìa gắp một miếng gan chó từ đĩa lớn bỏ vào bát của mình - anh cũng không nên bỏ qua tất cả mọi phản ứng của dưới, nhất là phản ứng của các xê trưởng.

- Mới có thể mà anh đã bối rối, - Toàn vẫn cứng rắn nói tiếp sau một lúc nghĩ, - bây giờ anh là người có trách nhiệm lớn. Từ bối rối đi đến dao động chỉ nửa bước.

Ông Thái tự nhiên ngừng nhai. Vài chén rượu ban đầu đã hâm nóng chí khí viên đại tá, thấy mình cũng đường đường là một cấp trên và chắc là đến lúc này ông mới cảm thấy bị Toàn xúc phạm.

- Dù sao thì cái khẩu hiệu "5 không", tôi thấy nội dung của nó... cũng "chặt chẽ" quá (lấy hết can đảm ông Thái cũng chỉ nói với Toàn được đến thế).

- Kinh nghiệm của tôi là ngay từ đầu mình cứ chặt chẽ đi - lần này Toàn phát biểu tuyên ngôn - chứ không thích dùng sách của tiểu tư sản.

Ông Thái bị gãy, chỉ ngồi im. Sau khi chỉnh vị đại tá hai câu Toàn lại nghiêng chai rượu tây rót cho vị đại tá ngồi bên trái rồi quay sang kính cẩn rót cho tôi, lại cầm đĩa gấp thức nhắm vào bát hai chúng tôi. Tôi nhìn những miếng lòng chó, gan chó được Toàn gấp bỏ vào đầy cái bát, thò đĩa gấp một miếng bỏ vào miệng, tự nhiên nhớ lại con chó Tây to lớn và gầy nhom ló mặt ở góc tường khuất nhìn thấy lúc ban chiều, tôi thấy buồn nôn quá! Tôi bưng lấy miếng cổ để khỏi nôn, bước ra ngoài. Toàn bảo cậu cần vụ đi theo nhưng tôi bảo cậu ta quay trở vào. Ở ngoài sân tôi đã hết nôn và không muốn quay trở vào tí nào nữa. Tôi đi lang thang cố ý kiếm người mẹ xem bà đang ở đâu. Qua một vài nhà bỏ vắng bên trong đồ nát bừa bộn, ở một góc khuất đầy tối tăm, lại gặp con chó. Tôi sờn gai ốc, tưởng như vừa giáp mặt với linh hồn con chó đã bị giết thịt trong bữa tiệc rượu mà tôi vừa ngồi. Tôi vội vàng bỏ đi như kẻ tháo chạy sang bên kia cái sân cỏ, men theo hiên một dãy nhà khác. Cuối dãy nhà có đèn sáng. Một người lính đang ngồi cặm cúi vá áo bên một ngọn đèn dầu hoả. Thì ra đây chính là nhà đại đội bộ của xe 3. Người liên lạc ngừng may vá ngẩng lên cho tôi biết ban chỉ huy đã đi vắng hết.

- Đồng chí Đinh xe trưởng đi hội ý trên tiểu đoàn chưa về...

- Còn anh Phác, - tôi hỏi, - anh Phác mới về chiều nay đâu?

- Đồng chí Phác về đến nơi, chơi bởi với anh em đại đội một lúc rồi đi ra ngoài cánh đồng phía sau lưng... đi từ lúc chưa tối.

- Làm gì?

- Hình như đồng chí ấy ra thăm anh em nằm ngoài nghĩa trang.

Tôi nhấn cậu liên lạc dẫn Phác chốc nữa tôi sẽ quay lại, rồi quay trở về. Đi ngang qua một ngôi nhà rất nhỏ và thấp như một thứ đồ chơi, quét vôi trắng in bật lên giữa đêm tối, tôi chợt nhìn thấy có một người đang quỳ nép sau cây cột, trước thềm. Ban đầu tưởng là một bức tượng nhưng nghe tiếng lầm rầm, tôi giật mình nhận ra đó là bà mẹ, chính là bà mẹ đang quỳ ở đây, trước bậc thềm ngôi nhà thờ Tin lành.

Tôi vội vã đi giật lùi lại. Tôi vừa nhìn bóng cái bà già đang quỳ lầm rầm đọc kinh vừa đi giật lùi chưa được dăm bước thì phía tay trái, một làn chớp vụt loé sáng soi rõ như ban ngày cái mặt tiền ngôi nhà thờ Tin Lành hình chớp nón trắng toát, tiếp liền một tiếng nổ kinh thiên động địa như muốn dưng cả cái vị trí "con nhím" đây. Bóng người đàn bà ngã vật ra đằng sau...

Tôi lao tới xốc người mẹ dậy giữa lúc đất, cỏ rơi xuống đầu rào rào.

Tiếng chân người chạy rầm rập khắp bốn phía doanh trại. Những bóng lính chạy xô về dãy hàng rào dây thép gai phía tay trái. Cậu liên lạc xê 3 ngồi vạ áo mà tôi vừa gặp chạy vụt qua trước mặt tôi, bằng giọng đầy đau đớn kêu đến lạc giọng "Anh Phác bị rồi! Các đồng chí ơi, anh Phác vấp mìn rồi!" Tôi rụng rời cả chân tay. Người mẹ đã hồi tỉnh lại. Tôi dìu bà đến ngồi trên bậc thềm và chính bà cũng hốt hoảng, đau đớn bởi những lời người lính xê 3 vừa chạy vừa hô hoán lên.

Tôi chạy đi. Người mẹ miệng cứ rên rĩ cũng đứng dậy vùng chạy theo.

Ở một đoạn hàng rào khỏi vẫn còn đọng, anh em bộ đội đã kéo đến kín đen. Qua những tiếng nói lao xao, tôi hiểu ra đây là chỗ "đột phá khẩu" Phác đã mở được cách đây mấy ngày, khi sư đoàn tấn công vào. Chung quanh tôi, một dải đất cháy đen xỉ, đất bị cày lên, hàng rào dây thép gai chồng chất bị bộc phá xé nát.

Tôi chạy qua một hõm đất bằng cái nón nóng rẫy đặc mùi diêm sinh, chắc là chỗ quả mìn vừa nổ. Tôi nóng nảy lách người qua một đám đông vòng trong lớp ngoài những người lính đứng vây kín. Ở trong cùng, một cái bóng to lớn và một bóng dài mảnh khảnh, bác sĩ Khoát và Lưu không biết đã kịp chạy ra từ bao giờ, người nâng đầu, người đỡ ngang lưng Phác, đang khiêng cái thân hình nhỏ bé máu me đầm đìa lên khỏi mặt đất. "Anh Phác! Anh Phác!" người liên lạc xê 3 chạy nhào tới ôm lấy ngang người Phác, méo máo gọi. Phác đã tắt thở trước lúc bác sĩ Khoát là người đầu tiên chạy ra đến nơi. Phác đã chết.

Tôi đứng bất lực giữa Lưu và bác sĩ Khoát.

Cả Lưu, cả bác sĩ Khoát đã cứu bao người lính, tất cả những người lính dề 7 đang xúm vào khiêng Phác trên tay đứng im lặng giữa con đường cửa mở này đều bất lực trước cái chết tàn nhẫn. Tình yêu của bao nhiêu anh em đồng đội cũng không cứu được Phác.

Một vùng khói trắng như sữa còn đọng trong cái hình phểu bằng chiếc nón dưới mặt đất. Không khí dọc con đường cửa mở sặc mùi đất cháy lẫn mùi thuốc mìn nóng hầm hập.

Toàn và Đinh từ bàn rượu đến bây giờ mới thấy chạy ra.

- Thế mà tôi cứ tưởng chuột bọ gì làm nổ mấy quả mìn. Khổ quá, cậu Phác bị rồi anh Thái ạ! - Toàn vừa chạy vừa quay về sau nói với ông Thái.

- Có cứu được không? Hình như bác sĩ Khoát đang ở đây. - Đại tá Thái chạy sau vừa chạy vừa nói lấp bắp.

Đinh bỗng nhiên bật khóc hu hu khi biết rằng người phó của mình đã chết thật. Đây là tiếng khóc đầu tiên cất lên, sau đó bà mẹ mới dám cất tiếng khóc nhỏ nhỏ rên rĩ đầy đau đớn "Con ơi!". Bà mới có dịp được biết Phác trong buổi chiều nay cùng ngồi trong chiếc Phi-át chạy từ sư đoàn xuống. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, Toàn nét mặt đầy căng thẳng, lại có vẻ bức bối,

chấp tay sau lưng đi đi lại lại.

- Khó, mà tối tắm cậu ấy ra ngoài cánh đồng làm gì nhỉ?

Cậu cần vụ vội thu dọn nốt mấy chai rượu uống dở. Dưới ánh sáng nê-ông trong ngôi nhà chiến lợi phẩm Mỹ có bánh xe, ông Thái ngồi iu xiu, mặt và thân hình béo bệu chảy ra, da mặt trắng bệch không sinh khí như màu đất thối. Tôi không thể đóng vai người khách mãi được.

- Anh Toàn, - tôi nói, - anh hãy đứng lại một phút tôi muốn hỏi anh một câu thế này: ở chỗ cửa mở anh cho gài mìn để làm gì?

- Tôi đã cho ráp lại, rồi lại bị phá.

- Ai phá?

- Dân ở ngoài cũng có, đập trâu vào găm cỏ, lượm nhặt hoặc ăn cắp đủ thứ trong vị trí, lính mình cũng thường lên ra ngoài bằng ngà đó. Chỗ cửa mở đã trở thành cái cửa ngõ...

- Chẳng lẽ chỉ vì thế mà anh lại có thể cho gài mìn ư? Tôi tức tôi tra vấn.

- Trước khi gài, tôi đã thông báo cho bộ đội và cả ngoài xã.

- Xã làm sao có thể thông báo hết cho mọi người được? Cả bộ đội mình, đây, đến cả Phác là cán bộ đại đội cũng có biết đâu? Anh Toàn ạ, không ai gài mìn với nội bộ mình.

- Nhưng cậu Phác ra ngoài phía ấy làm gì nhỉ?

- Chỉ có anh mới hỏi thế! - Tôi đã không nén nổi cảm giận. Chính tôi cũng vừa ở ngoài cánh đồng trở về đây. Thế anh không hiểu rằng có hàng mấy chục anh em mình vừa hy sinh cách đây mới có mấy ngày đang nằm ở cái nghĩa trang ngoài ấy hay sao?

Toàn muốn đưa Phác vào nhà tiểu đoàn nhưng Lưu cương quyết giữ lại. Lưu đặt cổ quan tài Phác nằm giữa cửa mở, đầu quay vào trong. Khi Nhập quan, tôi cầm mãi cái bàn tay phải của Phác vẫn còn quần băng - cái vết bông nặng từ trưa 30 tháng 4 chưa lành. Suốt đêm, những người lính dề 5 không ngủ,

đều thức túc trực bên Phác. Đây là những người lính mắc chứng bệnh ngủ đang điều trị ở nhà trạm xá tiểu đoàn. Đây là những người lính mà tôi mới nhìn thấy từ xa trong những khối người đi đều dưới trời mưa. Đây là những người lính mà mới chiều qua Phác đã nói vồ vào mặt Toàn sẽ không cho phép bất kỳ ai đối xử như một trại trưởng Z8. Đây cũng là những người lính quê miền Bắc vào Nam đánh giặc, đã cùng với Phác sống những năm đầy cơ cực, từng cùng nhau chôn bao đồng đội chết đói, chết rét, chết bệnh ở trên rừng, một đời người lính "sinh Bắc tử Nam" thân nằm trong đất mà hồn vẫn không một phút nhãng quên cơn khát "lý tưởng độc lập và tự do".

Giữa cái vị trí bị vây rào bốn mặt, không biết ai đã kịp loang tin đi mà nhanh quá vậy, bạn bè chiến hữu từ ngày ở rừng của Phác từ khắp bốn ngả Sài Gòn theo xe đồ ùn ùn kéo về. Tôi lại gặp lại ở đây đám lính trẻ thương binh hay hải hước mà Phác và tôi đã gặp trò chuyện, ngồi nhăm nháp với nhau nửa chai Napôlêông ở nhà khách sư đoàn.

Để tránh cơn giông buổi chiều, hai người trông nom việc chôn cất là Lưu và Đinh bàn với nhau quyết định đám tang làm vào 12 giờ trưa, cũng vào giờ này, trước đây chưa đầy tuần lễ, đại đội 3 của Đinh đang đập qua lưng anh chạy theo Phác đặt quả mìn khối trăm cân làm nổ tung cái hầm chính trong trung tâm.

Màu trời giữa trưa ngoại ô Sài Gòn xanh một màu xanh biêng biếc đến làm nao lòng người, rải rác phấp phới những lá cờ Mặt trận xen cờ đỏ sao vàng. Cánh đồng rộng bát ngát phía sau căn cứ "Con nhím", trong buổi sáng lịch sử 30 tháng tư ấy, dưới những cụm khói trắng của đạn pháo phòng không 37 ly bắn lên trời xua bọn phóng pháo F5 của quân nguy, cả ba trung đoàn của sư đoàn Vinh Quang triển khai đội hình tiến công trên những cánh ruộng khô nẻ, lính chống nạng tay đứng bên các khẩu súng máy chỉ trở vào "Cái áo giáp bảo vệ phía tây Sài Gòn"

cảnh tượng như trong phim "Chiến tranh và hoà bình". Nơi ấy bây giờ, chừng khoảng ba chục ngôi mộ xếp thành ba hàng dọc trên một khoảng bãi cỏ cao ráo. "Liệt sĩ 30 tháng 4 năm 1975 - đê 7" một tấm bia chung mới được cắm lên, hàng chữ viết bằng sơn màu xanh lá cây lộ chỗ mấy vết đạn bắn. Tôi biết đang nằm đây một nửa là chiến sĩ đại đội 3 của Đinh và Phác.

Cỏ chưa kịp mọc trên phần mộ người lính, không biết từ bao giờ trên từng ngôi mộ mới đắp tôi thấy đặt ngay ngắn những điều thuốc lá Tam Đảo, Điện Biên của ta chở từ ngoài miền Bắc vào. Lại có cả Quân tiếp vụ, Captan, thứ thuốc lá của vùng mới giải phóng. Có những điều thuốc lá đã đen sìn lại, có điều mới hơi ngả màu - những điều thuốc lá của các anh em chiến sĩ đê 7 trộn trại ra bằng lối cửa mở, đem bày cúng bạn bè, đồng chí mình. Đặc biệt tôi nhìn thấy, như là được chia đều, mới đặt thêm trên mỗi ngôi mộ ba điều "ba con năm", vòng giấy vắn điều thuốc vẫn còn trắng tinh, thứ thuốc lá đầu lọc ngon thơm nhất mà những ngày đang còn ở trên rừng, những người lính chúng ta chỉ mới nghe nói đến và chẳng bao giờ dám ước được hút. Đây là quà Sài Gòn của Phác mới đem về.

Bây giờ Phác đang nằm nôi vào họ. Có lẽ anh là người lính đầu tiên hy sinh trong hoà bình. Hoà bình mới được mấy ngày!

Tôi nghe tiếng quạ kêu đến điếc tai trong một dải vườn trồng cây trái cóc gần đây khi Toàn nói những lời cuối cùng đầy thương tiếc Phác. Sau lưng Toàn là Đinh đứng cúi mặt xuống đất, chẳng biết đang nghĩ gì.

Cặp mắt đầy thơ mộng của Lưu ngược nhìn lên một khoảng trời quê phía Bắc xa vời vợi, bỗng đôi mắt trở nên sắc sảo, như một mũi khoan, nhìn xoáy vào gáy Toàn.

"Con ơi!" bà mẹ bung vạt áo trên miệng, khuôn mặt già nua đầm nước mắt. Tôi nhìn cái huyết và cổ quan tài sắp hạ huyết, tôi cố để đừng khóc, nhớ những đêm thức "đầu hót" với Phác

trên nhà khách sư đoàn, thế mà lúc ấy tôi đã nghĩ: "cái thớ lính đập đầu vào đá không chết?". Phác đã chết, trên đời vừa mất đi một người. Tôi cảm thấy mình đứng lẻ loi dưới một vạt trời đen kịt đầy những cánh quạ bay nháo nhác trên chòm vườn trái cóc. Tôi cố đưa mắt tìm nhưng không thấy ông Thái đứng ở đâu trong cái đám tang đầy những lính...

*
* *

Tôi trở về sư đoàn ngay sau đó, nói hết mọi điều đã thấy, đã nghĩ. Với một lòng nặng trĩu buồn khổ tôi lang thang suốt cả tháng khắp các sông rạch, bùng biển miền Nam, xuống tận đất mũi. Rồi một ngày trên đường từ miền tây đi bằng xe đò để trở lại Sài Gòn, tôi ghé vào một vùng đồng cỏ buồn tẻ, đầy hoang vu. Một sư bà trạc ngoài tám mươi, lưng đã còng gập xuống nhưng da dẻ đỏ đẫm ngồi sưởi nắng bên một đồng cỏ khô đánh đồng bên lối đi vào cổng chùa.

Tôi hỏi thăm sư bà Thiện Linh và tự giới thiệu là bộ đội giải phóng.

- Chui cha, ông là con há? Chả lẽ con bà đã già thế ni hủ?

Tôi cải chính tôi không phải là con của sư bà Thiện Linh, tôi chỉ là một khách vãng lai. Sư già đã nghehnh ngãng chẳng nghe thủng. Già cho tôi biết là sư bà Thiện Linh vắng chùa đã hơn tháng, đang đi thăm con trai là một người lính thuộc bên phía cách mạng vừa từ rừng xuống, "thế vậy mà con trai bà lại đến tìm bà ở tận đây?". Rồi trong khi dắt tôi về chùa, già kêu to ra ngoài một cái đĩa - những tiếng kêu lú lờ như tiếng chim hót trên đồng cỏ. Các sư bà đang bắt cá ở ngoài ấy lập tức đầy hoan hỉ chạy về. Một lần nữa tôi lại phải cải chính. Theo lời khuyên của sư bà trụ trì, tôi ở nán lại khoảng đến trưa thì gặp được một

cô gái trạc 17, 18 tuổi, tự xưng là người Sài Gòn, phải nói là một thiếu nữ hết sức xinh đẹp và ăn vận sang trọng, đi chiếc xe gắn máy từ Sài Gòn lên. Tôi nói rõ rằng tôi là nhà báo quân đội từ ngoài Hà Nội vào và trước đây một tháng có được gặp sư bà Thiện Linh ở một đơn vị bộ đội.

- Thưa ông, cách đây năm năm, má con bỏ tiền ra xây ngôi chùa ở nơi hẻo lánh này - chiều hôm ấy, lúc đã hơi thân quen thiếu nữ kể với tôi - lúc ấy cha con đang còn là trung tá và con mới có mười ba tuổi. Đây là một vùng ngày xưa không ai dám ở vì bên bộ đội giải phóng thường hay thọc xuống. Má con quyết định lên quy Phật tại ngôi chùa này là hy vọng được gặp anh con, đêm đêm đón đợi anh con về.

- Bây giờ gia đình cô vẫn đang còn ở dưới Sài Gòn? Tôi hỏi.

- Thưa ông không còn. Ba con và các anh chị con đã chạy đi Mỹ hồi cuối tháng trước. Trước khi đi ba con lên khóc lóc, nhưng má con nhất định không chịu trở về để đi Mỹ cùng gia đình.

- Thế mà riêng cô lại ở lại?

- Con không thể rời bỏ được má con ông ạ, con thương má con, vả lại ba con cũng thuận để con ở lại với má con, ba con bảo: còn má ở lại không nên đi hết - thiếu nữ buồn rầu nói tiếp - một tháng nay con ở lại Sài Gòn một mình trông nom nhà cửa, vài hôm lại đi xe lên đây xem má con đã trở về chùa chưa. Bây giờ chỉ một mình con ở ngôi biệt thự, trên lầu dưới nhà rộng mà còn hơn cái nhà chùa, con buồn mà sợ quá, chỉ mong má con trở về nhà dưới Sài Gòn...

Chiều hôm ấy tôi xuống Sài Gòn, thiếu nữ vẫn ở lại ngôi chùa hẻo lánh giữa vùng đồng cỏ để chờ bà mẹ.

Hơn một tháng sau, trước khi trở ra Hà Nội, tôi theo một người bạn đi thăm Cần Thơ và nghe tin trong thành phố miền tây này vừa xuất hiện một bà già ăn mày lạ mặt. Mụ hành khát khoác chiếc túi nâu chống gậy đi lững thững trên vỉa hè, miệng

lúc nào cũng lẩm bẩm rên rĩ hai tiếng "con ơi!", có khi lại như đang mãi nói chuyện với ai đó khiến trên đường đi đâm sầm vào người khác. Ban ngày mù lang thang đi xin ở cơ quan, đơn vị bộ đội, nhất là các biệt thự bây giờ là tư dinh của các cán bộ cách mạng cao cấp. Có người nói có vẻ như mù cũng là một người đàn bà miền Bắc nhưng vào Nam đã lâu. Có người khen mù hiền lành, thật thà, lại là người ăn mày cũng biết tự trọng, giữa cả hai bàn tay ra, miệng kêu "Con xin ông, xin bà..." người ta cho hay không đều chấp tay vái lạy: "con xin chào ông chào bà" rồi mới khua gậy bước ra cửa.

Có người am hiểu thì lại bảo đó là một nhà sư đi khát thực mà không muốn mặc áo cà sa, đóng vai một con người khốn khó giữa cõi đời giữa tay xin tình thương của cả thiên hạ.

Người ta lại còn biết ngày đi xin, còn ban đêm mù già ăn mày dễ thương "lạ hoắc" ấy hay tìm về ngủ ở các gầm cầu, đêm nay ngủ gầm cầu này đêm mai ngủ gầm cầu khác. Tôi hay tin ấy, trong bụng đã thầm đoán chắc là ai. Những đêm khuya gió to tôi hay tha thẩn ở các gầm cầu trong thành phố, có ý tìm kiếm nhưng chả có lần nào có cái may mắn gặp cái mù hành khát như vậy, chỉ gặp những người ăn mày khác nằm ngủ.

Cho đến một buổi sáng sớm tại thành phố Sài Gòn, tôi nhờ chuyển xe Jép của một đồng chí trong bộ chỉ huy sư đoàn Vinh Quang để trở ra Hà Nội. Đó là một chuyến xe đưa một cán bộ cao cấp về thăm gia đình ngoài miền Bắc cho nên hơi chật vì chứa đồ đạc nhiều. Năm năm trước đi vào "bằng hai chân theo đường mòn Trường Sơn và bây giờ đi ra bằng xe ô tô con đường 1. Lúc xe đã bắt đầu lăn bánh, thấy có bàn tay của một người đàn bà hành khát chìa ra từ bên vệ đường. Tôi đập mạnh vào lưng đồng chí lái xe đòi xuống nhưng chiếc xe đã chạy được một quãng phải tìm chỗ đỗ, phải chạy thêm một quãng nữa mới dừng lại được. Tôi nhảy ào xuống cầm cổ chạy về chỗ cũ như một kẻ điên. Tôi chạy quanh quéo hơn một tiếng đồng hồ mà không tìm thấy bà

sư Thiện Linh đâu cả, chỉ thấy những đám đông người đi bộ lẫn các thứ xe cộ nườm nượp như một dòng sông cuộc sống đầy cuộn cuộn, sôi sục trước cổng doanh trại sư đoàn lúc bấy giờ có những người lính đang thay gác.

Đây là một buổi sáng cuối tháng sáu rất đẹp trời, có những con chim bồ câu bay xập xòe trên các mái nhà. Sài Gòn đã được cải tên thành thành phố Hồ Chí Minh. Bộ đội về thăm thoát đã gần hai tháng.

Tháng 11 - 1987

PHIÊN CHỢ GIÁT

1

Lão Khúng thức giấc. Lão chợt thức giấc vì một giấc mê khủng khiếp. Trong cơn mê ngủ, lão Khúng trông thấy một lão già thân hình cao vồng lại lủng củng đầy những xương cùn xẩu, mái tóc cắt ngắn cứng như rễ tre, mớ đồ phải, mớ đồ về phía trước trán, sợi đen sợi trắng loang lổ, mặt mũi ghồ ghề, hai con mắt nhìn gườm gườm, với những mảng tiết bò còn ướt hoặc đã khô dính bết trên các bắp thịt nổi cuộn ở bả vai và bắp tay; cái lão già ghê tởm ấy giang cả hai cánh tay nâng một chiếc búa to nặng như búa của thằng phụ lò rèn ở đầu làng Khơi bổ xuống giữa đầu một con bò, cú đánh của chiếc búa tạ làm lún một mảng trán sát hai con mắt của con vật, khiến cho một con mắt dính đầy máu trời ra ngoài.

Trời đất hồi, đúng là con bò của nhà lão Khúng, con khoang đen nhà lão, "mụ già khụt khịt hay cầm cùm" của nhà lão, "bà đội trường" của lão Khúng, con bò nhà lão kêu rống lên một tiếng nghe ghê rợn, thứ tiếng kêu phát ra vào buổi mờ sáng từ nhà a ba toa phố Cầu Giát mà từ nhỏ những bạn đi qua đó, qua cái nhà a ba toa có ánh sáng ngọn đèn bãi chiếu như hắt ánh sáng ra ngoài, lão Khúng đều phải bịt cả hai lỗ tai lại, vắt chân lên cổ mà chạy. Nào có phải đứa dốt, là đứa trẻ

tợn tạo nhưng lão Khúng từ nhỏ đã không chịu nổi bất kỳ con vật gì kêu khi sắp chết.

Ai? Ai đã giết con khoang đen nhà lão, người bạn đời của lão? Lão nào? Thằng già chết tử chết tiết nào, đứa thần trùng nào, bọn trộm cướp giết người của dân kẻ bãi hay Sơn tràng nào?

Thì lão chứ ai! Đứa hung thần là lão Khúng chứ ai! Kẻ nâng chiếc búa tạ lên đánh vào đầu con vật là lão chứ ai! Tay chân run lấy bầy, mồ hôi toát ra khắp sống áo đầm đìa, lão Khúng sợ quá. Lão đã trở nên độc ác quá mức, thật là vô cùng ác độc, mà lão đã trở nên độc ác ngoài sức nghĩ của con người từ bao giờ vậy? Giá như người khác, là người biết ngoan ngoãn tuân phục một thứ tôn giáo nào thì chắc hẳn lúc này, giữa đêm hôm khuya khoắt, lão đã lập tức quỳ sụp xuống mà hồi hã đọc kinh, đập đầu xuống đất mà van nài kẻ tôn thờ, trút lòng ăn năn sám hối trước đấng thiêng liêng ở trên đầu trên cổ. Đằng này là một kẻ vô đạo, lão Khúng chỉ biết lật mình ngồi dậy trên tấm phản gỗ mà run sợ một mình, vật vã đau khổ một mình tự mình lại lấy làm sợ hãi trước chính mình. Lão mở trừng trừng hai con mắt mà nhìn tên hung thần đồ tể vừa nhập vào lão, ngay khi lão bình yên ngủ trên tấm phản quen thuộc giữa nhà mình.

Đoạn rời như một kẻ vừa may mắn thoát họa, lão Khúng thở phào. Thực may! May quá! Vậy là không phải, chỉ là trong giấc mơ. Không phải thực. Đúng, mà đây rồi, con khoang đen nhà lão lúc này đang khụt khịt ở ngoài gian bò sau nhà bếp.

Lão yên tâm nằm xuống. Và nghĩ về giấc mơ tiếp sau đó.

Pin! pin! pin!

Lạ lùng sao, con bò bỗng kêu rống lên lạnh lạnh như tiếng còi ô tô vậy nhỉ? Mà hoá ra ô tô thật, trong giấc mơ lão Khúng chẳng thấy con bò nhà lão ở đâu nữa, mà từ phía sau lưng lão, ngật ngưỡng lao vút đến một chiếc xe com-măng-ca đầy oai vệ. Chiếc xe dít tròn không chạy trên đường mà bay là là trên mặt

đám ruộng trồng khoai lang, bay qua đoạn nương dẫn nước trước nhà lão Khúng rồi lại bay qua mảnh sân nề vôi, bốn bánh xe không hề chạm đất!

Lão Khúng cứ trưng mắt đứng ngó trần trần vào cái mặt kính chắn gió. Lão trông thấy loang loáng ở đằng sau có một người đàn ông thân hình phương phi, mặt tròn vành vạnh và đỏ rực như vàng mặt trời mới mọc, mặc sơ mi cụt tay màu trứng sáo đã hơi nhùng nhục, đội chiếc mũ cát kết xám. Người ngồi ô tô hơn hờ tươi cười nhìn lão, gật gật cái đầu, bàn tay giơ lên ngang tai lắc lắc, chém chém vào không khí, giống hệt bàn tay của các lãnh tụ trên lễ đài mà lão Khúng đã thấy nhiều lần ở trong phim.

Người đang ngồi trong chiếc xe đít tròn biết bay chính là ông Bời bí thư huyện uỷ, con người đang nổi tiếng khắp đài báo trong cả nước và là bạn thân của lão Khúng.

Nghĩ tiếp về giấc mơ đến đoạn đấy thì lão không nghĩ thêm nữa. Lão vẫn giữ nguyên tư thế nằm ngửa, chỉ động dấy hai cẳng chân duỗi thẳng, toàn thân hơi mềm ra. Lâu nay thỉnh thoảng có đôi chút lão đã thấp thoáng nghĩ đến cái chết. Đêm lão nằm mê thấy những chuyện vui thì ít, rủi ro, tai họa là nhiều. Cho nên mỗi lần nằm mê thức dậy bao giờ lão cũng mừng, rút cục là một nỗi mừng rõ, âm thầm mừng rõ như mọi lần, cái thế giới trần ai đầy nhọc nhằn, đầy thân thiết lại trở về với lão trước tiên ở thánh giác, từ đôi tai đầy nhạy bén của lão. Lão nghe được gần như cùng một lúc hai hột sương rơi trên tàu lá chuối bên hồi nhà và trên ngọn đu đủ sau nhà. Hai con chó rất khôn của nhà lão thì vẫn im hơi lặng tiếng. Nằm trong nhà lão vẫn nghe tiếng chân chúng đi tuần ngoài sân, trong lúc chó nhà thiên hạ đang sủa ran lên. Lắng nghe tiếng chó sủa xa cứ râm ran, như căn đuối ma đang bắt đầu lục đục ru về các chốn gió bụi, lão đoán biết ít nhất cũng đã hai ba giờ sáng chứ không ít. Bao nhiêu thứ ánh sáng cùng cái thứ tiếng máy đằng khu công trường lớn, cả

trong khu khe Đá Dầu cũng đã tắt hết tiết cả. Đêm tối thui và sâu. Đây, đã từ lâu lắm lão Khúng lại mới cảm thấy một vẻ im ắng về ban đêm như thế này khiến cho lão hơi sờ sợ một nỗi sờ sợ nguyên thủy y như có lại vừa ném lão trở vào một cái làng đất sâu hun hút và tối tăm - từ ở đây lão ra đời, và cũng từ đây ông bà tổ tiên lão đã ra đời, để sinh ra lão.

Biết rằng dầu muốn thì cũng không tài nào ngủ lại được nữa, lão Khúng đã toan trở dậy nhưng cái cảm giác tối tăm nặng nề ban nãy như một hòn đá tạt dưới lòng đất sâu nối với thể xác lão bằng một sợi dây rất dài và vô hình cứ níu kéo không cho lão ngồi dậy.

Nhưng là một con người vốn quen sẵn sờ đối với công việc, lão đã bật dậy: sáng nay lão Khúng phải đi xuống chợ Giát bán con bò. Và lão đã ráp tâm dặt con bò đi thật sớm...

Suốt đời lão, trong muôn vàn những điều bực bõ, không thực hoàn toàn thoả mãn về chính mình, có một điều thỉnh thoảng lão lại cảm thấy là không biết cách sắp xếp cho có thứ tự những thứ chứa ở trong cái đầu của lão, cũng không biết cách diễn đạt thành lời cho rành rẽ - tất nhiên là chỉ diễn đạt với mình - cái bày ý tưởng rồi rắm, tối tăm lại hay trái ngược lẫn nhau, lại đầy gai ngạnh, như nhiều đàn bò của nhiều nhà tự nhiên đem nhốt chung vào một chuồng và suốt đêm chúng nó húc nhau, rượt đuổi nhau lung tung beng cả lên, ở trong ngăn chuồng quá dỗi chật hẹp là cái đầu của lão.

Lão ngồi bật dậy trên tấm phản một rồi lập tức thả hai bàn chân trần xuống đất lạnh cóng. Lão làm thế, một cử chỉ đầy kiên quyết và dứt khoát là theo kinh nghiệm sống của lão, nhằm để khắc phục cái sự dửng dăng phân vân trong một công việc trọng đại, nó quá trọng đại - có thể nói như thế - mà sáng nay lão phải làm, dứt khoát lão phải làm. Tì một bàn tay xuống mép phản, lão rọi cặp mắt nhìn vào bóng tối trong nhà. Lão trông thấy có một tấm lưng trẻ con nằm vắt trên miệng cái cối xay thóc kê ở

gần cửa ăn thông giữa nhà ngoài và buồng trong của mẹ Huệ. Lại thằng Bút rồi! Lão nghĩ. Đây là thằng con trai út của lão, mới lên sáu tuổi. Cái thằng "đầu bò" ấy đêm nào cũng ngủ chung với bố trên tấm phản nhà ngoài nhưng nửa đêm lại có thói quen hay rúc vào buồng ngủ với mẹ. Thằng bé thường bước chập chững vừa đi vừa ngủ, trên dọc đường nó vấp phải con chó đang nằm ngủ thì ngã nhào xuống ôm lấy con chó mà ngủ tiếp luôn cho đến tận sáng. Cuối cùng thì chẳng có lần nào nó đi tới được với mẹ mà sáng ngày ra chẳng hôm nào thấy nó ngủ ở trên giường, trên phản. Hôm thì ôm lấy cái cối xay thóc, hôm nó ôm lấy cái chổi mà ngủ.

Như hai tên tuần đinh mẫn cán ở ngoài sân hai con chó vẫn ngậm miệng đi đi lại lại. Một trời sao dày như mắt sàng sáng lóng lánh và ướt át. Sương khuya rơi lộp độp nặng trĩu từ trên những tàu lá xuống mặt đất chung quanh nhà vốn đã ướt đầm sương. Lão Khúng như một cái thân cây khô đầy máu mắt và vận vẹo đứng im thít giữa mảnh sân mới nê vôi trắng toát đang hướng mặt về phía biển, lão cùng ngôi nhà đều đang hướng mặt về phía biển, về hướng cái làng Khơi chôn rau cắt rốn của lão, của tổ tiên lão ở dưới ấy. Về hướng ấy chân trời như thấp hẳn xuống và nhoè nhoẹt trong sương luôn luôn như dội tới hai bên lỗ tai đầy thính nhậy như lỗ tai loài vật của lão những tiếng rì rào, rì rào của sóng biển của đất đai quê nhà và mờ mả cha ông. Cũng chả biết đó là những âm thanh có thực, lão nghe thấy thực hoặc chỉ là do lão đã từng nghe thấy từ đời tám hoánh nào, từ khi còn nằm trong bụng mẹ.

Lão cúi khom lưng bước nhanh vào trong nhà bếp. Hai bàn tay lão sờ soạng trong góc tối, Mùi cám lợn chen lẫn mùi phân dê vừa chua lòm vừa nồng nàn xộc vào mũi lão nhưng những thứ mùi ấy đã trở nên quá quen thuộc đến mức lão chẳng nghĩ thấy gì cả. Lão lôi được từ trên cái giàn tre gác bếp xuống một vòng dây chảo mới và một vòng dây đã cũ. Gian bếp tối như hũ

nút lão chỉ có thể phân biệt được đây là hai vòng dây chảo mới và cũ bằng cảm giác trên những ngón tay. Trong ngày phiên chợ sắp tới lão chẳng hề có ý muốn làm đóm làm dáng cho con bò nhà lão sắp đem bán một tý nào nhưng bằng những ngón tay lão cảm thấy cuộn dây cũ đã quá cũ, nó đã mòn vẹt, thậm chí lão có thể ngửi thấy được cả mùi mồ hôi của con vật rịn ra từ những lỗ chân lông ở bên hông nó trong những buổi cày ngày này sang ngày khác đã thấm vào trong cái vòng dây chảo. Con khoang đen đã già yếu quá, từ lâu lão Khúng đã biết vậy. Lão biết vậy từ đầu năm ngoái. Thậm chí các bà con trong xóm người ta không nói nhưng đã biết như vậy trước cả vợ chồng lão Khúng, người ta nhận ra nó đã già lão từ năm ngoái. Con bò đã hom hem như một bà lão vậy mà cái sợi dây chảo lại cũ, không khéo người ta nhìn vào lại càng thấy nó càng già yếu hơn? Lão Khúng đứng trong bóng tối và đang tính toán mọi đường hơn lẽ thiệt về cái uy thế của con bò nhà lão lúc ra đứng ở giữa chợ.

Trong bóng đêm tối thui lão đứng nhìn sợi dây chảo đã từng cột cổ bao nhiêu con bò, đã từng gắn bó với đất cát nhà lão, đã từng đi qua đời lão, phải rồi, ngày xưa ngày xưa đây là sợi dây chảo vẫn còn mới nguyên, những sợi lạt giang mới cứ trắng tinh như lụa bện chặt vào nhau, mà lão đã mang từ chợ Cày về cùng với mồ ma con vá lưng, lão đã dùng sợi dây này dồng con vá lưng tận trong chợ Cày về và cũng trong cái bận đi tậu bò ấy, lão đã giáng cho cái thằng cha lái bò trong chợ Cày một bài học đáng đời, lão đã làm cho hấn được một mẻ ngượng ngay giữa chợ. Là bởi vì cái thằng cha bủn xỉn quá thể đã bán con bò cho lão, cầm trên tay cả một đồng giấy tiền lớn cuộn tròn to bằng cả cái khăn xếp vậy mà còn định cởi ra khỏi cổ con vật cái dây chảo. Vậy thì để cho lão phải cởi dài rút ra mà dắt con bò về à? Quả thực tình thì sợi dây trông còn mới quá, còn mới hơn nhiều cái cuộn dây mới lão Khúng đang cầm trên tay bây giờ.

Nghĩ thế rồi lão Khúng quay trở vào cất cuộn dây mới lên

gác bếp. Lão xách cuộn dây cũ ra. Chậc, dù chỉ là cái vật nhưng cũng phải xuất tiền ra mua chứ chả ngửa tay ra xin không được của ai bao giờ, lão nghĩ vậy trong khi bước qua một lối đi rải vỏ ngao từ nhà bếp ra chuồng bò. Đi qua cái chum vỡ miệng chứa nước múc dưới giếng lên, lão cầm cái gáo dừa múc nước trong chum tu một ngụm, súc miệng sùng sục.

Con khoang đen đã trông thấy bóng lão Khúng ngay từ lúc lão vừa thức dậy đi qua sân vòng ra căn nhà bếp đứng đái ồ ồ rất lâu ở cái thúng đựng tro đặt sau chuồng lợn. Mặc cho trong đêm tối, con bò cũng rất dễ nhận ra hình của lão Khúng. Hơn chục năm nay, con vật đã quá quen với một cái hình dáng con người, đứng trên hai chân y như một cái cây đại tự nhiên từ trong đất mọc lên, con vật chỉ khụt khịt lỗ mũi vài cái đã có thể đánh hơi thấy từ xa mùi mồ hôi muối thân thuộc và lập tức đánh thức dậy trong trí lữ u tối của nó một ý chí thuần phục đầy khúng khính. Như tuân theo một thứ quán tính, trông thấy lão Khúng vừa đưa ống tay áo chùi nước hai bên mép vừa bậm bạch đi tới trước cửa giàn, con bò đã toan bấm móng xuống đất đứng dậy nhưng lại như một đứa trẻ quen làm nũng nó biết rằng cần phải tỏ ra khúng khính đôi chút, lão Khúng cũng thừa biết vậy, lão đưa bàn tay vỗ nhẹ lên cái cổ vươn dài ra ngoài then cửa nhưng khi con bò ngoan ngoãn đứng dậy, bàn tay lão trở nên run run khi buộc sợi dây chèo vào cổ con vật. Lão Khúng biết rằng cái nốt buộc lần này sẽ không bao giờ cởi ra nữa, lão đang cột cái chết vào cổ con vật.

Con bò già nua làm sao thấy được một giọt nước mắt của lão Khúng vừa lặn vào lớp cỏ ống nhầu nát dưới bàn chân lão trong lúc lão oằn người giang hai cánh tay thúc cái then cửa giàn về một bên để mở cửa giàn bỏ cho con bò đi ra. Với chiếc dây chèo cũ rách nằm vắt hai vòng trên cặp sừng rồi bỏ thông xuống một bên bả vai đã sần sùi như da cóc vì suốt đời mang ách, con Khoang đen già nua lững thững đi ra khỏi cửa giàn, bốn móng

chân nó dậm lộp bộp trên nền đất bột của mùa hanh khô vương đầy rơm rạ cùng những cọng cỏ tươi đã lấm láp.

Ra khỏi cửa giàn mới dẫm bước, con vật liền đứng lại. Nó khụt khịt lỗ mũi đánh hơi mùi đất ẩm sương đêm lẫn mùi ngai ngái hăng hắc xông lên từ một cái quang cỏ còn nguyên vẹn lèn chặt trong bốn sợi dây thép, toàn cỏ ông đã rửa sạch mà con Nghiên, đưa con gái áp đưa út của lão Khúng vừa đi cắt tận trong chân núi, lúc nhập nhoạng tối. Con vật thè cái lưỡi ram ráp bứt một ngọn cỏ trong chiếc quang nhai trệu trạo giữa hai hàm răng trắng nhơn, liền tiếp dậm bốn móng xuống đất tỏ ý ngạc nhiên chứa đầy bất mãn đối với lão Khúng vì nó cảm thấy đêm vẫn còn sâu sao mà lão Khúng đã lôi nó dậy đi cày sớm quá. Nhưng rồi như một thói quen mỗi buổi sáng ra ruộng, con khoang đen già nua ngược mõm lên trời kêu một tiếng "ngọ" khàn khàn đầy nã nề làm rung chuyển màn đêm. Cũng theo thói quen mỗi lúc ra ruộng, lão Khúng đánh con bò ra khỏi giàn liền chạy đi nhặt một chiếc rổ thưa bặt vành dính đầy tro lẫn phân bò khô đem đặt giữa hai chân sau của con vật. Ngay từ khi con khoang đen đang còn là một con me mới ra đời 14 năm trước, nhìn tướng mạo lão Khúng đã lấy làm bằng lòng khi trông thấy cái xoáy chỗ mút mõm, lão biết suốt đời con vật sẽ ỉa trước khi ra đồng, lão nuôi nó sẽ không bao giờ mất phân, hơn nữa, cái cuống đuôi không tròn vo mà bẹt bẹt như đầu con cá chai: con vật sẽ ban thưởng cho lão ngoài sức lao động của nó, những hòn phân ra hòn phân cứ chắc nịch chứ không bao giờ ỉa té ra. Lão đứng trước cửa giàn lơ dềnh nhìn những ngôi sao trên trời, chờ con bò đại tiện và lấy làm tiếc từ nay nhà lão không còn nguồn phân ngòn ngòn của con khoang đen để hàng ngày hót đổ xuống cái hố ủ bên cạnh giàn bò nữa.

Hai cánh mũi hít hít cái mùi phân vừa trút ra khỏi cơ thể con vật còn nóng ấm và đầy nồng nàn tan vào trong không khí về sáng hơi giá buốt, lão cầm đầu dây chèo dắt con bò ra chỗ góc

cây vôi ngoài đầu ngõ, ở đây một chiếc xe bò bánh lốp ô tô đậu nép bên hồi nhà bếp chỗ đầu hồi hơi nhô ra, nơi đặt chiếc cối giã gạo đập bằng chân, hai bánh lốp ô tô của chiếc xe bò được quán một sợi dây xích cột vào bên chân cối giã gạo.

Lão Khúng nhìn qua một đồng củi lẫn những bó chè xanh chất cao lù lù trên thùng xe, trông thấy một mái đầu bịt khăn quàng đen đang ẩn hiện ở bên kia chiếc xe, lão hơi giật mình biết là mẹ Huệ đã thức dậy, vợ lão đã thức dậy cùng lúc với lão trong cái giờ phút trọng đại vĩnh biệt với con bò.

Mẹ Huệ không hề lên tiếng cứ như người ngậm tằm, lão cũng vậy. Lão đứng hơi né ra một bên khi người đàn bà đi tới giơ tay cầm lấy một bên chiếc sừng nhẵn bóng, dắt con vật sang bên kia thành xe. Lão Khúng đi quanh một vòng thít lại sợi dây mây chằng những bó củi rồi ra chỗ gốc vối ngồi xỏm xuống, kẹp chiếc điều cày giữa hai đầu gối, những ngón tay tự nhiên tê cứng run rẩy mãi mới châm được mỗi thuốc Lào vào cái nõ điều bằng gỗ thị. Lão ngó nhìn xung quanh một lát mới bật cái bật lửa, thu ngọn lửa trong tà áo để khỏi rọi ánh sáng vào nhà khiến lũ con có thể thức giấc vào lúc này. Ánh sáng từ chiếc bật lửa trên tay lão rọi một khoảng trắng trắng trong lòng chiếc chậu sành da lươn. Trước mặt lão, mẹ Huệ ngồi xỏm còn con bò đang đứng sung sướng thè lưỡi liếm thứ cháo nếp đặc sánh vô cùng thơm ngon mà mẹ Huệ đã nấu sẵn từ đầu hôm. Nó có cái gì giống như bữa tiệc thết người trước khi bước lên đoạn đầu dài. Con bò già nua ăn chậm chạp, chiếc cổ cúi xuống gần như không động đậy, chỉ có chiếc yếm đã nhều ra hơi run run, thỉnh thoảng con vật lại đưa chiếc lưỡi ram ráp liếm ngược lên theo thành chậu rồi âu yếm liếm trên hai bàn tay đã dẫn đeo vì lam lũ của mẹ Huệ đặt thông trong lòng chậu cháo.

Chờ cho con bò ăn xong, mẹ Huệ đưa bàn tay vẫn còn dính những hạt cháo nếp vuốt ve nhiều lần lên cái cổ con vật, đoạn dắt nó đến bên càng xe. Lão Khúng vội vã chạy tới vớt chiếc điều

cày lên đồng chè xanh trên nóc xe, đoạn cúi gò lưng nâng bổng cả hai chiếc cày xe lên khỏi mặt đất, đặt chiếc ách gỗ mặt trong đã mòn lõm vào cổ con vật.

Hai vợ chồng lão Khúng đứng nhìn con bò rồi nhìn nhau một lúc trong đêm vắng. Cả hai vẫn lặng im.

Lão Khúng biết không thể dùng dằng được nữa, không phải dùng dằng đối với mục Huệ mà chính là lão sợ con Nghiên và thằng Bút ngay lúc này trong nhà thấy động chúng thức dậy. Ai chứ thằng Bút, thằng "đầu bò" sẽ nằm lăn quay ra trước xe, thậm chí ôm chặt lấy hai chân trước của con bò không cho bỏ đem đi đâu cả.

Nhất là con Nghiên, năm nay mới chín tuổi đầu nhưng từ khi biết cầm cái liềm, là đưa con gái bé nhất của lão đã biết ngày ngày chăm chỉ đi cắt cỏ, mỗi ngày một gánh đầy, để cho con khoang đer. ăn no để đi cày, có hôm nó đi cắt tận trong khe núi giáp Diễn Châu, gánh gánh cỏ đi lạc mãi trong những dãy núi, vừa sợ, vừa đói chín mười giờ đêm mới tìm được đường về làng.

Lão hấp tấp trèo lên ngòi chêngh vênh trên thành xe, kêu lên những tiếng "Hây, hây" đầy gắt gỏng. Nhưng đâu có phải chờ lão giục, con bò đã vươn dài cổ kéo chiếc xe bánh lốp đã mòn vẹt lọc cọc lăn qua trước mặt mục Huệ đang đứng cầm lặng bên gốc vối. Ra khỏi nhà một đoạn, lão nhảy xuống. Con đường dốc sục lên những đất bột ự nó kéo chiếc xe lăn tuồn tuột xuống dốc. Lão Khúng bước cao bước thấp, hai tay cố níu giữ chiếc xe, đi chậm lại, lão quay cổ ngoái cổ bằng con mắt con vật, nhìn một lần cuối cùng ngôi nhà với cái dốc tường hình tam giác trắng nhờ nhờ in bật trên nền trời sao đêm về sáng đang nhấp nháy liên hồi, bỗng giật mình lão chợt nhìn thấy bên gốc vối không phải chỉ có một mình vợ lão mà còn thêm một cái bóng bé nhỏ, trời ơi, con Nghiên! Con Nghiên! Sao nó biết mà dậy? Lão Khúng thấy vướng vức trong lòng vô cùng. Suốt tối qua, chiều qua và cả ngày hôm qua, cả hai vợ chồng lão đã đồng lòng giấu biệt không cho

lũ con biết sớm nay sẽ đem bán con bò của nhà. Vậy mà đứa con gái đã biết mà thức dậy, đứa con gái hai bàn tay lúc nào cũng sây sát ứa máu vì công việc cắt cỏ cho con bò ăn để đi cày.

Thực ra con bé đã thức dậy từ lâu lắm, trước cả lão Khúng và dường như là suốt đêm nó không ngủ. Con bé lên chín sút răng, bằng mỗi mẩn cảm đặc biệt của dòng máu gia đình nông dân, nó biết tính toán rồi ra trước sau không còn cách gì khác, nhà nó cũng phải bán con khoang đen đi để lấy tiền cho bố đi vào Đắc Lắc một chuyến nữa, để làm nhà làm cửa cho anh Lạc nó đang đi "kinh tế mới" và đang gặp khó khăn ở trong đó, trong đó là đâu? Đắc Lắc, Đắc Lắc, cái xứ đất rất xa lạ ngoài sức tưởng tượng của nó, ngoài tầm tay với đầy tình thân yêu nhưng ngăn ngúi của nó đối với người anh mà cứ mỗi lần có ai đang nói chuyện nhắc đến hai tiếng Đắc Lắc là con bé đồng tai lên nghe hóng, không khỏi múi lòng bùi ngùi sự nhớ ngay đến vợ chồng anh Lạc, người anh hiền như đất, tính tình như con gái mà nó thân nhất nhà, thương nhất nhà.

Hồi tháng một năm ngoái lão Khúng đã đi thăm con một chuyến trong Đắc Lắc, về cái công chuyện này cũng có đôi lúc lão Khúng nghĩ mà lấy làm buồn rầu. Dù sao đời lão đã phải bỏ làng xóm, bỏ mồ mả tổ tiên ở dưới biển để lên tận đây, cái miền ngược ma thiêng nước độc này để khai khẩn đất cát kiếm miếng sống, lão vật lộn với miếng đất rừng này đến giờ đã gọi được là tạm mát mặt, hòn đất đã bứt đi rất nhiều mầm cỏ dại, hòn đất đã gần hoá thành hòn đất thuộc, lão đã tưới đến gần cạn kiệt mồ hôi cho mảnh đất này thì đời con lão lại phải bỏ đây để đi đến những miền khác, những miền rừng khác xa xôi hơn, mịt mù hơn. Chả lẽ đời của lão, cái số phận của lão, của vợ chồng, con cái lão là phải như vậy, cứ phải như vậy?

Ôi, lão Khúng nghĩ, giá không phải chạy theo đứa con để bù tri nâng giắc cuộc sống ban đầu cho nó ở cái nơi đất khách quê người chắc chắn hôm nay lão không phải dong con khoang đen

xuống chợ Giát từ nửa đêm thế này? Mà cái con khoang đen nó đã già gì, vẫn biết rằng nó đã rụng tám răng, đã đoạn từ lâu, nhưng của bèn tại người, ông Bời bí thư huyện uỷ nói đúng, trong các xã có con bò nào bảo gầy, bảo già thì hãy cứ dắt lên vùng trên giao cho ông Khúng nuôi hộ. Chỉ nửa năm chúng sẽ trở thành trai tơ, gái tơ, lại kéo cày được!

Một cái bóng mảnh nhỏ trong đêm như chiếc lá cỏ vụt bay ra khỏi gốc cây vôi, vật tượng trưng cho cái ngõ ra vào của nhà lão.

- Họ, họ...

Miệng kêu khe khẽ bằng cái giọng âm thầm của một người quen ăn to nói lớn, hai tay giữ chặt lấy càng chiếc xe không cho hai bánh lổp nhúc nhích, lão Khúng đứng làm cái phanh xe hơi hộp dơi đưa con gái chạy xuống và trong bóng tối lão trông thấy chạy phóng lên phía trước đưa con gái là hai con chó nổi tiếng của gia đình lão: con mực và con vàng. Chẳng hiểu sao hai con chó cũng trở nên đầy quyền luyến đối với con bò, chúng chạy quần quanh chân con bò, hai con vật giữ nhà đưa mũi hít hít trên những chiếc móng sừng của con vật kéo cày, trong lúc con Nghiên nước mắt giàn giụa sụp xuống ngồi xồm dưới tấm yếm thông theo, rồi con bé xoắn cả mái tóc ngắn đỏ quạch chưa kịp cặp lại bằng chiếc cặp ba lá từ khi nhảy choàng ra khỏi giường, để cho mái tóc trùm lên đầu, lên cổ con vật, hai bàn tay bé nhỏ không ngừng vuốt ve hết mũi miệng, đến đầu cổ con vật. Con bò cũng tỏ vẻ buồn bã, hay là đến lúc này bằng bản năng loài vật, nó đã cảm thấy được nó đang đi chuyển cuối cùng của đời nó, giữa đêm khuya?

Con Nghiên chừng như không còn chịu đựng nổi nếu đứng mãi bên con vật mà suốt đời nó đã chăm sóc, con bé liền chạy lại gục đầu vào ngực bố bởi nó biết chính lúc này bố nó cũng đang đau khổ vì phải đem bán con bò. Lão Khúng đưa một bàn tay lên vuốt vuốt lên phiến lưng gầy guộc của đứa con gái chăm làm nhất nhà, lần đầu tiên lão nhận thấy từ mái tóc và hơi thở

của đứa con gái nhỏ phả ra mùi của các loài cỏ rất tươi non của đồng nội, vừa đắng vừa ngọt, phải lát lâu sau khi đứa con đã rời lão vừa khụt khịt như đang khóc vừa chạy vụt trở về với mẹ bên gốc cây vối, lão mới âm thầm nhận ra trên cơ thể của nó cái mùi cỏ ông vừa cắt, cả mùi đất rừng hoang dã rất xa xưa đã ngủ kỹ trong ký ức của lão nhiều năm về trước, khi lão còn là một chàng trai trẻ cùng mẹ Huệ vừa từ dưới làng Khơi lần mò đặt chân lên đây.

Thời bấy giờ con Nghiên hãy còn chưa đẻ, hơn một nửa số con cái của lão hãy còn chưa đẻ, con khoang đen cũng đang còn nằm trong bụng mẹ nó là con vá lưng mà lão sắp sửa đi tậu từ trong chợ Cày. Những ngày tháng ấy như thuộc vào thời kỳ mới có loài người, lúc bấy giờ trong cái "ổ gấu chó", của gia đình lão, cái gia đình loài người độc nhất giữa lòng rừng này mới có thằng Hùng, thằng Dũng và thằng Lạc mới sinh được hai tháng đang còn đỏ hỏn nằm trong lòng mẹ Huệ.

Y như thế ngày ấy mặt đất đâu đâu cũng là rừng rú, người thì ít lác đác, quá ít, chỉ có một gia đình lão do tảo tợn mới dám chạy lên lập nghiệp, ấy thế vậy mà cái sợ lại không nhiều như bây giờ, con người ta sợ nhau nhiều hơn là sợ beo trăn, cọp hổ, mới nói tưởng chẳng thể nghe lọt tai nhưng ngẫm nghĩ lâu lại thấy đúng như thế, nhất là từ ngày có cái công trường của Nhà nước. Ngày trước cái gì bỏ đâu còn đó, thậm chí một cái ruột áo bông mới mua để mặc rét, suốt mùa hè vứt ngoài khe đá mà có ma nào lấy? Ai lấy? Lão sống như người rừng, đánh mất luôn tính cách một người ở đồng bằng, một anh nông dân bon chen ở làng. Vợ lão vốn người thành phố lại càng thay đổi nhiều. Cả hai vợ chồng trở nên lảm nhảm, tính nết cũng âm âm u u như tính nết của rừng. Ngày đó, lắm lúc lão Khúng nhìn những đứa con chơi với nhau bên hang đá, đầu ngọn suối, lão ứa nước mắt, nói đại, lão cứ nghĩ không biết chúng nó là con lão hay là con của loài cây cáo, beo trăn, mỗi lần nghĩ đại thế, lão lại lẩn ra cười một mình,

cười lẫn cười lộn như một kẻ điên, trước cái sự vây bọc tưởng không bao giờ thoát ra nổi của hoang vu.

Bây giờ con người đã đông hơn con vật, sắt thép đã đông hơn cây cối, vậy mà lão lúc nào cũng nơm nớp. Vụ đông năm ngoái, cánh công nhân cơ giới hái trộm mất của nhà lão cả gần sào cà chua vừa độ chín rộ. Còn năm nay, mới tháng trước, con Hương, đứa con gái nổi tiếng xinh đẹp của lão đi học dưới trường cấp III của huyện được về nhà chiều thứ bảy. Mới nhập nhoạng tối chứ đã khuya khoắt gì, lão ngồi xồm trước thềm đang lúi húi dỡ nồi khoai lang luộc, trông qua làn khói, lão phát run lên, vừa tức giận, trông thấy con gái mặt cắt không còn giọt máu, guốc dép vứt đàng guốc dép, chạy bán sống bán chết từ dưới con dốc trước nhà lên, hốt hoảng như bị lợn rừng rượt...

2

Con bò già, lão Khúng cùng chiếc xe vẫn chưa mò mẫm ra khỏi cái hõm đất dưới chân dốc trước nhà. Đất bột sục lên ngang bắp chân hất lên trời một cái quầng trắng nhờ nhờ. Khắp mặt đất xó nào cũng vút ngổn ngang từng đồng thanh sắt hoặc cuộn dây thép hoặc những cái hòm gỗ cao to lừng lững như những cái nhà khiến lão Khúng phải nhảy xuống đất con bò đi len lỏi giữa những khoảng bóng tối của đám vật liệu công nghiệp vít mất hết cả đường sá. Con Mực, con chó có tính hay phát phơ, lang thang vẫn lẻo đẻo chạy theo lão. Lão đứng lại, quay đầu chiếc roi chỉ về hướng nhà rồi cất tiếng đàng hắng. Con chó đen liền cun cun quay trở lại để giữ nhà. Ra đến đường, trời đất hình như có sáng hơn một chút. Một vệt đất nhẵn chìm ngập trong rừng cỏ may lẫn sim mua của những trật đồi nằm nghiêng nghiêng nhấp nhô hai bên, đến lúc này lão Khúng mới cảm thấy ớn lạnh, cái lạnh như từ những vạt sao xanh ngời ngời tận trên đỉnh trời tiết ra

theo từng nhịp ánh sáng nhấp nháy. Lão quài tay ra sau túm ngay được chiếc áo dạ cút ngựa mà mẹ Huệ đã chu đáo nhét vào giữa những bó củi ngay sau lưng chỗ lão ngồi.

- Chắc, trời với đất..., lão thốt lên một câu nửa chừng rồi im, không dám thú nhận với mình đã đại dột đánh con bò đi quá sớm. Đáng lý có thể để cho nó và cả lão đang hoang ngủ thêm một giấc nữa rồi hẵng ra đi cũng vừa. Bỗng nhiên lão Khúng có cảm tưởng mình là một tên đêm lên lút đi ăn trộm bò của của nhà ai và lấy làm bực cả mình. Cũng tại cả con vật này, nó đã không cho lão ngủ, nửa đêm đầu hôm thức chong, nửa đêm về sáng vừa chợp mắt lại nằm mê thấy nó...

Khoác hờ chiếc áo dạ ở một bên vai ngồi co ro trên thành xe, lão đưa mắt nhìn đầu đầu vào cái khoảng cổ đã trụi hết lông và sần sùi da cóc của con vật trên đó chiếc ách cổ đang xiết chặt lấy làm phát ra những tiếng lọc cọc trong đêm vắng, và một khoảng bóng tối đen kịt cứ như đóng đinh vào phía trước mặt con bò, một khoảng bóng tối chừng như quá sâu, quá dày, còn lâu mới chọc thủng, và dưới chân lão Khúng và con vật, tất cả đất đai cùng cỏ cây đều đang còn nồng nàn trong giấc ngủ say như chết, những con chim sâu lẫn lút trong đám cỏ may cũng chưa hề cất lên tiếng kêu chích chích, lão chỉ nghe tiếng côn trùng tí tê rất xa, tiếng chó sủa cũng vọng tới từ đâu đó rất xa, và bốn phía trời đất dường như đang còn mịt mù chìm đắm trong khoảng tối của âm ti.

Ngồi một mình, lúc này lão Khúng đang nghĩ đến cái lúc nay mai lão phải báo tin lão đã bán con khoang đen cho tất cả chín đứa con của lão biết, từ thằng Bút đứa con trai út đầy đại dột cho đến con Hương đang học lớp 12 dưới phố Cầu Giát, cho tới thằng Doan, con Lê nửa ngày đi học nửa ngày đi làm với vợ chồng lão ở nhà, rồi những đám vợ chồng thằng Dũng, đang ở trong tỉnh, vợ chồng thằng Lạc đang ở tận trong Đắc Lắc. Ôi, mới đáng sợ làm sao, cả một thời trẻ thơ của từng đứa con của

lão cũng như cả một đời làm lưng vắt vả trong gia đình của từng đứa một đều gắn bó với con vật này, đã từng chăn dắt, đùa nghịch với con vật rồi đi cày đi bừa, thức khuya dậy sớm, con khoang đen này suốt 18 năm nay đã trở thành một người trong gia đình lão, một thành viên trong gia đình lão, dường như đến tận bây giờ lão mới thấu hiểu rõ cái điều hiển nhiên này.

- Có đi nhanh lên không nào, - lão Khúng lấy làm bực mình vô cùng, lên tiếng quát thực lực, - đi nhanh lên! Rảo bước đi nhanh lên, mà chết cho sớm sủa! Để cho người ta nện một búa vào đầu mày cho nhanh lên, đồ quỷ ạ!

Rồi đến lượt tao, tao cũng phải tìm cách "báo cáo" với chúng nó, với những đứa con trai lẫn con gái của tao rằng tao đã phải bán mày, rằng từ nay trong nhà không còn mày nữa, rằng tao đã giết mày! Mà mày cũng đã già nua tuổi tác rồi chứ chả còn là thiếu nữ hay nà dòng gì nữa, ông trời sinh ra số kiếp mày đã như thế, suốt cả một đời nai lưng kéo cày, già thì giết thịt! Có ai để cho một con bò già rồi chết để làm đám tang thật to, thật linh đình bao giờ?

*
* *

Trong thế giới bao la giữa đêm tối sâu thẳm tĩnh mịch, chỉ những ngôi sao xanh ngời ngời và ấm ướt, đang nhấp nháy tận đỉnh trời là có thể nhìn thấy hai giọt nước mắt đặc quánh như một thứ chất dầu đang dâng lên tận trong khoé mắt lão Khúng.

Lúc này bằng những lời nói âm thầm từ trong lòng lão, lão đang báo tin việc bán con bò với thằng Dũng, "báo cáo" cái việc này với đứa con thứ hai của lão đã hy sinh trên chiến trường Campuchia cách đây hai năm. Đây là thằng con trai đích thực mang dòng máu của lão, cho nên từ ngày đứa con chết, phần nào

tính tình lão có thay đổi, lão đâm ra hay nghĩ, không hùng hục chỉ biết làm như trước. Sau khi nỗi thống khổ đã dần dần qua đi nhưng vẫn âm ỉ như một đợt sóng biển phủ vào đất liền đã rút nhưng vẫn để lại cái chất mặn làm xót cây khoai, cây lúa, dường như là lần đầu tiên lão nghĩ đến nỗi nhọc lòng mà từ nay đời lão phải gánh chịu: một nỗi đau đớn không bao giờ nguôi quên vì cái chết của thằng Dũng. Điều này chỉ có mẹ Huệ là người có thể thấu hiểu hết được cõi lòng của lão.

Đó là một buổi chiều cách đây hai năm, lúc ấy đã nhập nhoạng tối, chỉ còn một mình lão với con khoai đen ở nán lại bên một đồng đá xếp vuông vức bên bờ một mảnh ruộng mới khai phá tận trong khe Đá Dầu.

Lão gắt mù lên với cái con vật lúc bấy giờ có cái gì làm nó sốt ruột cứ lòng lên kéo chiếc xe chở đá về nhà.

- Họ... họ... Khoan đã nào! Mày tưởng tao không biết đôi bụng đầy hử?

Nói nhẹ không xong, lão nhיע móc nó, nào là đồ siêng ăn nhác làm, đồ rắn mặt, đồ khó bảo, nhưng con vật vẫn vươn cổ, bám bốn móng xuống, kéo bánh xe lăn đi. Lão vội vã hất hòn đá màu gan gà to bằng cái cối đang ôm trước bụng vào giữa lòng chiếc xe chát ngổn ngang những đá là đá, lão muốn tranh thủ chở hết đồng đá về nhà trong dăm ba buổi chiều cho xong để kịp xây lại bức tường phía sau nhà bếp thay vào chỗ bức vách đã nát. Mà sao cái con vật hôm nay bỗng giở chứng, mọi ngày có bướng thế đâu, lão thủng thẳng đi phía sau, vừa đi vừa nghĩ, thỉnh thoảng đưa tay đẩy giúp cho con bò đỡ nặng mỗi lúc chiếc xe chở đá lắc lư bò qua một khúc suối nước chỉ xâm xấp mắt cá chân, với những bụi cây rậm rạp hai bên đã chứa đầy bóng tối.

Lão và con bò chưa về đến gốc vôi đầu ngõ đã nghe trong nhà khóc ran lên, những tiếng khóc đầy đau đớn, thảm thiết. Cả dưới bếp lẫn nhà trên tối mờ mờ, chả đèn đóm. Một cái gì sụp đổ

xuống trong người lão. Để mặc kệ con khoang đen một mình đang gò cổ gồng lưng lên gần như chết đứng với xe đá trên lưng chừng cái dốc ngay trước nhà, lão Khúng đã thấy tối tăm cả mặt mũi nhưng vẫn cố gượng để dừng ngã vật xuống, lão cố lê bước lên dốc. Chưa bao giờ quãng đường ngắn ngủi chỉ dăm bước chân trên lối đi về nhà đối với lão lại xa như thế, khó nhọc như thế, tưởng sức lão chẳng bao giờ đi thấu. Lúc bấy giờ con Lê, đứa con thứ năm sinh cặp kè sau con Hương, một đứa con gái đã 13 tuổi, hoàn toàn trái ngược với con Hương, một đứa con gái trông thô kệch, nhưng đa cảm, đen như cột nhà cháy, đứa con gái ấy đã gần như hoá dại, khóc lóc không thoả nó chạy ra ôm lấy ngang thân cây vôi ở đầu ngõ, đập đầu chan chát vào cái cành mà lão Khúng vừa cưa cụt.

- Bố ơi, anh Dũng chết rồi!

Có lẽ suốt đời lão sẽ không bao giờ quên được cho nỗi mấy cái tiếng ấy, nó sao mà xót xa, náo nê và đầy bất lực của đứa con gái đứng gục đầu vào gốc cây vôi với hai con mắt trợn ngược lên như hoá dại trước ngõ, đang nói lên cái lời báo tử cho người anh của nó ngay trước ngõ.

Cũng vào lúc bấy giờ lão chợt nhận ra rằng, lúc này, lão phải làm một cái cột chống ở trong nhà. Mọi sự như thế và đại thể lão đã hiểu. Vợ con đều đã ngã gục xuống cả thì lão càng phải đứng thẳng.

Lão đứng tại chỗ một lát để định thần lại, khi đã đỡ hoa mắt rồi quay trở xuống dốc bằng những bước bình thân, lão cúi xuống lấy hết sức liên tiếp bắt bánh giúp con khoang đen lúc bấy giờ đã gần ngã gục xuống, lôi chiếc xe đá nhích dần lên.

Rồi vẫn bằng những bước đi bình thân, lão đi vào nhà.

Ở trong nhà bếp vợ lão ngắt đi, vừa tỉnh lại được và cái anh bộ đội lạ mặt mới hỏi thăm đến nhà lão Khúng cách đây chưa đầy nửa tiếng đồng hồ bây giờ đã như một người trong nhà, tự

động mò mẫm trong khắp các hốc cột lõi ra được chiếc đèn dầu hoả. Anh ta châm đèn, ngồi tựa lưng vào chiếc ba lô dính đầy đất cát vứt ngay bên chân cột nhà đối diện với lão Khúng, người lính bắt đầu tường thuật vắn tắt đầu đuôi trường hợp hy sinh của thằng Dũng mà lúc ấy anh cũng có mặt ngay bên cạnh cho lão Khúng và mẹ Huệ nghe.

Ngày thường, những người trong xóm "Thống Nhất" vừa muốn đi lại chơi bời với gia đình lão Khúng lại vừa có ý e ngại, hơi xa lánh. Với cái thứ tính nết chật chững đầy trái khoáy của lão Khúng, người ta chỉ muốn tránh nhưng nói cho công bằng thì cũng chẳng có ai nữ tâm ghét lão bởi xét cho đến cùng thì lão cũng không phải con người lẻo lá, nhóp búng, tham vật hoặc độc địa, độc ác. Lão chỉ có một cái tật là chẳng giống ai, lão là lão Khúng, chỉ đáng trách có thế. Ngoài ra, ngày mẹ Huệ hãy còn trẻ mẹ đã làm đám đàn ông trong xóm phân tâm không ít, đám đàn bà trong cả xóm khai hoang sinh lòng ghét, cũng chả phải mẹ lẳng lơ (lẳng lơ gì với những lão đàn ông vốn là chồng của các mẹ, người nào cũng đầy tục tằn và bẩn thiu) mà chỉ vì mẹ Huệ đi đâu, đứng đâu cũng như một bằng chứng để cho đám đàn ông phân tâm, ngơ ngẩn ngẩn ngẩn.

Trong cái buổi chiều tang tóc đổ ập xuống mái nhà của lão, nếu không có bà con láng giềng trong xóm xúm vào giúp đỡ thì lão lúng túng quá. Guồng máy lao động của cái gia đình ấy xưa nay như một cỗ máy tra kỹ dầu mỡ. Thế mà trong khoảnh khắc đã gây vụn, vợ lão Chắt Hoè, bây giờ là chỗ thông gia với gia đình lão Khúng, phải cùng với mấy mẹ đàn bà khác ra tay cho lợn gà ăn rồi chạy ra các góc vườn hoặc xó buồng, lôi những đứa con của lão Khúng trở dậy, vỗ về, dỗ dành chúng. Lão Khúng tỏ ra cứng cỏi nhưng cổ lăm lăm cũng chỉ giữ được cái vẻ bên ngoài. Cho tận đến sáng ngày hôm sau lão mới biết xẩm tối hôm qua, lúc tháo ra khỏi chiếc xe đá lửa con khoang đen vào chuồng, lão đã lú lẫn quên cài then, thậm chí quên cả cho con bò ăn, suốt đêm con vật

phải chịu nhện dới không có được cọng cỏ nào vào bụng.

Anh bộ đội người Thanh Hoá, bạn thân của thằng Dũng đã cùng mấy anh em trong tiểu đội chôn cất đứa con trai của lão Khúng trong một khu rừng Tây Bắc Campuchia giáp nước Thái Lan, việc ấy xảy ra đã gần nửa năm trước khi anh lính về nhà lão. Sáng hôm sau, người lính quê Thanh Hoá xin phép vợ chồng lão ra đi từ tờ mờ đất.

Hai ngày sau mẹ Huệ vẫn không gượng dậy được, không hề ăn một miếng, nỗi đau khổ của con người chỉ có nỗi đau khổ của kẻ khác là có thể giải được phần nào. Mẹ Hái, đã ngoài 60, vừa con trai vừa con gái từ ngày cái trận Điện Biên đến giờ đêm trên đốt ngón tay đã có ba người hy sinh ở các mặt trận. Chẳng biết làm cách nào, mẹ Hái đã bắt mẹ Huệ ngồi dậy húp được nửa bát cháo.

Sang ngày thứ ba, mẹ Huệ vịn tay vào bức vách vừa rên rỉ một mình vừa lục tìm chiếc nồi hông bằng đất đem ra giếng cọ rửa chuẩn bị nấu đĩa xôi cúng con. Lão Khúng xách chiếc rựa ra bụi tre sau nhà chặt một cây vác vào ngòi chẻ ra, đan một tấm phên để thiết lập cái bàn thờ thằng con trai thứ hai bên gian trái.

Lão đã làm xong cái bàn thờ đứa con.

Lão ngắm nghía cái công trình đơn sơ vừa hoàn thành sau khi trải lên mặt tấm phên tre mảnh ni lông màu đọt chuối mà con Nghiên thường dùng khoác đi cắt cỏ, lại bày lên mặt tấm ni lông một cái bát sành đựng gạo.

Vợ lão từ nhà bếp lên, ngó cái bàn thờ mới rồi ngó sang lão Khúng bằng cái nhìn trân trân, vô hồn, không còn là hai con mắt của mẹ Huệ mọi ngày mà là hai cái vực thẳm người ta vừa tát cạn hết nước. Lão Khúng thầm cảm ơn vợ; mấy ngày qua mẹ Huệ đã không hề thốt lên, dù rằng chỉ thốt lên qua tiếng khóc kể lể; cái cơn bốc đồng của chí khí ái quốc của lão. Ngày ấy - từ đó thằng Dũng mới nắm lấy mấy câu khích lệ đầy cao hứng của bố

để đòi đi bộ đội cho kỳ được. Thực tình thì ngày ấy trong nhà đã có thằng Hùng thằng anh đang ở lính, nó xung phong đi là chính chứ có ai bắt, và ngày đó một mình mẹ Huệ không làm sao mà ngăn cản, cầm chân cầm tay cái thằng Dũng của mẹ.

Chính vào lúc này lão Khùng cũng phải tự gồng mình lên để cố giữ lấy trong người lão cái ý nghĩ rằng thằng Dũng đã hy sinh vì Tổ quốc. Cái ý nghĩ ấy như một tấm ván lát cầu ao đã lâu năm vừa nhún nhảy vì mỏng mảnh lại vừa hay trùng triềng. Lão chỉ lơ là một chút, lãng quên đi những điều tâm niệm thiêng liêng chỉ một chút là lập tức xĩa chân xuống và nỗi đau khổ gấp trăm vạn lần sẽ lại vò xé lòng lão với tất cả nỗi niềm âm thầm của cái sự thực trần trụi và đơn giản.

Trong một thoáng chốc, lão đâm ra sợ cả chính mình, như một con chiến sợ đánh mất đức tin, lão đã đánh mất đứa con, lại đánh mất luôn cả những ảo ảnh về nó. Con ơi, giá những ngày còn sống con mặc quân phục chụp gửi về cho bố một bức ảnh để bố bày lên bàn thờ của con lúc này. Bố sẽ xuống phố Cầu Giát thuê người ta phóng đại, tô màu, cái bức ảnh sẽ mãi mãi suốt đời đem đến cho bố nỗi khuây khoả và niềm vinh dự... Hiệu ảnh ở dưới ấy thiếu gì, mà bố cũng thiếu gì tiền? Hồi ở nhà mày hay trêu bố keo kiệt nhưng trong cái việc này... phóng đại, tô màu một bức ảnh anh bộ đội đã hy sinh ở trong nhà...

*
* *

Lão lục tung mớ giấy má của gia đình cất trong một đoạn ống bương có nắp đậy mà vẫn còn giữ được nguyên vẹn cả một đoạn dây đeo bằng bả có thể choàng qua vai - vật còn lại của quãng đời nông ngư xam bán thỉnh thoảng "đi nghề" ra biển đánh cá, trong những năm lão hãy đang còn trẻ trai ở dưới làng Khôi.

Bồng lão Khúng sực nhớ ra chiếc ba lô của thằng Dũng do anh bộ đội người Thanh Hoá đã mất công phu khoác về từ bên nước Campuchia cho gia đình lão. Mấy ngày nay lão đã cẩn thận đem cất trong một cái chum đựng khoai lang khô tận trong buồng vợ và lão quên khuấy đi.

Lão vội vã chạy vào trong buồng mẹ Huệ ôm cái ba lô ra nhà ngoài. Lão tin chắc thế nào cũng tìm thấy một bức ảnh của thằng Dũng thật đẹp, thật oai phong,堂堂 hoàng, trong bộ quân phục mới là thẳng nếp.

Nhưng lão Khúng chỉ thấy dội lên tận đáy lòng một nỗi đau xót: tận lúc này lão mới có dịp nhìn kỹ cái kỷ vật vô cùng quý báu của đứa con đã chết để lại: cái ba lô sao mà bẩn thỉu rách rưới, y như chiếc đũa của đứa ăn mày, không cảm lòng nặng lão bật lên một tiếng khóc hu hu, kêu lên một tiếng rồi im bật, lẳng lẳng lỏi các thứ đựng bên trong ra. Chẳng có gì ngoài vài cái quần, cái áo bộ đội cũng đã cũ rách và hôi hám như chiếc ba lô, một mẩu sắt tây hình tròn chạm hình một vũ nữ Campuchia đứng múa uốn éo, cùng với một đôi đũa mà chắc con lão đang vót dở bằng một thứ gỗ gì đó hết sức lạ lùng, thớ gỗ nhỏ mịn và rắn như đá, màu đỏ sẫm.

Lão cắp cái đầy lính vào bên nách, xăm xăm bước ra ngõ. Trên dọc đường lúc băng qua ruộng lúa qua xóm, lão chả thèm nhìn ai, gần như chả trông thấy ai, người ta chào hỏi lão cũng làm thinh. Lão đi thẳng đến trụ sở xã. Hai dãy nhà nằm theo hình thước thợ cửa giả mở toang, cả nếp nhà trên đứng trên bậc thềm cao lẫn dãy nhà dưới chắt một đồng cây lạc, đứng ngoài ngõ vào thì thấy những chiếc ghế băng cùng với những cái nôi nhôm đựng bã chè xanh vớt lẫn lóc. Một cái mặt người vừa mảnh vừa khô như chiếc lá tre rụng ló ra giữa đồng cây lạc. Lão Khúng nhận ra ngay là lão Kẹp chồng mẹ Hái, giữ chức trách giao thông của uỷ ban kiêm đồng, mở cửa trụ sở.

Trông thấy chồng mẹ Hái, không biết nghĩ thế nào lão

Khúng liền quay ngoắt trở ra và cứ thế hai chân bước thẳng một mạch trở về nhà.

Vứt cái đũa lính bắn thiu ra giữa thềm, lão chạy vào nhà xách ra chai rượu trắng cùng với hai chiếc chén tống. Lão rót ra đầy cả hai chiếc chén, nhón những ngón tay đẩy về phía trước mặt một chén, miệng lầu bầu:

- Uống đi, con! Ngày xưa bố cấm mày nhưng rồi mày vẫn uống, húp xoàn xoạt như húp canh rồi nhăn răng ra cười, rồi sặc, rồi nói năng lung tung với mấy đứa em... Từ đấy mẹ mày đe tao; ... Ừ, mà bây giờ mẹ mày cũng chẳng đe tao nữa. Bố cũng chẳng cấm nữa! Uống đi, uống đi con!

Chừng như lão đã say. Ngồi tựa vào bậc cửa ngay trước dải thềm nhà, lão cầm mân mê trên bàn tay thô ráp của lão đôi đũa mà con lão đang vót dở, ừ, một đôi đũa dùng ăn cơm cũng như đũa con lão dùng ở nhà, nhưng đây là một đôi đũa vót bằng cái thứ gỗ màu hồng rắn như đá, thứ gỗ mà y như thứ đá, dày nhỏ mịn và lão nghĩ đến cái đất nước Campuchia lạ lẫm có thứ đất đã mọc lên giống cây gỗ lạ lẫm này - Ở đấy con lão đã chiến đấu và đã ngã xuống.

Giữa lúc ấy, mẹ Hái từ dưới bếp đi lên trông thấy cái người bố đau khổ đang ngồi gục đầu xuống đầu gối, đôi đũa bằng gỗ hồng sặc để rơi dưới chân - Bỗng lão Khúng như bừng tỉnh ngủ ngược lên nhìn người đàn bà bằng hai con mắt trống rỗng vằn đầy tia máu từ đó những giọt nước mắt rơi xuống lã chã.

- Ông Khúng ạ, - mẹ Hái ngồi xuống bên cạnh lên tiếng an ủi lão, - cháu Dũng dù sao cũng đã mất. Tôi biết là cái việc này nó nhọc lòng lắm. Ông chỉ mới có một lần đi qua cái cầu này chứ tôi và ông Kẹp đã đi qua đến ba lần. Tôi đã mất đến những ba đứa con...

Nghe mẹ hàng xóm nói đến đấy, lập tức lão nhồm dậy, hai con mắt vằn đỏ ghé sát tận mặt mẹ Hái mếu máo quát tướng:

- Ba đứa con của mẹ cũng không bằng một đứa của tui.
Hừm, nói vậy mà cũng đòi nói...

3

Những chiếc móng bò gieo xuống chậm rãi, có phần quá chậm rãi đến lẽ mà nhưng đều đều trên nền đất cứng của vết đường vận vô đỗ.

Lão Khúng chợt rừng mình vô cớ, có lẽ bởi lão thấy đêm vẫn bát ngát và sâu hút chẳng có vẻ gì đêm tối của cõi dương gian cả. Con khoang đen và, chắc, biết đâu đấy, cả lão đang đi đến chỗ chết? Lão biết thế còn con vật có biết không nhỉ? - Chắc là nó biết, lão Khúng nghĩ. Sống gần trọn một khúc đời nhọc nhằn nhất của lão trên vùng rừng với con vật, lão Khúng cũng không hiểu hết nó, con vật bầu bạn, chả biết nó thông minh hay ngu si?

Người ta bảo: "Ngu như giống bò" thật không đúng một tí nào, bởi lắm trường hợp nó còn hiểu ra được đôi ba điều trước cả lão, lão chưa kịp hiểu ra nó đã hiểu, nhưng nói chung thì ngu, một sự ngu si dần dần cố hữu đầy hoang sơ và chả có gì đáng chê trách, thậm chí vì thế mà lão Khúng càng yêu nó vì sự ngễnh ngãng, khờ khạo. Con vật thân quen của lão giống như một đứa trẻ thơ chẳng bao giờ lớn khôn lên được mặc dầu cái xác to kèn càng.

Chiếc xe lắc một cái mạnh. Lúc bấy giờ, cuộn tròn mình trong tấm áo rét bằng dạ cắt ngựa đã sờn cũ, lão Khúng chợt nhìn thấy một ngôi sao sa ở mép trời, thật ra lão không nhìn thấy ngôi sao lúc trước đấy và sau đấy, mà chỉ nhìn thấy ở cuối chân trời đang Tây chợt loé lên như đốm lửa bụi nhùi rơm rồi tắt ngấm mất hút. Lão cố tìm nhưng không thấy còn để lại cái gì cả. Phải không, như thế là điềm báo vừa mới có một người chết? Trên mặt đất mênh mông vô tận này có ai vừa mới chết, hoặc sắp chết?

Ngôi sao vừa sa xuống đó chắc hẳn không phải là điềm trời báo hiệu rằng con khoang đen nhà lão Khúng sắp "tử". Lão tin chắc chắn như thế. Bởi lẽ Nam Tào, Bắc Đẩu hoá là có rảnh rồi lấm lấm mới làm cái việc ấy. Mà cũng không bao giờ người ta ban đặc ân cho con khoang đen cả một ngôi sao chiếu mệnh, mặc dầu nó đã có công cày vỡ bao nhiêu là đất cát, điều ấy chỉ có lão Khúng mới biết.

Hay ngôi sao sa vừa rồi là ngôi sao của con lão, đây là vết đường đi về cõi trời của một người anh hùng cứu quốc, của chính thằng Dũng cầm súng chiến đấu ở bên chiến trường Campuchia? Cũng chắc không phải, lão nghĩ tiếp, trên thực tế thằng Dũng đã chết một năm rưỡi nay rồi cơ mà? Hay là điềm trời báo trước cho lão biết: lão sắp chết?

Tự nhiên lão lo quính lên, hai bả vai và tấm lưng rần chắc cựa quậy hoài huỷ trong tấm áo dạ. Lâu nay lão hay ho, hay nhức xương, lại hay nằm mê, mà toàn nằm mê gặp người chết. Mà tính nết thì hay quên, hay lú, lấm khi ăn rồi lại bảo chưa, trời vừa chập tối cứ ngỡ sắp sáng, giục già con cái trở dậy đi làm cứ toáng lên khiến trong nhà rối tinh rối mù.

Nhưng nghĩ đi rồi nghĩ lại, lão Khúng thấy bình tâm hơn, bởi một anh nông dân suốt đời đi sau mông con bò như lão thì là cái thá gì mà cũng đòi có một ngôi sao ứng mệnh ở tận trên trời? Có mà đến Tết! Ngồi thèo đánh trên cái cày xe bò, tự nhiên lão Khúng tự thấy ngượng nghịu, tôn tên vì đã đề cao cá nhân mình lên quá mức, y như cái lần ông Bời cứ bắt buộc lão lên ngồi ghế chủ tịch đoàn trong đại hội nông dân xã. Rồi lão chặc lưỡi một cái thật kêu. Cái lão Khúng này thiết đêch gì! Sao vớ lại chả trắng! Cho cái mặt trời, ông cũng đêch thiết nữa là! Lão chỉ thiết cái mặt đất ở dưới chân với mấy mảnh ruộng vỡ hoang được thuộc sở hữu gia đình lão.

Tuy thế lão Khúng vẫn ngửa mặt lên trời, rọi mắt lục tìm khắp bốn phía chân trời với một sự tò mò vừa kính cẩn vừa có ý

khinh suất. Lão ngắm kỹ lưỡng một vài đám sao sáng xanh, những vì sao to nhất, sáng nhất, và lão đỉnh ninh đây là những ngôi sao định mệnh của các vị vua chúa hoặc lãnh tụ. Chao ôi cả một trời sao trên đầu lão, càng nhìn càng thấy lắm, trong khi ấy thì ở dưới mặt đất vào lúc này dường như chỉ có một mình lão và con bò đang thập thồm, mò mẫm đi giữa mặt đất bao la và tối tăm.

Bất giác trong khi vẫn ngửa mặt lên trời, hứng bóng tối dày đặc và một làn gió đêm lạnh buốt, bỗng lão không kìm được, tự nhiên bật lên một tràng tiếng cười khùng khục từ trong cổ họng, khiến cho con bò đang đi phải dừng lại. Lão không dùng roi mà đưa tay đét một cái vào giữa cái chỗ uốn vòng lên của cuống đuôi con vật:

- Đi, đi! Không có việc gì cả đâu, lão vẫn tiếp tục cười khùng khục và đàm đạo với con vật bạn đường, - đi đi, không phải tao cười mày. Hi... hi tao đâu dám cười mày? Đây là tao đang cười những ông sao trên trời! Vua chúa hoặc đại thần danh tiếng của thời nay cả đấy! Họ đang sống cả đấy! Ngôi sao nào cũng cứ ngỡ mình đang soi sáng mặt đất, không có mình thì mặt đất biến thành hũ nút, hàng nghìn, hàng triệu người mở mắt cũng không nhìn thấy lối mà đi! Vậy mà khổ chưa kìa, không biết cơ man nào là sao, có ít ỏi đâu, các chư vị đang thi nhau nhấp nháy, đang toát mồ hôi hột ra để rạn ra ánh sáng như đàn bà rạn đẻ, không phải một ông mà nhiều ông, cả một trời sao đang chiếu sáng thế mà mặt đất thì vẫn tối thui tối mò thế này, con đường chúng mình đi xuống chợ Giát vẫn tối như hũ nút thế này?

Ấy thế mà mới tài tình chứ, lão cứ nghiệm thấy lão và con bò đi đêm nhiều nhưng chưa bao giờ lạc. Không phải chỉ trên mặt đất mà lão Khúng cảm thấy trong cái đầu ngổn ngang đầy ý nghĩ của lão cũng tối mò mò, chỉ được một điều là lão có hai con mắt do ông trời cho tinh như mắt cú, có thể đi trong tối. Lão, một anh nông dân suốt đời đi sau con bò vạch những luồng cày trong đêm tối...

Một lần nữa lão quay nhìn về phía ngôi sao vừa tắt, vừa rơi tòm vào bóng tối như đóm lửa trên đầu que đóm hút thuốc lào. Lão phỏng đoán có lẽ đây cũng chỉ là một ngôi sao be bé, vừa phải, hay đây chính là ngôi sao chiếu mệnh của đồng chí bí thư huyện uỷ nổi tiếng vừa mới đây đã thôi ngồi chiếc ghế ấy.

Quả có vậy thực thì đáng buồn thay và có lẽ đây là luật lệ mới ở trên đời: người có chức quyền không còn giữ được chiếc ghế nữa thì sống cũng như chết, ngôi sao chiếu mệnh cũng tắt?

Thực tình mà nói, tận cho đến lúc này lão Khúng cũng không hiểu mình yêu hay ghét, ưa hay không ưa cái con người quyền uy lớn nhất huyện, quen thân với Tổng Bí thư Đảng đồng thời lại cũng rất thích lão Khúng, coi lão như bạn. Về phần lão Khúng, mặc dầu ông Bời lúc nào cũng tỏ ra thân mật, bình đẳng, nhưng riêng lão Khúng bao giờ cũng để một khoảng cách với kẻ bề trên. Tuy vậy, lão Khúng cũng có phần bái phục con người ấy, đầy trái ý, đầy hoài nghi nhưng vẫn phải bái phục.

Con người lãnh đạo ấy xuất thân là dân buôn bò, cũng là anh nông dân từ chỏm tóc đến gót chân như lão Khúng vậy mà không bao giờ thềm nghĩ những điều nhỏ mọn, tũn mủn như lão Khúng. Lão Bời toàn nghĩ những cái to tát phải dùng đến hàng trăm hàng nghìn người làm cật lực với những cờ quạt trưng ra rợp trời. Lão thích đông người, thích náo nhiệt, rất lãng phí sức người, làm hỏng cũng nhiều mà làm được cũng lắm, cái gì lão làm được, dân đều biết cả!

Lão Khúng nghĩ: rồi cũng khó tìm ra một kẻ thay thế được lão Bời: Lão không tham vật, khó có người hiểu nông dân và lợi dụng tâm lý nông dân giỏi như lão, một con người lãnh đạo dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn luôn suy nghĩ, luôn

luôn đi, luôn luôn nói, luôn luôn bày ra việc để làm, mà toàn bày ra những việc to tát, vĩ đại: lão Khúng nghĩ một cách báỉ phục lão Bời: đó là một con người mà mọi điều khôn dại trong công ăn việc làm sẽ còn khuấy đảo sự làm ăn, no đói của hàng vạn người trong nhiều năm về sau này nữa. Ôi khủng khiếp quá, nhất là thời gian lão tiến hành đại cơ khí hoá nông nghiệp toàn huyện, lão đã xoá tên các làng xóm, ba xã đem gộp làm một xí nghiệp, đền chùa, miếu mạo bị dẹp đi, và không biết lão lúi ở đâu về mà nhiều máy móc đến thế, máy móc bò trên đường dưới ruộng như cua, trâu bò tưởng đã trở thành kẻ thất nghiệp!

Nhà cách mạng thường trực trong cái hồi ấy lúc nào cũng như một cái chảo nước đang sôi, hễ thích làm gì là làm, làm bất chấp tất cả, mà toàn chỉ thích làm những việc đảo lộn cả trời đất.

Người lãnh đạo huyện xuất thân cùng tầng lớp với lão Khúng ngày đêm lúc nào cũng chỉ nhằm "cách cái mạng" của người dân quê muôn đời nghèo khổ. Trong những năm này, uy tín ông Bời tăng vọt lên, ai cũng sợ, bởi gần như đã trở thành kẻ gần gũi, người thực thi mọi ý đồ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn của các cấp ở trên cao.

*

* *

Từ thuở "hàn vi" khi đang còn làm chủ tịch huyện, ông Bời đã thích kết thân với lão Khúng.

Lão Khúng thấy cũng là một sự lạ đời: ông chủ tịch huyện thỉnh thoảng đánh xe con lên rủ lão đi chơi lang thang đây đó và trên dọc đường bắt buộc lão phải tranh cãi với ông về một chuyện gì đó. Ủ thì có khó gì, và lão Khúng sợ gì, lão đã tranh cãi những trận kịch liệt với người lãnh đạo huyện, cả hai mặt đỏ gay gắt, sùi bọt mép mà không phân thắng bại trong mọi chuyện.

Về sau khi đã ngồi vào ghế bí thư thì ông chủ tịch huyện không làm cái trò chơi đại ấy nữa. Có người lãnh đạo nào lại thích sự phản bác, trái ý! Ngay từ ngày đầu, lão Khúng cũng đã đủ khôn để biết thế cho nên thực ra lão cũng chỉ tranh cãi giả vờ, không bao giờ lão chịu nói ra ý nghĩ thực của lão với chủ tịch huyện. Mà cũng chính vì thế cho nên mối dây quan hệ bạn bè giữa lão với người cầm quyền còn giữ mãi được đến tận bây giờ.

Tuy thế, trong con mắt của lão Khúng, đó là những thời kỳ mà con người ấy thật đáng mến bởi vì người ta còn ít sợ. Ngày ấy ông Bời rất "mê" con khoang đen, ngày ấy ông Bời đang còn biết yêu trâu bò, súc vật. Vừa ngủ gà ngủ gật, lão Khúng đang nhớ lại những năm mới hoà bình chống Mỹ xong, cả huyện đang xúm vào xe cát làm đại công trường thủ công xây dựng đồng muối Quỳnh Thuận để cứu đói cho mấy ngàn dân biển: trâu bò trong toàn huyện đã kéo về tập kết ở đấy - mà ông Bời đặt tên là cuộc hội quân lớn về sức kéo.

Phải, hồi bấy giờ thằng Dũng hãy còn nhỏ, là một đứa cháu nghịch ở trong xóm, con khoang đen tuy đã đẻ vài lứa nhưng trông vóc dáng bề ngoài còn là một ả gái tơ đầy quyến rũ và cũng không hiểu sao y như thường xảy ra với những người đàn bà đặc biệt hấp dẫn đàn ông - những lão bò đực đầu đàn đầy hung dữ của ngoài chục xã cứ lẫn xả vào mà húc nhau, rượt nhau, gây ra những trận kịch chiến khủng khiếp để quyết giành lấy con khoang đen cho kỳ được. Cũng từ ngày sinh ra đời chưa bao giờ con khoang đen và thằng Dũng được sống dưới bầu trời rộng rãi và náo nức là thế, trong một khung cảnh lao động lãng mạn là thế - một công trường thủ công - đúng như tên trong các sách vở của Mác thường nói và chủ tịch Bời là người đã có công biến thành sự thực nhân tiên: khắp mọi xóm xinh trong cả huyện, đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con được điều về đông nghìn nghịt, người đã đông mà trâu bò lại càng đông hơn; dân các xã cùng trâu bò trước khi kéo quân về đã được phiên chế thành cơ ngũ:

tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn đâu ra đấy với các vị tư lệnh cùng chính uỷ, kèn tiến quân, kèn lui quân, trống cái, trống éch, cờ đuôi nheo, cờ lá chuối, cờ rước thân, cờ đỏ sao vàng, những phù hiệu cấp chức bằng vải, bằng giấy loè loẹt trên các bả vai và ống tay áo, loa phóng thanh từng buổi, từng giờ vang vang công bố cho toàn công trường những kỷ lục năng suất.

Sau ba tuần lễ tắm mình trong không khí đại công trường, hai cha con lão Khúng cùng con bò được trở về nhà. Hai cha con cùng với con vật về đến trường Ách thì gặp chiếc xe của chủ tịch huyện cũng đang ngược dốc đi lên. Lúc bấy giờ lão Khúng trên dọc đường đang cúi. Lão đang tiếc của đến đứt ruột cho nên cúi gắt âm ỹ. Ông Bời phóng xe com-măng-ca vượt lên trước, ngoái về sau trông thấy một lão già xương xẩu và gân guốc từ trên chiếc xe bò bánh lốp nhảy xuống vừa lớn tiếng mắng mỏ thẳng con trai đang ngồi đục mắt trên cang xe.

Chủ tịch Bời "à" lên một tiếng, vui vẻ lập tức nhận ra cái con vật đang đi nhớn nhoe phía trước cang xe như một vũ nữ. Ông nhận ra đó là cái "ả đàn bà" đã từng gây náo loạn dưới đồng muối, con bò cái khoang đen bắt trĩ! Những đoàn xe chở cát dài dằng dặc từ dưới biển lên đang xếp hàng đi đứng có hàng ngũ bỗng chỉ cần cái ả đàn bà với bộ cánh màu đen loang lổ này xuất hiện hoặc từ rất xa thốt lên một tiếng "ngò" khàn khàn là lập tức hàng ngũ đoàn xe bị phá vỡ không có cách gì thiết lập lại trật tự quân sự.

Chủ tịch huyện bảo cậu lái xe cho dừng xe giữa trường Ách. Vốn xuất thân là dân buôn bò cho nên ông có con mắt sành sỏi.

"Chả trách, chả trách" ông chủ tịch huyện đi sát lại bên con khoang đen với một nỗi đam mê của một tay buôn bò khi đã bị quyền rũ không dứt ra được, cũng không kim được lời tấm tắc khen ngợi phải thốt lên thành lời.

Máu mê dân buôn bò sống lại trong ông chủ tịch huyện, ông

đi thêm mấy vòng để nhìn kỹ dung nhan phía trước mặt, càng nhìn càng ưng ý không thể chê được một nét gì.

Chao ôi, nó đẹp quá, một con bò cái đẹp như Tây Thi - ông Bời cuối cùng thốt kêu to lên như thế rồi quay sang ngắm bộ con người chủ bò và chiếc xe bò.

Lão Khúng đã thôi không mắng mỏ thằng Dũng nữa nhưng lão vẫn tiếc của đến đứt ra từng khúc ruột, lại thấy ức như bị bò đá - vì thằng con lão và cả lão nữa đã lơ là, để chúng nó tháo mất bộ díp xe. Cả một bộ díp ô tô mà lão đã phải cất công ra tận thủ đô Hà Nội, cả nhà ông chú ngoài đó phải xoay tròn ra mới lòng được cho lão cùng một lúc "đồng bộ" cả ổ bi, trục xo, bánh lốp... vậy mà chúng nó "ăn cướp" mất của lão cái bộ díp bằng thép! Biết bao giờ mới tậu lại được cho nổi? Lắm khi có tiền cũng không sắm được. Cho nên từ sáng đến giờ, từ lúc xuất phát ra đi để trở về nhà mỗi lần lão đi qua một quãng đường dốc gập ghềnh, lão lại nháy xuống chống hông lên trời vừa cáu gắt nặng nề vừa mắng mỏ thằng con trai, vừa giương mắt nhìn vào cái khoảng trống để lại dưới sàn xe - một cái khoảng trống do bàn tay bọn ăn cắp để lại kỷ niệm cho lão: Nơi cái bộ díp ô tô tải đã bị ăn cắp mất, nơi táng cái mả bố chúng nó đấy!

Dù sao thì việc ông chủ tịch huyện ngay giữa đường phải dừng xe lại để ngắm con vật nhà mình cũng làm lão Khúng phần nào vui đi nổi khổ tâm vì cú mất của quá xót.

Vượt qua đoạn dốc cuối cùng của trường Ách, lão Khúng và nhà cầm quyền sóng vai nhau đi bên chiếc xe, người nào cũng tỏ ra không kém phần thông thạo trong khi bình phẩm tướng mạo và nhan sắc của con vật.

Nhưng khi ông chủ tịch huyện lân la hỏi sang cảm tưởng những ngày lao động xã hội chủ nghĩa đầy náo nhiệt vừa qua thì cái nổi xót ruột bởi chuyến đi mất của lại dùng dùng trôi dạt giữa cuống ruột cái lão già nông dân.

- Công trường với lại công triềc, toàn một lũ ăn cắp!

Ông chủ tịch huyện đã cảm thấy bị xúc phạm, da mặt đỏ gay, tuy vẫn cố kìm giữ:

- Sao thế?... Có việc gì thế hả ông lão?

- Toàn một lũ ăn cắp... Ông coi, chúng nó tháo mất của tôi cả một bộ díp - lão Khúng còng cau mặt lại - quân ăn cướp chứ không phải là ăn cắp nữa, cái quân công trường ấy!

Chủ tịch Bời thường ngày đã không thể nghe ai nói một lời đụng chạm tới cái công trường kiến thiết nại muối.

- Chả lẽ ông nỡ... nói đến vậy, hả ông lão?

- Thưa ông, mất cắp thì tôi nói mất cắp, mà rõ ràng là mới mất đêm qua, ở dưới công trường...

- Đúng chứ?

- Chẳng lẽ bằng chừng này tuổi đầu, không mất tôi lại nói mất?

- Biết vậy, biết vậy ông người xã nào ở vùng trên này vậy hả?

- Hùng Tráng.

- Tên ông là gì?

- Ông hỏi để làm gì?

- ...

- Tôi tên là lão Khúng, ai cũng biết.

Chủ tịch huyện tròn xoe mắt:

- Ông... Ông chính là lão Khúng ở Hùng Tráng đấy ư?

- Phải.

- Nào, cho chủ tịch huyện bắt tay ông Khúng một cái đã nào, - ông Bời mặt mũi hồ hởi, hai chân đi ủng giậm lộp bộp xuống mặt đường, ngó người đối thoại đầy tò mò và kính cẩn như ngó một người đã có công khai sơn lập địa của thời hồng hoang vừa mới hiện về đang đứng trước mặt.

Hai tháng sau, vào thời vụ cày vỡ đất của Hùng Tráng,

tháng vất vả nhất của trâu bò và người đàn ông trong gia đình, ông Bời đánh xe lên thẳng nhà lão Khúng, tuyên bố sẽ ở nhà lão khoảng một tuần lễ để học cách làm ăn, nói theo chữ chính trị là "ba cùng" nghĩa là cùng ăn, cùng ở, cùng làm với gia chủ.

Lão Khúng ban đầu đã chả tin một tí nào. Và cả nhà lão cứ sồn sác, lo sợ, tưởng lão vừa mắc vào cái tội gì to tát đến nỗi ông chủ tịch huyện phải thân hành đến tra xét. Mụ Huệ vội vã tuồn những chiếc bong bóng lợn chứa đầy rượu lậu giấu dưới đáy mấy cái chum ở trong buồng mụ sang nhà hàng xóm để giấu. Bữa cơm đầu tiên, mụ Huệ xua được một con gà mái vào nhà bếp, túm lấy hai cẳng, đã toan cắt tiết thì lão Khúng giơ tay ngăn lại: "Thường ngày nhà mình ăn thế nào thì dọn cho ông khách ăn vậy. Như thế mới là ba cùng" - Lão giải thích ý nghĩa công việc của vị khách cho vợ hiểu - nhưng mụ Huệ vừa thả con gà ra lão đã chop lại, đề nghị mụ cứ cắt tiết. "Chắc, phàm là con người ai chả thích ăn ngon? Chưa thể biết rõ hết mục đích lão đến ở nhà mình để làm gì thì hãy thắt lão một bữa cơm thịt gà cái đã. Một ông chủ tịch huyện chứ có phải ít ỏi đâu? Ấy, mà biết đâu lão đến ở nhà mình cũng có thể làm cho lão nên danh nên giá, và nhà mình cũng nên danh nên giá? Sự đời đôi khi có nhiều cái lạ lắm, lão nghĩ trong đầu và mỉm cười.

Thế là suốt một tuần lễ, mọi sinh hoạt trong gia đình lão Khúng bị đảo lộn lên hết. Từ thằng Bút, hồi bảy giờ chưa đầy năm, đang men bờ hè tập đi cũng trở nên nhút nhát, lúc nào cũng nem nép, lấm lét, suốt cả ngày rúc dưới gian bếp với mẹ, giương hai con mắt mở thao láo nhìn ông khách lạ mới đến ở trong nhà, cái nhìn đầy thù nghịch. Cả hai vợ chồng lão Khúng cố tạo bầu không khí tự nhiên nhưng cả xóm vẫn cứ phải để con mắt tọc mạch nhìn vào cái ngôi nhà ngói có cây vối trước ngõ, ở đấy đang diễn ra một sự kiện đầy lạ lùng: ông chủ tịch huyện không ngồi com-măng-ca giơ tay vẫy quần chúng đang cày cuốc hai bên đường, cũng không diễn thuyết thao thao trên bục gỗ

của nhà hội trường huyện, cũng không khề khà ăn tiệc, đánh chén, mà lại xắn quần lên tận bẹn cùng sát vai bên cạnh cha con lão Khúng làm lụng quần quật từ sáng đến tối. Đã thế lại còn đòi ăn uống kham khổ, mụ Huệ bưng lên một cái mâm gỗ có hai cái bát, hai đôi đũa cho chồng và ông khách ăn riêng thì ông khách lập tức bưng xuống nhà bếp, tự tay lượm một cái ghế con đến ngồi bên một góc cái mươn tre, hoà mình giữa đám con nhỏ vô cùng đông đúc của nhà chủ, cùng ăn những bát khoai lang khô thái lát chỉ dính vài hạt cơm làm phép như chúng.

Lão Khúng và cả mụ vợ đã lấy làm bực bõ lắm, như thấy con mắt người ngoài, một kẻ cao sang lúc nào cũng nhìn xoi mói vào tận đáy bát cơm nhà mình và bàn tay thò vào cuộc sống hàng ngày của mình. Dù không ăn cắp, ăn trộm của ai nhưng cũng như mọi người, vợ chồng lão Khúng cũng không muốn người bên ngoài biết hết những cái không cần biết của nhà mình, kể cả những cái sự nhếch nhác, túng đói, cũng như cái sự sung túc, no đủ, kể cả những cái sự sống thực với nhau lật vạt hàng ngày ở trong nhà.

Tất cả những cái điều riêng tây đó, ông Bời không hề biết và ông chỉ lấy làm bằng lòng về mình vô cùng: ông biết rằng chẳng chóng thì chầy những hành vi của ông ở đây sẽ loang đi trong khắp huyện, khắp tỉnh, được những cái miệng cán bộ lẫn dân thường bàn tán đến nát ra. Ông đã nghĩ rất đúng, trong cả huyện, ông chọn nhà lão Khúng để đến ở: đây là dinh lũy cuối cùng của sự làm ăn cá thể và chả biết ông nghĩ thật hay ông nghĩ đùa: ông phải biến lão Khúng thành một con người mới xã hội chủ nghĩa, ông tự giao cho mình công việc ấy như một nhà hành giáo tự nguyện dấn thân vào vòng nguy hiểm và đầy cam go.

Mặc cho ông chủ tịch huyện lợi dụng mọi hoàn cảnh để lừa lão Khúng vào vòng tranh cãi với ông về lý luận "Hai con đường", lão Khúng bao giờ cũng cố nín lặng lắng nghe ông chủ tịch nói một cách cung kính, cố giấu cái lưỡi thật kín để đừng đại dột

thốt lên cái câu "Tôi gần mười đưa con vào hợp tác xã để mà chết đói à?" đã lấp ló ở cửa miệng.

Phải nói rằng hồi bấy giờ, trong cái tuần lễ đầy trọng đại ấy, cả gia đình lão Khúng chỉ có con khoang đen là kẻ dám ra mặt trò chuyện với vị khách một cách sòng phẳng, thẳng thắn, mặc dầu thiếu tinh thần lịch sự, tôn trọng khách: chưa một lần nào ông Bời đặt nổi cái ách lên lưng nó và một lần nó đá vị chủ tịch huyện một phát vào giữa bụng khiến cho ông ta ngã bổ nhào, úp cả khuôn mặt phương phi đầy cời mở vào giữa đám ruộng.

- "Lúc bấy giờ mày còn nhớ không - tự nhiên lão Khúng nói to thành tiếng cho con bò đang bậm bạch đi phía trước nghe được - tao đã phải vội vàng chạy lại giơ hai tay nâng ông chủ tịch huyện dậy rồi sau đó nhặt chiếc roi cày từ trong tay ông ta vừa văng ra, tao đã quát cho mày một trận. Có ông trời ở trên đầu chứng giám, ăn ở, làm lụng với nhau cả một đời, có bao giờ tao nữ đánh mày một roi đâu, thịt da của mày cũng là thịt da của tao, đúng sự thực là thế, mày đau cũng tức là tao đau, vậy mà lần ấy trước mặt ông chủ tịch huyện đang nằm ôm bụng quần quai, miệng kêu hừ hự, ngay giữa luống cày, tao đã nữ lòng trở đầu roi cày để đánh mày, đánh thực lực, tay đánh miệng chửi bới, nguyên rửa không còn sót một thứ lời lẽ độc địa nào nữa.

Cũng phải nói thêm: lúc ông chủ tịch bị mày "chơi" cú đá hậu, cái thằng Dũng đang đứng trên bờ dùng có nhãn rắng ra cười, hềnh hếch đầy khoái chí một cách vô ý thức đến thế... thì chưa chắc tao đã phải đánh mày nặng tay đến như vậy. Có phải không, cái thằng Dũng đến là ngu! Nó trẻ đại chưa biết cách cư xử! Đáng lẽ những lúc như vậy dù tức cười đến vỡ bụng cũng phải mím chặt miệng lại.

Đừng có bao giờ cười cợt chế nhạo cấp trên... người ta đường đường là chủ tịch huyện... Không biết trước khi chết, cái thằng con của lão có khôn ngoan hơn lên được tí nào không? Nhưng cái tính khí thẳng ruột ngựa của nó cũng là tính khí của mình hồi

trẻ, của cái lão Khúng ngắt ngưỡng này trút sang cho nó từ trong máu thịt... Bây giờ nó ở đâu, cái thằng Dũng vô ý vô tứ ấy, bây giờ con đang lang thang ở đâu?

4

Gần sáng lão Khúng đã ngủ quên mất. Sương rơi những hột to bằng hạt ngô, lộp bộp, lộp bộp bên móng guốc của con khoang đen khiến con vật cũng thấy cong cồng dưới chân và nó phản ứng lại bằng cách đi nhanh hơn.

Phía biển ngập chìm trong sương trắng, thỉnh thoảng xuất hiện giăng giăng một hàng hạt cườm lóng lánh trong thoáng chốc rồi lại tắt. Đây là ô tô tải chạy thành đoàn dưới đường Một vừa đi vào cái khúc ngoắt ở đầu phố Cầu Giát. Con đường đòi mang tên "Dốc bò lẩn" thầy trò lão Khúng đang đi sắp phải vượt qua một cái truông ngấn thuộc vùng đất của một hợp tác xã miền xuôi vừa mới lên, chắc chắn đất vừa mới được cày vỡ chiều hôm qua, một vùng đất mới cày bát ngát... Con khoang đen lầy lăm sung sướng chun mũi hít hít, chỉ có nó mới cảm nhận được đầy đủ mọi hương vị của đất mới được cày lật lên đang toả ra từ hai bên vệ đường.

Lão Khúng ban đầu còn dứt tai vò tóc cố chống đối cơn buồn ngủ đang ập đến giữa trí não đã trở nên lại mờ mờ. Cũng tại vì tự nhiên thấy đau lưng, lão tựa sát vào những bó củi. Lão thấy thực dễ chịu, lại còn nghĩ được: lần này vợ lão gửi xuống cho con Hương toàn loại củi cành, rồi nó sẽ khó bán! Chả biết bán đến mấy phiên chợ mới hết? Rồi lão quờ tay sang bên đấy cái đấy đựng đầy khoai lang khô, lẫn gạo, phần ăn của đứa con gái trong nửa tháng, tay đẩy nhưng đầu lại tựa vào đấy lão cảm thấy êm ái quá! Có lẽ hoàng đế ngủ trong cung điện cũng chỉ sung sướng đến thế này là cùng - lão nghĩ một cách hài hước, tự nhiên hai

tay bắt chéo trước bụng, khép chặt hai vạt áo dạ cút ngựa vào sát thân mình - Kệ con khoang đen, kệ mẹ già ấy! Sau cái ý nghĩ buông thả, hưởng lạc ấy là óc lão tối hẳn, không sao tự kiểm soát được nữa. Lão ngoẹo đầu về một bên, buông thõng hai tay, miệng bắt đầu ngáy một cách thực ngon lành theo cái điệu ngáy vo vo quen thuộc của lão ở nhà.

Lúc bấy giờ con khoang đen đã biết tổng lão đã ngủ, tuy nó không quay lại nhìn. Con vật bình thân một mình kéo chiếc xe lên dốc lại xuống dốc. Nếu lão Khúng vẫn ngủ tịt cho đến sáng thì con bò vẫn có thể tự lực đưa lão cùng chiếc xe xuống phố Cầu Giát, vào tận khu tập thể học sinh cấp ba ở nội trú tận bên kia cầu xi măng. Nó đã thuộc con đường ấy, qua nhiều lần xuống chợ Giát.

Một luồng ánh sáng chiếu sáng quắc từ phía sau. Trong khi chiếc xe tải lao vút qua, con khoang đen cẩn thận đi sát vào bên đường, nó gần như dừng hẳn lại không bước tiếp nữa.

Cái quang sáng lai láng đầy chói chang của cặp đèn pha chiếu từ phía sau cùng tiếng bánh xe lao ầm ầm ngay bên cạnh vẫn không thể đánh thức nổi lão Khúng, nhưng nó đã đánh thức dậy giữa giấc ngủ của lão với giấc mơ khủng khiếp khi ở nhà: lão lại nằm mơ, nhưng khác với lần trước, là chính lão bị đánh bằng búa tạ, chính lão là con bò! Lão tự nhìn mình trong một cái thân hình nửa bò nửa người, máu mê đầm đìa, mà lão lại vẫn bình thân y như tuân thủ một cái điều đương nhiên mà trong những khi thức lão không hề được biết.

Vẫn bằng cái hình thù góm ghềnh ấy, lão đang cùng bí thư Bồi sổng đôi bước đi trên một dải đất bằng phẳng trên một vùng cao nguyên nóng như rang. Mang thân hình nửa bò nửa người, lão cùng lão Bồi đi theo sau thằng Lạc, thằng con trai của lão đang đi khai hoang ở Đắc Lắc, ba người cứ ngật ngưỡng đi như người đi kheo trên suốt một vùng đất được treo lên giữa lưng chừng trời, suốt một ngày đi không có một chỗ nào có được một

giọt nước. Đất dưới chân lão Khúng bây giờ là một thứ đất đầy màu mỡ, khô không khô như sơn mài, mới được cày vỡ bằng máy, từng làn đất bột màu hồng bay là là dọc theo những cánh rừng tốt tươi, lá cây cứ xanh biếc như vẽ.

Đêm tối sập xuống, bóng tối nhẹ như bác và đầy huyền ảo, con bò hoá thân của lão Khúng bỗng chốc trở nên say sưa, ngây ngất trước hương vị của đất cày. Đến bây giờ nó đang đứng chỉ có một mình giữa vùng đất cao nguyên Đắc Lắc mới được bàn tay những người khai hoang cày vỡ và nó thấy chỉ chốc lát nữa, trời sẽ sáng và nó phải rời những luống cày để trở về sống trong rừng cây xanh biếc kia. Nó chính là loài thú hoang, hay đúng hơn, một con vật gia súc đã trở nên hoang dã, đã tìm trở lại được cái cuộc sống tự do muôn thuở của nó.

Đến lúc này thì lão Khúng tỉnh ngủ. Lão lại trở về kiếp sống làm người như bình thường hàng ngày lão vẫn sống, tuy vậy vẫn chưa dứt bỏ được những ám ảnh cảm giác của loài vật do giấc mơ đã để lại giữa trí lão. Lão đuỗi thẳng chân tay, sờ nắn từng cái bắp tay, bắp chân một, thấy vẫn là loài người nguyên vẹn, lão lấy làm yên tâm.

Vẫn nằm ngả đầu vào bì khoai lang khô lẫn gạo đem xuống cho đứa con gái, vốn tính cẩn thận lão lại nắn tay nắn chân một lần nữa, lại còn sờ ra sau mông xem mình có còn cái đuôi hay không, lần này thì lão xác định hoàn toàn không có gì đáng lo ngại, tuy vậy hai mắt lão Khúng vẫn không rời cái hình dáng con bò với bốn chân đang đi từng bước thủng thỉnh trong đêm vắng phía trước mặt lão, ngay trước con mắt lão. Vẫn y như hình dáng của chính lão - cái hình dáng thật mà chỉ một lần lão vừa được nhìn thấy.

Rít xong một mồi thuốc lào, lão trở nên hoàn toàn tỉnh táo, và càng tỉnh ra, càng ngồi suy nghĩ, cái ý niệm lẫn lộn giữa mình và con bò lại cứ trở về lờn vờn trong trí óc lão.

Lão nhớ lại cánh rừng ở trong giấc mơ với tàu lá xanh thẫm, cây lim lẫn thông già mọc trên vách đá, những con bò hoang đã đi đứng trên vĩa núi đá đầy cheo leo hoặc bình yên gặm cỏ giữa những khoảng rừng bằng ngập đầy nắng. Trong đàn bò kia đã từng có mặt lão, cái dáng dấp thông dong và thư thái nhất trần đời của lão. Chuyện này giá có đem kể lại, chắc chả có một người nào tin.

Thế rồi đột nhiên lão Khúng đi đến một cái quyết định đầy điên rồ: lão quyết định giải thoát con vật! Tự nhiên lão thấy lão đang làm một công việc vô cùng vô nhân đạo. Cả một đời con vật nai lưng ra kéo cày để nuôi sống gia đình lão, và bây giờ lão đền ơn trả nghĩa cho con vật bằng việc đem bán nó cho người ta giết thịt? Lão thấy lão không còn là giống người nữa chứ còn đâu nửa người nửa thú vật? Một lát sau lão không lên án, tự xỉ vả mình nữa mà chỉ thấy trong người mình một cái nhu cầu đầy bức bách tự giải thoát.

Con bò đang kéo chiếc xe đi qua một quãng rừng thưa thớt.

- Họ... họ...

Lão lên tiếng gọi con vật bằng cái giọng tự nhiên hơi xẵng. Con bò dừng bước, có vẻ nó lấy làm ngạc nhiên.

Lão nhảy xuống, đi đến bên cạnh con vật, đặt cả hai bàn tay lên cái cổ sần sùi đang đầy hơi sưng lẫn mồ hôi, lão vỗ vỗ con vật một hồi rồi cầm cái ách đặt xuống bên cạnh hai chân trước của nó. Con vật ngẩng cao cổ, thè lưỡi liếm lên vai, lên cổ lão, mỗi lần cái lưỡi mềm và ram ráp đụng vào da thịt, lão lại sớn gai ốc, tưởng như con vật đã cảm thấy được lão đang nghĩ gì; đang toan tính những gì; lão đang cời ách suốt đời cho nó! Lão Khúng tự nhiên trở nên vội vã, lão kéo chiếc xe sang bên vệ đường, đem giấu sau những đám bờ bụi lúp xúp lẫn những tảng đá rồi trở về bên con vật đang đứng đó, nguyên tại chỗ.

- Nào, bây giờ thì tao giải thoát cho mày, lão lầm rầm nói với

con vật thân yêu bằng cái giọng hơi cau có, - mày hầu tao thế là đủ rồi đấy con ạ, bây giờ thì mày hãy đi đi, hãy vào rừng mà sống, cỏ đầy, cỏ trong rừng thiếu gì, mày ăn suốt đời không hết, khát thì có nước suối. Mày muốn sống một mình hay sống trong bầy cũng được. Ở đây đi sâu vào bên trong sẽ có một bầy bò hoang. Chúng nó sừng như những bà hoàng, ông hoàng giữa núi non, cây cỏ, chẳng bao giờ phải kéo cày, kéo xe. .. Hãy đi đi, nào!

Lão cuộn vào năm ngón tay trái cái dây chảo đã được tháo ra khỏi mũi con khoang đen, dùng đầu dây đánh một cái thật đau vào bên hông, bắt nó phải chạy té vào rừng. Con đường đi đến thế giới tự do của con khoang đen thật chẳng khác nào con đường đi đây. Sau lưng nó, lão Khủng lúc nào cũng hầm hầm hê hê gior cao thanh roi sẵn sàng quất vào mông đến đau điếng nếu nó dừng lại, hoặc ngoái nhìn trở lại.

Cuộc xua đuổi cứ thế diễn ra lặng lẽ giữa đêm trường. Càng xua được con vật dẫn mình vào giữa rừng sâu và càng xa con đường "bò lẩn" ở ngoài kia, lão Khủng càng thấy yên tâm, lại thấy có một cái gì khoái lạc, tự thoả mãn, chẳng lẽ lão cảm thấy được lão đang xua đuổi cái số phận quá đối nhọc nhằn của lão ra khỏi đời lão, cái số phận nửa người nửa con vật?

Càng đi sâu vào rừng càng dày. Những thân cây đối lâu năm ôm trên mình toàn lá rậm rịt. Qua hai ba ngọn suối thì đến một khu rừng cũng toàn đối mọc trên dãy núi đá. Rừng tối hơn. Đây là giang sơn, nơi trú ngụ của bầy bò hoang. Từ ở đây vào những tháng hè nắng ráo, những con bò đã từng là gia súc thương nhớ vị mặn của muối, đêm đêm lần xuống các gia đình người Kinh, sục vào bếp, thè lưỡi liếm hồi hả lên mặt những chiếc kiềng sắt hoặc đầu ông núc. Có đôi khi vào nửa đêm lấm sao hoặc có trăng sáng, chúng kéo nhau từng bầy năm bảy con kéo xuống phá phách hoa màu trên nương của bà con đồng bào địa phương ở bên kia sườn núi đá. Người ta rình, tổ chức phục kích, đào hào cắm chông nhưng vẫn chưa bắt được của chúng một con nào. Cái

giống bò sông hoang dã thật ranh khôn...

Cuộc xua đuổi đã kéo dài hàng tiếng đồng hồ. Lão Khúng đã mệt nhoài nhưng vẫn chưa chịu cho con vật dừng lại. Nó phải đi thật xa, phải bắt nó vào thật sâu giữa rừng thẳm, để không còn lối nào trở lại với lão. Rồi thì mai đây khi trở về nhà, lão nghĩ, lão sẽ nói thật với mẹ Huệ, lão đã không đem xuống chợ Giát để bán mà trên dọc đường đã giải thoát cho nó, trả lại cho nó cuộc đời tự do, lão đã xua nó vào rừng, vào giữa giang sơn của một bầy bò hoang... Chắc hẳn mẹ Huệ cũng không mè nheo lão. Mẹ sẽ thông cảm với lão, với việc làm của lão.

Sau khi xua được con vật sang bên kia sườn núi đá, lão Khúng âu yếm chia tay với người bạn bằng cách trở đầu roi, cầm trên tay đánh một trận thực lực, tay đánh miệng chửi bới nguyên rủa. Giữa lúc con vật đau điếng, đang quằn quại suýt quy bốn chân xuống thì lão Khúng đột ngột quay lưng lại phía nó. Không nói thêm một lời nào. Lão bỏ đi, mất hút vào đêm tối. Lão trở về bên chiếc xe bò khi màn đêm đã nhợt trắng. Lão biết rằng từ đây trở đi chỉ còn một phần ba đường đất và đường sá cũng đỡ khôn khổ hơn.

Lão xem lại dây chằng những bó củi cùng đồng chè xanh trên nóc xe, tranh thủ rít thêm một môi thuốc Lào rồi một thân một mình, lão kéo chiếc xe ra giữa đường cái, tiếp tục cuộc hành trình về xuôi.

Mùi mồ hôi bò khai khai, lâu đời phả ra nồng nặc trên cái ách gỗ đang bắt đầu thấm ướt đầm dòng mồ hôi muối của lão. Trên đầu lão, trời sao thưa ra, ngôi nào ngôi nấy trắng nhợt như sắp rơi rụng hoặc đi trốn vào bóng tối hết. Lão kéo chiếc xe lăn bánh lọc cọc giữa hàng đoàn những chiếc xe khác do trâu hoặc bò kéo đang vượt lên trước lão, thỉnh thoảng lại có một đoàn xe sộc chở than hoặc gỗ súc trẩy xuống chợ Giát trong tiếng kêu ken két rất là náo nê.

Khoảng bảy giờ sáng lão Khúng mới lái được chiếc xe xuống đầu phố Cầu Giát. Đến lúc này trên con đường số Một không còn lối mà len chân nữa. Lão Khúng tháo ách ra khỏi vai, ngồi xếp bằng ngay bên vệ cỏ của đoạn mút con đường bờ lán đã rải đá dăm. Lão ngẩng cao cổ phóng mắt nhìn theo con đường "bờ lán" cắt ngang con đường số Một để đi thẳng xuống miền biển. Đây là con đường duy nhất để lão đi về làng, rải toàn đá lèn ban đêm cứ trắng lôm lôm. Lão ngồi xếp bằng ở đấy để nghỉ chân có lẽ đến nửa tiếng đồng hồ, ngay bên vệ đường, sau khi rít một lúc hai điếu thuốc Lào thông, lão cảm thấy mệt muốn đứt hơi nhưng lại khoan khoái vô cùng, như vừa làm được một việc từ trước tới giờ lão vẫn hằng mơ ước nhưng chưa có cách gì để làm. Con người lão lúc này như đã phân thân ra, một nửa đang sống cuộc đời con khoang đen nhơn nhơ giữa nội cỏ trong rừng thẳm, một nửa đang là chính hình ảnh cuộc sống của lão trong hiện tại: một lão già nông dân đầy nhọc nhằn một mình với chiếc xe bò giữa đường.

Phố Cầu Giát, cái phố huyện nổi tiếng sầm uất đang bùng bùng sống dậy trong phiên chợ.

Đoạn đường số Một chạy qua phố Cầu Giát kể cả bên này và bên kia cầu dài có đến gần hai cây số. Cho đến lúc này một bên phía lề đường bên kia đã sức nức mùi thơm của cá nướng cùng mùi tanh tươi của cá tươi, và một bên phía lề đường bên này đang xông lên ngùn ngụt mùi phân trâu bò: rừng rừng từng đàn bò, đàn trâu, con kéo xe, con đi không, đang đổ tất cả về phía chợ, cái đoàn súc vật cứ phình to ra mãi, lúc nào cũng chực lần chiếm hết cả mặt đường.

Người ta thấy từ ngã rừng xuống cũng như ngã biển lên, người cứ đùn lên từng đám, từng đoàn, không lúc nào ngớt. Cùng với người là tiếng cười nói, tiếng cãi vã, tiếng bánh xe gỗ rú rết đầy rít róng và náo nê, tiếng đòn gánh kiu kịt, tiếng trâu bò "nghe ọ", tiếng roi quát vào không khí vi vút hoặc đánh trúng hông trâu bò cứ đen đét. Từ trong cái đám súc vật lì xì đang lạng

lẽ cất bước đều đặn bỗng có một con nổi đóa tự nhiên lòng lên, xô giạt hết tất cả người cùng các thứ xe cộ khiến thiên hạ vụt hét toáng... Nhưng bậm trợn nhất, cứ xô giạt hết cả các đoàn súc vật lẫn ô tô tải mà len lên, mà chạy rần rật về phía trước, là những đoàn đàn bà chạy cá tươi từ dưới biển lên. Họ chạy thành từng đám dăm bảy mụ, mười mụ, mụ nào cũng cao lớn như hộ pháp, váy mụ nào mụ nấy bị xé gần tới đầu gối, yếm áo phơi tả, mà phần lớn ở trần, mồ hôi nhẩy ra, họ vừa chạy vừa la hét dẹp đường, vũ khí tấn công cũng như tự vệ là cặp khuỷu tay lúc nào cũng chìa ra hai bên...

Lão Khúng cố ý tránh xa đám đàn bà "kẻ biển" đang say sưa "chạy cá". Lão sợ trong đả chạy đám "liều yếu đào tơ" ấy có thể vô ý xô đổ cái xe bò chở củi lẫn chè xanh chất cao ngất ngưỡng, lại chỉ có một mình lão đang ra sức kéo về phía bên kia cầu. Chẳng biết làm thế nào khác hơn là cứ lẻo đẻo theo sát một chiếc xe tải chở đầy lợn đang tiến về phía trước như người dẫn rệu. Như thế chiếc xe củi được an toàn mà lão đỡ mệt. Dù sao thì cho đến lúc này lão đã thấm mệt. Bởi vì càng tiến gần đến cổng chợ, cái đám người và súc vật trên đường hình như càng trở nên quay cuồng mà mật độ càng lớn. Trong một lúc nào đó lão Khúng đưa cánh tay áo lau dòng mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt và lúc hai con mắt đã sáng sủa hơn, lão nhìn ra hai bên và phía trước, phía sau lão, thấy toàn cả một đám đông đúc xám xịt toàn trâu bò già người ta đập đi chợ để bán thịt. Chung quanh lão y như có ai bày ra cái trò gì để trêu lão? Bất giác lão nhìn sâu vào cặp mắt của một con bò đang mệt nhọc bước đi từng bước ậm ạch, lục cọc ngay sát bên chiếc xe của lão. Đây là một con bò đực ít nhất cũng đã từng sống trên vài chục năm, con vật gần như đã trụi hết lông, yếm chạy sát gối, và đặc biệt hai con mắt toét nhèm của nó nhìn sao mà cứ hướng vào lão - hai con mắt đầy âm thầm và nhẫn nhục của con vật già nua đang bình thản đi đến chỗ chết.

Lão Khúng cố xoay xở lôi chiếc xe củi ra khỏi đám trâu bò

già đem bán thịt.

- Chào ông Khúng! Mời ông quá bộ vào ăn bát phở sốt vang nào!

Lão vừa kéo được chiếc xe ra bên vệ đường, ngược lên đã thấy lấp ló sau hàng cây vông đồng cả một hàng những quây thịt bò treo giăng giăng cứ đồ ối cả một dãy quán phở, người vừa đơn đả mời chào lão Khúng vẫn không ngừng tay thái thịt, lão bí mật quờ tay ra véo vào bên mạn sườn đầy non tơ của cô vợ vừa trẻ vừa đẹp đang đứng ngay phía sau lưng, rồi quay ra đơn đả, mời chào:

- Quá bộ vào làm một bát sốt vang thịt bò tươi với bánh mướt nào ông Khúng! Trâu bò của nhà đi đâu cả mà ông phải gò lưng làm bò kéo xe thế này?

Lão gập lưng kéo chiếc xe đi nhanh qua cái quán phở mà lão chủ quán có quen biết lão từ nhiều năm nay. Nhưng kéo xe qua đoạn phố nào lão cũng chỉ thấy một màu đỏ đầy ghê sợ của những quây thịt bò treo trên những hàng móc sắt. Dân buôn, lái xe, cán bộ đi công tác, khách lai vãng từ Bắc vào hoặc từ phía Nam ra, mấy ai bỏ lỡ cơ hội mua một ít thịt bò tươi ở cái phố huyện nằm ngay trên đường Một, cái thị trấn sầm uất đang khủng hoảng thừa bò cày cũng như bò thịt, thậm chí những người có đầu óc làm ăn kinh doanh của địa phương lại đang còn tính toán hùn vốn mua một hai chiếc xe có thiết bị ướp lạnh. Cái thứ thực phẩm cao cấp ở đây mỗi sáng sớm sẽ được chuyên chở cấp tốc ra Hà Nội hoặc đi các thành phố đang khan hiếm thực phẩm để cung cấp cho các cửa hàng ăn.

Như một kẻ đang chạy trốn một cuộc tàn sát đầy tàn nhẫn, lão Khúng hồi hải kéo chiếc xe cũi sang bên kia cầu. Nhưng bên kia cầu cũng vẫn thấy khắp nơi cái màu đỏ ối của thi thể những con vật kéo cày. Lão rẽ vào một con đường lát đá phiến khắp khênh, đi qua một cái nhà thờ đạo đầy vẻ tĩnh mịch rồi tiếp đến

những dãy bức tường gạch sứ mẻ của nhà kho hợp tác đã bỏ hoang phế. Ngôi trường cấp ba mà con gái lão đang theo học lớp 12 đây rồi, đập ngay vào cảm giác lão là một sự bình yên của không khí nghiêm trang của các lớp đang giờ học, khiến cho lão trở lại bình tâm được đôi chút. Lão kéo chiếc xe củi đi vòng ra phía sau trường, đi qua mấy bãi mạ thì đến khu nhà nội trú của học sinh gia đình ở xa, mấy dãy nhà tranh vách đất đổ nát chả khác nào lán trại của dân công.

Lão Khúng đi thẳng đến trước một gian phòng ở cuối dãy mà lão vẫn quen thuộc, ở đây con gái lão ở chung với mấy cô bạn học lớp dưới. Gian phòng của con lão khoá kín cửa. Lão đang toan dỡ đồng củi xuống trước cửa phòng con gái lão thì tự nhiên lão ngớ ra: Lão vừa nhìn thấy một con bò đang nằm nhai cỏ bên vạt sân bóng chuyền của đám con gái ở bên hồi nhà. Ngay lập tức lão giật nảy mình sực nhận ra đích thị là nó, con khoang đen của nhà lão, cái con khoang đen mà trong đêm khuya khoắt lão đã đích thân dắt vào tận trong rừng thật sâu, rồi lại còn phải dùng roi vọt đánh đập vô cùng tàn nhẫn để xua nó đi về với cuộc sống tự do.

Con vật ngược cặp mắt đầy nhẵn nhụi và sâu nâu lên nhìn lão Khúng. Đó là cái nhìn của một sinh vật tự nguyện chấp nhận số phận. Đứng lặng thinh bên chiếc xe chất đầy củi mà lão đã thay nó toát mồ hôi một mình kéo về được đến đây, lão Khúng cũng chả biết nói gì với con vật, lại càng không thể trách móc, lão chỉ đưa mắt nhìn người bạn làm ăn thân thiết bằng cái nhìn cũng đầy sâu nâu và phiền muộn.

MỤC LỤC

NGUỒN SUỐI	5
NHÀNH MAI	14
LÁ THU VUI	27
NHỮNG VÙNG TRỜI KHÁC NHAU	39
CHUYỆN ĐẠI DỘI	53
NGƯỜI MẸ XÓM NHÀ THỜ	68
MÀNH TRẮNG CUỐI RỪNG	78
BÊN ĐƯỜNG CHIẾN TRANH	96
BỨC TRANH	117
NGƯỜI ĐÀN BÀ TRÊN CHUYẾN TÀU TỐC HÀNH	136
CON GIỒNG	205
MẸ CON CHỊ HÀNG	235
ĐỨA ĂN CẤP	250
SẮM VAI	257
HƯƠNG VÀ PHAI	271
LỮ TRÉ Ở DÂY K	286
DẤU VẾT NGHỀ NGHIỆP	309
BẾN QUÊ	321
CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA	328
MỘT LẦN ĐỔI CHỮNG	348
KHÁCH Ở QUÊ RA	370
SỐNG MÃI VỚI CÂY XANH	403
CỎ LAU	459
MÙA TRÁI CÓC Ở MIỀN NAM	519
PHIÊN CHỢ GIÁT	569

NGUYỄN MINH CHÂU
TRUYỆN NGẮN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 8 294684 - 8 294685 * Fax: (04) 8 294781

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08. 8469858 * Fax: 08. 8483481

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Văn Cừ

Chịu trách nhiệm nội dung:

Nguyễn Thị Hạnh

Biên tập: **Anh Vũ**

Vẽ bìa: **Hải Nam**

Sửa bản in: **Đông Tây**

In 1.000 cuốn, khổ 14.5x20.5cm, tại TTCN In Khảo sát và Xây dựng.
Giấy đăng ký KHXB số 275-2009/CXB/17-22/VH cấp ngày 13/8/2009.
In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2009.

NGUYỄN MINH CHÂU

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

vh

NHA XUẤT BẢN VĂN HỌC



Giá: 86.000đ

Phát hành: Nhà sách Đông Tây - 62 Nguyễn Chí Thanh - Website: www.nhasachdongtay.com.vn